

THE NEW YORK TIMES BESTSELLER

GUILLERMO DEL TORO
CHUCK HOGAN

DI CHỮNG

NHẬT MINH
NGỌC DIỆP
MINH HIẾU
dịch

NHÃ NAM | TRINH THẨM - KINH DỊ

Bác sĩ Ephraim Goodweather chẳng muốn gì hơn một kỳ nghỉ cuối tuần với con trai. Thế nhưng khi được gọi đến điều tra về một chiếc máy bay đột nhiên ngưng hoạt động vài phút sau khi hạ cánh, cả thế giới của anh bỗng chốc đảo lộn. Giờ đây, anh phải đối mặt với một chủng loài cổ xưa nhằm nhe trổ dây thồn tính trái đất. Một trận đại dịch có thể tiêu diệt toàn bộ loài người.

Được xuất bản lần đầu năm 2009 và chuyển thể thành series phim truyền hình ăn khách năm 2014, *Dị Chủng* không những đã trả lại cho những sinh vật bóng đêm chất kinh dị, vốn bị biến tấu và lãng mạn hóa quá mức những năm gần đây, mà còn giúp khôi phục lại một tượng đài của loài ác quỷ khát máu nhất trong những cơn ác mộng của con người.

“Một câu chuyện kinh dị hấp dẫn sẽ khiến bạn rụng tóc gáy. *Dị Chủng* là sự kết hợp giữa Bram Stoker với Stephen King và Michael Crichton. Khó có thể xuất sắc hơn được nữa.”

- NELSON DEMILLE


nhà nam
www.nhanam.vn

Mỗi bản sách giá là giá trị cốt lõi của nhà Nam

Giá: 120.000đ

ISBN 978-604-53-6737-7



8 935235 210905

ĐỊ CHỨNG

Copyright © 2009 by Guillermo Del Toro and Chuck Hogan
All rights reserved.

Published by arrangement with **William Morrow**, an imprint of HarperCollins Publishers.

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: *Strain* của Guillermo Del Toro và Chuck Hogan
Nhà xuất bản Harper

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

GUILLERMO DEL TORO
CHUCK HOGAN

ĐI CHỨNG

NHẬT MINH, NGỌC DIỆP, MINH HIẾU dịch

Dành tặng Lorenza, Mariana và Marisa...

và

tặng tất cả quái vật của tuổi thơ tôi:

Đừng bỏ tôi lại một mình nhé

- **GDT**

Tặng Lila

- **CH**

Truyện thuyết về Jusef Sardu

“Ngày xưa ngày xưa,” bà của Abraham Setrakian nói, “có một người khổng lồ.”

Đôi mắt cậu nhóc Abraham sáng lên, và món xúp củ cải đường trong chiếc bát gỗ lập tức trở nên ngon lành hơn, hoặc ít ra cũng ít vị tồi hơn. Nó là một cậu bé xanh xao, còi xương và ốm yếu. Bà của nó, với mong muốn vô béo đừa cháu, ngồi đối diện trong khi nó ăn xúp, mua vui cho nó bằng một câu chuyện.

Một *bubbeh meiseh*, “câu chuyện của bà”. Một câu chuyện cổ tích. Một truyện thuyết.

“Anh là con trai của một nhà quý tộc người Ba Lan. Tên anh là Jusef Sardu. Cậu chủ Sardu cao hơn bất cứ người nào khác. Cao hơn bất cứ mái nhà nào trong làng. Anh phải cúi rạp người xuống mới có thể bước qua bất kỳ cánh cửa nào. Nhưng quá cao chính là một gánh nặng. Một căn bệnh bẩm sinh chứ không phải một phúc lành. Chàng trai ấy đã phải chịu khổ. Cơ bắp của anh không đủ khỏe để nâng đỡ những cái xương dài và nặng. Đôi lúc chỉ nguyên việc bước đi cũng đã khiến anh vô cùng chật vật. Anh dùng một cây gậy dài - dài hơn cả người cháu ấy! - có tay cầm bằng bạc khắc hình đầu sói, gia huy của dòng họ anh.”

“Sao nữa hả bà?” Abraham nói, lúc tạm nghỉ giữa những thìa xúp đầy.

“Số anh là thế, và nhờ đó anh học được cách khiêm tốn,

một đức tính hiếm có đối với một nhà quý tộc. Anh rất giàu lòng trắc ẩn - đối với những người nghèo, những người cần cù, những người bệnh. Anh đặc biệt thân thiết với lũ trẻ trong làng, và những túi quần vừa to vừa sâu của anh - kích cỡ ngang ngửa những bao tải chứa củ cải - căng phồng kẹo và quạ vật. Anh gần như không có tuổi thơ, bởi khi lên tám anh đã cao bằng cha, và khi lên chín thì đã cao hơn ông ta một cái đầu. Sự yếu ớt và kích thước khổng lồ của anh là nỗi hổ thẹn thầm kín đối với người cha. Nhưng cậu Sardu thật ra là người khổng lồ hiền lành và rất được mọi người yêu mến. Người ta nói rằng cậu Sardu tuy cao hơn hết thầy mọi người, nhưng lại không hề đặt mình cao hơn người khác."

Bà gật đầu ra dấu nhắc cậu bé xúc thìa tiếp theo. Nó nhai miếng củ cải đường luộc, thứ thường được gọi là "tim em bé" bởi màu sắc, hình dạng và bộ rễ trông như mao mạch của nó. "Sao nữa hả bà?"

"Anh còn là người yêu thiên nhiên và chẳng hứng thú gì với trò săn bắn tàn bạo; nhưng, bởi anh là một nhà quý tộc, một người đàn ông thuộc tầng lớp cao, nên khi anh mười lăm tuổi, cha và các ông chú đã bắt anh phải đi cùng trong chuyến thám hiểm sáu tuần ở Romania."

"Tới đây hả bà?" Abraham hỏi. "Người khổng lồ đó, anh ta đã tới đây sao?"

"Tới vùng đất Bắc, *kaddishel* ạ. Những khu rừng tối. Đàn ông nhà Sardu không săn lợn rừng, gấu hay nai. Họ săn chó sói, biểu tượng của dòng họ, gia huy của dòng tộc Sardu. Họ săn một loài thú săn mồi. Truyền thuyết nhà Sardu kể rằng nhờ ăn thịt chó sói, đàn ông nhà Sardu sẽ trở nên can đảm và mạnh mẽ, và cha anh tin rằng việc này có thể chữa trị những cơ bắp yếu ớt của con trai mình."

"Sao nữa hả bà?"

"Cuộc hành trình của họ kéo dài, gian khổ, bị thời tiết cản trở khốc liệt, và Jusef đã phải cố gắng hết sức. Trước kia, anh chưa từng rời khỏi ngôi làng của mình, và ánh nhìn của những kẻ xa lạ trên đường khiến anh tủi hổ. Khi họ đặt chân tới khu

rừng tối, cả cánh rừng dường như sống dậy quanh anh. Những đàn thú lang thang giữa rừng trong đêm, giống như trốn chạy khỏi nơi ẩn náu, hang hay tổ của chúng. Nhiều thú đến độ những tay thợ săn chẳng thể chộp mắt trong trại của họ. Một số muốn rời trại, nhưng nỗi ám ảnh của ông Sardu quan trọng hơn hết thảy. Họ có thể nghe thấy tiếng sói tru trong đêm, và ông Sardu rất muốn kiếm một con cho đứa con trai của mình, đứa con duy nhất, đứa con mà vóc dáng khổng lồ của nó chính là một căn bệnh trong gia tộc Sardu. Ông muốn giải trừ lời nguyền này khỏi dòng họ Sardu, gả vợ cho con trai, rồi có được những người thừa kế khỏe mạnh.

“Và bởi vậy nên, chính người cha ấy, vì lần theo vết một con sói, đã trở thành người đầu tiên tách khỏi đoàn, ngay trước chập tối ngày thứ hai. Những người còn lại đợi ông cả đêm và tản ra tìm ông sau bình minh. Tối hôm đó, một trong những người anh họ của Jusef cũng không trở về. Và cứ thế, cứ thế.”

“Tiếp theo thế nào hả bà?”

“Cho tới khi chỉ còn lại Jusef, người khổng lồ trẻ tuổi. Ngày hôm sau, anh lên đường, và trong một khu vực đã từng được tìm kiếm trước đó, Jusef thấy thi thể cha cùng các chú và anh em họ của mình, nằm trước lối vào của một hang động dưới lòng đất. Sọ của bọn họ bị nghiền nát bởi một lực lớn, nhưng họ không bị ăn thịt, họ bị giết bởi một con quái thú với sức mạnh khủng khiếp, nhưng không phải để ăn hay để tự vệ. Chẳng hiểu sao, anh cứ cảm thấy mình đang bị theo dõi, thậm chí có lẽ bị nghiền cứu, bởi thứ sinh vật nào đó đang ẩn nấp trong cái hang tối này.

“Cậu Sardu lần lượt mang các xác chết ra khỏi hang để chôn cất. Tất nhiên, nỗ lực ấy đã làm suy yếu và tước đi gần như toàn bộ sức lực của anh. Anh mệt lử, kiệt sức. Tuy nhiên, mặc dù đơn độc, hoảng sợ và mệt lả, đêm đó anh vẫn trở lại cái hang, để đối mặt với ác thú đang ẩn náu trong bóng tối, để báo thù cho gia đình hoặc chết trong lúc nỗ lực báo thù. Điều này được viết trong cuốn nhật ký của anh, được tìm thấy trong rừng nhiều năm sau đó. Nó là những lời cuối cùng của anh.”

Abraham há hốc miệng. “Nhưng chuyện gì đã xảy ra hả bà?”

“Chẳng ai thật sự biết cả. Trong khi đó, tại quê hương họ, khi sáu tuần, tám tuần, rồi mười tuần trôi qua mà vẫn không có bất cứ tin tức nào, người ta sợ rằng toàn bộ đội săn đã mất tích. Một nhóm tìm kiếm được lập ra nhưng không có kết quả gì. Thế rồi, vào tuần thứ mười một, một đêm nọ, một cỗ xe ngựa che kín rèm xuất hiện trước lãnh địa nhà Sardu. Đó chính là cậu chủ trẻ. Anh giam mình trong lâu đài, trong dãy phòng ngủ trống, và hiếm khi, hoặc gần như không bao giờ, có ai trông thấy anh nữa. Hồi đó, theo chân anh quay trở lại chỉ có các tin đồn, về những gì đã xảy ra tại khu rừng Romania ấy. Vài kẻ tự nhận đã bắt gặp Sardu - nếu có thể tin bất cứ ai trong số đó - khẳng định anh đã được chữa khỏi căn bệnh yếu đuối. Vài người thậm chí còn thì thào rằng anh trở về mang theo sức mạnh phi thường, xứng với kích thước siêu nhân của mình. Tuy nhiên nỗi đau thương của Sardu trước cái chết của cha, chú và những người anh em họ sâu nặng đến nỗi không ai bắt gặp anh vào ban ngày, và anh đã đuổi việc gần hết người hầu. Lâu đài vẫn có hoạt động vào buổi tối - có thể thấy ánh lửa lò sưởi sáng rực qua các ô cửa sổ - nhưng qua thời gian, lâu đài nhà Sardu dần trở nên xập xệ.

“Nhưng ban đêm... có người khẳng định đã nghe tiếng người khổng lồ đi loanh quanh trong làng. Đặc biệt, bọn trẻ kháo nhau chúng vẫn nghe thấy âm thanh *cộc-cộc-cộc* phát ra từ cây gậy chống của anh, cây gậy Sardu không còn dùng để tựa vào nữa mà đã biến thành công cụ cho anh dụ lũ trẻ ra khỏi giường ngủ để nhận quà vật. Người nào không tin sẽ được dẫn đến chỗ những cái lỗ trên mặt đất, một số ở ngay ngoài cửa sổ phòng ngủ, những dấu chọc nhỏ như thể được tạo ra từ cây gậy có tay cầm tạc đầu sói của anh.”

Đôi mắt bà tối sầm lại. Bà liếc cái bát của thằng bé và nhận thấy xúp đã voi gần hết.

“Sau đó, Abraham à, một số đứa trẻ nông dân bắt đầu mất tích. Những lời đồn về nhiều vụ mất tích trẻ con tương tự ở các làng lân cận cũng bắt đầu lan ra. Thậm chí cả ở làng của bà. Đúng vậy, Abraham à, bà của cháu đã lớn lên ở nơi chỉ cách

lâu đài Sardu nửa ngày đi bộ. Bà nhớ có hai chị em. Xác họ được tìm thấy tại một khoảng rừng thưa, trắng bệch như màu tuyết quanh người họ, đôi mắt mở to mờ đục vì sưng giá. Một đêm, chính bà cũng nghe thấy tiếng *cộc-cộc-cộc* rất gần - âm thanh mạnh mẽ, nhịp nhàng - khiến bà phải vội trùm kín chăn lên đầu để khỏi nghe thấy nó, và tận mấy ngày sau vẫn không ngủ lại được."

Abraham nuốt chửng hồi kết của câu chuyện cùng với phần xúp còn lại.

"Dần dần phần lớn khu làng của Sardu bị bỏ hoang và trở thành một nơi bị nguyên rủa. Khi đoàn tàu của người Digan đi qua làng của bà, họ kể về những chuyện bí ẩn đã xảy ra, về những ma hồn quỷ ám gần lâu đài. Về một người khổng lồ đi vợ vẫn dưới ánh trăng như một vị thần của đêm. Chính họ đã răn dạy bọn bà, 'Liệu mà mau ăn chóng lớn, bằng không Sardu sẽ bắt người đi đấy.' Bởi vậy nó mới quan trọng như vậy, Abraham à. *Ess gezunterhait!* Ăn cho khỏe. Giờ thì vét sạch cái bát đi. Bằng không, Sardu sẽ đến đấy." Bà đã quay trở về hiện thực sau một hồi âm đàm, suy tưởng vừa rồi. Đôi mắt bà lại tràn trề sức sống. "*Sardu sẽ tới đấy. Cộc-cộc-cộc.*"

Cuối cùng thằng bé cũng xong xuôi, vét sạch từng cọng rễ củ cái đường cuối cùng. Chiếc bát sạch trơn và câu chuyện đã kết thúc, nhưng dạ dày và tâm trí nó thì đầy ụ. Bà hài lòng khi thấy nó ăn như thế và nhìn nó với vẻ yêu thương lộ rõ trên nét mặt. Trong những khoảnh khắc riêng tư ấy bên chiếc bàn ăn gia đình xập xệ, họ vừa trò chuyện, hai bà cháu với nhau, vừa chia sẻ những món ăn tinh thần.

Một thập kỷ sau, gia đình Setrakian phải rời bỏ xưởng mộc và ngôi làng của họ, tuy nhiên không phải tại Sardu. Một sĩ quan người Đức trú tại nhà họ, và anh ta, cảm động bởi tấm lòng nhân ái của những người chủ nhà, bởi đã cùng san sẻ bữa ăn trên chính chiếc bàn xập xệ ấy, một tối kia đã cảnh báo họ đừng tập trung tại ga tàu vào ngày hôm sau theo lệnh, mà phải rời khỏi nhà khỏi làng ngay trong đêm ấy.

Họ đã nghe theo, toàn thể gia đình mấy thế hệ - tám người cả thảy - di chuyển tới một vùng quê, mang theo tất cả những gì có thể. Người bà làm họ đi chậm lại. Tệ hơn - bà *biết* điều đó, *biết* rằng bà làm chậm hành trình của mọi người, rằng sự hiện diện của bà đặt cả gia đình vào thế nguy hiểm, và thảm nguyện rửa bản thân cùng đôi chân già nua, mệt mỏi của mình. Cuối cùng, mọi thành viên còn lại trong gia đình đều đi trước, tất cả trừ Abraham - giờ đã trở thành một chàng trai khỏe mạnh đầy triển vọng, một thợ chạm khắc tài ba ở độ tuổi còn rất trẻ, một học giả về đạo Do Thái, có mối quan tâm đặc biệt đối với Zohar⁽¹⁾ và những bí ẩn về chủ nghĩa thần bí Do Thái - anh đã ở lại, bên bà. Khi nghe tin những người khác đã bị bắt tại thị trấn kế bên và phải lên tàu tới Ba Lan, bà của anh, trĩu nặng mặc cảm tội lỗi, nhất quyết rằng vì Abraham, bà sẽ tự nộp mình.

“Chạy đi, Abraham. Hãy chạy khỏi Đức Quốc Xã. Chạy khỏi Sardu. *Hãy trốn đi.*”

Nhưng anh không nghe. Anh không chịu rời xa bà.

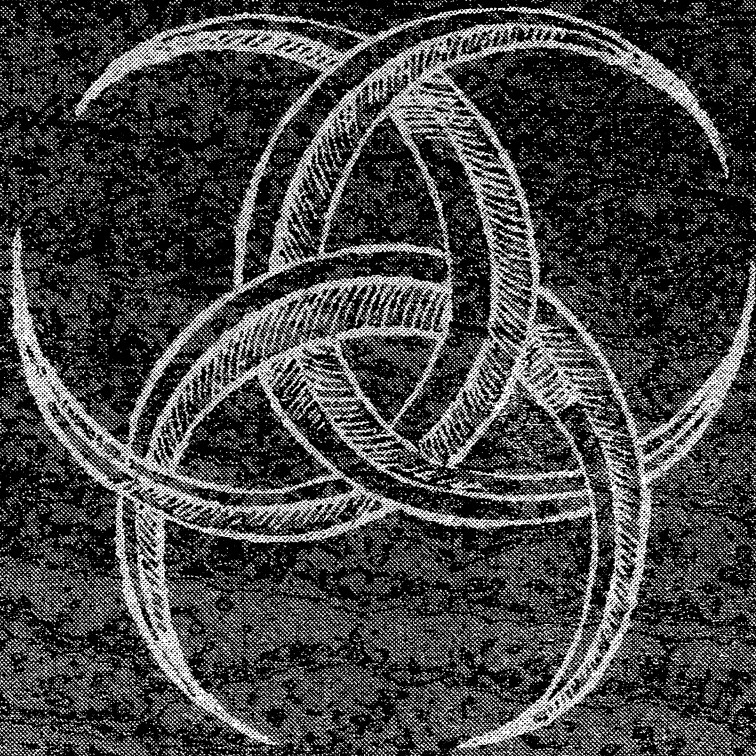
Đến sáng, anh thấy bà nằm trên sàn căn phòng hai bà cháu ở chung - trong nhà một nông dân tốt bụng; bà đã ngã xuống trong đêm, môi thâm đen nứt nẻ, phần da nơi cổ họng cũng hóa đen, chết vì ăn bả thú. Với sự cho phép nhân từ của gia đình chủ nhà, Abraham Setrakian chôn cất bà dưới gốc cây bạch dương rộ hoa. Anh kiên nhẫn khắc cho bà một tấm bia bằng gỗ thật đẹp, với đầy hoa và chim cùng tất cả những thứ khiến bà cảm thấy hạnh phúc nhất. Và anh khóc nức nở - rồi sau đó anh chạy.

Anh guồng chân chạy trốn quân phát xít Đức, tiếng *cộc-cộc* không ngừng vang lên sau lưng...

Và ác quỷ bám theo sát nút.

1. Tài liệu về thuyết thần bí Do Thái cổ đại.

KHỞ ĐẦU



Ghi âm buồng lái N323RG

Trích đoạn, báo cáo từ NTSB⁽¹⁾, chuyến bay 753, từ Berlin (TXL) đến New York (JFK), 24/9/10:

2049:31 [Hệ thống phát thanh BẬT]

Cơ trưởng Peter J. Moldes: “Chào quý khách, tôi là cơ trưởng Moldes tại buồng lái. Chúng ta sẽ hạ cánh trong vài phút nữa theo đúng lịch trình. Thay mặt cơ phó Nash và phi hành đoàn, tôi xin được cảm ơn quý khách vì đã chọn hãng hàng không Regis, rất mong lại được sớm bay cùng quý khách...”

2049:44 [Hệ thống phát thanh TẮT]

Cơ trưởng Peter J. Moldes: “... có thể chúng ta mới giữ việc được chú.” [tiếng cười trong buồng lái]

2050:01 Trạm kiểm soát không lưu New York (JFK): “Regis 7-5-3 hạ tầng nặng, sang trái, hướng 1-0-0. 13R trống, có thể hạ cánh.”

Cơ trưởng Peter J. Moldes: “Regis 7-5-3 hạ tầng nặng, rẽ trái, 1-0-0, hạ cánh trên đường băng 13R, đã rõ.”

2050:15 [Hệ thống phát thanh BẬT]

Cơ trưởng Peter J. Moldes: “Đội tiếp viên, chuẩn bị hạ cánh.”

1. National Transportation Safety Board: Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia Mỹ.

[16] GUILLERMO DEL TORO - CHUCK HOGAN

2050:18 [Hệ thống phát thanh TẮT]

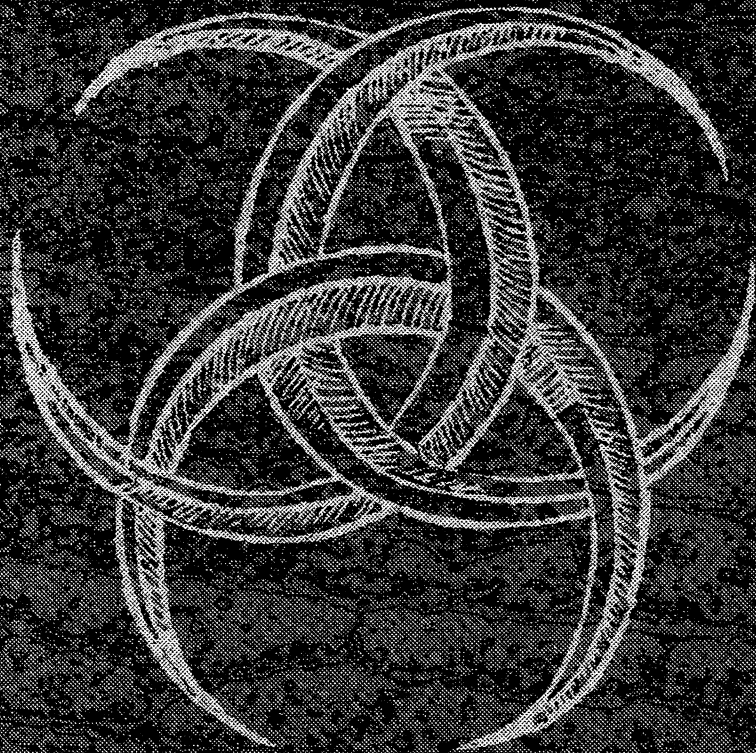
Cơ phó Ronal W. Nash: “Càng hạ cánh sẵn sàng.”

Cơ trưởng Peter J. Moldes: “Về nhà lúc nào cũng tuyệt...”

2050:41 [Tiếng va đập mạnh. Tụ âm. Âm thanh chói tai.]

LIÊN LẠC CẮT

HẠ CÁNH



Tháp không lưu quốc tế JFK

Đĩa ra đĩa, người ta gọi vậy. Rực một màu xanh đơn sắc (hơn hai năm nay, JFK vẫn đang chờ để được thay màn hình màu mới), như bát xúp đậu dính thêm mỡ chữ cái đặng sau những đốm sáng mã hóa. Mỗi đốm sáng tượng trưng cho hàng trăm sinh mệnh, hay *linh hồn*, theo cách gọi của ngôn ngữ hàng hải cổ mà ngày nay ngành hàng không vẫn dùng.

Hàng trăm linh hồn.

Có thể đó là lý do mọi nhân viên kiểm soát không lưu đều gọi Jimmy Mendes là “Giám mục Jimmy”. Giám mục là nhân viên kiểm soát không lưu duy nhất đã đứng nhiều hơn ngời suốt cả ca làm tám tiếng, cầm cây bút chì HB đi tới đi lui, đàm thoại với các máy bay thương mại tới New York từ đài không lưu cao 97,84 mét so với Sân bay Quốc tế John F. Kennedy, giống như một chàng chăn cừu đang chăm sóc đàn cừu của mình. Anh dùng đầu tẩy màu đỏ để hình dung cái máy bay đang nằm dưới sự điều khiển của mình và mừng tượng ra khoảng cách tương đối giữa hai máy bay, chứ không hoàn toàn dựa vào màn hình ra đĩa hai chiều.

Trên đó hàng trăm linh hồn đang bíp bíp, từng giây một.

“United 6-4-2, rẽ phải hướng 1-0-0, lên độ cao một nghìn rưỡi.”

Nhưng ta chẳng thể nghĩ như vậy khi ta ở trên đĩa ra đĩa. Ta chẳng thể chăm chăm nhìn mọi linh hồn đã đặt số phận của mình vào mệnh lệnh của ta: những con người bị nhét bên trong

những cỗ máy có cánh lao vùn vụt trên không cách mặt đất hàng nghìn mét. Ta chẳng thể nào bao quát hết được: mọi máy bay nằm trên đĩa của ta, và mọi kiểm soát viên đang rì rầm các cuộc đàm thoại mã hóa qua tai nghe xung quanh ta, và mọi máy bay trên các đĩa ra đi của họ, và tháp không lưu của sân bay LaGuardia lân cận... và mọi tháp không lưu ở mọi sân bay trên mọi thành phố Mỹ... và trên toàn thế giới...

Calvin Buss, giám đốc khu vực không lưu và là sếp trực tiếp của Giám mục Jimmy, xuất hiện ngay sau lưng anh. Ông quay trở lại sớm sau giờ nghỉ giải lao, thật ra miệng vẫn đang nhai thức ăn, "Tình hình Regis 7-5-3 thế nào rồi?"

"Regis 7-5-3 đã hạ cánh." Giám mục Jimmy liếc mắt qua đĩa ra đi để xác nhận. "Đang tiến đến cổng." Anh kiểm tra bảng phân công, dò tìm chiếc 7-5-3. "Sao vậy?"

"Ra đi giám sát mặt đất cho thấy ta có một máy bay đang đứng bất động ở Foxtrot."

"Ở đường lăn sao?" Jimmy kiểm tra lại đĩa ra đi lần nữa để chắc chắn các bộ thu phát đều hoạt động bình thường, rồi mở lại kênh DL753. "Regis 7-5-3, đây là tháp không lưu JFK, hết."

Không động tĩnh. Anh thử lại.

"Regis 7-5-3, đây là tháp không lưu JFK, hãy trả lời, hết."

Anh chờ đợi. Không động tĩnh, thậm chí chẳng một tiếng lạo xạo từ radio.

"Regis 7-5-3, đây là tháp không lưu JFK, nghe rõ trả lời, hết."

Một trợ lý lưu thông xuất hiện ngay phía sau Calvin Buss. "Hay hệ thống liên lạc trực trực?" anh ta gợi ý.

"Lỗi cơ khí hiển nhiên thì đúng hơn." Calvin Buss đáp. Nghe nói cái máy bay đó tối om."

"Tối om?" Giám mục Jimmy thốt lên, kinh ngạc trước một vụ thoát hiểm trong gang tấc, cái máy bay dính lỗi cơ khí hiển nhiên chỉ vài phút sau khi hạ cánh. Anh tự nhủ là trên đường về nhà sẽ dừng lại đánh con số 753 cho ngày mai.

Calvin cầm tai nghe của mình vào cổng âm thanh trên thiết bị liên lạc của Jimmy. "Regis 7-5-3, đây là tháp không lưu JFK, xin trả lời. Regis 7-5-3, đây là tháp không lưu, hết."

Chờ đợi, lắng nghe.

Không động tĩnh.

Giám mục Jimmy theo dõi các đốm sáng còn chưa được xử lý trên đĩa ra đa - không có cảnh báo va chạm, toàn bộ máy bay của anh đều ổn. "Tốt hơn hết chúng ta nên cảnh báo tránh đường lẫn Foxtrot," anh nói.

Calvin rút dây tai nghe và lùi lại. Ánh mắt ông xa xăm, nhìn qua bàn điều khiển của Jimmy hướng ra bên ngoài cửa sổ ca bin tòa tháp, về phía đường lẫn. Trông ông đầy bối rối lẫn lo lắng. "Chúng ta cần dọn quang Foxtrot." Ông quay sang người trợ lý lưu thông. "Cử ai đó kiểm tra đi."

Giám mục Jimmy bấu tay vào bụng, chỉ mong sao có thể thò tay vào trong xoa dịu cảm giác nhộn nhạo đang cuộn lên. Nghề của anh, về cơ bản, chính là công việc đỡ đở. Anh hỗ trợ các phi công đưa những cái máy bay chở đầy linh hồn an toàn rời khỏi dạ con không trung để đến với mặt đất. Giờ anh thấy nhói lên cảm giác sợ hãi, như một bác sĩ trẻ lần đầu đỡ đở một đứa bé chết non.

Thêm đế máy bay nhà ga số 3

LORENZA RUIZ đang trên đường lái một xe băng tải hành lý, về cơ bản là một hệ thống thủy lực được lắp đặt trên các bánh xe, tới cổng ra máy bay. Không thấy chiếc 753 xuất hiện ở góc đường như dự kiến, Lo bèn lái xe băng tải ra xa hơn để ngó nghiêng xem sao, dù gì thì cũng sắp tới giờ nghỉ của cô. Cô đeo tai nghe chống ồn, mặc áo trùm đầu Mets bên trong áo gi lê phản quang, đeo kính bảo hộ - cái thứ bụi đường băng đó quả là đồ chết tiệt - cùng một cây dùi cui điều khiển giao thông màu cam đặt cạnh hông cô, trên ghế ngồi.

Cái quái gì vậy?

Cô tháo kính ra như thể phải nhìn bằng mắt thường mới được. Nó đây rồi, một chiếc Regis 777, một bé bự, một trong những thành viên mới của đoàn phi cơ, đang nằm im lìm trên

đường lẫn Foxtrot trong bóng tối. Bóng tối *tuyệt đối*, thậm chí đến cả đèn tín hiệu ở đầu cánh. Tất cả những gì cô nhìn thấy là bề mặt hình ống nhẵn nhụi của thân máy bay cùng đôi cánh lờ mờ sáng dưới ánh đèn hiệu hạ cánh của những máy bay đang tới gần. Một trong số chúng, chiếc Lufthansa 1567, vừa kịp dừng lại khi càng hạ cánh chỉ cách mặt đất ba chục phân.

"Lạy Chúa!"

Cô gọi về báo cáo.

"Chúng tôi đang trên đường tới rồi," sắp cô nói. "Phía đài quan sát muốn cô lái xe băng tải ra đó kiểm tra."

"Tôi ư?" Lo nói.

Cô cau mày. Cái giá cho sự tò mò đấy. Vậy là cô lái xe dọc theo làn đường phục vụ, rời xa khỏi nhà ga hành khách, băng qua những đường lăn được sơn trên thềm đế máy bay. Cô hơi lo lắng, và rất thận trọng, vì chưa từng ra xa đến thế, FAA⁽¹⁾ có các quy tắc nghiêm ngặt về phạm vi hoạt động của các xe moóc chở hành lý và xe băng tải.

Cô băng qua những chiếc đèn hiệu xanh bên rìa đường lăn. Cái máy bay có vẻ như đã bị tắt máy hoàn toàn, từ đầu đến đuôi. Không ánh đèn pha, không ánh đèn hiệu, không một ánh đèn bên trong cửa sổ buồng lái. Thông thường, thậm chí từ dưới mặt đất cách tầm chín mét, qua phần kính chắn gió nhỏ xíu như hai con mắt nghiêng nghiêng trên phần mũi rất đặc trưng của chiếc Boeing, ta vẫn có thể nhìn xuyên vào bên trong buồng lái, thấy bảng điều khiển phía trên cùng các đèn báo phát ánh sáng đỏ như trong buồng tối. Nhưng lúc này đây không có bất cứ ánh đèn nào.

Lo đứng lạng cách đầu cánh trái máy bay tầm chục mét. Khi đã làm việc trên thềm đế máy bay đủ lâu - tính đến giờ Lo đã trong nghề tám năm, lâu hơn cả hai cuộc hôn nhân của cô gộp lại - ta sẽ học được chút này chút kia. Các cánh tà sau và cánh liệng, các cánh tà lưng nằm trên phần phía sau lưng cánh,

1. Federal Aviation Administration: Cục Quản lý Hàng không Liên bang Mỹ.

tất cả đều dựng thẳng đứng như Paula Abdul⁽¹⁾ - các phi công luôn đặt chúng như vậy sau khi hạ cánh xuống đường băng. Các động cơ phản lực im lìm; thường thì sau khi tắt, chúng vẫn phải mất một lúc mới có thể ngừng ngấu ngiến không khí và nuốt sạch đám bụi bẩn cùng lũ côn trùng như một cỗ máy hút chân không háu đói. Vậy là bé bự này không những đã đến đây gọn gàng rồi đáp xuống ngon lành mà còn lăn bánh được xa chừng này, trước khi... *tắt phụp*.

Đáng lo ngại hơn, nếu nó đã hạ cánh an toàn, vậy thì cho dù biến cố có là gì đi nữa thì nó cũng chỉ có thể xảy ra trong khoảng hai ba phút. *Biến cố gì mà lại có thể nhanh đến thế?*

Lo tiến lại gần hơn chút nữa, lái tới khu vực dưới cánh. Nếu những động cơ phản lực kia bất thành linh khởi động lại, cô chẳng muốn bị hút vào trong và tan xác như bọn ngỗng trời Canada chút nào. Cô lái đến gần khoang hành lý, khu vực cô quen thuộc nhất trên máy bay, tiến về phía đuôi rồi dừng lại bên dưới cửa thoát hiểm sau. Cô khóa phanh và chỉnh cần để nâng băng tải lên độ cao tối đa, nghiêng một góc tầm ba mươi độ. Chưa đủ, nhưng cũng ổn. Cô bước ra, với tay về phía sau lấy chiếc dùi cui và bước ngược lên băng tải tiến về phía cái máy bay chết đó.

Chết ư? Sao cô lại nghĩ thế nhỉ? Thứ này chưa từng sống...

Nhưng trong một thoáng, Lorenza tưởng tượng ra một cái xác khổng lồ, đang mục rữa, một con cá voi mắc cạn. Trong mắt cô, cái máy bay giống như thế đó: một cái xác đang thối rữa, một con thủy quái đang hấp hối.

Gió lặng đi khi cô lên gần tới đầu băng tải, và có một điều cần biết về thời tiết tại thềm đế máy bay của JFK: gió không bao giờ lặng. *Tuyệt đối không bao giờ*. Thềm đế máy bay *luôn luôn* lộng gió, vừa có các máy bay bay vào lại vừa có vùng đầm lầy ngập mặn và Đại Tây Dương chết tiệt nằm ngay phía bên kia bán đảo Rockaway. Nhưng đột ngột, nó trở nên hoàn toàn yên

1. Nữ ca sĩ nổi tiếng người Mỹ, có một ca khúc mang tên *Straight Up* - tạm dịch *Hãy đứng thẳng lên*.

ắng - yên ắng đến nỗi Lo phải gỡ cái tai nghe có lớp đệm dày cộm ra cho chắc chắn. Cô tưởng như nghe thấy tiếng thỉnh thoảng vọng ra từ bên trong máy bay, nhưng rồi nhận ra đó chính là tiếng tim mình đập. Cô bật đèn pin lên, chìa về phía sườn phải máy bay.

Theo hướng ánh đèn tròn, cô có thể nhìn ra thân máy bay vẫn còn trơn mượt và bóng loáng do vừa hạ cánh, có mùi như mưa xuân. Cô chiếu đèn vào hàng dài những ô cửa sổ. Mọi tấm màn che cửa sổ đều được hạ xuống.

Lạ thật đấy. Giờ cô thấy rợn người. Rợn người thực sự. Chẳng khác gì một người lùn khi đối diện với cỗ máy biết bay khổng lồ nặng 383 tấn đáng giá 250 triệu đô la, cô đột nhiên có một cảm giác dù thoáng qua nhưng rõ rệt và ớn lạnh rằng cô đang đứng trước một con dã thú mang hình dáng của loài rỗng. Một con quái vật đang ngủ nhưng thật ra chỉ *vờ như* đang ngủ, có thể mở mắt và há cái miệng khủng khiếp của mình ra bất cứ lúc nào. Một khoảnh khắc tê liệt, một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng khiến cô bị kích động cực điểm, toàn thân như đông cứng.

Rồi cô nhận ra lúc này một tấm màn che đã được kéo lên. Những sợi tóc tơ ngứa ran lên sau gáy, cô bèn đưa tay lên xoa dịu chúng, như đang dỗ dành một con thú cưng đang bồn chồn hốt hoảng. Khi này cô đã không để ý đến khung cửa đó. Nó vốn được kéo lên từ trước rồi - vốn từ trước đã thế rồi.

Chắc vậy...

Bên trong máy bay, bóng tối xao động. Và Lo cảm thấy như có thứ gì đó đang quan sát cô từ bên trong.

Cô rên lên, hết như một đứa con nít, nhưng cô chẳng thể kiềm chế được. Toàn thân cô tê liệt. Máu cô chạy rần rật, cuộn trào lên như bị ai đó điều khiển, thít chặt cổ họng cô...

Và cô chợt hiểu ra, một cách chắc chắn: *thứ gì đó ở bên trong kia sẽ ăn thịt cô...*

Gió lớn lại nổi lên, như thể chưa từng ngừng lại, và Lo không cần đợi thêm bất kỳ sự thúc giục nào nữa. Cô thoái lui về phía đầu kia băng tải, nhảy vọt vào trong buồng lái và cho nó

chạy lùi, trong khi chuông báo vẫn kêu bíp bíp và bảng tải vẫn đang được nâng lên cao. Một chiếc đèn xanh trên đường lăn bị nghiêng lạo xạo dưới bánh xe khi cô tăng tốc, lấn cả lên bãi cỏ, hướng về phía những ánh đèn đang tiến lại gần của nửa tá xe cứu hộ.

Tháp không lưu quốc tế JFK

CALVIN BUSS đã đổi sang một bộ điện đàm khác và giờ đang ra các mệnh lệnh theo cuốn sách hướng dẫn của FAA về các vụ xâm nhập đường lăn. Mọi chuyến bay đến và đi trong không phận bán kính tám ki lô mét quanh JFK đều phải tạm hoãn. Việc này khiến cho tổng số máy bay lượn vòng chờ hạ cánh tăng lên đáng kể. Calvin hủy giờ nghỉ và yêu cầu mọi nhân viên kiểm soát không lưu đang trong ca trực đều phải cố gắng bắt liên lạc với chuyến 753 trên mọi tần số hiện có. Tháp không lưu JFK gần như rơi vào một tình trạng hỗn loạn mà Giám mục Jimmy chưa từng thấy bao giờ.

Người bên Quản lý Cảng - những gã mặc vest làu bàu vào bộ đàm Nextel - túm lại sau lưng anh. Chẳng bao giờ là một dấu hiệu tốt. Thật nực cười vì con người ta cứ tự nhiên tụ lại với nhau mỗi khi phải đối mặt với những vấn đề không thể giải thích.

Giám mục Jimmy thử gọi một lần nữa, nhưng không ích lợi gì.

Một gã mặc vest hỏi anh, "Có tín hiệu không tặc không?"

"Không," Giám mục Jimmy nói. "Không có gì cả."

"Không có báo động cháy?"

"Dĩ nhiên là không."

"Không có báo động từ cửa buồng lái?" một gã khác lên tiếng.

Giám mục Jimmy nhận thấy họ đã vào đến giai đoạn "những câu hỏi ngu ngốc" trong quy trình điều tra. Anh bèn huy động sự kiên nhẫn và óc suy xét, những thứ đã giúp anh

trở thành một nhân viên kiểm soát không lưu giỏi. “Nó tiến vào một cách êm thấm và hạ cánh ngon lành. Regis 7-5-3 xác nhận lệnh chỉ định cổng và rẽ khỏi đường băng. Tôi bèn tắt ra đa và chuyển nó sang ASDE⁽¹⁾.”

Phủ một tay trên micro tai nghe cá nhân, Calvin nói, “Có thể phi công buộc phải tắt máy?”

“Có thể,” Giám mục Jimmy nói. “Hoặc cũng có thể nó đã tự tắt.”

Một tên lên tiếng, “Vậy tại sao họ không mở cửa?”

Giám mục Jimmy cũng đang đau đầu về vấn đề này. Hành khách, theo lệ thường, chắc chắn sẽ không ngồi yên quá một phút so với yêu cầu. Tuần trước, một chiếc jetBlue từ Florida suýt chút nữa đã phải chịu một cuộc nổi loạn, và chuyện chỉ vì *vài chiếc bánh mì thiu*. Còn ở đây, những người này vẫn ngồi yên trong, bao lâu nhỉ... có lẽ mười lăm phút. Hoàn toàn trong bóng tối.

Giám mục Jimmy nói, “Bên trong đó hẳn đã bắt đầu nóng lên. Nếu điện bị ngắt, hệ thống tuần hoàn gió bên trong sẽ không hoạt động. Không có thông gió.”

“Vậy họ đang chờ cái quái gì vậy?” một gã khác hỏi.

Giám mục Jimmy nhận thấy mọi người đều càng lúc càng bất an. Cái cảm giác sôi ruột khi ta nhận thấy chuyện gì đó sắp xảy ra, chuyện gì đó rất, rất không ổn.

“Lỡ như họ không thể di chuyển?” anh lẩm bẩm trước khi kịp ngăn mình lại.

“Một vụ bắt giữ con tin hả? Có phải ý anh là thế không?” một gã hỏi.

Giám mục gật đầu lặng lẽ... nhưng anh không nghĩ vậy. Không rõ vì sao, điều duy nhất anh có thể nghĩ tới... *những linh hồn*.

1. Airport Surface Detection Equipment (Thiết bị bảo vệ bề mặt sân bay) cung cấp cho người quản lý các hiển thị theo màu sắc trên bản đồ để làm nổi bật vị trí của máy bay và các phương tiện giao thông trên đường băng cũng như đường lăn, cho phép nhân viên kiểm soát không lưu đảm bảo an toàn, tránh xảy ra va chạm máy bay trên mặt đất.

Đường lăn Foxtrot

ĐỘI CỨU HỎA - cứu hộ máy bay của Cơ quan Quản lý Cảng xuất hiện theo đội hình cơ bản giải cứu máy bay dân dụng, sáu xe bao gồm xe phun bột chữa cháy, xe bơm và xe thang. Họ dừng lại bên xe băng tải hành lý mắc kẹt trước hàng đèn xanh bên rìa Foxtrot. Đội trưởng Sean Navarro trong trang phục cứu hỏa đội mũ bảo hiểm nhảy khỏi bậc để chân phía đằng sau xe thang, đứng trước cái máy bay chết. Ánh đèn xe cứu hộ nhấp nháy rơi vào thân máy bay, như thể nhuộm lên nó đường nhịp mạch màu đỏ. Trông nó như một cái máy bay không người được chuẩn bị cho một cuộc diễn tập vào ban đêm.

Đội trưởng Navarro bước về phía đầu xe và trèo vào ca bin cùng tài xế, Benny Chufer. "Gọi đội bảo trì dẹp hết đám đèn sân khấu này đi. Rồi đỗ xe ở đằng sau cánh."

Benny nói, "Nhưng chúng ta được lệnh phải chờ mà."

Đội trưởng Navarro nói, "Đó là một cái máy bay chở đầy hành khách. Chúng ta không được trả lương để làm cảnh. Chúng ta được trả lương để cứu người."

Benny nhún vai, làm theo lời đội trưởng. Đội trưởng Navarro ra khỏi ca bin, trèo lên nóc xe, và Benny nâng thang lên cao, vừa đủ cho ông leo lên trên cánh máy bay. Đội trưởng Navarro bật đèn pin và bước lên mép sau giữa hai cánh tà đang dựng đứng, giày của ông giẫm đúng vị trí in một dòng chữ đen đậm KHÔNG BƯỚC LÊN ĐÂY.

Ông đi men theo dải cánh rộng, ở trên cao cách đường lăn chừng sáu mét. Ông tiến tới cửa thoát hiểm cánh, cửa duy nhất trên máy bay được lắp đặt chốt mở khẩn cấp từ bên ngoài. Có một ô kính nhỏ không bị che trên cánh cửa, và ông ngó vào, cố gắng nhìn xuyên qua những giọt nước ngưng tụ bên trong hai lớp kính dày, nhưng chẳng nhìn thấy gì ngoài bóng tối đen kịt. Trong đó hẳn phải kín như một cái lồng phôi sắt.

Tại sao họ không tri hô cầu cứu? Tại sao ông không nghe thấy bất cứ động tĩnh nào bên trong? Nếu vẫn còn được điều áp, máy bay hẳn kín khí. Những hành khách đó đang cạn dần ô xy.

Với đôi tay đeo găng chống cháy, ông ấn vào hai cái nắp lật màu đỏ và kéo tay nắm cửa ra khỏi hốc chứa. Ông xoay tay nắm cửa theo hướng mũi tên, gần 180 độ, rồi giật mạnh. Cánh cửa đáng lẽ phải bật ra, nhưng nó không mở. Ông lại kéo lần nữa, nhưng ngay lập tức hiểu rằng mình chỉ đang cố gắng vô ích - chẳng có bất kỳ tác dụng nào. Không thể có chuyện cửa bị kẹt từ bên trong. Tay nắm chắc hẳn đã bị kẹt. Hoặc thứ gì đó đang giữ chặt nó từ bên trong.

Ông quay ngược trở lại, tới chỗ đỉnh thang. Ông thấy một cái đèn hiệu màu cam đang xoay tít, một xe trung chuyển đang trên đường chạy ra khỏi nhà ga quốc tế. Khi chiếc xe tiến lại gần hơn, ông thấy nó được lái bởi các nhân viên áo vest xanh của Cơ quan An ninh Vận tải.

"Đây rồi," đội trưởng Navarro lẩm bẩm, bắt đầu leo xuống thang.

Có năm nhân viên, mỗi người lần lượt tự giới thiệu, nhưng đội trưởng Navarro chẳng thèm phí công cố gắng nhớ tên của họ làm gì. Ông đã phải mang theo dụng cụ cứu hỏa và thiết bị phun bột ra máy bay; họ thì mang máy tính và điện thoại di động. Mất một lúc, ông chỉ đứng nghe trong lúc họ nói vào điện thoại và thảo luận với nhau.

"Chúng ta phải cẩn nhắc thật cẩn thận kỹ càng trước khi nhấn cái nút An ninh Nội địa này. Chẳng ai muốn làm rộ hết cả lên trong khi chẳng có chuyện gì hết."

"Ta thậm chí còn không biết đang có chuyện gì. Anh mà báo động rồi lôi cả binh đoàn từ Căn cứ Không quân Otis tới đây thì cả bờ Đông sẽ loạn lên mất."

"Nếu là một vụ đánh bom, bọn chúng sẽ đợi cho tới phút chót."

"Cho nó nổ trên đất Mỹ, có lẽ vậy."

"Có lẽ chúng đang tạm thời giả chết. Cắt đứt liên lạc. Nhử ta đến gần hơn. Chờ đám truyền thông."

Một gã đang đọc tin từ điện thoại. “Chuyến bay khởi hành từ Tegel, Berlin.”

Một gã khác nói vào điện thoại. “Tôi cần ai đó trên mặt đất ở Đức có thể *sprechen ze English*⁽¹⁾. Chúng tôi cần biết liệu họ có để ý thấy bất cứ hoạt động đáng ngờ nào ở đó không, bất cứ vi phạm nào. Hơn nữa, chúng tôi cần tài liệu chuẩn về các thủ tục xử lý hành lý của họ.”

Một gã khác yêu cầu: “Kiểm tra lịch trình bay và rà soát lại danh sách hành khách. Đúng vậy, từng cái tên một, kiểm tra lại lần nữa. Lần này ghi rõ mọi cách đánh vần nhé.”

“Được rồi,” gã khác vừa nói vừa nhìn di động. “Đây đủ thông tin chi tiết. Số hiệu máy bay N323RG. Boeing 777-200LR. Lần kiểm tra quá cảnh gần nhất là bốn ngày trước, tại Atlanta Hartfield. Đã thay thế một thanh trượt bị mòn ở bộ phận đảo chiều đẩy của động cơ trái và một bạc lót bị mòn ở động cơ phải. Hoãn sửa chữa một vết lõm ở cánh tà trong bên trái do lịch trình bay. Nói tóm lại, cô nàng có giấy chứng nhận sức khỏe tốt.”

“Máy con 777 đều là hàng mới, phải không? Một hay hai năm nhỉ?”

“Sức chứa tối đa ba trăm lẻ một người. Chuyến bay này có hai trăm mười người. Một trăm chín mươi chín hành khách, hai phi công, chín tiếp viên.”

“Có ai miễn vé không?” Túc trẻ sơ sinh.

“Tôi không thấy có.”

“Chiến thuật kinh điển,” gã đưa ra giả thiết khủng bố nói. “Gây hỗn loạn, thu hút lực lượng phản ứng, lôi kéo khán giả - rồi cho nổ để gây tác động tối đa.”

“Nếu vậy, chúng ta hẳn đã phải chết rồi.”

Họ nhìn nhau lo lắng.

“Ta phải cho các xe cứu hộ này lùi lại. Thằng ngực nào đã giẫm lên cánh máy bay thế kia?”

Đội trưởng Navarro chen lên trước trả lời, khiến họ bất ngờ. “Tôi đây.”

1. Sprechen ze English (tiếng Đức): nói tiếng Anh.

“Ồ. Ra vậy.” Gã bụm tay ho một tiếng. “Chỉ có nhân viên bảo trì mới được lên đó, thua đội trưởng. Quy định của FAA.”

“Tôi biết.”

“Vậy há? Ông có thấy gì không? Bất cứ gì?”

Navarro nói, “Không. Không nhìn thấy gì, không nghe thấy gì. Các cửa sổ đều bị kéo tấm che xuống.”

“Ông bảo là kéo xuống ư? Tất cả?”

“Tất cả.”

“Ông đã thử cửa thoát hiểm trên cánh chưa?”

“Tôi thử rồi.”

“Và?”

“Nó bị kẹt.”

“Kẹt ư? Không thể nào.”

“Nó bị kẹt,” đội trưởng Navarro nói, nhấn nại với năm gã này còn hơn cả với lũ con của ông.

Gã già nhất bước tránh ra chỗ khác để gọi điện thoại. Đội trưởng Navarro nhìn những người còn lại. “Vậy ta làm gì ở đây bây giờ?”

“Chúng tôi vẫn đang đợi xem sao đây.”

“Đợi xem sao ư? Có bao nhiêu hành khách trên máy bay này? Họ đã gọi bao nhiêu cuộc cho 911 rồi?”

Một gã lắc đầu. “Vẫn chưa có cuộc gọi 911 nào từ cái máy bay này.”

“Chưa ư?” đội trưởng Navarro hỏi.

Gã đứng bên cạnh ông lên tiếng, “Không một cuộc gọi nào trên tổng số một trăm chín chín người. Không ổn.”

“Không ổn chút nào.”

Đội trưởng Navarro kinh ngạc nhìn họ. “Chúng ta phải làm gì đó, ngay lập tức. Trong khi người ta đã chết hoặc đang hấp hối ở trong đó, thì tôi không cần phải được cho phép mới túm lấy cây rìu cứu hỏa mà phá cửa sổ đâu. Trong cái máy bay đó làm gì có không khí.”

Gã già hơn đã gọi điện xong và quay trở lại. “Họ đang mang đèn xì tới. Chúng ta sẽ cắt cửa.”

Bến cảng tối, Virginia

VỊNH CHESAPEAKE, tối tăm và cuộn sóng vào lúc tối muộn đó.

Ở khoảnh sân trong bao kính của ngôi nhà, trên một dốc đứng tuyệt đẹp nhìn từ trên cao ra vịnh, một người đàn ông ngả mình trên chiếc ghế y tế đặc biệt. Ánh đèn lò mờ khiến ông ta cảm thấy thoải mái và bình yên. Ba chiếc điều hòa công nghiệp, dành riêng cho căn phòng này, giữ nhiệt độ ở mức 16°C. Bản *The Rite of Spring* của Stravinsky vang lên nhẹ nhàng từ những chiếc loa ẩn, át đi tiếng bom *suyt suyt* không ngừng của máy lọc máu.

Một làn hơi mỏng thoát ra từ miệng ông ta. Người ngoài có thể sẽ nghĩ người đàn ông này đang hấp hối. Có thể sẽ cho rằng họ đang chứng kiến những ngày, những tuần cuối cùng của một cuộc đời - dựa trên cái cơ ngơi trải rộng bảy héc ta kia mà đoán - cực kỳ thành công. Thậm chí có thể bình luận về sự trớ trêu của cuộc đời khi một kẻ giàu có và quyền thế như vậy mà rồi cũng gặp cùng kết cục như một tên ăn xin.

Chỉ có điều, Eldritch Palmer không phải đang ở đoạn kết. Ông ta đang ở tuổi bảy mươi sáu, và không hề có ý định từ bỏ bất cứ thứ gì. Không một thứ gì.

Nhà đầu tư, doanh nhân, nhà thần học đáng kính và người bạn tâm tình quyền lực này đã phải trải qua quá trình trị liệu như vậy ba đến bốn giờ đồng hồ mỗi tối trong suốt bảy năm qua. Sức khỏe ông ta tuy yếu nhưng dễ chăm nom, được săn sóc bởi đội ngũ bác sĩ trực hai tư trên hai tư, với sự hỗ trợ của các thiết bị y tế đủ tiêu chuẩn dùng trong bệnh viện được ông ta mua để sử dụng riêng tại nhà.

Người giàu thì đủ điều kiện chi trả cho những dịch vụ chăm sóc sức khỏe tốt nhất, đồng thời cũng đủ điều kiện để cho phép mình lập dị. Eldritch Palmer giấu kín cái lập dị của mình với người ngoài, thậm chí cả với đám người thân tín. Ông ta

chưa từng kết hôn. Ông ta cũng chẳng có người thừa kế. Và vì thế mà người ta thường bàn tán không biết ông ta có kế hoạch gì cho khối gia tài kếch xù của mình sau khi chết. Ông ta không có cấp phó ở tập đoàn đầu tư của mình, Tập đoàn Stoneheart. Ông ta cũng không gắn bó công khai với bất kỳ tổ chức hay quỹ từ thiện nào, không như hai con người vẫn luôn ganh đua với ông ta để giành ngôi vị số một trên bảng xếp hạng thường niên ghi danh những người Mỹ giàu nhất thế giới của tạp chí *Forbes*, nhà sáng lập Microsoft, Bill Gates, và nhà đầu tư của Berkshire Hathaway, Warren Buffet. (Nếu lượng vàng dự trữ ở Nam Mỹ và cổ phần trong các công ty ma của ông ta ở châu Phi được *Forbes* tính tới, Palmer hẳn sẽ nắm giữ vị trí đầu bảng.) Palmer thậm chí chưa từng thảo di chúc, một thiếu sót trong việc hoạch định tài sản không thể tưởng tượng nổi đối với một người thậm chí chỉ giàu bằng một phần ngàn ông ta.

Nhưng Eldritch Palmer, rất đơn giản, chưa định chết.

Thẩm tách máu là quá trình máu được đưa khỏi cơ thể thông qua hệ thống ống dẫn, được tinh lọc bằng máy thẩm tách, hay thận nhân tạo, sau đó được đưa trở lại cơ thể sau khi các chất thải và độc hại đã được loại bỏ hoàn toàn. Các mũi kim dẫn máu ra và vào được cắm vào một tĩnh mạch nhân tạo gắn cố định vào cẳng tay. Hỗ trợ quá trình này là các đời máy móc tân tiến nhất của công ty Fresenius, liên tục kiểm tra các thông số quan trọng nhất của Palmer và cảnh báo Fitzwilliam, luôn ở cách đó không quá hai căn phòng, về bất cứ thông số nào vượt ngưỡng bình thường.

Những nhà đầu tư trung thành đã quen với ngoại hình luôn tiêu tụy của Palmer. Về cơ bản, đó đã trở thành thương hiệu của ông ta, một biểu tượng mỉa mai cho sức mạnh kinh tế của ông ta, vì một lão già hốc hác, xanh xao đến thế lại có thể sở hữu quyền lực và tầm ảnh hưởng như vậy trên cả hai phương diện tài chính và chính trị thế giới. Đội quân các nhà đầu tư trung thành với ông ta lên tới ba mươi ngàn con người khỏe mạnh có địa vị tài chính: số tiền ban đầu là hai triệu đô la, và với nhiều người đã đầu tư cùng Palmer hàng thập kỷ nay thì giờ

số tiền đã lên đến nửa tỷ đô. Sức mua của Tập đoàn Stoneheart cho ông ta một lợi thế kinh tế khổng lồ, và ông ta tận dụng nó vô cùng hiệu quả, cũng có khi rất nhẫn tâm.

Cánh cửa phía Tây mở ra từ phía hành lang lớn, và Fitzwilliam, người đồng thời là quản lý đội vệ sĩ của Palmer, tiến vào mang theo một chiếc điện thoại bảo mật cầm tay đặt trên một cái khay bằng bạc ròng. Fitzwilliam là cựu lính thủy đánh bộ Mỹ được xác nhận là đã tiêu diệt bốn mươi hai lính đối phương và là một người rất nhanh nhẹn, đã được Palmer tài trợ học y sau khi giải ngũ. “Thứ trưởng Bộ An ninh Nội địa, thưa ngài,” anh ta nói, phả ra một luồng hơi sương trong căn phòng lạnh.

Thường thì Palmer sẽ không cho phép bất cứ ai làm phiền trong lúc trị bệnh hằng đêm, bởi ông ta muốn dùng khoảng thời gian này để suy ngẫm. Nhưng đây chính là cuộc gọi ông ta đang chờ. Palmer nhận điện thoại từ Fitzwilliam, và đợi anh ta nghiêm cẩn lui ra.

Palmer nhận điện và được thông báo về cái máy bay đang ngừng hoạt động. Ông ta được biết các nhân viên JFK đang rất do dự về cách thức xử lý tình huống này. Người ở đầu dây bên kia nói bằng giọng lo lắng, với vẻ trịnh trọng bồn chồn, như một đứa trẻ tự hào khoe chiến công của mình. “Đây là một vụ hết sức bất thường, và tôi nghĩ ngài muốn được thông báo ngay lập tức, thưa ngài.”

“Đúng vậy,” Palmer nói với người kia. “Tôi đánh giá cao tác phong của anh.”

“Ch-chúc một buổi tối tốt lành, thưa ngài.”

Palmer tắt máy và đặt điện thoại lên đui. *Quả thực* là một buổi tối tốt lành. Ông ta chợt cảm thấy hồi hộp. Ông ta vẫn luôn chờ đợi chuyện này. Và giờ khi cái máy bay ấy đã hạ cánh, ông ta biết chuyện đã bắt đầu - và bằng một cách vô cùng ngoạn mục.

Phấn khích, ông ta quay về phía cái ti vi màn ảnh rộng trên tường bên và dùng điều khiển từ xa trên tay ghế để bật âm thanh. Vẫn chưa có tin gì về cái máy bay cả. Nhưng sẽ sớm thôi...

Ông ta ấn nút trên bộ đàm. Giọng Fitzwilliam vang lên, “Vâng, thưa ngài?”

“Chuẩn bị trực thăng đi, Fitzwilliam. Tôi có chút công chuyện ở Manhattan.”

Eldritch Palmer ngắt máy rồi nhìn qua dãy cửa kính hướng ra vịnh Chesapeake, đục ngầu và tăm tối, ngay phía Nam của dòng Potomac hung bạo hòa vào bóng đêm sâu thẳm.

Đường lãn Foxtrot

ĐỘI BẢO TRÌ đang lãn các bình oxy dưới thân máy bay. Cắt cửa là giải pháp khẩn cấp cuối cùng. Tất cả các máy bay thương mại đều được thiết kế một khu vực đặc biệt gọi là “lát cắt”. Lát cắt của 777 nằm ở cuối thân máy bay, dưới đuôi, giữa hai cánh cửa khoang hành lý bên mạn phải. Chữ LR trong Boeing 777-200LR là viết tắt của “long range” (đường dài), và là máy bay thuộc loại thị trường C có chặng bay liên tục dài nhất trên 16.700 ki lô mét và có dung tích bình xăng trên 200.000 lít nên ngoài các bình xăng nằm trong thân cánh, nó còn được trang bị thêm ba bình dự phòng trong khoang hành lý - do đó cần có một khu vực lát cắt an toàn.

Đội bảo trì đang dùng một bộ dụng cụ cắt Arcair, một chiếc đèn xì tỏa nhiệt thích hợp cho các trường hợp khẩn cấp không chỉ bởi sự gọn nhẹ mà còn bởi nó sử dụng nguồn năng lượng oxy chứ không độc hại như loại dùng axetylen. Việc cắt xuyên qua vỏ dày của máy bay sẽ mất khoảng một giờ.

Tại thời điểm này, không ai trên đường băng trông chờ một kết cục tốt đẹp. Không một cuộc gọi 911 nào từ các hành khách trong máy bay. Không ánh đèn, tiếng động hay bất cứ một tín hiệu nào phát ra từ trong chiếc Regis 753. Tình hình thật bí ẩn.

Một chiếc xe chỉ huy cơ động của đơn vị cứu hộ khẩn cấp Cơ quan Quản lý Cảng tiến vào thêm để máy bay, tấp vào sau dãy đèn sáng rực đang chiếu về phía chiếc phi cơ. Đội SWAT

đã được huấn luyện cho các trường hợp sơ tán, giải cứu con tin và tấn công khủng bố trên các cầu, đường hầm, nhà ga, sân bay, tuyến đường sắt PATH và các hải cảng ở New York và New Jersey. Các cảnh sát đặc nhiệm được trang bị áo giáp nhẹ và súng tiểu liên Heckler-Koch. Một cặp béc giê Đức đã được thả ra để đánh hơi quanh hệ thống càn hạ cánh chính - hai bộ, mỗi bộ sáu bánh lớn - giờ đang chạy lon ton xung quanh, mũi hếch lên trời như thể cũng đánh hơi thấy rắc rối ở ngay đây.

Trong một thoáng, đội trưởng Navarro tự hỏi liệu có phải thật sự có ai đó đang ở yên trên máy bay không. Chẳng phải từng có một cái máy bay không người hạ cánh trong phim *Twilight Zone* sao?

Đội bảo trì bật đèn xi và họ chỉ vừa bắt đầu cất phần mặt dưới thân máy bay thì một trong hai con chó béc giê bắt đầu tru lên. Đúng hơn là nó vừa sủa vừa chạy vòng tròn trong khi vẫn đang bị buộc xích.

Đội trưởng Navarro thấy một nhân viên cứu hộ của ông, Benny Chufer, chỉ lên phía giữa thân máy bay. Một cái bóng đen, mảnh hiện ra ngay trước mắt ông. Một vệt thẳng đứng, đen kịt cắt xuyên qua bề mặt nhẵn nhụi của thân máy bay.

Cửa thoát hiểm trên cánh. Cánh cửa mà đội trưởng Navarro không thể làm suy chuyển.

Giờ nó đã mở.

Navarro không tài nào hiểu nổi, nhưng ông vẫn đứng yên, chết lặng trước cảnh tượng trước mắt. Có thể chốt cửa hỏng, tay nắm cửa trục trặc... có thể ông chưa cố hết sức... hoặc có thể - chỉ có thể thôi - ai đó rút cuộc đã mở cửa.

Tháp không lưu quốc tế JFK

CƠ QUAN QUẢN LÝ CẢNG gọi vào máy của Giám mục Jimmy. Anh đang đứng, như thường lệ, chờ thảo luận với mấy gã mặc vest, thì đột nhiên điện thoại của họ réo ầm ĩ.

“Nó đã mở,” một gã thông báo. “Ai đó đã mở cửa 3L.”

Giờ tất cả đều đang đứng, cố nhìn cho rõ. Giám mục Jimmy nhìn ra ngoài buồng tháp không lưu về phía cái máy bay đang được chiếu sáng. Nhìn từ trên này, cánh cửa không giống như đã mở.

Calvin Buss hỏi, “Mở từ bên trong à? Có ai bước ra không?”

Gã kia lắc đầu, vẫn đang nghe điện thoại. “Không có ai. Vẫn chưa có ai.”

Giám mục Jimmy chộp lấy chiếc ống nhòm nhỏ đặt trên gờ tường và tự mình kiểm tra chiếc Regis 753.

Kia rồi. Một vạch đen trên cánh. Một vết tối, trông như thể một vết rạch trên thân máy bay.

Nhìn thấy cánh đó, miệng Jimmy trở nên khô khốc. Khi mới được mở khóa, cánh cửa sẽ hơi đẩy ra ngoài, sau đó xoay lại và gập áp vào vách trong. Vậy thì, xét trên lý thuyết, tình hình là nút không khí đã bị mở ra. Cánh cửa vẫn chưa mở hết.

Anh đặt chiếc ống nhòm trở lại gờ tường và lùi lại. Chẳng hiểu sao, lý trí đang mách bảo anh đã tới lúc chạy trốn.

Đường lẫn Foxtrot

MÁY ĐO KHÍ GA và đo nồng độ phóng xạ được nâng tới khe cửa và cả hai đều báo sạch. Một nhân viên cứu hộ khẩn cấp nằm trên cánh máy bay đã xoay xổ kéo được cánh cửa rộng ra vài phân nữa bằng một cây sào dài có móc, hai cảnh sát đặc nhiệm được trang bị vũ khí sẵn sàng yểm trợ anh ta từ đường băng phía dưới. Một chiếc micro parabol được đưa vào trong đang phát lại đủ mọi loại âm thanh “chíp”, “bíp” lẫn nhạc chuông: tiếng điện thoại của hành khách reo nhưng không được trả lời. Những âm thanh vừa kỳ bí vừa náo nùng, như tiếng báo động của hệ thống cảnh báo tai ương tí hon.

Sau đó họ gắn một cái gương vào đầu một cây sào, một phiên bản phóng to của loại dụng cụ nha khoa dùng để kiểm tra mặt trong răng. Tất cả những gì họ thấy được chỉ là hai chiếc ghế phụ nằm ở khu vực giữa hai hạng khoang, cả hai đều trống.

Liên lạc qua loa pin cũng vô ích. Không có bất cứ phản hồi nào từ trong máy bay: không ánh sáng, không chuyển động, không gì cả.

Hai nhân viên cứu hộ khẩn cấp mặc áo giáp nhẹ lúi lại tránh khỏi các ánh đèn đường lẩn để thảo luận. Họ xem xét một sơ đồ mặt cắt ngang, cho thấy trong khoang hạng phổ thông mà họ sắp tiếp cận, hành khách được xếp vào mười ghế một hàng ngang: ba ghế mỗi hàng bên và bốn ghế hàng giữa. Bên trong máy bay chật kín, họ bèn thay tiểu liên H-K bằng Glock 17 cho linh hoạt hơn, sẵn sàng cận chiến.

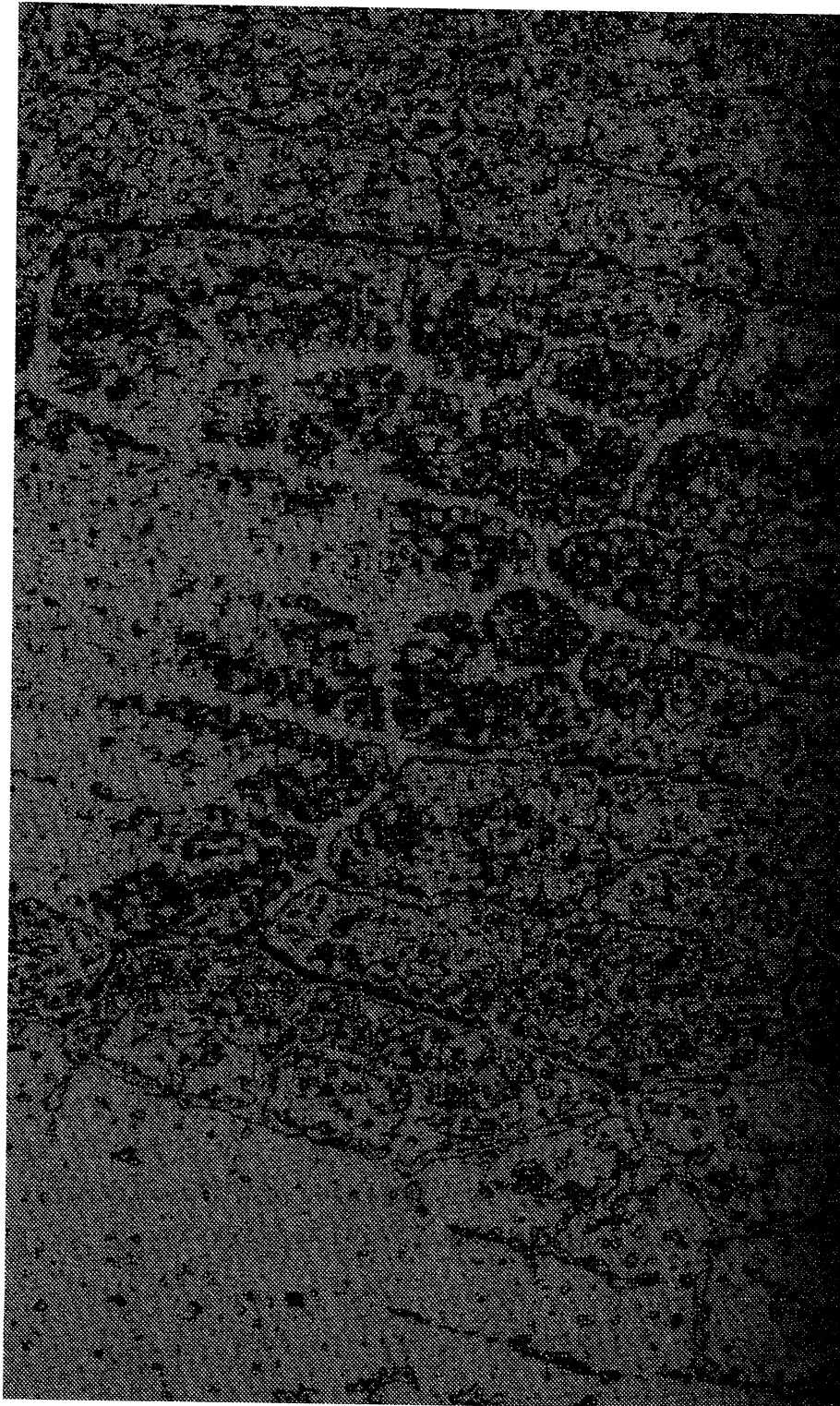
Họ đeo mặt nạ phòng độc có bộ đàm và kính nhìn đêm, cùng bình xịt hơi cay, còng tay và bao đạn dự phòng giắt ở thắt lưng. Các máy quay bé tí với ống kính hồng ngoại thụ động được gắn trên chóp mũ bảo hộ.

Họ leo thang cứu hộ lên cánh rồi tiếp cận cánh cửa. Họ dừng lại, mỗi người một bên cửa, dán sát vào thân máy bay, một người dùng chân đẩy cánh cửa gập ra sau áp vào vách trong rồi cúi người lao vọt vào một vách ngăn gần đây và ngồi xổm xuống. Đồng đội của anh ta cũng theo bước vào trong.

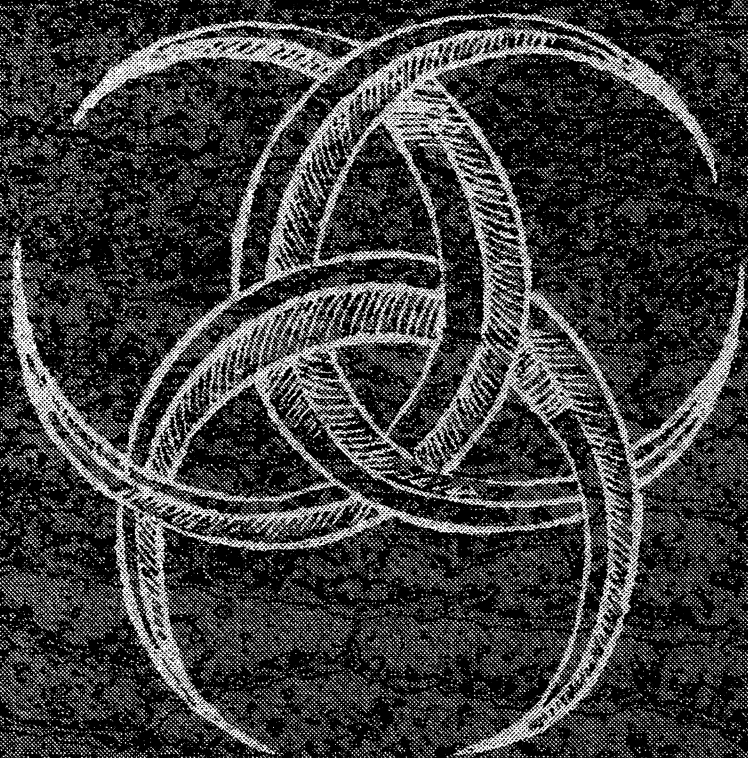
Cái loa pin nói thay cho họ:

"Thưa hành khách trên chuyến bay Regis 753. Cơ quan Quản lý Cảng New York-New Jersey đây. Chúng tôi đang tiến vào trong máy bay. Vì sự an toàn của các bạn, hãy ngồi nguyên tại chỗ và đan hai bàn tay vào nhau đặt lên trên đỉnh đầu."

Người dẫn đầu tựa lưng vào vách ngăn chờ đợi, đóng tai lắng nghe. Chiếc mặt nạ của anh khiến âm thanh biến thành tiếng rít ken két, nhưng anh có thể thấy rõ bên trong không có chuyển động nào. Anh kéo kính nhìn đêm xuống, và không gian trong máy bay biến thành một màu xanh lá. Anh hất hàm ra hiệu cho đồng đội và lăm lăm khẩu Glock, rồi đếm đến ba, và cả hai cùng xông vào khoang hành khách rộng lớn.



LÊN MÁY BAY



Phố Worth, Chinatown

Ephraim Goodweather không xác định được tiếng còi báo động anh nghe thấy có phải đang vang lên trên phố không - nghĩa là, *có thật* - hay chỉ là âm thanh từ trong trò chơi điện tử anh đang chơi cùng con trai mình, Zack.

“Tại sao con cứ giết bố vậy?” Eph hỏi.

Thằng bé tóc màu vàng cát nhún vai, như thể bị phạt ý bởi câu hỏi đó. “Trò này là thế mà bố.”

Chiếc ti vi được đặt ngay cạnh khung cửa sổ lớn mở ra hướng Tây, rõ ràng là thứ tuyệt nhất trong căn hộ tầng hai chật chội, không thang máy, nằm ở rìa phía Nam của Chinatown này. Chiếc bàn cà phê trước mặt họ chất đống những hộp bìa cứng đựng đồ ăn Trung Quốc, một túi truyện tranh mua từ cửa hàng Forbidden Planet, điện thoại di động của Eph, điện thoại di động của Zack, và bàn chân nặng mùi của Zack. Bộ trò chơi điện tử này là một món đồ chơi mới toanh nữa đã được mua cho Zack. Giống như bà nó vẫn thường cố vắt cho bằng hết từng giọt nước cam còn sót trong vỏ, Eph cũng luôn gắng ép ra mọi khoảnh khắc vui vẻ hạnh phúc từ khoảng thời gian ngắn ngủi họ được ở bên nhau. Đối với Eph, đứa con trai duy nhất là cuộc đời, là không khí, là nước uống, là thức ăn, và anh phải dành trọn thời gian cho nó bất cứ khi nào có thể, bởi đôi khi, có thể suốt cả tuần chỉ có một hai cuộc gọi, và nó chẳng khác gì sống trọn một tuần không được nhìn thấy ánh mặt trời.

“Cái quái gì...” Eph vụng về ấn vào bộ điều khiển, cái thiết bị không dây có vẻ quá lạ lẫm trong tay anh, anh mãi chẳng thể nhấn đúng nút. Chiến binh của anh đang đâm thùm thụp xuống mặt đất. “Ít nhất cũng phải đứng lên được chứ.”

“Quá muộn. Lại chết nữa rồi.”

Đối với rất nhiều anh chàng Eph quen, những gã cũng chung tình cảnh như anh, con cái cũng đóng vai trò quan trọng chẳng kém gì các bà vợ trong lý do ly hôn của họ. Hiển nhiên, họ sẽ nói ra ngọn ra nguồn, nào là họ nhớ bọn trẻ đến mức nào, nào là các bà vợ cứ không ngừng tìm cách phá vỡ mối quan hệ ra sao, vân vân, nhưng dường như họ chẳng bao giờ thật sự cố gắng. Mỗi dịp cuối tuần cùng bọn trẻ lại trở thành một cuối tuần bị *thất thoát* trong cuộc sống tự do mới của họ. Với Eph, những dịp cuối tuần cùng Zack như thế này là cuộc sống của anh. Eph chưa từng muốn ly hôn. Đến giờ vẫn vậy. Anh hiểu rằng cuộc sống vợ chồng của anh và Kelly đã chấm dứt - cô đã tỏ thái độ quá rõ ràng - nhưng anh nhất quyết không chịu từ bỏ quyền làm cha của anh với Zack. Quyền chăm sóc thằng bé là vấn đề duy nhất chưa được giải quyết, cũng là lý do duy nhất khiến cuộc hôn nhân của Eph và Kelly vẫn còn giá trị về mặt pháp luật.

Đây là hai ngày cuối cùng trong chuỗi những kỳ nghỉ cuối tuần thử thách của Eph, đã được đề ra bởi chuyên gia tư vấn hôn nhân gia đình do tòa án chỉ định. Zack sẽ được phỏng vấn một hôm nào đấy trong tuần tới, và sau đó, chẳng mấy mà quyết định cuối cùng sẽ được đưa ra. Không có nhiều khả năng Eph sẽ được nhận quyền nuôi con, nhưng anh không bận tâm; đây là cuộc đấu tranh của đời anh. Lập luận “*hãy làm điều đúng đắn cho Zack*” chính là cú nốc ao của Kelly để khiến anh cảm thấy tội lỗi, ép anh chấp nhận quyền thăm con thường xuyên. Nhưng điều đúng đắn cho Eph là gắn bó không rời Zack. Eph đã thuyết phục chính phủ Mỹ và sếp của anh cho anh chuyển đội của mình tới New York thay vì ở CDC⁽¹⁾ tại Atlanta, chỉ để cho cuộc

1. Center for Disease Control and Prevention: Trung tâm Kiểm soát và Phòng chống Bệnh dịch.

sống vốn đã xáo trộn của Zack sẽ không bị rối thêm nữa.

Eph đáng lẽ đã có thể đấu tranh quyết liệt hơn. Chơi bản hơn. Như luật sư của anh từng khuyên, không biết bao lần. Gã đó biết mọi mảnh khoe trong ly hôn. Một lý do khiến Eph không thể làm vậy là nỗi sầu muộn dai dẳng của anh trước thất bại trong hôn nhân. Một lý do khác, Eph quá nhân từ - điều khiến anh trở thành một bác sĩ xuất sắc cũng chính là nguyên nhân biến anh thành một thân chủ đáng thương trong vụ ly hôn. Anh đã nhượng bộ Kelly trước gần như mọi yêu cầu cùng yêu sách tài chính mà luật sư của cô đưa ra. Tất cả những gì Eph muốn chỉ là được dành thời gian một mình bên cậu con trai duy nhất.

Đưa con trai đó ngay lúc này đang ném đồng lựu đạn về phía anh.

Eph nói, "Làm sao bố bán trả con được khi con làm nổ banh tay bố rồi?"

"Con không biết. Hay bố thử đá chân đi?"

"Giờ thì bố hiểu tại sao mẹ không cho phép con mua máy điện tử rồi."

"Bởi nó khiến con bị kích động và không thích giao tiếp với người ngoài và... ÔI, BỐ TIÊU RỒI!"

Cột máu của Eph đã giảm về không.

Cùng lúc đó, điện thoại của anh bắt đầu rung bần bật và trượt trên đồng hồ bìa cứng đựng thức ăn mang về như một con bọ cánh cứng màu bạc đang đỏi. Có lẽ Kelly gọi nhắc nhở anh phải đảm bảo là Zack có xịt thuốc hen. Hoặc chỉ là kiểm tra, để đảm bảo rằng anh không mang Zack trốn đi Ma Rốc hay đâu đó.

Eph chộp lấy điện thoại, kiểm tra màn hình. Mã 718, số địa phương. Tên người gọi là CƠ QUAN KIỂM DỊCH JFK.

Trung tâm Kiểm soát và Phòng chống Bệnh dịch duy trì một trạm kiểm dịch tại nhà ga quốc tế JFK. Không có phòng lưu trú bệnh nhân hay thậm chí bất cứ thiết bị điều trị nào, chỉ có vài văn phòng nhỏ và một phòng khám: kiểu một trạm cách ly để phát hiện và có lẽ là ngăn dịch bệnh bùng phát, đe dọa người dân Mỹ. Công việc chủ yếu của họ là cách ly và khám cho các

hành khách phát bệnh trên chuyến bay, thi thoảng có vài ca chẩn đoán viêm màng não mô cầu hoặc hội chứng hô hấp cấp tính (SARS).

Văn phòng đóng cửa vào buổi tối, và Eph không có lịch trực vào tối nay, hay bất cứ lúc nào từ giờ cho tới sáng thứ Hai. Anh đã thu xếp lịch làm việc của mình từ nhiều tuần trước, dành kỳ nghỉ cuối tuần cùng Zack.

Eph nhấn nút tắt rung và đặt điện thoại xuống, cạnh hộp bánh nướng hành. Ai đó sẽ xử lý việc này. “Là thằng bé bán cái này cho bố,” anh nói với Zack. “Cứ gọi làm phiền bố mãi.”

Zack đang chén thêm một chiếc bánh bao hấp nữa. “Con không thể *tin* nổi là bố kiếm được vé xem trận Yankees-Red Sox ngày mai.”

“Bố biết. Chỗ đẹp luôn nhé. Ở phía Gôn 3. Bố đã trích từ quỹ học phí đại học cho con để mua vé đó, nhưng này, đừng lo, với khả năng của con, con sẽ chẳng vượt quá cái bằng trung học đâu.”

“Bố.”

“Dù sao đi nữa, con biết thừa bố đau khổ đến thế nào khi phải đút vào túi cái tay Steinbrenner⁽¹⁾ đó dù chỉ một đô thôi. Về cơ bản, nó đúng là một hành động phản bội mà.”

Zack nói, “Lêu lêu, Red Sox. Tiến lên nào, Yanks.”

“Đầu tiên con giết bố, sau đó lại chế nhạo bố à?”

“Con cứ tưởng, đã là fan Red Sox thì bố phải quen với việc này rồi chứ.”

“Đủ rồi đấy...!” Eph vỗ lấy cậu con trai, đưa tay cù vào sườn nó, và thằng bé vừa cười lăn cười bò vừa cố gắng chống cự. Zack, cậu bé từng được Eph vác trên vai chạy khắp phòng, đang ngày càng khỏe hơn, cú vùng vẫy của nó mang sức mạnh thật sự. Zachary sở hữu mái tóc của mẹ nó, cả về độ mượt mà lẫn màu vàng cát (màu tóc gốc của cô, khi anh lần đầu gặp cô ở đại học). Tuy nhiên, trong sự ngạc nhiên xen lẫn hạnh phúc, Eph nhận ra đôi bàn tay hồi mười một tuổi của chính anh đang

1. Ông chủ đội bóng chày Yankees.

vung vẩy một cách lạ kỳ từ cái cổ tay của thằng bé. Cũng chính đôi bàn tay khớp to bè ấy đã từng chẳng muốn làm gì ngoài chơi bóng chày, đã từng chừa ghét học piano, đã từng khao khát được chóng vuron đến thế giới của người lớn. Kỳ lạ biết bao, lại được nhìn thấy đôi bàn tay thơ trẻ ấy. Đúng như thế thật: con cái chúng ta rồi sẽ thế chỗ chúng ta. Zachary giống như một tổ hợp hoàn hảo, ADN của thằng bé hội tụ đầy đủ mọi thứ mà Eph và Kelly từng nhìn nhận về nhau - hy vọng, ước mơ, tiềm năng của họ. Có lẽ đó cũng chính là lý do khiến cho cả hai người họ đều cố gắng hết sức, bằng những cách thức riêng trái ngược nhau, mang đến cho nó những gì tốt nhất. Để rồi cứ nghĩ tới việc Zack sẽ được nuôi nấng dưới tầm ảnh hưởng của người bạn trai sống chung với Kelly, Matt - một gã "tốt", một gã "tử tế", nhưng tẻ nhạt đến gần như vô hình - Eph lại cả đêm trằn trọc. Anh muốn con trai anh được thử thách, anh muốn nó có nguồn cảm hứng, sự vĩ đại! Cuộc chiến tranh giành quyền nuôi Zack thì còn định đoạt được, nhưng cuộc chiến tranh giành tâm hồn Zack - linh hồn Zack - thì không.

Điện thoại Eph lại bắt đầu rung, bò ngang trên mặt bàn hết như hàm răng giả đánh lập cập mà ông chú từng tặng anh dịp Giáng sinh. Cái thiết bị vừa được đánh thức ấy cắt ngang màn vật lộn của hai cha con, Eph bèn thả Zack ra, cố cưỡng lại thôi thúc kiểm tra màn hình điện thoại. Đang có chuyện gì đó. Bằng không anh đã không phải nhận những cuộc gọi này. Một trận bùng phát dịch. Một hành khách nhiễm bệnh.

Eph buộc mình *không* nhắc điện thoại. Ai khác sẽ phải xử lý việc này. Giờ đang là cuối tuần của anh với Zack. Thằng bé lúc này đang nhìn anh.

"Đừng lo," Eph nói và đặt điện thoại xuống bàn, để cuộc gọi chuyển sang tin nhắn thoại. "Mọi việc đã được thu xếp rồi. Không công việc cho cuối tuần này."

Zack gật đầu, vui vẻ hẳn lên và tìm chiếc điều khiển. "Chơi tiếp chứ?"

"Bố không biết nữa. Khi nào ta mới chơi tới phần anh chàng Mario bé nhỏ lăn thùng rựu vào con khí?"

“Kìa bố.”

“Bố thích trò có ông người Ý nhỏ con chạy vòng quanh hái nấm để ăn điểm hơn.”

“Được. Vậy bố phải lội qua bao nhiêu cây số đường tuyết để tới trường hằng ngày vậy?”

“Đủ rồi nha...!”

Eph lại bỏ nhào lên người thằng bé, nhưng lần này nó đã đề phòng, kẹp chặt hai khuỷu tay, chặn đòn tấn công sườn của anh. Thế là Eph đổi chiến thuật, chuyển sang phần gân gót chân dễ nhột, vừa vật lộn với gót chân của Zack vừa cố hết sức tránh húng một đập vào mặt. Thằng bé đang xin được tha thì Eph nhận ra điện thoại của anh lại rung *thêm lần nữa*.

Lần này Eph giận dữ bật dậy, biết rằng công việc của anh, nghề nghiệp của anh, sẽ buộc anh phải rời xa cậu con trai trong tối nay. Anh liếc nhìn thông tin người gọi, và lần này là mã vùng Atlanta. Tin tức xấu lắm đây. Eph nhắm mắt và áp chiếc điện thoại đang rung bần bật lên trán, cố gắng suy nghĩ thông suốt. “Xin lỗi, Z,” anh nói với Zack. “Để bố xem có chuyện gì thôi.”

Anh cầm điện thoại bước vào căn bếp kế bên, trả lời cuộc gọi.

“Ephraim à? Everett Barnes đây.”

Bác sĩ Everett Barnes. Giám đốc CDC.

Eph quay lưng về phía Zack. Anh biết Zack đang quan sát và không thể chịu được nếu nhìn thẳng vào thằng bé. “Vâng, ông Everett, có chuyện gì vậy?”

“Tôi vừa nhận được cuộc gọi từ Washington. Đội của anh đang trên đường đến sân bay rồi chứ?”

“Ồ, thưa ông, thực ra...”

“Anh đã xem trên ti vi rồi chứ?”

“Ti vi?”

Anh trở lại sofa, xòe tay về phía Zack, xin nó kiên nhẫn. Eph tìm thấy điều khiển, lần mò thử tìm một nút hoặc một tổ hợp nút đúng, thử một hồi, và màn hình hiện lên trống trơn. Zack đoạt lấy chiếc điều khiển từ tay anh và rầu rĩ chuyển sang kênh truyền hình cáp.

Kênh thời sự đang chiếu một cái máy bay đổ tại đường băng. Các xe cứu hộ bao quanh nó thành một vòng rộng, như đang lo sợ. Sân bay quốc tế JFK. “Có lẽ tôi thấy rồi, Everett.”

“Jim Kent vừa gọi cho tôi, anh ấy đang chuẩn bị các thiết bị mà đội Canary của anh cần. Trong vụ này anh tuyển đầu đấy, Ephraim. Họ sẽ không hành động cho đến khi anh tới đó.”

“Họ là ai, thưa ông?”

“Cơ quan Quản lý Cảng New York, Cục An ninh Vận tải. Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia và Bộ An ninh Nội địa đang bay tới đó.”

Dự án Canary là một đội phản ứng nhanh bao gồm các bác sĩ dịch tễ ở hiện trường được thành lập để phát hiện và xác định các mối đe dọa sinh học mới chớm. Phạm vi hoạt động của đội bao gồm cả những mối đe dọa xảy ra tự nhiên, như các bệnh do vi rút hay vi khuẩn ký sinh có thể tìm thấy trong tự nhiên, lẫn các dịch bùng phát do con người - mặc dù ngân sách chủ yếu của dự án bắt nguồn từ các hồ sơ về khủng bố sinh học của Canary. Trung tâm điều hành nằm ở thành phố New York, với các cơ sở Canary nhỏ hơn đặt tại các bệnh viện của các trường đại học ở Miami, Los Angeles, Denver và Chicago.

Chương trình này lấy tên từ một mẹo cũ của thợ mỏ, rằng nên mang theo một con chim hoàng yến⁽¹⁾ nhốt trong lồng xuống lòng đất để sử dụng như một hệ thống báo động sinh học sớm, thô sơ nhưng hiệu quả. Quá trình trao đổi chất cực kỳ nhạy cảm của loài chim lông vàng này có khả năng phát hiện ra dấu vết của khí metan và ôxit cacbon trước khi chúng đạt tới mức độc hại hay thậm chí là mức phát nổ, khiến cho loài chim bình thường hay hót này sẽ im re và run rẩy trên giá đậu.

Trong thời hiện đại này, mỗi người đều có tiềm năng trở thành con chim hoàng yến báo động đó. Đội của Eph có nhiệm vụ cách ly họ khi họ ngừng hót, chữa trị cho người bị nhiễm bệnh và ngăn chặn sự lây lan.

1. “Canary” nghĩa là chim hoàng yến.

Eph nói, “Chuyện gì vậy, Everett? Có ai chết trên máy bay à?”

Giám đốc nói, “Tất cả bọn họ đều chết, Ephraim. Không trừ một ai.”

Phố Kelton, Woodside, Queens

KELLY GOODWEATHER ngồi tại một chiếc bàn nhỏ, đối diện Matt Sayles, người tình sống chung với cô (“bạn trai” nghe có vẻ quá trẻ con, còn “bạn đời” nghe lại có vẻ quá già). Họ đang ăn chung chiếc pizza tự làm phủ sốt pesto, cà chua khô và phô mát dê, điểm thêm vài lát thịt nguội cùng một chai vang đỏ một năm giá mười một đô. Chiếc ti vi trong bếp chuyển sang kênh NY1 bởi Matt muốn xem thời sự. Đối với Kelly mà nói, chương trình thời sự hai tư giờ là kẻ thù của cô.

“Em xin lỗi,” cô nói với anh ta lần nữa.

Matt mỉm cười, chậm rãi nâng ly rượu vẽ thành một vòng tròn trong không trung.

“Dĩ nhiên, đó không phải lỗi của em. Nhưng em biết là ta đã quyết định dành cuối tuần này cho riêng hai ta...”

Matt lau miệng bằng chiếc khăn ăn giắt trong cổ áo sơ mi. “Cậu chàng vẫn luôn tìm được ra cách để xen vào giữa hai đứa mình mà. Và không phải anh đang nói đến Zack đâu.”

Kelly nhìn vào chiếc ghế thứ ba còn trống. Matt chắc chắn đã vô cùng mong đợi kỳ nghỉ cuối tuần vắng mặt con trai cô. Như một giải pháp tạm thời cho cuộc chiến giành quyền nuôi con dài vô tận trước tòa án, Zack đã dành vài kỳ cuối tuần với Eph trong căn hộ ở trung tâm Manhattan của anh. Đối với cô, điều đó nghĩa là một bữa tối thân mật tại nhà cùng ham muốn tình dục thường lệ từ Matt - điều mà Kelly chẳng hề ngần ngại đáp ứng, đồng thời cũng đáng để cô tự cho phép mình uống thêm vài ly rượu.

Nhưng giờ thì, không phải tối nay. Mặc dù cảm thấy có lỗi với Matt, cô thực lòng thấy khá vui vẻ.

“Em sẽ bù cho anh mà,” cô nói, nháy mắt với anh ta.

Matt mỉm cười đầu hàng. “Thỏa thuận xong nhé.”

Đó chính là lý do Matt luôn làm cô cảm thấy thoải mái. Sau anh chàng Eph khó chịu, cục cằn, cứng đầu với tính thất thường ăn vào tận trong máu, cô cần một con thuyền chạy chậm hơn, như Matt. Cô đã cưới Eph khi còn quá trẻ, và đã hy sinh bản thân quá nhiều - các nhu cầu, hoài bão, khát khao của cô - để giúp anh phát triển sự nghiệp bác sĩ của mình. Nếu cô có thể phổ biến một chút kinh nghiệm cuộc sống cho đám nữ sinh lớp bốn của cô ở trường PS 69 khu Jackson Heights, thì đó sẽ là: đừng bao giờ cưới một thiên tài. Đặc biệt là một thiên tài đẹp trai. Với Matt, Kelly luôn cảm thấy thoải mái, và thực ra, cô thích cái cảm giác nằm chiếu trên trong mối quan hệ này. Giờ đến lượt cô được hưởng sự phục vụ.

Trên chiếc ti vi nhỏ màu trắng trong bếp, người ta đang ba hoa về hiện tượng nhật thực ngày mai. Đứng bên một quầy bán áo phông tại Công viên Trung tâm, người phóng viên đang đeo thử các loại kính khác nhau, đánh giá về độ an toàn cho mắt của chúng. HÒN EM DUỐI NHẬT THỰC! là mẫu áo bán chạy nhất. Rồi họ quảng cáo chuyên mục truyền hình trực tiếp vào buổi trưa ngày mai.

“Một chương trình hoành tráng ra phết đây,” Matt nói, lời bình luận khiến cô hiểu rằng anh ta sẽ không để nỗi thất vọng làm hỏng buổi tối.

“Đó là một sự kiện thiên văn lớn,” Kelly nói, “nhưng họ lại đối xử với nó như thể chỉ là một trận bão tuyết mùa đông mới.”

Màn hình chuyển sang phần “Tin nóng”. Thường thì đây cũng là dấu hiệu để Kelly chuyển kênh, nhưng sự kỳ lạ của câu chuyện đã thu hút cô. Ti vi đang chiếu hình ảnh từ xa của một cái máy bay đỗ trên đường băng ở JFK, bị vây quanh bởi vô số ánh đèn. Cái máy bay được chiếu đèn sáng rực, bị bao vây bởi vô số xe và người tí hon đến mức tưởng như một đĩa bay vừa hạ cánh tại khu Queens.

“Những kẻ khủng bố,” Matt nói.

Sân bay JFK chỉ cách đó mười sáu cây số. Phóng viên cho biết cái máy bay đang được điều tra này đã hoàn toàn ngừng hoạt động sau cuộc hạ cánh vô cùng bình thường, và rằng không hề có bất cứ liên lạc nào từ phía tổ lái hay những hành khách vẫn còn trên máy bay. Để đề phòng, mọi chuyến bay tới JFK đều được chuyển hướng sang sân bay Newark và LaGuardia.

Giờ thì cô đã hiểu, cái máy bay này chính là lý do khiến Eph phải trả Zack lại cho cô. Điều duy nhất cô mong muốn lúc này là Zack được đưa về dưới mái nhà của cô. Kelly là kiểu người hay lo, nhà đồng nghĩa với sự an toàn. Đó là nơi duy nhất trên thế gian này cô có thể kiểm soát tình hình.

Kelly đứng lên và bước lại chỗ ô cửa sổ phía trên bồn rửa tay trong bếp, giảm bớt ánh sáng, rồi nhìn ra vùng trời phía sau mái nhà hàng xóm. Cô thấy những ánh đèn máy bay lượn quanh LaGuardia, xoay vòng trông như những mảnh vỡ lấp lánh bị cuốn vào một vòi rồng khổng lồ. Cô chưa từng tới miền Trung của đất nước, nơi người ta có thể tận mắt trông thấy những cơn bão đang tiến về phía mình từ cách xa nhiều dặm. Nhưng cô đang cảm thấy như thế. Như thể thứ gì đó đang tiến về phía cô mà cô chẳng thể làm gì được.

Eph đỗ chiếc Ford Explorer được CDC cấp cho tại lề đường. Kelly sở hữu một căn nhà nhỏ trên một ô đất vuông vắn, bao quanh là những bờ giậu thấp gọn gàng giữa một khối nhà hai tầng trên một con dốc. Cô đón anh ở bên ngoài, trên vỉa hè lát bê tông, như thể sợ không dám cho anh vào nhà và nhìn chung đối xử với anh như với một bệnh cúm dai dẳng cả thập kỷ mà cuối cùng cô cũng đã thoát ra được.

Mái tóc vàng hơn, người mảnh mai hơn, gương mặt vẫn rất xinh xắn, nhưng lúc này đây với anh cô đã là một con người khác. Quá nhiều đổi thay. Ở đầu đó, có lẽ trong một hộp đựng giày bám bụi, nhét dưới đáy một tủ quần áo, là những tấm ảnh cưới của một người phụ nữ trẻ vô lo vô nghĩ, tấm mạng che mặt hất ra sau, đang nở nụ cười quyến rũ với chú rể mặc vest, hai con người trẻ tuổi hạnh phúc trong tình yêu.

“Anh đã để dành toàn bộ kỳ nghỉ cuối tuần,” anh nói ngay, giành quyền mở miệng trước, trong lúc ra khỏi xe trước Zack và bước qua cánh cổng sắt thấp. “Đây là một tình huống khẩn cấp.”

Matt Sayles bước ra ngoài qua khung cửa sáng đèn phía sau cô, dừng lại trên hiên trước. Khăn ăn của anh ta nhét ở cổ áo, che khuất cái túi áo có logo Sears - tên của hàng anh ta quản lý tại trung tâm thương mại ở Rego Park.

Eph không để ý tới sự hiện diện của anh ta mà chỉ chăm chăm nhìn Kelly và Zack khi thằng bé bước vào sân. Kelly mỉm cười với anh, và Eph không khỏi băn khoăn liệu cô có thích việc này - Eph thất bại với Zack - hơn một kỳ nghỉ cuối tuần riêng tư với Matt không. Kelly ôm thằng bé với vẻ che chở. “Con ổn chứ, Z?”

Zack gật đầu.

“Thất vọng nhỉ, mẹ cá là vậy.”

Thằng bé lại gật đầu.

Cô nhìn chiếc hộp và mớ dây nhợ trong tay thằng bé. “Cái gì đây?”

Eph nói, “Bộ trò chơi điện tử mới của Zack. Thằng bé mượn chơi trong kỳ nghỉ cuối tuần này.” Eph nhìn Zack, thằng bé áp đầu vào ngực mẹ, nhìn chằm chằm về phía trước. “Nè nhóc, nếu bố có bất kỳ lúc nào rảnh, có lẽ là ngày mai - hy vọng là ngày mai... nhưng nếu có *bất kỳ* lúc nào rảnh, bố sẽ trở về với con, và chúng ta sẽ cố hết sức tận dụng nốt kỳ nghỉ cuối tuần này. Được chứ? Bố sẽ bù lại cho con, con biết điều đó mà, phải không?”

Zack gật đầu, đôi mắt vẫn xa xăm.

Matt gọi xuống từ bậc thềm cao nhất. “Vào nhà đi, Zack. Để xem chúng ta có thể lắp ráp món đó được không nào.”

Matt đứng đắn, đáng tin cậy. Kelly chắc hẳn đã huấn luyện gã rất tốt. Eph nhìn cậu con trai được Matt khoác vai dẫn vào trong nhà, Zack liếc ra sau nhìn anh lần cuối.

Giờ chỉ còn lại hai người, anh và Kelly đứng đối diện nhau trên bãi cỏ nhỏ. Đằng sau cô, phía trên mái nhà cô, ánh đèn của những cái máy bay đang đợi vẽ thành những vòng tròn. Toàn

bộ mạng lưới hàng không, chưa kể tới hàng loạt tổ chức chính phủ và cơ quan thực thi pháp luật, đang chờ đợi người đàn ông lúc này đang đối mặt với một người phụ nữ đã tuyên bố không còn yêu anh nữa.

“Là chuyện cái máy bay đó, phải không?”

Eph gật đầu. “Bọn họ đều chết hết. Toàn bộ người trên máy bay.”

“Tất cả đều chết ư?” Đôi mắt Kelly rục lên đầy lo lắng. “Như thế nào? Sao có thể thế được?”

“Đó chính là điều anh phải tìm hiểu.”

Giờ Eph đã cảm thấy tính chất khẩn cấp của công việc đè nặng lên mình. Anh đã đánh mất cơ hội với Zack - nhưng việc đã rồi, và giờ anh phải đi. Anh thò tay vào trong túi quần để lấy ra đưa cô một cái phong bì in logo kẻ sọc. “Dành cho chiều mai,” anh nói. “Phòng trường hợp anh không về kịp.”

Kelly liếc nhìn mấy tấm vé, hai hàng lông mày nhướng lên trước mức giá, rồi nhét chúng trở lại phong bì. Cô nhìn anh với vẻ gần như thông cảm. “Chỉ cần anh đừng quên cuộc hẹn của chúng ta với bác sĩ Kempner là được.”

Bác sĩ tư vấn hôn nhân gia đình - người sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về quyền nuôi Zack. “Kempner, được rồi,” anh nói. “Anh sẽ có mặt ở đó.”

“Và... nhớ cẩn thận nhé,” cô nói.

Eph gật đầu và rời đi.

Sân bay quốc tế JFK

MỘT ĐÁM ĐÔNG ĐÃ TỤ TẬP ngoài sân bay, những người bị thu hút bởi cái vụ việc bí ẩn, kỳ quái, cái bi kịch tiềm tàng ấy, cái *sự kiện* ấy. Khi Eph đang trên đường, chương trình phát thanh đã coi vụ máy bay không hoạt động này là một vụ không tặc tiềm tàng, và phỏng đoán về mối liên hệ với các cuộc xung đột ở nước ngoài.

Trong nhà ga, hai chiếc xe trung chuyển băng qua Eph, xe

đầu tiên chở một bà mẹ già giữa nước mắt đang nắm tay hai đứa con trông vô cùng sợ hãi, xe còn lại chở một quý ông da đen đặt trên đùi một bó hoa hồng đỏ. Anh nhận ra Zack của một ai đó khác đang ở trên cái máy bay kia. Kelly của ai đó khác. Anh đắm chìm trong suy nghĩ đó.

Đội của Eph đang đợi anh bên ngoài một cánh cửa khóa ngay dưới cổng số 6. Jim Kent đang loay hoay với chiếc điện thoại, như thường lệ, đang nói vào chiếc micro nối dây thông xuống từ tai. Jim giúp Eph xử lý các vấn đề hành chính và chính trị trong khâu kiểm soát dịch bệnh. Jim khum tay che phần mic của dây điện thoại và nói, thay cho lời chào, “Không có bất cứ báo cáo nào khác về một vụ máy bay chết ở bất kỳ đâu trên cả nước.”

Eph leo lên phía đuôi xe trung chuyển, cạnh Nora Martinez. Nora, một nhà hóa sinh tập sự, là cánh tay phải của anh ở New York. Cô đã đeo sẵn găng tay, lớp vỏ cao su nhọt nhọt, tron láng và ẩm đạm như một đóa huệ tây. Cô dịch người sang một chút để Eph ngồi xuống. Anh lấy làm hối tiếc vì sự ngưng nghịu giữa hai người.

Họ bắt đầu di chuyển, Eph ngửi thấy mùi muối trong gió. “Cái máy bay hạ cánh được bao lâu trước khi đèn đóm tắt ngóm?”

Nora nói, “Sáu phút.”

“Không liên lạc radio được ư? Của phi công cũng thế à?”

Jim quay ra sau nói, “Có vẻ thế, nhưng chưa xác thực được. Người của Cơ quan Quản lý Cảng đã vào khoang hành khách, thấy trong đó toàn xác chết và rút ra ngay.”

“Hy vọng họ có mang mặt nạ và găng tay.”

“Chắc chắn rồi.”

Xe rẽ vào góc, cho thấy cái máy bay đang đợi ở xa. Một phi cơ khổng lồ được chiếu đèn tứ phía, rực sáng như ban ngày. Màn sương từ vùng vịnh gần đó khoác lên thân máy bay một lớp hào quang rực rỡ.

“Chúa ơi,” Eph nói.

Jim nói, “Nó được gọi là ‘ba số bảy’. Chiếc 777, máy bay hai động cơ lớn nhất thế giới. Thiết kế tân thời, phi cơ mới. Bởi

vậy họ đã phát rồ lên vì việc nó ngừng hoạt động. Họ nghĩ khả năng cao là bị phá hoại”.

Riêng mấy cái lớp hạ cánh cũng đã đồ sộ lắm rồi. Eph ngược lên nhìn cái lỗ hổng đen ngòm - cánh cửa mở phía trên cánh trái rộng.

Jim nói, “Họ đã dò khí độc. Họ đã dò tìm mọi thứ nhân tạo. Họ chẳng biết phải làm gì khác, đành phải bắt đầu từ vạch xuất phát.”

Eph nói, “Chúng ta là vạch xuất phát còn gì.”

Cái máy bay không hoạt động chứa đầy xác chết một cách bí ẩn này là một dạng “một ngày tỉnh giấc bất chợt phát hiện cái bướu trên lưng” của Đội Xử lý Chất Độc hại HAZMAT. Đội của Eph sẽ xét nghiệm sinh thiết để báo cho Cục Hàng không Liên bang biết liệu có mầm mống ung thư hay không.

Các nhân viên TSA⁽¹⁾ mặc vest xanh xông về phía Eph ngay khi xe trung chuyển dừng lại, cố gắng cung cấp cho anh một bản báo cáo sơ lược y hết những gì Jim vừa nói. Hỏi anh đủ thứ và chen lời nhau y như đám phóng viên.

“Vụ này dây dưa lâu quá,” Eph nói. “Lần sau nếu lại xảy ra chuyện gì đó không thể giải thích nổi giống như thế này thì hãy để chúng tôi xếp thứ hai nhé. Gọi HAZMAT trước tiên, chúng tôi xếp thứ hai. Hiểu chứ?”

“Vâng, thưa bác sĩ Goodweather.”

“Đội HAZMAT sẵn sàng chưa?”

“Đã vào vị trí sẵn sàng rồi.”

Eph bước chậm lại khi tới trước cái xe tải CDC. “Tôi chắc đây không giống một vụ lây nhiễm tự phát. Sáu phút trên mặt đất ư? Thời gian quá ngắn.”

“Ắt hẳn phải là một hành động cố ý,” một nhân viên TSA nói.

“Có thể,” Eph nói. “Xét đến tình hình hiện tại, cho dù bất kể thứ gì đang chờ đợi ta trong đó, ta cũng phải có ngăn chặn nó lại.” Anh mở cửa sau chiếc xe tải giùm Nora. “Chúng tôi sẽ thay đồ rồi xem có tìm hiểu được gì không.”

1. Viết tắt của “Transportation Security Administration” (Cục An ninh Vận tải).

Một giọng nói chen ngang. “Có một người của chúng tôi trên máy bay.”

Eph quay lại. “Một người của ai?”

“Một Cảnh sát Hàng không Liên bang. Tiêu chuẩn trên các chuyến bay quốc tế của các hãng hàng không Mỹ.”

“Có vũ trang chứ?” Eph hỏi.

“Nhìn chung là vậy.”

“Không một cuộc gọi, không một cảnh báo nào từ anh ta ư?”

“Không có gì cả.”

“Vậy là nó đã khống chế họ ngay lập tức.” Eph gật đầu, nhìn vào khuôn mặt lo lắng của những người này. “Cho tôi số ghế của anh ta. Chúng tôi sẽ bắt đầu từ đó.”

Eph và Nora chui vào trong chiếc xe tải của CDC, đóng hai cánh cửa sau, chặn lại phía sau bầu không khí tràn ngập lo âu trên đường băng.

Họ kéo bộ đồ HAZMAT loại A xuống khỏi giá treo. Eph cởi đồ, chỉ để lại áo phông và quần soóc, Nora để lại chiếc áo ngực thể thao đen và quần lót tím, khuỷu tay và đầu gối họ không ngừng va chạm vào nhau bên trong chiếc Chevy chật chội. Tóc Nora đen, dày và dài đến mức ngổ ngược đối với một bác sĩ dịch tễ, và cô buộc tóc chặt nó lại bằng một sợi dây chun, hai cánh tay chuyển động một cách nhanh nhẹn và quả quyết. Cơ thể cô sở hữu những đường cong duyên dáng, làn da mang tông màu ấm áp như màu bánh mì nướng sơ.

Sau khi Eph chính thức ly thân với Kelly và cô bắt đầu tiến hành các thủ tục ly hôn, Eph và Nora từng có một đoạn tình cảm ngắn ngủi. Chỉ một đêm, theo sau là một buổi sáng vô cùng ngưng ngưng khó xử, và bầu không khí ấy kéo dài hàng tháng trời... cho tới lần thứ hai của họ, chỉ cách đây vài tuần - và mặc dù còn nồng nàn hơn lần trước, cộng với quyết tâm tránh né mọi cạm bẫy đã chôn vùi họ trong lần đầu tiên, nhưng nó lại một lần nữa đẩy họ vào một tình thế lập lờ khó xử kéo dài.

Theo một cách nào đó, anh và Nora quá gần gũi trong công việc: nếu họ có những công việc có thể được coi như là bình thường, một nơi làm việc truyền thống, thì kết quả có lẽ sẽ khác, có lẽ sẽ dễ dàng hơn, tự nhiên hơn, nhưng đây là “tình yêu nơi chiến trường”, và vì mỗi người đều cống hiến quá nhiều cho Canary, họ chẳng còn gì mấy để mà dành cho nhau, hay cho phần còn lại của thế giới. Một mối quan hệ đồng nghiệp cập rập đến nỗi không ai buồn hỏi nhau, “Hôm nay thế nào?” trong thời gian rảnh - chủ yếu bởi chẳng hề có bất cứ thời gian rảnh nào.

Chẳng hạn như lúc này đây. Gần như trần trụi trước mặt nhau theo một cách thiếu màu sắc tình dục nhất có thể. Bởi những bộ đồ biosuit tương phản hoàn toàn với ham muốn tình dục. Nó là đối nghịch của sự quyến rũ, nó là dấu hiệu của sự kháng bệnh và vô trùng.

Lớp đầu tiên là một bộ áo liền quần hiệu Nomex, in phù hiệu với chữ viết tắt CDC sau lưng. Khóa kéo chạy từ đầu gối tới cằm, cổ áo và cổ tay áo được gài kín nhờ khóa dán, đôi giày ống màu đen thắt dây lên tới tận cẳng chân.

Lớp thứ hai là một bộ đồ màu trắng dùng một lần được làm bằng vải không dệt Tyvek mỏng tang. Tiếp đó là đôi giày bảo hộ đi bên ngoài đôi giày ống, găng tay và tất chống hóa chất Silver Shield bên ngoài lớp găng cao su, buộc chặt ở cổ tay và mắt cá chân. Rồi khoác lên mình bộ thiết bị thở chuyên dụng: bộ đai đeo, bình khí nén bằng titan nhẹ, mặt nạ dưỡng khí, và thiết bị báo động cá nhân gắn chuông báo nguy của lính cứu hỏa.

Cả hai đều chần chừ trước khi kéo mặt nạ xuống. Nora nhón miệng cười và áp tay vào má Eph. Cô hôn anh. “Anh ổn chứ?”

“Ổn.”

“Trông anh chẳng ổn chút nào. Zack sao rồi?”

“Hòn dỗi. Tức giận. Đúng như lẽ thường.”

“Đó không phải lỗi của anh.”

“Thì sao chứ? Dù gì thì kỳ nghỉ cuối tuần này của anh với con trai cũng đã đi tong, và anh sẽ chẳng bao giờ lấy lại được.” Anh chuẩn bị sẵn sàng mặt nạ dưỡng khí. “Em biết đấy, trong

đòi anh, từng có thời điểm anh bị buộc phải lựa chọn hoặc gia đình hoặc công việc. Anh cứ ngỡ mình đã chọn gia đình. Nhưng rõ ràng là chưa đủ.”

Có những khoảnh khắc như thế này, thường xảy đến vào thời điểm bất tiện nhất, chẳng hạn giữa một cuộc khủng hoảng, khi ta nhìn vào một người và nhận ra ta sẽ đau lòng biết mấy nếu phải sống thiếu họ. Eph nhận thấy rõ anh đã bất công với Nora đến mức nào khi cứ níu lấy Kelly - thậm chí không phải Kelly, mà là quá khứ, là cuộc hôn nhân tan vỡ, là những gì đã qua, tất cả đều vì Zack. Nora quý mến Zack. Và Zack cũng quý cô, rõ ràng như thế.

Nhưng bây giờ, ngay bây giờ đây, không phải là lúc nghĩ tới chuyện này. Eph đeo mặt nạ dưỡng khí, kiểm tra lại bình ôxy. Lốp ngoài cùng là một bộ đồ “phi hành gia” kín mít màu vàng - màu vàng chim hoàng yến, có mũ trùm đầu kín, với tầm nhìn 210 độ, cùng găng tay cố định. Đây là một bộ đồ bảo hộ chuẩn loại A, hay còn gọi là “bộ giáp tiếp xúc”, với mười hai lớp vải sẽ hoàn toàn cách ly người mặc với không khí bên ngoài ngay sau khi kéo khóa kín.

Nora và Eph kiểm tra khóa cho nhau. Các nhà điều tra hiểm họa sinh học thường hoạt động cùng một người đồng hành, giống như cánh thợ lặn. Bộ đồ của họ hơi phồng lên do không khí lưu thông bên trong. Mầm bệnh không thể xâm nhập cũng đồng nghĩa với việc mồ hôi và nhiệt độ cơ thể không được thoát ra, vì vậy nhiệt độ bên trong bộ đồ của họ có thể cao hơn nhiệt độ phòng.

“Có vẻ chặt rồi đó,” Eph nói qua micro gắn trong mặt nạ của anh.

Nora gật đầu, bắt gặp ánh mắt Eph qua mặt nạ của họ. Ánh nhìn nấn ná khá lâu, như thể cô muốn nói điều gì đó, nhưng lại thôi. “Anh sẵn sàng chưa?” cô hỏi.

Eph gật đầu. “Bắt tay vào việc thôi.”

Ngoài đường băng, Jim bật bộ thiết bị điều khiển gắn bánh xe của mình và bắt sóng cả hai máy quay gắn trên mặt

nạ của Eph và Nora, trên hai kênh tín hiệu riêng biệt. Anh gắn những đèn pin nhỏ đang bật vào dây đeo vai của họ: độ dày của nhiều lớp găng tay làm hạn chế sự linh hoạt của người mặc.

Vài nhân viên TSA tới cố gắng bắt chuyện tiếp, nhưng Eph vờ điếc, lắc đầu chạm tay lên cái mũ trùm của mình.

Trên đường tiếp cận cái máy bay, Jim chỉ cho Eph và Nora xem một sơ đồ mặt cắt cho thấy vị trí chỗ ngồi, ở mặt sau là danh sách số ghế tương ứng của hành khách và thống kê về phi hành đoàn. Anh chỉ vào chấm đỏ tại số 18A.

“Cảnh sát Hàng không Liên bang,” Jim nói vào micro. “Họ Charpentier. Hàng ghế gần lối ra, sát cửa sổ.”

“Đã hiểu,” Eph đáp.

Chấm đỏ thứ hai. “TSA cũng đã chỉ ra một hành khách khác đáng để lưu tâm. Một nhà ngoại giao Đức, Rolph Hubermann, hạng thương gia, hàng hai, ghế F. Tới thành phố dự buổi họp của Hội đồng Liên Hiệp Quốc về tình hình Triều Tiên. Có thể đã mang theo một túi ngoại giao được miễn kiểm tra hải quan. Có thể không có gì đâu, nhưng ngay lúc này một nhóm cán bộ Đức đang từ Liên Hiệp Quốc đến đây, chỉ để lấy lại nó.”

“Được rồi.”

Jim để họ lại ở rìa dãy đèn và quay trở lại với bộ điều khiển. Bên trong vòng tròn còn sáng hơn cả ban ngày. Họ di chuyển gần như không có bóng. Eph dẫn đường leo thang cứu hỏa lên cánh, rồi bám theo bề mặt trái rộng của nó tới cánh cửa đang mở.

Eph vào trước. Sự tĩnh lặng dường như có thể sờ thấy được. Nora theo sau, vai kề vai với anh tại đầu khoang hành khách.

Những xác chết ngồi đối diện họ, hàng nối hàng. Đèn pin của Eph và Nora soi ánh sáng nhấp nhò vào những con mắt mở vô hồn của họ.

Không có máu mũi. Mất không sung, da không rộp hay có nốt. Không hề sưng bọng hay chảy máu miệng. Tất cả đều ngồi trên ghế, không có dấu hiệu hoảng loạn hay chống cự. Những cánh tay buông thõng giữa lối đi hoặc kẹp trong đùi. Không có dấu hiệu chấn thương.

Điện thoại di động - trên đùi, trong túi quần hay nhét trong túi xách tay - bíp bíp báo tin nhắn chờ hoặc đổ chuông báo có tin nhắn vừa nhận, những âm thanh sống động chông chéo. Chỉ có những âm thanh đó.

Họ tìm được vị trí viên cảnh sát hàng không, tại ghế ngồi cạnh cửa sổ ngay phía bên trong cửa ra vào. Một người đàn ông trạc tuổi bốn mươi, tóc đen hói, vận áo sơ mi cài khuy kín cổ theo phong cách cầu thủ bóng chày với những dải sọc xanh và cam - màu của đội New York Mets, có hình linh vật Met đầu quả bóng được vẽ ở mặt trước áo, cùng quần jean xanh. Cầm anh ta gục xuống ngực, như thể đang mở mắt mà ngủ.

Eph quỳ một chân, hàng ghế gần lối ra rộng rãi hơn giúp anh có đủ không gian để thao tác. Eph chạm vào trán viên cảnh sát và đẩy cái đầu đang oặt ra trên cổ anh ta về phía sau. Nora, đang ở ngay sát anh, rọi đèn pin qua lại trước mắt anh ta, con người của Charpentier không có phản ứng. Eph kéo cầm anh ta xuống, mở hàm và soi đèn vào bên trong miệng anh ta, lưỡi và vòm họng có vẻ hồng hào, không có dấu hiệu trúng độc.

Eph cần thêm ánh sáng. Anh với người mở tấm che cửa sổ, và ánh đèn pha xuyên vào như một lưỡi dao trắng sáng rực.

Không nôn mửa như dấu hiệu hít phải khí độc. Nếu nạn nhân bị ngộ độc carbon monoxide thì da sẽ phồng rộp và mất màu, người sưng phù, như được bọc bằng da thuộc. Tư thế anh ta không có vẻ gì là bất tiện, không có dấu hiệu vật lộn. Bên cạnh anh ta, một phụ nữ trung niên mặc trang phục nghỉ dưỡng, cặp kính nửa gọng vắt vẻo trên mũi, phía trước đôi mắt trống rỗng. Họ đều ngồi như những hành khách bình thường, lưng ghế dựng thẳng, vẫn đang chờ tín hiệu THẮT DÂY AN TOÀN tắt khi đến cổng sân bay.

Hành khách ngồi ở hàng ghế gần cửa thoát hiểm trước đã xếp gọn vật dụng cá nhân trong những cái giỏ lưới gắn trên vách ngăn khoang ở trước mặt. Eph lôi một cái túi mềm Virgin Atlantic ra khỏi cái giỏ trước mặt Charpentier và mở khóa kéo. Anh rút ra một chiếc áo nỉ Notre Dame, mấy cuốn sách giải câu đố đã sờn trang, một đĩa sách nói kinh dị, rồi một túi ni lông

hình bầu dục khá nặng. Anh kéo khóa mở túi ra, vừa đủ để thấy bên trong là một khẩu súng lục đen tuyền.

“Các anh thấy không?” Eph nói.

“Chúng tôi thấy rồi,” Jim nói qua radio. Jim, TSA và bất kỳ ai có đủ thẩm quyền để tới gần bộ màn hình đều đang quan sát mọi việc qua camera gắn trên vai Eph.

Eph nói, “Dù chuyện này có là gì đi nữa thì nó cũng đã khiến cho không ai kịp phản ứng. Kể cả cảnh sát hàng không.”

Eph kéo khóa đóng cái túi lại và đặt nó lên sàn, rồi anh đứng thẳng dậy, đi dọc lối đi giữa hai hàng ghế. Cứ cách hai hay ba hàng ghế anh lại với tay qua xác các hành khách để kéo tấm che cửa sổ lên, ánh sáng chói chang hắt những cái bóng kỳ quái và làm cho gương mặt họ nổi bật hẳn lên, y như những lữ khách đã chết vì bay quá gần mặt trời.

Những chiếc điện thoại vẫn reo, tiếng ồn càng lúc càng trở nên chói tai, nghe như hàng tá tiếng chuông báo nguy cá nhân chồng chéo lên nhau. Eph cố không nghĩ tới những người gọi đang lo lắng ở đầu dây bên kia.

Nora đến gần một thi thể. “Không hề có chấn thương,” cô lưu ý.

“Anh biết,” Eph nói. “Quái quỷ thật.” Anh tưởng như mình đang ở trong một phòng trưng bày xác chết. “Jim này,” anh nói, “cảnh báo cho WHO châu Âu đi. Thông báo vụ này cho Bộ Y tế Liên bang Đức, liên lạc với các bệnh viện. Lỡ như thứ này có thể truyền nhiễm, phía họ hẳn cũng biết.”

“Tôi làm ngay đây,” Jim đáp.

Phía trước, trong khu bếp nằm giữa khoang hạng thương gia và khoang hạng nhất, bốn tiếp viên - ba phụ nữ, một đàn ông - đang ngồi có thắt dây an toàn trên các ghế phụ, cơ thể họ chúm về phía trước, kéo căng sợi dây trên vai. Khi đi qua họ, Eph có cảm giác như thể đang trôi xuyên qua xác một con tàu đắm dưới đáy đại dương.

Giọng Nora vọng lên. “Em đang ở đuôi máy bay, Eph. Chẳng có gì bất ngờ. Quay lại chỗ anh đây.”

“Được,” Eph vừa nói vừa đi ngược lại băng qua khoang

hành khách được chiếu sáng qua các ô cửa sổ mở, mở tấm rèm dẫn vào khoang thương gia với lối đi giữa các hàng ghế rộng rãi hơn. Tại đó, Eph thấy nhà ngoại giao Đức, Hubermann, đang ngồi cạnh lối đi, gần đầu khoang. Hai bàn tay mập mạp của ông ta vẫn úp lên nhau đặt trên đùi, đầu gục xuống, một lọn tóc bạc trên trán rủ xuống đôi mắt vẫn đang mở.

Cái túi ngoại giao mà Jim nhắc tới nằm trong chiếc cặp hồ sơ dưới ghế ông ta ngồi. Nó có màu xanh nước biển, làm bằng nhựa dẻo và có khóa kéo.

Nora đến gần anh. “Eph, anh không được phép mở thứ đó...”

Eph kéo mở khóa, rút ra một thanh sô cô la Toblerone ăn dở và một chai nhựa trong ních đầy những viên thuốc màu xanh.

“Thứ gì vậy?” Nora hỏi.

“Anh đoán là Viagra,” Eph nói, đút các món đồ vào lại túi, và đút túi vào lại cặp hồ sơ.

Anh dừng lại bên một người mẹ cùng cô con gái nhỏ tuổi đang đi du lịch cùng nhau. Bàn tay cô gái vẫn rúc trong tay người mẹ. Cả hai đều có vẻ thư thái.

Eph nói, “Không hoảng sợ, không gì hết.”

Nora nói, “Thật khó hiểu.”

Vi rút cần quá trình lây lan, và quá trình lây lan cần thời gian. Các hành khách phát bệnh hoặc ngã bất tỉnh chắc chắn sẽ gây hỗn loạn, bất chấp tín hiệu THẮT DÂY AN TOÀN. Nếu đây là vi rút, thì nó không giống với bất kỳ mầm bệnh nào Eph từng đối mặt trong nhiều năm làm bác sĩ dịch tễ cho CDC. Thay vào đó, tất cả các dấu hiệu đều cho thấy một tác nhân gây độc chết người đã thâm nhập vào môi trường kín của khoang máy bay.

Eph nói, “Jim, tôi muốn dò lại khí độc.”

Giọng Jim nói, “Họ đã lấy mẫu không khí, đo lường theo từng một phần triệu một. Không có gì cả.”

“Tôi biết nhưng... cứ như thể những người này đã bất thần bị hạ gục bởi một thứ gì đó. Có thể thứ vật chất đó đã tiêu tan

khi cánh cửa kia mở ra. Tôi muốn kiểm tra thám và mọi bề mặt xếp khác. Chúng ta cũng sẽ kiểm tra tế bào phổi một khi danh tính của những người này được công bố.”

“Được, Eph... tôi hiểu rồi.”

Eph di chuyển nhanh chóng qua những chiếc ghế bọc da rộng rãi của khoang hạng nhất để tới cánh cửa buồng lái đang đóng. Cánh cửa được nẹp khung thép các cạnh, gắn camera trên trần. Eph vói về phía tay nắm cửa.

Giọng của Jim vang lên trong cái mũ trùm đầu của Eph, “Eph, họ bảo cánh cửa có khóa mã, anh sẽ không thể...”

Cánh cửa bật mở dưới bàn tay đeo găng của anh.

Eph đứng im trên ngưỡng cửa mở. Ánh đèn từ đường lăn rọi qua kính chắn gió màu, chiếu sáng cả khoang lái. Tất cả các màn hình hiển thị của hệ thống đều tối om.

Jim nói, “Eph, họ bảo anh phải cực kỳ cẩn thận đấy.”

“Cảm ơn họ giúp tôi vì lời khuyên mang tính chuyên môn ấy nhé,” Eph nói trước khi di chuyển vào trong.

Các màn hình hiển thị quanh các công tắc và tay ga đều tối đen. Một người mặc đồng phục phi công ngồi gục trên ghế phụ ở ngay bên phải khi Eph vừa bước vào. Hai người nữa, cơ trưởng và cơ phó, ngồi ở ghế đôi trước bàn điều khiển. Hai bàn tay của cơ phó nắm hờ trên đùi, đầu anh ta ngả sang trái, vẫn đội mũ. Tay trái của cơ trưởng vẫn đặt trên cần điều khiển, cánh tay phải buông thõng khỏi tay ghế, các khớp ngón tay chạm thảm sàn. Đầu anh ta ngả về phía trước, mũ nằm trên đùi.

Eph nhào người qua bàn điều khiển giữa hai chỗ ngồi để nâng đầu cơ trưởng lên. Anh dùng đèn pin kiểm tra đôi mắt đang mở của cơ trưởng, hai con ngươi bất động và dãn to. Anh nhẹ nhàng đặt đầu anh ta ngả trở lại vào ngực, và rồi cứng đờ người.

Anh cảm thấy một thứ gì đó. Anh nhận thấy một thứ gì đó. Một sự hiện diện.

Anh lùi khỏi bảng điều khiển và quét mắt khắp buồng lái, xoay người thành một vòng tròn.

Jim hỏi, “Gì vậy, Eph?”

Eph đã quá quen với các xác chết nên không dễ gì giật mình. Nhưng có thứ gì đó đang ở đây... đâu đây. Ở đây hoặc gần đây.

Cảm giác kỳ dị đã trôi qua, như cơn choáng nhẹ, và anh chớp chớp mắt. Anh lắc đầu xua nó đi. “Không có gì. Có khi là do không gian kín.”

Eph quay sang người đàn ông thứ ba trong buồng lái. Đầu anh ta cúi thấp, vai phải tựa vào bức vách bên. Dây an toàn của anh ta rủ xuống.

Eph nói to, “Tại sao anh ta không thắt dây an toàn?”

Nora nói, “Eph, anh đang ở buồng lái hả? Để em qua đó.”

Eph nhìn chiếc ghim cà vạt bằng bạc có logo Regis Air của người chết. Bảng tên trên túi áo anh ta đề REDFERN. Eph quỳ một gối trước mặt anh ta, ấn những ngón tay xỏ găng dày vào hai bên thái dương anh ta để nâng mặt anh ta lên. Mắt anh ta mở và sụp xuống. Eph kiểm tra con người, có cảm giác như anh đã thấy gì đó. Một tia sáng le lói. Anh nhìn lại, và bất thành linh cơ trưởng Redfern rùng mình rồi rên lên.

Eph giật mình lùi lại, ngã vào giữa hai ghế lái và va sầm vào bàn điều khiển. Cơ phó đổ vào người anh và Eph cố đẩy anh ta ra, nhưng bị kẹt một lúc bởi sức nặng của cái xác mềm oặt.

Giọng Jim vang lên lạnh lạnh, “Eph?”

Giọng Nora nhuốm sắc thái hoảng loạn. “Eph, chuyện gì vậy?”

Gắng hết sức, Eph đẩy xác cơ phó trở lại ghế và đứng dậy.

Nora nói, “Eph, anh ổn chứ?”

Eph nhìn cơ trưởng Redfern, lúc này anh ta đã gục xuống sàn, mắt mở trừng trừng. Dù vậy, cổ họng anh ta vẫn đang hoạt động, gấp gáp, cái miệng há ra dường như đang bị nghẹn không khí.

Eph mở to mắt, nói, “Chúng ta có một người còn sống ở đây.”

Nora thốt lên, “Cái gì?”

“Chúng ta có một người còn sống ở đây. Jim, chúng ta cần một khoang cách ly Kurt cho người này. Mang thẳng tới cánh máy bay. Nora?” Eph nói gấp gáp, nhìn xuống người phi công đang co giật trên sàn. “Ta phải rà soát lại toàn bộ máy bay, từng hành khách một.”



PHỤ LỤC I

ABRAHAM SETRAKIAN

ÔNG LÃO ĐỨNG MỘT MÌNH TẠI QUẦY HÀNG CHẶT CHẼI trong tiệm cầm đồ của ông ở phố 118 Đông, Spanish Harlem. Đã đóng cửa được một tiếng đồng hồ và dạ dày ông đang sôi ùng ục, nhưng ông lại ngại đi lên lầu. Các tấm che cửa ra vào và cửa sổ đều đã được kéo xuống, như lớp mí mắt bằng thép, những con người hoạt động về đêm đang chiếm hữu các con phố ngoài kia. Ta không ra ngoài khi đêm xuống.

Ông đến chỗ công tắc đèn sau bàn cầm đồ, tắt từng cái đèn một. Ông thấy bi thương. Ông nhìn cửa hàng, nhìn những chiếc tủ trưng bày làm từ crôm và kính rạn. Những chiếc đồng hồ đeo tay trưng trên vải nỉ thay vì vải nhung, một miếng bạc được đánh bóng mà ông chẳng thể tổng khứ đi, một ít kim cương và vàng. Một bộ ấm trà bày trong tủ kính. Mấy bộ áo khoác lông thú hiện đang là chủ đề tranh cãi và áo khoác da. Các máy nghe nhạc còn mới mà đã sớm lỗi thời, cùng mấy cái radio và ti vi mà giờ ông chẳng muốn nhận thêm nữa. Và cũng có bảo vật chỗ này chỗ kia: một đôi kết sắt cổ tuyệt đẹp (được phủ amiăng bên trong, nhưng đừng có ăn nó); một đầu đọc đĩa Quasar VCR bằng gỗ và sắt to cỡ chiếc va li được sản xuất từ thập niên 1970, một máy chiếu phim 16 mi li mét cổ.

Nhưng, ngẫm cho kỹ thì, cả đồng thứ tạp nham chẳng đáng tiền. Một cửa hàng cầm đồ vừa như tiệm tạp hóa vừa như bảo tàng, vừa như một hòm thánh tích của địa phương. Người chủ hiệu cầm đồ cung cấp loại dịch vụ mà không ai khác có thể.

Ông là chủ ngân hàng của người nghèo, là nơi người ta có thể tới vay hai mươi lăm đô mà chẳng phải bận tâm tới lịch sử tín dụng, việc làm, hay các chứng nhận. Và, trong cảnh suy thoái kinh tế, hai mươi lăm đô có thể là cả một gia tài đối với nhiều người. Hai mươi lăm đô có thể là sự khác biệt giữa có nơi ở và vô gia cư. Hai mươi lăm đô có thể giúp mua thuốc. Vì thế, miễn sao có vật thế chấp, người ta có thể bước ra khỏi cửa hiệu của ông với tiền trong tay. Thật tuyệt.

Ông lê bước lên tầng, vừa đi vừa tắt thêm đèn. Ông thật may mắn khi sở hữu căn nhà này, mua nó hồi đầu thập niên 1970 với giá bảy đô cùng ít xu lẻ. Thôi được, có lẽ không rẻ đến thế, nhưng cũng không đắt quá. Hồi đó họ còn phải đốt nhà để sưởi ấm. Cửa hàng Đồ Cổ và Cho Vay Knickerbocker (biển đề gì thì dịch vụ nấy) chưa bao giờ là một phương tiện làm giàu đối với Setrakian, mà nói cho đúng hơn, nó là một cánh cửa, một đường dẫn vào khu chợ đen thời tiền Internet ở thành phố giao lộ của thế giới, đối với một người đam mê những vật dụng, đồ tạo tác, đồ cổ, hay những bí ẩn khác của Cựu Thế giới.

Ba mươi lăm năm, ban ngày mặc cả trang sức rẻ tiền, ban đêm tích góp dụng cụ và vũ khí. Ba mươi lăm năm đợi thời cơ, chuẩn bị và chờ đợi. Giờ đây thời gian của ông đang cạn dần.

Trước cửa, ông chạm tay vào chiếc hộp mezuzah⁽¹⁾ rồi hôn lên những đầu ngón tay cong nhăn nheo của mình trước khi bước vào. Chiếc gương cổ tại hành lang trải xỉn đến nỗi ông phải ngẩng cổ lên mới tìm ra được một chỗ phản chiếu để soi mình. Mái tóc trắng như thạch cao của ông, bắt đầu từ tí trên cao vầng trán nhăn nheo chạy xuống tới tận dưới tai và cổ, đã quá lâu chưa được cắt tỉa. Mặt ông tiếp tục xệ xuống; cằm, dai tai và đôi mắt ông đều chịu khuất phục trước kẻ áp bức mang tên trọng lực. Bàn tay ông, đã bị gãy nặng và không được chữa trị tử tế mấy chục năm về trước, cong queo vì viêm khớp và luôn luôn được ông giấu dưới lớp găng tay len hở ngón. Tuy

1. Một cuộn giấy da chép những đoạn thơ và lời cầu nguyện của người Do Thái, đặt trong một chiếc hộp treo trước cửa các gia đình Do Thái để ngăn tai ương xâm nhập ngôi nhà.

nhiên, ẩn chứa sâu bên trong dáng vẻ tàn tạ của người đàn ông này: sức mạnh. Ngọn lửa lòng. Tinh thần sắt đá.

Bí mật của sức sống thanh xuân bên trong ông? Một yếu tố đơn giản.

Sự báo thù.

Rất nhiều năm về trước, tại Warsaw và sau là Budapest, có một người đàn ông tên Abraham Setrakian, một giáo sư đáng kính về văn học và văn hóa dân gian Đông Âu. Một người sống sót sau thảm họa diệt chủng Holocaust đã sống sót qua vụ tai tiếng do kết hôn với sinh viên của mình, và là người đã được lĩnh vực nghiên cứu của mình dẫn đến nhiều góc khuất tăm tối nhất của thế giới.

Giờ đây, ông là một chủ tiệm cầm đồ lâu năm ở Mỹ, vẫn còn bị ám ảnh bởi nhiệm vụ chưa hoàn thành.

Ông đang còn thừa một ít xúp ngon, món xúp gà ngon tuyệt ăn cùng bánh chẻo và mì trứng, được một khách hàng quen cất công mang từ cửa hàng Liebman ở khu Bronx sang cho. Ông cho bát vào lò vi sóng và loay hoay thất lại nút cà vạt lỏng lẻo của mình bằng những ngón tay xương xẩu. Sau tiếng bíp, ông mang chiếc bát nóng hổi đặt lên bàn, với tay lên giá đỡ lấy một chiếc khăn ăn bằng vải lạnh - chớ bao giờ dùng khăn giấy! - và nhét gọn gàng vào cổ áo.

Thối xúp. Một nghi thức an ủi, trấn an. Ông nhớ bà ông, *bubbeh* của ông - nhưng nó không chỉ là ký ức đơn thuần; nó là *ý thức*, là *cảm giác* - vẫn thường thổi xúp cho ông hồi ông còn bé, ngồi cạnh ông bên chiếc bàn gỗ ọp ẹp trong căn bếp lạnh lẽo tại nhà của họ ở Romania. Trước biến cố. Hơi thở già nua của bà khuấy động làn hơi đang cuộn lên khiến nó phả vào khuôn mặt trẻ con của ông, một phép màu âm thầm từ động tác giản đơn. Giống như thổi sự sống vào thân xác đứa trẻ. Và lúc này, khi ông đang thổi, một ông lão già nua, ông quan sát làn hơi nước nhào nặn hơi thở của mình, bản khoăn không biết mình còn lại bao lần hít thở nữa đây.

Bằng những ngón tay trái cong queo, ông lấy một chiếc thìa ra khỏi ngăn kéo chứa đầy những món đồ đẹp đẽ, lộn xộn.

Giờ thổi lên cái thìa, tạo ra gợn sóng lăn tăn trong bể xúp tí hon đó, rồi mới đưa vào miệng. Hương vị đến rồi đi, các gai vị giác trên lưỡi ông đang chết dần như những chiến binh già, nạn nhân của nhiều thập kỷ hút tẩu, một thói xấu của vị giáo sư.

Ông tìm thấy cái điều khiển mỏng của chiếc ti vi Sony lỗi thời - mẫu ti vi màu trắng dành cho phòng bếp - và màn hình 13 inch sống dậy, soi sáng căn phòng. Ông đứng dậy bước tới chặn thức ăn, vịn tay vào những giá sách đã ép hành lang này thành một tấm thảm hẹp cũ kỹ - sách khắp mọi nơi, chất đống bên các bức tường, nhiều cuốn đã đọc xong, không cuốn nào bỏ được - rồi mở nắp hộp bánh và lấy nốt mẫu bánh mì đen ngon lành ông đã để dành. Ông mang ổ bánh mì bọc giấy trở lại chiếc ghế đệm trong phòng bếp, nặng nề ngồi xuống và bắt đầu loại bỏ các vết mốc trong lúc húp thêm một thìa xúp ngon lành.

Dần dần, hình ảnh trên màn hình thu hút sự chú ý của ông: một phi cơ lớn đỗ trên đường băng ở đâu đó, sáng bừng như một món trang sức bằng ngà bày trên lớp nỉ đen. Ông rút cái kính gọng đen đang móc trên ngực áo, nheo mắt cố nhìn ra dòng chữ chạy phía dưới. Thảm họa hôm nay xảy ra ở bên kia bờ sông, sân bay JFK.

Vị giáo sư già chăm chú theo dõi, tập trung vào cái máy bay có vẻ còn mới. Một phút trở thành hai phút, rồi ba phút, căn phòng mờ dần xung quanh ông. Ông chờ người - gần như choáng váng - trước bản tin kia, thìa xúp vẫn ở trên bàn tay giờ không còn run rẩy của ông.

Hình ảnh cái máy bay không hoạt động trên màn hình ti vi vắt ngang hai cái mắt kính của ông như điềm báo tương lai. Nước xúp trong bát nguội dần, làn hơi nước mờ dần, tan biến dần, lát bánh mì đen vừa được lấy ra vẫn còn nguyên chưa được ăn.

Ông *biết*.

Cộc-cộc-cộc.

Ông lão *biết*...

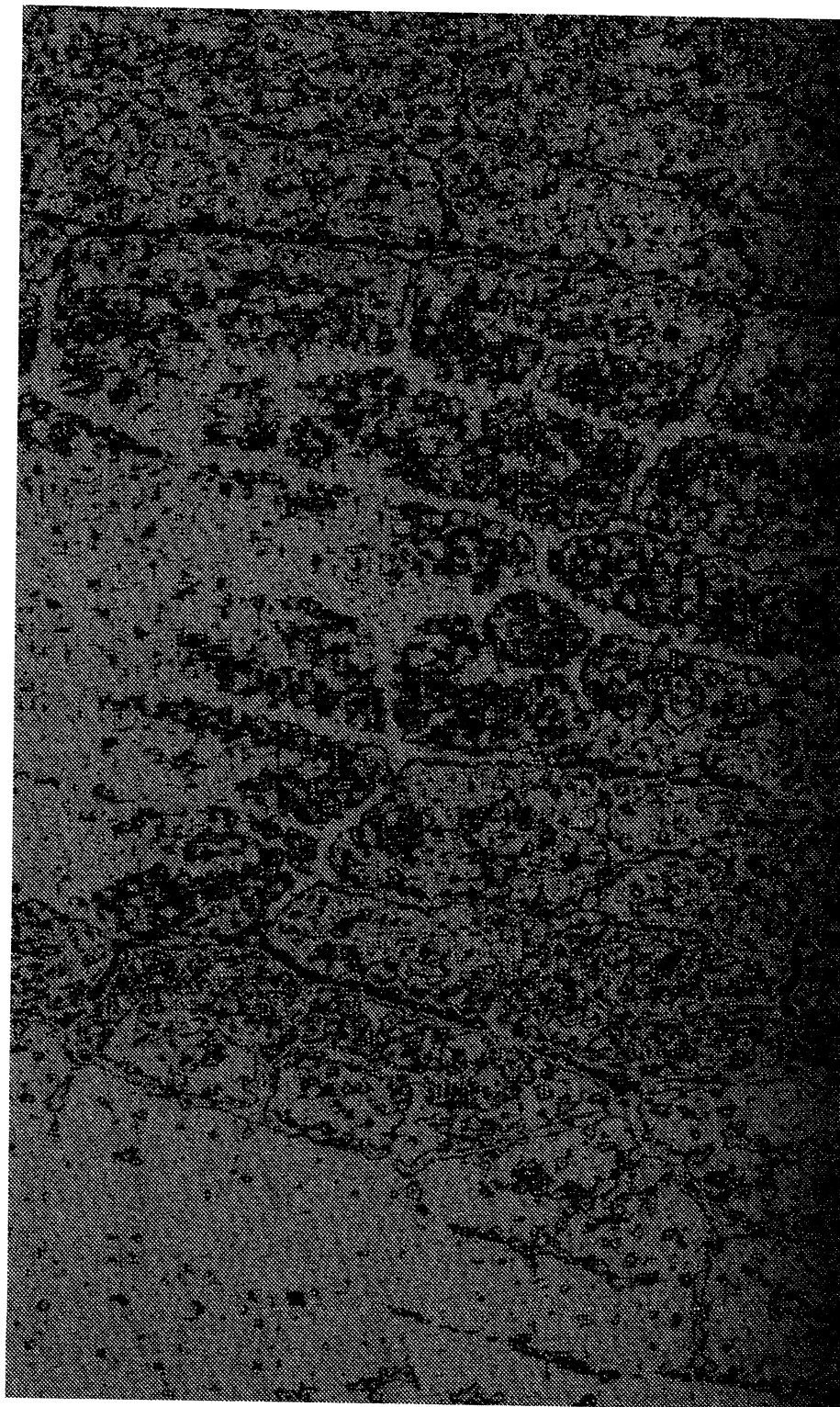
Cộc-cộc-cộc.

Hai bàn tay dị hình của ông bắt đầu đau nhức. Thứ ông nhìn thấy trước mắt không phải một điềm báo - nó là một cuộc

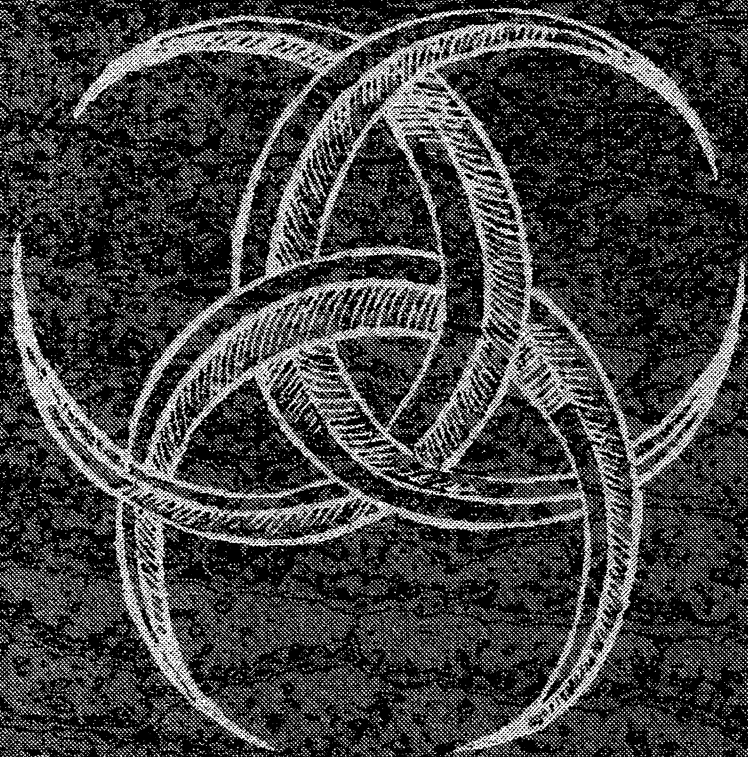
tấn công. Nó là một động thái. Thứ ông vẫn luôn chờ đợi. Thứ ông vẫn luôn sẵn sàng đối phó. Suốt cả cuộc đời cho đến tận thời khắc này.

Ban đầu dù ông có cảm thấy nhẹ nhõm chút nào - vì đã không bị tiêu diệt bởi cái điều kinh hoàng; vì đến phút chót vẫn giành được một cơ hội để báo thù - thì giờ nó cũng lập tức bị thế chỗ bởi một nỗi sợ hãi rõ ràng, gần như đau đớn. Từ ngữ buột ra khỏi môi ông.

Hắn ở đây rồi... Hắn ở đây rồi...



ĐẾN NƠI



Kho bảo trì máy bay Regis Air

Do JFK cần đường lăn thông thoáng, cái máy bay được giữ nguyên trạng và được kéo vào kho bảo trì dài tít tắp của hãng Regis Air trước bình minh. Ai nấy đều im lặng khi chiếc 777 què quặt chứa đầy hành khách đã chết lăn bánh qua như một quan tài trắng khổng lồ.

Khi các miếng chặn bánh đã được đặt vào vị trí và cái máy bay đã được cố định, những tấm vải bạt đen được trải ra phủ lên sàn xi măng lem luốc. Các tấm rèm y tế đi mượn được dựng thẳng lên, tạo ra một khu cách ly rộng ở khoảng giữa cánh trái và mũi máy bay. Cái máy bay bị cô lập trong kho chứa, như xác chết trong một nhà xác khổng lồ.

Theo yêu cầu của Eph, Cơ quan Pháp y (OCME) New York đã cử tới một số điều tra viên pháp y cấp cao từ Manhattan và Queens, mang theo vài thùng đựng túi cứu hộ bằng cao su. OCME, cơ quan pháp y lớn nhất thế giới, đã có nhiều kinh nghiệm trong việc xử lý thảm họa thương vong lớn và hỗ trợ quá trình thu hồi xác.

Các nhân viên HAZMAT của Cơ quan Quản lý Cảng mặc đồ bảo hộ đưa viên cảnh sát hàng không ra trước tiên - mọi người nghiêm trang cúi chào khi túi thi thể xuất hiện nơi cửa cánh - rồi lần lượt từng hành khách ngồi hàng đầu trong khoang. Tiếp theo, họ tháo bỏ những ghế trống đó, sử dụng khoảng trống mới có này để cho xác chết vào túi trước khi đưa

ra. Lần lượt từng thi thể được buộc vào cồng và hạ từ cánh máy bay xuống mặt sàn lót vải bạt.

Quá trình này diễn ra vô cùng thận trọng và, đôi lúc, ghé rợn. Sau một lúc, khi đã đưa được khoảng ba mươi thi thể ra, một nhân viên Quản lý Cảng bất ngờ ngã ra khỏi hàng ngũ thu hồi xác, vừa rên rỉ vừa túm chặt lấy mũ trùm đầu. Hai nhân viên HAZMAT xúm lại hỗ trợ nhưng anh ta đá chân, xô họ ngã vào mấy tấm màn y tế, phá thủng ranh giới cách ly. Hoảng loạn bùng phát, mọi người dạt hết ra để cho anh nhân viên có khả năng đã bị đầu độc hoặc bị nhiễm bệnh này vừa cấu xé bộ đồ bảo hộ vừa tìm đường thoát khỏi cái kho hun hút. Eph bắt kịp anh ta tại thêm đế máy bay, và ở đây, dưới ánh mặt trời buổi sáng, anh nhân viên cuối cùng cũng thành công vứt chiếc mũ trùm và cởi bỏ bộ đồ bảo hộ đang như một lớp da co khít. Eph túm lấy anh nhân viên, và anh này ngồi thụp xuống thêm đế máy bay, nước mắt đầm đìa.

“Thành phố này,” anh ta nức nở. “Cái thành phố chết tiệt này.”

Sau này, người ta đồn rằng nhân viên Quản lý Cảng này đã trải qua vài tuần làm việc đầu tiên kinh khủng bên đồng hồ nát tại Khu vực Số 0⁽¹⁾, ban đầu làm nhiệm vụ giải cứu, rồi về sau là hỗ trợ công cuộc tái thiết. Bóng ma ngày 11/9 vẫn lơ lửng trên đầu rất nhiều nhân viên Quản lý Cảng, và cái thảm họa chết người hàng loạt đầy bí ẩn này lại một lần nữa khơi dậy nó.

Một nhóm phản ứng nhanh bao gồm các chuyên viên phân tích và điều tra viên từ Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia tại Washington D.C. đã đến trên một máy bay Gulfstream của FAA. Họ có mặt để phỏng vấn tất cả những người liên quan tới “sự cố” trên chuyến bay 753 của Regis Air, thu thập tư liệu về những giờ phút hoạt động cuối cùng, thông số chuyến bay

1. “Khu vực số 0” là tên gọi của tòa tháp đôi New York sau vụ khủng bố ngày 11 tháng Chín năm 2001.

cùng băng ghi âm buồng lái. Các điều tra viên từ Sở Y tế thành phố New York, vốn đã bị CDC qua mặt trong cuộc ứng phó khủng hoảng, được báo cáo vấn đề về vụ việc, tuy nhiên Eph đã bác bỏ quyền tài phán của họ. Anh biết mình cần phải kiểm soát công cuộc ứng phó và ngăn chặn thảm họa nếu muốn mọi thứ diễn ra tốt đẹp.

Đại diện hãng Boeing trên đường từ Washington tới đã phủ nhận việc chiếc 777 hoàn toàn ngưng hoạt động là do “vấn đề kỹ thuật”. Phó chủ tịch Regis Air, vừa thức dậy ở Scarsdale, khẳng khái rằng đội kỹ thuật riêng của Regis phải là nhóm người đầu tiên lên kiểm tra máy bay một khi lệnh cách ly bệnh dịch được dỡ bỏ. (Hiện tại, hổng hóc hệ thống thông khí đang là giả thuyết chính về nguyên nhân tử vong.) Đại sứ Đức tại Hoa Kỳ cùng đội ngũ nhân viên của ông vẫn đang chờ nhận túi ngoại giao, Eph đã để mặc họ đợi tại phòng chờ Lufthansa’s Senator trong nhà ga số 1. Thư ký truyền thông của thị trưởng đã lên kế hoạch cho buổi họp báo buổi chiều, còn ủy viên cảnh sát cũng có mặt cùng cục trưởng Cục Chống Khủng bố bên trong buồng điều khiển của xe phản ứng khẩn cấp của Sở Cảnh sát New York (NYPD).

Tới giữa buổi sáng, chỉ còn lại tám mươi thi thể chưa được mang ra. Quá trình xác định danh tính được triển khai nhanh chóng nhờ các bản scan hộ chiếu và kê khai hành khách chi tiết.

Trong thời gian nghỉ để thay đồ, Eph và Nora hội ý với Jim bên ngoài khu vực cách ly, tại một góc nhỏ của thân máy bay khổng lồ lộ ra phía sau những tấm màn chắn. Ngoài kia, các máy bay lại đang cất cánh và hạ cánh; họ có thể nghe thấy tiếng động cơ lúc to lúc nhỏ trên đầu, cảm nhận sự khuấy động trong bầu khí quyển, trong luồng không khí.

Eph vừa hỏi Jim vừa cầm chai nước uống từng ngụm một, “Bộ phận Giám định Pháp y ở Manhattan có thể xử lý được bao nhiêu thi thể vậy?”

Jim nói, “Queens có quyền hạn ở đây, nhưng anh có lý,

trụ sở ở Manhattan được trang bị tốt hơn cả. Chúng ta sẽ chia các nạn nhân ra giữa hai nơi này và Brooklyn cùng Bronx. Vậy, khoảng năm mươi người mỗi nơi.”

“Ta tính vận chuyển họ thế nào?”

“Xe tải đông lạnh. Giám định pháp y nói đó là cách họ xử lý những thi thể còn lại ở Trung tâm Thương mại Thế giới. Họ đã liên lạc với chợ cá Fulton ở Lower Manhattan.”

Eph thường coi công việc kiểm soát dịch bệnh như một nỗ lực phản kháng thời chiến, anh và đồng đội chiến đấu cam go trong khi phần còn lại của thế giới cố duy trì cuộc sống thường ngày dưới nguy cơ bị chiếm đóng, bị lây nhiễm bởi vi rút và vi khuẩn. Trong tình huống ấy, Jim là phát thanh viên ngầm, thông thạo ba ngôn ngữ, người có thể kiếm được mọi thứ từ bơ sữa đến vũ khí hay một lối thoát an toàn ra khỏi thành phố.

Eph hỏi, “Không có gì từ phía Đức sao?”

“Vẫn chưa. Họ đã đóng cửa sân bay hai giờ, kiểm tra an ninh toàn diện. Không có nhân viên nào phát bệnh ở sân bay, không một ca bệnh đột ngột nào được báo cáo cho các bệnh viện.”

Nora lo lắng nói, “Chuyện này thật khó hiểu.”

Eph gạt đầu đồng tình. “Tiếp đi.”

“Chúng ta có một máy bay đầy xác chết. Nếu nguyên nhân là khí độc, hay một sol khí nào đó trong hệ thống thông khí - dù có phải là tai nạn hay không - thì tất cả bọn họ đã không ra đi một cách... tôi phải nói là, cực kỳ *thanh thản* đến thế. Đáng ra họ phải bị ngạt, gãy giụa. Nôn mửa. Xanh tái. Người có cơ địa khác nhau sẽ gục ở những thời điểm khác nhau. Và kèm theo sự hoảng loạn. Này nhé - nếu như thay vì thế, đây là một vụ lây nhiễm, vậy thì chúng ta có một dạng mầm bệnh mới toanh cực kỳ lạ lùng, một thứ chưa ai trong chúng ta từng thấy. Ý tôi là, thứ gì đó do con người tạo ra, trong phòng thí nghiệm. Và trong cùng một thời điểm, hai người nhớ chứ, không chỉ các hành khách chết - cả cái máy bay cũng chết. Như thế là một *thứ* gì đó, một *thứ* có khả năng phá hủy nào đó, đã tấn công máy bay và xóa sổ mọi thứ bên trong, kể cả hành khách. Nhưng cũng chưa

chắc là thế, phải không? Bởi vì, và tôi cho rằng đây mới là câu hỏi quan trọng nhất hiện giờ, ai đã mở cửa?" Nora nhìn qua nhìn lại giữa Eph và Jim. "Ý tôi là - cũng *rất có thể* là do thay đổi áp suất. Có thể cánh cửa vốn không khóa, và vì máy bay giảm áp suất nên nó đã mở ra. Ta có thể đưa ra những lời giải thích khôn khéo cho bất cứ vấn đề gì, bởi chúng ta là những chuyên gia y tế, đó là công việc của chúng ta."

"Còn những tấm che cửa sổ nữa," Jim nói. "Mọi người luôn nhìn ra ngoài cửa sổ trong lúc hạ cánh. Ai đã đóng hết chúng?"

Eph gật đầu. Suốt cả sáng nay, anh đã quá tập trung vào chi tiết, cũng tốt thôi nếu lùi lại và đứng từ xa mà nhìn các sự kiện kỳ lạ. "Bởi vậy nên bốn người sống sót mới chính là chìa khóa. Biết đâu họ đã được chứng kiến bất cứ điều gì."

Nora bổ sung, "Hoặc là có liên quan."

Jim nói, "Cả bốn người đều trong tình trạng nguy kịch nhưng ổn định tại khu cách ly của Trung tâm Y tế Bệnh viện Jamaica. Cơ trưởng Redfern, phi công thứ ba, nam, ba hai tuổi. Một luật sư từ hạt Westchester, nữ, bốn một tuổi. Một nhà lập trình máy tính từ Brooklyn, nam, bốn bốn tuổi. Và một nhạc sĩ, một nhân vật nổi tiếng từ Manhattan & Miami Beach, nam, ba sáu tuổi. Tên anh ta là Dwight Moorshein."

Eph nhún vai. "Chưa nghe tên đó bao giờ."

"Anh ta biểu diễn dưới nghệ danh Gabriel Bolivar."

Eph nói, "Ồ."

Nora nói, "Eo."

Jim nói, "Anh ta đang đi du lịch bí mật, ở khoang hạng nhất. Không lớp trang điểm đáng sợ, không cặp kính áp tròng điên rồ. Thế nên giới truyền thông hẳn sẽ phát rồ hơn nữa."

Eph nói, "Có bất cứ mối liên hệ nào giữa những người sống sót không?"

"Chưa thấy gì hết. Có thể các phân tích y tế sẽ tiết lộ gì đó. Họ ngồi rải rác trên máy bay, lập trình viên ở khoang thường, luật sư ở khoang thương gia, ca sĩ ở khoang hạng nhất. Và cơ trưởng Redfern, dĩ nhiên, ở buồng lái."

"Thật khó hiểu," Eph nói. "Nhưng dù sao nó cũng có ý

nghĩa gì đó. Nếu họ tỉnh lại, tất nhiên. Đủ lâu để chúng ta có thể thu được vài câu trả lời từ họ.”

Một nhân viên Quản lý Cảng đến tìm Eph. “Bác sĩ Goodweather, ông nên trở vào đó thì hơn,” anh ta nói. “Khoang hàng. Họ vừa tìm thấy một thứ.”

Qua cánh cửa sập bên của khoang hàng, trong bụng dưới chiếc 777, họ đã bắt đầu đưa các tủ đựng hành lý bằng thép có bánh xe xuống, để đội HAZMAT Quản lý Cảng mở và kiểm tra. Eph và Nora bước vòng tránh các thùng chứa hàng còn lại được nối với nhau và khóa bánh vào đường ray trên mặt sàn.

Ở cuối khoang chứa hàng là một hộp chữ nhật dài, màu đen, bằng gỗ và trông rất nặng, giống như một chiếc tủ lớn để ngựa. Gỗ mun không đánh véc ni, dài khoảng hai mét rưỡi, rộng một mét hai, cao một mét. Cao hơn một cái tủ lạnh. Mặt trên phủ kín các hình chạm khắc tinh xảo, đường nét trang trí phức tạp cùng những ký tự cổ hoặc được-làm-cho-giống-ngôn-ngữ-cổ. Rất nhiều đường xoáy na ná các hình thù, các hình người trôi nổi - và có lẽ, với một chút tưởng tượng, các khuôn mặt đang la hét.

“Chưa ai mở nó ư?” Eph hỏi.

Các nhân viên HAZMAT đều lắc đầu. “Chúng tôi chưa hề chạm vào thứ đó,” một người nói.

Eph kiểm tra mặt sau của nó. Ba sợi dây chằng màu cam nằm trên sàn bên cạnh cái hòm, móc thép của chúng vẫn còn gài vào các khoen trên sàn. “Những dây đai này?”

“Lúc chúng tôi vào thì đã gỡ sẵn rồi,” một người khác nói.

Eph nhìn quanh khoang hàng. “Không thể có chuyện đó,” anh nói. “Nếu thứ này không được buộc cố định khi đang bay, nó sẽ gây hư hại nặng cho các thùng chứa hành lý, thậm chí là các vách trong của khoang hàng.” Anh nghiêng cứu lại nó lần nữa. “Thẻ thông tin của nó đâu? Bảng kê khai hàng hóa cho biết gì?”

Một nhân viên cầm một tập giấy được đóng kẹp tròn trong

bàn tay đeo găng. “Nó không có ở đây.”

Eph bước tới để tự mình kiểm tra. “Không thể thế được.”

“Hàng hóa bất thường duy nhất được liệt kê ở đây, ngoài ba bộ gậy đánh golf, là một xuồng kayak.” Người nhân viên chỉ sang bức vách bên, nơi một chiếc xuồng kayak để trong túi nhựa dán nhãn hành lý máy bay cũng được buộc bằng một loại dây đai màu cam có khóa móc.

“Gọi cho bên Berlin,” Eph nói. “Họ phải có biên bản. Hẳn phải có người còn nhớ thứ này. Nó dễ phải nặng tới gần hai trăm cân.”

“Chúng tôi đã làm rồi. Không có biên bản nào cả. Họ sẽ cho gọi đội quản lý hành lý và hỏi từng người một.”

Eph quay lại với cái hòm đen. Bỏ qua lối chạm khắc kỳ quái, anh cúi rạp người, xem xét các bên, tìm ra ba bản lề tại mỗi cạnh trên. Nắp hòm là một cánh cửa xẻ dọc ở giữa, tạo thành hai nửa có thể mở ra. Eph chạm bàn tay đeo găng vào nắp hòm chạm khắc, rồi luồn tay xuống dưới, cố mở cánh cửa nặng trĩch. “Ai muốn giúp tôi một tay không?”

Một nhân viên bước lên, vòng những ngón tay mang găng xuống dưới mép chiếc nắp phía đối diện với Eph. Eph đếm đến ba, và họ cùng lúc mở cả hai cánh cửa nặng.

Hai cánh cửa mở toang trên những bản lề rộng bản chắc chắn. Một mùi giống mùi xác chết phả ra, như thể cái hòm đã bị khóa kín một trăm năm nay. Nó có vẻ rỗng, cho đến khi một nhân viên bật đèn pin soi vào trong.

Eph thò tay vào, ngón tay anh chìm vào trong một lớp đất mùn dày màu đen. Lớp mùn mềm dễ chịu như bột bánh và ngập tới hai phần ba cái hòm.

Nora lùi một bước khỏi cái hòm đang mở. “Nó trông như một chiếc quan tài,” Nora nói.

Eph rút ngón tay ra, vẫy cho hết những thứ bám vào tay rồi quay về phía Nora, vô vọng chờ đợi một nụ cười của cô. “Hơi lớn so với một chiếc quan tài nhỉ?”

“Tại sao lại có người muốn vận chuyển một thùng đất chứ?” cô hỏi.

“Họ không làm thế đâu,” Eph nói. “Hắn phải có thứ gì đó bên trong.”

“Nhưng bằng cách nào?” Nora nói. “Máy bay này đã bị cách ly hoàn toàn.”

Eph nhún vai. “Chúng ta giải thích được bất cứ điều gì ở đây cơ chứ? Tất cả những gì anh biết chắc là ở đây, ta đang có một cái hòm mở khóa và không được gài dây, cũng không có hóa đơn vận chuyển.” Anh quay về phía những người còn lại. “Ta cần lấy mẫu đất. Đất lưu giữ dấu vết chứng cứ rất tốt. Như bực xạ chẳng hạn.”

Một nhân viên nói, “Anh cho rằng tác nhân được dùng để hạ các hành khách...?”

“Được vận chuyển trong này? Đó là giả thuyết tốt nhất tôi được nghe trong suốt cả ngày hôm nay đấy.”

Giọng của Jim vọng lên từ phía dưới họ, bên ngoài máy bay. “Eph? Nora?”

Eph đáp lại, “Gì vậy, Jim?”

“Tôi vừa nhận được điện thoại từ khu cách ly của bệnh viện Jamaica. Hai người thể nào cũng muốn tới đó ngay lập tức đấy.”

Trung tâm Y tế Bệnh viện Jamaica

BỆNH VIỆN CHỈ CÁCH JFK mười phút ô tô về phía Bắc, dọc theo đường cao tốc Van Wyck. Jamaica là một trong bốn Trung tâm Phòng chống Khủng bố Sinh học ở New York. Nó là một thành viên đủ tư cách trong Hệ thống Giám sát Hội chứng, và Eph từng tổ chức một cuộc hội thảo của Canary tại đó chỉ mới vài tháng trước. Vì vậy anh biết rõ đường tới khoa cách ly bệnh nhân lây nhiễm qua đường hô hấp trên tầng năm.

Cánh cửa kim loại hai lớp có biểu tượng nguy hiểm sinh học ba cánh hoa màu cam lửa đặc trưng, ám chỉ nguy hiểm thực sự hoặc tiềm tàng đối với các thành phần tế bào hay cơ thể sống. Dòng chữ cảnh báo in:

**KHU VỰC CÁCH LY:
YÊU CẦU MẶC ĐỒ BẢO HỘ,
KHÔNG PHẬN SỰ MIỄN VÀO.**

Eph giơ thẻ CDC tại bàn, và người quản lý đã nhận ra anh từ những lần tập huấn phòng chống sinh học trước kia. Bà đưa anh vào trong. “Chuyện gì vậy?” anh hỏi.

“Tôi thực sự không muốn tỏ ra kích thích quá mức đâu,” bà vừa nói vừa quẹt thẻ bệnh viện của mình trên máy quét và mở cửa vào khu cách ly, “nhưng anh phải xem tận mắt mới được.”

Lối đi bên trong nhỏ hẹp, vốn là vòng ngoài của khu cách ly, phần lớn diện tích được dành cho trạm y tá. Eph theo bà quản lý bước qua một tấm rèm xanh nước biển, vào một sảnh rộng đặt các khay đựng đồ bảo hộ - áo choàng, kính, găng tay, giày, mặt nạ phòng độc - và một thùng rác xoay lớn lót túi rác sinh học màu đỏ. Mặt nạ phòng độc là loại nửa mặt N95, hiệu suất lọc 95 phần trăm các hạt từ 0.3 micrômet trở lên. Nghĩa là nó có thể giúp bảo vệ người đeo khỏi phần lớn các vi rút lây qua đường hô hấp và các mầm bệnh do vi khuẩn, nhưng không thể chống lại chất độc hóa học hay khí độc.

Sau bộ đồ bảo hộ kín mít tại sân bay, Eph cảm thấy như thể đang bị phơi ra với chiếc khẩu trang y tế, mũ phẫu thuật, kính bảo hộ, áo choàng và bao giày bệnh viện. Bà quản lý, cũng đang mặc bộ đồ tương tự, nhấn một cái nút bấm, mở một dãy cửa bên trong, và khi bước vào, Eph cảm thấy một lực hút giống như chân không, do hệ thống áp suất âm hút không khí vào trong khu cách ly để không một phân tử nào có thể thoát ra.

Bên trong, một hành lang chạy dọc từ trái qua phải phía ngoài trạm cung cấp trung tâm. Trạm này gồm một xe đẩy chứa thuốc và các dụng cụ cấp cứu, một máy tính xách tay bọc nhựa và hệ thống liên lạc nội bộ giúp giao tiếp với bên ngoài, cùng các vật dụng cách ly phụ trợ.

Khu bệnh nhân là một dãy tám phòng nhỏ. Tổng cộng tám phòng cách ly cho một quận hơn hai triệu hai trăm năm mươi ngàn dân. “Năng lực vượt trần” là một thuật ngữ ứng

biến thảm họa chỉ khả năng mở rộng nhanh quy mô hoạt động bình thường của một cơ sở y tế để đáp ứng nhu cầu sức khỏe cộng đồng khi có trường hợp khẩn cấp gây nguy hại trên diện rộng. Số giường bệnh ở bang New York là khoảng 60.000 và đang giảm sút. Riêng dân số *thành phố* New York đã là 8,1 triệu và đang tiếp tục tăng. Dự án Canary được cấp vốn với hy vọng cải thiện sự thiếu hụt mang tính thống kê này, như một dạng phương án ứng biến thảm họa tạm thời. CDC đánh giá động cơ chính trị này là “lạc quan”. Eph thích thuật ngữ “tư duy hảo huyền” hơn.

Eph theo chân bà quản lý vào phòng đầu tiên. Đây không phải một phòng cách ly sinh học hoàn toàn; không có khóa không khí hay cửa thép. Chỉ là phòng bệnh bình thường được tách riêng. Căn phòng lát gạch vuông sáng ánh đèn huỳnh quang. Thứ đầu tiên Eph nhìn thấy là cái khoang Kurt bỏ đi đặt sát bức tường bên. Khoang Kurt là một loại cang nhựa hình hộp dùng một lần, trông giống một chiếc quan tài trong suốt, mỗi bên có hai lỗ tiếp xúc tròn gắn kèm găng tay, khoang còn được trang bị bình dưỡng khí lắp ngoài có thể tháo rời. Một cái áo choàng, áo sơ mi và quần dài, đã được cất khỏi người bệnh nhân bằng kéo phẫu thuật, gom thành một đống bên cạnh, logo vương miện có cánh của Regis Air lộ ra trên chiếc mũ phi công để ngửa.

Một lớp rèm nhựa trong suốt bao quanh giường bệnh ở giữa phòng, bên ngoài đặt thiết bị giám sát và một khung truyền dịch tĩnh mạch điện tử chất đầy những túi dịch. Chiếc giường có tay vịn phủ khăn trải giường xanh chất mấy cái gối trắng lớn được dựng lên ở tư thế ngồi.

Cơ trưởng Doyle Redfern ngồi giữa giường, tay đặt trên đùi. Anh ta để chân trần, chỉ mặc một bộ quần áo bệnh nhân, vẻ cảnh giác. Nhưng, nhìn mũi kim truyền dịch trên bàn tay và cánh tay Redfern, cùng vẻ mặt mệt mỏi của anh ta - anh ta có vẻ đã sụt mất năm cân kể từ khi được Eph tìm thấy trong buồng lái - anh ta trông hệt như một bệnh nhân đang chờ kiểm tra sức khỏe tổng quát.

Anh ta ngược lên đây hy vọng khi Eph tiến lại gần. “Anh ở bên hăng hàng không à?” anh ta hỏi.

Eph lắc đầu, chết lặng. Đêm qua, người này đã hỗn hển ngã nhào xuống sàn buồng lái chuyến 753, mắt trợn ngược, trông như sắp chết đến nơi.

Chiếc nệm mỏng kêu sột soạt khi người phi công cựa mình. Anh ta cau mày như thể đang bị đau, rồi hỏi, “Chuyện gì đã xảy ra trên máy bay vậy?”

Eph không giấu nổi nỗi thất vọng. “Tôi tới đây cũng vì muốn hỏi anh câu đó đấy.”

Eph đứng trước mặt ngôi sao nhạc rock Gabriel Bolivar, người đang ngồi trên mép giường như một con quái vật vận quần áo bệnh nhân. Không có lớp trang điểm kinh dị, trông anh ta đẹp trai đến lạ, theo kiểu kham khổ, đầu bù tóc rối.

“Mệt vãi,” Bolivar nói.

“Anh còn thấy khó chịu chỗ nào nữa không?” Eph hỏi.

“Đủ chỗ. *Trời ạ.*” Anh ta xọc tay vào mái tóc đen dài. “Chớ bao giờ đi máy bay thương mại. Bài học rút ra từ vụ này đấy.”

“Anh Bolivar, anh có thể cho tôi biết điều cuối cùng anh nhớ được về quá trình hạ cánh là gì không?”

“Hạ cánh nào? Nghiêm túc đấy. Tôi đã nốc khá nhiều vodka tonic trong suốt chuyến bay - chắc tôi đã ngủ say.” Anh ta ngược lên, nheo mắt trước ánh sáng. “Cho tôi chút Demerol⁽¹⁾ chứ? Khi xe đẩy đi ngang qua ấy?”

Eph nhìn thấy những vết sẹo chằng chịt trên cánh tay trần của Bolivar, và nhớ ra một trong những trò diễn hình của anh ta trên sân khấu là tự rạch lên người mình. “Chúng tôi đang cố khỏa các hành khách với hành lý của mỗi người.”

“Đơn giản thôi. Tôi chẳng có gì cả. Không hành lý, chỉ mỗi điện thoại thôi. Máy bay riêng bị hỏng nên tôi lên chuyến bay này vào phút chót. Quản lý của tôi chưa nói cho anh biết à?”

1. Một loại thuốc giảm đau cực mạnh.

“Tôi chưa nói chuyện với ông ta. Tôi đang muốn hỏi về một cái hòm lớn.”

Bolivar nhìn anh chằm chằm. “Đây là một dạng kiểm tra tâm lý à?”

“Trong khoang hành lý. Một cái hòm cũ, chứa đầy đất.”

“Chẳng biết anh đang nói về cái gì.”

“Anh không mang nó từ Đức về ư? Nó có vẻ giống kiểu mà những người như anh thích sưu tầm.”

Bolivar cau mày. “Chỉ là diễn thôi, ông ơi. Một chương trình chết tiệt, một màn biểu diễn. Trang điểm kiểu gothic và lời nhạc nặng đô. Google tôi đi - cha tôi là một nhà truyền giáo theo Hội Giám lý, và thứ duy nhất tôi sưu tầm là gái. Mà nhân nói đến chuyện đó, đến lúc quái nào tôi mới có thể ra khỏi đây?”

Eph nói, “Chúng tôi còn một vài lượt kiểm tra nữa. Chúng tôi muốn xác nhận tình trạng sức khỏe của anh hoàn toàn tốt trước khi để anh đi.”

“Khi nào tôi có thể lấy lại điện thoại của mình?”

“Sớm thôi,” Eph nói, rồi bước ra ngoài.

Bà quản lý đang gặp rắc rối với ba người đàn ông bên ngoài cửa vào khu cách ly. Hai trong số đó cao hơn hẳn Eph, hẳn phải là vệ sĩ của Bolivar. Gã thứ ba nhỏ con hơn mang một chiếc cặp hồ sơ, sặc mùi luật sư.

Eph nói, “Các quý ông, đây là khu vực cấm.”

Gã luật sư nói, “Tôi tới đây để đón thân chủ của tôi, Gabriel Bolivar.”

“Ông Bolivar đang trải qua một số cuộc kiểm tra và sẽ được xuất viện trong thời gian sớm nhất có thể.”

“Và đó là khi nào?”

Eph nhún vai. “Hai, hay có lẽ là ba ngày, nếu mọi việc thuận lợi.”

“Ông Bolivar đã yêu cầu được xuất viện để bác sĩ riêng của ông ấy chăm sóc. Tôi không chỉ có quyền của một luật sư, tôi còn là người đại diện chăm sóc sức khỏe của ông Bolivar trong trường hợp ông ấy bị bất kỳ thương tật gì.”

“Không ai được vào gặp anh ta ngoại trừ tôi,” Eph nói. Rồi anh nói với bà quản lý, “Hãy lập tức bố trí bảo vệ tại đây.”

Gã luật sư sấn tới. “Nghe này, bác sĩ. Tôi không biết nhiều về luật cách ly kiểm dịch, nhưng tôi khá chắc cần phải có sắc lệnh hành pháp từ tổng thống khi muốn giữ ai đó trong khu cách ly y tế. Tôi có thể xem sắc lệnh đó được chứ?”

Eph mỉm cười. “Anh Bolivar giờ là bệnh nhân của tôi và cũng là người sống sót sau một tai nạn thương vong lớn. Nếu anh để lại số điện thoại của mình tại bàn y tá, tôi sẽ cố gắng hết sức cập nhật tình hình phục hồi của anh ta cho anh - tất nhiên là với sự ưng thuận của anh Bolivar.”

“Này, bác sĩ.” Gã luật sư đặt tay lên vai Eph theo cái kiểu mà Eph chẳng thích một chút nào. “Tôi có thể đạt được kết quả nhanh hơn so với đội lệnh của tòa án chỉ đơn giản bằng cách huy động lực lượng fan cuồng của thân chủ tôi.” Gã đe dọa cả bà quản lý. “Hai người có muốn đấm gãi mặc đồ gothic cùng một lũ đồng bóng biểu tình bên ngoài bệnh viện, càn quét qua những hành lang này chỉ để được gặp anh ấy không?”

Eph nhìn vào bàn tay tên luật sư cho tới khi hắn bỏ ra khỏi vai anh. Anh phải gặp hai người sống sót nữa. “Này, tôi thực sự không có thời gian cho chuyện này. Vì thế tôi sẽ hỏi thẳng anh một số câu. Thân chủ của anh có bất cứ bệnh lây truyền qua đường tình dục nào mà tôi cần biết không? Anh ta có tiền sử dùng ma túy không? Tôi hỏi thế bởi vì nếu tôi phải đi lục lại toàn bộ hồ sơ bệnh án của anh ta, chắc, những thứ này có khi lại lọt vào tay kẻ xấu không chừng. Anh đâu muốn toàn bộ bệnh án của anh ta bị tiết lộ cho giới báo chí, phải không?”

Gã luật sư nhìn anh chòng chọc. “Đó là những thông tin riêng tư. Làm lộ nó nghĩa là phạm trọng tội.”

“Và cũng là một nỗi ô nhục khủng khiếp nữa,” Eph nói, rồi nhìn thẳng vào mắt gã luật sư thêm vài giây để đạt được hiệu quả tối đa. “Ý tôi là, hãy thử tưởng tượng lỡ ai đó đưa toàn bộ hồ sơ bệnh án của anh lên mạng cho mọi người cùng thấy mà xem.”

Gã luật sư dờ ra khi Eph bước qua hai tên vệ sĩ.

Joan Luss, đồng sở hữu một công ty luật, bà mẹ hai con, tốt nghiệp Đại học Swarthmore, sống tại Bronxville, thành viên Junior League⁽¹⁾, đang ngồi trên tám nệm xếp trên giường bệnh khoa cách ly, vẫn trong trang phục bệnh nhân lối bịch ấy, nguệch ngoạc ghi chép trên mặt sau của tấm ga trải giường. Nguệch ngoạc, chờ đợi và ngo nguậy những ngón chân trần. Họ không trả lại điện thoại cho cô ta; cô ta thậm chí đã phải tán tỉnh và hăm dọa chỉ để xin được một chiếc bút chì.

Cô ta lại vừa định lẩm bẩm gì đó thì y tá cuối cùng cũng bước vào. Joan liền nở một nụ cười cầu cạnh. “Xin chào, cô đây rồi. Tôi đang băn khoăn quá. Tên của bác sĩ vừa ở đây là gì ấy nhỉ?”

“Anh ấy không phải bác sĩ ở bệnh viện này.”

“Tôi biết chứ. Tôi hỏi tên anh ta thôi mà.”

“Anh ấy là bác sĩ Goodweather.”

“Họ Goodweather.” Cô ta nguệch ngoạc ghi lại. “Còn tên?”

“Bác sĩ.” Cô y tá cười nhạt. “Vói tôi, họ đều có một cái tên như nhau - Bác sĩ.”

Joan nheo mày, như thể không chắc mình đã nghe chính xác, và hơi cựa mình trên tấm ga trải giường thô cứng. “Và anh ta đã được cử tới đây từ Trung tâm Kiểm dịch?”

“Vâng, tôi đoán vậy. Lúc ra về anh ta có yêu cầu kiểm tra vài thứ...”

“Có bao nhiêu người khác sống sót sau vụ va chạm?”

“Ừm, không có vụ va chạm nào cả.”

Joan mỉm cười. Đôi khi, để hiểu được vấn đề, ta cần phải giả vờ như tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai của họ. “Tôi đang muốn hỏi cô là còn bao nhiêu người nữa không chết trên chuyến bay 753 từ Berlin đến New York?”

“Ngoài cô ra, còn ba người khác trên chuyến bay này. Nào, bác sĩ Goodweather muốn lấy máu và...”

Joan ngay tức khắc phớt lờ cô y tá. Lý do duy nhất khiến cô ta vẫn còn ngồi trong phòng bệnh này là bởi cô ta biết mình

1. Một tổ chức tình nguyện của phụ nữ.

có thể tìm hiểu thêm về sự việc bằng cách vờ hợp tác. Nhưng âm mưu này đang sắp đến hồi kết. Joan Luss là một luật sư lo những vụ thiệt hại ngoài hợp đồng, “thiệt hại ngoài hợp đồng” là thuật ngữ pháp lý mang nghĩa “một sai phạm dân sự”, được xem là cơ sở để kiện tụng. Một cái máy bay chở đầy hành khách đã chết, ngoại trừ bốn người - một trong số đó là luật sư dân sự.

Tội nghiệp Regis Air. Đối với họ mà nói, có một hành khách lẽ ra không nên sống sót.

Joan nói, át tiếng chỉ dẫn của cô y tá, “Tôi muốn một bản sao hồ sơ bệnh án của tôi cho đến thời điểm hiện tại, cùng danh sách tất cả các xét nghiệm đã được thực hiện, và kết quả của chúng...”

“Cô Luss? Cô chắc mình vẫn ổn chứ?”

Trước đó Joan đã bất tỉnh một lát, nhưng đấy chỉ là tàn dư của bất cứ thứ gì đó đã chế ngự họ vào cuối chuyến bay khủng khiếp ấy. Cô ta mỉm cười và lắc đầu nguầy nguậy, tỏ rõ ý kiến của mình. Nỗi căm phẫn mà cô ta đang cảm thấy đây sẽ tiếp sức cho cô ta trong hàng ngàn tiếng đồng hồ đáng đồng tiền bát gạo sắp tới cốt để rà soát lại thảm họa này và mang hãng hàng không cấu thả đến mức nguy hiểm kia ra tòa.

Cô ta nói, “Tôi sẽ sớm cảm thấy vô cùng ổn thôi.”

Kho bảo trì máy bay Regis Air

“KHÔNG CÓ RUỒI,” EPH NÓI.

Nora hỏi, “Gì cơ?”

Họ đang đứng trước dãy túi xác xếp trước máy bay. Bốn xe tải đông lạnh đã đậu trong kho, hai bên thùng xe được cẩn thận căng bạt đen để che dấu hiệu của chợ cá. Cơ quan Pháp y New York đã nhận diện và đeo thẻ chân có mã vạch cho mọi thi thể. Thảm kịch này là một tai nạn chết người hàng loạt “trong không gian kín”, theo cách nói của họ, với con số thương vong cố định và có thể biết được - trái ngược với vụ sập Tháp đôi. Nhờ bản scan hộ chiếu, thống kê hành khách và tình trạng nguyên vẹn của các thi thể, công việc nhận dạng người thiệt mạng khá đơn

giản và dễ dàng. Việc xác định nguyên nhân tử vong mới chính là thử thách thực sự.

Tám bạt vải nhúm lại dưới đế giày của đội HAZMAT trong khi những túi nhựa dẻo màu xanh dương được nhắc bổng lên nhờ hai sợi dây ở hai đầu và chất lên các xe tải đang chờ sẵn với thái độ trang trọng.

Eph nói, “Đáng ra phải có ruồi chứ.” Các đèn đặt quanh kho máy bay cho thấy không gian phía trên các xác chết khá thoáng đãng, chỉ có một vài con bướm đêm lười nhác. “Tại sao không có ruồi nhỉ?”

Sau khi ai đó chết, các vi khuẩn trong hệ tiêu hóa, vốn trước đó sống cộng sinh trong vật chủ khỏe mạnh, bắt đầu tự sinh tồn. Đầu tiên chúng ăn ruột, sau đó ăn tới khoang bụng và tàn phá các cơ quan. Ruồi có thể đánh hơi thấy mùi thối rữa của xác chết phân hủy từ cách xa cả dặm.

Hai trăm lẻ sáu bữa ăn đã được bày sẵn tại đây. Kho máy bay đáng lẽ phải vo ve đầy ruồi nhặng.

Eph đi sang phía bên kia tám bạt vải, tới nơi hai nhân viên HAZMAT đang niêm phong một túi xác. “Chờ chút,” anh bảo họ. Họ vươn thẳng người lên và lùi lại trong khi Eph quỳ xuống mở khóa kéo, để lộ ra xác chết bên trong.

Đó là cô bé đã chết khi vẫn đang nắm tay mẹ. Eph đã vô thức ghi nhớ vị trí thi thể cô trên sàn. Người ta luôn luôn nhớ đến trẻ con.

Mái tóc vàng của cô bé xõa xượi, một mặt dây chuyền hình ông mặt trời mỉm cười xoắn sợi dây màu đen nằm trên hõm cổ. Chiếc váy trắng khiến cô trông như một cô dâu.

Hai nhân viên chuyển sang niêm phong cái túi kế tiếp. Nora bước tới sau Eph, quan sát anh. Bằng hai bàn tay mang găng, anh nhẹ nhàng giữ hai bên đầu cô bé, rồi xoay nhẹ.

Tử thi sẽ hoàn toàn cứng lại khoảng mười hai giờ sau khi chết, rồi duy trì trạng thái đó trong mười hai đến hai mươi giờ - hiện giờ các thi thể đang ở giữa giai đoạn này - cho tới khi các liên kết canxi cố định bên trong các cơ bị đứt lằn nữa và cơ thể quay trở lại trạng thái mềm.

“Vẫn mềm,” Eph nói. “Không bị cứng.”

Anh nắm lấy vai và hông cô bé rồi lật úp cô lại. Anh tháo cúc ở lưng váy, làm lộ ra phần thịt ở thắt lưng và các đốt xương sống nhỏ. Da cô xanh xao và lấm tấm tàn nhang.

Sau khi tim ngừng đập, máu sẽ ngưng hệ tuần hoàn. Vách mao mạch, chỉ có độ dày bằng một tế bào, sẽ nhanh chóng đầu hàng trước áp lực, bục ra và làm tràn máu vào các mô lân cận. Máu này nằm ở vùng thấp nhất, vùng “phụ thuộc” của cơ thể, và sẽ đông rất nhanh chóng. Sắc bầm tím nghe nói sẽ ổn định sau khoảng mười sáu giờ.

Đến lúc này thì đã quá giới hạn thời gian đó.

Khi ngừng thở trong tư thế ngồi, rồi sau đó lại được đặt nằm thẳng, lớp máu dày tràn lẽ ra phải khiến lớp da phần lưng dưới có màu tím đậm.

Eph nhìn dây túi xác. “Tại sao các thi thể này không phân hủy như lẽ thường chứ?”

Eph nhẹ nhàng đặt cô bé nằm ngửa lại, rồi bằng bàn tay lành nghề của mình, anh mở mắt phải của cô. Giác mạc mờ đục, đúng như phải thế, và màng cứng, lớp trắng đục bảo vệ mắt, khô như lẽ thường. Anh kiểm tra các đầu ngón tay phải của cô bé - bàn tay lúc trước đã lỏng trong bàn tay mẹ - và nhận thấy chúng hơi nhăn do mất nước, cũng đúng như lẽ thường.

Anh ngồi xuống, bối rối trước những dấu hiệu lẫn lộn, rồi anh đặt hai ngón cái mang găng vào giữa cặp môi khô của cô bé. Tiếng động nghe như hơi thở bật ra từ cái miệng vừa được tách ra chỉ đơn giản là tiếng thoát khí. Bên trong miệng cô bé có vẻ không có gì bất thường, nhưng anh vẫn luồn một ngón tay vào để ấn lưỡi cô bé xuống, kiểm tra độ khô.

Vòm miệng và lưỡi đều trắng bệch, như thể được chạm ngà. Trông giống một chiếc netsuke⁽¹⁾. Lưỡi cứng và cương lên một cách kỳ lạ. Eph đẩy cái lưỡi sang một bên, để lộ phần còn lại của miệng, cũng khô tương tự.

1. Netsuke là một loại trang sức nhỏ chạm ngà của Nhật, thường có hình tròn và được móc vào trang phục kimono.

Khô u? Rồi gì nữa đây? anh nghĩ. "Các thi thể đều kiệt nước - không còn một giọt máu." Nếu không phải câu thoại đó thì là một câu trong một bộ phim truyền hình kinh dị thập niên 1970 của đạo diễn Dan Curtis: *"Thua Trung úy, các xác chết - chúng đều... bị hút kiệt máu!"* Tiếng đàn organ vang lên.

Eph bắt đầu cảm thấy mệt mỏi. Anh giữ cái lưỡi cứng giữa ngón cái và ngón trỏ, rồi dùng một đèn pin nhỏ để soi kỹ xuống cổ họng trắng phớt của cô bé. Đối với anh, việc này có gì đó hơi giống với khám phụ khoa. Netsuke khiêu dâm?

Rồi cái lưỡi chuyển động. Anh giật nảy người ra sau, rút ngón tay ra. "Chúa ơi!" Khuôn mặt cô bé vẫn giữ nguyên chiếc mặt nạ tử thần vô hồn, môi vẫn hơi hé mở.

Nora, đứng ngay cạnh anh, nhìn chăm chăm. "Gì vậy?"

Eph chùi ngón tay đeo găng vào quần. "Phản xạ bình thường thôi," anh nói và đứng dậy. Anh nhìn xuống khuôn mặt cô bé một lúc cho tới khi không thể chịu nổi nữa, rồi kéo khóa lên dọc thân túi, khóa cô lại bên trong.

Nora nói, "Đó có thể là gì nhỉ? Một thứ bằng cách nào đó làm chậm quá trình phân hủy các mô? Những người này đã chết..."

"Chết đúng nghĩa ngoại trừ quá trình phân hủy." Eph lắc đầu bực bội. "Chúng ta không thể trì hoãn việc vận chuyển. Điều quan trọng là, ta cần đưa những thi thể này đến nhà xác. Mổ phanh ra. Tìm hiểu thứ này từ bên trong."

Anh để ý thấy Nora đang nhìn chăm chăm về hướng cái hòm chạm khắc hoa văn, đang được đặt trên sàn kho máy bay, tách biệt khỏi những đồng hành lý chưa dỡ. "Chuyện này không ổn chút nào," cô nói.

Eph nhìn về hướng khác, về phía cái máy bay khổng lồ phía trên. Anh muốn trở lại máy bay. Họ chắc hẳn đã bỏ sót gì đó. Câu trả lời hẳn phải nằm trong đấy.

Nhưng chưa kịp làm thế, anh đã nhìn thấy Jim Kent đang thắp từng giám đốc CDC bên trong nhà kho. Bác sĩ Everett Barnes đã sáu mươi một tuổi, nhưng trông vẫn chả khác gì so với ngày ông bắt đầu sự nghiệp là một bác sĩ miền Nam. Dịch

vụ Y tế Công cộng (PHS), mà CDC là một phần trong đó, bắt nguồn từ hải quân, và mặc dù PHS đã tách ra từ lâu, nhiều nhân sự cấp cao của CDC, gồm cả giám đốc Barnes, vẫn ưa loại đồng phục quân đội. Vậy nên mới sinh ra một quý ông bình dân, giản dị, để một chòm râu bạc phớt nhưng lại ăn vận như một thượng tướng về hưu trong bộ đồng phục chiến đấu kaki cùng mề đay trên ngực. Trông hệt như một phiên bản đóng quân phục của Đại tá Sanders⁽¹⁾.

Sau màn chào hỏi và xem xét qua loa một xác chết, giám đốc Barnes hỏi về những người sống sót.

Eph bảo ông, “Không ại trong số họ có bất kỳ ký ức nào về chuyện đã xảy ra. Họ không giúp ích được gì cả.”

“Các triệu chứng?”

“Đau đầu, có người rất nặng. Đau cơ, ù tai. Chóng mặt. Khô miệng. Mất thăng bằng.”

Giám đốc Barnes nói, “Nói chung là cũng chẳng tệ hơn là mấy so với bất cứ ai vừa trải qua một chuyến bay vượt Đại Tây Dương.”

“Lạ lắm, Everett à,” Eph nói. “Tôi và Nora là hai người đầu tiên lên máy bay. Máy hành khách này - cả bốn người họ - đều đã chết. Tất thỏ. Quá bốn phút không có ôxy là não sẽ bị tổn thương vĩnh viễn. Những người này, họ có lẽ đã thiếu ôxy trong hơn một giờ.”

“Rõ là không thể vậy rồi,” giám đốc nói. “Và họ không thể nói cho anh biết *bất cứ điều gì* ư?”

“Họ còn hỏi tôi nhiều hơn tôi hỏi họ.”

“Có bất cứ tương đồng nào giữa bốn người này không?”

“Tôi đang tìm hiểu đây. Tôi định nhờ ông giúp giữ họ lại cho tới khi công việc của ta hoàn tất.”

“Giúp ư?”

“Ta cần bốn bệnh nhân này hợp tác.”

“Ta có sự hợp tác của họ đấy chứ.”

“Lúc này thôi. Chỉ là... chúng ta không thể liều được.”

1. Người sáng lập chuỗi nhà hàng KFC.

Giám đốc vừa nói vừa chải bộ râu bạc của ông. “Tôi chắc rằng, chỉ cần khôn khéo một chút trong cách ứng xử với bệnh nhân, ta có thể khơi dậy lòng cảm kích của họ vì đã thoát khỏi số phận bi thảm này và khiến họ hợp tác.” Ông mỉm cười, để lộ hàm răng trên bọc sứ.

“Hay là áp dụng Đạo luật Quyền Y tế⁽¹⁾...”

“Ephraim, anh biết việc cách ly một vài hành khách tự nguyện điều trị phòng bệnh khác xa với việc giam giữ họ trong thời gian cách ly mà. Ta có những vấn đề lớn hơn - thực lòng mà nói là những vấn đề truyền thông - cần giải quyết.”

“Everett, tôi buộc lòng phải phản đối...”

Bàn tay nhỏ của ông giám đốc nhẹ nhàng hạ xuống vai Eph. Ông nói với giọng lẽ nhẹ hơi cường điệu, có lẽ nhằm xoa dịu tình hình. “Để tôi tiết kiệm chút thời gian cho cả hai ta nhé, Ephraim. Nhìn nhận một cách khách quan mà nói, sự cố bi thảm này, may mắn thay - hay người ta có thể nói là, thần kỳ thay - đã được chặn lại. Ta không có ca tử vong hay nhiễm bệnh nào khác trên bất kỳ chuyến bay hay sân bay nào khác trên toàn cầu, trong vòng xấp xỉ mười tám giờ kể từ khi cái máy bay kia hạ cánh. Đó là những điểm tích cực, và ta phải nhấn mạnh vào đó. Hãy gửi thông điệp tới toàn thể công chúng, củng cố niềm tin của họ vào hệ thống hàng không của ta. Tôi tin chắc, Ephraim ạ, chỉ cần giành được cảm tình của những người may mắn sống sót này, kêu gọi ý thức và trách nhiệm của họ, thế là đã đủ để buộc họ hợp tác.” Giám đốc bỏ tay ra, mỉm cười với Eph như thể một quân nhân đang vỗ về cậu con trai theo chủ nghĩa hòa bình của mình. “Thêm nữa,” Barnes tiếp tục, “vụ này có đầy đủ dấu hiệu của một vụ rò khí ga chết tiệt, phải không? Rất nhiều nạn nhân chết đột ngột? Không gian kín? Và những người sống sót đã bình phục sau khi được đưa ra khỏi máy bay?”

Nora nói, “Ngoại trừ việc hệ thống thông khí ngừng hoạt động khi mất điện, ngay sau khi hạ cánh.”

1. Health Powers Act: đạo luật này cho phép các cơ quan lập pháp có quyền sửa đổi luật y tế công cộng để giúp kiểm soát bệnh dịch và phòng chống khủng bố sinh học.

Giám đốc Barnes gật đầu, khoanh tay suy nghĩ về điều đó. “Ừm, còn rất nhiều điều phải xem xét, dĩ nhiên. Nhưng, xem này, đây quả là một đợt huấn luyện cực tốt cho nhóm của anh. Anh đã xử lý rất tốt. Và giờ đây mọi thứ có vẻ như đã trong tầm kiểm soát, cứ chờ mà xem anh giải quyết triệt để vụ này. Ngay khi cuộc họp báo chết tiệt này xong xuôi.”

Eph nói, “Khoan đã. Gì cơ?”

“Thị trường và thống đốc đang chuẩn bị tổ chức họp báo, cùng các đại diện bên hãng hàng không, nhân viên Quản lý Cảng, vân vân. Tôi và anh sẽ đại diện cho lực lượng phản ứng y tế liên bang.”

“Ôi, không. Thưa ông, tôi không có thời gian. Jim có thể làm việc đó...”

“Jim có thể làm việc này, nhưng hôm nay sẽ là anh, Ephraim. Như tôi đã nói, đã đến lúc anh trở thành người tiên phong. Anh là người đứng đầu dự án Canary, và tôi muốn có một người từng tiếp xúc trực tiếp với các nạn nhân. Ta cần một gương mặt đại diện cho những nỗ lực của chúng ta.”

Bởi vậy mới có màn cao giọng về việc tránh giam giữ hay cách ly kiểm dịch. Barnes đang chơi trò bè phái. “Nhưng tôi thực sự vẫn chưa biết được điều gì,” Eph nói. “Sao phải sớm như vậy?”

Giám đốc Barnes mỉm cười, lại khoe bộ răng sứ. “Nguyên tắc của bác sĩ là ‘Trên hết - không làm tổn thương’. Nguyên tắc của chính trị gia là ‘Trên hết - lên sóng truyền hình’. Thêm vào đó, theo tôi hiểu còn dính đến cả yếu tố thời gian nữa. Kiểu như muốn lên sóng trước sự kiện nhật thực chết tiệt kia. Các vết đen mặt trời ảnh hưởng tới sóng vô tuyến hay gì gì đó.”

“Nhật thực...” Eph đã quên bém vạ này. Hiện tượng nhật thực toàn phần hiếm có sẽ xảy ra vào khoảng ba giờ ba mươi ngay chiều hôm đó. Lần đầu tiên có một sự kiện nhật thực như thế ở khu vực New York trong hơn bốn trăm năm qua, kể từ khi khai phá lục địa Mỹ. “Chúa ơi, tôi quên mất.”

“Thông điệp của chúng ta gửi tới toàn bộ người dân cả nước sẽ đơn giản thôi. Ở đây đã có thiệt hại nhân mạng đáng

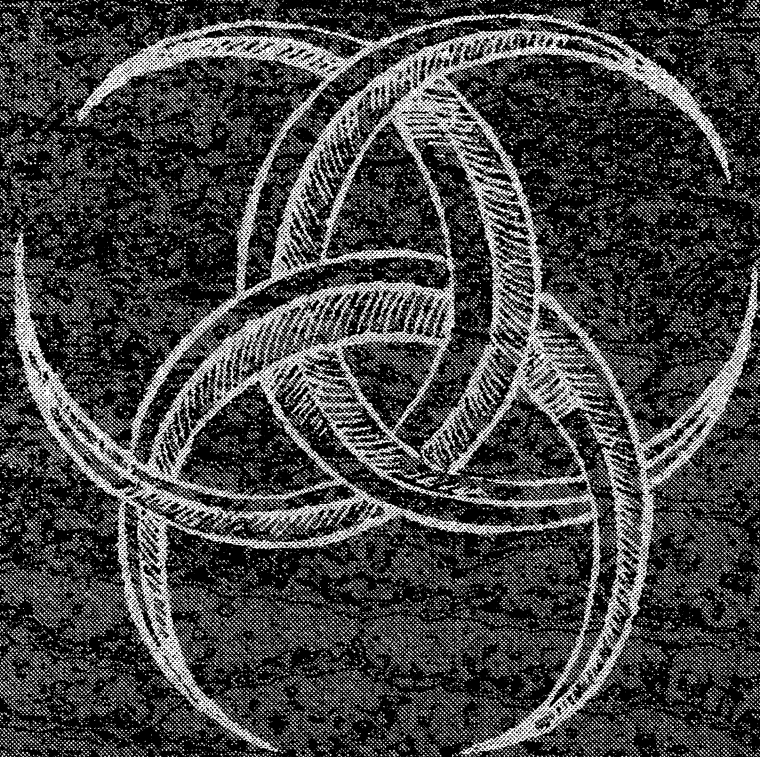
kể, và đang được CDC điều tra toàn diện. Đây là một thảm họa về người, nhưng sự cố đã được kiểm soát, và có vẻ như đây là trường hợp duy nhất, đồng thời chắc chắn không có gì cần phải lo lắng thêm.”

Eph giấu vẻ giận dữ không để viên giám đốc nhìn thấy. Anh đang bị ép phải đứng trước máy quay để nói rằng mọi thứ đều rất ổn. Anh rời khỏi khu vực cách ly, lách qua khe hở hẹp giữa hai cánh cổng lớn của kho máy bay, bước ra vùng ánh sáng ban ngày ảm đạm. Anh vẫn đang cố hình dung ra một cách nào đó thoát ra khỏi vụ này thì chiếc điện thoại trong túi quần rung lên phía trên bắp đùi anh. Anh rút điện thoại ra, một biểu tượng phong bì đang chậm rãi xoay tròn trên màn hình LCD. Một tin nhắn từ di động của Matt. Eph ấn mở:

Yanks 4 Sux 2. ghe dep, uoc j bo o day, Z.

Eph đứng nhìn chằm chằm tin nhắn từ cậu con trai cho tới khi mất nhòa đi. Anh bị bỏ lại một mình nhìn không chớp mắt xuống cái bóng của chính mình đang in trên cái thảm để máy bay, không biết có phải là ảo giác của anh không, đã bắt đầu biến mất.

CHE KHUẤT



Đạt đến toàn phần

Nỗi háo hức lan tỏa trên mặt đất khi một vết móng bên phía Tây vàng mặt trời - “tiếp điểm đầu tiên” với mặt trăng - chuyển thành một quang đên đang từ từ trườn đến, như một vết cắn hình tròn đang dần nuốt trọn mặt trời chiều. Ban đầu, khó có thể thấy rõ sự khác biệt trong số lượng hay chất lượng của ánh sáng rọi xuống mặt đất. Chỉ là một quang đên trên bầu trời cao, đang biến mặt trời sáng rạng thường ngày trở thành một hình lưỡi liềm, đánh dấu hôm nay là một ngày khác những ngày khác.

Thuật ngữ “nhật thực” thực ra là sai. Thiên thực xảy ra khi một vật thể di chuyển vào trong bóng của một vật thể khác. Ở nhật thực, mặt trăng không di chuyển vào trong bóng của mặt trời, mà thay vào đó đi qua giữa mặt trời và trái đất, che khuất mặt trời - tạo ra bóng. Thuật ngữ chính xác phải là “che khuất”. Mặt trăng che khuất mặt trời, tạo nên một bóng nhỏ trên bề mặt trái đất. Nó không phải nhật thực, mà thực ra là hiện tượng trái đất bị che khuất.

Khoảng cách từ trái đất tới mặt trời gấp khoảng bốn trăm lần khoảng cách từ mặt trăng tới trái đất. Một sự trùng hợp đáng chú ý là đường kính của mặt trời cũng gấp khoảng bốn trăm lần đường kính của mặt trăng. Chính vì vậy nhìn từ trái đất, diện tích mặt trăng và quang quyển của mặt trời - hay đĩa sáng của nó - gần như cùng kích thước.

Hiện tượng che khuất toàn phần chỉ có thể xảy ra trong tuần trăng mới, khi mặt trăng gần điểm cận địa, vị trí gần trái đất nhất. Thời gian che khuất toàn phần phụ thuộc vào quỹ đạo của mặt trăng, nhưng không bao giờ vượt quá 7 phút 40 giây. Lần che khuất này được dự đoán sẽ kéo dài chính xác 4 phút 57 giây: chỉ chưa đầy năm phút chập choạng tối giữa buổi chiều thu đẹp trời.

Lúc này trăng non (hay trăng vô hình) đã che lấp được một nửa mặt trời, bầu trời sáng bắt đầu mang sắc tối: giống như hoàng hôn, chỉ có điều thiếu ánh sáng ấm áp. Ở mặt đất, ánh mặt trời nhờ nhờ, như thể đã bị lọc sáng hay khuếch tán. Bóng đổ mờ dần đi. Cả thế giới dường như đang được vận giảm độ sáng.

Khi hình lưỡi liềm tiếp tục mỏng đi do bị đĩa mặt trăng nuốt lấy, ánh sáng âm ỉ của nó rục lên như thể trong cơn hoảng loạn. Sự che khuất có vẻ đã lấy được đà và một loại tốc độ khủng khiếp trong lúc cảnh vật dưới mặt đất trở nên xám ngoét, màu sắc trượt ra khỏi quang phổ thông thường. Bầu trời phía Tây tối nhanh hơn phía Đông khi bóng của mặt trăng tiến tới.

Ở phần lớn Mỹ và Canada sẽ có nhật thực một phần, nhật thực toàn phần chỉ xảy ra trên một dải đất dài hẹp, dài khoảng 16.000 rộng khoảng 160 ki lô mét, nơi bóng đen toàn phần của mặt trăng bao phủ lên trái đất. Hành trình che khuất từ Tây sang Đông, hay còn gọi là “đường đi của nhật thực toàn phần”, bắt đầu từ vùng rừng châu Phi, vòng ra Đại Tây Dương rồi kết thúc ngay phía Tây hồ Michigan, di chuyển với tốc độ hơn 1.600 ki lô mét trên giờ.

Khi mặt trời lưỡi liềm tiếp tục hẹp dần, màu trời hóa sắc tím ngọt ngào. Bóng tối phía Tây tập trung sức mạnh, như một cơn giông âm thầm lặng gió đang lan rộng khắp bầu trời và rồi khép lại quanh vầng mặt trời suy yếu, như một sinh vật vĩ đại đang chịu thua trước một thế lực hắc ám lan tràn từ bên trong.

Mặt trời mảnh đi tới mức đáng sợ, cảnh tượng - qua lớp kính bảo vệ - trông như thể được nhìn qua một nắp cống đang trượt đóng phía trên cao, bóp nghẹt ánh sáng ban ngày. Hình

lưỡi liềm rục trắng, rồi chuyển thành màu bạc trong thời khắc hấp hối đón đầu.

Những dải bóng râm kỳ dị, lộn xộn bắt đầu trải ra trên mặt đất. Nhìn qua khước mắt, dao động tạo thành do khúc xạ ánh sáng qua bầu khí quyển của trái đất - tương tự hiện tượng ánh sáng lay động dưới đáy hồ bơi - quần quai như những con rắn bóng đen. Trò chơi ma quái này của ánh sáng làm mọi người dựng tóc gáy.

Kết thúc tới một cách nhanh chóng. Con đầu cuối cùng ớn lạnh và dữ dội, lưỡi liềm co rút lại thành một đường cong, một vết sẹo rạch trên bầu trời, rồi tan thành từng đốm trắng lập lờ, hiện thân của những tia mặt trời cuối cùng lọt qua được những thung lũng sâu thẳm nhất của bề mặt mặt trăng. Những đốm sáng ấy chớp nháy và rồi nối tiếp nhau biến mất, vụt tắt như ánh nến đang lụi tàn bị lớp sáp đen của chính nó nhấn chìm. Một dải màu đỏ thẫm của sắc quyển, một lớp mỏng trên bề mặt mặt trời, bùng lên ở vài giây quý giá cuối cùng - và rồi mặt trời biến mất.

Toàn phần.

Phố Kelton, Woodside, Queens

KELLY GOODWEATHER không tin nổi trời tối nhanh đến vậy. Cô đứng trên vỉa hè, y như những người hàng xóm phố Kelton - trên phần đường bình thường vào tầm giờ này hằng ngày vốn chói chang ánh nắng - ngược nhìn bầu trời sập tối qua cặp kính gọng bìa được tặng kèm cùng hai chai soda Eclipse hai lít cho người ăn kiêng. Kelly là một phụ nữ có học. Cô hiểu một cách khoa học về chuyện đang xảy ra. Dù vậy cô vẫn cứ cảm thấy một nỗi hoang mang, gằn như choáng váng, trào dâng trong lòng. Một thôi thúc muốn tháo chạy, trốn tránh. Hiện tượng xếp hàng như thế này của các thiên thể, sự di chuyển vào trong bóng mặt trăng: nó chạm đến một cái gì đấy sâu thẳm trong cô. Chạm đến cái sinh vật kinh sợ bóng tối bên trong.

Những người khác hẳn cũng cảm thấy như vậy. Con phố trở nên tĩnh lặng vào thời khắc nhật thực toàn phần. Họ đều đang đứng trong thứ ánh sáng kỳ dị này. Và những cái bóng uốn éo lúc này còn quằn quại trên bãi cỏ, giờ đã vượt ngoài tầm nhìn của họ, hắt lên hông nhà, trông như những linh hồn đang giãy giụa. Như thể một luồng gió lạnh đã ùa xuống phố, chẳng hề lay động một sợi tóc mà chỉ làm họ lạnh buốt tâm can.

Người ta thường nói sau khi ai đó rùng mình: *Có người vừa giẫm lên nắm mồ của bạn*. Đó chính xác là cảm giác mà lần “che khuất” này mang lại. Một ai đó, hoặc một thứ gì đó đang cùng lúc giẫm lên nắm mồ của tất cả mọi người. Mặt trăng chết băng qua trái đất sống.

Và rồi, ngược lên cao: vành nhật hoa. Mặt trời bị che khuất, tối đen và vô hình, rục sáng xung quanh cái hư vô của mặt trăng, nhìn chằm chằm xuống trái đất với mái tóc trắng bông bênh rục rở. Một cái đầu thần chết.

Hàng xóm của cô, Bonnie và Donna, cặp đôi thuê nhà bên cạnh, đang đứng choàng tay qua hông nhau, Bonnie đút tay vào túi sau chiếc quần jean cạp trễ của Donna. “Tuyệt quá nhỉ?” Bonnie hớn hở gọi sang.

Kelly chẳng thể đáp lại. Họ không hiểu được sao? Đối với cô, đây không phải một cảnh lạ đơn thuần, không phải một thú vui ban chiều. Tại sao không ai thấy nó như một dạng điềm báo? Quý tha ma bắt những giải thích thiên văn và lý luận khoa học đi: làm sao mà thứ này lại không mang một ý nghĩa gì? Thực chất, cũng có thể nó không có một ý nghĩa *cố hữu*. Chỉ đơn giản là một sự hội tụ của các quỹ đạo. Nhưng làm sao loài người có tri giác lại không gán cho nó một ý nghĩa *nào đó* được, dù tích cực hay tiêu cực, tôn giáo hay tâm linh, hay bất cứ thứ gì khác? Ta biết một sự việc diễn ra như thế nào không có nghĩa là ta *hiểu* nó...

Họ lại gọi với sang Kelly, đang đứng một mình trước nhà, bảo cô lúc này đã an toàn để có thể bỏ kính ra được rồi. “Chị không muốn bỏ lỡ cái này đâu!”

Kelly sẽ không bỏ kính ra. Dù ti vi đã nói làm vậy lúc “toàn

phần" là an toàn. Ti vi cũng từng nói với cô rằng cô sẽ không già đi nếu mua các loại kem và thuốc đất tiền đây thôi.

Những tiếng ồ à vang lên khắp phố, một sự kiện cộng đồng đích thực khi người ta thích thú với hiện tượng có một không hai này và tận hưởng khoảnh khắc này. Ngoại trừ Kelly. *Có chuyện gì với mình vậy?* cô tự hỏi.

Một phần là do cô vừa nhìn thấy Eph trên ti vi. Anh không nói gì nhiều tại cuộc họp báo, nhưng qua ánh mắt và cách nói của anh, Kelly biết có gì đó không ổn. Rất không ổn. Thứ gì đó vượt quá những lời quả quyết sáo rỗng của thị trưởng và thống đốc. Thứ gì đó nằm ngoài những cái chết bất ngờ và khó hiểu của 206 hành khách trên chuyến bay xuyên Đại Tây Dương.

Vi rút? Một cuộc tấn công kinh hoàng? Một vụ tự sát tập thể?

Và giờ đến chuyện này.

Cô muốn Zack và Matt ở nhà. Cô muốn họ ở đây cùng cô ngay lúc này. Cô muốn cái vù che khuất mặt trời này chấm dứt, muốn biết chắc rằng sẽ không bao giờ phải trải nghiệm cảm giác này lần nữa. Qua lớp kính màu, cô ngược nhìn sát thủ mặt trắng với thẳng lợi hắc ám của nó, lo sợ mình có thể chẳng bao giờ còn nhìn thấy lại ánh mặt trời.

Sân vận động Yankee, Bronx

ZACK ĐỨNG TRÊN GHẾ NGỒI CỦA NÓ NGAY CẠNH MATT, anh ta đang chăm chăm nhìn nhật thực, mũi chun lại miệng há hốc như một anh tài xế nhìn dòng xe đang chạy. Hơn năm mươi ngàn người hâm mộ đội Yankees đeo những chiếc kính quan sát nhật thực kẻ sọc, phiên bản đặc biệt cho dân sưu tầm, đã đứng hẳn lên, ngửa mặt nhìn mặt trăng đang phủ tối bầu trời trong một buổi chiều hoàn hảo để chơi bóng chày. Tất cả, ngoại trừ Zack Goodweather. Nhật thực cũng hay ho đấy, nhưng nó đã xem đủ rồi, thế nên Zack chuyển sự chú ý sang hàng ghế dự bị. Nó đang cố quan sát các cầu thủ Yankees. Có Jeter, đeo cái kính

giống hệt Zack, quỳ một gối trên bậc cao nhất như đang trong tư thế chờ lệnh vụt bóng. Các cầu thủ giao bóng và bắt bóng ở trên sân tập, tùm tùm trên bãi cỏ bên cánh phải sân bóng giống mọi người, hoàn toàn bị cuốn hút bởi nhật thực.

“Kính thưa quý vị,” bình luận viên Bob Sheppard nói, “thưa các bạn, lúc này các bạn có thể bỏ kính an toàn ra.”

Và bọn họ làm theo. Năm mươi ngàn người, gần như cùng lúc. Một tiếng thở hỗn hển ngưỡng mộ vang lên, tiếp theo là vài tiếng pháo tay, rồi tiếng reo hò vang dội, như thể đám đông đang cổ vũ anh chàng Matsui nhút nhát bước ra khỏi băng ghế dự bị để ngã mũ chào sau khi được lưu danh tên tuổi trong bảo tàng truyền thống ngoài trời của Yankees ở Monument Park.

Ở trường, Zack được học rằng mặt trời là một lò phản ứng hạt nhân 6.000 độ Kelvin, thế nhưng vành nhật hoa, rìa ánh sáng chung quanh nó, chứa khí hydro cực nóng - chỉ có thể nhìn thấy từ trái đất khi có nhật thực toàn phần - thậm chí còn nóng hơn đến khó hiểu, nhiệt độ của nó có thể đạt tới 2.000.000 độ Kelvin.

Thứ thẳng bé thấy khi bỏ kính là một đĩa đen hoàn toàn nằm giữa một viên lửa mỏng màu đỏ thẫm, xung quanh là vàng hào quang trắng lóe phớt. Giống như một con mắt: mặt trắng là con ngươi đen khổng lồ; vành nhật hoa là lòng trắng; và những tia đỏ chói phát ra từ viên con ngươi - những lớp khí cực nóng phun trào từ bề mặt mặt trời - là những mạch máu đỏ ngẫu. Trông như con mắt của một xác sống.

Tuyệt.

Bầu trời Xác Sống. À không: Các xác sống của nhật thực. Các xác sống của sự che khuất. Các xác sống che khuất từ hành tinh mặt trắng! Chờ đã - mặt trắng không phải một hành tinh. Mặt trắng Xác Sống. Đây có thể là chủ đề cho bộ phim mà nó và hội bạn sẽ cùng làm vào mùa đông năm nay. Tia mặt trắng trong thời điểm nhật thực toàn phần đã biến các thành viên của đội New York Yankees thành xác sống ăn não - tuyệt vời! Và thẳng bạn Ron của nó trông gần giống cầu thủ Jorge Posada thời trẻ. “Này, Jorge Posada, liệu tôi có thể xin chữ ký của anh... đợi

đã, anh làm gì... ê, đó là... mắt anh... bị sao vậy... Ặc... không... KHÔÔNG!!!”

Lúc này tiếng organ vang lên, và vài kẻ say xỉn bỗng trở thành những chỉ huy dàn nhạc, khu tay hô hào nhóm của mình hát theo kiểu như bài “Bóng trắng đôi theo tôi” cổ lỗ. Những cổ động viên bóng chày thường luôn âm ỉ mà chẳng cần lý do. Những người này thậm chí vẫn có thể vui vẻ ngay cả khi sự che khuất này là một thiên thạch đang lao về phía họ.

Chà. Zack đột nhiên nhận ra, đây hẳn là những lời bố sẽ nói nếu bố ở đây.

Matt, đang ngồi bên cạnh ngắm nghía chiếc kính miễn phí, huých Zack. “Một món lưu niệm khá thú vị nhỉ? Chú dám cá là giờ này ngày mai trên eBay sẽ tràn ngập thứ này.”

Rồi một gã say xỉn xô vai Matt, bắn bia vào giày của anh ta. Matt đơ người trong chốc lát, rồi đảo mắt về phía Zack, với vẻ mặt kiểu *Cháu-sẽ-làm-gì?* đây. Nhưng thằng bé chẳng nói gì hay làm gì. Nó thậm chí còn chẳng quay lại nhìn. Zack chợt nhận ra nó chưa từng thấy Matt uống bia, chỉ toàn vang trắng hay đỏ trong những đêm ở nhà với mẹ. Lúc đó Zack có cảm tưởng rằng Matt, dù có say mê trận đấu đến đâu, về cơ bản vẫn e sợ những cổ động viên ngồi xung quanh họ.

Giờ thì Zack thực sự mong bố có mặt ở đây. Nó rút điện thoại của Matt ra khỏi túi quần jean và kiểm tra tin nhắn hồi âm lần nữa.

Đang dò tin hiệu, điện thoại thông báo. Vẫn không có sóng. Sự biến dạng bức xạ và vết sáng của mặt trời gây nhiễu sóng vô tuyến và ảnh hưởng tới các vệ tinh; họ đã cảnh báo có thể xảy ra chuyện đó. Zack cất điện thoại và vươn cổ về phía sân bóng, lại tìm kiếm Jeter.

Trạm vũ trụ quốc tế

TẠI ĐỘ CAO 350 ki lô mét cách bề mặt trái đất, phi hành gia Thalia Charles - kỹ sư hàng không Mỹ trong Đoàn Thám hiểm

18 cùng một chỉ huy người Nga và một kỹ sư người Pháp - đang trôi nổi trong môi trường không trọng lực dọc theo hành lang nối mô đun *Unity* với cửa sập sau của phòng thí nghiệm *Destiny*. Cơ sở nghiên cứu ISS bay theo quỹ đạo quanh trái đất một ngày mười sáu lần, hay khoảng một tiếng rưỡi một lần, với tốc độ 27.000 ki lô mét trên giờ. Các hiện tượng che khuất chẳng phải điều gì to tát trên quỹ đạo thấp quanh trái đất: chỉ cần dùng bất cứ vật thể tròn nào che lên cửa sổ để chắn mặt trời là có thể nhìn thấy vành nhật hoa tuyệt đẹp. Vì thế mối quan tâm của Thalia không nằm ở sự thẳng hàng giữa mặt trăng và mặt trời - từ góc nhìn với tốc độ di chuyển nhanh này, quả thực chẳng có sự che khuất nào - mà nằm ở tác động của hiện tượng này lên trái đất đang chậm chạp quay kia.

Destiny, phòng thí nghiệm chính trên ISS, kích cỡ tám mét tư và bốn mét hai - tuy vậy, do số lượng các trang thiết bị gắn vào các vách khá lớn nên không gian làm việc bên trong mô đun hình trụ này chật hơn thế, bề dài chỉ vừa chùng năm người và bề ngang chùng một người. Mọi đường dây, ống dẫn và kết nối cáp đều có thể được tiếp cận trực tiếp và vì thế được đặt lộ thiên, khiến cho toàn bộ bốn bức tường của *Destiny* trông như mặt sau của một bo mạch chủ. Đôi khi Thalia cảm thấy mình chẳng khác gì một bộ vi xử lý tí hon đang cần mẫn thực hiện những phép tính bên trong một cỗ máy tính khổng lồ trong vũ trụ.

Thalia lướt bàn tay dọc mặt dưới, tức là "mặt sàn" của *Destiny* - trong không gian làm gì phân biệt trên hay dưới - tới một vòng tròn rộng, trông như ống kính, có đóng chốt. Tấm cửa chắn được thiết kế để bảo vệ mô đun nguyên vẹn trước bụi vũ trụ hay sự va chạm với các mảnh vỡ di chuyển trên quỹ đạo. Cô tì hai bàn chân đang mang tất vào một cái hộc bám trên tường và dùng tay mở tấm chắn, làm lộ ra một cửa sổ quang đường kính sáu mươi phân.

Quả cầu trái đất trắng-xanh lọt vào tầm nhìn.

Nhiệm vụ của Thalia là chụp một vài tấm hình trái đất bằng một chiếc máy ảnh Hasselblad điều khiển từ xa. Nhưng ngay khi cô nhìn thấy trái đất từ góc nhìn khác thường này,

những gì trước mắt khiến cô rùng mình. Vệt đen lớn vốn là bóng của mặt trăng trông như một điểm chết trên bề mặt trái đất. Một vệt bản tám tối đáng sợ trên quả cầu xanh tràn đầy sức sống, ngôi nhà của cô. Đáng sợ hơn cả, đó là cô chẳng thể nhìn thấy bất cứ thứ gì bên trong sự che khuất toàn phần, phần trung tâm tám tối nhất của bóng mặt trăng, đó là cả một vùng đã biến mất vào bên trong một hố đen thăm thẳm. Giống như thể cô đang quan sát một bản đồ vệ tinh sau thảm họa, như thể một ngọn lửa khủng khiếp đã thiêu rụi thành phố New York và giờ đang lan ra khắp vùng đất rộng lớn trên bờ biển phía Đông.

Manhattan

CU DÂN NEW YORK TỤ TẬP tại Công viên Trung tâm, bãi cỏ Great Lawn rộng hai mươi hai héc ta đông nghịt người như thể đang trong một buổi hòa nhạc mùa hè. Những người đã trải bạt và bày ghế gấp từ ban sáng giờ đây cũng đều phải đứng như bao người khác, trẻ con vắt vẻo trên vai cha, bé sơ sinh được ẵm trong vòng tay mẹ. Lâu đài Belvedere sừng sững màu tím sẫm trên công viên, một nét chấm phá ma quái đậm tính gothic cho không gian đồng quê rộng mở này, trông có vẻ nhỏ bé trước những tòa nhà cao chọc trời của Bờ Đông và Bờ Tây.

Hòn đảo lớn sầm suất dừng mọi hoạt động, ai cũng có thể cảm nhận được sự tĩnh mịch của thành phố khi đó. Cảm giác sợ hãi bóng tối lan truyền trong cả cộng đồng. Hiện tượng che khuất đã áp đặt một kiểu bình đẳng lên thành phố và những cư dân của nó, khoảng thời gian năm phút phá vỡ phân tầng xã hội. Ai cũng đều như nhau dưới mặt trời - hay đúng hơn là dưới sự thiếu mặt trời.

Tiếng radio vang vọng tứ phía trên bãi cỏ, mọi người cùng hát theo Bonnie Tyler bản karaoke được yêu thích dài bảy phút "Khoảng tối trong tim" phát trên sóng Z100.

Đọc theo cầu East Side nối Manhattan với phần còn lại của

thế giới, người đứng bên ô tô, người ngồi trên mui xe, vài nhiếp ảnh gia trên lối dành cho người đi bộ đang chụp bằng những chiếc máy ảnh có kính lọc sáng đặc biệt.

Nhiều tiệc rượu sớm, dạng như lễ mừng năm mới, được tổ chức trên các mái nhà, nhất thời chững hẳn lại bởi cảnh tượng đáng sợ trên bầu trời.

Màn hình Panasonic Astrovision khổng lồ, giữa Quảng trường Thời đại lơ mờ tối, phát sóng vù che khuất cho đám đông trên mặt đất, vành nhật hoa ma quái mập mờ phía trên “giao lộ của thế giới” như một lời cảnh báo từ một nơi xa xôi trong thiên hà, hình ảnh trên màn hình bị gián đoạn bởi những đoạn nhiễu chập chờn.

Tổng đài khẩn cấp 911 và tổng đài không khẩn cấp 311 nhận được vô vàn cuộc gọi, cả một đồng là từ những bà bầu báo cáo đẻ non do “ảnh hưởng của nhật thực”. Đội chuyên viên cấp cứu cần mẫn đi làm nhiệm vụ, bất chấp tình trạng tắc nghẽn giao thông trên toàn hòn đảo.

Hai trại tâm thần trên đảo Randall tại phía Bắc sông East đã phải nhốt những bệnh nhân có xu hướng bạo lực trong phòng và yêu cầu đóng tất cả các rèm cửa. Những bệnh nhân không có xu hướng bạo lực được mời tập trung tại các nhà ăn tắt hết điện để xem phim - phim hài - tuy nhiên, trong mấy phút che khuất toàn phần, không ít người trở nên bồn chồn, lo lắng muốn rời phòng mà không rõ nguyên nhân. Tại Bellevue, khu tâm thần cũng đã nhận thấy số ca nhập viện tăng nhẹ vào sáng hôm đó, trước lúc nhật thực.

Nằm giữa Bellevue và Trung tâm Y tế của Đại học New York, hai trong số những bệnh viện lớn nhất trên thế giới, có một tòa nhà có thể coi là xấu xí nhất Manhattan. Tòa nhà trụ sở chính của cơ quan pháp y New York là một hình chữ nhật không cân đối màu ngọc lam tang tóc. Khi những túi xác được dỡ khỏi xe chở cá, đưa lên cang rồi di chuyển vào các phòng mổ và các nhà lạnh dưới tầng hầm, Gossett Bennett, một trong số mười bốn bác sĩ pháp y của cơ quan, bước ra ngoài để nghỉ ngơi một lát. Anh chẳng thể nhìn thấy hình

ánh mặt trắng che mặt trời từ công viên nhỏ phía sau bệnh viện - tòa nhà đã chắn đường anh - nên thay vào đó, anh quan sát khán giả. Suốt dọc đường cao tốc FDR, trông từ công viên ra, mọi người đứng giữa những chiếc xe đang đỗ, trên một xa lộ chưa từng ngoi nghỉ. Dòng sông East phía xa tối đen, một dòng hắc ín phản chiếu bầu trời chết. Bên kia bờ sông, bóng tối bao trùm toàn bộ quận Queens, chỉ trừ vài ô cửa sổ cao nhất hướng Tây phản chiếu ánh sáng rực rỡ của vành nhật hoa, giống như ngọn lửa nóng trắng từ một đám cháy nhà máy hóa chất nào đó.

Cảnh tượng mở màn cho ngày tận thế hẳn là trông sẽ giống thế này, anh tự nhủ, trước khi quay trở lại văn phòng pháp y để hỗ trợ công việc kê khai người chết.

Sân bay quốc tế JFK

GIA ĐÌNH CÁC HÀNH KHÁCH và phi hành đoàn đã thiệt mạng trên chuyến bay 753 của hãng Regis Air được khuyến nghị tạm dừng các công việc giấy tờ cùng thứ cà phê của Hội Chữ Thập Đỏ (loại cà phê không caffein dành riêng cho những người đang buồn phiền) và đi bộ ra bên ngoài thêm để máy bay, tới khu vực cấm sau nhà ga số 3. Tại đó, những người đưa tang đôi mắt thâm quầng, chẳng có gì chung ngoài nỗi đau mất mát, cùng tụ tập lại nhìn nhật thực, tay trong tay - một số tựa vào người khác vì tình đoàn kết, một số lại vì cản cứ chỉ động viên - mặt cùng hướng tới bầu trời phía Tây tối mịt. Họ chưa biết chẳng mấy chốc họ sẽ phải chia thành bốn nhóm và di chuyển bằng xe buýt trường học tới những cơ quan pháp y tương ứng để rồi lần lượt từng gia đình sẽ được mời vào một phòng giám sát và được cho xem một bức ảnh nạn nhân sau khi chết rồi được yêu cầu chính thức nhận diện người thân của họ. Chỉ những gia đình yêu cầu được xem thi thể người thân mới được cho phép làm vậy. Sau đó, họ sẽ được tặng các voucher phòng ở khách sạn Sheraton sân bay, với một bữa tối buffet miễn phí tại

đó cùng những cố vấn tâm lý túc trực suốt đêm đó cho tới ngày hôm sau sẵn sàng phục vụ họ.

Còn lúc này, họ nhìn chăm chăm lên cái đĩa đen đang rực sáng như một đèn chiếu đảo ngược, hút sạch ánh sáng khỏi thế giới này để mang tới thiên đường. Với họ, hiện tượng hủy diệt này là một biểu tượng hoàn hảo cho mất mát của họ lúc này. Với họ, nhật thực hoàn toàn không phải là thứ gì đó phi thường. Có vẻ nó chỉ là thứ mà Chúa và bầu trời thấy phù hợp để biểu lộ sự cảm thông với nỗi đau họ đang mang.

Bên ngoài kho bảo trì máy bay Regis Air, Nora đứng tách biệt khỏi những điều tra viên khác, đợi Eph và Jim quay lại từ cuộc họp báo. Mắt cô hướng về phía hố đen báo hiệu điềm gở trên bầu trời, nhưng không tập trung. Cô cảm giác như bị cuốn vào một thứ gì đó mà cô không hiểu được. Như thể một kẻ thù mới xa lạ đã xuất hiện. Mặt trăng chết che khuất mặt trời sống. Đêm che khuất ngày.

Một cái bóng lướt qua cô. Cô thấy cái bóng lơ mờ qua khoe mắt, ngay trước thời khắc che khuất toàn phần, một thứ gì đó giống như bóng những con giun đang trườn bò, nhấp nhô trên thêm để máy bay. Một thứ gì đó nằm ngoài trường nhìn của cô, chỉ vừa đủ để cô có thể nhận thấy. Đang trốn thoát khỏi kho bảo trì, như một linh hồn bóng tối. Cái bóng cô vừa *cảm thấy*.

Chỉ trong một tích tắc cô cần để rời con người về phía đó, cái bóng đã biến mất.

Lorenza Ruiz, nhân viên điều khiển xe băng tải hành lý sân bay, người đầu tiên lái xe ra chỗ cái máy bay chết, nhận thấy mình đã bị trải nghiệm đó ám ảnh. Lo chẳng thể gạt bỏ khỏi tâm trí cảnh cô đứng dưới bóng cái máy bay đêm qua. Cô mất ngủ, trở mình trần trọc, cuối cùng bèn dậy đi đi lại lại. Một ly vang trắng giữa khuya cũng không giúp ích gì. Nó đè nặng lên cô như một thứ gì đó cô chẳng thể rũ bỏ. Cuối cùng, khi bình minh lên, cô nhận thấy mình đang nhìn đồng hồ, háo hức được quay trở lại với công việc. Cô nhận ra mình đang nóng

lòng muốn quay lại JFK. Nhưng chẳng phải là do một nỗi hiểu kỳ bệnh hoạn nào. Chính hình ảnh cái máy bay không hoạt động đã tác động lên tâm trí cô, như một luồng ánh sáng rọi thẳng vào mắt. Cô chỉ biết một điều là cô cần quay lại để nhìn nó lần nữa.

Giờ lại đến vụ nhật thực này, và lần thứ hai trong vòng hai mươi tư giờ, sân bay phải ngừng hoạt động. Lần tạm nghỉ này đã được lên kế hoạch từ hàng tháng trước - FAA đã lên khung thời gian mười lăm phút ngừng hoạt động cho các sân bay trong thời gian nhật thực, vì lo lắng cho tầm nhìn của các phi công, bởi họ khó có thể đeo kính lọc sáng trong lúc hạ cánh hoặc cất cánh - tuy nhiên, một phép toán đơn giản nhưng đáng sợ chợt nảy ra trong đầu cô:

Máy bay chết + Nhật thực = Không ổn.

Khi mặt trăng dập tắt mặt trời, như một bàn tay bịt miệng để ngăn tiếng hét, Lo lại thấy rừng mình hoảng loạn hết như khi đứng trên đầu băng tải bên dưới bụng chiếc 777 tối om. Vẫn là thôi thúc tháo chạy ấy, nhưng lần này cô cũng biết rằng, tuyệt đối chẳng có nơi nào để chạy.

Giờ cô lại nghe thấy nó. Vẫn tiếng ồn mà cô đã nghe thấy khi mới tới ca trực, chỉ có điều nay đã đều hơn, to hơn. Tiếng o o. Một âm thanh vo ve, và điều kỳ lạ là, bất kể có đeo tai nghe chống ồn hay không, cô vẫn nghe thấy nó với cùng một âm lượng. Kiểu như một cơn đau đầu. Từ bên trong. Nhưng, như một tín hiệu dẫn đường, nó mạnh dần lên trong tâm trí cô khi cô quay trở lại với công việc.

Với mười lăm phút sân bay tạm dừng hoạt động trong thời gian nhật thực, cô đã quyết định cất bước đi tìm kiếm nguồn gốc thứ âm thanh này, bám theo nó. Cô không hề ngạc nhiên nhận ra giờ đây mình đang đứng trước nhà kho bảo trì đã bị phong tỏa của Regis Air, nơi chiếc 777 chết đang đậu.

Tiếng ồn này không giống bất cứ loại máy móc nào cô từng nghe. Một âm thanh vội vã, gần như tiếng cuộn xoáy, như tiếng chất lỏng đang chảy. Hay như tiếng rì rầm của hàng chục, hàng trăm giọng nói khác nhau, đang cố gắng thể hiện điều gì đó. Có

lẽ cô đang bắt được các dao động ra đa qua lớp trám răng của mình. Có một nhóm người ở phía trước, các nhân viên đang mê mải nhìn vàng mặt trời bị che lấp - nhưng không có ai như cô, đang lẩn lút ở đây, lo lắng hoặc thậm chí ý thức rõ về âm thanh vo ve. Vì vậy, cô quyết định giữ kín việc này. Ấy vậy mà, vì một lý do kỳ cục nào đó, cô cảm thấy nhất thiết phải có mặt ngay tại đây, vào chính lúc này, lắng nghe tiếng ồn này và mong ước - để thỏa mãn tính hiếu kỳ của mình, hay còn gì hơn thế? - rằng giá như cô có thể vào bên trong kho để nhìn cái máy bay lần nữa. Như thế việc nhìn thấy cái máy bay sẽ bằng cách nào đó loại bỏ được tiếng vo ve trong đầu cô.

Và rồi, bất chợt, cô cảm thấy một sự chấn động trong không khí, như một luồng gió đổi chiều, và giờ thì - đúng vậy - có vẻ nguồn âm thanh này đã di chuyển tới đâu đó phía bên phải cô. Thay đổi đột ngột này khiến cô giật thót, và cô bám theo nó dưới ánh sáng âm của mặt trăng đang tỏa sáng, cầm theo tai nghe và kính bảo hộ. Các thùng rác và toa xe chở hàng nằm ngay phía trước, đằng sau là một vài thùng hàng lớn, tiếp đó là mấy bụi cây và đám thông phong trần màu xám với những tán lá vương đầy rác rưởi. Xa hơn là hàng rào lưới, phía sau đó là hàng chục héc ta bụi cây đại.

Những giọng nói. Giờ đây cô thấy nó giống những giọng nói hơn. Đang cố gắng bật lên thành một giọng nói duy nhất, một từ... một cái gì đó.

Khi Lo đến gần các toa xe, một tiếng sột soạt bất ngờ vang lên trong đám cây, một cái gì đó *chồm lên*, khiến cô giật mình lùi lại. Những con mòng biển bụng xám, có lẽ hoảng sợ vì nhật thực, bay tủa ra từ các cành cây và thùng rác, như những mảnh vỡ thủy tinh có cánh bắn ra tung tóe từ một ô cửa sổ vỡ.

Những giọng nói ê a lúc này đã trở nên rõ ràng hơn, nghe gần như đau đớn. Kêu gọi cô. Giống như một dàn hợp xướng những tiếng nói từ địa ngục, với cường độ dao động từ thì thầm cho đến gầm rú rồi ngược lại, cố phát âm rõ một từ, cô phải cố lăm mới hình dung ra, giống như:

“... đ-đ-đ-đ-đ-đ-ĐÂY.”

Cô đặt tai nghe xuống rìa thêm đế máy bay, vẫn đeo kính bảo hộ chờ đến khi nhật thực chấm dứt. Cô bước tránh các thùng rác bốc mùi đặc trưng và đi về phía các toa hàng lớn. Âm thanh được phát ra dường như không phải từ bên trong các toa xe, mà có lẽ từ phía sau chúng.

Sau khi bước qua giữa hai thùng hàng cao gần hai mét và vòng qua một chiếc lớp máy bay cũ nát, cô thấy một dãy các thùng hàng khác cũ hơn màu xanh nhạt. Bây giờ cô đã cảm thấy nó. Không chỉ nghe thấy những âm thanh đều đều mà còn *cảm thấy* nó, cái tổ của những giọng nói đang rung lên trong đầu óc và lồng ngực cô. Đang vẫy gọi cô. Cô đặt bàn tay lên thùng hàng nhưng không cảm thấy rung động nào ở đó, rồi cô tiếp tục tiến về phía trước, chậm lại khi tới góc thùng, vuơn người ra.

Nằm trên mớ rác rưởi bị gió thổi đến và lớp vỏ không được cắt xén, trắng phớt bởi ánh nắng, là một cái hộp gỗ lớn màu đen được chạm khắc trang trí, trông có vẻ cổ xưa. Cô đánh bạo bước hẳn ra khoảng trống nhỏ ấy, tự hỏi sao ai đó lại có thể quẳng một thứ đồ cổ rõ ràng được bảo quản tốt như thế ra tận chỗ này. Nạn trộm cắp - dù có tổ chức hay không - thật sự tồn tại ở sân bay này; có lẽ ai đó đã giấu nó ở đây, dự định sau này tạt qua lấy nó đi.

Rồi cô nhìn thấy lũ mèo. Mèo hoang nhưng nhúc ngoài sân bay. Vài con từng là thú nuôi sống khỏi lồng vận chuyển. Số khác thì đơn giản là những thú nuôi không được yêu thích bị chủ, những người dân địa phương, đem ra bỏ ở sân bay. Tệ hơn cả là nhiều hành khách đã bỏ rơi mèo của mình tại sân bay để tránh phải thanh toán phí thuê chuồng đất đỏ. Mèo nhà, vốn không biết tự vệ trong môi trường hoang dã, nếu tránh được số phận làm mồi cho những động vật lớn hơn thì sẽ gia nhập vào tập đoàn mèo hoang lang thang giữa hàng trăm héc ta đất còn bỏ hoang của sân bay.

Những con mèo gầy còm ngồi chồm hõm, đối diện cái hộp. Có khoảng vài chục con mèo bản thủ ghẻ lở ở đó, nhưng tới khi nhìn vào đám cây cối vương rác rưởi và dọc theo hàng rào mắt lưới, Lo nhận ra còn có hàng trăm con mèo hoang khác đang ngồi đối diện cái hộp gỗ, hoàn toàn không để ý tới cô.

Cái hộp không rung, không phát ra tiếng ồn đã lôi cuốn cô. Sau khi đã đi cả một quãng đường như thế, cô thấy bối rối vì phát hiện ra cái thứ lạ lùng này ở rìa sân bay, và thứ đó thực ra lại không phải thứ mà cô đang tìm kiếm. Dàn hợp xướng những âm thanh đều đều tiếp tục vang lên. Lũ mèo có nghe thấy không? Không. Chúng vẫn đang tập trung vào cái hộp đóng kín.

Đúng lúc cô định quay về thì đám mèo cũng òa lại. Lông trên lưng chúng dựng đứng lên - tất cả chúng, cùng một lúc. Những cái đầu ghê lở của chúng đồng loạt quay về phía cô, cả trăm cặp mắt mèo hoang nhìn cô chòng chọc trong ánh sáng nhấp nhোang nửa đêm nửa ngày. Lo cứng người, lo sợ bị tấn công - và rồi bóng tối chụp lên người cô, giống như nhật thực thứ hai.

Lũ mèo quay đầu bỏ chạy. Chúng chạy trốn khoảng trống, móng vuốt điên cuồng vồ lấy hàng rào cao, hoặc chui qua những cái lỗ đã được đào sẵn phía dưới.

Lo không thể xoay mình. Cô cảm thấy một luồng hơi nóng phả tới từ phía sau, như hơi lò nướng khi ta vừa mở nắp lò. Một sự hiện diện. Khi cô cố di chuyển, những âm thanh trong đầu cô kết tụ lại thành một tiếng nói đơn độc khủng khiếp.

“ĐÂY.”

Rồi cô bị bốc lên khỏi mặt đất.

Khi đàn mèo quay trở lại, chúng phát hiện ra thi thể cô với cái đầu nát bét, bị ném ra xa tới tận phía bên kia hàng rào chẳng khác nào một thứ rác rưởi. Lũ mèo bỗng tìm thấy cô đầu tiên - nhưng bọn mèo đã nhanh chóng xua chúng đi và hăm hở lao vào, đói khát xé nát quần áo cô để tận hưởng bữa tiệc bên trong.

Cửa hàng Đồ Cổ và Cho Vay Knickerbocker, phố 118 Đông, Spanish Harlem

ÔNG LÃO NGÔI TRƯỚC dẫy ba cửa sổ liền kề ở phía Tây của căn hộ mờ tối, chăm chú nhìn lên mặt trời đang bị che khuất.

Năm phút ban đêm vào giữa trưa. Sự kiện thiên văn diễn ra một cách tự nhiên kỳ vĩ nhất trong suốt bốn thế kỷ.

Không thể bỏ qua cách chọn lựa thời gian.

Nhưng vì mục đích gì?

Sự khẩn trương như một bàn tay nóng hầm hập tóm lấy ông. Hôm nay ông không mở cửa hàng mà thay vào đó, dành mấy tiếng đồng hồ từ lúc tảng sáng để đem các thứ từ xưởng làm việc dưới tầng hầm lên trên. Những vật dụng và đồ cổ ông đã kiếm được trong nhiều năm...

Những dụng cụ từ lâu đã bị quên mất chức năng. Những đồ dùng hiếm lạ không rõ nguồn gốc. Những món vũ khí chẳng có lai lịch.

Vậy nên giờ ông mệt mỏi ngồi đây, hai bàn tay xương xẩu nhúc nhối. Không ai khác ngoài ông có thể thấy trước những gì đang đến. Mọi dấu hiệu đều chỉ ra, thứ đó đã xuất hiện ở đây.

Sẽ không ai khác tin ông.

Goodfellow. Hay Goodwilling. Anh chàng với cái họ gì gì đấy đã phát biểu trong buổi họp báo lố bịch kia, cạnh vị bác sĩ mặc đồng phục hải quân. Những người xung quanh mang vẻ lạc quan dè dặt. Hoan hỉ về bốn người sống sót, trong khi tuyên bố không nắm rõ tổng số thương vong. *Chúng tôi muốn đảm bảo với công chúng rằng mối đe dọa này đã bị ngăn chặn.* Chỉ có mấy ông quan được bầu mới dám mạnh miệng tuyên bố mọi chuyện đã kết thúc, đã an toàn trong khi thậm chí còn không biết đó là chuyện gì.

Anh ta là người duy nhất phía sau micro có lẽ cho rằng chuyện này không chỉ đơn thuần là một máy bay gặp sự cố chứa đầy xác hành khách.

Goodwater?

Từ trung tâm kiểm soát dịch bệnh, ở Atlanta. Setrakian không chắc lắm, nhưng ông nghĩ có lẽ cơ hội lớn nhất của ông là với người này. Có lẽ là cơ hội duy nhất của ông.

Bốn người sống sót. Giá mà họ biết...

Ông lại nhìn lên cái đĩa đen rục rờ trên bầu trời. Như nhìn vào một con mắt mù do đục thủy tinh thể.

Như nhìn vào tương lai.

Tập đoàn Stoneheart, Manhattan

CHIẾC TRỤC THĂNG nhẹ nhàng hạ cánh xuống sân bay lên thẳng của trụ sở Tập đoàn Stoneheart ở Manhattan, một tòa nhà bằng thép đen và kính ở trung tâm Phố Wall. Ba tầng cao nhất là dinh thự riêng của Eldritch Palmer tại New York, một penthouse để vương với sàn lát đá mã não, các mặt bàn chất đầy các tác phẩm điêu khắc của Constantin Brancusi, còn tường thì được trang trí bằng tranh của Francis Bacon.

Palmer ngồi một mình trong phòng truyền thông hạ hết rèm, con người đen viền đỏ thẫm với quần lửa sáng trắng bao quanh đang nhìn thẳng vào ông ta từ cái màn hình 72 inch. Nhiệt độ của căn phòng này, cũng như tại ngôi nhà ở Dark Harbor hay trong ca bin chiếc trực thăng y tế của ông ta, luôn được giữ chính xác ở mức 17°C.

Đúng ra ông ta có thể ra ngoài. Dù sao thì ngoài trời cũng đủ lạnh; đúng ra ông ta có thể lên tầng thượng theo dõi vụ che khuất. Nhưng công nghệ mang ông ta lại gần hơn với chính cái sự kiện - không phải bóng tối kết quả, mà là hình ảnh mặt trời thất thế trước mặt trăng - vốn là màn dạo đầu của sự tàn phá. Ông ta sẽ không lưu lại Manhattan lâu. Chẳng bao lâu nữa, thành phố New York sẽ không còn là điểm du lịch quá thú vị.

Ông ta gọi vài cú điện, mấy câu trao đổi thận trọng qua đường dây bảo mật. Món hàng của ông ta đã đến như dự định.

Ông ta mỉm cười đứng dậy khỏi ghế, chậm rãi bước thẳng về phía cái màn hình khổng lồ, như thể đó không phải một cái màn hình ti vi mà là một cái cổng mà ông ta sắp bước qua. Ông ta với tay chạm vào màn hình LCD ngay vị trí của chiếc đĩa đen hung dữ, những phần tử tinh thể lỏng chạy ngoằn ngoèo như những con vi khuẩn dưới các đầu ngón tay nhăn nheo của ông ta. Như thể ông ta đang xuyên qua màn hình để chạm vào con mắt của thần chết.

Sự che khuất này là một hiện tượng thiên văn lắm lạ, một sự vi phạm trật tự tự nhiên. Một thiên thể chết, lạnh lẽo chế ngự một ngôi sao sống cháy bỏng. Đối với Eldritch Palmer, đó chính là bằng chứng rằng bất cứ thứ gì - *bất cứ thứ gì*, kể cả sự vi phạm khủng khiếp nhất những quy luật của tự nhiên - cũng đều là có thể.

Trong số tất cả những người đang theo dõi sự che khuất ngày hôm đó, hoặc trực tiếp hoặc thông qua truyền hình trên toàn cầu, ông ta có lẽ là người duy nhất ủng hộ mặt trăng.

Tháp không lưu sân bay quốc tế JFK

MỌI NGƯỜI TRONG BUỒNG QUAN SÁT của tháp không lưu cách mặt đất gần một trăm mét đều có thể thấp thoáng nhìn thấy thứ ánh sáng chớp choạng kỳ quái kiểu như ánh hoàng hôn ở xa xa phía Tây, bên ngoài tầm với của cái bóng mặt trăng khổng lồ, ở phía bên kia phần bị che khuất. Bầu trời ở nơi nửa tối đó, được chiếu sáng bởi quang quyển rực rỡ của mặt trời, biến thành màu vàng và vàng cam, không khác mấy miệng của một vết thương đang lành.

Bức tường ánh sáng này đang tiến về thành phố New York, nơi giờ đây đã trải qua chính xác bốn phút ba mươi giây trong bóng tối.

"Đeo kính vào!" Ai đó yêu cầu và Jim Kent đeo kính vào, lo lắng trước sự trở lại của ánh nắng. Anh ta nhìn xung quanh tìm kiếm Eph - mọi người ở cuộc họp báo, kể cả thống đốc và thị trưởng, đã được mời lên tháp không lưu để quan sát - và, vì không nhìn thấy Eph, Jim đoán anh đã lên trở lại nhà bảo trì máy bay.

Thực ra, Eph đã tận dụng thời gian nghỉ bắt buộc này theo cách tốt nhất mà anh biết: túm lấy một chiếc ghế ngay khi mặt trời vừa biến mất và ngồi nghiên cứu kỹ lưỡng mô bản vẽ cấu trúc mặt trong và sơ đồ chiếc Boeing 777, phớt lờ vụ che khuất.

Kết thúc che khuất toàn phần

SỰ KẾT THÚC ĐƯỢC ĐÁNH DẤU BỞI một hiện tượng phi thường. Những tia sáng chói lọi hiện ra dọc đường viền phía Tây của mặt trăng, hợp lại thành một chuỗi hạt ánh sáng mặt trời rục rịch, như một vết rạch giữa màn đêm, tạo thành hiệu ứng giống một viên kim cương sáng chói gài trên chiếc nhẫn bạc mặt trăng. Nhưng cái giá của vẻ đẹp ấy là hơn 270 người trong toàn thành phố, 93 trong số đó là trẻ em, bị mù vĩnh viễn do quan sát sự xuất hiện trở lại đầy ấn tượng của mặt trời mà không đeo kính bảo vệ đúng tiêu chuẩn, bất chấp một chiến dịch tuyên truyền rầm rộ trong công chúng về bảo vệ mắt trong thời gian che khuất. Vỡng mạc không có những phần tử miễn cảm với con đẩu, nên nạn nhân không hề biết họ đang làm hỏng mắt mình cho tới khi đã quá muộn.

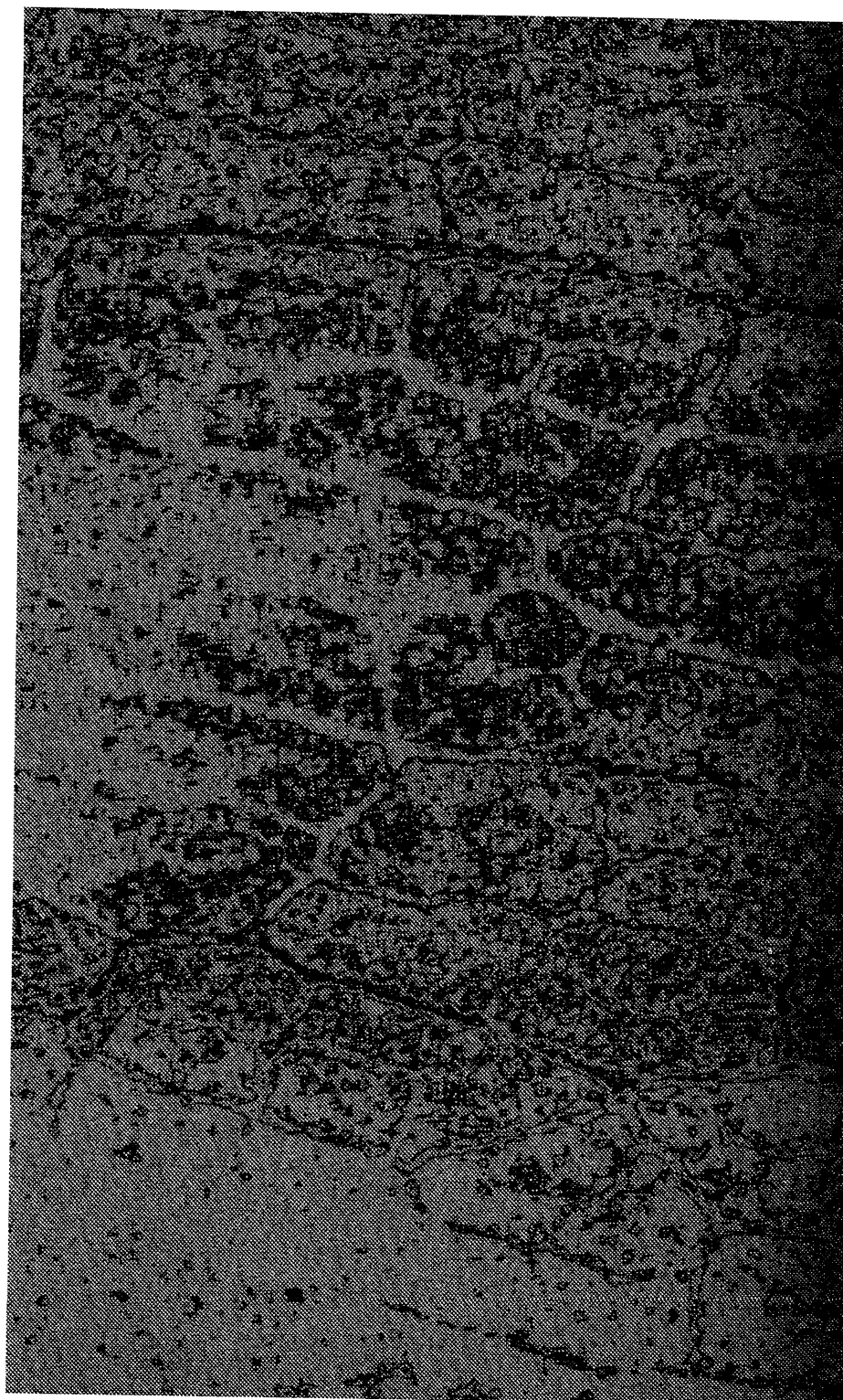
Chiếc nhẫn kim cương từ từ mở rộng, thành một chiếc vòng đá quý được biết đến với tên "chuỗi hạt Baily", hợp nhất với vầng mặt trời khuyết tái sinh, về bản chất đã đẩy lui kẻ xâm lược mặt trăng.

Trên trái đất, những dải bóng tối trở lại, lập lòe trên mặt đất giống như những linh hồn mới đang phát đi thông điệp về sự chuyển đổi từ một dạng sống này sang dạng sống khác.

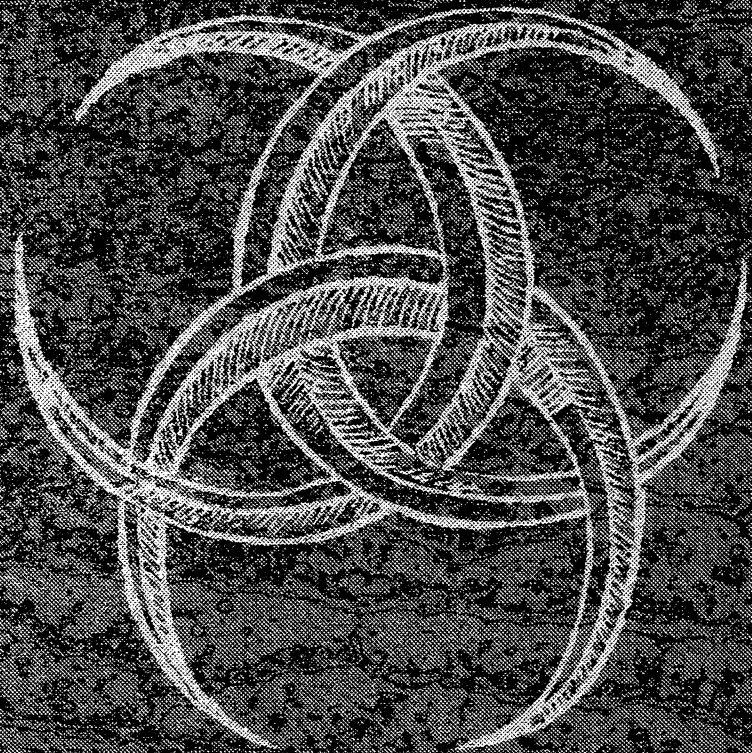
Khi ánh sáng tự nhiên bắt đầu quay trở lại, loài người trên mặt đất như gỡ được gánh nặng ngàn cân. Những tiếng hò reo, ôm ấp, những tiếng vỗ tay đồng loạt. Tiếng còi ô tô vang lên khắp thành phố, và tiếng hát của Kate Smith vang lên từ những chiếc loa trên sân vận động Yankee.

Chín mươi phút sau, mặt trăng hoàn toàn rời khỏi đường đi của mặt trời, và sự che khuất kết thúc. Một cảm giác rất thực xuất hiện, rằng chưa từng có chuyện gì xảy ra cả: chẳng có gì trên bầu trời bị thay đổi hay bị ảnh hưởng, cũng chẳng có gì thay đổi trên mặt đất ngoại trừ vài phút nhập nhoạng tối bao phủ trên phần Đông Bắc nước Mỹ. Thậm chí ngay ở New York,

mọi người cứ thế thu dọn đồ đạc như thể chỉ vừa xem một màn trình diễn pháo hoa, còn những người đã lặn lội đường xa thì chuyển hướng nỗi lo sợ của họ từ mặt trời chiều bị che khuất sang tình trạng giao thông đang chờ họ phía trước. Một hiện tượng thiên văn kỳ thú đã phủ cái bóng khiếp sợ và âu lo lên toàn bộ năm quận của thành phố. Nhưng đây là New York, và một khi cái gì đã qua thì tức là qua luôn.



THỨC GIÁC



Kho bảo trì máy bay Regis Air

Eph quay trở lại kho máy bay bằng xe điện, để Jim ở lại với giám đốc Barnes, cho anh ta và Nora có chút thời gian nghỉ ngơi.

Các rèm che y tế đã được đưa hết ra khỏi khu vực dưới cánh chiếc 777, tấm bạt nhựa thì đã được kéo lên. Thang lên xuống lúc này đã được áp vào các cửa thoát hiểm trước và sau, một nhóm nhân viên Ủy ban An toàn Giao thông Quốc gia (NTSB) đang làm việc gần khoang chứa hàng phía đuôi máy bay. Lúc này cái máy bay đang được xem như một hiện trường vụ án. Eph thấy Nora đang mặc áo liền quần Tyvek và mang găng tay cao su, tóc đã được buộc lên bên dưới chiếc mũ giấy. Cô mặc như vậy không phải để phòng chống sinh học mà chỉ đơn giản là để bảo vệ hiện trường.

“Thật đáng kinh ngạc, phải không?” cô nói, thay cho lời chào.

“Phải,” Eph nói, tập sơ đồ máy bay kẹp dưới cánh tay. “Cả đời mới có một lần.”

Cà phê đã bày biện trên bàn, nhưng Eph chỉ lôi ra một túi sữa lạnh từ bát đựng đá, xé mở và dốc cạn xuống cổ họng. Kể từ khi bỏ rượu, Eph, như một đứa trẻ chập chững đang thiếu canxi, luôn thèm khát sữa tươi nguyên chất.

Nora nói, “Ở đây vẫn chưa có gì. NTSB đang lấy băng ghi âm buồng lái và dữ liệu bay. Em không hiểu sao họ lại cho rằng

hộp đen sẽ vẫn hoạt động trong khi mọi thứ khác trên máy bay đều bị hư thê thảm, nhưng phải nói em khâm phục tinh thần lạc quan của họ. Cho tới lúc này, công nghệ chưa đưa được ta tới đâu. Đã hai mươi tiếng đồng hồ, và vụ này vẫn còn vô cùng mập mờ.”

Nora có lẽ là người duy nhất anh quen có khả năng làm việc dựa theo cảm tính một cách hiệu quả và thông minh hơn bất kỳ cách nào khác. “Đã có bất cứ ai vào trong máy bay kể từ khi các thi thể được đưa ra chưa?”

“Em nghĩ là chưa. Chưa có ai hết.”

Eph mang các bản sơ đồ lên cầu thang và vào trong máy bay. Các ghế giờ đều trống, ánh sáng bên trong đã bình thường. Còn một khác biệt nữa với Eph và Nora, đó là họ không còn bị bó buộc trong những bộ đồ bảo hộ. Lúc này, cả năm giác quan của họ đều sẵn sàng.

Eph hỏi, “Em ngửi thấy chứ?”

Nora ngửi ngửi. “Gi vậy nhỉ?”

“Amoniac. Có mùi này.”

“Và... phốt pho?” Thứ mùi ấy khiến cô nhăn mặt. “Có phải nó đã khiến họ bất tỉnh?”

“Không. Không khí trong máy bay sạch. Nhưng...” Anh nhìn quanh - tìm kiếm thứ gì đó mà họ không thể nhìn thấy. “Nora, lấy mấy cây gậy phát sáng Luma đi, được chứ?”

Trong lúc cô trở ra lấy chúng, Eph đi xuyên qua khoang hành khách và đóng các cửa sổ, như đêm trước, khiến cả khoang trở nên tối tăm.

Nora trở lại với hai cây gậy Luma phát ra ánh sáng cực tím, giống kiểu ánh sáng người ta hay dùng trên đu quay công viên, khiến vải cotton trắng phát sáng quang phổ. Eph vẫn nhớ bữa tiệc sinh nhật chín tuổi của Zack tại một sân bowling “vũ trụ”, và cứ mỗi lần Zack mỉm cười, răng trắng bé lại sáng rực lên.

Họ bật đèn, và ngay lập tức khoang máy bay tối biến thành một dải màu cuộn xoáy điên cuồng, những vết nhuộm màu lớn loang lổ khắp sàn và trên các ghế, chừa lại những khoảng tối tại nơi hành khách từng ngồi.

Nora nói, “Ôi Chúa ơi...”

Một ít vật chất phát sáng này thậm chí bám cả trên trần dưới dạng vết bắn tóe.

“Không phải máu,” Eph nói, sững sờ trước cảnh tượng này. Toàn bộ khoang hành khách phía đuôi máy bay trông như một bức họa của Jackson Pollock. “Nó là một loại vật chất sinh học gì đó.”

“Dù là gì thì nó cũng đã bắn tung tóe khắp nơi. Như thể thứ gì đó đã phát nổ. Nhưng từ đâu chứ?”

“Từ đây. Từ ngay nơi ta đang đứng.” Anh quỳ xuống, kiểm tra tấm thảm, tại đó mùi nồng hơn cả. “Chúng ta cần lấy mẫu kiểm tra.”

“Anh chắc chứ?” Nora hỏi.

Anh đứng lên, vẫn còn kinh ngạc. “Nhìn này.” Anh cho cô xem một trang sơ đồ máy bay. Nó cho thấy vị trí của thoát hiểm của dòng máy bay Boeing 777. “Em thấy khu vực tô đen này ở đâu máy bay chứ?”

Cô có thấy. “Trông như một cầu thang.”

“Ngay phía sau buồng lái.”

“OFCRA là viết tắt của cái gì vậy?”

Eph đi tới quầy bếp trước cửa buồng lái. Những chữ viết tắt này được in trên tấm ốp tường tại đó.

“Khu nghỉ tầng trên của phi hành đoàn,” Eph nói. “Tiêu chuẩn trên những phi cơ lớn bay đường dài như thế này.”

Nora nhìn anh. “Đã ai kiểm tra ở đây chưa?”

Eph nói, “Anh biết là chúng ta thì chưa.”

Anh cúi xuống quay một cái tay nắm giấu trong hốc tường, kéo mở một cánh cửa. Một cái cửa gấp ba cánh dẫn tới một cầu thang xoắn hẹp hướng vào bóng tối phía trên.

“Ôi, chết tiệt,” Nora thốt lên.

Eph chìa đèn Luma lên cầu thang. “Anh hiểu điều đó có nghĩa là em muốn anh đi trước.”

“Đợi đã. Hãy gọi thêm người.”

“Không. Họ sẽ không biết cần phải tìm thứ gì.”

“Vậy ta thì biết hả?”

Eph lờ đi, và leo lên dây cầu thang xoắn chặt hẹp.

Gian trên hẹp, trần thấp. Không có cửa sổ. Đèn Luma có vẻ thích hợp để giám định pháp y hơn là để chiếu sáng trong nhà.

Bên trong mô đun đầu tiên, họ có thể thấy hai cái ghế cỡ hạng thương gia đặt cạnh nhau, được gập xuống. Đằng sau là hai giường nghiêng, cũng cạnh nhau, không gian chỉ đủ rộng để mà trườn người vào. Ánh sáng tối cho thấy cả hai mô đun đều trống.

Tuy nhiên, ánh sáng cũng cho thấy thêm một mớ hỗn độn nhiều màu sắc tương tự những gì họ đã phát hiện bên dưới. Trên sàn, bám thành vệt trên các ghế và một giường ngủ. Nhưng dấu vết ở đây nhòe nhoẹt, như thể đã bám vào khi còn đang ẩm.

Nora hỏi, "Cái quái gì vậy?"

Tại đây cũng có mùi amoniac - và mùi gì đó khác. Mùi hăng hăng.

Nora cũng nhận ra, bèn đưa mu bàn tay lên che lỗ mũi. "Thứ gì vậy?"

Eph đứng gần như gập người giữa hai chiếc ghế bên dưới cái trần thấp. Anh đang cố tìm tòi. "Như giun đất vậy," anh nói. "Hồi nhỏ anh từng đào chúng lên. Cắt chúng làm đôi để quan sát từng phần ngoe nguẩy. Mùi của chúng là mùi đất, thứ đất lạnh chúng trườn qua."

Eph lia ánh đèn cực tím vào tường và sàn, sục sạo cả khoang. Đúng lúc định dừng lại thì anh chợt nhận thấy thứ gì đó phía sau đôi ủng giấy của Nora.

"Nora, đừng di chuyển," Eph nói.

Anh nghiêng người sang một bên để có góc nhìn rõ hơn mặt sàn trải thảm phía sau cô, Nora thì bất động như thể sắp giẫm phải một trái mìn.

Một cục đất nhỏ nằm trên tấm thảm hoa văn. Không quá vài gam đất, cực kỳ nhỏ, màu đen tuyền.

Nora nói, "Nó có đúng là thứ em đang nghĩ không nhỉ?"

Eph nói, "Cái hòm."

Họ trèo xuống cầu thang bên ngoài tới khu vực trữ hàng trong kho máy bay, nơi các xe đẩy phục vụ đồ ăn đang được mở ra và kiểm tra. Eph và Nora rà soát đồng hành lý, túi gậy đánh golf và chiếc xuồng kayak.

Cái hòm gỗ màu đen đã biến mất. Nơi trước đó đã đặt cái hòm, trên rìa tấm bạt nhựa, giờ trống không.

“Chắc ai đó đã chuyển nó đi,” Eph nói, vẫn đang quan sát. Anh bước tránh ra vài bước, quét mắt khắp phần còn lại của kho máy bay. “Họ không thể đưa nó đi xa được.”

Mắt Nora sáng rực. “Họ mới chỉ bắt đầu xem qua toàn bộ những thứ này. Chưa có gì được mang đi cả.”

Eph nói, “Thứ này đã được mang đi.”

“Đây là khu vực được bảo vệ, Eph. Thứ này khoảng bao nhiêu nhĩ, hai nhân một nhân một mét? Nó dễ nặng tới hàng trăm cân. Phải bốn người đàn ông mới có thể bê nổi.”

“Chính xác. Vậy là ai đó biết nó đang ở đâu.”

Họ tới chỗ nhân viên trực cổng kho máy bay, người giữ nhật ký ra vào khu vực. Anh chàng này tra cứu danh mục, một biên bản ghi chép thời gian ra vào của mọi người mọi vật. “Không có gì ở đây,” anh ta nói.

Eph cảm nhận được Nora đang định phản đối, vì thế anh chặn trước. “Anh đã ở đây, đứng ngay tại đây, được bao lâu rồi?”

“Từ khoảng mười hai giờ.”

“Không nghỉ ư?” Eph nói. “Vậy trong thời gian nhật thực?”

“Tôi đứng ngay tại đây.” Anh ta chỉ vào một vị trí cách cổng vài mét. “Không ai bước qua tôi cả.”

Eph nhìn sang Nora.

Nora nói, “Cái quái gì đang diễn ra vậy?” Cô nhìn anh nhân viên trực cổng. “Có ai khác có thể đã nhìn thấy một chiếc quan tài lớn không?”

Eph cau mày trước từ “quan tài”. Anh nhìn lại kho máy bay, rồi ngược lên những máy quay an ninh trên xà nhà.

Anh chỉ. “Chúng đây.”

Eph, Nora và nhân viên trực ban Quản lý Cảng bước lên cầu thang thép dài tới phòng kiểm soát bao quát toàn bộ kho bảo trì. Bên dưới, công nhân đang tháo mũ máy bay để kiểm tra bên trong.

Bốn máy quay hoạt động liên tục trong nhà kho: một tại cửa dẫn ra cầu thang lên phòng kiểm soát; một chĩa về phía các cửa nhà kho; một trên xà nhà - chính là chiếc Eph chỉ - và một trong căn phòng họ đang đứng lúc này. Tất cả đều hiển thị trên một màn hình bốn khung vuông.

Eph hỏi người quản lý kho bảo trì, “Sao lại có máy quay trong phòng này?”

Người quản lý nhún vai. “Chắc do đây là nơi để tiền mặt chi lật vật.”

Anh ta ngồi xuống một chiếc ghế văn phòng xấu xí có chỗ để tay dính đầy băng keo, rồi loay hoay bấm bàn phím phía dưới màn hình, mở rộng hình ảnh thu bởi máy quay trên xà nhà ra toàn màn hình. Anh ta tua ngược lại video ghi an ninh. Đây là thiết bị kỹ thuật số, nhưng đã dăm năm tuổi, và quá nhiều đến nỗi chẳng thể xem được gì trong lúc đang tua lại.

Anh ta dừng hình. Trên màn hình, cái hòm nằm chính xác tại vị trí cũ, ở một góc của đồng hàng hóa đã dỡ xuống. “Nó đây rồi,” Eph nói.

Nhân viên trực gật đầu. “Được rồi. Để xem nó đã đi đâu nào.”

Người quản lý nhấn nút chạy xuôi. Hình ảnh chạy chậm hơn so với khi tua ngược, nhưng vẫn khá nhanh. Ánh sáng trong nhà kho tối đi lúc che khuất, và khi nó sáng trở lại, cái hòm đã biến mất.

“Dừng, dừng lại,” Eph nói. “Chạy lùi lại.”

Người quản lý tua lại một chút, rồi lại nhấn play. Mã hiển thị thời gian bên dưới cho thấy hình ảnh đang chạy chậm hơn ban nãy.

Nhà kho tối đi và lập tức cái hòm lại biến mất.

“Cái quái gì...?” quản lý nói, nhấn nút dừng.

Eph nói, “Tua lại một chút thôi.”

Người quản lý tua lại, sau đó để hình chạy theo đúng thời gian thực.

Nhà kho mờ tối, vẫn được chiếu sáng bởi những đèn làm việc bên trong. Cái hòm đang ở đó. Và rồi nó biến mất.

“Trời,” nhân viên trực nói.

Người quản lý dùng video. Anh ta cũng bối rối.

Eph nói, “Có một khoảng trống. Một đoạn cắt.”

Người quản lý nói, “Không cắt đâu. Anh đã thấy mã hiển thị thời gian rồi đấy.”

“Vậy hãy tua lại một chút. Một chút nữa... ngay chỗ đó... lại lần nữa nào.”

Người quản lý cho chạy lại đoạn video.

Và một lần nữa, cái hòm biến mất.

“Houdini⁽¹⁾,” quản lý làu bàu.

Eph nhìn Nora.

“Nó không chỉ *biến mất*,” nhân viên trực cống nói. Anh ta chỉ tay về phía những hành lý xung quanh. “Mọi thứ khác vẫn y nguyên chỗ cũ. Không hề nhúc nhích.”

Eph nói, “Chạy lại lần nữa đi. Phiền anh.”

Người quản lý cho chạy lại. Và cái hòm lại một lần nữa biến mất.

“Chờ đã,” Eph nói. Anh đã thấy thứ gì đó. “Cho chạy lại đi - *chậm thôi*.”

Người quản lý tua lại, và cho chạy video một lần nữa.

“Đó,” Eph nói.

“Chúa ơi,” người quản lý thốt lên, gần như nhảy bật khỏi chiếc ghế cọt kẹt. “Tôi thấy rồi.”

“Thấy gì?” Nora hỏi, cùng lúc với nhân viên trực.

Người quản lý lúc này đã bình tâm trở lại, anh ta tua lại một đoạn ngắn.

“Sắp rồi...” Eph nói, căng mắt quan sát. “Sắp rồi...” Người

1. Harry Houdini (1784-1926): ảo thuật gia người Mỹ gốc Hungary, nổi tiếng với màn ảo thuật trốn thoát.

quản lý giữ tay trên bàn phím như thể một thí sinh game show đang chờ nhấn chuông. "... đó."

Cái hòm lại biến mất. Nora cúi xuống sát hơn. "Gì cơ?"

Eph chỉ vào một bên màn hình. "Ngay đó."

Rành rành bên mép phải của hình ảnh là một bóng đen mờ.

Eph nói, "Có thứ gì đó đang lướt qua máy quay."

"Trên xà nhà ư?" Nora nói. "Gì thế, một con chim chắc?"

"Quá lớn," Eph nói.

Nhân viên trực, đang cúi sát vào màn hình, nói, "Nhiều hình đấy. Một cái bóng."

"Được," Eph nói, bước lui lại. "Bóng của cái gì?"

Nhân viên trực đứng thẳng người lại. "Anh có thể chạy từng khung hình một được không?"

Người quản lý thử làm theo. Cái hòm biến mất khỏi sàn... gần như *cùng lúc* với sự xuất hiện của cái bóng mờ trên xà nhà. "Tôi chỉ có thể làm được như vậy trên cái máy tính này."

Nhân viên trực nghiên cứu màn hình một lần nữa. "Trùng hợp thôi," anh ta tuyên bố. "Làm sao có thứ gì di chuyển với tốc độ như vậy được?"

Eph hỏi, "Anh có thể phóng to chứ?"

Người quản lý đảo mắt. "Đây không phải trong CSI⁽¹⁾ - đây là RadioShack chết tiệt."

"Vậy là, nó đã biến mất," Nora nói, quay sang Eph, những người kia không giúp ích được gì. "Nhưng tại sao, và bằng cách nào?"

Eph khum tay quàng ra sau gáy. "Đất từ cái hòm... hẳn nó phải giống với đất ta vừa tìm thấy. Vậy nghĩa là..."

Nora nói, "Có phải ta đang đưa ra một giả thuyết rằng có ai đó từ khoang chứa hàng đã lên khu vực nghỉ tầng trên của phi hành đoàn?"

Eph nhớ lại cảm giác khi đứng trong buồng lái cùng thi thể các phi công - ngay trước khi phát hiện ra Redfern vẫn còn sống. Cảm giác về một sự hiện diện. Thứ gì đó ở gần.

1. Loạt phim truyền hình điều tra, tâm lý tội phạm của Mỹ.

Anh kéo Nora tránh xa hai người kia. “Và để lại dấu vết của... một thứ vật chất sinh học nào đó trên khoang hành khách.”

Nora ngoái nhìn hình ảnh bóng đen mờ trên xà nhà.

Eph nói, “Anh nghĩ ai đó đã ẩn nấp trong căn buồng đó khi ta vào máy bay lần đầu.”

“Ừ...” cô nói, bám lấy gợi ý đó. “Nhưng vậy thì... giờ nó đang ở đâu?”

Eph nói, “Bất cứ nơi đâu có cái hòm.”

Gus

GUS ĐI LỪNG THƯỜNG dọc làn xe ô tô trong bãi đỗ xe dài hạn trần thấp của sân bay JFK. Tiếng lốp xe mòn rít vang rẽ xuống con đường dốc ở lối vào làm cho nơi này nghe giống như một trại tâm thần. Cậu rút từ túi áo một tấm thẻ ghi chú gấp đôi và cẩn thận kiểm tra lại số ô đậu xe được một người nào khác viết. Sau đó cậu kiểm tra lại để chắc chắn không có ai khác gần đó.

Cậu tìm thấy chiếc xe tải, một chiếc Econoline trắng xước xát, bản thủ và thiếu cửa sổ sau, đỗ tận cuối làn, tại một khu vực đang thi công có đặt cọc tiêu, phát phơ vải dầu, vương vãi đá vụn và bị tróc một phần trần.

Cậu rút một cái khăn lau tay ra để cố thử cánh cửa trước không khóa, như được dặn trước. Cậu lùi khỏi chiếc xe tải và nhìn quanh góc gara tách biệt, hoàn toàn yên tĩnh, chỉ có âm thanh như tiếng khỉ ré xa xa, thầm nghĩ *bấy chằng*. Họ có thể đặt một máy quay trong bất cứ xe nào quanh đây, theo dõi cậu. Cậu đã từng xem một vụ như vậy trên chương trình *Cops: Sở Cảnh sát* gắn những máy quay nhỏ bên trong các xe tải và đưa chúng tới một con phố, hình như ở Cleveland, rồi theo dõi lũ trẻ con và mấy thằng đàn khác nhảy lên xe mà phóng đi chơi hoặc lái xuống cửa hàng chuyên mua bán phụ tùng ô tô trộm cắp gần đó. Bị bắt đã tệ lắm rồi, nhưng bị lừa như vậy, rồi bị tung lên chương trình ti vi giờ vàng, thế thì còn tệ hơn nhiều. Gus thà bị bắn chết khi mặc đồ đồ lót còn hơn bị dán nhãn một thằng ngu.

Nhưng cậu đã cầm năm mươi đô tiền thưởng từ gã nọ cho vụ này. Một món hời được Gus nhét trong túi băng bên dưới chiếc mũ phớt của mình, để làm bằng chứng phòng trường hợp mọi sự vỡ lở.

Gã đó đang ở trong siêu thị khi Gus tạt vào mua một chai Sprite. Đứng ngay sau cậu lúc cậu xếp hàng trả tiền. Ở bên ngoài, cách đó nửa khối nhà, Gus nghe tiếng ai đó bước vượt lên rồi quay ngoắt lại. Chính là gã ấy - tay chìa ra, cho thấy rõ hai bàn tay trống không. Muốn biết liệu Gus có muốn kiểm soát một chút không.

Gã da trắng, quần áo gọn gàng, có phần lạc lõng. Gã không giống cám, cũng chẳng giống người đồng tính. Giống kiểu một nhà truyền giáo.

"Một xe tải trong bãi đỗ xe sân bay. Cậu lên xe, lái tới Manhattan, đỗ xe, rồi biến."

"Một xe tải," Gus nói.

"Một xe tải."

"Có gì bên trong?"

Gã kia chỉ lắc đầu. Đưa một tấm thẻ ghi chú gấp đôi kẹp năm tờ mười đô mới cứng. "Chỉ là màn chào hỏi thôi."

Gus rút xấp tiền ra, như thể đang kéo miếng thịt ra khỏi một chiếc sandwich. "Nếu ông là cám, thì đây là một vụ giăng bẫy."

"Thời gian lấy xe được ghi trên đó. Đừng đến sớm, cũng đừng đến muộn."

Gus vân vê những tờ mười đô gấp đôi trên tay như thể đánh giá một chất vải mịn. Gã kia nhìn thấy. Gus nhận ra gã cũng nhìn thấy cả hình xăm ba vòng tròn nhỏ trên phần da giữa ngón trỏ và ngón cái của Gus. Dấu hiệu trộm cướp của băng đảng Mexico, nhưng gã này làm sao mà biết được chú? Liệu đó có phải lý do gã quay trở lại của hàng này? Lý do gã chọn cậu?

"Chìa khóa và các hướng dẫn tiếp theo có ở trong ngăn chứa đồ trên xe."

Rồi gã bắt đầu bỏ đi.

"Này," Gus gọi với theo. "Tôi đã đồng ý đâu."

Gus kéo mở cửa - chờ đợi; không có báo động - rồi leo vào trong. Không nhìn thấy bất cứ máy quay nào - nhưng dù có máy

quay thì cậu cũng chẳng thể nhìn ra, phải vậy không? Đằng sau ghế trước là một tấm ngăn bằng kim loại không có ô cửa sổ. Được bắt chặt bằng bu lông, đồ gia công thay thế. Không chừng trong chiếc xe tải này lúc nhúc cả một lũ côm cũng nên.

Tuy nhiên, trong xe có vẻ yên ắng. Cậu lại dùng khăn lau tay để mở ngăn chứa đồ. Rón rén, như thể có một con rắn đồ chơi có thể xổ ra, rồi bóng đèn nhỏ bật sáng. Nằm bên trong là chìa khóa xe, vé gửi xe để cậu ra ngoài, và một phong bì màu nâu.

Cậu nhìn vào trong phong bì và thấy ngay số tiền công. Năm tờ 100 đô mới cứng, khiến cậu vừa hài lòng vừa bực mình. Hài lòng bởi nó nhiều hơn mức cậu kỳ vọng, còn bực mình bởi sẽ chẳng có ai, đặc biệt là ở vùng này, chịu cầm tờ một lít từ cậu mà không thắc mắc. Ngân hàng thậm chí cũng sẽ quét đi quét lại những tờ tiền này, khi thấy chúng được rút ra từ túi một thằng Mexico mười tám tuổi xăm trổ đầy mình.

Gấp đôi lại kẹp bên ngoài những tờ tiền này là một thẻ ghi chú khác ghi địa điểm đến và mã số vào cửa bãi đậu xe tại đó, **CHỈ DÙNG MỘT LẦN.**

Cậu so sánh hai cái thẻ. Cùng một nét chữ.

Lo lắng nhạt dần khi cảm giác háo hức trời dậy. *Thằng khò!* Tin tưởng giao cho cậu chiếc xe này! Trong đầu Gus ngay lập tức nảy ra ba cơ sở khác nhau ở Nam Bronx để đưa con xe này tới *chính trang*. Và cũng là để nhanh chóng thỏa mãn nỗi tò mò muốn biết thứ đồ lậu cậu phải vận chuyển phía sau là gì.

Thứ cuối cùng trong chiếc phong bì lớn là một phong bì nhỏ hơn, cỡ bì thư. Cậu rút ra vài tờ giấy, mở ra, và chợt thấy nóng bừng cả người.

AUGUSTIN ELIZALDE, dòng đầu tiên ghi. Đó là lý lịch tư pháp của Gus, bị kết tội ngộ sát khi còn ở tuổi vị thành niên, và rồi được thả tự do vào sinh nhật lần thứ mười tám, mới chỉ ba tuần trước.

Trang thứ hai là bản sao bằng lái của cậu và, bên dưới, của mẹ cậu, với cùng một địa chỉ số 115, phố Đông. Rồi một bức hình nhỏ chụp mặt trước tòa nhà Taft Houses của họ.

Gus nhìn chăm chăm tờ giấy đó trong hai phút liền. Tâm trí bán loạn, hết nghĩ đến cái gã có dáng truyền giáo kia lại bản khoăn không biết gã đã biết được những gì, rồi lại nghĩ đến mẹ cậu, và rằng lần này Gus đã dây vào thứ công việc chết tiệt gì đây.

Gus không thích bị đe dọa. Nhất là khi dính líu tới mẹ mình: cậu đã khiến bà chịu đựng quá đủ rồi.

Trang thứ ba được in bằng cùng kiểu chữ viết tay như trên những tấm thẻ ghi chú. Nó viết: CẤM DỪNG.

Gus ngồi bên cửa sổ quán Insurgentes, ăn món trứng rán rưới tương ớt Tabasco, quan sát chiếc xe tải trắng đang đỗ song song với một xe khác trên đại lộ Queens. Gus thích đồ ăn sáng, và từ hồi ra tù, gần như bữa nào cậu cũng chỉ ăn đồ ăn sáng. Lần này cậu gọi món đặc biệt, bởi cậu có thể: thịt hun khói chiên giòn, bánh mì nướng cháy.

Mẹ kiếp, CẤM DỪNG. Gus không thích trò chơi này, nhất là khi dính dáng đến mẹ cậu. Cậu quan sát chiếc xe tải, cân nhắc các phương án, chờ đợi một điều gì đó xảy ra. Liệu cậu có đang bị theo dõi? Nếu có, thì sát sao tới mức nào? Và nếu chúng có thể theo dõi cậu thì tại sao chúng không tự mình lái chiếc xe luôn? Cậu đã đâm đầu vào chuyện chết tiệt gì đây?

Có gì ở bên trong chiếc xe tải đó?

Mấy thằng lang thang xuất hiện soi mói quanh đầu xe tải. Chúng hụp đầu xuống rồi chạy tán loạn khi Gus bước ra từ quán ăn. Chiếc áo sơ mi flannel cài cúc cổ của cậu phấp phới sau lưng trong gió chiều, hai cẳng tay trần của cậu kín đặc những đường xăm màu đỏ tươi bao quanh hình nhà tù màu đen. Tinh thần tương trợ lẫn nhau được thực thi trong toàn cộng đồng cư dân gốc Trung Mỹ trải rộng từ Bắc và Đông khu Spanish Harlem cho tới Bronx, và vươn xa tới tận khu Queens ở phía Nam. Họ ít người, nhưng ảnh hưởng thì trải rộng. Chớ có dây dưa với bất cứ ai trong số đó trừ phi muốn gây chiến với tất cả bọn họ.

Cậu lái xe vào một con phố lớn, theo hướng Tây đi về phía Manhattan, mắt vẫn trông chừng xem có ai bám đuôi hay

không. Chiếc xe tải nẩy lên tại đoạn đường đang làm và cậu dỏng tai lên nhưng chẳng nghe thấy có gì xê dịch đằng sau. Tuy nhiên, thứ gì đó đang đè nặng lên hệ thống giảm xóc.

Gus thấy khát, nên lại tấp vào lề đường bên ngoài một khu chợ ở góc phố để mua hai lon Tecate 700ml. Cậu nhét một trong hai lon đỏ-vàng đó vào khay cốc và tiếp tục lên đường, những tòa nhà cao tầng giờ đang hiện lên phía bên kia bờ sông, mặt trời bắt đầu khuất bóng phía sau chúng. Trời sắp tối. Cậu nghĩ về ông anh trai ở nhà, Crispin, một tên gàn dở nghiện ngập, xuất hiện đúng lúc Gus đang gắng hết sức đối xử tốt với mẹ. Toát mùi ma túy nồng nặc trên ghế sofa ở phòng khách, và Gus chỉ muốn thọc lưỡi dao gỉ vào giữa những cái xương sườn kia của hắn. Mang bệnh về nhà họ. Thành anh cậu là một con quý, một xác sống đúng nghĩa, nhưng mẹ sẽ không đẩy hắn ra khỏi nhà. Bà cứ để hắn ở đó, vờ như không biết hắn chích thuốc trong phòng tắm của bà, kiên nhẫn chờ đợi cho tới khi hắn lại bỏ đi cùng một số đồ đạc của bà.

Gus cần để dành một ít tiền *bất hợp pháp* này cho mẹ. Sẽ đưa bà *sau khi* Crispin biến đi. Nhét thêm một ít vào mũ và để đấy cho bà. Khiến bà vui. Làm điều đúng đắn.

Gus rút điện thoại ra trước khi lái vào hầm. “Ê, Felix. Đến đón tao đi.”

“Ở đâu vậy ông tướng?”

“Tao sẽ ở dưới công viên Battery.”

“Công viên Battery? Tít tận dưới đó á, Gusto?”

“Lái xe tới đại lộ 9 rồi đâm thẳng xuống, con chó. Chúng ta sẽ đi chơi. Tự thưởng cho mình một bữa tiệc nào. Số tiền tao nợ mày đó... hôm nay tao kiếm được một chút. Dem cho tao cái áo khoác hay thứ gì đó để mặc, giày sạch. Đưa tao vào hộp đêm nào đấy.”

“Mẹ kiếp, cần gì nữa không?”

“Chỉ cần mày bỏ tay ra khỏi cái hăm của con bồ mày và tới đón tao, hiểu chứ?”

Gus lái xe ra khỏi hầm vào Manhattan và đi dọc theo thành phố trước khi rẽ về hướng Nam. Cậu ngoặt vào phố

Church, phía Nam phố Canal, và bắt đầu kiểm tra các biển chỉ đường. Địa chỉ là một tòa nhà chung cư nằm phía sau một giàn giáo, cửa sổ dán đầy giấy phép xây dựng, nhưng chẳng hề có bất cứ xe tải công trường nào xung quanh. Đường phố yên lặng, nằm trong khu dân cư. Bãi đỗ xe vẫn làm việc như đã được báo trước, mã số vào bãi kéo cánh cửa cuốn bằng thép lên vừa đủ cho chiếc xe tải đi vào và lăn bánh xuống một con dốc bên dưới tòa nhà.

Gus đỗ xe và ngồi yên một lúc, nghe ngóng. Bãi đỗ xe bần thỉu và thiếu sáng, trông hết như một cái bẫy, bụi cuộn bay lên dưới ánh sáng đèn mờ từ lối vào đang mở toang. Gus chỉ muốn rút lui lập tức, nhưng cậu cần chắc chắn thoát khỏi vụ này mà không để lại một dấu vết. Cậu đợi cửa bãi hạ xuống hẳn.

Gus gập mấy tờ giấy và chiếc phong bì lấy từ ngăn chứa đồ nhét vào túi, nốc cạn bia và bóp nát lon rồi bước ra khỏi xe tải. Sau một phút suy tính, cậu cầm khăn lau tay trở vào trong, chùi sạch vô lăng, các núm radio, ngăn chứa đồ, tay nắm cửa trong và ngoài, mọi thứ mà cậu nghĩ mình đã có thể chạm vào.

Cậu nhìn quanh bãi đỗ xe, thứ ánh sáng duy nhất giờ đây lọt vào là từ giữa những chiếc cánh cửa một cái quạt thông gió, rọi những tia sáng yếu ớt vào đám bụi cuộn lên trông như sương mù. Gus chùi chìa khóa xe rồi bước vòng tới cửa sau xe tải. Cậu thử kéo nắm cửa. Chúng bị khóa.

Cậu đoán đo một lát, rồi sự tò mò lại thắng thế. Cậu thử dùng chìa khóa.

Ổ khóa khác với khóa công tắc xe. Cậu có phần thấy nhẹ nhõm.

Khủng bố, cậu nghĩ. Có khi giờ đây mình đã thành một thành phần khủng bố chết tiệt. Lái một xe tải chứa đầy thuốc nổ.

Việc cậu có thể làm là lái chiếc xe tải ra khỏi đây. Đỗ nó bên ngoài trạm cảnh sát gần nhất, để lại một lời nhắn trên kính chắn gió. Để họ xem bên trong xe có gì không.

Nhưng những gã chết tiệt kia đã có địa chỉ của cậu. Địa chỉ của mẹ cậu. Bọn chúng là ai chứ?

Gus giận dữ, cảm thấy vô cùng nhục nhã. Cậu nện nắm đấm vào thành chiếc xe tải trắng, hồi tiếc đã dây vào vụ này. Một âm thanh tương tự vọng lại bên trong, phá tan sự yên lặng. Vậy là chịu thua, cậu liền quăng chìa khóa vào ghế trước và đóng sầm cửa trước bằng khuỷu tay - lại một tiếng dội nữa.

Nhưng rồi - thay vì nhanh chóng trở nên yên tĩnh trở lại - cậu nghe thấy tiếng gì đó. Hoặc tưởng như đã nghe thấy: thứ gì đó bên trong. Dưới ánh sáng lò mờ chiếu qua lưới quạt thông gió, Gus vội bước đến bên cánh cửa sau đang khóa để lắng nghe, tai gần như chạm vào xe tải.

Thứ gì đó. Gần như... giống tiếng sỏi dạt dạt. Dạng như tiếng bụng đói kêu ùng ục. Sôi sục.

Ôi dào, kệ mẹ nó, cậu tự nhủ, bước lùi lại. Công việc đã xong. Miễn là quả bom không nổ xuống tận phố 110, thì việc gì ta phải quan tâm?

Một tiếng *rầm* nghiền nghệt nhưng dễ dàng nhận thấy từ bên trong xe tải đẩy Gus lùi lại một bước. Túi giấy chứa lon bia thứ hai tuột khỏi tay cậu, và lon bia vỡ tung, bắn bia khắp sàn nhà đầy cát bụi.

Nước bắn ra chuyển thành một đám bọt lăn tăn, và Gus cúi người xuống để thu dọn mớ hỗn độn, rồi cậu dừng lại, vẫn lom khom, tay đặt trên chiếc túi giấy ướt nhèm.

Xe tải hơi nghiêng. Lò xo giảm xóc khẽ cọt kẹt một tiếng.

Thứ gì đó đã di chuyển hoặc cử động bên trong.

Gus đứng thẳng dậy và lùi lại, mặc kệ chỗ bia đổ trên mặt đất, tiếng cát sỏi sột soạt dưới đế giày. Lùi được vài bước, cậu lấy lại bình tĩnh, cố tỏ ra thoải mái. Mánh này là để phòng trường hợp có ai đó đang theo dõi và muốn thấy cậu mất bình tĩnh. Cậu quay người, thông thả bước tới cửa bãi xe đang đóng kín.

Lò xo lại cọt kẹt, khiến Gus khựng lại, nhưng cậu không dừng bước.

Cậu tới chỗ một cái bảng đen cạnh cửa, có gắn một nút bấm đỏ. Cậu ấn cạnh bàn tay lên cái nút, nhưng không có gì xảy ra.

Cậu ấn tiếp hai lần nữa, ban đầu từ tốn nhẹ nhàng, sau đó mạnh và nhanh, lò xo trong nút bấm mắc kẹt như thể đã lâu không sử dụng.

Chiếc xe tải lại kéo kẹt, và Gus không cho phép mình ngoái lại.

Cửa bãi xe được làm bằng thép trơn, không có tay cầm. Chẳng có gì để kéo. Cậu đập cửa một cái, nhưng chỉ có thể làm cho nó kêu lên lạch cạch.

Một tiếng *rầm* nữa vang lên từ trong xe, gần như đáp lại tiếng đập cửa cậu, tiếp theo sau là tiếng kéo kẹt dữ dội, và Gus lao về phía chiếc nút bấm. Cậu lại nhấn nút, nhấn liên tục, rồi có tiếng rờn rọc kêu vo vo, động cơ cuốn lách cách, và dây xích bắt đầu chạy.

Cửa cuốn bắt đầu nâng lên khỏi mặt đất.

Gus đã ra tới bên ngoài trước cả khi cửa cuốn lên được một nửa, vọt ra vĩa hè như một con cua và nhanh chóng lấy lại hơi. Cậu quay lại và chờ đợi, quan sát cánh cửa mở ra, dừng một lúc, rồi hạ lại xuống. Cậu muốn chắc chắn nó đã đóng chặt và không có gì hiện ra từ bên trong.

Sau đó cậu nhìn quanh, rũ bỏ cơn sợ hãi, kiểm tra lại mũ của mình, bước tới góc phố, bước nhanh như vừa phạm tội, mong muốn cách xa chiếc xe tải này thêm một khối nhà nữa. Cậu băng qua phố Vesey và thấy mình đang đứng trước những thanh chặn cùng hàng rào công trường bao quanh khu vực trước đây từng là Trung tâm Thương mại Thế giới. Giờ nó đã bị xói tung lên thành một hố trũng khổng lồ trải rộng trên những con phố quanh co của khu trung tâm Manhattan, xung quanh là cần cầu và xe tải công trường đang tái thiết khu vực này.

Gus rũ sạch cơn ón lạnh. Cậu mở điện thoại áp vào tai.

"Felix, đang ở đâu rồi, bạn hiền?"

"Phố 9, đang vào khu trung tâm. Sao vậy?"

"Không có gì. Cứ đến đây nhanh lên. Tao vừa trải qua một chuyện mà tao cần phải quên ngay lập tức."

Khu cách ly, Trung tâm Y tế Jamaica

EPH TỚI TRUNG TÂM Y TẾ Jamaica, vô cùng giận dữ. “Bà nói họ đã đi rồi nghĩa là sao?”

“Bác sĩ Goodweather,” người quản lý nói, “chúng tôi không thể làm gì để buộc họ tiếp tục ở lại đây.”

“Tôi đã bảo bà phải cử một bảo vệ để giữ gã luật sư vô liêm sỉ đó của Bolivar ở ngoài mà.”

“Chúng tôi đã cử một bảo vệ. Một sĩ quan cảnh sát hẳn hoi. Anh ta xem lệnh và nói với chúng tôi anh ta chẳng thể làm được gì. Và... đó không phải luật sư của ngôi sao nhạc rock đâu. Là cô luật sư Luss. Công ty của cô ta. Họ đã qua mặt tôi, làm việc trực tiếp với ban giám đốc bệnh viện.”

“Vậy sao không ai thông báo cho tôi biết việc này?”

“Chúng tôi đã cố liên lạc với các anh. Chúng tôi đã gọi vào số của anh ta.”

Eph quay ngoắt lại. Jim Kent đang đứng cùng Nora. Anh ta có vẻ sững sốt. Anh ta rút điện thoại ra lướt qua danh sách cuộc gọi. “Tôi không thấy...” Anh ta nhìn lên với vẻ biện hộ. “Có lẽ là do vết đen của mặt trời lúc nhật thực, hay gì đó. Tôi không hề nhận được những cuộc gọi đó.”

“Tôi gửi vào hộp thư thoại của anh,” người quản lý nói.

Anh ta kiểm tra lại. “Chờ đã... có vài cuộc gọi có thể tôi đã bỏ qua.” Anh ta ngược nhìn Eph. “Có quá nhiều chuyện xảy ra, Eph... E là tôi đã phạm sai lầm.”

Thông tin này đã dập tắt cơn thịnh nộ của Eph. Thật chẳng giống Jim chút nào khi mắc sai lầm, đặc biệt là trong thời điểm nguy cấp như lúc này. Eph nhìn chằm chằm người cộng sự đáng tin cậy, cơn giận xẹp dần thành nỗi thất vọng. “Bốn mươi mốt quan trọng nhất của tôi giúp giải quyết vụ này vừa mới bước ra khỏi cánh cửa đó.”

“Không phải bốn,” người quản lý nói từ phía sau. “Chỉ ba thôi.”

Eph quay lại nhìn bà. “Ý bà là sao?”

Bên trong khu cách ly, Cơ trưởng Doyle Redfern ngồi trên giường, bên trong lớp rèm nhựa. Anh ta có vẻ phờ phạc; hai cánh tay tái nhợt đặt trên chiếc gối trong lòng. Y tá nói anh ta không chịu ăn gì do cứng họng và liên tục buồn nôn, thậm chí không uống một ngụm nước nào. Mũi kim ở cánh tay đang truyền nước cho anh ta.

Eph và Nora đứng bên anh ta, đeo mặt nạ và găng tay, tránh mang đồ bảo hộ toàn thân.

“Nghiep đoàn muốn tôi ra khỏi đây,” Redfern nói. “Nguyên tắc của ngành công nghiệp hàng không là, ‘Luôn luôn đổ lỗi cho phi công’. Dù là quá tải hay cắt giảm bảo trì thì cũng chẳng bao giờ là lỗi của hãng hàng không cả. Dù gì họ cũng sẽ truy cứu cơ trưởng Moldes trong vụ này. Và có lẽ là cả tôi nữa. Nhưng... có gì đó không ổn. Bên trong. Tôi không còn cảm thấy là chính mình nữa.”

Eph nói, “Sự hợp tác của anh là tối quan trọng. Tôi không biết cảm ơn anh sao cho đủ vì đã ở lại, tôi chỉ có thể nói chúng tôi sẽ bằng mọi giá giúp anh có thể khỏe lại.”

Redfern gật đầu, và Eph có thể thấy cổ anh ta cứng đờ. Eph xem xét phần dưới hàm của anh ta, sờ thấy các hạch bạch huyết, lúc này đang sưng phồng. Phi công này chắc chắn đang chiến đấu chống lại một thứ gì đó. Thứ gì đó liên quan tới những cái chết trên máy bay - hay có thể chỉ là thứ gì đó anh ta đã mắc phải trong chuyến bay của mình?

Redfern nói, “Một cái máy bay còn mới như thế, một cỗ máy tuyệt đẹp. Tôi chỉ không thể hiểu nổi sao nó tắt ngóm như vậy. Chắc hẳn là bị phá hoại.”

“Chúng tôi đã kiểm tra hỗn hợp không khí cùng các bồn chứa nước, cả hai đều sạch. Chẳng có gì chỉ ra được nguyên do chết người hay mất điện máy bay.” Eph xoa bóp vùng nách của phi công, phát hiện thêm những hạch bạch huyết cỡ hạt đậu ở đó. “Anh vẫn không nhớ gì về cuộc hạ cánh à?”

“Chẳng nhớ gì cả. Nó đang khiến tôi phát điên.”

“Anh có thể nghĩ ra bất cứ lý do tại sao cửa buồng lái không khóa không?”

“Không. Hoàn toàn trái quy định của FAA.”

Nora nói, “Anh có từng lên khu nghỉ tầng trên của phi hành đoàn không?”

“Chỗ giường ngủ ư?” Redfern nói. “Có chứ. Đánh vài giấc khi đang trên Đại Tây Dương.”

“Anh có nhớ đã gặp ghế xuống không?”

“Chúng đã gặp sẵn xuống rồi. Cô cần phải có chỗ để chân nếu muốn đuổi thẳng người ở đó. Sao vậy?”

Eph nói, “Anh không thấy gì bất thường ư?”

“Trên đó ư? Không có gì. Có gì mà thấy cơ chứ?”

Eph lui lại. “Anh có biết bất cứ gì về một cái hòm lớn được đưa vào khu vực chứa hàng không?”

Cơ trưởng Redfern lắc đầu, cố gắng suy nghĩ. “Không. Nhưng có vẻ anh đã nắm được điều gì đó.”

“Không hẳn. Cũng đang bối rối y như anh vậy.” Eph khoanh tay. Nora bật chiếc đèn Luma của cô và chiếu qua cánh tay Redfern. “Đó chính là lý do hiện tại, việc anh đồng ý ở lại vô cùng quan trọng. Tôi muốn kiểm tra toàn diện cho anh.”

Cơ trưởng Redfern dõi nhìn ánh sáng tím chiếu rọi lên da thịt mình. “Nếu anh nghĩ anh có thể hình dung được chuyện gì đã xảy ra, tôi sẵn sàng làm chuột bạch cho anh.”

Eph gạt đầu cảm kích.

“Anh bị vết sẹo này từ khi nào vậy?” Nora hỏi.

“Vết sẹo nào?”

Cô đang nhìn vào cổ Redfern, phía trước họng. Anh ta hơi nghiêng đầu để cô có thể chạm vào đường kẻ mảnh, ánh lên màu xanh dương thẫm dưới ánh đèn Luma. “Trông gần giống một vết mổ.”

Redfern tự sờ lên. “Chẳng có gì cả.”

Đứng vậy thật, khi cô tắt đèn, đường kẻ đó hoàn toàn biến mất. Cô lại bật đèn để Eph kiểm tra đường kẻ này. Có lẽ dài hơn một phân, dày vài li. Lóp da non trên vết thương chỉ vừa mới mọc lại gần đây thôi.

“Trong tối nay chúng ta sẽ lấy hình ảnh. Chụp MRI chắc sẽ cho ta biết gì đó.”

Redfern gật đầu, và Nora tắt gậy phát sáng. “Anh biết đấy... còn một điều nữa.” Redfern do dự, sự tự tin của một phi công nhất thời phai nhạt. “Tôi nhớ một chuyện, nhưng nó sẽ chẳng có ích gì cho các anh đâu, tôi không nghĩ...”

Eph nhún vai rất nhẹ. “Chúng tôi sẽ xem xét bất cứ thông tin gì anh cung cấp.”

“Ừm, khi tôi ngất đi... tôi mơ thấy một thứ... một thứ rất xưa...” Cơ trưởng nhìn quanh, gần như xấu hổ, rồi bắt đầu nói bằng giọng rất khẽ. “Hồi tôi còn nhỏ... buổi tối... tôi thường hay ngủ trên chiếc giường lớn trong căn nhà của bà tôi. Và mỗi tối, lúc nửa đêm, khi tiếng chuông nhà thờ gần đó vang lên, tôi thường thấy thứ gì đó hiện ra từ phía sau chiếc tủ lớn cũ. Mỗi tối, không bao giờ bỏ lỡ, nó thò cái đầu đen sì, những cánh tay dài ngoằng, đôi vai xương xẩu... và nhìn tôi *chằm chằm*...”

“Nhìn chằm chằm?” Eph hỏi.

“Nó có một cái miệng lõm chồm răng, đôi môi đen mỏng... và nó nhìn tôi, và chỉ... mỉm cười.”

Eph và Nora đều sững sờ, quá bất ngờ trước cả sự riêng tư lẫn giọng điệu mơ màng của lời thú nhận này.

“Rồi tôi bắt đầu la hét, và bà tôi bật đèn đưa tôi vào giường bà. Chuyện như vậy cứ tiếp diễn hàng năm trời. Tôi gọi nó là Ông Địa. Vì da của nó... cái màu da đen hết như lũ đĩa khát máu chúng tôi vẫn thường hay bắt được ở con suối gần đó. Các bác sĩ tâm lý trẻ em nhìn tôi, nói chuyện với tôi, gọi nó là ‘nỗi sợ ban đêm’ và đưa ra những lý do để tôi đừng tin vào thứ kia, nhưng... mỗi đêm nó đều quay trở lại. Mỗi đêm tôi đều vùi mặt vào gối, trốn khỏi nó... nhưng vô ích. Tôi biết nó ở đó, trong căn phòng...” Redfern nhăn mặt. “Vài năm sau, chúng tôi chuyển đi nơi khác và bà tôi đã bán cái tủ cũ đó đi, và tôi không bao giờ nhìn thấy nó nữa. Không bao giờ mơ thấy nó nữa.”

Eph chăm chú lắng nghe. “Xin lỗi, cơ trưởng... nhưng việc này có liên quan gì tới...?”

“Tôi đang nói đến đó đây,” anh ta nói. “Thứ duy nhất tôi nhớ được trong khoảng thời gian giữa lúc chúng tôi đang hạ cánh và tỉnh lại ở đây... là nó đã trở lại. Trong giấc mơ của tôi. Tôi lại thấy nó, Ông Địa... và nó đang mỉm cười.”



PHỤ LỤC II

HỔ CHÁY

CÁC CON ÁC MỘNG CỦA ÔNG LUÔN GIỐNG HẾT NHAU: Abraham, hoặc già hoặc trẻ, trần truồng quỳ gối trước một cái hố khổng lồ trên mặt đất, các thi thể đang cháy dưới hố trong khi một sĩ quan Đức Quốc xã đi dọc hàng tù nhân đang quỳ gối, bắn vào phía sau đầu họ.

Hố cháy này nằm ở đằng sau bệnh xá trong trại hành quyết có tên Treblinka. Các tù nhân quá ốm yếu hoặc quá già không thể làm việc sẽ bị đưa ngang qua một khu trại màu trắng có sơn một chữ thập đỏ, vào trong cái hố. Abraham trẻ từng thấy rất nhiều người chết ở đó, nhưng anh mới chỉ đến gần nó có một lần.

Anh đã cố gắng tránh gây chú ý, làm việc âm thầm, xa cách mọi người. Mỗi sáng anh đều chích đầu ngón tay và bôi một giọt máu lên mỗi bên má, để trông cho thật khỏe mạnh khi điếm danh.

Anh nhìn thấy cái hố lần đầu khi đang sửa giá kệ trong bệnh xá. Ở tuổi mười sáu, Abraham Setrakian, mang trên ngực áo miếng vá hình ngôi sao David màu vàng⁽¹⁾, là một thợ thủ công. Anh không nịnh nọt ai; anh không được ai ưu ái, chỉ đơn thuần là một nô lệ có tài làm mộc, mà trong một trại hành quyết, đó là một tài năng giúp sống sót. Anh có chút giá trị đối với một đại úy Quốc xã, kẻ đã lợi dụng anh một cách không thương tiếc,

1. Biểu tượng cho nhân dạng Do Thái và Do Thái giáo.

không quan tâm và không ngừng nghỉ. Anh dựng hàng rào thép gai, đóng tủ sách, sửa chữa đường sắt. Anh cũng đã chạm khắc những tẩu thuốc tinh tế cho tên đại úy cai ngục người Ukraina đó vào mùa Giáng sinh năm 1942.

Chính đôi bàn tay ấy đã giúp Abraham tránh xa cái hố. Lúc chạng vạng, anh có thể nhìn thấy cái hố sáng rực, và đôi khi, mùi thịt và xương trộn lẫn ám cả vào mùn của trong xưởng gỗ. Khi nỗi sợ hãi xâm chiếm trái tim anh, cái hố cũng hiện diện ở đó.

Đến tận bây giờ, Setrakian vẫn còn cảm thấy nó bên trong ông, mỗi khi nỗi sợ dâng lên - cho dù là khi băng qua con đường tối, đóng cửa hiệu ban đêm hay tỉnh giấc từ cơn ác mộng - những mảnh ký ức của ông lại sống dậy. Hình ảnh ông đang quỳ gối, trần truồng, cầu khẩn. Trong những giấc mơ, ông có thể cảm thấy họng súng đang ấn vào cổ.

Các trại hành quyết chẳng có nhiệm vụ gì ngoài giết chóc. Treblinka được nguy trang để trông như một ga tàu, với những áp phích du lịch, lịch trình chuyến đi và cây cỏ đan trên hàng rào thép gai. Anh tới đó vào tháng Chín năm 1942 và đã dành trọn thời gian để làm việc. "Làm việc để được thở," anh gọi nó như thế. Hồi đó, anh là người trầm lặng, còn trẻ nhưng được dạy dỗ tốt, hiểu biết và đầy trắc ẩn. Anh giúp đỡ nhiều tù nhân hết mức có thể và luôn âm thầm cầu nguyện. Dù phải hằng ngày chứng kiến sự tàn bạo, anh vẫn tin Chúa đang che chở cho tất cả mọi người.

Nhưng một đêm mùa đông, Abraham đã nhìn thấy ác quỷ, trong hình hài của chết chóc. Và hiểu rằng sự đời khác xa những gì anh tưởng.

Đã quá nửa đêm, và trại vẫn yên tĩnh như Setrakian thường thấy. Tiếng xào xạc trong rừng đã lặng đi và không khí lạnh thấu xương. Anh lặng lẽ xoay người trên giường và nhìn vô định vào bóng tối xung quanh. Rồi anh nghe thấy nó...

Cộc-cộc-cộc.

Hệt như bà anh từng kể... âm thanh giống hết như bà từng kể... và không hiểu vì sao việc đó khiến cho mọi chuyện càng đáng kinh hãi hơn...

Anh nghệt thở, và cảm thấy cái hố cháy trong tim. Tại một góc trại, bóng tối đang di chuyển. Một *sinh vật*, một hình hài cao ngất đáng sợ tách rời khỏi bóng tối thăm thẳm và lướt qua những người bạn đang say giấc của anh.

Cộc-cộc-cộc.

Sardu. Hoặc một Sinh vật đã từng là hấn. Da nó héo quắt và đen, cùng màu với nếp áo choàng đen, lưng thụng của nó. Như một vệt mực đen đang chuyển động. Sinh vật này di chuyển nhẹ nhàng, một bóng ma không trọng lượng lướt qua sàn nhà. Những móng chân giống vuốt sắc của nó kéo lê trên mặt sàn gỗ êm như ru.

Nhưng... không thể nào. Thế giới này là thực - cái ác là thực, và luôn hiện diện xung quanh anh - nhưng thứ này không thể là thực. Nó là một *câu chuyện của bà*. Một câu...

Cộc-cộc-cộc...

Chỉ trong vài giây, sinh vật chết chóc dài thượt ấy đã tiến tới giường ngủ đối diện Setrakian. Lúc này Abraham có thể nghĩ thấy nó: lá khô, đất và mốc. Anh có thể loáng thoáng thấy khuôn mặt tối đen đó khi nó hiện ra từ bóng tối thăm thẳm của cơ thể và cúi về phía trước, hít ngửi cổ Zadawski, một anh chàng người Ba Lan, một công nhân chăm chỉ. Sinh vật đó đứng bằng chiều cao khu trại, đầu ngang tầm những xà nhà phía trên, hơi thở mạnh và sâu, phấn khích, đói khát. Nó di chuyển tới giường tiếp theo, và ánh sáng từ cửa sổ bên cạnh thoáng viền quanh khuôn mặt nó.

Lớp da đen trở nên trong mờ, như một miếng thịt khô dưới ánh sáng. Nó khô cong và mờ xỉn - ngoại trừ đôi mắt: hai quả cầu lập lờ đường như đang sáng nhấp nháy, như những cục than cháy đón làn gió mới. Cặp môi khô của nó hé ra, để lộ vùng lợi lốm đốm cùng hai hàm răng nhỏ, vàng, sắc nhọn đến không tưởng.

Nó dừng lại bên trên cơ thể yếu ớt của Ladizlav Zajak, một ông lão từ Grodno, một người đến sau mắc bệnh lao. Setrakian đã giúp đỡ Zajak từ khi ông mới đến, hướng dẫn công việc và bảo vệ ông khỏi những ánh mắt soi mói. Chỉ riêng căn bệnh của

ông đã quá đủ để khiến ông phải bị xử tử ngay lập tức - nhưng Setrakian nhận ông là phụ tá, giúp ông tránh khỏi tầm mắt của các giám thị SS và lính gác Ukraina trong những thời khắc nguy hiểm. Nhưng giờ Zajak không còn nữa. Lá phổi của ông đã kiệt quệ, và, quan trọng hơn, ông đã không còn thiết sống: chán chường, hiếm khi nói chuyện, và thường xuyên khóc thầm. Ông đã trở thành gánh nặng trong cuộc đấu tranh sinh tồn của Setrakian, nhưng những lời cầu khẩn của anh cũng chẳng thể lên tinh thần cho ông lão - Setrakian nghe thấy ông rùng mình trong những cơn ho thất ruột lạnh lẽ và khóc thầm cho tới tận lúc bình minh.

Nhưng lúc này đây, sừng sững phía trên Zajak, Sinh vật đó đang quan sát ông. Nhịp thở hỗn loạn của ông lão dường như khiến nó hài lòng. Như một thiên sứ tử thần, nó bao trùm bóng tối lên cơ thể kiệt quệ của ông lão và hăm hở bật ra tiếng khục khặc từ vòm miệng khô của nó.

Những gì Sinh vật đó làm tiếp theo... Setrakian không thể nhìn thấy. Có tiếng ồn, nhưng đôi tai anh không thể nghe ra là gì. Cái Sinh vật khổng lồ, hau háu đó cúi xuống đầu và cổ ông lão. Tư thế của nó có vẻ như... đang ăn. Cơ thể già yếu của Zajak co giật rất nhẹ, nhưng, lạ lùng thay, ông lão không hề tỉnh giấc.

Không bao giờ nữa.

Setrakian bịt tay lên mắt, chặn tiếng thở hỗn hển. Và Sinh vật đang ăn đó dường như không thêm bận tâm đến anh. Nó dành thời gian cho những người bệnh tật ốm yếu. Đến khi hết đêm, ba xác chết nằm lại, còn sinh vật đó trông thật thỏa mãn - da nó mềm hơn nhưng vẫn đen như cũ.

Setrakian chứng kiến Sinh vật đó khuất dần vào bóng tối và biến mất. Thận trọng, anh ngồi dậy tới gần các thi thể. Anh xem xét họ dưới ánh sáng yếu ớt, và không có dấu hiệu chấn thương nào - ngoài một đường cắt mỏng ở cổ. Một vết mỏng đến độ gần như không thể nhìn thấy. Nếu không phải anh tận mắt chứng kiến cảnh tượng kinh hoàng đó...

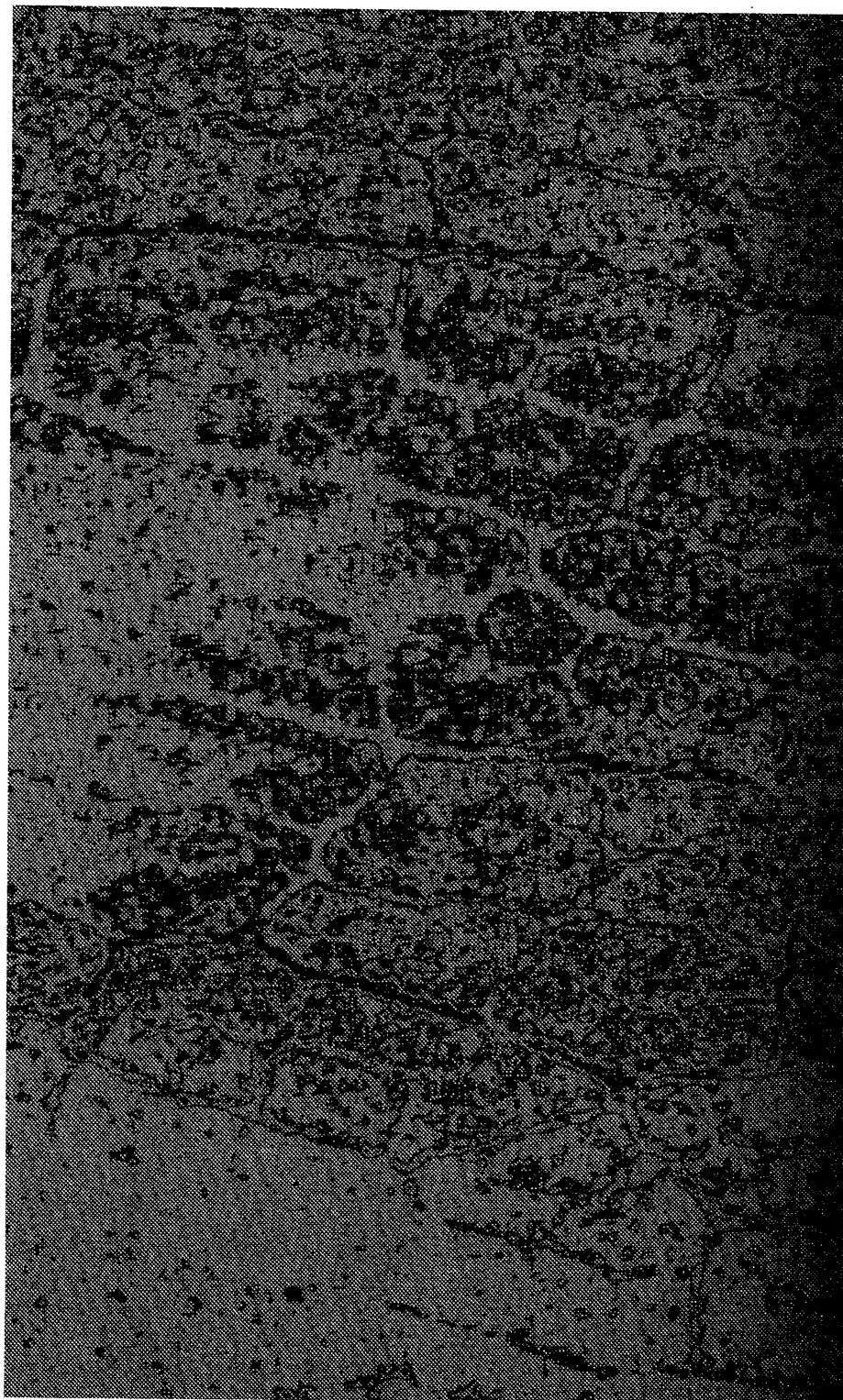
Rồi anh chợt hiểu ra. Sinh vật này. Nó sẽ trở lại - sớm thôi. Trại này là một vùng đất kiếm ăn màu mỡ, và nó sẽ ghé thăm

những kẻ không còn được chú ý, những kẻ bị lãng quên, những kẻ không còn quan trọng. Nó sẽ ăn bọn họ. Tất cả bọn họ.

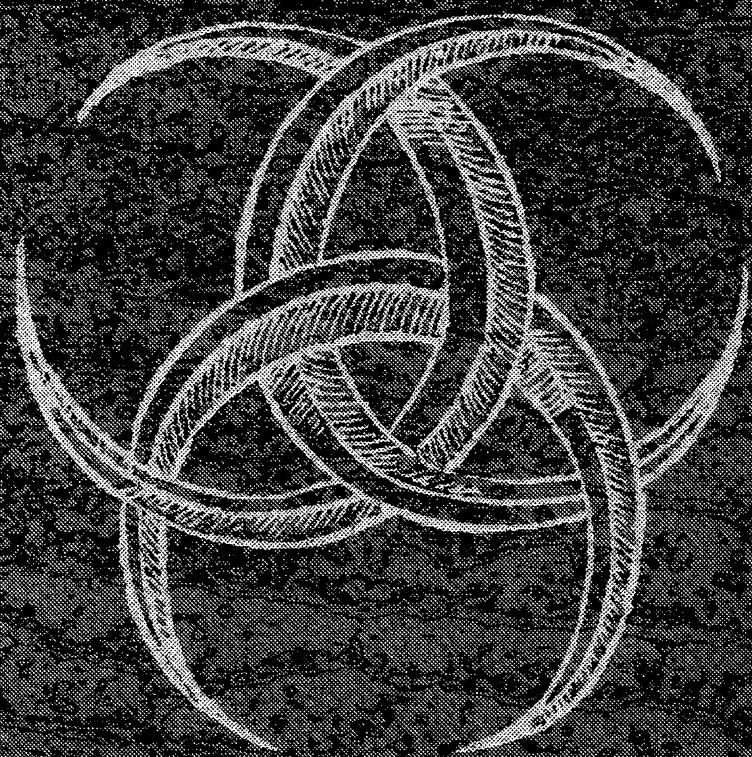
Trừ phi ai đó đứng dậy chống lại nó.

Ai đó.

Anh.



HÀNH ĐỘNG



Khoang phổ thông

Người sống sót của chuyến bay 753 Ansel Barbour ôm áp vợ, Ann-Marie, và hai đứa con, Benjy tám tuổi và Haily năm tuổi, trên chiếc ghế sofa vải hoa xanh dương trong phòng kính của căn nhà ba phòng ngủ của họ ở Flatbush, New York. Thậm chí cả Pap và Gertie cũng tham gia, hai chú chó giống Saint Bernard lớn ấy cũng được phép vào nhà trong dịp đặc biệt này, vô cùng hạnh phúc khi thấy anh trở về, mấy bàn chân lớn như chân người của chúng đề lên đầu gối anh và cảm kích vỗ lên ngực anh.

Ansel đã ngồi ghế 39G gần lối đi, hạng phổ thông, trở về từ một chương trình tập huấn bảo mật dữ liệu do công ty chi trả tại Potsdam, Tây Nam Berlin. Anh là lập trình viên máy tính làm việc hợp đồng bốn tháng với một nhà bán lẻ có trụ sở tại New Jersey, theo dõi những vụ trộm cắp điện tử đã lấy đi hàng triệu số tài khoản tín dụng của khách hàng. Trước giờ anh chưa từng ra nước ngoài, và anh nhớ gia đình mình da diết. Trong bốn ngày hội nghị, vẫn có thời gian nghỉ và các tour tham quan, nhưng Ansel chẳng bao giờ bén mảng ra khỏi khách sạn mà thích ở trong phòng với máy tính xách tay, nói chuyện với lũ trẻ qua webcam và đánh bạc trên mạng với những người lạ.

Vợ anh, Ann-Marie, là một phụ nữ nhát gan mê tín, và kết cục bi thảm của chuyến bay 753 chỉ càng củng cố nỗi sợ hãi thường trực của cô đối với du lịch hàng không và những

trải nghiệm mới nói chung. Cô không lái xe hơi. Cô sống trong ràng buộc của hàng tá thủ tục ám ảnh-cưỡng chế quá mức, bao gồm sờ mó và liên tục lau sạch mọi tấm gương trong nhà, theo cô là để phòng tránh xui xẻo. Cha mẹ cô mất trong một tai nạn xe hơi khi cô bốn tuổi - cô sống sót sau vụ tai nạn đó - và cô được nuôi dạy bởi một bà cô không chồng, bà này qua đời chỉ một tuần trước đám cưới của Ann-Marie và Ansel. Sau khi sinh con, sự cô lập của Ann-Marie càng trầm trọng, những nỗi sợ bị phóng đại, tới mức có khi hàng mấy ngày liền cô chẳng chịu rời khỏi căn nhà an toàn của mình, hoàn toàn dựa dẫm vào Ansel trong bất cứ công việc gì liên quan tới giao dịch với thế giới bên ngoài.

Tin tức về cái máy bay hỏng đã khiến cô suy sụp hoàn toàn. Việc Ansel sống sót sau đó đã giúp cô hồi sinh với sức mạnh của một niềm hạnh phúc mà cô chỉ có thể định nghĩa bằng những thuật ngữ tôn giáo, một sự hồi phục đã củng cố và thần thánh hóa sự thiết yếu của những thủ tục thừa thãi đang giúp duy trì sự sống của cô.

Về phần Ansel, anh cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm khi được trở về nhà. Cả Ben lẫn Haily đều cố nằm đè lên anh, nhưng anh phải ngăn chúng lại do cơn đau ở cổ vẫn chưa dứt. Sự căng cơ - các cơ của anh như những sợi thừng xoắn chặt - tập trung ở vùng họng, nhưng lan qua cả khớp hàm tới tận tai. Khi bị xoắn, dây thừng sẽ ngăn lại, và các cơ của anh cũng có cảm giác y hệt. Anh duỗi cổ, hy vọng động tác nắn khớp...

RẮC... KHỤC... BỐP...

hóa ra làm anh gần như gập làm đôi. Nỗ lực này chỉ khiến anh đau hơn.

Lát sau, Ann-Marie bất ngờ bước vào bếp đúng lúc anh đang đặt lọ thuốc giảm đau Ibuprofen cỡ lớn của cô trở lại ngăn tủ cao phía trên lò nướng. Anh dùng liền một lúc sáu viên, liều lượng chỉ định hằng ngày - mà cơn đau gần như chẳng giảm chút nào.

Ánh mắt sợ hãi của cô không còn chút dấu vết vui vẻ nào. "Chuyện gì vậy?"

“Không có gì đâu,” anh nói, mặc dù đang thấy vô cùng khó chịu khi phải lắc đầu. Nhưng tốt nhất là tránh gây lo lắng cho cô. “Chỉ là cứng cơ sau chuyến bay thôi. Có thể tại cách anh ngả đầu đấy.”

Cô vẫn đứng ngay lối vào, kéo kéo ngón tay. “Có lẽ anh không nên xuất viện.”

“Vậy thì làm sao em có thể yên tâm được?” anh đáp trả, tỏ ra cộc lốc với cô hơn dự tính.

RẮC, KHỤC VÀ BỐP...

“Nhưng lỡ như... lỡ như anh buộc phải quay lại? Lỡ như, lần này, họ muốn anh ở lại?”

Thật mệt mỏi khi phải dùng chính nỗi sợ của bản thân để rũ bỏ nỗi lo sợ cho cô. “Anh không thể lỡ thêm bất cứ công việc nào nữa. Em cũng biết tình hình tài chính của ta đang bấp bênh mà.”

Họ là gia đình một nguồn thu nhập trong cái nước Mỹ toàn những gia đình hai nguồn thu nhập. Mà Ansel thì chẳng thể đảm đương công việc thứ hai, bởi như vậy thì ai sẽ đi chợ?

Cô nói, “Anh biết đấy, em... em chẳng thể xoay xở được nếu thiếu anh.” Bọn họ chưa từng thảo luận về căn bệnh của cô. Hay ít ra là, chưa từng nói về nó như một căn bệnh. “Em cần anh. Chúng em cần anh.”

Anh gục đầu mà như thể cúi chào, khom cả eo thay vì chỉ uốn cổ xuống. “Chúa ơi, cứ nghĩ về tất cả những con người ấy là anh lại chẳng bình tâm được.” Anh mừng tượng lại những người ngồi gần anh trên chuyến bay dài. Gia đình có ba đứa con lớn ngồi hai hàng phía trước anh. Cặp vợ chồng lớn tuổi ngồi sát lối đi, gần như ngủ suốt, hai mái đầu bạc cùng chia sẻ một chiếc gối du lịch. Tiếp viên hàng không tóc nhuộm vàng làm rót soda lên đùi anh. “Tại sao lại là anh, em biết đấy? Có lý do gì khiến anh sống sót?”

“Có một lý do đấy,” cô nói, áp hai tay lên ngực. “Em.”

Một lúc sau, Ansel đưa lữ chó về chuồng ở sân sau. Cái sân là lý do chính khiến họ mua căn nhà này: có rất nhiều chỗ chơi cho bọn trẻ và lữ chó. Ansel đã nuôi Pap và Gertie trước

cả khi anh gặp Ann-Marie, và tình yêu cô dành cho bọn chúng ít nhiều cũng ngang với tình yêu cô dành cho anh. Bọn chúng cũng yêu cô, vô điều kiện. Ansel cũng vậy, và lũ trẻ cũng thế - mặc dù Benjy, đứa lớn hơn, thỉnh thoảng đã bắt đầu thắc mắc về sự lập dị của cô. Đặc biệt là khi sự lập dị ấy xung đột với lịch tập và chơi bóng chày của một thằng bé tám tuổi. Ansel có thể cảm nhận được Ann-Marie đã trở nên hơi xa cách thằng bé. Nhưng Pap và Gertie sẽ chẳng bao giờ chống đối cô, miễn là cô cho chúng ăn đến nứt cả bụng. Anh chỉ lo khi lũ trẻ lớn lên, sợ rằng chẳng mấy mà chúng sẽ trưởng thành hơn mẹ mình, và sẽ chẳng bao giờ thực sự hiểu được tại sao cô có vẻ yêu lũ chó hơn chúng.

Bên trong chuồng chó cũ ngoài vườn, một cọc rào bằng kim loại gắn hai sợi xích được đóng vào những tấm ván sàn trung tâm. Đầu năm nay, Gertie đã bỏ đi và rồi quay về với chỉ chút vết gậy ở lưng và chân, hẳn đã bị ai đó dùng gậy đánh. Vì thế giờ cứ đến buổi tối, họ lại xích lũ chó lại để chúng được an toàn. Ansel - vẫn giữ thẳng cổ và đầu để giảm cơn đau - từ từ đặt thức ăn và nước uống cho chúng, rồi vuốt túm lông trên cái đầu khổng lồ của chúng trong lúc chúng ăn, cốt để cảm nhận rằng chúng có thật, cảm kích sự hiện diện của chúng vào cuối cái ngày may mắn này. Anh ra ngoài và đóng cửa chuồng sau khi đã xích chúng vào cọc, rồi đứng nhìn căn nhà của mình từ phía sau, cố tưởng tượng thế giới này nếu không có anh. Hôm nay Ansel đã thấy lũ trẻ khóc, và anh đã khóc cùng chúng. Gia đình anh cần anh hơn bất cứ điều gì.

Một cơn đau bất chợt nhói lên ở cổ khiến anh run rẩy. Anh bám lấy góc chuồng chó để khỏi ngã, và đứng sững như vậy một lúc, gập người nghiêng sang một bên, rùng mình chịu đựng cơn đau nhói như dao cắt này. Cuối cùng nó cũng qua, chỉ còn lại âm thanh ù ù như tiếng vỗ ốc ở một bên tai. Anh khẽ rờ ngón tay lên cổ, rón rén như đang chạm vào món đồ dễ vỡ. Anh cố rướn cổ, để cải thiện sự linh hoạt, ngửa đầu ra sau hết mức có thể, hướng mặt lên bầu trời đêm. Trên đó là ánh đèn máy bay, là ánh sao.

Mình đã sống sót, anh nghĩ. Chuyện tệ hại nhất đã chấm dứt. Con đau này chẳng mấy chốc cũng sẽ qua.

Đêm đó anh có một giấc mơ hãi hùng. Mấy đứa con anh bị rượt đuổi quanh nhà bởi một con quái vật dữ tợn, nhưng khi Ansel chạy tới để cứu chúng, anh nhận ra bàn tay mình là những móng vuốt quỷ. Anh choàng tỉnh, nửa giường chỗ anh nằm ướt đẫm mồ hôi, và anh vội trèo ra khỏi giường, nhưng rồi lại bị một con đau nữa giày vò.

RÁC

Tai, hàm và cổ họng anh cùng lúc hứng chịu một con đau tột độ, khiến anh đến nuốt nước bọt cũng không nổi.

KHUC

Con đau do co rút thực quản làm cho anh gằn như tê liệt.

Rồi đến con khát. Con khát anh chưa từng cảm thấy - một nỗi thôi thúc không ngừng.

Khi có thể di chuyển trở lại, anh băng qua hành lang vào căn bếp tối. Anh mở tủ lạnh, rót cho mình một ly nước chanh lớn, một ly nữa, rồi lại một ly nữa... và chẳng mấy chốc anh uống thẳng từ bình. Nhưng chẳng cách nào dập tắt được con khát. Tại sao anh lại đổ mồ hôi nhiều như vậy?

Những vết bẩn trên áo ngủ của anh bốc mùi nồng nặc - thoảng mùi xạ - còn mồ hôi thì có màu hổ phách. Ở đây nóng quá...

Khi đặt trà bình nước vào tủ lạnh, anh nhòm thấy một đĩa thịt ướp. Anh nhìn những vệt máu ngoằn ngoèo trộn lẫn dầu và giấm, và miệng tứa nước bọt. Không phải vì nghĩ đến cảnh nướng miếng thịt, mà vì muốn cắn nó - hoặc bập rãng vào nó, xé nó, hút kiệt nó. Vì muốn uống máu.

BỐP

Anh thơ thẩn ngoài hành lang chính rồi ngó nhìn lũ trẻ. Benjy đang cuộn tròn bên dưới tấm khăn trải giường Scooby-Doo; Haily thì đang ngáy khê, cánh tay buông thõng một bên nệm, vói về phía những cuốn sách tranh đã rơi bên dưới. Nhờ ngấm nhìn lũ trẻ, anh có thể thả lỏng vai và thở đều một chút. Anh bước ra sân sau cho hạ nhiệt, khí lạnh ban đêm thổi khô

mồ hôi trên da anh. Được ở nhà, được ở bên gia đình, anh cảm thấy điều đó có thể giúp anh chữa lành mọi thứ. Họ sẽ giúp anh. Họ sẽ lo cho anh.

Cơ quan pháp y, Manhattan

KHÔNG HỀ CÓ MÁU trên áo vị bác sĩ pháp y gặp Eph và Nora. Riêng điều đó thôi cũng đã thật lạ. Thường thì máu sẽ chảy trên chiếc áo chống thấm của họ và vấy bẩn tới tận khuỷu tay áo ni lông của họ. Nhưng hôm nay thì không. Vị bác sĩ pháp y này có khi cũng là một bác sĩ phụ khoa ở Beverly Hills không biết chừng.

Anh ta tự giới thiệu là Gossett Bennett, một người đàn ông da nâu mắt nâu sẫm, một khuôn mặt quá quyết đoán sau tấm mặt nạ bằng nhựa. “Chúng tôi chỉ vừa mới bắt đầu ở đây,” anh ta nói, phẩy tay về phía dãy bàn. Phòng khám nghiệm tử thi là nơi ồn ào. Trong khi phòng mổ vô trùng và yên tĩnh thì nhà xác lại hoàn toàn trái ngược: một không gian ồn ào ngập tiếng cưa rền rĩ, tiếng nước chảy và tiếng trò chuyện của các bác sĩ. “Chúng tôi có tám tử thi từ cái máy bay của các anh.”

Các thi thể nằm trên tám bàn thép không gỉ lạnh tanh. Những nạn nhân tử vong trên chuyến bay đang ở trong các giai đoạn mổ xẻ khác nhau, hai trong số đó đã “lên xuống” xong xuôi: nghĩa là, ngực họ đã bị moi hết nội tạng, các cơ quan bị loại bỏ được đặt trên một túi nhựa mở toang nằm trên cẳng chân họ, một bác sĩ nghiên cứu bệnh học đang cắt các mẫu vật trên một cái thớt, trông như một kẻ ăn thịt người đang sửa soạn một đĩa sashimi thịt người. Phần cổ bị thương đã được giải phẫu, lưỡi được kéo ra, và da mặt được gấp xuống một nửa, trông như những chiếc mặt nạ cao su, để lộ chòm sọ đã bị phanh ra bằng cưa đĩa. Một bộ não đang trong quá trình được gỡ ra khỏi các tủy sống, để sau đó đặt vào trong dung dịch formol cho rắn lại, cũng là bước cuối cùng trong quá trình mổ xác. Một nhân viên nhà xác đang đứng bên cạnh, cầm bông

nỉ và một chiếc kim cong lớn đã xô chỉ tấm sáp để nhồi hộp sọ rỗng.

Một cái kéo cắt cành có tay cầm dài mua ở cửa hàng cơ khí được chuyển từ bàn này sang bàn khác, tại đó một thợ lý khác đứng trên cái ghế để chân bằng kim loại kê phía trên thi thể đã rạch ngực và bắt đầu cắt từng xương sườn một, như thế mới có thể nhấc toàn bộ lồng ngực và xương ức lên. Một mùi hỗn tạp của phô mai Parmesan lẫn với metan và trứng thối bốc lên.

"Sau khi anh gọi, tôi đã bắt đầu kiểm tra cổ họ," Bennett nói. "Cho đến nay các thi thể đều cho thấy cùng một vết rạch mà anh đã nhắc tới. Nhưng không có sẹo. Một vết thương hở, chuẩn xác và gọn ghẽ nhất tôi từng thấy."

Anh ta cho họ xem thi thể một phụ nữ chưa mổ đang nằm trên bàn. Một khối kim loại mười lăm phân đặt dưới cổ cô khiến đầu cô ngửa về sau, ngực uốn lên, cổ căng ra. Eph rờ ngón tay mang găng lên vùng da phía trên cổ họng người phụ nữ.

Anh sờ thấy đường kẻ mờ - mỏng như một vết nứt cửa bằng cạnh giấy - và khẽ tách vết thương ra. Anh vô cùng ngạc nhiên trước độ gọn ghẽ cũng như độ sâu rõ rệt của nó. Eph thả tay ra và vết nứt từ từ đóng lại, như đôi hàng mi ngái ngủ hay một nụ cười bên lên.

"Thứ gì có thể gây nên vết thương này nhỉ?" anh hỏi.

"Như tôi thấy thì không phải thứ gì trong tự nhiên," Bennett nói. "Hãy để ý tới độ chính xác như dao mổ. Gần như được định chuẩn, cả về vị trí và độ dài. Tuy nhiên, các cạnh vát tròn, có thể nói dường như có nguồn gốc hữu cơ."

"Sâu bao nhiêu?" Nora hỏi.

"Một vết rạch gọn, thẳng, đâm thủng vách động mạch cảnh chủ, nhưng chỉ dừng ở đó. Không đâm qua bên kia, không làm vỡ động mạch."

"Mọi trường hợp đều vậy à?" Nora há hốc.

"Mọi trường hợp tôi đã xem qua cho đến giờ. Mọi thi thể đều có vết rạch đó, mặc dù phải thừa nhận là nếu anh không báo trước thì chắc tôi đã không phát hiện ra. Nhất là khi còn có những thứ khác xảy ra với các thi thể này."

“Gì nữa?”

“Chúng ta sẽ nói đến việc đó ngay thôi. Các vết cứa đều nằm trên cổ, hoặc phía trước hoặc phía bên. Ngoại trừ một phụ nữ bị trên ngực, phía trên tim. Và một người đàn ông chúng tôi phải tìm mãi mới phát hiện ra vết cứa ở phía trên bắp đùi trong, trên động mạch đùi. Mọi vết thương đều đâm qua da và cơ, rồi kết thúc chính xác bên trong một động mạch chủ.”

“Một mũi kim ư?” Eph đoán.

“Nhưng mảnh hơn thế. Tôi... tôi cần nghiên cứu thêm, ta mới chỉ đang trong giai đoạn khởi đầu. Và vẫn còn rất nhiều thứ chết tiết khác. Tôi nghĩ hai người đã biết điều này rồi chứ?” Bennett dẫn họ tới cánh cửa của một nhà lạnh. Không gian bên trong rộng hơn cả một cái gara hai xe. Có khoảng năm chục băng ca, hầu hết đều đặt một túi xác được mở xuống tới ngực người chết. Một số ít được mở khóa kéo hết cỡ, những thi thể này đều trần truồng - đều đã được cân, đo đạc, chụp ảnh - và sẵn sàng lên bàn mổ. Cũng có khoảng tám xác chết không liên quan tới chuyến bay 753 đang nằm trên những băng ca tron không có túi xác, đeo thẻ chân loại tiêu chuẩn màu vàng.

Việc ướp lạnh đã làm chậm quá trình phân hủy, y như trong bảo quản hoa quả, rau củ và để giữ cho thịt nguội khỏi hỏng. Nhưng, những thi thể từ trên máy bay này không hề bị ươn. Đã ba mươi sáu tiếng đồng hồ, vậy mà những thi thể này trông chẳng khác gì vừa mới chết, gần như giống y lúc Eph đặt chân lên máy bay lần đầu tiên. Trái ngược hẳn với những xác chết đeo thẻ vàng đang trưng phình, bốc mùi thối từ mọi chỗ hở trên cơ thể, thịt chuyển thành màu xanh lục thẫm và trông như da thuộc do quá trình bay hơi.

“Đây quả là những xác chết đẹp đẽ,” Bennett nói.

Eph cảm thấy một cơn rùng mình chẳng hề liên quan đến nhiệt độ trong phòng lạnh. Cả anh và Nora cùng tiến vào, qua ba hàng dài. Các thi thể - không có vẻ khỏe mạnh, bởi chúng đều teo tóp và xanh xao do thiếu máu - nhưng trông như mới chết. Họ mang vẻ mặt đặc trưng của người chết, nhưng như thể chỉ vừa mới qua đời, chưa đầy ba mươi phút trước.

Họ theo Bennett quay về phòng khám nghiệm tử thi, trở lại với xác chết của người phụ nữ - một phụ nữ trạc bốn mươi tuổi, không có bất cứ dấu vết đặc biệt nào ngoài một vết sẹo mổ để hằn đã từ chục năm trước phía dưới thắt lưng - đang chuẩn bị được mổ. Nhưng thay vì dùng dao mổ, Bennett vội lấy một dụng cụ chưa từng được sử dụng trong nhà xác. Ông nghe.

"Lúc trước tôi đã để ý thấy chuyện này rồi," anh ta nói, đưa ống nghe cho Eph. Eph đeo tai nghe, và Bennett gọi mọi người trong phòng dừng hết mọi việc, giữ im lặng. Người trợ lý bệnh học vội tắt vòi nước máy.

Bennett đặt đầu nghe của ống nghe vào ngực xác chết, ngay dưới vùng xương ức. Eph hồi hộp lắng nghe, lo sợ những gì anh có thể nghe thấy. Nhưng anh chẳng nghe thấy gì. Anh lại nhìn sang Bennett, nhưng anh ta vẫn không bộc lộ cảm xúc gì, chỉ chờ đợi. Eph nhắm mắt và tập trung.

Yếu. Rất yếu. Một âm thanh tròn bò, gần giống một thứ gì đó đang len lõi trong bùn. Một âm thanh chậm chạp, nhỏ đến phát điên, tới mức anh không chắc liệu có phải mình đang tưởng tượng ra không.

Anh đưa ống nghe cho Nora để cô nghe thử.

"Dòi ư?" cô nói, đứng thẳng dậy.

Bennett lắc đầu. "Thực ra không hề có chuyện nhiễm ký sinh, một phần bằng chứng là xác không phân hủy. Nhưng còn vài điều bất thường thú vị khác nữa..."

Bennett vẫy tay ra hiệu cho những người khác quay trở lại công việc, rồi lựa từ chiếc khay bên cạnh một lưỡi dao mổ số 6 lớn. Nhưng thay vì bắt đầu từ ngực bằng một đường rạch hình chữ Y như thường lệ, anh ta lấy một cái lọ miệng rộng từ bàn tráng men và đặt nó bên dưới bàn tay trái của xác chết. Anh ta rọc nhanh lưỡi dao mổ dọc theo mặt dưới cổ tay, xé nó ra như thể gọt vỏ cam.

Ban đầu, một chất lỏng trắng đục, nhọt màu phun ra, bắn một ít vào găng tay và hông của anh ta sau vết cắt đầu tiên, rồi nó chảy ra đều đều từ cánh tay, nhỏ xuống đáy lọ. Thứ chất lỏng này chảy nhanh, nhưng rồi, do thiếu áp lực lưu thông từ

quả tim đã ngừng đập, nó bắt đầu chảy yếu dần sau khi được khoảng 90 mi li lít. Bennett hạ thấp cánh tay thi thể để lấy thêm.

Sự sững sốt của Eph trước nhất cắt lạnh lòng kia nhanh chóng bị thay thế bởi nỗi kinh ngạc khi nhìn thấy thứ chất lỏng đang chảy. Thứ này không thể là máu. Máu sẽ đông lại sau khi chết. Nó không chảy ra như dầu máy như vậy.

Và nó cũng không chuyển thành màu trắng. Bennett đặt cánh tay trở lại bên sườn xác chết và giờ lộ lên cho Eph xem.

Thưa trung úy, các xác chết, chúng...

“Thoạt đầu tôi nghĩ có lẽ protein đang phân tách, như kiểu dầu nổi trên nước vậy,” Bennett nói. “Nhưng cũng không phải.”

Thứ dung dịch này có màu trắng sền sệt, gần như thể sữa chua lẫn trong máu.

Thưa trung úy... ôi, Chúa ơi...

Eph không tin nổi những gì anh đang thấy.

Nora nói, “Tất cả bọn họ đều như thế này ư?”

Bennett gật đầu. “Bị hút sạch máu. Họ không có máu.”

Eph quan sát thứ vật chất trắng trong lọ, và sở thích uống sữa tươi nguyên chất khiến anh thấy buồn nôn.

Bennett nói, “Tôi còn vài thứ khác nữa. Thân nhiệt trung tâm tăng. Không biết vì lý do gì, những thi thể này vẫn còn sinh nhiệt. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã phát hiện những đốm đen trên một số cơ quan. Không phải do hoại tử, mà gần giống như... thâm tím.”

Bennett đặt lọ dung dịch trắng đục trở lại bàn và gọi một trợ lý bệnh học. Cô ta mang theo một cốc nhựa giống loại chứa xúp cho khách mua mang về. Cô ta bóc nắp và Bennett thò tay vào, rút ra một bộ phận cơ thể, đặt nó lên thớt như thể đặt một miếng thịt nướng nhỏ, tươi như vừa mua từ lò mổ. Đó là một quả tim người chưa mổ xẻ. Anh ta chỉ một ngón tay đeo găng vào vị trí nối quả tim với động mạch. “Thấy những van này chứ? Như thể chúng đã hở toác ra. Đây nhé, chúng không thể hoạt động như vậy khi còn sống. Không đóng, mở và bơm máu. Vì thế thứ này không thể là bẩm sinh được.”

Eph kinh ngạc. Sự dị thường này là một khiếm khuyết chí

tử. Như mọi bác sĩ giải phẫu đều biết, sự khác biệt bên trong cơ thể con người cũng nhiều như sự khác biệt ở vẻ ngoài. Nhưng không thể hình dung nổi một người nào có thể sống sót tới độ tuổi trưởng thành với quả tim như thế này.

Nora hỏi, “Anh có bệnh án của bệnh nhân này không? Bất cứ gì ta có thể đối chiếu với thứ này?”

“Chưa có gì. Có lẽ phải tới sáng mai. Nhưng chuyện này làm tôi bị chậm tiến độ. *Rất* chậm. Tôi định dừng công việc lại, đóng cửa buổi đêm để có thể có thêm người hỗ trợ tại đây ngày mai. Tôi muốn kiểm tra từng chút một. Ví dụ như... thứ này.”

Bennett đưa họ tới một thi thể đã giải phẫu hoàn toàn, của một người đàn ông trưởng thành có cân nặng trung bình. Cổ anh ta đã được mổ tới họng, để lộ thanh quản và khí quản, sao cho nếp thanh âm, hay dây thanh âm, có thể được nhìn thấy rõ trên thanh quản.

Bennett nói, “Thấy nếp tiền đình chứ?”

Chúng còn được gọi là “nếp thanh âm giả”: những màng nhầy dày chỉ có một chức năng duy nhất là nằm trên để bảo vệ nếp thanh âm thật. Chúng quả thực là một thứ dị thường về mặt giải phẫu bởi chúng có thể tự tái tạo hoàn toàn, ngay cả sau khi mổ tách rời.

Eph và Nora cúi gập hơn. Cả hai đều thấy được sự phát triển nhanh bất thường của nếp tiền đình, một cục lồi lên màu hồng nhạt, đầy thịt - không vô tổ chức hay dị dạng như một khối u, mà nó chĩa ra từ bên trong cuống họng, phần dưới lưỡi. Một dạng phát triển lạ thường, có vẻ tự phát của phần mềm hàm dưới.

Họ kỳ cạ, làm sạch ở bên ngoài, kỹ lưỡng hơn mọi khi. Cả hai đều hết sức choáng váng bởi những gì đã thấy bên trong nhà xác.

Eph nói trước tiên. “Anh đang tự hỏi khi nào thì mọi thứ mới bắt đầu trở nên có thể hiểu được.” Anh sấy khô cong hai bàn tay, cảm nhận luồng không khí tấp vào hai bàn tay trần của mình. Sau đó anh sờ lên cổ, phía trên họng, ước chừng vị trí vết

rạch. “Một vết thương do bị đâm, thẳng và sâu trên cổ. Và một loại vi rút, một mặt làm chậm quá trình phân hủy, mặt khác lại kích thích mô phát triển tự phát sau khi chết?”

Nora nói, “Đây là một thứ gì đó mới.”

“Hoặc... một thứ gì đó rất, rất cũ.”

Họ bước ra từ cửa chuyển hàng, tiến về phía chiếc Explorer đang đậu sai luật của Eph, tấm biển VẬN CHUYỂN MÁU KHẨN CẤP để trên bảng điều khiển. Những tia nắng ấm cuối cùng của ngày đang tắt dần trên bầu trời. Nora nói, “Ta cần kiểm tra các nhà xác khác, xem liệu họ có phát hiện những bất thường tương tự không.”

Tiếng chuông báo vang lên từ điện thoại di động của Eph. Một tin nhắn từ Zack:

bố ở đâu ??? Z

“Chết tiệt,” Eph nói. “Anh quên bếng mất... buổi phân xử quyền nuôi con...”

“Ngay bây giờ ư?” Nora buột miệng, trước khi kịp kìm lại. “Được rồi. Anh đi đi. Em sẽ gặp lại anh sau khi...”

“Không, anh sẽ gọi cho họ... sẽ ổn thôi.” Anh nhìn quanh, cảm giác như bị chia làm hai nửa. “Ta cần kiểm tra viên phi công một lần nữa. Tại sao vết rạch của anh ta lại khép miệng, còn những người khác thì không? Ta cần nắm rõ sinh lý bệnh học của thứ này.”

“Và những người sống sót khác nữa.”

Eph cau mày, nhớ ra họ đã đi mất. “Sai sót như vậy thật không giống Jim chút nào.”

Nora muốn bảo vệ Jim. “Nếu phát bệnh, họ sẽ trở lại thôi.”

“Chỉ có điều... có lẽ sẽ quá muộn. Cho họ, và cho chúng ta.”

“Cho chúng ta ư, ý anh là sao?”

“Để tìm hiểu nguyên nhân thực sự của chuyện này. Phải có một câu trả lời ở đâu đó, một lời giải thích. Một cơ sở hợp lý. Một chuyện phi lý nào đó đang diễn ra, ta cần tìm hiểu nguyên nhân và ngăn chặn nó.”

Trên vỉa hè tại cổng chính ở phố 1, đoàn phóng viên đã chờ sẵn để lên sóng trực tiếp từ cơ quan pháp y. Sự việc này thu hút một đám đông khán giả, bầu không khí ngập tràn lo âu.

Nhưng một người đàn ông bứt ra khỏi đám đông, một người Eph đã để ý ngay từ lúc đến đây. Một ông lão tóc bạc màu bạch dương, chống một cây gậy, như một cây quyền trượng, quá cao so với thân người, siết chặt phần dưới tay nắm bằng bạc. Trông như người đóng vai nhà tiên tri Moses trên sân khấu ở nhà hàng, ngoại trừ việc ông ta ăn mặc không chèn vào đâu được, lịch sự và theo mốt xưa, với chiếc áo khoác đen óng bên ngoài bộ com lê bằng vải gabardine, cùng một dây xích móc đồng hồ bằng vàng thòng xuống trên chiếc áo vest. Và - thật không ăn nhập với bộ quần áo đặc biệt kia - một đôi găng len màu ghi hở ngón.

“Bác sĩ Goodweather?”

Ông lão biết tên anh. Eph nhìn ông ta một lần nữa, rồi nói, “Tôi có biết ông không?”

Ông lão nói thỏ âm, có lẽ là giọng Slav. “Tôi đã nhìn thấy anh trên ti vi. Tôi biết anh sẽ tới đây.”

“Ông ở đây để đợi tôi à?”

“Điều tôi cần nói đây, thưa bác sĩ, vô cùng quan trọng. Nghiêm trọng.”

Eph bị phân tâm bởi tay cầm trên đầu cây gậy của ông lão: một hình đầu sói bằng bạc. “Ừm, giờ không phải lúc... hãy gọi điện tới văn phòng của tôi, và đặt lịch hẹn...” Anh bỏ đi, tay nhoay nhoáy nhấn nút điện thoại.

Ông lão có vẻ lo lắng, như một người đang kích động cố gắng nói chuyện một cách bình tĩnh. Ông cố mỉm cười lịch sự hết mức, rồi giới thiệu bản thân với cả Nora. “Tên tôi là Abraham Setrakian. Mà có lẽ nó cũng chẳng có ý nghĩa gì đối với các vị.” Ông giơ gậy chỉ về phía nhà xác. “Các vị đã thấy họ trong đó. Những hành khách trên máy bay.”

Nora hỏi, “Ông biết gì về chuyện đó à?”

“Thật vậy,” ông lão nói, mỉm cười cảm kích với cô. Setrakian liếc nhìn nhà xác lần nữa, như một người đã chờ đợi

quá lâu để được lên tiếng nên giờ không chắc phải bắt đầu từ đâu. “Hai người không thấy bọn họ biến đổi gì nhiều, đúng không?”

Eph tắt điện thoại trước khi nó kịp đổ chuông. Lời của ông lão đã nhắc lại nỗi sợ hãi khó hiểu của anh. “Không biến đổi như thế nào?” anh nói.

“Người chết ấy. Các thi thể không phân hủy.”

Eph nói, cảm thấy lo lắng nhiều hơn là tò mò, “VẬY RA ĐÓ LÀ THÔNG TIN MỌI NGƯỜI NGOÀI NÀY NGHE NGÓNG ĐƯỢC HẢ?”

“Chẳng cần ai nói gì cho tôi hết, bác sĩ à. Tôi biết chứ.”

“Ông ‘biết’ ư,” Eph nói.

“Nói chúng tôi nghe xem nào,” Nora nói. “Ông còn biết những gì nữa?”

Ông lão háng giọng. “Các vị có tìm thấy một chiếc... quan tài chứ?”

Eph cảm giác như Nora nẩy lên khỏi vĩa hè phải gần chục phân. Eph nói, “Ông nói gì?”

“Một chiếc quan tài. Nếu các vị giữ nó, vậy thì các vị vẫn giữ hẩn.”

Nora nói, “Hẩn nào?”

“Tiêu hủy nó đi. Ngay lập tức. Đừng giữ nó để nghiên cứu. Các vị phải tiêu hủy cái quan tài, không được chậm trễ.”

Nora lắc đầu. “Nó biến mất rồi,” cô nói. “Chúng tôi không biết nó ở đâu.”

Setrakian nuốt khan với nỗi thất vọng cay đắng. “Đúng như tôi đã lo sợ.”

“Tại sao phải tiêu hủy nó?” Nora hỏi.

Eph cắt ngang, nói với Nora, “Nếu cuộc nói chuyện kiểu này mà lọt ra ngoài, mọi người sẽ hoảng loạn đấy.” Anh nhìn ông lão. “Ông là ai? Ông nghe được những điều này bằng cách nào?”

“Tôi là chủ một tiệm cầm đồ. Tôi chẳng nghe gì hết. Tôi biết những điều này.”

“Ông biết?” Nora hỏi. “Làm sao ông biết?”

“Xin các vị.” Giờ đây ông tập trung vào Nora, người tỏ ra dễ nói chuyện hơn. “Điều tôi sắp nói đây không phải chuyện

đùa. Tôi nói nó với thái độ tuyệt vọng và sự trung thực tuyệt đối. Các thi thể ở trong đó chứ?" Ông chỉ vào nhà xác. "Để tôi nói cho các vị biết, trước khi màn đêm buông xuống, chúng phải bị tiêu hủy."

"Tiêu hủy?" Nora hỏi, lần đầu tiên phản ứng một cách tiêu cực với ông lão. "Tại sao?"

"Tôi đề nghị hỏa táng. Hỏa thiêu. Đơn giản và chắc chắn."

"*Chính là lão ta,*" một giọng nói vang lên từ phía cửa bên, một nhân viên nhà xác đang dẫn một cảnh sát tuần tra New York mặc đồng phục tiến về phía họ. Về phía Setrakian.

Ông lão lờ họ đi, giờ nói nhanh hơn. "Xin các vị. Sắp quá trễ rồi."

"Ngay kia kìa," nhân viên nhà xác nói, phẩm phẩm tiến tới, chỉ Setrakian cho viên cảnh sát. "Là lão ta đấy."

Viên cảnh sát, nhả nhặn và chán nản, nói với Setrakian, "Thưa ông?"

Setrakian phớt lờ anh ta, nài nỉ Nora và Eph. "Một thỏa thuận đã bị phá vỡ. Một hòa ước cổ, linh thiêng. Bởi một người giờ đây đã không còn là người nữa, mà là một thứ ghê tởm. Một sinh vật ghê tởm, hung tàn."

"Thưa ông," viên cảnh sát nói. "Cho tôi nói vài lời với ông được không?"

Setrakian rướn tới trước và nắm chặt cổ tay Eph, buộc anh phải chú ý. "Hắn đang ở đây, ngay tại Tân Thế giới, trong thành phố này, chính hôm nay. Đêm nay. Anh hiểu chứ? Phải ngăn chặn hắn."

Những ngón tay đeo găng len của ông lão xương xẩu, như những móng vuốt. Eph giằng ra, không quá thô bạo nhưng đủ để đẩy ông lão ra sau. Cây gậy của ông lão đập mạnh vào vai viên cảnh sát, suýt chút nữa trúng mặt, và thái độ chán nản của viên cảnh sát đột ngột chuyển thành giận dữ.

"Được thôi, đủ rồi," viên cảnh sát nói, vịn cây gậy ra khỏi tay ông lão và kẹp lấy cánh tay ông. "Đi thôi."

"Các vị phải chặn hắn ta lại ngay," Setrakian vẫn cố nói trong khi bị dẫn đi.

Nora quay về phía nhân viên nhà xác. “Thế này là thế nào? Anh đang làm gì thế?”

Nhân viên này liếc nhìn hai tấm thẻ tên trên cổ họ - dòng chữ đỏ ghi rõ CDC - trước khi trả lời. “Lúc trước ông ta đã cố gắng vào trong, tự nhận là một người thân của nạn nhân. Nhất định đòi xem các thi thể.” Người nhân viên nhìn theo ông lão đang bị đưa đi. “Cứ như một kẻ trộm xác.”

Ông lão vẫn tiếp tục khấn nài. “Ánh sáng tử ngoại,” ông gọi với ra sau. “Rọi ánh sáng tử ngoại lên các thi thể...”

Eph sửng người. Có phải anh vừa nghe thấy điều đó?

“Rồi anh sẽ thấy tôi nói đúng,” ông lão gào lên, lúc bị dúi vào ghế sau một chiếc xe cảnh sát. “Tiêu hủy chúng đi. Ngay lập tức. Trước khi quá muộn...”

Eph nhìn theo trong lúc họ đóng sầm cánh cửa trước mặt ông lão, rồi viên cảnh sát trèo vào ghế lái và đi khỏi.

Hành lý quá cân

EPH GỌI ĐIỆN ĐẾN TRỄ bốn mươi phút so với buổi gặp mặt kéo dài năm mươi phút của anh, Kelly và Zack với bác sĩ Inga Kempner, chuyên gia tư vấn hôn nhân gia đình do tòa án chỉ định. Anh cảm thấy nhẹ nhõm vì không phải ngồi trong văn phòng tầng một của căn nhà gạch nâu được xây từ trước chiến tranh tại Astoria, là nơi mà quyết định cuối cùng cho vấn đề quyền nuôi con sẽ được đưa ra.

Eph nài nỉ qua điện thoại để bàn của bác sĩ. “Hãy để tôi giải thích... cả kỳ nghỉ cuối tuần này tôi phải giải quyết một vụ vô cùng nghiêm trọng. Vụ máy bay chết ở tận Kennedy. Tôi không thể làm khác được.”

Bác sĩ Kempner nói, “Đây không phải lần đầu tiên anh lỡ hẹn.”

“Zack đang ở đâu?” anh hỏi.

“Bên ngoài khu chờ,” bác sĩ Kempner nói.

Bà ta và Kelly đã nói chuyện mà không có anh. Mọi thứ đã

được định đoạt. Nó đã kết thúc trước cả khi kịp bắt đầu.

“Bác sĩ Kempner này, tôi chỉ có duy nhất một đề nghị là bà hãy lên lại lịch hẹn cho chúng tôi...”

“Bác sĩ Goodweather, tôi e là...”

“Không, chờ đã, xin bà, chờ chút.” Anh cắt ngang. “Nghe này, tôi có phải một người cha hoàn hảo không? Không, không hề. Tôi thừa nhận điều đó. Điểm cộng cho tính trung thực, phải không? Thực ra, tôi thậm chí còn không chắc mình có muốn thành người cha ‘hoàn hảo’ và nuôi dạy một đứa trẻ bình thường sẽ chẳng thể thay đổi thế giới hay không. Nhưng tôi biết mình muốn trở thành người cha tốt nhất có thể. Bởi đó là những gì Zack xứng đáng được nhận. Và đó là mục tiêu duy nhất của tôi lúc này.”

“Mọi thứ có vẻ ngược lại đấy,” bác sĩ Kempner nói.

Eph giờ ngón tay thối với chiếc điện thoại. Nora chỉ đứng cách đó vài bước. Anh thấy giận dữ, nhưng đồng thời cũng yếu đuối và tổn thương đến lạ.

“Hãy nghe tôi,” Eph nói, gắng gượng hết sức để giữ bình tĩnh. “Tôi biết là bà biết tôi đã điều chỉnh cuộc sống của mình vì hoàn cảnh này, vì Zack. Tôi đặc biệt mở văn phòng ở thành phố New York để có thể ở đây, gần mẹ thằng bé, để nó có thể nhận được những điều tốt nhất từ cả hai chúng tôi. Tôi thường dành ra vài giờ cố định trong tuần, một lịch trình không đổi, không nhận điện thoại. Tôi làm việc gấp đôi vào những ngày cuối tuần để có thể có được hai ngày nghỉ trọn vẹn với con.”

“Anh đã tham dự buổi họp của hội cai rượu cuối tuần này chứ?”

Eph im bật. Như một lớp xe bị xì sạch khí. “Bà có nghe tôi nói không vậy?”

“Anh vẫn thấy thèm uống chứ?”

“Không,” anh cầu nhàu, cố hết sức giữ bình tĩnh. “Tôi đã không say rượu hai mươi ba tháng nay rồi, bà biết mà.”

Bác sĩ Kempner nói, “Bác sĩ Goodweather, đây không phải là vấn đề ai yêu con anh hơn. Trong những trường hợp thế này thì vấn đề không bao giờ nằm ở đó. Thật tuyệt vì cả hai anh chị

đều quan tâm đến nó nhiều *đến vậy*, sâu đậm *đến vậy*. Sự hy sinh của anh dành cho Zack hiển nhiên rất rõ ràng. Nhưng, và vẫn thường là vậy, dường như chẳng có cách nào ngăn việc này trở thành một cuộc ganh đua. Bang New York có những nguyên tắc mà tôi cần tuân theo khi đưa ra lời tiến cử cho quan tòa.”

Eph chua chát nuốt nước bọt. Anh cố ngắt lời, nhưng bà ta vẫn tiếp tục nói. “Anh đã chống lại quyết định ban đầu của tòa án trong vấn đề nuôi con, anh đã từng bước chiến đấu trong suốt cả quá trình. Và tôi coi đó là thước đo tình yêu của anh dành cho Zachary. Anh cũng đã tiến bộ rất nhiều, và điều đó vừa rõ ràng vừa đáng ngưỡng mộ. Nhưng giờ đây có thể thấy rằng anh chỉ còn một phương án cuối cùng là đưa vụ này ra tòa, nếu anh muốn làm thế. Theo cách thức chúng tôi thường dùng để phân xử quyền nuôi con. Quyền thăm con, hiển nhiên không cần phải bàn cãi...”

“Không, không, không,” Eph lầm bầm, như một người sắp bị đâm bởi một chiếc ô tô đang lao tới. Đúng hết cái cảm giác nôn nao anh cảm thấy suốt dịp cuối tuần. Anh cố nhớ lại - anh và Zack ngồi trong căn hộ của anh, ăn đồ ăn Trung Quốc và chơi điện tử. Cả kỳ nghỉ cuối tuần trải dài trước mắt họ. Một cảm giác mới vui sướng làm sao.

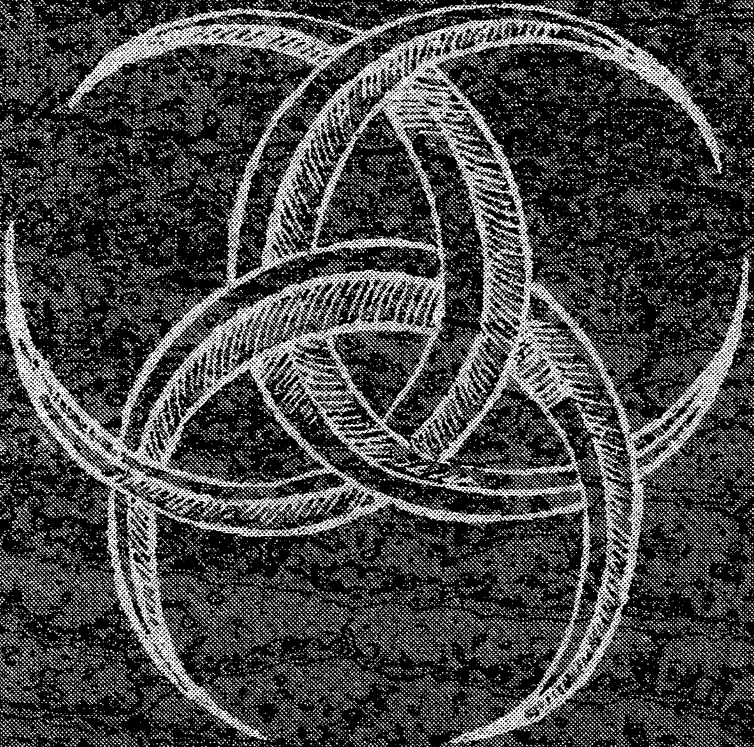
“Ý của tôi, bác sĩ Goodweather à,” bác sĩ Kempner nói, “tôi chẳng thấy có ích gì khi phải tiếp tục vụ này nữa.”

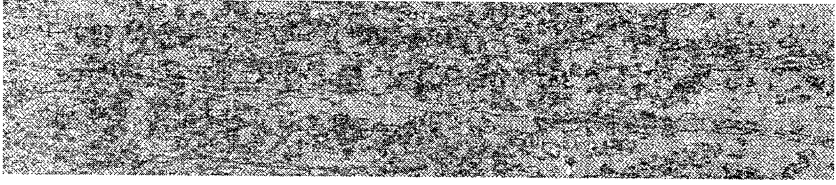
Eph quay sang Nora, lúc này đang ngược nhìn anh, và cô lập tức hiểu anh đang phải trải qua chuyện gì.

“Bà có thể bảo tôi vụ này đã chấm dứt,” Eph thì thào qua điện thoại. “Nhưng nó chưa chấm dứt đâu, bác sĩ Kempner. Không bao giờ.” Và nói xong câu này, anh tắt máy.

Anh quay đi, biết rằng lúc này Nora sẽ tôn trọng anh và không cố tới gần. Và anh biết ơn cô vì điều đó, bởi anh không muốn cô nhìn thấy những giọt lệ đang đọng đầy trên mắt mình.

ĐÊM THỨ NHẤT





Chỉ vài giờ sau, bên trong nhà xác tại tầng hầm của Cơ quan Pháp y Manhattan, bác sĩ Bennett đang kết thúc công việc sau một ngày dài đằng đẵng. Đáng ra anh ta phải thấy kiệt sức, nhưng trên thực tế, anh ta lại vô cùng phấn khích. Đang có một chuyện bất thường nào đó. Cứ như thể các quy luật của cái chết và sự phân hủy thông thường vốn đáng tin cậy giờ đây đang được viết lại, ngay trong căn phòng này. Thứ chết tiệt này vượt ra ngoài những kiến thức y học đã được chứng minh, vượt ra ngoài cả sinh học con người... nó thậm chí có lẽ còn gắn liền với thế giới siêu nhiên.

Theo như kế hoạch, anh ta đã tạm dừng mọi ca khám nghiệm tử thi trong tối nay. Một vài công việc không liên quan thì vẫn được tiến hành, các thanh tra giám định pháp y vẫn đang làm việc ở các phòng tầng trên, nhưng nhà xác là của Bennett. Trong thời gian các bác sĩ CDC ghé qua, anh ta đã để ý đến một vấn đề, một vấn đề liên quan đến mẫu máu anh ta đã lấy được, thứ chất lỏng trắng đục đã được anh ta gom vào lọ xét nghiệm. Anh ta đã cất nó vào góc trong cùng của một trong những tủ mát chứa mẫu vật, giấu nó đằng sau vài món đồ thủy tinh như thể đó là món tráng miệng ngon lành cuối cùng đặt trong một tủ lạnh công cộng.

Lúc này, ngồi trên ghế, trước bàn xét nghiệm gần bồn rửa, anh ta mở nắp và quan sát nó. Sau một thoáng, bề mặt của

khoảng 180 mi li lít máu trắng này gọn sóng lăn tăn, và Bennett rung mình. Anh ta hít một hơi thật sâu để lấy lại bình tĩnh. Anh ta nghĩ đến những việc cần làm, rồi lấy từ cái kệ bên trên xuống một cái lọ y hệt. Anh ta rót một lượng nước tương đương vào trong và đặt hai lọ sát cạnh nhau. Anh ta cẩn chắc chắn rằng chuyển động đó không phải kết quả do rung chấn từ một cái xe tải đi ngang qua hay gì đó tương tự.

Anh ta quan sát và chờ đợi.

Hiện tượng đó lại xảy ra. Chất lỏng trắng sệt gọn sóng lăn tăn - anh ta đã thấy thế - trong khi bề mặt nước loãng hơn rất nhiều thì chẳng hề rung rinh.

Thứ gì đó đang di chuyển bên trong mẫu máu.

Bennett ngẫm nghĩ một hồi. Anh ta đổ nước xuống bồn rửa, rồi từ từ rót thứ máu sền sệt kia từ bình này sang bình nọ. Chất lỏng này trông như xi rô và chảy từ từ nhưng gọn ghẽ. Anh ta không thấy có gì trôi theo dòng chảy nhỏ. Đáy của lọ đầu tiên vẫn bám một lớp máu trắng mỏng, nhưng anh ta chẳng thấy gì ở đó.

Anh ta đặt lọ mới xuống, rồi lại quan sát và chờ đợi.

Anh ta không phải quan sát quá lâu. Bề mặt gọn sóng lăn tăn và Bennett suýt chút nữa nhảy bật khỏi ghế.

Rồi anh ta nghe thấy một tiếng động phía sau, một tiếng sột soạt hoặc xào xạc. Anh ta giật mình quay người lại. Đèn trần rọi xuống các bàn thép không gỉ trống trơn sau lưng anh ta, mọi bề mặt đều đã được lau chùi, những rãnh thoát nước dưới sàn đã được dọn sạch. Những nạn nhân của chuyến bay 753 đã được khóa kín bên trong phòng lạnh phía bên kia nhà xác.

Chuột, chắc vậy. Họ chẳng tài nào đuổi hết bọn chuột bọ ra khỏi tòa nhà - và họ đã thử mọi cách. Trên tường. Hay dưới rãnh thoát nước trên sàn. Anh ta lắng nghe hồi lâu, rồi quay trở lại với cái lọ.

Anh ta lại rót chất lỏng từ lọ này sang lọ khác, nhưng lần này chỉ rót một nửa. Lượng máu trong mỗi lọ gần như bằng nhau. Anh ta đặt chúng bên dưới đèn trần và quan sát bề mặt trắng đục hòng tìm kiếm một dấu hiệu của sự sống.

Đây rồi. Trong bình đầu tiên. Lần này có một tiếng *top*, gần giống tiếng một con cá nhỏ đớp nước trên mặt hồ đục ngầu.

Bennett quan sát lọ còn lại cho tới khi cảm thấy hài lòng, và rồi đổ nó xuống cống. Anh ta lặp lại quá trình, một lần nữa chia đôi lượng chất lỏng vào hai lọ thủy tinh.

Tiếng còi ré lên ngoài phố khiến anh ta giật mình. Nó qua đi, và rồi thay vì một bầu không khí yên lặng theo sau, anh ta lại nghe thấy tiếng động. Một âm thanh như tiếng di chuyển, phía sau. Anh ta lại quay ra sau, giờ cảm thấy mình vừa hoang tưởng vừa ngớ ngẩn. Căn phòng trống không, nhà xác đã được tiệt trùng và tĩnh mịch.

Tuy nhiên... một thứ gì đó đang tạo ra âm thanh kia. Anh ta đứng dậy khỏi ghế, im lặng, quay đầu khắp phía để tìm ra nguồn âm thanh.

Trực giác mách bảo anh ta hướng về phía cánh cửa thép của phòng lạnh. Anh ta tiến thêm vài bước lại gần nó, tập trung mọi giác quan để nghe ngóng.

Một tiếng sột soạt. Một tiếng lạch cạch. Có vẻ như từ bên trong. Anh ta đã ở dưới chỗ này đủ lâu để không còn thấy sợ hãi khi tiếp cận xác chết... nhưng rồi, anh ta chợt nhớ tới những dấu hiệu kỳ lạ ở những thi thể này. Rõ ràng, những mối lo ấy đã kéo anh ta trở lại với những điều kiêng kỵ cơ bản của con người liên quan tới cái chết. Mọi thứ liên quan tới nghề nghiệp của anh ta đều đối lập với bản năng của một con người bình thường. Cắt mổ tử thi. Làm ô uế xác chết, tách da mặt khỏi sọ. Cắt rời các cơ quan và lột da bộ phận sinh dục. Anh ta mỉm cười một mình trong căn phòng trống. Vậy ra, rốt cuộc anh ta cũng bình thường như bao người.

Tâm trí đang đánh lừa anh ta. Có lẽ là một sự cố nhỏ ở quạt làm mát hay sao đó. Có một nút an toàn bên trong phòng lạnh, một nút đỏ lớn, phòng trường hợp ai đó vô tình bị mắc kẹt bên trong.

Anh ta quay trở lại với những cái lọ. Quan sát chúng, đợi xem có thêm chuyển động nào không. Anh ta ước gì lúc trước mang theo laptop xuống đây để ghi lại suy nghĩ và cảm tưởng của mình.

Top.

Lần này anh ta đã chuẩn bị sẵn tinh thần, tim anh ta nảy lên nhưng cơ thể vẫn ở nguyên chỗ. Vẫn lọ đầu tiên. Anh ta đổ lọ còn lại đi và chia đôi chất lỏng này lần thứ ba, xấp xỉ 30 mi li lít mỗi lọ.

Trong lúc đổ, anh ta hình như thấy thứ gì đó trôi theo dòng chất lỏng từ lọ thứ nhất sang lọ thứ hai. Thứ gì đó rất mảnh, không dài quá bốn phân - nếu quả thật anh ta đã nhìn thấy thứ anh ta nghĩ là mình đã thấy...

Một con giun. Một con sán. Bệnh ký sinh chẳng? Có rất nhiều ví dụ về những loài ký sinh tái tạo hình dáng vật chủ để phục vụ cho mục đích sinh sản của chính nó. Liệu đây có phải là lời giải cho những thay đổi bất thường sau khi chết mà anh ta đã nhìn thấy trên bàn khám nghiệm?

Anh ta gơ cái lọ đang cần nghiên cứu lên, lắc nhẹ thứ chất lỏng trắng ít ỏi dưới ánh đèn. Anh ta quan sát bên trong cẩn thận, kỹ càng... và thật vậy... không chỉ một, mà tới hai lần, thứ gì đó trườn bò bên trong. Ngoe nguẩy. Mảnh như một sợi dây và trắng như màu chất lỏng xung quanh, di chuyển rất nhanh.

Bennett cần phải tách riêng nó. Ngâm nó trong formol, và nghiên cứu, nhận dạng nó. Nếu đã có được một, anh ta sẽ có hàng chục, có khi hàng trăm, hay có khi... ai mà biết được là bao nhiêu, cái thứ đang di chuyển bên trong những cơ thể khác trong...

Một tiếng *rầm* lớn từ phòng lạnh khiến anh ta giật bản mình, để tuột mất cái lọ đang cầm trên tay. Nó rơi xuống bàn, nhưng không vỡ, mà thay vào đó bật nảy lên và rơi đánh xoảng vào bồn rửa, đổ tung tóe chất đựng bên trong. Bennett bật ra một tràng chửi rủa, tìm kiếm con giun trong bồn rửa bằng thép không gỉ. Chợt anh ta cảm thấy mu bàn tay trái âm ỉ. Một phần máu trắng đã bắn vào anh ta, và giờ đang châm vào da thịt anh ta đau nhói. Không cháy, nhưng ăn da nhẹ, đủ để thấy đau. Anh ta vội xịt nước lạnh lên và chùi nó lên áo choàng phòng thí nghiệm trước khi nó kịp gây tổn thương cho da.

Rồi anh ta quay ngoắt người lại, hướng về phía phòng lạnh. Tiếng *rầm* anh ta vừa nghe thấy chắc chắn không phải

do trục trặc điện, mà nghe giống như thể hai xe cang đâm sầm vào nhau hơn. Không thể nào... và con giun của anh ta lại trỗi dậy. Con giun của anh ta vừa biến mất xuống cống. Anh ta sẽ lấy một mẫu máu khác, và tách riêng con ký sinh này. Phát hiện này là của anh ta.

Vẫn đang chùi bàn tay lên vạt áo khoác, anh ta bước tới cánh cửa và kéo tay nắm, mở khóa buồng lạnh. Một luồng không khí lạnh hôi thối thổi ập vào anh ta khi cánh cửa mở toang.

Joan Luss, sau khi giải thoát cho chính mình và những người còn lại khỏi khu cách ly, thuê một chiếc xe tới thẳng căn nhà nghỉ cuối tuần ở New Canaan, Connecticut, của một trong những người đồng sáng lập công ty luật của cô ta. Cô ta đã đề nghị tài xế dừng lại hai lần để có thể nôn ra ngoài cửa sổ. Tổng hợp của bệnh cúm và căng thẳng. Nhưng không việc gì. Giờ đây cô ta vừa là nạn nhân vừa là luật sư. Bên bị hại lẫn luật sư khởi tố. Đấu tranh đòi bồi thường cho các gia đình có nạn nhân thiệt mạng và cho bốn người may mắn sống sót. Công ty luật hàng đầu Camins, Peters và Lilly có thể kỳ vọng hưởng bốn mươi phần trăm trong khoản bồi thường lớn nhất của một công ty từ trước đến nay, lớn hơn cả vụ Viocxx, hay thậm chí là vụ WorldCom.

Joan Luss, cổ đông.

Ta cứ nghĩ cuộc sống tại Bronxville đã ổn lắm rồi cho tới khi lái xe tới New Canaan. Bronxville, nhà của Joan, là một khu dân cư cây cối xanh um tại hạt Westchester, cách trung tâm Manhattan hai tư cây số về phía Bắc, hai tám phút đi tàu Metro-North. Roger Luss làm về mảng tài chính quốc tế cho công ty Clume và Fairstein, và đi công tác nước ngoài gần như hằng tuần. Joan từng đi du lịch khá nhiều, nhưng cô ta đã phải ngừng lại sau khi sinh con, bởi làm thế không hay ho gì cho lắm. Nhưng cô ta nhớ khoảng thời gian đó, và đã tận hưởng trọn cả tuần vừa qua tại Berlin, ở khách sạn Ritz-Carlton trên quảng trường Potsdamer Platz. Cô ta và Roger, do quá quen với cuộc sống trong khách sạn, đã bắt chước cách sống đó tại chính căn

nhà của họ, với sàn sỏi trong phòng tắm, một phòng xông hơi ở tầng dưới, đặt mua hoa tươi hai lần mỗi tuần, chăm sóc vườn bảy ngày một tuần, và đương nhiên có cả quản gia và thợ giặt. Tất cả mọi thứ, chỉ còn thiếu người dọn giường và một cái kẹo trên gối vào buổi đêm.

Việc gắn bó với Bronxville vài năm trước, dù nơi đây thiếu những công trình xây dựng mới và có mức thuế cao khủng khiếp, là một bước tiến lớn đối với họ. Nhưng giờ đây, sau khi đã trải nghiệm New Canaan - nơi người cộng sự chính Dory Camins đang sống như một vị vua thời phong kiến trong một biệt thự ba căn với đầy đủ hồ nuôi cá cảnh, chuồng ngựa và một bãi cưỡi ngựa - thì Bronxville, đối với cô ta, lại có vẻ kỳ quặc, tỉnh lẻ, thậm chí có phần... mệt mỏi.

Giờ đã ở nhà, cô ta chỉ vừa tỉnh dậy sau giấc ngủ chập chờn lúc chiều muộn. Roger vẫn đang ở Singapore, và cô ta cứ không ngừng nghe thấy những tiếng động trong nhà, những tiếng động cuối cùng đã dọa cô ta đến tỉnh cả ngủ. Lo lắng khôn nguôi. Cô ta đổ thừa cho cuộc họp, có lẽ sẽ là cuộc họp lớn nhất đời cô ta.

Joan ra khỏi thư phòng, bám tường bước xuống tầng, đi vào bếp đúng lúc Neeva, bà vú tuyệt vời của bọn trẻ, đang dọn dẹp đồng thức ăn rơi vãi sau bữa tối, dùng một mẫu khăn ướt quét những vụn bánh mì vương trên bàn. “Ôi, Neeva, tôi có thể làm việc đó được mà,” Joan nói, chỉ cho có lệ, rồi bước thẳng tới tủ kính cao cất thuốc. Neeva là một bà lão người Haiti sống ở Yonkers, cách đó một thị trấn. Bà đã hơn sáu mươi tuổi, nhưng về cơ bản trẻ như người không có tuổi, luôn mặc váy hoa dài tới mắt cá chân và đi đôi giày mềm Converse thoải mái. Neeva là một nhân tố thiết yếu giúp giữ gìn sự bình yên trong gia đình Luss. Họ là một nhóm người bạn rộn, Roger thì công tác, Joan thì dành quá nhiều thời gian trên thành phố, và bọn trẻ thì tất bật với trường học và các chương trình của chúng, ai cũng tỏa đi bốn phương tám hướng. Neeva là bánh lái của gia đình, và cũng là vũ khí bí mật của Joan trong việc giữ gìn nhà cửa.

“Trông cô không được khỏe lắm, Joan.”

“Joan” và “không” phát âm nghe như “Jon” và “khôn” theo giọng vùng đảo quê hương của Neeva.

“Ôi, tôi chỉ hơi mệt thôi.” Cô ta uống vài viên Motrin cùng hai viên Flexerils và ngồi xuống đảo bếp, mở tờ tạp chí *House Beautiful*.

“Cô phải ăn gì đó đi,” Neeva nói.

“Nuốt xuống đau lắm,” Joan nói.

“Vậy thì ăn xúp nhé,” Neeva đề nghị, và bắt đầu đi lấy xúp cho cô ta.

Đối với tất cả bọn họ, chứ không chỉ với lũ trẻ, Neeva chẳng khác gì một người mẹ. Và tại sao Joan lại không nên có một người chăm sóc mình cơ chứ? Có Chúa biết, mẹ đẻ của cô ta - đã hai lần ly dị, sống trong một căn hộ ở Hialeah, Florida - chẳng thể đáp ứng nhiệm vụ đó. Và phần tuyệt vời nhất ư? Khi tính lảm cẩm của Neeva trở nên quá đỗi khó chịu, Joan chỉ cần cho bà đi làm mấy việc vặt vãnh cùng bọn trẻ. Sự sắp đặt. Hoàn hảo. Nhất trần đời.

“Tôi có nghe nói về cái máy bay đó.” Neeva rời mắt khỏi dụng cụ mở nắp lon và ngược nhìn Joan. “Không ổn. Một thứ ma quỷ.”

Joan mỉm cười với Neeva và sự mê tín vật vãnh đáng yêu miền nhiệt đới của bà - nụ cười đột ngột tắt ngúm bởi một cơn đau xương hàm dữ dội.

Trong khi bát xúp đang quay trong cái lò vi sóng kêu vo vo, Neeva bước tới nhìn Joan, đặt bàn tay nâu thô ráp lên trán Joan, sờ vùng cổ của Joan bằng những ngón tay sơn móng xám. Joan rụt lại vì đau.

“Sung quá,” Neeva nói.

Joan gấp cuốn tạp chí. “Có lẽ tôi nên trở lại giường.”

Neeva lùi lại, nhìn cô ta bằng ánh mắt kỳ lạ. “Cô nên trở lại bệnh viện.”

Nếu không phải đang bị đau hẳn Joan đã cười phá lên. Trở lại Queens ư? “Tin tôi đi, Neeva. Tôi sẽ khá hơn nhiều khi được bà chăm sóc ở đây. Hơn nữa - cứ tin tôi đi, tôi biết quá rõ ấy chứ. Toàn bộ vụ bệnh viện đó là một mảnh bảo hiểm phục

vụ cho hãng hàng không. Tất cả là vì lợi ích của họ - không phải của tôi.”

Trong lúc xoa bóp cái cổ sưng đau của mình, Joan mừng tượng ra vụ kiện sắp tới, và một lần nữa cô ta lại lên tinh thần. Cô ta liếc nhìn quanh bếp. Thật buồn cười làm sao khi căn nhà đã được cô ta dành rất nhiều thời gian và tiền bạc để bày biện và tân trang lại có thể đột nhiên có vẻ... tồi tàn đến vậy.

Camins, Peters, Lilly... và Luss.

Rồi lũ trẻ ùa vào bếp, Keene và Audrey, mếu máo vì tranh giành đồ chơi gì đấy. Giọng chúng oang oang trong đầu Joan tới mức cô ta chỉ muốn vả mỗi đứa một cái cho chúng bay tới phía bên kia bếp. Nhưng cô ta đã cố gắng làm được cái việc cô ta vẫn luôn làm, biến con giận dữ với lũ con thành một thái độ nhiệt tình giả tạo, như dựng lên một bức tường vây lấy cái tôi hằn học của mình bên trong. Cô ta gập tờ tạp chí lại và cao giọng để át tiếng bọn trẻ.

“Các con có thích mỗi đứa có một chú ngựa nhỏ và một cái hồ riêng không?”

Cô ta tin rằng món hối lộ hào phóng của mình đã khiến bọn trẻ im lặng, nhưng thực ra, chính nụ cười quái dị cùng ánh mắt trừng trừng đầy ghét bỏ của cô ta mới là thứ khiến chúng phải nín bật vì sợ hãi.

Đối với Joan, sự im lặng nhất thời quả là một niềm hạnh phúc.

Có người gọi tới 911 cho biết có một người đàn ông đang khóa thân tại lối ra đường hầm Queens-Midtown. Công vụ này được xếp mã 10-50, một vụ gây rối mang tính cá nhân cấp độ ưu tiên thấp. Một tổ cảnh sát đã tới nơi trong vòng tám phút, và chứng kiến một vụ tắc nghẽn giao thông thậm tệ, quá tệ so với một đêm Chủ nhật bình thường. Mấy tài xế bấm còi chỉ cho họ lên phố trên. Kể tình nghi, các tài xế hét lên, một gã béo chẳng mang gì trên người ngoài một thẻ đỏ ở ngón chân, đã rời đi rồi.

“Tôi đang chở trẻ con đây này!” Một người đàn ông trong chiếc Dodge Caravan cũ kĩ gào lên.

Cảnh sát Karn, người cầm lái, nói với cộng sự, cảnh sát Lupo, “Chắc lại cái kiểu đại lộ Park rồi. Khách quen của hộp đêm sex. Dùng quá nhiều chất kích thích trước kỳ động dục cuối tuần.”

Cảnh sát Lupo tháo dây an toàn và mở cửa xe. “Tôi sẽ điều khiển giao thông. Gã trai kia nhường anh đấy.”

“Cảm ơn nhiều,” cảnh sát Karn nói khi cánh cửa xe đóng lại. Anh bật đèn xe cảnh sát và kiên nhẫn đợi đám xe ùn tắc phía trước mở lối cho đi - anh đâu có được trả thêm lương để mà vội vã.

Anh đi qua phố 38, đảo mắt dọc con đường. Chắc chẳng khó phát hiện một gã béo khóa thân lang thang. Mọi người trên vỉa hè có vẻ ổn, không xôn xao gì. Một công dân tốt bụng đang hút thuốc bên ngoài quán bar nhìn thấy chiếc xe cảnh sát chậm chạp lặn bánh bèn bước tới trước, chỉ tay về hướng phố trên.

Cuộc gọi thứ hai và thứ ba đến, cả hai đều báo có một người đàn ông khóa thân đang ăn cướp bên ngoài trụ sở Liên Hiệp Quốc. Cảnh sát Karn nhấn ga, quyết tâm chấm dứt vụ này. Anh phóng xe ngang qua dãy cờ phấp phới phía trước của các quốc gia thành viên, tiến tới cửa dành cho khách tham quan ở phía Bắc tòa nhà. Những thanh chắn màu xanh của Sở Cảnh sát New York nhan nhản khắp nơi, cũng như các ụ xi măng chống xe bom.

Karn dừng xe trước một nhóm cảnh sát chân nản đứng gần các thanh chắn. “Tôi đang tìm một gã béo khóa thân.”

Một gã cảnh sát nhún vai. “Tôi có thể cho anh vài số điện thoại.”

Gabriel Bolivar lên limousine trở về tổ ấm mới của mình tại Manhattan, hai ngôi nhà sát vách đang trong quá trình tổng tân trang trên phố Vestry, Tribeca. Sau khi hoàn thành, nơi đây sẽ có ba mươi mốt phòng, diện tích tổng cộng một ngàn ba trăm mét vuông, gồm một bể bơi vách kính, các phòng cho mười sáu người phục vụ, một phòng thu âm dưới tầng hầm, và một phòng chiếu phim hai mươi sáu chỗ.

Mới chỉ có tầng thượng được hoàn thiện và trang bị đồ đạc, được gấp rút hoàn tất khi Bolivar đang trong chuyến lưu diễn châu Âu. Các phòng còn lại ở những tầng dưới mới xong phần thô, vài phòng đã trát vữa, còn lại thì vẫn đang bít vữa nhựa cách ly. Mùn cửa bám trên mọi bề mặt và góc ngách. Quản lý kinh doanh của Bolivar đã tóm tắt tiến trình xây dựng cho anh ta, nhưng Bolivar chẳng mấy quan tâm tới tiến trình mà chỉ quan tâm tới kết quả cuối cùng của cái cung điện hoang toàng phóng đãng tương lai của mình.

Chuyến lưu diễn "Nước mắt Jesus" của anh ta đã kết thúc không mấy tốt đẹp. Ban tổ chức đã phải làm việc cật lực để lấp đầy khán đài, sao cho Bolivar có thể thành thật tuyên bố khắp nơi rằng mình được chơi trước khán đài chật kín khán giả - và quả thực anh ta đã làm vậy. Rồi giấy phép tổ chức tour ở Đức không được chấp thuận, và thay vì đi cùng những người khác, Bolivar đã thỏa thuận để bắt một chuyến bay thương mại về nhà. Anh ta vẫn đang cảm thấy những di chứng của sai lầm khủng khiếp đó. Thực ra, tình hình đang càng lúc càng tồi tệ.

Anh ta bước vào cổng trước cùng đội vệ sĩ và ba cô gái từ câu lạc bộ. Vài món báu vật lớn của anh ta đã được chuyển vào trong, gồm một đôi báo bằng cẩm thạch đen đứng tạo dáng hai bên tiền sảnh cao sáu mét. Hai thùng trụ màu xanh đựng rác thải công nghiệp được cho là đã từng thuộc về Jeffrey Dahmer cùng mấy bộ tranh đóng khung của Mark Ryden, Robert Williams, Chet Zar - khổ lớn, đắt tiền. Một công tắc lỏng lẻo trên tường điều khiển một chuỗi đèn thi công chạy dọc theo cầu thang cẩm thạch, phía trên là một thiên thần có cánh đang than khóc cỡ lớn không rõ lai lịch, được "giải cứu" khỏi một nhà thờ La Mã vào thời Ceausescu.

"Bức tượng đẹp quá," một cô gái nói, ngược nhìn lên các đường nét khuất bóng, mang dấu ấn thời gian của bức tượng thiên thần.

Bolivar vấp chân gần bức tượng thiên thần lớn, ruột gan đau đốn còn hơn cả bị chuột rút, y như bị đấm vào một cơ quan

tiếp giáp. Anh ta chộp lấy cánh thiên thần cho khỏi ngã, và mấy cô gái đổ dồn về phía anh ta.

"Cung oi," họ thủ thủ, đỡ anh ta đứng dậy, còn anh ta thì cố gắng rũ bỏ con đau. Có ai bỏ thuốc anh ta ở hộp đêm ư? Đã từng có vụ như vậy rồi. Lạ Chúa, trước kia lũ gái đã từng bỏ thuốc anh ta rồi, khao khát đến tuyệt vọng để được làm tình với Gabriel Bolivar - để tiếp cận con người bên dưới lớp trang điểm của một huyền thoại. Anh ta đẩy ba cô gái ra, vẫy tay xua luôn cả đám vệ sĩ, cố gắng đứng thẳng bất chấp con đau. Đội vệ sĩ ở lại bên dưới trong khi anh ta dùng cây gậy mạ bạc của mình lùa các cô gái lên cầu thang uốn lượn lát đá cẩm thạch trắng vân xanh dẫn lên tầng thượng.

Bolivar để các cô gái tự pha thêm đồ uống và sửa sang lại bản thân trong một phòng tắm khác. Còn anh ta thì khóa mình trong phòng tắm chính và moi đóng Vicodin đã được giấu kín ra, rồi uống hai viên nhỏ màu trắng ấy cùng một ngụm rượu scotch. Anh ta day cổ, mát xa vùng họng đau nhức, lo lắng cho giọng của mình. Anh ta muốn mở cái vòi hình đầu quạ và xối nước lên mặt cho tỉnh táo, nhưng lại vướng lớp trang điểm. Nếu thiếu nó thì chẳng ai trong các hộp đêm có thể nhận ra anh ta. Anh ta nhìn chăm chăm vào vẻ tái nhợt bệnh hoạn mà nó tạo ra, lớp đánh bóng làm gò má hốc hác, hai con ngươi đen ma quái do kính áp tròng. Thực ra Bolivar là một gã đẹp trai, dù có trang điểm thế nào cũng không thể che giấu được vẻ đẹp đó, và anh ta ý thức rõ đó là một phần bí mật tạo nên thành công của mình. Toàn bộ sự nghiệp của anh ta nằm ở việc sử dụng và phá hủy cái đẹp. Quyến rũ thính giác bằng một thoáng âm nhạc đỉnh cao để rồi hủy hoại chính nó bằng những tiếng hét thô tục và âm thanh công nghiệp méo mó. Đó chính là thứ được giới trẻ hưởng ứng. Tàn phá cái đẹp. Hủy hoại cái tốt.

Sự thôi nát đẹp đẽ. Có thể sẽ là tên cho CD tiếp theo của anh ta.

Thôi thúc kinh tởm đã đạt 600.000 bản ngay trong tuần đầu ra mắt ở Mỹ. Một con số khổng lồ trong kỷ nguyên hậu mp3 này, nhưng vẫn ít hơn gần nửa triệu bản so với *Cái hung bạo hoang toàng*. Mọi người đang dần trở nên quen với những trò

nhớ nhãng của anh ta, cả trên và ngoài sân khấu. Anh ta giờ không còn là kẻ chống-lại-tất-cả mà Wal-Mart từng muốn tẩy chay và nước Mỹ sùng đạo - bao gồm cả cha anh ta - sẽ phản đối. Thật nực cười làm sao khi cha anh ta cũng đồng tình với Wal-Mart, điều đó càng chứng minh luận điểm của anh ta rằng tất cả mọi thứ đều thật ngu ngốc. Tuy nhiên, ngoại trừ nhóm tôn giáo hữu khuynh, giờ càng lúc càng khó có thứ gì làm người ta sốc. Sự nghiệp của anh ta đang đắm vào ngõ cụt và anh ta biết điều đó. Bolivar chưa đến nỗi phải cân nhắc chuyển sang chơi nhạc dân gian cho quán cà phê - mặc dù điều đó có thể gây sốc cho cả thế giới - nhưng mấy trò mở xẻ, cắn xé và cắt chém trên sân khấu đã không còn mới mẻ gì nữa rồi. Chúng đã bị bắt bài, như một màn diễn lặp đi lặp lại. Anh ta đang chạy theo khán giả thay vì dẫn dắt họ. Cần phải chạy đi trước họ, bởi nếu bị họ bắt kịp, anh ta sẽ bị giẫm bẹp.

Nhưng chẳng phải anh ta đã đi xa hết mức có thể rồi sao? Giờ còn đi đâu được nữa chứ?

Bolivar lại nghe thấy những giọng nói ấy. Như một dàn hợp xướng chưa từng tập cùng nhau, những giọng nói đau đớn, nỗi đau dội lại từ chính cơn đau của anh ta. Anh ta quay người một vòng để chắc rằng không có ai khác trong phòng tắm. Anh ta lắc mạnh đầu. Âm thanh như khi ta áp vỏ ốc vào tai, chỉ khác ở chỗ thay vì nghe thấy tiếng vọng của đại dương, anh ta nghe thấy tiếng than khóc của những linh hồn từ cõi hư vô.

Khi anh ta ra khỏi phòng tắm, Mindy và Sherry đang hôn hít, Cleo thì cầm cốc rượu nằm trên giường lớn, mỉm cười nhìn trần nhà. Tất cả bọn họ đều giật mình khi anh ta xuất hiện, rồi chuyển thành háo hức chờ đợi hành động tiếp theo của anh ta. Anh ta bò lên giường, cảm thấy ruột gan lộn tung phèo, thâm nhủ đây chính xác là thứ mình đang cần. Một cuộc truy hoan dữ dội giúp thanh lọc cơ thể. Mindy tóc vàng sán lại đầu tiên, luồn tay vào mái tóc đen óng của anh ta, nhưng Bolivar chọn Cleo, có gì đó ở cô gái này, lướt bàn tay tái nhợt của mình lên lớp da thịt nâu ở cổ cô. Cô cởi áo để anh ta dễ dàng tiếp cận hơn, rồi trượt hai bàn tay xuống lớp quần da bên hông anh ta.

Cô nói, "Em đã hâm mộ anh từ khi..."

"Suytttt," anh ta nói, hy vọng có thể bỏ qua màn đưa đẩy của đám người hâm mộ mình. Mấy viên Vicodin hẳn đã có tác động tới những tiếng nói trong đầu anh ta, bởi giờ đây chúng đã dụi đi, chỉ còn tiếng o o, gần giống dòng điện, có điều lẫn thêm tiếng thình thịch.

Hai cô gái còn lại trườn tới quanh anh ta, bàn tay họ như những con cua, sờ soạng, thăm dò anh ta. Bắt đầu cởi quần áo của anh ta, để làm lộ ra cơ thể đàn ông bên trong. Mindy lại luồn tay vào tóc anh ta, và anh ta né ra, như thể động tác của cô có gì vụng về. Sherry kêu ré lên thích thú khi mở cúc quần anh ta. Anh ta biết những lời đồn thổi về mình, từ người tình này qua người tình khác, về kích thích phi thường và kỹ năng của mình. Cô lướt tay dọc theo chiếc quần da của anh ta, rồi tới chỗ ấy, và tuy không hề có một lời cần nhắc thất vọng, nhưng cũng chẳng có lấy một tiếng thốt ngạc nhiên. Chẳng có động tĩnh gì dưới đó hết. Dù anh ta có đang bệnh chằng nữa thì điều này cũng thật khó hiểu. Trước đây anh ta từng hết lần này tới lần khác chúng tỏ bản thân trong tình trạng sức khỏe còn kém hơn rất nhiều.

Anh ta chuyển sự chú ý của mình trở lại vai, cổ và họng của cô gái tên Cleo. Xinh xắn - nhưng còn hơn thế nữa. Anh ta cảm thấy trong miệng có một cảm giác nhộn nhạo. Không phải cảm giác buồn nôn, mà có lẽ ngược lại: một nhu cầu trộn lẫn ham muốn tình dục và cảm giác thèm ăn. Nhưng - lớn hơn nhiều. Một khao khát. Một cơn thèm muốn. Thôi thúc hăm hiếp, cưỡng đoạt, ngón ngấu.

Mindy nhắm nháp cổ Bolivar, và cuối cùng anh ta cũng quay sang cô, đẩy cô ngã lưng xuống nệm giường - lúc đầu khá thô bạo, nhưng sau đó lại nhẹ nhàng gượng gạo. Anh ta ngả cằm cô gái về phía sau để phơi cổ ra, và mân mê những ngón tay ấm nóng của mình trên cái cổ họng rắn chắc và xinh đẹp của cô. Anh ta cảm nhận sức mạnh của những cơ bắp trẻ trung bên trong cô gái - và anh ta muốn chúng. Hơn cả muốn ngực, mông và chỗ kín của cô gái. Tiếng o o đang ám ảnh anh ta chính là xuất phát từ cô.

Bolivar áp miệng vào cổ họng cô gái. Anh ta thử bằng môi, hôn lên, nhưng không mấy thỏa mãn. Anh ta thử nhắm nháp, và trực giác có vẻ đúng, nhưng phương pháp... trong chuyện này có gì đó rất sai.

Anh ta muốn - bằng cách nào đó - hơn nữa.

Tiếng o o giờ làm toàn thân Bolivar rung động, da anh ta như thể một cái trống đang bị nện trong một nghi lễ cổ xưa. Chiếc giường hơi chao đảo và cổ họng cùng lồng ngực anh ta rộn lên cảm giác vừa thèm muốn vừa kinh tởm. Anh ta thấy đầu óc mình mê man trong chốc lát. Như trong cơn cực khoái, nhưng tiếng rú thất thanh của cô gái khiến anh ta choàng tỉnh. Anh ta đang đưa hai tay giữ cổ cô gái và mút nó với một lực quá mạnh vượt quá cả khái niệm cần yếu của giới trẻ. Anh ta đang hút cho máu cô gái chảy ra hẳn ngoài da, và cô đang kêu thét còn hai cô gái nữa kín nửa hờ kia đang cố kéo cô ra khỏi Bolivar.

Bolivar ngồi thẳng dậy, tự kiểm chế khi nhìn thấy vết bầm đỏ quạch trên cổ họng cô gái - rồi, chợt nhớ ra mình chính là người cầm trích trong trò làm tình tập thể này, anh ta thể hiện quyền uy.

"Cút đi!" Anh ta quát lên, và họ tuân lời, quơ quần áo ôm vào người, Mindy tóc vàng vừa rên rĩ vừa thút thít suốt đoạn đường leo xuống cầu thang.

Bolivar loạng choạng rời giường vào phòng tắm, tới bên bàn trang điểm. Anh ta ngồi xuống chiếc ghế da và bắt đầu quá trình chăm sóc da hằng tối. Lớp trang điểm đã bong hết - anh ta biết vậy sau khi nhìn tờ khăn giấy - tuy nhiên nhìn trong gương, da thịt của anh ta trông vẫn y như cũ. Anh ta chùi mạnh hơn, lấy cả móng tay cào má, nhưng chẳng có gì bong ra nữa. Chẳng lẽ lớp son phấn bám luôn vào da? Hay anh ta đã ốm đến mức này, hốc hác đến mức này?

Anh ta xé áo sơ mi ra kiểm tra toàn thân: da trắng như đá cẩm thạch, chẳng chịt những mạch máu màu xanh nhạt cùng vết máu lốm đốm bắn vào.

Anh ta tiếp tục với kính áp tròng, cẩn thận gấp hai cái mắt kính bằng gel mỹ phẩm ra khỏi mắt, và thả chúng vào dung

dịch trong hộp chứa. Anh ta chớp mắt vài cái cho dễ chịu, rồi lấy ngón tay dụi dụi mắt, và cảm thấy có gì đó kỳ quái. Anh ta cúi sát gương hơn, chớp chớp mắt, nghiên cứu đôi mắt của mình.

Con ngươi đen sì. Như thể vẫn mang kính áp tròng, chỉ có điều là cấu trúc vân nhiều hơn - nhìn thật hơn. Và khi chớp mắt, anh ta cảm thấy có hoạt động nào đó khác diễn ra trong mắt. Anh ta đứng bật dậy đối diện với gương, mắt mở trừng trừng, gần như sợ phải nhắm lại.

Một màng nháy đã hình thành bên dưới mí mắt, cái mí mắt thứ hai trong mờ nằm ngay bên dưới mí mắt ngoài, đóng mở nhãn cầu theo phương ngang. Như một lớp màng mờ đục che bên ngoài con ngươi đen, che cái ánh nhìn hoang dại và hãi hùng của anh ta.

Augustin "Gus" Elizalde ngồi sụp xuống một cái ghế ở phía cuối nhà hàng, chiếc mũ phớt đặt cạnh người, trên ghế. Đó là một quán ăn mặt phố chật hẹp, cách Quảng trường Thời đại một dãy nhà về phía Đông. Đèn nê ông tạo hình bánh burger phát sáng trên cửa sổ, và khăn trải kẻ ca rô đỏ trắng trên bàn. Một bữa ăn bình dân ở Manhattan. Ta bước vào gọi đồ ở quầy phía trước - sandwich, pizza hay đồ nướng gì đó - rồi trả tiền, lấy đồ và mang vào trong, một căn phòng không cửa sổ nệm chật bàn. Bao quanh họ là những bức tranh tường vẽ thành phố Venice cùng những chiếc thuyền đáy bằng. Felix ngẫu nhiên đĩa mì ống trộn phô mai sền sệt. Nó chỉ ăn mỗi món đó, mì ống trộn phô mai, càng có màu cam càng ngon. Gus nhìn xuống chiếc bánh burger béo ngậy đang ăn dở của mình, bỗng nhiên thấy thích Coca hơn, thích caffeine và đường, để nạp thêm chút năng lượng vào người.

Cậu vẫn cảm thấy có gì đó không ổn về chiếc xe tải. Gus lật chiếc mũ của mình dưới bàn ăn và kiểm tra lại dải băng nẹp trong lòng mũ một lần nữa. Năm tờ 10 đô đầu tiên cậu có được từ gã bánh bao đó, cộng thêm 500 đô được trả vì đã lái chiếc xe tải vào thành phố, tất cả vẫn đang nhét trong đó. Cảm dỗ cậu. Cậu và Felix có thể vui thú tẹt ga chỉ với một nửa số tiền

đó. Và đem một nửa về cho mẹ, số tiền mà bà cần, số tiền bà có thể tiêu.

Vấn đề là, Gus hiểu rõ bản thân. Vấn đề là *dừng lại* ở một nửa. Vấn đề là đi loanh quanh với số tiền chưa tiêu trong người.

Cậu nên nhờ Felix đưa về ngay lập tức. Giải thoát bản thân khỏi một nửa món hời này. Lén đưa cho mẹ mà không để thằng anh trai Crispin đê tiện biết. Lũ nghiện ma túy có thể đánh hơi thấy tiền thính ngang đánh hơi ma túy.

Nhưng nghĩ lại, đây là số tiền dư bản. Cậu đã làm một chuyện sai trái mới có được nó - rõ là vậy, mặc dù cậu chẳng biết mình đã làm gì - và đưa số tiền này cho mẹ sẽ giống như trao đi một lời nguyện. Điều nên làm nhất với những đồng tiền dư bản là tiêu thật nhanh, tống khứ nó đi - dễ kiếm, dễ tiêu.

Gus thấy hoang mang. Cậu biết một khi đã uống, cậu sẽ mất hết kiểm soát. Và Felix sẽ như đổ thêm dầu vào lửa. Cả hai sẽ đốt sạch 550 đô trước bình minh, và sau đó, thay vì mang về nhà một điều tuyệt vời cho mẹ, thay vì đem về nhà một điều tốt đẹp, cậu sẽ lại lết cái xác say xỉn của mình về, với cái mũ toi tả và những cái túi rỗng tuếch.

“Nghĩ gì mà đăm chiêu thế, Gusto,” Felix nói.

Gus lắc đầu. “Tao chính là kẻ thù lớn nhất của tao, mày à. Tao như con chó lai chết tiệt hít người ngoài đường chẳng biết ngày mai ra sao. Tao có mặt tối, bạn hiền à, và đôi khi nó kiểm soát tao.”

Felix nhăm nháp cốc Coca to đùng. “Thế chúng ta còn làm gì trong cái ổ dầu mỡ này nhỉ? Tối nay ra ngoài gặp gỡ vài cô nàng thôi.”

Gus lướt ngón cái dọc theo vành da nẹp trong mũ, trên những tờ đô la gấp lại mà Felix chưa hề biết đến - cho tới lúc này. Chắc chỉ một trăm. Hai trăm, mỗi thằng một nửa. Cứ rút ra đúng từng ấy, đó là giới hạn của cậu, không hơn. “Muốn chơi thì cứ chi, nhỉ?”

“Chuẩn mẹ nó rồi.”

Gus nhìn sang và thấy một gia đình bên cạnh, ăn vận theo kiểu đi xem hát, họ đứng dậy rời đi mà chưa kịp ăn xong món tráng miệng. Gus đoán là do cách ăn nói của Felix. Cứ nhìn lũ

trẻ con Trung Tây này thì rõ, hẳn chúng chưa từng nghe chữ. Ừ thì, kệ mẹ chúng nó. Tới thành phố này, và để con mình ở ngoài đường sau chín giờ, vậy là anh đang đánh liều cho chúng xem đủ thứ bậy bạ rồi.

Rốt cuộc Felix cũng đã uống xong phần của mình, Gus bèn nhẹ nhàng đặt chiếc mũ giấu tiền lên đầu và họ đi thơ thẩn trong đêm. Họ đang đi bộ trên phố 44, Felix đang hút thuốc lá, thì chợt nghe thấy những tiếng hét. Tiếng la hét ở trung tâm Manhattan chẳng khiến họ phải rảo bước nhanh hơn. Cho tới khi họ nhìn thấy một gã béo khỏa thân đang lê bước trên đường, giữa phố 7 và Broadway.

Felix bật cười, suýt chút nữa phụt cả điếu thuốc ra. "Gusto, mày thấy của khỉ đó chứ?" Nó bước vội tới trước, như một người đứng ngoài bỗng được mời vào xem diễn.

Gus không quan tâm lắm. Cậu bước chậm chạp theo Felix.

Mọi người tại Quảng trường Thời đại đang nhường đường cho gã kia cùng cái mông eo ọt của gã. Phụ nữ nửa cười nửa la hét trước cảnh tượng ấy, che mắt, bịt miệng, hoặc cả hai. Một nhóm các cô gái trẻ chụp hình bằng điện thoại. Mỗi khi gã đó đổi hướng, một nhóm người khác lại nhìn thấy dương vật teo tóp, lút trong da thịt của gã, rồi la ó.

Gus tự hỏi lũ côm đang ở đâu. Nước Mỹ của mày đây: một người anh em da nâu thậm chí còn chẳng thể nấp vào một góc cửa để đái bậy mà không gặp rắc rối, nhưng một gã da trắng thì lại có thể tự do thoái mái khỏa thân diễu hành qua giao lộ của thế giới như vậy.

"Xéo cái mông thừa của hắn đi," Felix la hét và đi theo sau gã ngu xuẩn nọ, cùng một đám đông khác, rất nhiều người trong đó đang say xỉn, khoái trá thưởng thức một màn diễn trên đường phố. Ánh đèn trên giao lộ sáng nhất thế giới - Quảng trường Thời đại là nơi giao nhau của các đại lộ, xung quanh là những biển quảng cáo và những hàng chữ chạy chói mắt, như trò đỡ bóng qua dòng giao thông bất tận - khiến gã béo hoa mắt, quay cuồng. Gã xô tới, lảo đảo như một con gấu rạp xiếc bị xổng chuồng.

Đám đông những kẻ say xỉn, bao gồm cả Felix, cười lớn và lùi lại mỗi khi gã đổi hướng và loạng choạng về phía họ. Lúc này gã đã trở nên táo tợn hơn, hoặc hơi hoang mang, như một con thú sợ hãi, rồi loạn hơn và dường như đau đớn hơn - thỉnh thoảng gã ấn bàn tay vào cổ họng, như bị nghẹt thở. Bầu không khí vẫn rất sôi nổi cho đến khi gã béo tái mét đổ lao vào một người phụ nữ đang cười, chộp lấy gáy cô ta. Người phụ nữ hét lên xoay đầu, và một phần đầu cô ta rời ra trong tay gã đàn ông - nhìn thoáng qua cứ như cô ta đã bị xé toạc cả sọ - nhưng đó chỉ là phần tóc nối uốn xoắn màu đen của cô ta.

Vụ tấn công biến không khí từ vui vẻ trở thành sợ hãi. Gã béo xô ra đường, vẫn cầm theo nắm tóc giả, và đám đông theo sau đuổi bắt hắn, giận dữ, la hét. Felix dẫn đầu, đuổi theo gã béo băng qua đảo phân dòng giao thông. Gus cũng đi theo, nhưng tách khỏi đám đông, lách qua những chiếc xe đang bấm còi inh ỏi. Cậu gọi Felix rời khỏi đây, chấm dứt chuyện này đi. Sẽ chẳng có kết thúc tốt đẹp gì.

Gã béo tiến về phía một gia đình đang tập trung trên đảo phân dòng để chuẩn bị tham quan Quảng trường Thời đại buổi tối. Gã buộc họ lùi xuống đường nơi dòng xe cộ đang lao vun vút, và người cha bị đánh một cú rất mạnh khi cố gắng can thiệp. Gus nhận ra đó chính là gia đình trông như những người đi nhà hát lúc ở quán ăn. Người mẹ có vẻ lo che mắt lũ con khỏi người đàn ông trần truồng hơn là lo bảo vệ bản thân. Bà ta bị túm gáy kéo lại sát cái bụng phệ và bộ ngực chảy xệ của gã. Miệng gã điên há ra như thể muốn hôn. Nhưng rồi nó cứ tiếp tục há ra, như miệng một con rắn - rõ ràng đang làm trật các khớp hàm với tiếng *rắc* nhỏ.

Gus không khoái khách du lịch, nhưng cậu chẳng kịp nghĩ gì mà đã chạy tới phía sau và dùng tay khóa đầu gã. Cậu siết mạnh, cổ gã béo khòe đến kinh ngạc dưới những ngón thịt lưng nhùng. Tuy nhiên, Gus có lợi thế, và gã kia thả bà mẹ ra, bà ta ngã về phía ông chồng trước mặt lũ con đang la hét.

Giờ thì Gus bị mắc kẹt. Cậu đã khóa được gã khóa thân, hai cánh tay to như tay gấu của gã quờ quạng. Felix lao tới phía

trước để giúp đỡ... nhưng rồi dừng lại. Nó nhìn chằm chằm khuôn mặt của gã béo như thể có gì rất bất thường. Một vài người sau lưng Felix cũng phản ứng tương tự, những người khác quay mặt đi sợ hãi, nhưng Gus chẳng hiểu nổi tại sao. Cậu có thể cảm thấy cổ gã mập mạp dưới cẳng tay, một cách rất dị thường - gần như thể gã đang nuốt ở hai bên cổ. Vẻ ghê tởm của Felix khiến cậu nghĩ gã béo đang nghẹt thở do bị khóa chặt họng, vì thế cậu nói vòng tay ra một chút - vừa đủ để gã, với thứ sức lực điên cuồng của loài thú vật, quật nhào Gus bằng một khuỷu tay lông lá.

Gus ngã mạnh xuống lề đường, mũ rơi khỏi đầu. Cậu quay ra vừa kịp nhìn thấy nó lăn qua vỉa hè xuống đường. Gus bật dậy, đuổi theo cái mũ cùng món tiền của mình - nhưng tiếng thét của Felix khiến cậu quay lại. Gã đó đã điên dại ôm cứng Felix, mồm gã kề cổ Felix. Gus thấy Felix đang rút thứ gì đó từ túi sau, vẩy cổ tay bật mở nó.

Gus chạy về phía Felix trước khi Felix kịp sử dụng dao, thúc mạnh vai vào gã béo, cảm thấy tiếng xương sườn gã nứt ra, đẩy cả tảng thịt ấy ngã lăn. Felix cũng ngã xuống, Gus thấy máu đang chảy xuống từ cổ Felix, và - kinh hoàng hơn cả - là vẻ hãi hùng trên khuôn mặt người bạn của cậu. Felix ngồi dậy, buông con dao để bịt chặt cổ, và Gus chưa thấy Felix như vậy bao giờ. Gus biết chuyện kỳ quái gì đó đã xảy ra - *đang xảy ra* - chỉ có điều cậu không biết đó là gì. Cậu chỉ biết là mình cần phải hành động để giúp bạn.

Gus với lấy con dao, và cậu nắm được cái chuôi gỗ đen của nó vừa kịp lúc gã đàn ông khóa thân đứng dậy. Gã đứng đó, tay che miệng như thể đang cố gắng giữ thứ gì đó bên trong. Thứ gì đó đang ngộ nguậy. Máu dính hai bên má béo núc và trên cằm gã - máu của Felix - khi gã tiến về phía Gus với bàn tay rảnh rang vươn dài ra.

Gã béo tới rất nhanh - quá nhanh nếu xét đến thân hình gã - và xô Gus về phía sau, trước khi cậu kịp phản ứng. Đầu trần của Gus đập vào vỉa hè - và trong một thoáng mọi thứ lặng thinh. Cậu thấy những biển quảng cáo trên Quảng trường Thời

đại nhấp nháy phía trên đầu cậu như một dòng chất lỏng đang từ từ chảy... một người mẫu trẻ chỉ mặc áo ngực và quần lót nhìn xuống cậu... và rồi gã đàn ông to béo. Sừng sững phía trên cậu. Thứ gì đó đang cựa quậy trong mồm gã khi gã nhìn Gus bằng con mắt đen sâu hoắm...

Gã quỳ một gối, ọe cái thứ trong cổ họng ra. Màu hồng nhạt và đói khát, nó bắn thẳng vào Gus với vận tốc nhanh như cái lưỡi háu ăn của một con ếch. Gus chém thứ đó bằng con dao, cắt và đâm, như một người đang chiến đấu chống lại một sinh vật nào đó trong con ác mộng. Cậu không biết nó là gì - chỉ biết rằng cậu muốn nó tránh xa khỏi mình, muốn tiêu diệt nó. Gã béo lão đảo lùi lại, phát ra thứ âm thanh như tiếng rít. Gus cứ tiếp tục chém, lia dao vào cổ, cắt toi tả cổ họng gã.

Gus lùi ra xa, và gã kia đứng lên, tay ôm miệng và họng. Gã chảy máu trắng - không phải đỏ - một chất giống như kem, đậm đặc và sáng màu hơn sữa. Gã vấp chân vào lề đường phía sau và ngã xuống dòng xe cộ đang di chuyển.

Chiếc xe tải cố gắng dừng lại. Đúng lúc tệ nhất. Sau khi đã cán qua mặt gã bằng bánh trước, bánh sau dừng lại ngay trên cái sọ vỡ của gã béo.

Gus loạng choạng đứng dậy. Vẫn còn choáng từ cú ngã ban nãy, cậu nhìn xuống lưỡi dao của Felix trong tay. Nó bị nhuộm trắng.

Rồi cậu bị đánh từ phía sau, tay bị bẻ quặt lại, vai bị ấn sát xuống mặt đường. Cậu phản ứng như thể gã béo vẫn đang tấn công mình, vật lộn và quẫy đạp.

"Bỏ con dao xuống! Bỏ nó xuống!"

Cậu quay đầu lại và nhìn thấy ba tên cớm mặt đỏ bùng đang đề mình, hai tên nữa ở phía sau đang chìa súng.

Gus thả con dao. Cậu để mặc hai cánh tay của mình bị vịn ra sau lưng, rồi bị còng lại. Con giận của cậu bùng nổ. Cậu nói, *"Giờ mới chịu chường mặt ra hả?"*

"Cấm kháng cự!" tên cớm nói, đập mặt Gus xuống vỉa hè.

"Hắn đã tấn công gia đình này ngay tại đây... hỏi họ đi!"

Gus quay đầu.

Những vị khách du lịch đã biến mất.

Gần như cả đám đông đã biến mất. Chỉ còn Felix ở lại, ngồi sững sờ trên rìa đảo phân dòng, tay ôm chặt cổ họng, rồi một tên cóm đeo găng xanh đẩy nó ngã xuống, ấn một đầu gối đè lên sườn nó.

Đằng sau Felix, Gus thấy một thứ nhỏ màu đen đang lặn xa hơn ra đường. Mũ của cậu, cùng toàn bộ đồ đồng tiền bản thủ vẫn nằm trong vành mũ - một chiếc taxi chậm chậm lướt qua đê bẹp nó. Gus nghĩ, *Nước Mỹ của mây đây.*

Gary Gilberton rót cho mình một ly whiskey. Cả gia đình - một gia đình ba thế hệ, cả nội cả ngoại - và bạn bè rốt cuộc cũng đã về hết, để lại cả đồng hộp các tông đựng đồ ăn mang đi trong tủ lạnh và mấy cái thùng rác chứa đầy giấy ăn. Ngày mai bọn họ sẽ trở lại với cuộc sống thường nhật, với một câu chuyện để kể.

Cháu gái mười hai tuổi của tôi ở trên cái máy bay đó...

Em họ mười hai tuổi của tôi ở trên cái máy bay đó...

Con gái mười hai tuổi của người hàng xóm của tôi ở trên cái máy bay đó...

Gary cảm thấy anh như một bóng ma đang lang thang trong ngôi nhà chín phòng của mình ở vùng ngoại ô Freeburg rợp cây xanh. Anh sờ các đồ vật - cái ghế, bức tường - nhưng chẳng cảm thấy gì cả. Giờ đây chẳng còn gì quan trọng nữa. Ký ức có thể an ủi anh, nhưng để làm anh phát điên hơn.

Anh đã ngắt tất cả các điện thoại từ lúc bọn phóng viên bắt đầu gọi điện, muốn tìm hiểu về nạn nhân trẻ tuổi nhất trên máy bay. Để làm câu chuyện nhân văn hơn. Cô bé là người thế nào? họ hỏi anh. Sẽ phải mất cả phần đời còn lại để Gary có thể nói hết về cô con gái Emma của mình trong một đoạn văn. Đó sẽ là đoạn văn dài nhất trong lịch sử.

Anh nghĩ về Emma nhiều hơn về Berwyn, vợ anh, bởi lũ trẻ chính là hiện thân thứ hai của ta. Anh yêu Berwyn, và cô đã ra đi. Nhưng tâm trí anh không ngừng xoay quanh cô con gái nhỏ đã mất của mình, như dòng nước xoáy quanh trong đường ống không bao giờ cạn.

Chiều hôm đó, một người bạn luật sư - có lẽ đã phải đến một năm chưa từng ghé nhà Gary - đã kéo riêng anh vào thư phòng. Anh ta bảo Gary ngồi xuống và nói rằng anh sẽ trở thành người giàu có. Một nạn nhân trẻ như Em, mất cả một quãng đời rất dài phía trước, hứa hẹn sẽ mang về một khoản đền bù lớn.

Gary không đáp lại. Anh không nhìn thấy dấu hiệu của tiền tài. Anh không tổng khứ tên đó ra khỏi nhà. Anh thực sự không quan tâm. Anh chẳng cảm thấy gì.

Anh đã từ chối mọi lời đề nghị từ gia đình và bạn bè muốn ngủ lại qua đêm để anh cảm thấy đỡ cô đơn. Gary đảm bảo với tất cả mọi người rằng anh vẫn ổn, mặc dù ý nghĩ tự tử đã bắt đầu hình thành trong anh. Không chỉ là ý nghĩ: một quyết định thầm lặng; một điều chắc chắn. Nhưng để sau đã. Lúc này thì chưa. Sự quả quyết đó như một niềm an ủi. Cũng là "món đền bù" duy nhất còn có ý nghĩa với anh. Giờ đây, cách duy nhất để anh có thể vượt qua toàn bộ chuyện này là việc biết rằng rồi sẽ có một kết thúc. Sau mọi nghi thức. Sau khi khu vui chơi tưởng niệm mang tên Emma được dựng lên. Sau khi quỹ học bổng được cấp vốn. Nhưng trước khi anh bán ngôi nhà giờ đã trở thành một nơi đầy ám ảnh này.

Anh đang đứng giữa phòng khách thì chuông cửa vang lên. Vừa qua nửa đêm. Nếu đó là một phóng viên, Gary sẽ tấn công và giết chết hắn ta. Chỉ đơn giản vậy thôi. Muốn phá rối nơi này bây giờ ư? Anh sẽ xé xác kẻ soi mói đó.

Anh mở tung cánh cửa... và rồi, con giận dữ kìm nén trong anh ngay lập tức biến mất.

Một bé gái chân trần đang đứng trên tấm thảm trước cửa. Emma của anh.

Gary Gilberton nhìn mặt đầy hoài nghi, và anh quỳ gối trước con bé. Mặt nó không chút phản ứng, không chút cảm xúc. Gary vươn tay về phía con gái - rồi do dự. Liệu con bé có vỡ tan như bong bóng xà phòng và một lần nữa biến mất mãi mãi?

Anh chạm vào cánh tay con bé, nắm lấy bắp tay nhỏ bé của nó. Lốp vải váy của nó. Con bé là thật. Nó đang ở đây. Anh túm

chặt con bé, kéo nó về phía mình, ôm siết nó trong vòng tay.

Anh lùi ra sau, nhìn lại con bé một lần nữa, vén mớ tóc bết bết khỏi khuôn mặt tàn nhang của nó. Làm sao có thể chứ? Anh nhìn quanh bên ngoài, quét mắt khắp sân trước mù sương để xem ai đã mang con bé về.

Không có chiếc xe nào trên lối vào, không có tiếng động cơ xe rời khỏi.

Con bé có một mình thôi sao? Mẹ nó đâu rồi?

"Emma," anh nói.

Gary đứng dậy dẫn con bé vào nhà, đóng cửa trước và bật đèn. Emma có vẻ bị lóa mắt. Con bé mặc chiếc váy mà mẹ nó đã mua cho chuyển đi, trông nó trông thành biết bao lúc xoay vòng cho anh ngắm vào lần đầu thử váy. Đắt dính trên một tay áo - có lẽ cả máu. Gary xoay con bé một vòng, nhìn khắp người nó và tìm thấy thêm nhiều vết máu trên đôi chân trần của nó - không giày ư? - và bùn lấm khắp nơi, lòng bàn tay trầy xước, cổ bầm tím.

"Đã có chuyện vậy, Em?" anh hỏi con bé, áp lòng bàn tay lên mặt nó. "Làm sao con...?"

Sự nhẹ nhõm lại một lần nữa dâng trào, gần như khiến anh bị choáng, và anh ôm chặt con bé. Anh bế con bé về chỗ sofa, đặt nó ngồi đó. Con bé bị sốc và thụ động đến kỳ lạ. Thật khác với Emma tươi cười, bướng bỉnh của anh.

Anh áp tay lên mặt con bé, đúng như mẹ nó vẫn làm mỗi khi Emma cư xử kỳ lạ, và thấy mặt nó nóng bừng. Nóng đến mức da con bé có cảm giác nhớp nháp, và con bé nhợt nhạt kinh khủng, gần như trong suốt. Anh có thể thấy mạch máu chìm bên dưới, những mạch máu đỏ rực anh chưa từng thấy.

Màu xanh dương trong mắt con bé dường như đã phai. Có lẽ là chấn thương đầu. Nó đang bị sốc.

Anh thoáng nghĩ tới bệnh viện, nhưng giờ anh sẽ không để con bé ra khỏi ngôi nhà này, không bao giờ.

"Con đã về nhà rồi, Em," anh nói. "Con sẽ ổn thôi."

Anh nắm tay con bé kéo nó dậy, dẫn nó vào nhà bếp. Thức ăn. Anh đặt con bé vào ghế cạnh bàn ăn, quan sát nó từ quây

bếp trong khi nướng hai cái bánh quế sô cô la giòn, món khoái khẩu của nó. Con bé ngồi đó, thông tay xuống hai bên, quan sát anh, không hẳn là nhìn chòng chọc, nhưng cũng chẳng tỏ ra nhận thức được không gian xung quanh. Không có những câu chuyện ngốc nghếch, không có những lời ríu rít về trường lớp.

Bánh nướng xong, anh phủ bơ và xi rô lên rồi đặt đĩa xuống trước mặt con bé. Anh ngồi xuống ghế quan sát. Chiếc ghế thứ ba, chỗ của mẹ nó, vẫn đang trống. Có lẽ chuông cửa sẽ lại reo lên lần nữa...

"Ăn đi," anh bảo nó. Con bé chẳng thèm nhấc đĩa lên. Anh cắt một góc bánh giơ lên trước miệng nó. Con bé không mở miệng.

"Không à?" anh hỏi. Anh làm mẫu, đưa miếng bánh quế vào miệng nhai. Anh thử đưa bánh cho con bé một lần nữa, nhưng phản ứng của nó vẫn như vậy. Một giọt lệ ứa ra khỏi mắt Gary, lăn dài trên má. Đến giờ anh đã hiểu có gì đó cực kỳ không ổn với con gái mình. Nhưng anh gạt phất nó sang một bên.

Giờ con bé đã ở đây, nó đã trở về.

"Đi nào."

Anh dắt con bé lên tầng tới phòng ngủ của nó. Gary vào trước, còn Emma dừng ở ngưỡng cửa. Nó nhìn căn phòng, có vẻ đã nhận ra sự quen thuộc, nhưng như kiểu từ một ký ức xa xăm. Như ánh mắt một phụ nữ lớn tuổi nhờ phép màu nào đó được trở về căn phòng ngủ của mình thuở niên thiếu.

"Con cần ngủ," anh nói, lục tìm bộ đồ ngủ trong ngăn kéo tủ.

Con bé vẫn đứng ở cửa, tay buông thông hai bên.

Gary quay ra cầm theo một bộ đồ ngủ. "Con có muốn bố thay cho con không?"

Anh quỳ gối kéo váy con bé lên, và đưa con gái nhỏ thùy mị của anh chẳng hề phản kháng. Gary thấy thêm nhiều vết trầy xước, cùng một vết bầm tím lớn trên ngực con bé. Bàn chân nó bần thũ, kẽ ngón chân bầm đầy máu. Da con bé nóng ran.

Không tới bệnh viện. Anh sẽ không để con bé rời khỏi tầm mắt nữa.

Anh xả đầy bồn nước mát và đặt con bé vào trong. Anh quỳ bên cạnh bồn, nhẹ nhàng lau những vết xước bằng một khăn mặt thấm xà phòng, còn con bé thậm chí chẳng thèm cựa quậy. Anh cho dầu gội và dầu xả lên mái tóc bết bấn thủ của nó.

Con bé nhìn anh bằng đôi mắt đen thẳm nhưng chẳng có lấy một chút tình cảm. Có lẽ nó đang bị thôi miên. Sốc. Chấn thương.

Anh có thể giúp con bé khỏe hơn.

Anh mặc bộ đồ ngủ cho con bé, lấy chiếc lược từ giỏ rom trong góc và chải thẳng mái tóc vàng của nó. Chiếc lược mắc vào tóc nhưng con bé chẳng hề rụt lại hay phản nản.

Mình đang tưởng tượng ra con bé, Gary nghĩ. Mình đã mất đi mối liên hệ với thực tế.

Và rồi, vẫn chải tóc cho con bé: *Mình chẳng bận tâm.*

Anh lật ga trải giường và cái chăn chân rồi đặt con bé nằm xuống giường, hết như anh vẫn thường làm hồi nó còn chập chững. Anh kéo chăn tới cổ con bé, cuộn nó vào trong, và Emma nằm yên, trông như đang ngủ, chỉ có đôi mắt đen tuyền vẫn mở to.

Gary do dự một lát rồi cúi người hôn vàng trán vẫn đang nóng ran của nó. Con bé có phần giống với hồn ma của con gái anh hơn. Một hồn ma anh hoan nghênh chào đón. Một hồn ma anh có thể yêu thương.

Những giọt nước mắt sung sướng của anh làm ướt đầm lông mày con bé. “Ngủ ngon nhé,” anh nói, chẳng nhận được lời đáp nào. Emma nằm yên dưới ánh đèn ngủ hơi hồng, nhìn chằm chằm trần nhà. Không để tâm tới anh. Không nhắm mắt. Không chờ giấc ngủ. Mà chờ đợi... một thứ gì đó khác.

Gary bước dọc hành lang về phòng ngủ của mình. Anh thay quần áo và trèo vào giường một mình. Anh cũng không ngủ. Anh cũng chờ đợi, dù chẳng biết lý do.

Cho đến khi anh nghe thấy nó.

Một tiếng cọt két nhẹ ở ngưỡng cửa phòng ngủ. Anh ngửa đầu dậy và nhìn thấy bóng Emma. Cô con gái của anh đang đứng đó. Nó đã đến với anh, bước ra khỏi bóng tối, một hình hài

nhỏ bé trong căn phòng tối tăm. Con bé dùng lại cạnh giường anh, há to miệng, như đang chuẩn bị ngáp.

Emma của anh đã trở lại với anh. Đó mới là điều quan trọng.

Zack bị mất ngủ. Thật đúng như mọi người vẫn nói: nó rất giống bố. Hiển nhiên nó còn quá nhỏ để bị bệnh này bệnh nọ, nhưng hai vai nó đã phải chịu biết bao gánh nặng. Nó là cậu bé giàu tình cảm, một cậu bé chân thành, và nó đã phải chịu đựng nhiều vì điều đó.

Nó vẫn luôn như vậy, Eph từng bảo nó thế. Nó vẫn thường nhìn ra từ trong cũi với vẻ hơi nhăn nhó lo âu, cặp mắt đen chan chứa cảm xúc xoáy vào người khác. Và vẻ lo âu đó của nó khiến Eph phải bật cười - bởi nó nhắc anh nhớ lại rất nhiều về bản thân - đứa bé lo âu trong cũi.

Trong vài năm trở lại đây, Zack đã cảm nhận được gánh nặng của vụ ly thân, ly hôn, và cuộc chiến giành quyền nuôi con. Phải mất một thời gian nó mới có thể tự thuyết phục bản thân rằng những chuyện đang xảy ra không phải lỗi của nó. Tuy nhiên, trái tim nó biết rõ ràng: bằng cách nào đó nó biết rằng, nếu đào bới đủ sâu, nó sẽ thấy toàn bộ con giận dữ đều liên quan tới nó. Hàng năm trời nghe những lời xì xào giận dữ sau lưng... những tiếng tranh cãi trong đêm muộn... bị thức giấc bởi tiếng nện tường cố kìm nén... Chuyện này gây ra không ít tác hại. Và giờ đây Zack, mới chỉ mười một tuổi, đã mắc chứng mất ngủ.

Có nhiều đêm nó bật iPod để át tiếng âm ĩ trong nhà và nhìn chằm chằm ra ngoài cửa sổ phòng ngủ. Những đêm khác, nó mở hé cửa sổ và lắng nghe từng tiếng động nhỏ nhất trong đêm, chăm chú tới mức tai nó ong lên bởi máu dồn về.

Như bao đứa trẻ khác, nó cũng mang một hy vọng muôn thuở rằng, con phố của nó, trong đêm, khi tin chắc không bị ai dòm ngó, sẽ hé lộ những bí ẩn của mình. Những bóng ma, kẻ giết người, cuộc yêu đương nồng nàn. Nhưng tất cả những gì nó từng thấy, cho tới khi mặt trời lại mọc lên từ chân trời, là thứ

ánh sáng xanh lập lòe chán ngắt của chiếc ti vi xa xa trong căn nhà đối diện bên phố.

Thế giới chẳng tồn tại anh hùng hay quái vật, dù Zack vẫn luôn tìm kiếm cả hai trong trí tưởng tượng của mình. Con thiếu ngủ ảnh hưởng xấu tới thằng bé, và nó cứ liên tục ngủ gật trong ngày. Nó bị tách biệt ở trường, và những đứa trẻ khác, chẳng bao giờ đủ khoan dung để bỏ qua một sự khác biệt, đã ngay lập tức tìm ra những biệt danh cho nó. Chúng đặt cho Zack những biệt danh từ phổ biến như “Lù Đù” cho tới khó hiểu hơn như “Xác Chết”, mỗi nhóm lại có một cách đặt tên riêng mà chúng ưa thích.

Và Zack rầu rĩ trải qua những ngày tủi nhục cho tới khi bố nó lại tới thăm.

Khi ở cùng Eph, nó cảm thấy thoải mái. Ngay cả khi yên lặng - *đặc biệt* là khi yên lặng. Mẹ nó hoàn hảo, quá để ý, quá tử tế - những tiêu chuẩn yên lặng của mẹ, tất cả đều “vì lợi ích của nó”, nó đều không thể thích ứng, và nó biết, theo một cách kỳ lạ, rằng ngay từ khi được sinh ra, nó đã khiến mẹ thất vọng. Bởi nó là một thằng con trai - bởi nó quá giống bố.

Khi ở cùng Eph, nó cảm thấy tràn đầy sức sống. Nó sẽ kể cho bố những điều mẹ luôn muốn biết: những điều vượt ra ngoài giới hạn mà mẹ thiết tha muốn hiểu. Không có gì quá nghiêm trọng - chỉ là chuyện riêng tư. Đủ quan trọng để không tiết lộ. Đủ quan trọng để dành riêng cho bố, và Zack đã làm như thế.

Giờ đây, nằm thao thức trên tấm ga trải giường, Zack nghĩ về tương lai. Nó biết chắc giờ đây họ sẽ không bao giờ có thể ở bên nhau như một gia đình nữa. Không thể. Nhưng nó tự hỏi việc này có thể tệ tới mức nào. Nói ngắn gọn thì Zack là thế đấy. Luôn luôn tự hỏi: *việc này có thể tệ tới mức nào?*

Câu trả lời luôn là *tệ hơn rất nhiều.*

Ít nhất thì, nó hy vọng, giờ đây đám người lớn lo toan đó rồi cuộc cũng sẽ biến khỏi cuộc đời nó. Các bác sĩ trị liệu, thẩm phán, nhân viên công tác xã hội, bạn trai của mẹ. Tất cả bọn họ đều giữ nó như một con tin để đảm bảo những nhu cầu và mục

đích ngu ngốc của riêng họ. Tất cả bọn họ “quan tâm” tới nó, tới hạnh phúc của nó, và chẳng ai trong số họ thực sự làm được gì đó nên hồn.

Ban nhạc My Bloody Valentine đã im tiếng trong iPod, và Zack bỏ tai nghe. Bầu trời bên ngoài vẫn chưa sáng, nhưng cuối cùng nó cũng đã thấy mệt. Giờ nó muốn cảm thấy mệt. Nó muốn ngừng suy nghĩ.

Thế nên nó chuẩn bị đi ngủ. Nhưng ngay khi vừa nằm xuống, nó nghe thấy tiếng bước chân.

Bach-bach-bach. Như tiếng chân trần trên mặt đường nhựa. Zack ngó ra cửa sổ và thấy một người đàn ông. Một người đàn ông khóa thân.

Ông ta đi bộ dưới phố, làn da tái nhợt, ánh trăng sáng soi tỏ những vết rạn da chằng chịt trên cái bụng lép xẹp. Rõ ràng người đàn ông này từng rất mập - nhưng sau đó đã giảm cân nhiều đến nỗi giờ đây da ông ta nhăn nhúm đủ kiểu đủ chỗ, nhiều tới độ không thể nhận ra hình hài chính xác của ông ta nữa.

Ông ta già, nhưng trông như người không có tuổi. Cái đầu hói vói mái tóc nhuộm xấu xí cùng những vết dãn tĩnh mạch ở chân cho thấy ông ta khoảng bảy mươi tuổi, nhưng bước chân mạnh mẽ và nhịp nhàng của ông ta khiến ta nghĩ tới một người đàn ông trẻ. Zack nghĩ về mọi điều này, để ý đến mọi điều này, do nó rất giống Eph. Mẹ hắn sẽ bảo nó rời khỏi cửa sổ và gọi 911, trong khi Eph sẽ chỉ ra mọi chi tiết tạo nên hình dáng người đàn ông kỳ lạ kia.

Sinh vật nhợt nhạt đó đi quanh ngôi nhà đối diện bên phố. Zack nghe thấy một tiếng rên nhỏ, và rồi có tiếng lạch cạch ở chỗ hàng rào phía sân sau. Người đàn ông đó quay lại và tiến về phía cửa trước của người hàng xóm. Zack định gọi cảnh sát, nhưng làm thế sẽ khơi lên hàng đống câu hỏi mẹ dành cho nó: nó phải giấu mẹ chứng mất ngủ, nếu không nó sẽ phải khổ chịu đựng những ngày và những tuần gặp bác sĩ để kiểm tra, chưa nói đến việc để mẹ lo lắng.

Người đàn ông này đi ra giữa phố và dừng bước. Cánh tay mềm oặt của ông ta buông thõng hai bên, ngực xẹp lép - ông ta

có đang thổi không vậy? - mái tóc phất phơ trong cơn gió nhẹ buổi đêm. Từ ngọn đến tận chân tóc đều phoi ra màu hung đỏ xấu xí được nhuộm bởi thuốc nhuộm "Just for Men".

Ông ta ngược nhìn lên cửa sổ của Zack, và trong một thoáng kỳ quái, họ nhìn thẳng mắt nhau. Tim Zack đập rộn. Đó là lần đầu tiên nó nhìn trực diện người đàn ông này. Suốt từ nãy, nó mới chỉ có thể nhìn thấy phần cơ thể nhìn nghiêng hay cái lưng lụng nhùng da, nhưng giờ đây nó đã thấy cả khuôn ngực của ông ta - và một vết sẹo lớn nhọt màu hình chữ Y vắt ngang ngực.

Và đôi mắt của ông ta - chúng là mô chết, đờ đẫn và mờ đục ngay cả dưới ánh trắng dịu. Nhưng tệ hơn cả, chúng mang một thứ năng lượng điên cuồng, đảo khắp mọi phía, rồi dừng lại ở thẳng bé - ngược nhìn nó với một cảm xúc khó lòng xác định.

Zack co người lại, rời khỏi cửa sổ, sợ chết khiếp trước vết sẹo và hai con mắt trống rỗng nhìn nó. Cái biểu cảm đó là gì...?

Nó biết vết sẹo đó, biết ý nghĩa của nó. Sẹo mổ tử thi. Nhưng làm sao có thể?

Nó liếc mình ngó qua mép cửa sổ, hết sức thận trọng, nhưng cơn phốt giờ vắng tanh. Nó ngồi hẳn dậy để nhìn rõ hơn, và người đàn ông đã biến mất.

Có đúng là ông ta đã từng ở đó? Có lẽ cơn thiếu ngủ giờ đã *thực sự* tác động lên nó. Nhìn thấy xác chết đàn ông khóa thân đi bộ dưới phố ư: không phải điều mà một đứa con của đôi vợ chồng ly hôn muốn chia sẻ với bác sĩ trị liệu.

Và nó chợt nghĩ ra: đói khát. Chính thế. Con mắt chết đó nhìn nó với vẻ *đói khát* dữ dội...

Zack chui vào chăn và vùi mặt vào gối. Sự biến mất của người đàn ông chẳng khiến nó bất cẩn thảng, mà ngược lại là đáng khác. Người đàn ông đó đã đi khỏi, nhưng giờ đây ông ta có thể ở khắp mọi nơi. Ông ta có thể ở dưới tầng, đột nhập vào nhà qua cửa sổ phòng bếp. Chẳng mấy chốc ông ta sẽ ở trên cầu thang, leo lên chậm rì rì - *có phải nó đã nghe thấy tiếng bước chân của ông ta?* - và rồi tới hành lang bên ngoài cửa phòng nó. Khẽ lạch cạch với ổ khóa - cái ổ khóa hồng chẳng cài nổi chốt. Chẳng

mấy chốc ông ta sẽ tiến tới giường Zack và rồi - gì nữa? Nó sợ giọng nói và cái nhìn chòng chọc chết chóc của ông ta. Bởi nó có một niềm tin ghê rợn rằng, mặc dù có thể di chuyển, người đàn ông đó không còn sống nữa.

Xác sống...

Zack trốn dưới gối, cả tâm trí lẫn trái tim đều quay cuồng, sợ hãi, cầu nguyện cho bình minh lên và cứu thoát nó. Dẫu sợ hãi trường học đến mức đó, nó vẫn khẩn cầu cho trời chóng sáng.

Phía bên kia phố, trong ngôi nhà hàng xóm, cửa sổ kính vỡ và ánh đèn ti vi tắt phụt.

Ansel Barbour thì thảo một mình trong khi thơ thẩn trên tầng hai của ngôi nhà. Anh vẫn mặc chiếc áo phông và quần đùi thể thao anh đã mặc lúc cố gắng ngủ ban nãy, và mái tóc rối tung chĩa ra đủ hướng kỳ cục do liên tục bị vò bị bứt. Anh không biết chuyện gì đang xảy ra với mình nữa. Ann-Marie ngờ rằng anh đang bị sốt, nhưng khi cô mang nhiệt kế tới, anh lại chẳng thể chịu nổi ý nghĩ để cho cây que đầu thép đó mắc vào bên dưới cái lưới đang nóng bừng của mình. Họ có một cặp nhiệt độ tai, dùng cho bọn trẻ, nhưng anh thậm chí chẳng thể ngồi yên đủ lâu để đo cho chính xác. Lòng bàn tay đầy kinh nghiệm của Ann-Marie đặt lên trán anh để đo nhiệt - rất nóng - nhưng mà, đáng ra anh nên nói trước với cô.

Cô đã chết điếng, anh dám chắc thế. Cô còn chẳng cố che giấu biểu hiện đó. Đối với cô, bất cứ căn bệnh dù thế nào đi nữa cũng đều là một mối nguy hại cho sự bất khả xâm phạm của gia đình họ. Chỉ mỗi việc trẻ con nôn mửa thôi cũng đã đủ khiến cô xây xẩm hải hùng, chả khác nào khi người khác đón nhận kết quả thử máu xấu hay sự xuất hiện của một khối u không giải thích được. *Chính là nó*. Sự khởi đầu của tấn bi kịch kinh khủng mà cô luôn tin chắc một ngày nào đó sẽ ập xuống với mình.

Sự khoan dung của anh dành cho tính lập dị của Ann-Marie giờ đã gần cạn kiệt. Lúc này đây anh đang phải đối mặt với một vấn đề nghiêm trọng, và anh cần cô giúp đỡ, chứ không

phải bồi thêm căng thẳng. Giờ anh chẳng thể là người mạnh mẽ nữa rồi. Anh cần cô gánh vác trách nhiệm.

Thậm chí lũ trẻ cũng đang tránh xa anh, hoảng hốt bởi ánh nhìn không còn thân quen trong mắt cha chúng, hoặc có lẽ - anh lò mò nhận ra - do mùi từ căn bệnh của anh, thứ mùi anh người thấy giống với mùi váng dầu ăn để quá lâu trong một lon thiếc gỉ phía dưới bồn rửa. Thịnh thoảng anh lại thấy bọn trẻ nấp sau lan can ở chân cầu thang, quan sát anh băng qua đầu cầu thang trên tầng hai. Anh muốn xoa dịu nỗi sợ của chúng, nhưng lại sợ anh sẽ mất kiên nhẫn khi cố gắng giải thích cho chúng hiểu, và rồi sẽ khiến mọi thứ trở nên tồi tệ hơn. Cách chắc ăn nhất để khiến chúng yên tâm là khỏe mạnh hơn. Là vượt qua cơn chóng mặt và đau đớn đang dâng trào này.

Anh dừng bước trong phòng ngủ của cô con gái, cảm thấy bức tường tím quá tím, và rồi quay trở lại hành lang. Anh đứng yên lặng ở đầu cầu thang - yên lặng hết mức - cho tới khi lại có thể nghe thấy nó. Tiếng thỉnh thỉnh đó. Một tiếng đập - khe và rất gần. Tách biệt hoàn toàn với cơn đau đầu đang nện thùm thụp trong sọ anh. Gần như thể... trong một rạp chiếu phim của thị trấn nhỏ, nơi ta có thể nghe thấy tiếng lách cách của phim chạy qua máy chiếu đằng sau lưng trong những khoảng lặng của bộ phim. Nó khiến ta phân tâm, và kéo ta trở lại thực tế rằng *đây không phải đời thực*, như thể ta và chỉ một mình ta nhận ra sự thật đó.

Anh lắc mạnh đầu, nhắm mắt lại bởi cơn đau đi kèm động tác đó... cố gắng sử dụng cơn đau như một liều thuốc giúp loại bỏ những suy nghĩ trong đầu... nhưng tiếng đập đó. Tiếng *thỉnh thỉnh* đó. Nó ở khắp mọi nơi, khắp xung quanh anh.

Cả lũ chó nữa. Cư xử một cách lạ thường quanh anh. Pap và Gertie, hai chú chó giống Saint Bernard lớn, vụng về. Gầm gừ y như khi có một con vật lạ tiến vào vườn.

Lát sau Ann-Marie tới, một mình, thấy anh đang ngồi bệt dưới chân giường, hai tay ôm đầu như thể ôm một quả trứng dễ vỡ. "Anh nên ngủ đi," cô nói.

Anh túm chặt tóc như đang ghì cương một con ngựa điên

và cố kìm nén thôi thúc mắng chửi cô. Có gì đó không ổn trong cổ họng anh, và mỗi khi anh nằm xuống, bất kể lâu hay mau, nắp thanh quản của anh ngừng hoạt động, chặn cứng đường thở, làm anh bị ngạt cho tới khi anh tự bóp cổ mình, gắng sức thở trở lại. Giờ anh chỉ sợ sẽ chết trong giấc ngủ.

"Em phải làm gì đây?" cô hỏi, vẫn đứng ở ngưỡng cửa, ấn lòng bàn tay và ngón tay lên trán.

"Lấy cho anh ít nước," anh nói. Giọng anh rít lên qua cổ họng đau buốt, bỏng rát như lò hấp. "Ấm ấm nhé. Hòa một ít Advil hay Ibuprofen - gì cũng được."

Cô không di chuyển. Cô đứng đó nhìn, lo lắng. "Anh không thấy đỡ hơn một chút nào ư...?"

Sự nhút nhát của cô, thông thường sẽ khơi dậy bản năng che chở mạnh mẽ trong anh, giờ chỉ khiến anh tức điên, "Chết tiệt, Ann-Marie, lấy cho tôi một chút nước, rồi đem lũ trẻ ra ngoài hay làm gì cũng được, miễn là để chúng tránh xa khỏi tôi!"

Cô chạy vọt đi, nước mắt giàn giụa.

Nghe thấy họ đã ra tới ngoài sân sau tối tăm, Ansel đánh liều xuống tầng, một bàn tay ghì chặt tay vịn. Cô đã để lại một cốc nước trên quầy bếp cạnh bồn rửa, đặt trên một chiếc khăn ăn đã gấp lại, những viên thuốc đã tan làm đục nước. Anh cầm cốc nước bằng hai tay rồi đưa lên miệng, ép mình phải nuốt. Anh rót nước vào trong cổ họng, không cho cổ họng mình có lựa chọn nào ngoài nuốt xuống. Anh uống được một chút trước khi nôn sạch phần còn lại và ho sặc sụa vào cửa sổ trên bồn rửa nhìn ra sân sau. Anh thở hổn hển, quan sát những giọt nước bắn trên ô cửa kính chảy xuống, làm nhòe hình ảnh Ann-Marie đứng sau lũ trẻ đang ngồi trên xích đu, nhìn lên bầu trời tối đen, hai tay khoanh lại, chỉ đôi lúc đẩy Haily đong đưa nhẹ.

Cái cốc trượt khỏi tay anh, đổ vào bồn rửa. Anh rời bếp để tới phòng khách, rồi ngần ngợ ngồi sụp xuống chiếc sofa ở đó. Cổ họng anh nghẹn cứng và anh thấy ốm hơn bao giờ hết.

Anh phải quay trở lại bệnh viện. Ann-Marie sẽ phải tự xoay xở một thời gian. Cô có thể làm được nếu như không còn lựa chọn nào khác. Có lẽ điều này thậm chí còn tốt cho cô...

Anh cố tập trung, xác định những gì cần làm trước khi đi. Gertie tiến vào cửa phòng, thở khê. Pap theo ngay sau, dừng lại gần lò sưởi, rồi nằm rạp xuống. Pap bắt đầu khê gầm gừ, rồi tiếng thỉnh thịch lại vang lên trong tai Ansel. Và Ansel nhận ra: âm thanh đó đến từ chúng.

Có thật thế không? Anh xuống khỏi sofa, chống hai tay hai chân bò về phía Pap, tới gần hơn để lắng nghe. Gertie rên rĩ và lùì về tường, nhưng Pap vẫn giữ nguyên tư thế nằm rạp căng thẳng. Tiếng gầm gừ lớn dần trong cổ họng nó, và Ansel tóm lấy vòng cổ của nó ngay khi con chó gắng sức nhồm dậy bỏ đi.

Bup... Bup... Bup...

Nó ở *trong* chúng. Bằng cách nào đó. Ở đâu đó. *Thứ* gì đó.

Pap rên rĩ vùng ra, nhưng Ansel, một người đàn ông to lớn hiếm khi phải sử dụng đến cơ bắp của mình, quặp cánh tay còn lại quanh cổ chú chó Saint Bernard, giữ nó trong tư thế khóa đầu. Anh ép tai mình vào cổ con chó, lông của nó chọc vào phía bên trong tai anh.

Phải rồi. Một tiếng mạch đập. Có phải tiếng máu chảy bên trong con vật này?

Chính âm thanh đó. Con chó kêu ăng ẳng, gắng sức thoát ra, nhưng Ansel ép mạnh tai hơn vào cổ con chó, cần tìm hiểu cho ra.

“Ansel?”

Anh quay phắt lại - cử động quá nhanh khiến một con đầu tê buốt nhói lên - và nhìn thấy Ann-Marie tại cửa, Benjy và Haily đứng sau cô. Haily đang ôm chân mẹ, còn thằng bé thì đứng một mình, cả hai đứa đều nhìn chăm chăm. Ansel nói lỏng tay kẹp và con chó tránh xa ra.

Ansel vẫn đang quỳ. “Em muốn gì?” anh thét lên.

Ann-Marie chết đứng ở cửa, vẻ kinh hoàng. “Em... Em không... Em định dẫn chúng đi dạo.”

“Được thôi,” anh nói. Anh hơi mềm lòng trước ánh nhìn chăm chăm của lũ trẻ, một con nghẹn cổ nữa khiến anh khản giọng. “Bố vẫn ổn,” anh nói với bọn trẻ, và lấy mu bàn tay lau sạch nước bọt. “Bố sẽ ổn thôi.”

Anh quay đầu về phía phòng bếp, lữ chó đang ở đó. Mọi suy nghĩ tốt đẹp mờ nhạt dần khi tiếng đập lại một lần nữa nổi lên. Lớn hơn trước. Đập theo nhịp.

Chúng.

Một nỗi hổ thẹn ghê tởm dâng trào trong anh, và anh rùng mình, tì nắm đấm vào thái dương.

Ann-Marie nói, “Em sẽ đưa lữ chó ra ngoài.”

“*Không!*” Anh bừng tỉnh, giờ lòng bàn tay để mở về phía cô, trong lúc vẫn quỳ trên sàn phòng khách. “*Không,*” anh nói một cách bình tĩnh hơn. Anh cố lấy lại hơi thở, cố gắng *tỏ ra* bình thường. “*Chúng ổn mà. Cứ để chúng trong nhà.*”

Cô do dự, muốn nói thêm gì đó. Muốn làm gì đó, bất cứ điều gì. Nhưng cuối cùng, cô quay người bước ra, kéo theo Benjy phía sau.

Ansel bám tường để đứng dậy và đi vào phòng tắm tầng một. Anh kéo dây bật đèn gắn trên gương, muốn nhìn rõ mắt mình. Trông như hai quả trứng màu ngà tái sáng rực với những gân đỏ. Anh gạt mồ hôi trên trán và môi trên, rồi mở miệng và cố nhìn xuống họng. Anh tưởng sẽ thấy amidan bị viêm, hay một dạng phát ban sưng trắng gì đó, nhưng nó chỉ tối đen. Anh nhắc lưỡi, bắt chập đầu đón, và nhìn xuống. Lớp đệm phía dưới đỏ và lở loét, viêm tấy, nóng đỏ như một cục than hồng. Anh chạm vào nó và cơn đau buốt như cắt não chạy qua cả hai bên hàm, siết chặt những dây thần kinh cổ. Cổ họng anh co thắt phản ứng lại, gây nên một cơn ho dữ dội, anh khạc lên gương những đốm sẫm màu. Máu, trộn với thứ gì đó trắng, có lẽ là đờm. Một vài vệt có màu gần với màu đen hơn những vệt khác, như thể anh đã mưa ra thứ cặn bã, thối rữa nào đó từ cơ thể mình. Anh với đầu ngón tay giữa quét một trong những đốm màu đen đó đưa lên mũi ngửi, rồi chà nó vào đầu ngón cái. Nó giống như một cục máu phai màu. Anh đưa nó vào đầu lưỡi, và nếm, trước khi kịp nhận ra việc mình vừa làm. Anh nhắm nháp cái cục nhỏ và mềm đó trong miệng, và rồi, sau khi nó đã tan, anh quét tiếp một đốm nữa từ gương, và lại nếm. Không rõ vị mấy, nhưng lưỡi anh có cảm giác gì đó gần như sự phục hồi.

Anh nhào người về phía trước, liếm những vệt máu khỏi mặt gương mát lạnh. Lưỡi anh đáng ra phải thấy đau khi làm vậy, nhưng, ngược lại, con đau buốt trong miệng và họng đã dịu đi. Ngay cả phần nhạy cảm nhất bên dưới lưỡi anh cũng đã đỡ đau hẳn, chỉ còn ngứa ngáy. Tiếng đập cũng đã nhỏ dần, mặc dù chẳng thể nào biến mất hẳn. Anh nhìn hình ảnh phản chiếu của mình trên chiếc gương nhuộm đỏ và cố hiểu ra vấn đề.

Con dễ chịu này gần tới phát điên. Cảm giác nghẹt thở như thể cổ họng bị siết chặt bởi một bàn tay khỏe mạnh một lần nữa trở lại, và anh rời mắt khỏi gương, lảo đảo đi ra hành lang.

Gertie rên rĩ và sợ hãi lùi bước trên hành lang, tránh xa anh, rồi phi vào phòng khách. Pap đang cào cửa sau, muốn thoát ra ngoài. Khi thấy Ansel bước vào bếp, nó cúi đi mất. Ansel đứng đó, cổ họng rần rật, rồi anh vói tay vào ngăn tủ đựng đồ của chó, lấy ra một hộp đồ ăn Milk-Bone. Anh kẹp một miếng vào giữa những ngón tay, như thường lệ, rồi đi vào phòng khách.

Gertie đang nằm dưới chân cầu thang gỗ, thu chân trong tư thế sẵn sàng vọt chạy. Ansel ngồi xuống cái ghế để chân và dứ dứ món ăn. “Lại đây nào, bé,” anh nói, bằng giọng thì thào vô cảm đến tan nát con tim.

Cái mũi nhám của Gertie phình ra, đánh hơi trong không khí.

Bụp... bụp...

“Lại đây nào, cô bé. Lấy thức ăn của mày đi.”

Nó chậm chạp dựng cả bốn chân dậy. Nó tiến lên một bước nhỏ, rồi lại dừng và đánh hơi. Bằng bản năng của mình, nó biết có gì đó không ổn với món hời này.

Nhưng Ansel vẫn giữ yên miếng bánh quy, khiến nó có vẻ an tâm. Nó bước chậm chạp trên tấm thảm, đầu cúi thấp, mắt cảnh giác. Ansel gạt đầu động viên, tiếng đập lớn dần trong đầu anh khi con chó tiến gần.

Anh nói, “Lại đây nào, Gertie, cô bé thân yêu.”

Gertie đi tới và thè cái lưỡi dài liếm nhanh cái bánh quy, quẹt lưỡi qua ngón tay anh. Nó làm thế lần nữa, muốn tin tưởng anh, muốn được ăn. Ansel giờ bàn tay còn lại ra đặt lên đầu nó,

vuốt ve nó theo cách nó thích. Nước mắt anh trào ra khi anh làm vậy. Gertie cúi mình về phía trước để hàm răng ghé sát lại cái bánh, để đớp lấy nó từ tay anh, và chính lúc đó Ansel túm vòng cổ của nó và đè cả người lên nó.

Con chó vùng vẫy bên dưới, gặm gù cổ cắn anh, con hoảng loạn của nó đã làm lộ ra một điểm yếu cho con thịnh nộ của anh. Anh lấy tay ép ngược hàm dưới của nó, rồi nâng đầu nó, khóa mồm nó một cách hiệu quả, sau đó kê miệng vào cái cổ đầy lông của nó.

Anh bập rãng vào. Anh cắn ngập qua lớp lông mềm mại, hơi trơn của nó, mở ra một vết thương. Con chó tru lên trong khi anh nếm lông của nó, lớp thịt dày mềm mại của nó nhanh chóng biến mất dưới dòng máu nóng ứa ra. Con đau từ vết cắn khiến Gertie, đang nằm bên dưới anh, trở nên điên tiết, nhưng Ansel vẫn siết chặt tay, thậm chí giữ đầu con chó ngẩng lên cao hơn, để cổ nó lộ ra hoàn toàn.

Anh đang uống máu con chó. Bằng cách nào đó, uống mà không hề nuốt. Hấp thụ. Như thể có một dạng cơ chế mới đang hoạt động trong họng mà anh không hề hay biết. Anh không tài nào hiểu nổi; anh chỉ có thể hiểu sự thỏa mãn mà anh đang cảm thấy. Hành động đó mang lại một cảm giác dễ chịu do con đau được xoa dịu. Và năng lượng. Phải rồi - năng lượng. Theo đúng kiểu rút sự sống từ sinh vật này sang sinh vật khác.

Pap tiến vào phòng, nó tru lên. Một âm thanh trầm tang thương như tiếng kèn fagôt, và Ansel phải khiến con chó giống Saint Bernard với đôi mắt buồn rười rượi này thôi làm hàng xóm sợ hãi. Trong khi Gertie đang co giật một cách yếu ớt bên dưới, anh chồm dậy, và bằng tốc độ và sức mạnh vừa được phục hồi, anh rượt theo Pap ngang qua căn phòng, xô đổ một cây đèn trong khi anh nhào tới và ôm chặt con chó lớn, vụng về trong sảnh.

Việc uống máu con chó thứ hai này đem lại cho anh một niềm khoái cảm không thể nào tả nổi. Nó đang đạt đến đỉnh điểm trong anh, như lúc áp suất trong một ống truyền dịch đạt đến mức mong muốn. Chất lỏng dễ dàng được rút ra, lấp đầy trong anh.

Ansel ngồi dậy khi đã xong xuôi, chết lặng trong một thoáng, sững sốt, mãi mới có thể trở lại với thực tại trong căn phòng. Anh nhìn xuống con chó chết trên sàn, dưới chân anh, và đột nhiên bình tĩnh, và ớn lạnh. Cảm giác hối hận lập tức dâng trào.

Anh đứng dậy nhìn Gertie, rồi nhìn xuống ngực mình, bầu lấy chiếc áo phông ướt nhẹp máu chó.

Chuyện gì đang xảy ra với mình thế này?

Vết máu trên chiếc thảm ca rô tạo thành một vệt đen bản thủ. Nhưng không nhiều lắm. Và chính lúc đó, anh nhớ ra mình đã uống nó.

Ansel tiến tới bên Gertie trước, sờ lông nó, biết rằng nó đã chết - biết rằng anh đã giết nó - và rồi, gạt nổi ghê tởm sang một bên, anh quẩn nó bên trong tấm thảm hồng. Rèn lên một tiếng, anh nâng cả bó đó lên cánh tay bê qua bếp, ra bên ngoài và đi xuống thềm tới chuồng chó ở sân sau. Vào bên trong, anh quỳ xuống, lăn tấm thảm cho con chó giống Saint Bernard nặng trĩu rơi ra, rồi để Gertie ở đó mà quay trở lại với Pap.

Anh đặt chúng bên cạnh nhau sát vách chuồng, bên dưới bảng treo dụng cụ. Nổi ghê tởm của anh trở nên xa xăm, lạ lẫm. Cổ anh còn cứng nhưng không đau, họng anh đột ngột nguội lại, đầu óc tỉnh táo. Anh nhìn vào đôi bàn tay nhuộm máu của mình và buộc phải chấp nhận điều anh chẳng thể hiểu nổi.

Chuyện anh đã làm khiến anh khỏe hơn.

Anh quay trở vào trong nhà, tới phòng tắm tầng trên. Anh cởi áo và quần đùi dính máu, thay sang bộ đồ thể thao cũ, biết rằng Ann-Marie và lũ trẻ có thể trở về bất cứ lúc nào. Trong khi đang tìm kiếm đôi giày mềm trong phòng ngủ, anh cảm thấy tiếng đập quay trở lại. Anh không nghe thấy nó: anh cảm thấy nó. Và ý nghĩa của nó khiến anh kinh hãi.

Những tiếng nói tại cửa trước.

Gia đình anh đã về nhà.

Anh xuống lại tầng dưới và ra khỏi cửa sau, vừa kịp để không bị nhìn thấy, đôi chân trần giẫm lên mặt cỏ sân sau, cố trốn chạy khỏi cảm giác rợn rùng đang tràn ngập trong đầu.

Anh hướng về lối xe vào, nhưng rồi nghe thấy những giọng nói trên con phố tối. Anh đã để cửa chuồng mở, và vì thế, trong nỗi tuyệt vọng, anh núp vào bên trong chuồng chó để trốn, đóng cả hai cửa phía sau lưng. Anh chẳng biết làm gì khác.

Gertie và Pap nằm chết sát tường. Tiếng khóc suýt chút nữa bật khỏi môi Ansel.

Mình đã làm gì thế này?

Mùa đông New York đã khiến những cánh cửa chuồng bị vênh, bởi vậy chúng không còn đóng khít hoàn toàn nữa. Anh vẫn có thể, qua khe cửa, lén nhìn Benjy đang lấy một cốc nước từ bồn rửa phòng bếp, đầu thằng bé ở chỗ khung cửa sổ, bàn tay nhỏ bé của Hailey đang vói lên.

Chuyện gì đang xảy ra với mình thế này?

Anh giống như một con chó lên con. Một con chó dại.

Mình đã mắc phải một dạng bệnh dại.

Giờ là những giọng nói. Bọn trẻ đang bước xuống các bậc thềm ở sân sau, được chiếu sáng bởi ánh đèn cảm biến trên trần, vừa đi vừa gọi lũ chó. Ansel quáng quàng nhìn quanh và chộp lấy một cái cào ở góc chuồng, xỏ nó vào các tay nắm cửa một cách nhanh chóng và nhẹ nhàng hết mức. Khóa lũ trẻ bên ngoài. Khóa chính anh bên trong.

"Ger-tie! Pa-ap!"

Giọng chúng không thật sự lo lắng, vẫn chưa. Lũ chó từng đi lạc vài lần mấy tháng trước, bởi vậy Ansel đã phải chôn một cọc thép xuống nền chuồng, để chúng có thể được xích lại an toàn vào ban đêm.

Tiếng gọi của lũ trẻ nhỏ dần đi trong tai anh, nó bị lấn át bởi tiếng đập trong đầu: nhịp đập ổn định của dòng máu tuần hoàn trong tĩnh mạch tươi trẻ của chúng. Những quả tim nhỏ bé đang đập mạnh và khỏe khoắn.

Chúa ơi.

Haily tới sát cửa. Ansel thấy đôi giày mềm màu hồng của con bé qua khe cửa dưới và co rúm người lại. Nó thử mở cửa. Cửa kêu cọt kẹt nhưng không mở ra.

Con bé gọi anh trai. Benjy tới và lắc cánh cửa bằng tất cả

sức mạnh của một cậu bé tám tuổi. Bốn bức tường lung lay, nhưng cái cào chốt cửa vẫn giữ chắc.

Bùm bụp... bùm bụp... bùm...

Máu của chúng. Đang mời gọi anh. Ansel rùng mình và hướng hết sự tập trung vào cọc xích chó phía trước. Nó được chôn sâu gần hai mét, bọc trong một khối bê tông vững chãi. Đủ khỏe để giữ hai con chó giống Saint Bernard trong con đồng ngày hè. Ansel nhìn lên giá tường và thấy một chiếc vòng cổ có xích nữa vẫn còn dán nhãn giá. Anh nhớ mình còn có một cái móc cũ ở đâu đó trong đây.

Anh đợi cho tới khi lũ trẻ đã cách một khoảng đủ an toàn rồi mới với tay kéo chiếc vòng cổ bằng thép xuống.

Cơ trưởng Redfern, trong trang phục bệnh nhân, được đặt nằm trên cang bên trong tấm rèm nhựa trong suốt, môi anh ta mở ra trông gần như nhăn nhó, hơi thở sâu nặng nhọc. Do Redfern ngày càng trở nên khó chịu khi đêm xuống, anh ta được cho đủ liều thuốc mê để thiếp đi trong vài giờ. Họ cần anh ta nằm yên để chụp hình. Eph hạ độ sáng đèn trong phòng và bật cái đèn Luma của anh, một lần nữa rọi vào vết sáng tím trên cổ Redfern, muốn nhìn lại vết sẹo lần nữa. Nhưng giờ đây, khi các ánh đèn khác chỉ sáng lờ mờ, anh thấy một thứ khác. Một chuyển động gọn sóng kỳ lạ chạy dọc lớp da Redfern - hay, đúng hơn là *bên dưới* da anh ta. Như bệnh khám, hay vảy nến, ung nhọt xuất hiện ngay dưới da thịt, có màu đen và xám.

Khi anh đưa đèn Luma tới gần để xem xét kỹ hơn, vết mờ dưới da phản ứng lại. Nó cuộn lại và ngo ngoậy, như thể cố gắng thoát khỏi ánh sáng.

Eph lùi lại, chiếu đèn ra chỗ khác. Khi ánh sáng tử ngoại rời khỏi da Redfern, người đàn ông đang ngủ này trông có vẻ bình thường.

Eph lại rọi đèn, lần này ánh đèn tử ngoại chiếu trên mặt Redfern. Hình ảnh hiện lên dưới ánh sáng, phần dưới da vằn vện, trông giống như mặt nạ. Như thể có con người thứ hai

ẩn náu bên dưới khuôn mặt của viên phi công, lão hóa và dị dạng. Một bộ mặt hung dữ, một cái ác đã thức dậy bên trong khi người đàn ông bị ốm đang ngủ. Eph đưa đèn tới gần hơn... và bóng đen bên trong lại gọn sóng, gần như làm thành vẻ mặt nhăn nhó, cố gắng trốn đi.

Redfern mở mắt. Đường như tỉnh giấc bởi ánh sáng. Eph giật mình lùi lại, bất ngờ trước cảnh tượng đó. Lượng thuốc gây mê trong người viên phi công này phải đủ cho hai người. Anh ta đã được gây mê quá sâu để có thể tỉnh lại.

Mắt Redfern mở to, nhìn chòng chọc. Anh ta nhìn thẳng lên trần nhà, có vẻ sợ hãi. Eph hướng đèn đi chỗ khác và tiến vào tầm nhìn của anh ta.

“Cơ trưởng Redfern?”

Môi viên phi công mấp máy. Eph cúi gần hơn, muốn nghe rõ điều Redfern đang cố nói.

Anh ta khó nhọc mấp máy đôi môi, “Hắn đang ở đây.”

“Ai đang ở đây, cơ trưởng Redfern?”

Mắt Redfern nhìn trùng trùng, như thể phải chứng kiến một cảnh tượng kinh khủng đang diễn ra trước mắt.

Anh ta nói, “Ông Địa.”

Hồi lâu sau, Nora quay trở lại, bắt gặp Eph đang đi ra hành lang từ phòng chụp X-quang. Họ đứng nói chuyện trước một bức tường đầy những tranh chì màu của các bệnh nhân nhỏ tuổi thể hiện lòng biết ơn. Anh kể cho cô nghe về những gì mình đã thấy bên dưới da Redfern.

Nora nói, “Ánh sáng tử ngoại từ đèn Luma của chúng ta - chẳng phải đó là ánh sáng cực tím quang phổ thấp sao?”

Eph gật đầu. Anh cũng đang nghĩ về ông lão bên ngoài nhà xác.

“Em muốn xem,” Nora nói.

“Redfern giờ đang ở trong phòng chụp X-quang,” Eph bảo cô. “Ta cần gây mê anh ta sâu hơn nữa để chụp cộng hưởng từ.”

“Em đã có kết quả từ máy bay,” Nora nói, “thứ chất lỏng bắn quanh đó ấy. Hóa ra anh đã đúng. Có amoniac và phốt pho...”

“Anh biết mà...”

“Nhưng còn có cả oxalic, sắt và axit uric. Huyết tương.”

“Cái gì?”

“Huyết tương nguyên chất. Và rất nhiều enzym.”

Eph đỡ trán như thể đang tự đo thân nhiệt. “Giống trong quy trình tiêu hóa ư?”

“Giờ nó có gọi anh nghĩ đến thứ gì không?”

“Chất thải. Chim, doi. Giống như phân chim, doi. Nhưng làm sao...”

Nora lắc đầu, cảm thấy vừa phấn khích vừa hoang mang. “Ai đó, hay thứ gì đó trên cái máy bay... đã thải ra một bãi lớn trong khoang.”

Trong khi Eph đang cố vắt óc suy nghĩ về điều đó, một người đàn ông trong trang phục nhân viên bệnh viện hối hả chạy xuống hành lang, gọi tên anh. Eph nhận ra anh ta, nhân viên kỹ thuật trong phòng chụp MRI.

“Bác sĩ Goodweather... tôi không biết có chuyện gì nữa. Tôi chỉ vừa mới ra ngoài lấy ít cà phê. Tôi đi khỏi chưa tới năm phút.”

“Ý anh là sao? Chuyện gì vậy?”

“Bệnh nhân của anh. Anh ta đã biến mất khỏi phòng chụp.”

Jim Kent đang ở tầng dưới, gần cửa hàng quà tặng đã đóng cửa, tách biệt khỏi những người khác, nói vào điện thoại. “Giờ họ đang chụp chiếu cho anh ta,” anh ta nói với người ở đầu dây bên kia. “Tình hình anh ta có vẻ tệ đi khá nhanh, thưa ông. Vâng, họ sẽ có ảnh chụp scan sau vài giờ nữa thôi. Không... không có tin gì về những người sống sót khác. Tôi nghĩ ông muốn biết. Vâng, thưa ông, tôi đang ở một mình...”

Anh ta bị phân tâm khi nhìn thấy một người đàn ông dáng cao tóc đỏ mặc bộ đồ bệnh nhân, đang đi loạng choạng xuôi hành lang, kéo lê theo những ống truyền dịch đang cắm trên tay. Nếu Jim không nhầm, đó là cơ trưởng Redfern.

“Thưa ông, tôi... có chuyện gì đó đang xảy ra... tôi sẽ gọi lại cho ông sau.”

Anh ta đập máy và gỡ tai nghe khỏi tai, tống nó vào túi áo khoác rồi đuổi theo người đàn ông đang cách vài chục mét. Bệnh nhân này hơi chậm lại một thoáng, quay đầu lại như thể đã nhận thấy kẻ bám đuôi.

“Cơ trưởng Redfern?” Jim nói.

Bệnh nhân này tiếp tục rẽ qua một khúc quanh, và Jim đuổi theo, nhưng rồi khi tới đúng khúc quanh đó, anh ta phát hiện ra hành lang vắng tanh.

Jim kiểm tra các biển gắn cửa. Anh ta thử mở cánh cửa có tấm biển ghi THANG BỘ và ngó xuống khe cầu thang hẹp tại khu vực trung gian giữa các tầng. Anh ta nhìn thấy một ống truyền dịch đang chuyển động xuống các bậc.

“Cơ trưởng Redfern?” Jim gọi, giọng vang vọng qua các tầng cầu thang. Anh ta lóng ngóng vừa xuống tầng vừa rút điện thoại, muốn gọi Eph. Màn hình hiển thị MẮT SÓNG, bởi lúc này anh ta đang ở dưới tầng hầm. Anh ta đẩy cánh cửa thông vào sảnh tầng hầm và, bị chiếc điện thoại làm sao nhãng, chẳng hề nhìn thấy Redfern đang lao tới từ bên hông.

Trong lúc đang tìm kiếm khắp bệnh viện, Nora đi qua cánh cửa dẫn từ cầu thang vào sảnh tầng hầm và thấy Jim đang ngồi dựa tường, chân giạng ra. Mặt anh ta có vẻ buồn ngủ.

Cơ trưởng Redfern đang đứng chân trần ngay bên anh ta, tấm lưng trần trong trang phục bệnh nhân quay về phía cô. Thứ gì đó lúng lẳng trên miệng anh ta, nhỏ máu xuống sàn.

“Jim!” cô hét lên, nhưng Jim chẳng có bất cứ phản ứng nào trước giọng nói của cô. Tuy nhiên, cơ trưởng Redfern thì cứng người lại. Khi anh ta quay về phía cô, Nora không nhìn thấy gì trong miệng anh ta. Cô bị sốc bởi màu da anh ta, trước đó khá tái, giờ lại đỏ hồng và căng tràn sức sống. Mặt trước của bộ đồ bệnh nhân nhuộm máu, máu cũng dính cả quanh môi anh ta. Thoạt đầu, cô nghĩ anh ta đã bị lên cơn động kinh. Cô sợ anh ta đã tự cắn phải lưỡi và đang nuốt máu.

Tới gần hơn, phán đoán của cô trở nên thiếu chắc chắn hơn. Đồng tử của Redfern đen kịt, cũng mạc đỏ, trong khi đáng

ra phải có màu trắng. Mồm anh ta há ra một cách lạ thường, lỏng lẻo, như thể hàm anh ta vừa được hạ xuống thấp hơn. Và anh ta toát ra hơi nóng vô cùng, nóng hơn bất kỳ cơn sốt tự nhiên thông thường nào.

“Cơ trưởng Redfern,” cô nói, liên tục gọi anh ta, cố gắng kéo anh ta thoát khỏi cơn chấn động. Anh ta tiến về phía cô với vẻ thèm khát trong đôi mắt mờ đục. Jim vẫn ngồi sụp trên sàn, không cử động. Redfern tỏ ra vô cùng hung bạo, và Nora ước gì mình có một thứ vũ khí. Cô nhìn quanh, chỉ thấy một chiếc điện thoại bệnh viện, mã báo động 555.

Cô chộp lấy ống nghe trên tường, chỉ vừa kịp cầm lấy nó trên tay thì Redfern tấn công, ném cô xuống sàn. Nora vẫn giữ ống nghe, dây điện thoại bị kéo tuột khỏi tường. Redfern mạnh đến điên cuồng, anh ta đè lên cô và ghì chặt cánh tay cô xuống mặt sàn bóng loáng. Mặt anh ta căng ra và cổ họng giật giật. Cô nghĩ anh ta sắp nôn vào người cô.

Nora đang la hét thì Eph lao tới từ cửa cầu thang, nhào người vào nửa thân trên của Redfern, khiến anh ta ngã nhào, tách khỏi Nora. Eph đứng thẳng dậy và giơ một tay cảnh cáo về phía bệnh nhân của mình, lúc này đang lết dậy khỏi sàn. “Đợi đã...”

Redfern phát ra một tiếng rít. Không giống tiếng rần, mà là tiếng khàn từ cổ họng. Đôi mắt đen vô cảm và trống rỗng khi anh ta hé miệng mỉm cười. Hay có vẻ mỉm cười, dùng chính những cơ mặt đó - chỉ có điều, khi mồm anh ta mở ra, nó cứ mở mãi.

Hàm dưới anh ta xệ xuống và một thứ thịt hồng gì đó, nhưng không phải lưỡi, ngo nguậy thò ra. Nó dài hơn, khỏe hơn, phức tạp hơn... và uốn éo. Như thể anh ta đã nuốt phải một con mực sống, và một trong những xúc tu của nó vẫn đang quờ quạng một cách vô vọng trong miệng anh ta.

Eph bật lùi lại. Anh chộp lấy giá treo túi truyền dịch để khỏi ngã, và rồi lộn ngược nó lại, sử dụng nó như một cây gậy để giữ không cho Redfern cùng thứ trong miệng anh ta lại gần. Redfern vồ lấy cái giá thép và thứ trong miệng anh ta phóng

ra. Nó vươn dài hơn cả cái giá hai mét treo túi truyền dịch, Eph xoay người tránh vừa kịp lúc. Anh nghe thấy tiếng đập vào tường của phần đầu cái thứ đó - hẹp và trông như một cái ngòi chích bằng thịt. Redfern vung cái giá sang một bên, đập nó vỡ thành hai khúc, và Eph cùng nó ngã ngửa vào một căn phòng.

Redfern theo sau tiến vào, đôi mắt đen-đỏ vẫn toát lên vẻ đói khát. Eph điên cuồng tìm kiếm xung quanh bất cứ thứ gì có thể giúp anh giữ tên kia tránh xa khỏi mình, nhưng chỉ thấy một cái khoan trephine đang cắm trong ổ sọc trên kệ tủ. Khoan trephine là dụng cụ phẫu thuật có một lưỡi dao hình trụ xoay tròn thường được dùng để cắt mở hộp sọ trong khám nghiệm tử thi. Lưỡi dao vù vù khởi động, và Redfern tiến tới, ngòi chích của anh ta rụt lại gần hết nhưng vẫn còn thè ra, những hạch thịt nổi lên ở hai bên. Trước khi Redfern có thể tấn công lần nữa, Eph cố gắng cắt đứt thứ đó.

Anh trượt, nhưng dù sao cũng phạt được một nhát vào cổ người phi công. Máu trắng phụt ra, giống thứ anh đã thấy ở nhà xác, không bắn tóe ra mà chảy xuống phía trước. Eph hạ cửa xuống trước khi lưỡi dao quay vù vù có thể làm bắn thứ đó vào anh. Redfern túm cổ anh, và Eph nhặt vật nặng gần nhất anh có thể tìm thấy, một bình cứu hỏa. Anh dùng đáy bình đập liên hồi vào mặt Redfern - nhắm chủ yếu vào cái đầu chích góm guốc của anh ta. Eph đập hai phát nữa, đầu Redfern bật ngửa ra sau cú nện cuối cùng, cột sống kêu rắc một tiếng.

Redfern đổ nhào, cơ thể bất động. Eph thả bình cứu hỏa và loạng choạng lùi ra sau, khiếp sợ nhìn việc mình đã làm.

Nora xông tới, cầm sẵn một khúc gỗ của giá treo túi truyền dịch làm vũ khí, và rồi thấy Redfern đã nằm một đống. Cô vút gậy nhào tới Eph, và anh ôm cô trong vòng tay.

“Em ổn chứ?” anh hỏi.

Cô gật đầu, đưa tay lên bịt miệng. Cô chỉ vào Redfern, và Eph nhìn xuống, thấy những con giun đang trườn ra từ cổ anh ta. Những con giun đỏ, như thể đầy ặc máu, tràn ra khỏi cổ Redfern như lũ gián bò khỏi căn phòng khi đèn bật sáng. Eph và Nora quay trở ra cánh cửa đang mở.

“Chuyện quái gì vừa xảy ra vậy?” Eph nói.

Nora bỏ tay ra khỏi miệng. “Ông Địa,” cô nói.

Họ nghe thấy một tiếng rên từ hành lang - Jim - và lao ra xem tình hình anh ta.



PHỤ LỤC III

BAO LOẠN, 1943

CẢ THÁNG TÁM NÓNG NHƯ ĐỔ LỬA VÀ ABRAHAM Setrakian, đang đặt các thanh xà để làm mái treo, cảm thấy sức nặng của nó rõ hơn ai hết. Mặt trời thiêu đốt anh, ngày nào cũng như ngày nào. Dù vậy, anh còn kinh sợ buổi đêm hơn - sợ chiếc giường tầng và những giấc mơ về quê nhà, thứ từng là cách duy nhất giúp anh vực dậy tinh thần trước sự ghê rợn trong trại hành quyết - và giờ đây anh trở thành con tin của hai kẻ tàn ác như nhau.

Sinh vật Bóng tối, Sardu, giờ viếng thăm trại của Setrakian theo một lịch trình đều đặn hai lần mỗi tuần, và có lẽ với các trại khác cũng thế. Nhiều cái chết xảy ra mà cả lính gác lẫn tù nhân đều không hề hay biết. Lính gác người Ukraine thường gạch tên những người chết coi đó là do tự sát, còn đối với SS, đó chỉ là một thay đổi trong sổ sách.

Suốt nhiều tháng sau ngày Sardu đến trại lần đầu, Setrakian - bị ám ảnh bởi mong muốn đánh bại con quỷ đó - đã tận dụng mọi cơ hội có thể để tìm hiểu từ những tù nhân người địa phương về một hầm mộ La Mã cổ nằm ở đâu đó trong rừng sâu. Giờ thì anh tin chắc đó chính là hang ổ của Sinh vật kia, là nơi nó xuất phát hàng đêm để đi giải tỏa cơn khát vô đạo của mình.

Chính vào hôm đó, Setrakian đã thực sự hiểu thế nào là một cơn khát đúng nghĩa. Các bình nước liên tục được các tù nhân chuyển tay nhau, dù vậy nhiều người vẫn trở thành nạn nhân của cơn sốt nhiệt. Ngày hôm đó cái hố cháy được no nê

xác chết. Setrakian đã xoay xử thu thập đủ những thứ cần thiết: một cây gậy dài thô bằng gỗ sồi trắng, một mẩu bạc để làm đầu bịt. Đó là phương cách cổ xưa để trừ khử bọn *strigoi*, ma cà rồng. Anh đã dành nhiều ngày vót nhọn đầu gậy trước khi gắn bạc lên. Nguyên việc lén đem nó vào trại cũng đã chiếm tới quá nửa thời gian của hai tuần lên kế hoạch. Anh giấu nó trong một khoảng trống ngay dưới giường của mình. Nếu lính gác mà phát hiện ra nó, anh sẽ bị hành hình ngay tại chỗ, bởi hiển nhiên một vật bằng gỗ cứng có hình dạng như vậy chính là vũ khí.

Đêm hôm trước, Sardu đã tới trại muộn, muộn hơn thường lệ. Setrakian nằm im, kiên nhẫn chờ cho tới lúc nó bắt đầu đánh chén một nạn nhân Romania yếu ớt. Anh thấy kinh sợ và hối hận, thậm chí xin được tha thứ - nhưng đó là phần cần thiết cho kế hoạch của anh, vì cái sinh vật đã lưng lửng bụng sẽ ít cảnh giác hơn.

Ánh sáng xanh nhạt lúc sắp bình minh chiếu qua các ô cửa sổ nhỏ có lắp mắt lưới ở đầu phía Đông của trại. Đó chính là thời điểm Setrakian chờ đợi. Anh chích ngón tay trở của mình, làm một giọt máu đỏ thẫm nhỏ ra từ lớp da khô. Ấy thế nhưng anh vẫn hoàn toàn bất ngờ trước những gì xảy ra tiếp theo.

Anh chưa lần nào nghe thấy Sinh vật đó phát ra âm thanh. Nó tiến hành bữa tiệc vô đạo của mình trong sự im lặng tuyệt đối. Nhưng bây giờ, trước mùi máu trẻ trung của Setrakian, nó *rên* lên. Âm thanh gọi Setrakian nhớ đến tiếng ken két của gỗ khô bị vặn xoắn, hoặc tiếng róc rách của nước chảy vào một ống xả bị tắc.

Chỉ trong tích tắc, Sinh vật đó đã tới bên Setrakian.

Trong khi chàng trai thận trọng rút tay lại để với lấy chiếc cốc, cả hai nhìn thẳng vào mắt nhau. Setrakian không thể rời mắt khỏi nó trong khi nó tiến tới gần giường anh.

Sinh vật đó mỉm cười với anh.

“Lâu lắm rồi chúng ta không nhìn vào mắt người sống trong lúc ăn,” Sinh vật đó nói. “Lâu lắm rồi...”

Hơi thở của nó có mùi của đất và xác chết, còn lưới nó lách cách trong miệng. Giọng trầm đục của nó nghe như tập

hợp của rất nhiều giọng nói, tuôn ra như được làm trơn bằng máu người.

“Sardu...” Setrakian thì thầm, không thể giữ riêng cái tên đó cho mình.

Đôi mắt tròn nhỏ rực cháy của Sinh vật đó mở to ra, và trong thoáng chốc, chúng trông gần giống như mắt người.

“Đâu phải chỉ một mình ông ta trong cơ thể này,” nó rít lên. “Sao ngươi dám gọi tên ông ta?”

Setrakian nắm chặt cây cọc sau giường, từ từ kéo nó ra...

“Một người đàn ông có quyền được gọi bằng chính tên của mình trước khi về với Chúa,” Setrakian nói, với sự ngay thẳng của tuổi trẻ.

Sinh vật đó cười khùng khục thích thú. “Vậy thì, chàng trai trẻ, ngươi có thể nói với ta tên của ngươi...”

Đúng lúc đó Setrakian hành động, nhưng cái đầu gây bực bực gây ra một tiếng soạt nhỏ, làm lộ sự hiện diện của nó một tích tắc trước khi nó kịp lao vào tim của Sinh vật kia.

Nhưng một tích tắc thôi đã đủ. Sinh vật đó xòe móng vuốt chặn đứng vũ khí của anh khi nó cách ngực Sinh vật kia chưa đầy ba phân.

Setrakian cố thoát ra, chống trả bằng cánh tay còn lại, nhưng Sinh vật đó cũng chặn nốt cánh tay ấy. Ngòi đốt của nó chĩa vào một bên cổ Setrakian - một vết cắt dài và sâu, được thực hiện nhanh như chớp, đủ để tiêm vào người anh chất gây tê liệt.

Lúc này nó giơ cả hai tay túm chặt chàng trai. Nó nhắc anh lên khỏi giường.

“Nhưng ngươi sẽ không về với Chúa,” Sinh vật đó nói. “Bởi ta quen biết hần, và ta biết hần *hết thời rồi...*”

Setrakian sắp ngất đi do hai bàn tay bị những móng vuốt của nó siết chặt với sức mạnh của một chiếc kẹp ê tô. Hai bàn tay đã giúp anh sống sót lâu đến thế trong cái trại này. Não anh muốn vỡ tung vì đau, miệng há hốc, thở hỗn hển cố hấp thụ không khí vào phổi, nhưng anh quyết không kêu một tiếng.

Sinh vật kia nhìn sâu vào mắt Setrakian, nhìn thấu tâm hồn anh.

“Abraham Setrakian,” nó rên lên vì khoái trá. “Một cái tên mới mềm mại, ngọt ngào làm sao, cho một chàng trai tràn trề sức sống...” Nó gí sát mặt lại gần. “Mà tại sao lại muốn tiêu diệt ta, nhóc? Sao ta lại đáng nhận sự phẫn nộ của ngươi, trong khi ngươi còn thấy nhiều cái chết hơn thế những khi ta vắng mặt. Ở đây ta không phải quái vật. Chính là Chúa. Chúa của ngươi và của ta, người Cha lơ đãng, kẻ đã bỏ rơi chúng ta từ cách đây rất lâu... Trong mắt ngươi, ta nhìn thấy thứ mà ngươi sợ hơn cả, anh bạn trẻ Abraham, và đó không phải ta... Đó là cái hố. Vậy thì ngươi sẽ thấy chuyện gì xảy ra khi ta cho nó tiêu hóa ngươi, và Chúa chả làm gì để ngăn chặn chuyện đó.”

Và rồi, với một tiếng rắc tàn bạo, Sinh vật đó bóp vỡ xương hai bàn tay của chàng Abraham trẻ tuổi.

Chàng trai đổ vật xuống sàn, cuộn người đau đớn, những ngón tay bị nghiền nát thu vào trước ngực. Anh ngã vào trong một vùng ánh nắng nhọt nhạt.

Bình minh.

Sinh vật nọ rít lên, định xắn lại gần anh lần nữa.

Nhưng tù nhân trong trại bắt đầu lục tục thức dậy, và trong khi Abraham trẻ tuổi ngất đi, Sinh vật đó biến mất.

Trước khi điểm danh, Abraham được phát hiện bị thương và chảy máu. Anh được chuyển đến trạm xá nơi các tù nhân bị thương một đi không trở lại. Một thợ mộc với đôi tay hồng thì chẳng còn tác dụng gì cho trại, và ngay lập tức giám thị chấp thuận loại bỏ anh. Anh bị lôi ra hố cháy cùng những người đã không qua nổi buổi điểm danh, bị bắt quỳ xuống thành một hàng. Khói đen đặc nhầy nhựa che khuất vàng mặt trời trên cao đang tàn nhẫn trút lửa xuống. Setrakian bị lột trần, bị kéo đến sát mép hố, và anh thu đôi tay bị hủy hoại vào lòng, rùng mình khiếp hãi nhìn xuống hố.

Hố cháy. Những ngọn lửa đói khát vụn vụn, khói nhóp nhúa cuộn lên cao trong một vũ điệu ba lê thối miên. Và nhịp điệu của nghi thức hành hình - tiếng súng nổ, tiếng lên đạn, tiếng lanh canh của vỏ đạn rơi xuống và lăn trên mặt đất bắn - ru anh vào trạng thái ngủ liệm. Anh trừng trừng nhìn ngọn lửa

đang tiêu hủy thịt và xương, đem một con người trở lại thành thứ vốn hình thành nên anh ta: đơn thuần là vật chất. Những bị thịt không còn dùng được, có thể tiêu hủy, có thể cháy - dễ dàng chuyển về trạng thái carbon nguyên thủy.

Sinh vật đó là một chuyên gia gieo rắc kinh hoàng, nhưng nỗi kinh hoàng do con người gây ra này còn vượt ra ngoài mọi sự tưởng tượng. Không chỉ là một hành động máu lạnh, mà còn vì nó được thực thi một cách có lý trí, không hề bị ép buộc. Đó là một lựa chọn. Việc giết chóc không liên quan gì tới cuộc chiến, và không phục vụ cho một mục đích nào khác ngoài cái ác. Con người đã chọn làm điều này với đồng loại của mình và nghĩ ra những lý do, những địa điểm cùng những chuyện hoang đường để thỏa mãn mong muốn của mình theo một cách logic và có hệ thống.

Trong khi tên sĩ quan Quốc Xã máy móc bắn vào gáy từng người một và đá họ rơi xuống cái hố đang cháy, ý chí của Abraham dần tiêu tan. Anh thấy buồn nôn, không phải do mùi hay cảnh tượng mà do nhận thức - một sự chắc chắn - rằng Chúa không còn ở trong trái tim anh nữa. Chỉ có cái hố này.

Chàng trai đang khóc than cho sự thất bại của mình và sự sụp đổ của lòng tin thì cảm thấy nòng của khẩu Luger áp vào làn da trần...

Một nòng súng khác chĩa vào cổ...

Và rồi anh nghe thấy tiếng súng. Từ phía bên kia bãi, một nhóm tù nhân lao công đã chiếm được các tháp canh và đang giành quyền kiểm soát trại, bắn vào bất cứ ai mặc quân phục trong tầm ngắm.

Người đàn ông ở phía sau anh bỏ đi. Để mặc Setrakian vẫn đang quỳ bên miệng hố.

Một tù nhân người Ba Lan kể bên anh trong hàng đứng bật dậy và bắt đầu chạy - và ý chí bỗng trở lại trong cơ thể chàng trai Setrakian. Hai tay áp vào sát ngực, anh vùng dậy chạy, trần truồng, về phía hàng rào dây thép gai được nguy trang.

Súng nổ khắp quanh anh. Lính gác và tù nhân tóe máu và ngã xuống. Giờ là khói, không chỉ từ hố cháy: lửa bắt đầu bốc

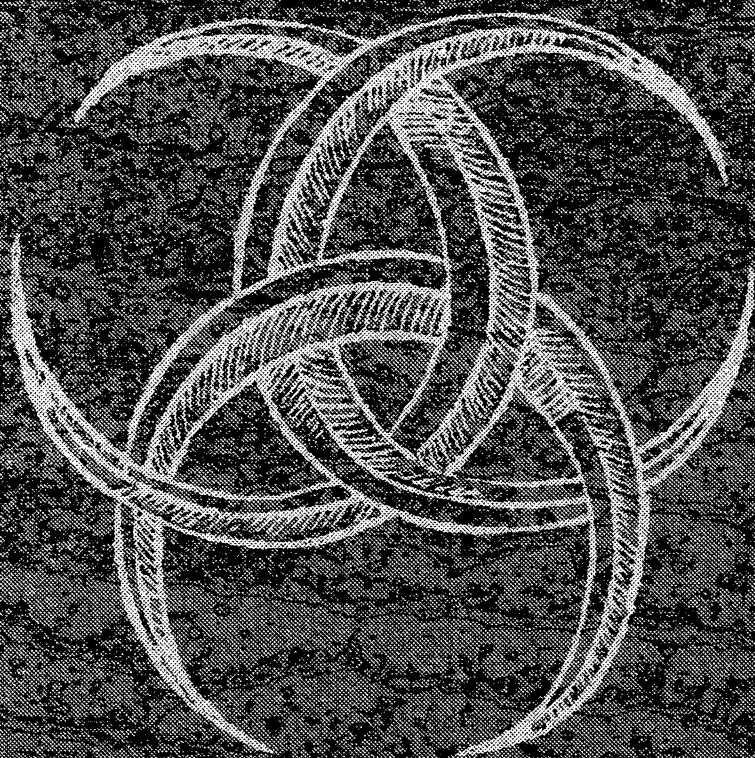
lên khắp trại. Anh tới được chỗ hàng rào, cùng một số người khác, rồi bằng cách nào đó, được những cánh tay không quen biết nâng lên cao, một việc anh không thể làm với hai bàn tay bị thương, anh rơi xuống phía bên kia hàng rào.

Anh nằm trên mặt đất, đạn súng trường và súng máy cày tung đất xung quanh - và lại một lần nữa, những bàn tay và cánh tay tử tế lại xốc anh dậy, nâng anh đứng thẳng. Và khi những người trợ giúp vô danh ấy bị đạn bằm nát, Setrakian vẫn chạy và chạy, và anh nhận ra mình đang khóc... vì khi Chúa vắng mặt, anh đã tìm thấy Con Người. Con người giết con người, con người giúp con người, cả hai đều vô danh: tai ương và phúc lành.

Vấn đề là sự lựa chọn.

Anh chạy hàng dặm, trong lúc quân tiếp viện Áo tới gần. Hai bàn chân rách toạc, ngón chân tả toi vì đá, nhưng không gì có thể ngăn Setrakian được nữa khi giờ đây anh đã ở bên ngoài hàng rào. Chỉ có một mục đích⁴ choán lấy tâm trí anh khi anh cuối cùng cũng chạy tới bìa rừng và ngã vào bóng tối, trốn trong bóng đêm.

BINH MINH



Trụ sở cảnh sát số 17,
phố 51 Đông, Manhattan

Setrakian trở mình, cố lấy tư thế thoải mái trên chiếc ghế dài đặt sát tường phòng tạm giam của trụ sở cảnh sát. Ông đã phải đợi suốt đêm trong khu vực đăng ký ộp kính, mắc kẹt cùng một đám trộm cắp, say rượu, biến thái hiện lúc này cũng đang ở cùng ông. Trong quãng chờ đợi dài dằng dặc đó, ông đã có đủ thời gian suy nghĩ về cảnh tượng mình đã gây ra bên ngoài văn phòng pháp y, và nhận ra ông đã làm hỏng cơ hội tốt nhất để tiếp cận bác sĩ Goodweather của cơ quan kiểm soát dịch bệnh liên bang.

Rõ ràng ông đã bị đưa đi như một ông già điên. Có lẽ ông đã trật bước. Lão đảo như một con quay trong những vòng quay cuối của nó. Có thể những năm tháng chờ đợi thời điểm này, sống trong cái lằn ranh giữa nỗi sợ hãi và niềm hy vọng, đã gây nên tác hại.

Một phần của tuổi già là liên tục tự kiểm soát mình. Bám chắc tay vịn cầu thang. Đảm bảo ta vẫn là chính ta.

Không. Ông biết mình biết điều gì. Vấn đề duy nhất của ông bây giờ là ông đã phát điên vì tuyệt vọng. Giờ ông ở đây, bị giam giữ trong một trụ sở cảnh sát ở Midtown Manhattan, trong khi quanh ông...

Động não đi, lão già ngu ngốc. Hãy tìm cách thoát khỏi đây. Lão đã từng thoát khỏi những hoàn cảnh còn tệ hơn thế này rất nhiều kia mà.

Ông tua lại trong đầu cảnh tượng lúc ở khu vực đăng ký. Giữa lúc ông đang khai tên tuổi địa chỉ, và nghe giải thích vì sao mình lại bị buộc tội phá rối trật tự và xâm nhập bất hợp pháp, đồng thời ký vào tờ khai những vật sở hữu theo người là chiếc gậy đi đường ("Đây là một món đồ cá nhân cực kỳ quan trọng đối với tôi," ông nói với viên trung sĩ) cùng mấy viên thuốc trợ tim, một thanh niên gốc Mexico khoảng mười tám, mười chín tuổi được đưa vào, tay bị còng sau lưng. Cậu ta trông toi tả vì bị đánh, mặt mũi xước xước, áo rách toang.

Cái đập vào mắt Setrakian là mấy lỗ thủng cháy sém trên chiếc quần đen và áo sơ mi của cậu ta.

"Chuyện này thật *vớ vẩn!*" cậu thanh niên nói, hai tay vẫn bị còng phía sau, ngả người ra sau trong lúc vẫn bị mấy thanh tra đẩy về phía trước. "Thằng đó bị *điên*. Nó bị *dại*, trần truồng, chạy trên đường phố. Tấn công mọi người. Nó xông vào *chúng tôi!*" Mấy thanh tra đẩy mạnh cậu ta xuống ghế. "Các anh không nhìn thấy nó. Thằng chó chết đó đổ máu *trắng*. Trong mồm nó có cái thứ... *cái thứ* chết giẫm nào đó! Nó không phải *người!*"

Một trong những thanh tra đó tiến lại chỗ quầy đăng ký của viên trung sĩ mà Setrakian đang làm thủ tục, lau mồ hôi mặt bằng một chiếc khăn giấy. "Một thằng *Mẽ* điên khùng. Hai tiền án vị thành niên, vừa qua mười tám. Lần này nó giết một người đàn ông, khi đánh nhau. Nó và thằng bạn, hẳn là đã xông vào ông ta, lột quần áo của ông ta. Định trấn lột ông ta ngay chính giữa Quảng trường Thời đại."

Viên trung sĩ tròn mắt tỏ vẻ ngạc nhiên rồi lại tiếp tục mở bàn phím. Anh ta hỏi Setrakian thêm một số câu khác, nhưng ông đâu còn nghe thấy anh ta. Ông gần như không còn cảm thấy chiếc ghế bên dưới mình, hay đôi bàn tay bị biến dạng do chấn thương ngày nào nữa. Một cơn hoảng loạn xâm chiếm lấy ông khi nghĩ tới chuyện một lần nữa phải đối mặt với kẻ vô hình đó. Ông nhìn thấy tương lai. Ông thấy những gia đình tan nát, sự hủy diệt, con hấp hối của sự diệt vong. Bóng tối chế ngự ánh sáng. Quý dữ trên trái đất.

Tại thời điểm đó Setrakian có cảm giác mình như người đàn ông già nhất hành tinh.

Đột ngột, cơn hoảng loạn tâm tối của ông bị thay thế bởi một thôi thúc cũng tâm tối như vậy: trả thù. Cơ hội thứ hai. Sự phản kháng, trận chiến - cuộc chiến tranh sắp diễn ra - nó sẽ phải bắt đầu bởi ông.

Strigoi.

Đại dịch đã bắt đầu.

Khu vực cách ly, Trung tâm Y tế Jamaica

JIM KENT, vẫn đang mặc bộ quần áo đi đường, nằm trên giường bệnh, lấp bắp, "Thật là vớ vẩn. Tôi thấy khỏe mà."

Eph và Nora đứng ở hai bên giường. "Vậy chúng ta cứ coi đó là biện pháp phòng ngừa nhé," Eph nói.

"Chẳng có chuyện gì cả. Anh ta chắc đã húc ngã tôi khi tôi đi qua cửa. Có lẽ tôi bị choáng một lúc. Có lẽ bị chấn động nhẹ."

Nora gật đầu. "Chỉ là... anh là một trong số chúng ta, Jim. Chúng tôi cần chắc chắn là mọi thứ đều đã được kiểm tra."

"Nhưng... sao lại ở khu cách ly?"

"Sao lại không chứ?" Eph cố mỉm cười. "Chúng ta ở đây sẵn rồi. Và nhìn kia - có cả một khu của bệnh viện này dành cho anh. Chế độ tốt nhất ở thành phố New York này đấy."

Nụ cười của Jim cho thấy anh ta không bị thuyết phục. "Thôi được," cuối cùng anh ta nói. "Nhưng ít ra cũng cho tôi lấy lại điện thoại của mình chứ, để tôi còn cảm thấy là mình đang đóng góp gì đó?"

Eph nói, "Tôi nghĩ chúng ta có thể thu xếp việc này. Sau vài xét nghiệm nữa."

"Và... xin hãy nói với Sylvia rằng tôi ổn. Cô ấy sẽ hoảng loạn lắm."

"Tất nhiên rồi," Eph nói. "Chúng tôi sẽ gọi cho cô ấy ngay khi ra khỏi đây."

Họ bước ra, bàng hoàng, dừng lại trước khi rời khỏi khu cách ly. Nora nói, “Chúng ta phải nói cho anh ấy biết.”

“Nói cái gì?” Eph nói, hơi quá xẵng giọng. “Trước hết chúng ta cần tìm hiểu mình đang đối mặt với thứ gì đã.”

Bên ngoài khu cách ly, một phụ nữ với mái tóc xù được buộc ra sau bằng một dải băng rộng đứng dậy khỏi chiếc ghế nhựa đã được cô kéo vào từ hành lang. Jim sống trong một căn hộ ở East Eighties với bạn gái, Sylvia, một biên tập viên chuyên mục tử vi của tờ *New York Post*. Cô mang theo năm con mèo đến với mối quan hệ này, còn anh ta thì góp một con chim sẻ, và họ làm nên một hộ gia đình vô cùng đông đúc. “Tôi có thể vào không?” Sylvia hỏi.

“Xin lỗi, Sylvia. Quy tắc của khu cách ly - chỉ cán bộ y tế. Nhưng Jim bảo tôi nói với cô rằng anh ấy vẫn khỏe.”

Sylvia nắm chặt cánh tay Eph. “Anh thì nói sao?”

Eph nói khéo, “Anh ấy trông rất khỏe mạnh. Chúng tôi muốn làm một số xét nghiệm, chỉ là đề phòng thôi.”

“Họ nói anh ấy đã bất tỉnh, anh ấy hơi chóng mặt. Tại sao lại là khu cách ly?”

“Cô biết cách chúng tôi làm việc mà, Sylvia. Loại bỏ tất cả những thứ có hại. Đi từng bước.”

Sylvia nhìn sang Nora, chờ được trấn an kiểu phụ nữ.

Nora gật đầu nói, “Chúng tôi sẽ trả anh ấy lại cho cô sớm nhất có thể.”

Dưới cầu thang, trong tầng hầm bệnh viện, Eph và Nora thấy người quản lý đang chờ họ trước cửa nhà xác. “Bác sĩ Goodweather, đây là trường hợp cực kỳ bất thường. Cánh cửa này không bao giờ khóa, và bệnh viện khăng khăng đòi được thông báo chuyện gì đang xảy ra...”

“Tôi xin lỗi, bà Graham,” Eph nói, đọc thấy tên bà trên thẻ bệnh viện, “nhưng đây là công việc của cơ quan CDC thuộc chính phủ.” Anh ghét phải trưng ra danh phận theo kiểu một ông quan liêu, nhưng đôi khi việc mang danh viên chức chính phủ cũng có những lợi thế của nó. Anh lấy chiếc chìa khóa dành

riêng cho mình ra và mở cửa, cùng Nora bước vào trong. “Cảm ơn bà đã hợp tác,” anh nói, và khóa cánh cửa lại phía sau.

Ánh sáng tự động bật lên. Thi thể của Redfern nằm dưới một tấm khăn phủ trên mặt bàn thép. Eph chọn một đôi găng tay từ chiếc hộp găng công tắc đèn và mở cái xe đẩy chứa dụng cụ khám nghiệm tử thi.

“Eph,” Nora nói, xỏ găng tay vào. “Thậm chí chúng ta còn chưa có giấy khai tử. Anh không thể mổ xẻ anh ta.”

“Chúng ta không có thời gian cho các thủ tục. Không, nhất là khi Jim đang ở trên đó. Và ngoài ra - anh thậm chí chưa biết phải giải thích cái chết của anh ta thế nào. Dù nhìn dưới bất cứ góc độ nào thì anh cũng đã giết người đàn ông này. Bệnh nhân của anh.”

“Để tự vệ.”

“Anh biết thế. Em biết thế. Nhưng chắc chắn là anh không thể phỉ phạm thời gian giải thích như vậy với cảnh sát.”

Anh cầm con dao mổ lớn và rạch lên ngực Redfern, tạo ra hình chữ Y bắt đầu từ các xương đòn phải và trái chéo xuống chỗ xương ức, rồi từ đó thẳng một đường xuống dưới bụng, tới xương mu. Rồi anh bóc lớp da và cơ bên dưới, làm lộ ra lồng ngực và màng bụng. Anh không có đủ thời gian để thực hiện cuộc khám nghiệm tử thi hoàn chỉnh. Nhưng anh cần xác nhận một số thứ mà hình ảnh chụp cộng hưởng MRI dang dở của Redfern đã chỉ ra.

Anh sử dụng một ống cao su mềm để rửa sạch cái chất rỉ ra giống máu màu trắng và quan sát những cơ quan chính bên dưới lồng ngực. Khoang ngực là một mớ hỗn độn những khối màu đen góm ghiếc được cấp liệu nhờ những ống mảnh giống như tinh mạch nối với những cơ quan teo tóp của viên phi công.

“Chúa ơi,” Nora nói.

Eph xem xét những khối lạ phía dưới xương sườn. “Nó đã kiểm soát anh ta. Nhìn quả tim kia.”

Nó bị biến dạng, thu nhỏ lại. Cấu trúc động mạch cũng bị thay đổi, hệ tuần hoàn phát triển đơn giản hơn, động mạch bị phủ một lớp màu tối tằm, chết chóc.

Nora nói, “Không thể tin nổi. Mới có ba mươi sáu tiếng đồng hồ kể từ khi máy bay hạ cánh.”

Tiếp đó Eph lột da cổ của Redfern, làm lộ ra cổ họng của anh ta. Một cấu trúc mới ẩn sâu vào giữa cổ, phát triển ra từ nếp gấp tiền đình. Cái phần lõi ra có chức năng rõ ràng của một cái vòi chích giò nằm ở trạng thái co lại. Nó được nối thẳng với khí quản, đúng hơn là hợp nhất với khí quản, giống khối u ung thư. Eph quyết định không mổ xẻ thêm nữa, hy vọng một lúc nào đó có thể lấy ra nguyên vẹn khối cơ, hay cơ quan, hay bất cứ tên gọi gì cho thứ đó, để nghiên cứu một cách toàn diện và triệt để chức năng của nó.

Điện thoại của Eph vang lên. Anh xoay mình sao cho Nora có thể lôi nó ra từ trong túi quần của anh bằng chiếc găng tay sạch của cô. “Văn phòng của bác sĩ pháp y trưởng,” cô nói, đọc màn hình. Cô thay anh trả lời điện thoại, và sau khi nghe một lát, cô bảo người gọi, “Chúng tôi sẽ tới ngay.”

Cơ quan Pháp y, Manhattan

GIÁM ĐỐC BARNES tới Cơ quan Pháp y trên phố 30 và phố 1 cùng lúc với Eph và Nora. Ông bước ra khỏi xe, không thể nhầm lẫn với ai khác bởi chòm râu dê và bộ đồng phục hải quân. Ngã tư đông nghịt xe của cảnh sát và các nhóm phóng viên truyền hình chờ sẵn ngoài mặt tiền màu lam ngọc của nhà xác.

Nhờ giấy phép đặc biệt của mình, họ được đưa vào trong, thẳng tới chỗ bác sĩ Julius Mirnstein, bác sĩ pháp y trưởng của New York. Đầu Mirnstein hói, ngoại trừ vài đám tóc màu hung ở hai bên và phía sau đầu, mặt ông dài, vẻ nghiêm khắc, và trùm bên trên chiếc quần màu ghi của ông là một chiếc áo choàng bệnh viện trắng bắt buộc.

“Chúng tôi nghĩ chúng tôi bị đột nhập đêm qua... chúng tôi không biết nữa.” Bác sĩ Mirnstein nhìn màn hình vi tính bị lật ngược và bút chì đổ ra khỏi một cái cốc. “Chúng tôi không thể liên lạc với bất kỳ nhân viên trực đêm nào.” Ông kiểm tra

lại thông tin này với người trợ lý đang áp điện thoại vào tai, và cô ta lắc đầu xác nhận. “Đi theo tôi.”

Ở khu nhà xác dưới tầng hầm, mọi thứ có vẻ vẫn đều vào đấy, từ những chiếc bàn mổ tử thi sạch sẽ cho tới bàn làm việc, cân và dụng cụ đo lường. Không có sự phá hoại nào ở đây. Bác sĩ Mirnstein dẫn mọi người tới phòng lạnh, dừng lại chờ cho đủ mặt Eph, Nora và giám đốc Barnes.

Phòng lạnh trống trơn. Những chiếc cáng vẫn còn đó, cùng vài tấm vải trùm và quần áo. Mấy thi thể vẫn còn nguyên ở mé tường bên trái, nhưng tất cả các nạn nhân máy bay đã biến mất.

“Họ đâu rồi?” Eph hỏi.

“Chỉ có thể thôi,” bác sĩ Mirnstein nói. “Chúng tôi không biết.”

Giám đốc Barnes nhìn ông chăm chăm trong giây lát. “Có phải ông đang nói với tôi rằng ông tin ai đó đã lên vào đây trong đêm và *ăn cắp* hơn bốn mươi xác chết?”

“Tôi cũng không biết gì hơn ông, bác sĩ Barnes. Tôi đang hy vọng người của ông có thể giúp tôi làm sáng tỏ.”

“Ừm,” Barnes nói, “họ không thể cứ thế mà đứng dậy bỏ đi.”

Nora nói, “Thế còn Brooklyn? Queens nữa?”

Bác sĩ Mirnstein nói, “Tôi không nghe nói gì về Queens. Nhưng Brooklyn đã báo cáo chuyện tương tự.”

“Chuyện tương tự?” Nora nói. “Xác chết của hành khách trên chuyến bay *biến mất* ư?”

“Chính xác,” bác sĩ Mirnstein nói. “Tôi gọi các ông tới đây với hy vọng có lẽ bên các ông đã yêu cầu nhận lại những xác chết này mà không cho chúng tôi biết.”

Barnes nhìn Eph và Nora. Họ lắc đầu.

Barnes nói, “Chúa ơi. Tôi phải gọi FAA mới được.”

Eph và Nora chặn lại trước khi ông làm thế, và tránh ra khỏi chỗ bác sĩ Mirnstein. “Chúng ta cần nói chuyện,” Eph nói.

Vi giám đốc hết nhìn người này lại chuyển qua người khác. “Jim Kent sao rồi?”

“Anh ấy có vẻ ổn. Anh ấy nói anh ấy thấy khỏe.”

“Tốt,” Barnes nói. “Gì vậy?”

“Anh ấy có một vết thủng ở cổ, xuyên qua họng. Giống hết những vết chúng tôi đã phát hiện trên các nạn nhân của chuyến bay 753.”

Barnes cau mày. “Sao có thể thế được?”

Eph kể vắn tắt chuyện Redfern đã trốn khỏi phòng chụp và cuộc tấn công diễn ra sau đó. Anh lấy ra một ảnh chụp cộng hưởng từ từ một chiếc phong bì X-quang cỡ lớn và dính nó vào bảng đọc, rồi bật đèn chiếu lên. “Đây là hình ảnh ‘trước’ của viên phi công.”

Các cơ quan chính ở trong tầm nhìn, trông có vẻ khỏe khoắn. “Sao nào?” Barnes hỏi.

Eph nói, “Đây là hình ảnh ‘sau’.” Anh dính lên bảng một ảnh scan cho thấy phần thân trên của Redfern bị che phủ bởi những cái bóng.

Barnes kéo cao chiếc kính bán nguyệt của mình lên. “Những khối u ư?”

Eph nói, “Ừm... cũng khó mà giải thích, nhưng đó là mô mới, chúng ăn hết các cơ quan mà mới chỉ hai mươi bốn giờ trước còn hoàn toàn khỏe mạnh.”

Giám đốc Barnes kéo kính xuống và lại cau mày. “Mô mới? Anh định nói cái quái gì thế?”

“Ý tôi là cái này.” Eph lấy ra ảnh scan thứ ba, hiển thị phần bên trong cổ của Redfern. Thứ mới sinh ra bên dưới lưỡi hiện lên rõ ràng.

“Cái gì vậy?” Barnes hỏi.

“Một cái vòi châm,” Nora trả lời. “Đại loại thế. Cấu tạo như cơ bắp. Có thể co rút, bằng thịt.”

Barnes nhìn Nora như thể cô bị điên. “Một vòi chích ư?”

“Vâng, thưa ông,” Eph nói, vội vàng hỗ trợ cô. “Chúng tôi tin nó có liên quan tới vết cắt ở cổ Jim.”

Barnes nhìn tới nhìn lui giữa hai người. “Anh chị đang nói với tôi rằng một trong những người sống sót của thảm họa máy bay đã mọc ra một cái vòi châm và dùng nó tấn công Jim Kent sao?”

Eph gạt đầu và lại dùng những ảnh scan để làm bằng chứng. “Everett, chúng ta cần cách ly những người sống sót còn lại.”

Barnes nhìn sang Nora dò hỏi, và cô vợ vờ gạt đầu, hoàn toàn tán thành ý kiến của Eph.

Giám đốc Barnes nói, “Kết luận lại là anh chị tin... sự phát triển của khối u này, sự biến đổi sinh học này... là có thể lây nhiễm, bằng cách nào đó?”

“Đó là giả thuyết và cũng là nỗi lo của chúng tôi,” Eph nói. “Jim rất có thể đã bị nhiễm bệnh. Chúng ta cần xác định tiến triển của hội chứng này, dù nó là gì chẳng nữa, nếu chúng ta muốn có bất cứ cơ hội nào để ngăn chặn nó và chữa trị cho anh ấy.”

“Có phải anh chị bảo tôi là anh chị đã nhìn thấy cái... cái vòi châm có thể cơ rút này, theo như cách nói của anh chị?”

“Cả hai chúng tôi đều thấy.”

“Và cơ trưởng Redfern giờ đang ở đâu?”

“Ở bệnh viện.”

“Dự đoán bệnh thế nào?”

Eph trả lời trước khi Nora kịp nói gì. “Không chắc chắn.”

Barnes nhìn Eph, bắt đầu cảm thấy có gì đó không ổn.

Eph nói, “Tất cả những gì chúng tôi yêu cầu là một lệnh buộc những người khác phải chịu sự điều trị...”

“Cách ly ba người đồng nghĩa với nguy cơ gây hoảng loạn cho ba trăm triệu người khác.” Barnes kiểm tra lại sắc mặt họ lần nữa, như thể để xác nhận lần cuối. “Anh có nghĩ rằng việc này có bất kỳ liên quan gì tới sự biến mất của những thi thể kia không?”

“Tôi không biết,” Eph nói. Anh suyt nữa đã nói, *Tôi không muốn biết.*

“Tốt thôi,” Barnes nói. “Tôi sẽ bắt đầu quy trình.”

“Bắt đầu quy trình ư?”

“Việc này cần vài thủ tục.”

Eph nói, “Chúng ta cần làm bây giờ. Ngay bây giờ.”

“Ephraim, điều anh vừa trình bày với tôi thật kỳ quái và đáng lo, nhưng có vẻ nó đã được cách ly. Tôi biết anh lo lắng

cho sức khỏe của đồng nghiệp, nhưng để có được lệnh cách ly cấp liên bang, tôi phải đệ trình và nhận lệnh hành pháp từ tổng thống, và tôi không tha mấy thứ này trong ví của mình. Tôi chưa thấy bất cứ dấu hiệu gì của một đại dịch tiềm tàng, và do vậy tôi phải đi theo các kênh thông thường. Trước lúc đó, tôi không muốn anh quấy rầy những người sống sót khác.”

“Quấy rầy ư?” Eph nói.

“Dù chúng ta chưa đi quá bốn phần của mình thì cũng đã có đủ sự hoảng loạn rồi. Tôi có thể chỉ ra cho anh chị thấy, nếu những người còn sống kia quả thực bị bệnh, thì tại sao cho tới lúc này chúng ta vẫn chưa nghe tin tức gì về họ?”

Eph không có câu trả lời.

“Tôi sẽ giữ liên lạc với hai người.”

Barnes đi ra để gọi điện.

Nora nhìn Eph. Cô nói, “Đừng.”

“Đừng cái gì?” Cô có thể nhìn thấu anh.

“Đừng đi xem những người sống sót khác. Đừng phá hỏng cơ hội cứu Jim bằng việc đụng đến bà luật sư kia hoặc làm những người khác hoảng sợ.”

Eph vẫn đang rối trí thì cửa ra vào mở. Hai chuyên viên cấp cứu y tế đẩy băng ca chở một túi xác vào, và được đón bởi hai nhân viên nhà xác. Cái chết sẽ không chờ cho đến khi chuyện bí hiểm này qua đi. Nó vẫn cứ tiếp tục diễn ra. Eph nhìn thấy trước chuyện gì sẽ xảy ra với thành phố New York dưới ảnh hưởng của một trận đại dịch. Một khi các nguồn lực của thành phố bị chế ngự - cảnh sát, cứu hỏa, y tế, tang ma - toàn bộ hòn đảo, chỉ trong vòng vài tuần, sẽ biến thành một đồng phân hủy hôi thối.

Nhân viên nhà xác kéo khóa túi xác xuống một nửa - rồi bật kêu lên hoảng hốt. Anh ta lùi lại khỏi chiếc bàn, hai bàn tay đeo găng tay nhỏ ra những giọt màu trắng, thứ chất lỏng trắng đục đang rỉ ra từ túi cao su đen, tràn ra băng ca và chảy xuống sàn.

“Cái quái gì thế này?” anh nhân viên nhà xác hỏi chuyên viên cấp cứu, lúc này đang đứng ở cửa, vẻ mặt lộ rõ sự kinh tởm.

“Tai nạn giao thông,” anh ta nói, “sau khi đánh nhau. Tôi không rõ... chắc là một xe tải chở sữa hay gì đó.”

Eph lấy một đôi găng tay từ chiếc hộp trên bàn và tiến đến gần túi xác, nhìn vào bên trong. “Đầu đâu rồi?”

“Trong đó,” chuyên viên cấp cứu kia nói. “Ở đâu đó.”

Eph thấy cái xác đã bị cắt mất đầu, phần cổ còn lại tung tóe những khối bèo nhèo màu trắng.

“Và ông ta trần truồng,” chuyên viên cấp cứu bổ sung. “Không thể tưởng được.”

Eph kéo mở hết khóa ra. Xác chết không đầu này là một người quá cân, nam, khoảng năm mươi tuổi. Rồi Eph để ý đến bàn chân.

Anh thấy một sợi dây quấn quanh ngón chân cái. Có vẻ như ở đó từng gắn một thẻ nhận dạng người chết.

Nora cũng nhìn thấy sợi dây ở ngón chân, và mặt cô tái đi.

“Anh nói là đánh lộn hả?” Eph hỏi.

“Ấy là họ nói với chúng tôi như vậy,” chuyên viên cấp cứu vừa nói vừa mở cửa bước ra ngoài. “Chúc các anh một ngày tốt lành, và chúc may mắn.”

Eph đóng khóa túi trở lại. Anh không muốn bất cứ ai khác nhìn thấy dây thề. Anh không muốn bất cứ ai đặt cho anh những câu hỏi mà anh không thể trả lời.

Anh hướng về phía Nora. “Ông lão đó.”

Nora gật đầu. “Ông ấy muốn chúng ta tiêu hủy các xác chết,” cô nhớ lại.

“Ông ấy biết về tia cực tím.” Eph tháo đôi găng dính mũ ra, lại nghĩ về Jim, đang nằm trong khu cách ly - cùng với cái thứ chịu chẳng biết là gì đang phát triển trong cơ thể anh ta. “Chúng ta phải tìm hiểu xem ông ấy còn biết gì nữa.”

Trụ sở cảnh sát số 17, phố 51 Đông, Manhattan

SETRAKIAN ĐẾM được mười ba người nữa trong phòng giam, tính cả một kẻ bồn chồn với những vết xước mới tinh

trên cổ đang ngồi xổm ở một góc và xoa nước bọt liên hồi lên hai bàn tay.

Đĩ nhiên, Setrakian đã từng ở trong hoàn cảnh tệ hơn thế này - tệ hơn rất nhiều. Trên một lục địa khác, trong thế kỷ khác, bị giam cầm vì là một người Do Thái Romania trong Thế Chiến II, trong trại hành quyết gọi là Treblinka. Ông mười chín tuổi khi trại được giải phóng vào năm 1943, vẫn còn là một cậu trai. Nếu tầm tuổi này mà vào trại, có thể ông không sống sót nổi quá vài ngày - thậm chí không qua nổi chuyến xe lửa đến đó.

Setrakian nhìn cậu thanh niên Mexico cạnh ông trên băng ghế, người ông đã thấy lúc đăng ký, và nghĩ cậu ta chắc trạc tuổi ông hồi chiến tranh kết thúc. Má cậu ta tái xanh gịận dữ, máu khô đen bám trên vết rách dưới mắt. Nhưng có vẻ cậu ta không bị nhiễm.

Setrakian lo lắng hơn về cậu bạn của chàng trai, đang nằm co tròn trên băng ghế kế bên ông, không nhúc nhích.

Về phần mình, Gus, cảm thấy gịận dữ cay đắng và bồn chồn vì thấy chả còn chút năng lượng nào, trở nên cảnh giác với ông lão đang nhìn mình. "Có vấn đề gì không?"

Những người khác ở trong nhà tạm giam hoạt bát hẳn lên trước triển vọng về một cuộc đánh đấm giữa một tên tội phạm và một ông già Do Thái.

Setrakian nói với cậu, "Tôi đúng là có một vấn đề rất lớn."

Gus ném ánh nhìn tối tăm sang ông. "Ai chả thế nhỉ."

Setrakian cảm thấy mọi người đều quay đi chỗ khác, vì giờ làm gì có cuộc đấu nào cho họ giải buồn. Setrakian nhìn kỹ lại người bạn đang nằm cuộn tròn của anh chàng Mexico. Tay cậu ta đặt lên mặt và cổ, đầu gối co lên áp chặt người, gần như tư thế của bào thai.

Gus nhìn sang Setrakian, giờ đã nhận ra ông. "Tôi biết ông."

Setrakian gậ đầu, vốn đã quen với việc này, "Phố 118."

"Cửa hàng Đồ Cổ và Cho Vay Knickerbocker. Phải rồi... khỉ thật. Ông đã có lần đá đít anh trai tôi."

"Cậu ta đã ăn trộm?"

“Định ăn trộm. Một sợi dây chuyền vàng. Hấn giờ là một con nghiện chó chết, tàn tạ như một thầy ma. Nhưng hồi đó hấn rất khỏe. Hơn tôi vài tuổi.”

“Đáng ra cậu ta nên biết phải quấy hơn.”

“Hấn *tùng* như thế đấy. Vì sao hấn định ăn cắp. Thật ra sợi dây chuyền vàng đó chỉ là chiến lợi phẩm. Hấn muốn thách thức đám đường phố. Mọi người đều cảnh báo hấn, ‘Chớ có dây vào lão chủ hiệu cầm đồ’.”

Setrakian nói, “Ngay tuần đầu tiên tôi tiếp quản cửa hàng, ai đó đã làm vỡ cửa sổ trước của tôi. Tôi thay nó - rồi tôi rình và chờ đợi. Tóm được một nhóm định đến đập vỡ cửa. Tôi cho chúng có thứ để mà nhớ, cũng như để chúng kể lại với bạn bè. Chuyện đã xảy ra hơn ba mươi năm trước rồi. Từ đó tôi chả gặp vấn đề gì với kính cửa sổ của mình nữa.”

Gus nhìn những ngón tay không khoèo của ông lão, được bao trong găng tay len. “Bàn tay ông,” cậu nói. “Chuyện gì vậy, ông từng bị bắt quả tang khi ăn trộm à?”

“Không phải ăn trộm, không,” ông lão nói, xoa bàn tay qua lớp len. “Một vết thương cũ. Tôi không được chăm sóc y tế cho đến khi đã quá muộn.”

Gus giơ cho ông già xem hình xăm trên tay mình, nắm bàn tay lại sao cho phần da giữa ngón cái và ngón trỏ phồng lên. Nó làm lộ ra ba vòng tròn đen. “Giống như thiết kế trên biển hiệu của cửa hàng ông.”

“Ba quả bóng là biểu tượng cổ chỉ một chủ tiệm cầm đồ. Nhưng của cậu mang nghĩa khác.”

“Dấu hiệu băng đảng,” Gus nói, ngồi ngả ra sau. “Nghĩa là kẻ trộm.”

“Nhưng cậu chưa từng trộm gì của tôi.”

“Chắc gì ông đã biết,” Gus mỉm cười.

Setrakian nhìn quần của Gus, những cái lỗ thủng cháy sém trên vải đen. “Tôi nghe nói cậu giết một người đàn ông.”

Nụ cười của Gus vụt biến.

“Cậu không bị thương đấy chứ? Vết rách trên mặt cậu, là do cảnh sát à?”

Gus lừ mắt nhìn ông, như thể ông già có khả năng là một kẻ do thám trong nhà tù. “Việc này liên quan gì tới ông?”

Setrakian nói, “Cậu đã nhìn vào miệng hắn chưa?”

Gus quay qua ông. Ông lão đang ngả người về phía trước, gần như đang cầu nguyện. Gus hỏi, “Ông biết gì về chuyện đó?”

“Tôi biết,” ông lão nói mà không nhìn lên, “rằng một bệnh dịch đã lan rộng khắp thành phố này. Và sẽ sớm lan ra cả thế giới.”

“Đó không phải bệnh dịch. Đó là một gã tâm thần nào đó với một... một cái lưỡi chết tiết thò ra từ...” Gus cảm thấy thật vớ vẩn khi nói ra điều đó. “Vậy nó là cái quái gì thế?”

Setrakian nói, “Thứ đánh nhau với cậu là một người đàn ông đã chết, bị kiểm soát bởi một căn bệnh.”

Gus nhớ lại vẻ mặt của gã béo, trống rỗng và đói khát. Máu gã màu trắng. “Cái gì... kiểu như xác sống ư?”

Setrakian nói, “Hãy nghĩ thiên về thứ giống với một người đàn ông mặc áo choàng đen. Răng nanh. Khẩu âm buồn cười.” Ông quay đầu lại để Gus có thể nghe được rõ hơn. “Giờ thì bỏ áo choàng và răng nanh. Cả khẩu âm buồn cười nữa. Bỏ mọi thứ buồn cười ở nó.”

Gus suy nghĩ về lời của ông lão. Hắn là ông biết. Giọng nói ảm đạm của ông, nỗi sợ hãi u sầu của ông, nó lây lan.

“Nghe tôi nói đây,” ông lão tiếp tục. “Người bạn này của cậu. Cậu ấy đã bị nhiễm. Hay có thể nói... bị cắn.”

Gus nhìn sang Felix đang bất động. “Không. Không, nó chỉ... cảnh sát đấy, họ đã đánh nó.”

“Cậu ấy đang biến đổi. Cậu ấy bị chế ngự bởi một thứ nằm ngoài sự hiểu biết của cậu. Một bệnh biến con người thành thứ không phải là người. Người này không còn là bạn cậu nữa. Cậu ấy đã bị biến đổi.”

Gus nhớ lúc gã béo đè lên trên Felix, nhớ cái ghì siết điên cuồng của hai người, miệng gã kề cổ Felix. Và vẻ mặt của Felix - kinh sợ và hãi hùng.

“Cậu thấy cậu ấy nóng cỡ nào? Sự trao đổi chất trong cậu

ấy đang tăng nhanh. Cần một năng lượng lớn để thay đổi - những thay đổi thảm khốc, đau đớn diễn ra bên trong cơ thể cậu ấy. Sự phát triển của hệ cơ quan ký sinh để thích ứng với trạng thái mới của cậu ấy. Cậu ấy đang biến thành một sinh vật chỉ biết ăn. Sớm thôi, từ mười hai đến ba mươi sáu tiếng đồng hồ kể từ lúc bị nhiễm, nhưng rất có khả năng là đêm nay, cậu ấy sẽ đứng dậy. Cậu ấy sẽ khát. Cậu ấy sẽ không dừng lại trước bất cứ trở ngại nào để thỏa mãn cơn khát."

Gus nhìn chằm chằm ông lão, thần thờ.

Setrakian nói, "Cậu có yêu bạn mình không?"

Gus trả lời, "Cái gì?"

"Tôi nói 'yêu' có nghĩa là quý mến, tôn trọng. Nếu cậu yêu bạn mình, cậu phải tiêu diệt cậu ấy trước khi cậu ấy trở lại."

Mắt Gus tối lại. "Tiêu diệt?"

"Giết cậu ấy. Nếu không cậu ấy sẽ biến đổi cậu."

Gus chậm chạp lắc đầu. "Nhưng... ông nói bạn tôi đã chết... nếu vậy sao tôi có thể giết nó?"

"Có nhiều cách lắm," Setrakian nói. "Cậu đã giết kẻ tấn công cậu như thế nào?"

"Bằng dao. Thứ đó vọt ra khỏi mồm ông ta... tôi cắt phăng nó đi."

"Còn họng thì sao?"

Gus gật đầu. "Cả cái đó nữa. Rồi một xe tải đâm vào ông ta, hoàn thành công việc."

"Cắt đầu khỏi cơ thể là cách chắc ăn nhất. Ánh nắng cũng được - ánh nắng trực tiếp. Và còn nhiều cách nữa, nhiều phương thức cổ xưa nữa."

Gus quay lại nhìn Felix. Nằm ở đó, không nhúc nhích. Hơi thở thoi thóp. "Tại sao chả ai biết về chuyện này?" cậu nói. Rồi cậu nhìn sang Setrakian, tự hỏi ai mới là người điên. "Thật ra ông là ai, ông già?"

"*Elizalde! Torrez!*"

Gus bị cuốn vào cuộc nói chuyện tới mức không hề nhận ra là có mấy viên cảnh sát đã vào phòng tạm giam. Cậu ngẩng lên khi nghe gọi tên mình và Felix, thấy bốn cảnh sát đeo găng

cao su tiến về phía trước, đồ nghề sẵn sàng để trấn áp. Gus bị lôi dậy khi còn chưa kịp hiểu chuyện gì đang diễn ra.

Họ vỗ vai Felix, đập vào đầu gối nó. Khi thấy không thể đánh thức được Felix, họ xốc nó lên, khóa tay xuống dưới cánh tay nó. Đầu nó rũ xuống và chân kéo lê trên sàn trong khi bị họ lôi đi.

“Xin hãy nghe tôi.” Setrakian đứng lên đằng sau họ. “Anh chàng này... cậu ấy bị bệnh. Ốm nặng. Cậu ấy bị bệnh truyền nhiễm.”

“Vậy nên chúng tôi mới đeo găng tay, bố già,” một gã cóm nói với lại. Họ vịn cánh tay rũ rượi của Felix trong khi kéo nó qua cửa. “Chúng tôi đối mặt với bọn bị bệnh lây truyền qua đường tình dục hoài.”

Setrakian nói, “Cậu ấy phải được tách riêng, các anh có nghe thấy không? Nhốt riêng một mình.”

“Đừng lo, bố già. Chúng tôi luôn có chế độ ưu đãi cho lũ giết người.”

Mắt Gus vẫn dán vào ông lão trong khi cửa phòng đóng lại và đám cảnh sát lôi cậu đi.

Tập đoàn Stoneheart, Manhattan

ĐÂY LÀ PHÒNG NGỦ của người đàn ông vĩ đại.

Điều kiện môi trường được kiểm soát và hoàn toàn tự động, các chế độ mặc định có thể được điều chỉnh thông qua một bàn điều khiển nhỏ chỉ cách đó đúng một tầm tay với. Tiếng xào xạc của máy làm ẩm trong góc phòng hòa với tiếng vo ve của máy tạo ion cùng tiếng xì xào của máy lọc không khí nghe như tiếng đồ sành khe khẽ của một bà mẹ. Mọi người, Eldritch Palmer nghĩ, nên ngủ hằng đêm trong một cái dạ con. Ngủ như một đứa bé.

Tận mấy tiếng nữa trời mới tối, và ông ta thấy sốt ruột. Giờ khi mọi thứ đã chuyển động - sự căng thẳng đã lan tràn khắp thành phố New York theo cấp số mũ của lõi kép, cứ gấp đôi

và gấp đôi hàng đêm - ông ta ngậm nga trong miệng niềm hoan của một ông chủ nhà băng tham lam. Chưa từng có một thành công tài chính nào, vốn ông ta có thừa, mang lại cho ông ta niềm phấn chấn đến thế.

Chuông điện thoại đầu giường của ông ta reo lên một tiếng, tay cầm nhấp nháy. Mọi cuộc gọi đến số điện thoại này đều phải thông qua y tá và trợ lý của ông ta, Fitzwilliam, một người đàn ông cực kỳ thông minh và thận trọng. "Xin chào, thưa ngài."

"Ai đó, Fitzwilliam?"

"Anh Jim Kent, thưa ngài. Anh ta nói có chuyện khẩn cấp. Tôi đang nói máy cho anh ta."

Trong giây lát, Kent, một trong nhiều thành viên Hiệp hội Stoneheart của Palmer đang được cài cắm ở vị trí rất tốt, nói, "Vâng, xin chào?"

"Vào việc đi, anh Kent."

"Vâng... ngài có nghe rõ tôi nói không? Tôi phải nói khê..."

"Tôi vẫn nghe rõ, anh Kent. Lần trước chúng ta đã bị cắt ngang."

"Vâng. Viên phi công đã trốn thoát. Khởi cuộc xét nghiệm."

Palmer mỉm cười. "Và giờ anh ta đã đi rồi?"

"Không. Tôi không chắc phải làm gì, vậy là tôi theo anh ta suốt bệnh viện cho tới khi bác sĩ Goodweather và bác sĩ Martinez đuổi kịp anh ta. Họ nói Redfern ổn, nhưng tôi không thể xác nhận tình trạng của anh ta. Tôi nghe một y tá khác nói chỉ có một mình tôi ở đây. Và các thành viên dự án Canary đã trung dụng một căn phòng bị khóa dưới tầng hầm."

Palmer sa sầm. "Anh đang một mình ở đâu?"

"Trong khu cách ly. Chỉ là biện pháp phòng ngừa. Redfern chắc đã đánh tôi hoặc sao đó, anh ta cho tôi đo ván."

Palmer im lặng giây lát. "Tôi hiểu."

"Giá như ngài có thể giải thích cho tôi chính xác những gì tôi phải tìm, tôi có thể hỗ trợ ngài tốt hơn..."

"Anh nói họ đã trung dụng một phòng trong bệnh viện?"

"Ở tầng hầm. Có thể là nhà xác. Tôi sẽ tìm hiểu sau."

Palmer nói, "Bằng cách nào?"

“Ngay khi tôi ra khỏi đây. Họ chỉ muốn thực hiện một số xét nghiệm với tôi.”

Palmer tự nhắc mình rằng Jim Kent không phải một bác sĩ dịch tễ, mà đúng hơn là một người hỗ trợ dự án Canary, không hề được đào tạo y khoa. “Anh nói như thể đang bị đầu hòng, anh Kent.”

“Tôi bị thật. Rất nhẹ thôi.”

“Hừm. Chúc một ngày tốt lành, anh Kent.”

Palmer gác máy. Việc Kent bị nhiễm chỉ gây bực mình, nhưng thông tin về nhà xác của bệnh viện thì thật đáng quan ngại. Dù sao thì mọi cuộc đầu cơ lớn đều luôn kèm theo những chướng ngại cần phải vượt qua. Cả đời làm kinh doanh đã dạy cho ông ta một bài học rằng chính những bước lùi và khó khăn như thế sẽ làm cho thắng lợi cuối cùng càng thêm ngọt ngào.

Ông ta lại nhắc điện thoại cầm tay và nhấn nút ngòi sao.

“Vâng, thưa ngài?”

“Fitzwilliam, chúng ta đã mất người có liên hệ với dự án Canary. Anh phải phớt lờ mọi cuộc gọi từ điện thoại di động của anh ta.”

“Vâng, thưa ngài.”

“Và chúng ta cần cử một nhóm đến Queens. Đường như có cái gì đó ở tầng hầm của Trung tâm Y tế Bệnh viện Jamaica cần được xử lý.”

Flatbush, Brooklyn

ANN-MARIE BARBOUR kiểm tra một lần nữa để chắc chắn cô đã khóa tất cả các cửa, sau đó đi khắp nhà hai lần - từng phòng một, từ trên xuống dưới - chạm tay hai lần vào từng tấm gương để trấn tĩnh. Cô không thể đi qua bất kỳ bề mặt phản chiếu nào nếu không chạm hai ngón tay phải vào nó, sau mỗi lần chạm lại gật đầu, một thủ tục hằng ngày giống như người ta phải quỳ gối khi tế lễ. Sau đó cô đi khắp nhà lần thứ ba, lau sạch mọi bề mặt bằng hỗn hợp năm mươi phần trăm nước lau kính Windex

và năm mươi phần trăm nước thánh cho đến khi thấy thỏa mãn.

Khi đã bình tĩnh trở lại, cô gọi điện thoại cho chị dâu, Jeanie, vốn sống ở trung tâm New Jersey.

“Chúng ổn,” Jeanie nói, nhắc đến lũ trẻ chị đã đến đón ngày hôm trước. “Rất ngoan. Ansel thì sao rồi?”

Ann-Marie nhắm mắt lại. Nước mắt ứa ra. “Em không biết.”

“Chú ấy đỡ hơn chưa? Em đã cho chú ấy ăn xúp gà chị mang đến chưa?”

Ann-Marie chỉ sợ giọng cô sẽ để lộ là hàm cô đang run bần bật. “Lát nữa. Em... em sẽ gọi lại chị sau.”

Cô tắt máy và nhìn ra cửa sổ sau nhà, về chỗ những ngôi mộ. Hai miếng đất mới xới. Nghĩ đến những con chó nằm ở đó.

Ansel. Điều anh đã làm với chúng.

Cô cọ rửa hai bàn tay, sau đó lại đi khắp nhà, lần này chỉ dưới lầu. Cô lấy cái hộp gỗ gụ từ tủ bát đĩa trong phòng ăn, mở nắp và làm lộ ra bộ đồ ăn bằng bạc, quà cưới của cô. Lấp lánh và bóng loáng. Bảo vật bí mật của cô, được cất giấu như những người phụ nữ khác giấu kẹo hay thuốc. Cô sờ từng món đồ, đầu ngón tay hết chạm vào bạc lại đưa lên môi. Cô cảm thấy mình sẽ gục ngã nếu không chạm tay vào từng thứ một.

Rồi cô đi tới cửa sau. Cô dừng lại ở đó, kiệt sức, bàn tay trên tay nắm cửa, cầu nguyện được soi lối, được cho sức mạnh. Cô cũng cầu nguyện được thấu hiểu, được hiểu ra đang có chuyện gì, được chỉ dẫn cho hành động đúng đắn.

Cô mở cửa, bước xuống bậc thềm dẫn tới chuồng chó. Cái chuồng cô đã kéo xác chó ra mang tới một góc sân, không biết phải làm gì khác. May mắn thay, có một cái xẻng cũ dưới hiên trước, vậy nên cô không phải vào lại chuồng chó nữa. Cô đã chôn chúng trong hố đất nông và khóc trên nắm mồ của chúng. Khóc cho chúng và cho các con của cô, cho cả chính cô nữa.

Cô bước đến bên hông nhà kho, nơi những cây hoa vàng và cam được trồng trong một chiếc hộp đặt dưới cái cửa sổ bốn ô kính. Cô do dự một hồi rồi mới nhìn vào bên trong, che mắt tránh ánh mặt trời. Dụng cụ làm vườn treo trên các bảng ghim gắn trên tường, những công cụ khác thì chất đống trên các giá để đồ và

một cái bàn thợ nhỏ. Ánh nắng chiếu qua cửa sổ tạo thành hình chữ nhật hoàn hảo trên sàn nhà bần, bóng Ann-Marie đổ dài trên cây cọc kim loại cắm xuống đất. Một sợi xích giống như cái ở trên cửa có một đầu được gắn vào cọc, còn đầu kia bị khuất ở đâu đó do góc nhìn của cô. Sàn chuồng cho thấy dấu vết đào bới.

Cô quay trở về phía trước, dừng lại trước cánh cửa bị xích. Nghe ngóng.

“Ansel?”

Cô thì thầm. Cô lắng nghe một lần nữa, và, chẳng nghe thấy gì, cô bèn ghé sát miệng vào khoảng hở giữa hai cánh cửa bị mưa làm cho cong vênh.

“Ansel?”

Một tiếng sột soạt. Cái âm thanh mơ hồ giống tiếng một con thú đó làm cô khiếp hãi... tuy nhiên cũng đồng thời khiến cô an tâm.

Anh vẫn còn bên trong. Vẫn còn với cô.

“Ansel... Em không biết phải làm gì... xin anh... hãy cho em biết nên làm gì... em không thể làm được chuyện này nếu thiếu anh. Em cần anh, anh yêu. Xin hãy trả lời em. Em phải làm gì?”

Tiếng sột soạt nhiều hơn, như tiếng giũ đất. Một âm thanh phát ra từ cổ họng, như tiếng ống nước tắc.

Giá mà cô có thể nhìn thấy anh. Khuôn mặt làm yên lòng của anh.

Ann-Marie thò tay vào bên trong ngực áo, lấy ra một chiếc chìa khóa móc trong dây giày. Cô cầm ổ khóa đang khóa sợi xích móc qua các tay nắm cửa và tra chìa vào, xoay chìa cho tới khi một tiếng cạch vang lên, móc khóa tách ra khỏi ổ khóa bằng thép dày. Cô xoắn sợi xích và rút nó ra khỏi tay nắm cửa bằng thép, thả nó rơi xuống mặt cỏ.

Hai cánh cửa tách ra, xoay ra ngoài vài phân. Mặt trời giờ đang ở thẳng trên đỉnh đầu, bên trong chuồng là bóng tối, nếu không kể một chút ánh sáng lọt qua ô cửa sổ nhỏ. Cô dừng lại một lúc trước khi mở, cố nhìn xem bên trong.

“Ansel?”

Cô thấy một cái bóng động đậy.

“Ansel... anh phải yên lặng hơn nữa, vào ban đêm ấy... Lão Otish ở bên kia đường đã gọi cảnh sát, đỉnh ninh là bọn chó... bọn chó...”

Nước mắt cô chỉ chực tràn ra.

“Em... em suýt nữa đã nói với lão về anh. Em không biết phải làm gì, Ansel. Đây là điều đúng đắn? Em thật sự bối rối. Xin anh... Em cần anh...”

Cô đang với tay về phía cửa thì giật mình vì nghe thấy một tiếng kêu như rên rĩ. Anh lao ra cửa - về phía cô - tấn công từ bên trong. Nhưng sợi xích cố định vào cọc đã giật ngược anh trở lại, bóp nghẹt tiếng gầm của một con thú trong cổ họng anh. Nhưng khi cánh cửa mở bung ra, cô đã thấy - trước khi cô kịp thét lên, trước khi cô kịp sập mạnh cửa lại trước mặt anh như một con lốc hung dữ đóng sập cánh cửa chớp - chồng của cô bò trên đất, trên người chẳng có gì ngoại trừ chiếc vòng cổ chó siết chặt ở cổ, miệng anh đen ngòm và mở to. Anh đã bứt gần hết tóc của mình cũng như đã xé bỏ toàn bộ quần áo; cơ thể trắng nhợt, nổi gân xanh trông vô cùng dơ dáy do ngủ - giấu mình - dưới đất bẩn, như một thú đã chết tự đào mộ và vùi mình vào đó. Anh nhe hàm răng nhuộm máu, đôi mắt co rụt lại, trốn tránh ánh mặt trời. Một con quỷ. Cô run rẩy lồng sợi xích trở lại hai tay nắm cửa và đóng khóa, rồi quay người chạy biến vào nhà.

Phố Vestry, Tribeca

CHIẾC LIMOUSINE đưa Gabriel Bolivar tới thẳng văn phòng bác sĩ riêng của anh ta trong một tòa nhà có bãi để xe dưới tầng hầm. Bác sĩ Ronald Box là bác sĩ chính cho nhiều người nổi tiếng trong lĩnh vực điện ảnh, truyền hình và âm nhạc ở New York. Ông không phải là một thầy kê đơn, hay bác sĩ Feelgood⁽¹⁾, những

1. “Dr. Feelgood” nguyên là tên một bài hát của ban nhạc Motley Crue, kể về một người buôn bán ma túy. Từ lóng: chỉ loại bác sĩ có xu hướng kê thuốc an thần, gây ảo giác cho bệnh nhân.

cái máy viết đơn thuốc chính hiệu, dù ông cũng rất hào phóng với chiếc bút điện tử của mình. Ông là một bác sĩ nội khoa được đào tạo bài bản, biết rất rõ về các trung tâm cai nghiện, giải điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục, viêm gan siêu vi C, và các căn bệnh khác liên quan đến người nổi tiếng.

Bolivar ngồi xe lăn lên thang máy, chỉ mặc áo choàng đen, trầm ngâm như một ông lão. Mớ tóc đen dài óng ả đã trở nên xơ xác và rụng từng mảng. Anh ta che mặt bằng hai bàn tay xương xẩu như bị viêm khớp để không ai nhận ra. Cổ họng sưng to và đau buốt đến nỗi không thể nói.

Bác sĩ Box nhận ra vấn đề của anh ta ngay lập tức. Ông đang xem những hình ảnh được truyền đến từ phòng lâm sàng. Những hình ảnh đi kèm với tin nhắn xin lỗi từ trưởng nhóm lâm sàng, ông này chỉ nhìn thấy kết quả chứ không thấy bệnh nhân, hứa sẽ sửa chữa thiết bị và đề nghị tổ chức một buổi kiểm tra khác trong một hai ngày tới. Nhưng, nhìn Bolivar, bác sĩ Box không cho rằng vấn đề là do thiết bị hỏng. Ông mang ống nghe đến gần Bolivar, nghe nhịp tim, bảo anh ta hít thở. Ông muốn xem họng Bolivar, nhưng bệnh nhân từ chối, không nói ra lời, đôi mắt đen-đỏ rục lên đau đớn.

“Anh đeo kính áp tròng bao lâu rồi?” bác sĩ Box hỏi.

Miệng Bolivar mấp máy thành tiếng gầm gừ khô khốc và anh ta lắc đầu.

Bác sĩ Box nhìn tên hộ vệ đứng ở cửa, mặc đồng phục tài xế. Vệ sĩ của Bolivar, Elijah - cao hai mét, nặng gần một trăm hai mươi cân - có vẻ lo lắng, và bác sĩ Box bắt đầu thấy hoảng. Ông kiểm tra tay của ngôi sao nhạc rock, nhăn nheo và lở loét, nhưng không hề yếu ớt. Ông cố kiểm tra hạch dưới quai hàm, nhưng anh ta quá đau. Nhiệt độ đo được từ phòng khám là 50°C, một nhiệt độ không tương ở con người, thế nhưng khi đứng đủ gần đến độ có thể cảm thấy được hơi nóng phát ra từ người Bolivar, bác sĩ Box tin con số đó.

Bác sĩ Box lùi lại.

“Tôi thật sự không biết nói thế nào về chuyện này, Gabriel. Có vẻ cơ thể anh bị nghi là có những khối u ác tính.

Đó là ung thư. Tôi đang nghĩ tới ung thư biểu bì, ung thư mô liên kết, ung thư máu, và tất cả đều đã di căn trầm trọng. Tôi chưa từng biết tới một tiền lệ y học nào như thế này, dù sao thì tôi nhất định sẽ mời các chuyên gia trong lĩnh vực này cùng xem xét.”

Bolivar chỉ ngồi đó, lắng nghe, đôi mắt mất màu của anh ta ánh lên cái nhìn hiềm ác.

“Tôi không biết nó là cái gì, nhưng thứ gì đó đang khống chế anh. Tôi nói điều đó theo nghĩa đen. Tất cả những gì tôi có thể nói là, trái tim anh đã ngưng đập. Có lẽ bệnh ung thư đang... điều khiển cơ quan đó. Làm nó đập. Phổi của anh cũng vậy. Chúng đã bị xâm chiếm và... gần như bị hấp thụ, bị biến đổi. Như là...” Bác sĩ Box chợt nhận ra điều này. “Như là anh đang trong quá trình hóa thân. Về mặt lâm sàng, anh có thể được coi như đã chết. Có lẽ ung thư đang giữ cho anh sống. Tôi không biết phải nói thế nào với anh nữa. Các cơ quan của anh đang bị tàn phá hoàn toàn, nhưng ung thư của anh... ờ, ung thư của anh đang rất sung sức.”

Bolivar trừng đôi mắt ghê rợn ngồi nhìn vào khoảng không. Cổ hơi phồng lên, như thể anh ta đang cố nói, nhưng không thể đẩy tiếng nói của mình qua cục tắc nơi cổ họng.

Bác sĩ Box nói, “Tôi muốn chuyển anh qua trung tâm Sloan-Kettering ngay lập tức. Chúng ta có thể làm vậy với một cái tên giả và thẻ bảo hiểm xã hội giả. Đó là bệnh viện điều trị ung thư tốt nhất nước. Tôi muốn anh Elijah chở anh tới đó ngay bây giờ...”

Bolivar phát ra một tiếng rên ùng ục trong ngực chỉ có thể được hiểu là *không*. Anh ta chống hai tay vào thanh tì tay của xe lăn trong khi Elijah bước tới giữ lấy tay cầm sau của nó để Bolivar có thể đứng lên. Bolivar mất một lúc mới lấy lại được thăng bằng, rồi anh ta túm dây lưng của chiếc áo choàng và giật mở tung nút thắt.

Lộ ra dưới áo choàng của anh ta là dương vật ỉu xiu, thâm đen và nhăn nheo, chỉ chực rơi ra khỏi háng giống như một quả sung thối trên một cái cây đang chết héo.

Bronxville

NEEVA, NGƯỜI TRÔNG TRẺ NHÀ LUSS, vẫn rất bối rối sau những sự kiện xảy ra trong hai mươi bốn giờ qua, giao lũ trẻ lại cho cháu của bà, Emile, trong khi con gái của bà, Sebastiane, lái xe đưa bà trở lại Bronxville. Bà đã dỗ hai đứa trẻ nhà Luss, Keene và em gái tám tuổi của nó, Audrey, ăn món ngũ cốc sấy Frosted Flakes thay cho bữa trưa, cùng trái cây xắt vuông, vốn đã được bà Neeva đem theo khi chạy khỏi nhà Luss.

Giờ bà đang quay lại để lấy thêm đồ. Những đứa trẻ nhà Luss có thể sẽ không ăn các món nấu kiểu Haiti của bà, và - bực bách hơn cả - Neeva đã để quên thuốc hen Pulmicort của Keene ở nhà. Thằng bé đang thở khò khè và nhìn rất nhợt nhạt.

Họ đánh xe vào và thấy chiếc xe màu xanh lá cây của Guild ở lối vào nhà Luss, Neeva chứng lại. Bà bảo Sebastiane đỗ lại đó đợi, còn bà xuống xe, vuốt thẳng lại chiếc quần thụng dưới váy, và cầm theo chìa khóa đi về phía cửa hông. Cánh cửa mở ra không một tiếng động, hệ thống báo động đã ngắt. Neeva bước ngang qua một tiền phòng được trang bị đầy đủ với những giá để đồ gắn tường, móc treo áo choàng, và sàn lát gạch được sấy nóng từ bên dưới - một tiền phòng không bao giờ dính chút bùn đất - rồi đẩy cánh cửa nhiều ô kính thông vào bếp.

Không có dấu hiệu nào chứng tỏ đã có ai đó vào phòng này kể từ lúc bà rời đi cùng lũ trẻ. Bà đứng yên tại cửa, căng tai nghe ngóng, nín thở lâu hết mức có thể rồi mới thở ra. Bà không nghe thấy gì cả.

"Xin chào?" Bà gọi vài lần, không biết liệu cô Guild, người có mối quan hệ khá lạnh nhạt với bà - bà ngờ là người quản gia này ngầm có tư tưởng phân biệt chủng tộc - có trả lời bà. Không biết liệu Joan - một bà mẹ rất thiếu bản năng làm mẹ, chỉ toàn tâm vì sự nghiệp luật sư của mình, như một đứa trẻ không hơn - có trả lời bà. Và bà biết cả hai người chắc sẽ không trả lời bà.

Chẳng nghe thấy gì, bà bước ngang qua căn phòng tới đảo bếp giữa nhà và nhẹ nhàng đặt túi xách xuống, giữa bếp và bồn rửa. Bà mở tủ để đồ ăn nhẹ, và vội vàng, giống một tên trộm hơn bà tưởng, nhét ngũ cốc sấy, nước quả, bỏng ngô Smartfood vào đầy chiếc túi Food Emporium - thỉnh thoảng dừng lại một lát để nghe ngóng.

Sau khi càn quét phô mai thối và sữa chua từ tủ lạnh, bà nhìn thấy số của ông Luss trên tờ danh bạ điện thoại dán trên tường, gần chiếc điện thoại nhà bếp. Bà đột nhiên thấy lưỡng lự. Bà có thể nói gì với ông ấy? *Vợ ông bị ốm. Cô ấy không ổn. Vì thế tôi đã đưa lũ trẻ đi.* Không. Bà có mấy khi nói chuyện với người đàn ông đó đâu. Có gì đó ma quỷ trong ngôi nhà trắng lẹ này, và bốn phạm đầu tiên cũng là duy nhất của bà - vừa là người làm thuê vừa là một người mẹ - là đảm bảo an toàn cho lũ trẻ.

Bà kiểm tra tủ thuốc phía trên tủ mát âm tường trữ rượu, nhưng hộp Pulmicort trống rỗng, đúng như bà đã lo sợ. Bà phải xuống kho chứa dưới tầng hầm. Tại đầu cầu thang trái thảm xoáy tròn ốc, bà dừng lại và lấy từ trong túi ra một cây thánh giá trắng men. Bà cầm nó theo khi đi xuống dưới, để phòng ngừa. Dưới chân cầu thang, tầng hầm rõ ràng rất tối so với thời điểm đó của ngày. Bà bật tất cả các công tắc đèn trên bảng điện, đứng lắng nghe động tĩnh sau khi đèn đã sáng lên.

Họ gọi nó là tầng hầm, nhưng thực ra đó là một tầng khác với đầy đủ tiện nghi của ngôi nhà này. Họ đã lấp đặt một rạp hát gia đình ở dưới này, có đủ cả ghế nhà hát và một xe làm bỏng ngô. Phòng kế bên chứa đầy đồ chơi và bàn game; một phòng khác nữa là nơi cô Guild chứa quần áo và đồ vải của gia đình. Ngoài ra còn có phòng tắm thứ tư, phòng thực phẩm và một hầm rượu mới lấp đặt có trang bị thiết bị kiểm soát nhiệt độ. Hầm rượu được làm theo kiểu châu Âu, những người thợ đã phải đục phá móng nhà để tạo ra một lớp nền chỉ toàn là đất.

Hơi nóng ủa ra kèm theo một tiếng động nghe như có ai đá vào lò sưởi - bộ máy hoạt động của tầng hầm thực tế được bố trí khuất sau một cánh cửa nào đó - và âm thanh đó thiếu chút nữa khiến bà phải ba chân bốn cẳng chạy lên tầng trên. Bà đã

quay ra đến cầu thang, nhưng thang bé cần thuốc, màu da nó không được tốt.

Bà quả quyết băng ngang tầng hầm, và khi đến giữa hai chiếc ghế nhà hát bằng da, nửa đường tới cánh cửa xếp của phòng thực phẩm, bà nhận thấy có thứ gì đó lù lù chặn ở cửa sổ. Đó là lý do dưới này tối thế dù đang giữa ban ngày: đồ chơi và hộp các tông cũ chất trên một cái giá đỡ để sát tường, chặn cửa sổ nhỏ, cùng với quần áo và giấy báo chắn mọi tia sáng của mặt trời.

Neeva chăm chú nhìn, tự hỏi ai đã làm việc này. Bà bước vội đến phòng thực phẩm, lục trên một cái giá thép tìm thuốc hen của Keene cũng như thuốc vitamin và những tuýp canxi dạng kẹo nhiều màu của Joan. Bà lấy xuống hai hộp dài chứa các lọ nhựa, bỏ qua mọi thứ đồ ăn còn lại vì vội, và hối hả đi ra chẳng buồn đóng cửa lại.

Khi bắt đầu băng qua tầng hầm, bà nhận thấy cửa vào phòng chứa quần áo hé mở. Có gì đó bất thường với cánh cửa vốn không bao giờ để mở này, cho thấy một sự vi phạm trật tự thông thường mà Neeva đã rất quen thuộc trong ngôi nhà.

Rồi bà nhìn thấy nhiều vết bẩn tối màu trên lớp thảm nhung, cách quãng gần bằng bước chân người. Mắt bà dõi theo chúng cho tới cửa hầm rượu bà buộc phải đi ngang qua để ra tới cầu thang. Bà thấy đất lem trên tay nắm cửa.

Neeva cảm thấy nó khi gần đến cửa hầm rượu. Từ cái phòng nền đất đó, một cái tổ đen giống như nấm mồ. Một thứ vô hồn. Tuy nhiên... không phải một thứ lạnh lẽo. Mà ngược lại, là một thứ ấm áp. Một thứ nóng, lén lút và xáo động.

Tay nắm cửa bắt đầu quay khi bà chạy ngang qua để lên cầu thang. Neeva, một phụ nữ năm mươi ba tuổi viêm khớp đầu gối, vấp chân vào các bậc cầu thang trong khi chạy lên trên. Bà trượt chân, bèn vịn tay vào tường để lấy lại thăng bằng, cây thánh giá cào vỡ một mảng vữa nhỏ. Thứ gì đó ở phía sau, đuổi theo bà lên cầu thang. Bà la hét bằng tiếng Tây Ban Nha khi lên đến tầng một rực sáng ánh mặt trời, chạy dọc phòng bếp dài, chộp lấy túi xách, làm đổ cái túi Food Emporium, đồ ăn nhẹ và

thức uống rơi tung tóe xuống sàn, nhưng bà quá sợ không dám quay lại.

Sebastiane nhảy ra khỏi xe khi nhìn thấy mẹ mình trong bộ váy hoa dài đến mắt cá chân và đôi giày đen vừa chạy ra khỏi ngôi nhà vừa la hét. “Đừng!” mẹ cô hét to, ra hiệu cho cô vào lại trong xe. Bà chạy như thể đang bị đuổi theo, nhưng thực ra chả có ai ở phía sau bà. Sebastiane ngồi trở lại vào ghế, cảnh giác.

“Mẹ, chuyện gì vậy?”

“Lái đi!” Neeva kêu to, lồng ngực rộng phập phồng, đôi mắt vẫn hoảng loạn, nhìn chăm chăm cánh cửa mở bên hông nhà.

“Mẹ,” Sebastiane nói, lùi xe để vòng lại. “Thế này là bắt cóc đấy. Họ có *luật*. Mẹ đã gọi cho ông chồng chưa? Mẹ đã nói là mẹ sẽ gọi cho ông chồng mà.”

Neeva mở lòng bàn tay, thấy nó đẫm máu. Bà đã nắm cây thánh giá dính cườm chặt đến nỗi thanh ngang của nó cửa đứt thịt bà. Bà để nó rơi xuống sàn xe.

Trụ sở cảnh sát số 17, phố 51 Đông, Manhattan

VỊ GIÁO SU GIÀ ngồi ở tít cuối băng ghế trong phòng tạm giam, tránh xa hết mức người đàn ông cởi trần đang ngáy khò khò sau khi vừa ỉa đùn một bãi do không muốn làm phiền bất cứ ai chỉ chỗ toilet ở góc phòng, hay thậm chí là cởi quần mình ra.

“Setraykeen... Setarkian... Setrainiak...”

“Tôi đây,” ông trả lời, đứng lên bước về phía người mặc cảnh phục không biết đọc cho đúng đứng ở chỗ cửa phòng đang mở. Viên cảnh sát để ông bước ra và đóng cánh cửa lại phía sau.

“Tôi được thả ra à?” Setrakian hỏi.

“Chắc vậy. Con trai ông đã tới đón ông rồi.”

“Con...”

Setrakian dừng lại. Ông theo viên cảnh sát vào một phòng thẩm vấn không ghi gì ở ngoài. Anh ta mở cửa và ra hiệu cho ông bước vào.

Setrakian chỉ mất một thoáng, vừa kịp cho cánh cửa phía sau lưng đóng lại, để nhận ra nhân vật ngồi phía bên kia chiếc bàn trống là bác sĩ Ephraim Goodweather của Trung tâm Kiểm soát và Phòng chống Bệnh dịch.

Kế bên là nữ bác sĩ lúc trước đã đi cùng anh ta. Setrakian mỉm cười tán thưởng mưu mô của họ, dù ông chẳng hề ngạc nhiên khi họ xuất hiện.

Setrakian nói, "Vậy là nó đã bắt đầu."

Bác sĩ Goodweather nhìn ông từ trên xuống dưới bằng đôi mắt thâm quầng vì mệt mỏi và mất ngủ. "Ông muốn ra khỏi đây, chúng tôi có thể đưa ông ra. Trước hết chúng tôi cần ông giải thích. Tôi cần thông tin."

"Tôi có thể trả lời nhiều câu hỏi của anh. Nhưng chúng ta đã mất quá nhiều thời gian. Chúng ta phải bắt đầu bây giờ - ngay lập tức - nếu muốn có bất cứ cơ hội nào để ngăn chặn thứ quỷ quái này."

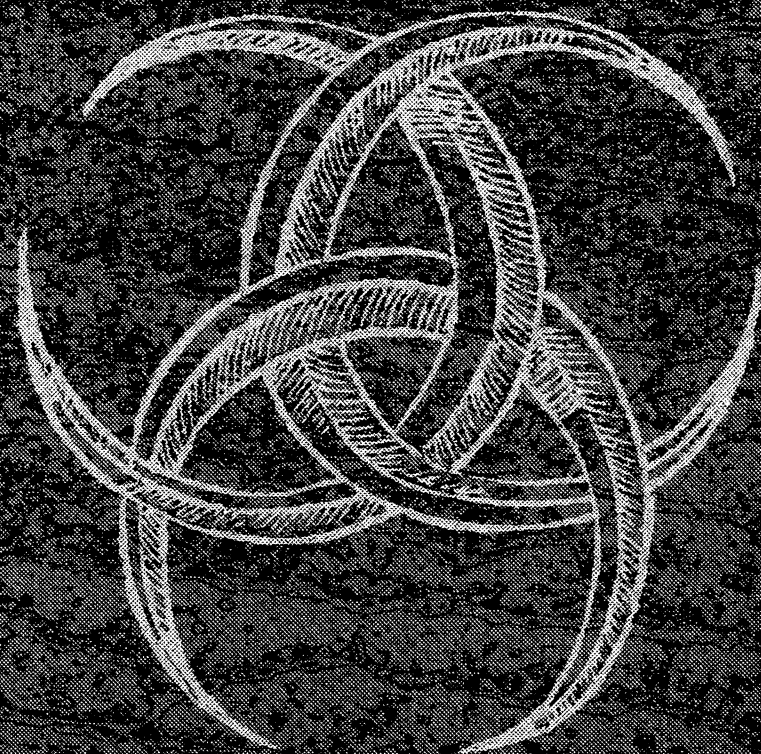
"Tôi cũng đang muốn nói đến chuyện đó đây," bác sĩ Goodweather nói, chìa bàn tay khá thô ráp của mình ra. "Thứ quỷ quái này là gì vậy?"

"Hành khách từ cái máy bay đó," Setrakian nói. "Người chết sống lại."

Eph không biết phải trả lời thế nào. Anh không thể nói gì. Anh không muốn nói gì.

"Anh cần bỏ qua nhiều thứ, bác sĩ Goodweather," Setrakian nói. "Tôi biết là anh nghĩ mình đang mạo hiểm tin vào lời nói của một ông già lạ hoắc. Nhưng, trên một phương diện nào đó, tôi đang mạo hiểm gấp trăm ngàn lần khi giao trách nhiệm này cho anh. Điều chúng ta đang thảo luận ở đây chính là số phận của loài người - dù tôi không kỳ vọng anh hoàn toàn tin vào điều đó, hoặc hiểu được nó. Anh nghĩ anh đang kéo tôi vào công việc của anh. Sự thật là, tôi đang kéo anh vào công việc của tôi."

GIÁO SU GIÀ



Cửa hàng Đồ Cỏ và Cho Vây Knickerbocker, phố 118 Đông, Spanish Harlem

Eph đặt cái thẻ **VẬN CHUYỂN MÁU KHẮN CẤP** lên trước kính chắn gió và đậu xe tại khu vực đánh dấu chỗ đỗ hàng trên phố 119 Đông, theo Nora và Setrakian đi về phía Nam, qua một khu nhà đến cửa hàng cầm đồ ở góc phố của ông. Cửa ra vào có cổng chắn, cửa sổ được lắp cửa chớp bằng các tấm thép có khóa. Mặc dù tấm biển **ĐÓNG CỬA** đã được gắn trên cửa kính đề lên biển báo giờ mở cửa, một người đàn ông mặc áo khoác thủy thủ rách rưới, đội mũ len chớp cao - giống kiểu mũ những người theo phong trào Rastafari thường đội, chỉ có điều ông ta không có những lọn tóc tết kiểu dây thừng để nhồi cho căng mũ, nên cái mũ cứ rũ xuống đầu ông ta như chiếc bánh trứng phồng bị đổ - cầm một hộp đựng giày đứng bên cửa, đổi chân trụ liên tục.

Setrakian bước tới, cầm theo chùm chìa khóa lủng lẳng trên một sợi dây, lụi cùi mở hết khóa này khóa kia trên cổng, bắt những ngón tay xương xẩu của ông hoạt động. “Hôm nay không nhận cầm đồ đâu,” ông nói, liếc nhìn chiếc hộp trên tay người đàn ông.

“Nhìn này.” Từ trong hộp đựng giày, người đàn ông lấy ra một gói bọc khăn ăn bằng vải lanh, mở khăn để lộ ra chín, mười món đồ dùng nhà bếp. “Toàn đồ bạc tốt. Tôi biết ông có mua đồ bạc.”

“Vâng, đúng thế.” Setrakian, giờ đã mở được cổng, gác tay cầm của cây gậy dài lên vai và chọn một con dao, ước độ nặng nhẹ, cựa ngón tay lên lưỡi dao. Sau khi vỗ vỗ tay vào túi áo khoác, ông quay sang Eph. “Anh có mùi đồ không, bác sĩ?”

Chỉ mong sớm kết thúc vụ mua bán này, Eph lấy kẹp tiền của mình và rút ra một tờ mười đô. Anh đưa nó cho người đàn ông cầm hộp giày.

Setrakian trả lại đồng đô cho người đàn ông. “Cầm lấy đi,” ông nói. “Không phải bạc thật.”

Người đàn ông cảm kích nhận của bố thí và cầm chiếc hộp quay đi. “Chúa phù hộ ông.”

Setrakian bước vào cửa hiệu, nói, “Ta sẽ sớm biết điều đó thôi.”

Eph nhìn số tiền của mình mất hút xuôi con phố, rồi theo bước Setrakian vào trong.

“Đèn ở ngay trên tường kia.” ông nói, rồi kéo khít hai cánh cổng xếp và khóa lại.

Nora bật cùng lúc cả ba công tắc, ánh đèn rọi sáng các tủ kính, các bức tường trưng bày và lối vào nơi họ đang đứng. Đó là một cửa hàng nhỏ nằm ở góc phố, hình chiếc nêm, như thể nó đã được một chiếc búa gỗ đóng vào khe giữa những tòa nhà thành phố. Từ đầu tiên mà Eph nghĩ tới là “tạp nham”. Cực, cực nhiều thứ tạp nham. Những hệ thống loa stereo cổ. Những đầu đọc đĩa và các thiết bị điện tử lạc hậu khác. Trên tường trưng bày các loại nhạc cụ, trong số đó có một chiếc đàn banjo, một chiếc Keytar - một loại đàn organ đeo người và chơi như ghita - từ thập niên 80. Mấy bức tượng thờ và các bộ sưu tập đĩa. Vài máy quay đĩa cổ và bàn hòa âm nhỏ. Một quây kính có khóa trưng bày những chiếc trâm rẻ tiền cùng những vật trang sức lấp lánh, kém chất lượng. Có cả những cái giá treo quần áo, hầu hết là áo khoác mùa đông có cổ lông.

Có quá nhiều đồ tạp nham tới mức khiến Eph thất vọng. Phải chăng anh đã tốn thời gian quý báu của mình cho một người điên?

“Này,” anh nói với ông lão, “một đồng nghiệp của chúng tôi có lẽ đã bị nhiễm bệnh.”

Setrakian chống cây gậy ngoại cỡ bước ngang qua anh. Ông đưa bàn tay đeo găng nâng tấm chắn quỳ lên và mời Eph cùng Nora bước qua. “Ta sẽ lên đây.”

Cầu thang phía sau dẫn đến một cánh cửa trên tầng hai. Ông lão chạm vào hộp mezuzah⁽¹⁾ trước khi bước qua cánh cửa, rồi ông đặt cây gậy dựa vào tường. Đó là một căn phòng cũ kĩ, trần nhà thấp, thấm mòn vẹt. Có lẽ đồ đạc ở đây đã chẳng hề được di chuyển ba mươi năm rồi.

“Hai người có đói không?” Setrakian hỏi. “Cứ nhìn quanh đi, thế nào cũng tìm thấy thứ gì đó.” Setrakian mở nắp một cái hộp đựng thực phẩm nhiều màu, làm lộ ra một hộp bánh Devil Dog đã mở. Ông lấy ra một chiếc, xé lớp giấy bóng kính. “Đừng để bị đuối nhé. Giữ sức đi, hai người sẽ cần nó đấy.”

Ông lão cắn một miếng bánh phủ đầy kem trong lúc đi tới phòng ngủ để thay đồ. Eph nhìn quanh căn bếp nhỏ rồi nhìn Nora. Nơi này có mùi khá sạch sẽ dù trông có vẻ lộn xộn. Từ trên mặt chiếc bàn ăn chỉ có một ghế ngồi, Nora cầm lên một bức chân dung đen trắng được đóng khung chụp một phụ nữ trẻ tóc đen óng mượt bộ váy sẫm màu giản dị, đang tạo dáng trên một tảng đá lớn tại một bãi biển không người. Ngón tay cô gái đan vào nhau đặt trên đầu gối trần, vẻ mặt rạng rỡ, nụ cười quyến rũ. Eph quay lại chỗ hành lang họ đi qua ban nãy, ngắm nhìn những chiếc gương cũ kĩ treo trên tường - phải có đến hàng tá, đủ loại kích cỡ khác nhau, nứt nẻ và hằn vết thời gian. Sách cũ chất đống hai bên hành lang, khiến lối đi trở nên chật hẹp hơn.

Ông lão trở lại sau khi đã thay sang bộ đồ mới, nhưng cùng loại với bộ cũ: một bộ com lê vải tuyết cũ đi cùng áo gi lê, dây đeo quần, cà vạt và đôi giày da nâu đã được đánh bóng tới mòn cả da. Ông vẫn đeo đôi găng hở ngón trên bàn tay tàn tật của mình.

1. Hộp có chứa một mảnh giấy da cuộn tròn, có ghi những lời cầu nguyện. Người Do Thái tin rằng nó ngăn tai ương xâm nhập ngôi nhà của mình.

“Tôi thấy là ông sưu tập gương,” Eph nói.

“Một số loại nhất định. Những tấm kính cổ hé lộ cho ta biết nhiều điều.”

“Giờ ông đã sẵn sàng kể cho chúng tôi biết chuyện gì đang xảy ra chưa?”

Đầu ông lão hơi nghiêng qua một bên. “Bác sĩ, đây không phải điều có thể đơn giản kể ra là được. Nó là điều cần phải được hé lộ.” Ông bước qua Eph, tới cánh cửa nơi họ vừa bước vào. “Xin mời đi theo tôi.”

Eph theo chân ông lão xuống cầu thang, Nora đi phía sau. Họ đi qua cửa hàng cầm đồ ở tầng một, qua một cánh cửa khóa nửa tới một cầu thang xoắn ốc dẫn xuống dưới. Ông lão bước từng bước xuống các bậc thang hình tam giác, bàn tay xương xẩu trượt trên tay vịn cầu thang bằng sắt lạnh lẽo, giọng ông vang khắp lối đi hẹp. “Tôi luôn coi mình là một kho tàng về kiến thức cổ, về những người đã khuất và những cuốn sách bị lãng quên. Kiến thức tích lũy dần qua cả đời nghiên cứu.”

Nora nói, “Khi ông chặn chúng tôi lại bên ngoài nhà xác, ông đã nói một số điều. Ông ám chỉ rằng ông biết các xác chết trên máy bay đã không phân hủy theo cách bình thường.”

“Đúng vậy.”

“Dựa vào đâu?”

“Kinh nghiệm của tôi.”

Nora bối rối. “Kinh nghiệm về những vụ tai nạn máy bay khác?”

“Việc họ có mặt trên máy bay là hoàn toàn tình cờ. Thực ra, trước đây tôi đã từng nhìn thấy hiện tượng này. Ở Budapest, ở Basra. Ở Prague, và ở một nơi cách Paris không quá mười ki lô mét. Tôi đã nhìn thấy nó tại một làng chài nhỏ bên bờ sông Hoàng Hà. Tôi đã nhìn thấy nó tại độ cao hai nghìn mét trên dãy núi Altai ở Mông Cổ. Và đúng, tôi cũng đã nhìn thấy nó trên lục địa này. Nhìn thấy những dấu vết của nó. Thường nó bị xem như một loại sán, hoặc được giải thích là bệnh dại hay chứng tâm thần phân liệt, điên loạn, hay gần đây nhất, một vụ giết người hàng loạt...”

“Khoan đã, khoan đã. Ông đã bao giờ tận mắt chứng kiến những cái xác phân hủy chậm chưa?”

“Ở giai đoạn đầu thì có.”

Eph nói, “Giai đoạn đầu.”

Câu thang xoắn kết thúc tại một cánh cửa khóa. Setrakian lấy một chiếc chìa khóa, tách biệt với những chìa còn lại, đang treo lủng lẳng trên sợi dây chuyền đeo trên cổ ông. Những ngón tay cong queo của ông lão tra chiếc chìa vào hai cái khóa móc, một to, một nhỏ. Cánh cửa mở vào trong, ánh sáng nóng tự động bật lên, và họ theo chân ông tiến vào một căn hầm sáng và sâu hút.

Thứ đầu tiên đập vào mắt Eph là một bức tường treo toàn đồ giáp chiến đấu, từ bộ giáp kỵ sĩ đến áo giáp lưới sắt, hay những tấm giáp cổ và ngực của Samurai Nhật, cùng những thứ thô sơ hơn được làm từ da bện giúp bảo vệ cổ, ngực và háng. Có cả vũ khí: kiếm và dao được gắn trên tường, lưỡi sáng lạnh. Các thiết bị tân tiến hơn để trên một chiếc bàn thấp cũ kĩ và đang được sạc pin. Anh nhận ra cặp kính hồng ngoại và súng bắn đinh đã được cải tiến. Và lại rất nhiều gương, hầu hết đều cỡ bỏ túi, được bố trí để anh có thể thấy chính mình đang hoang mang nhìn chằm chằm căn phòng trưng bày... trưng bày gì nhỉ?

“Cửa hiệu” - ông lão chỉ tay lên tầng trên - “giúp tôi sống khá dư dả, nhưng tôi không đến với công việc kinh doanh này vì ham mê những chiếc radio bán dẫn hay đồ trang sức gia truyền.”

Ông đóng cánh cửa phía sau họ, những ánh đèn bao quanh khung cửa vụt tắt. Những bóng đèn cố định chạy theo chiều dọc và chiều dài của khung cửa - những bóng tuýp màu đỏ tía mà Eph nhận ra là đèn cực tím - được bố trí xung quanh cánh cửa như một trường lực ánh sáng.

Để ngăn chặn vi khuẩn xâm nhập vào phòng chẳng? Hay để phòng chống một thứ gì đó?

“Không,” ông lão tiếp tục. “lý do tôi chọn công việc này là bởi nó cho phép tôi tiếp cận một chợ đen buôn bán những vật

phẩm bí truyền, cổ vật hay sách quý. Đồ lậu, nhưng không hẳn là bất hợp pháp. Tôi kiếm chúng cho bộ sưu tập cá nhân và các nghiên cứu của mình.”

Eph nhìn xung quanh một lần nữa. Căn phòng này trông giống một kho chứa vũ khí nhỏ hơn là một bộ sưu tập đồ cổ. “Nghiên cứu của ông ư?”

“Đúng vậy. Tôi đã nhiều năm làm giáo sư Văn học và Văn hóa dân gian Đông Âu tại Đại học Vienna.”

Eph đánh giá ông lão một lần nữa. Đúng là ông có cách ăn mặc như một giáo sư Vienna. “Và ông nghỉ hưu để trở thành chủ hiệu cầm đồ ở Harlem ư?”

“Tôi không nghỉ hưu. Tôi bị ép nghỉ việc. Bị ruồng bỏ. Một vài thế lực đã chống lại tôi. Tuy nhiên, ngấm lại, việc ẩn lánh đi khi đó gần như đã cứu sống tôi. Thực ra đó là điều tốt nhất tôi có thể làm.” Ông quay mặt về phía họ, đan tay sau lưng, và nói. “Tai họa mà chúng ta đang chứng kiến giai đoạn đầu này đã tồn tại hàng thế kỷ. Hàng thiên niên kỷ. Mặc dù chưa thể chứng minh nhưng tôi ngờ rằng nó đã có từ thời cổ xưa nhất.”

Eph gật đầu, không hiểu rõ ý ông, chỉ lấy làm mừng vì cuối cùng mọi sự đã có tiến triển. “Nghĩa là ta đang nói về một loại vi rút.”

“Đúng vậy. Kiểu như thế. Một loại bệnh gây tổn hại cả về thể xác lẫn tinh thần.” Ông lão đang đứng ở một vị trí mà, từ góc nhìn của Eph và Nora, các thanh kiếm được sắp xếp trên tường xòe ra hai bên người ông như đôi cánh bằng thép lá. “Vậy thì, một loại vi rút? Đúng. Nhưng giờ tôi cũng muốn giới thiệu với hai người một từ khác.”

“Là gì vậy?” Eph hỏi.

“Ma cà rồng.”

Một từ như vậy, được nói ra bằng giọng nghiêm túc, đọng lại trong không gian một lúc lâu.

“Hai người,” giáo sư Setrakian nói, “hắn đang nghĩ tới một vai diễn cường điệu u ám với chiếc áo choàng lụa đen. Hay một nhân vật đầy quyền năng và tốc độ, với những chiếc răng nanh bị giấu đi. Hay một linh hồn sống nào đó mang gánh nặng của

lời nguyên bất tử. Hay... Bela Lugosi gặp Abbott và Costello⁽¹⁾.”

Nora nhìn quanh căn phòng lần nữa. “Tôi chẳng hề thấy thánh giá hay nước thánh. Cũng không có vòng tôi.”

“Tôi có một số thành phần miễn dịch đáng quan tâm, và trong vài trường hợp nó có thể hữu ích. Vì vậy, sự xuất hiện của nó trong các câu chuyện thần thoại là dễ hiểu về mặt sinh học, theo một mức độ nào đó. Nhưng thánh giá và nước thánh ư?” Ông nhún vai. “Sản phẩm của một thời đã qua. Sản phẩm từ trí tưởng tượng bị kích động của một tác giả Ai Len thời Victoria, và từ bối cảnh tôn giáo thời đó.”

Setrakian đã đoán trước sự nghi ngờ của họ.

“Chúng vẫn luôn tồn tại.” ông nói tiếp. “Ẩn mình, kiểm ăn. Trong bí mật và bóng tối, bởi vì đó là bản chất của chúng. Có bảy con đầu tiên, được gọi là những Ma cà rồng Cổ Đại. Các Chúa Tể. Không phải mỗi con một châu lục. Chúng không sống độc lập mà sống theo nhóm. Mãi tới gần đây - ‘gần đây’ đối với vòng đời bất tử của chúng - chúng tản đi khắp các vùng lãnh thổ rộng lớn nhất, như ngày nay ta biết là châu Âu và châu Á, Liên bang Nga, bán đảo Ả Rập, và lục địa châu Phi. Nói cách khác là Cựu Thế giới. Có một sự chia cắt, một cuộc xung đột trong loài của chúng. Bản chất của sự bất đồng này thì tôi không rõ là gì. Chỉ biết rằng, cuộc xung đột này xảy ra trước khi ta khám phá ra Tân Thế giới hàng thế kỷ. Sau đó, việc thành lập các thuộc địa ở châu Mỹ đã mở ra một vùng đất mới màu mỡ. Ba con ở lại Cựu Thế giới, còn ba con tới Tân Thế giới. Cả hai phía đều tôn trọng vùng lãnh thổ của nhóm còn lại, và hòa ước được chấp thuận và duy trì.

“Vấn đề nằm ở con Cổ Đại thứ bảy. Nó là kẻ xảo quyết đã quay lưng lại với cả hai phe. Mặc dù hiện tại, tôi không thể chứng minh được điều đó, nhưng tính bất ngờ của hành động này khiến tôi tin nó là kẻ đứng đằng sau mọi chuyện.”

“Chuyện này,” Nora nói.

1. Abbott và Costello là hai diễn viên trong bộ phim *Abbott and Costello Meet Frankenstein* (Abbott và Costello gặp Frankenstein), trong đó Bela Lugosi đóng vai ma cà rồng Dracula.

“Chuyện xâm phạm vào Tân Thế giới này. Phá vỡ thỏa thuận linh thiêng. Chuyện này làm mất cân bằng sự tồn tại loài của chúng. Một hành động, về cơ bản, khơi mào chiến tranh.”

Eph nói, “Một cuộc chiến của ma cà rồng u.”

Setrakian mỉm cười một mình. “Anh đơn giản hóa chuyện này vì anh không thể tin. Anh giảm bớt, giản lược nó đi. Bởi anh được dạy cần phải nghi ngờ và lật tẩy. Phải giản lược vấn đề tới mức thành những gì đã biết để dễ hiểu. Vì anh là bác sĩ, con người khoa học, và vì đây là nước Mỹ - nơi mọi thứ đều được biết được hiểu, và Chúa là một đấng tối cao nhân từ, còn tương lai thì phải luôn tươi sáng.” Ông siết chặt đôi bàn tay xương xẩu, gồng hết sức, chạm những đầu ngón tay trần lên môi trong một phút trầm ngâm. “Đó là tinh thần ở nơi này, và nó thật tuyệt vời. Thật đấy, tôi không có ý châm chọc đâu. Thật tuyệt khi chỉ tin vào những gì mình *muốn* tin, và bỏ qua tất thảy những thứ khác. Tôi tôn trọng sự hoài nghi của anh, bác sĩ Goodweather. Và tôi nói thế này với hy vọng rằng anh, đổi lại, sẽ tôn trọng kinh nghiệm của tôi trong lĩnh vực này, và cho phép những quan sát của tôi được tiếp cận với tư duy vô cùng văn minh và khoa học của anh.”

Eph nói, “Vậy ý ông là, cái máy bay... một trong số chúng đã có mặt trên đó. Gã ma cà rồng này.”

“Chính xác.”

“Trong quan tài. Trong khoang chứa hàng.”

“Một quan tài đầy đất. Chúng là những sinh vật của lòng đất, và muốn trở về nơi chúng được sinh ra. Giống như giun. *Sâu bọ*. Chúng đào hang làm tổ. Ta có thể gọi đó là ngủ.”

“Tránh khỏi ánh sáng ban ngày,” Nora nói.

“Khỏi ánh sáng mặt trời, đúng vậy. Đó là thời gian chúng dễ bị tổn thương nhất.”

“Nhưng ông nói đây là một cuộc chiến của ma cà rồng. Không phải ma cà rồng chống lại con người à? Tất cả những hành khách đã chết đó.”

“Đây cũng là điều hai người khó có thể chấp nhận được. Nhưng với bọn chúng, ta không phải là kẻ thù. Ta không đáng

là kẻ thù của bọn chúng. Trong mắt chúng, ta thậm chí chưa đạt tới tầm đó. Đối với bọn chúng, ta là những con mồi. Chúng ta như thức ăn và nước uống. Như bầy thú trong chuồng. Như chai lọ trên kệ.”

Eph rùng mình, nhưng nhanh chóng rũ bỏ phản ứng run rẩy đó. “Đối với nhiều người, chuyện này nghe quá giống khoa học giả tưởng.”

Setrakian chỉ về phía anh. “Cái thiết bị trong túi quần anh. Điện thoại di động của anh. Anh bấm vài con số, và lập tức anh được trò chuyện với một người khác ở bên kia bán cầu. Đó là khoa học giả tưởng, bác sĩ Goodweather ạ. Khoa học giả tưởng trở thành sự thật.” Đến đây Setrakian mỉm cười. “Anh có cần chứng minh không?”

Setrakian tới chỗ một ghế băng thấp sát bức tường dài. Trên ghế có thứ gì đó phủ tấm lụa đen, và ông với lấy nó theo một cách lạ lùng, vươn dài cánh tay, nhón lấy mép vải gần nhất trong khi giữ cơ thể mình càng xa càng tốt, rồi ông kéo tấm vải che ra.

Một bình thủy tinh. Thường dùng để đựng mẫu xét nghiệm, có thể mua tại bất cứ hiệu thuốc nào.

Bên trong, lơ lửng trong một loại dung dịch đục ngầu, là một quả tim người được bảo quản cẩn thận.

Từ cách khoảng một mét, Eph cúi người xem xét. “Tim của một phụ nữ, căn cứ theo kích cỡ của nó. Khỏe mạnh. Và khá trẻ. Một mẫu vật còn mới.” Anh quay lại nhìn Setrakian. “Ông đã lấy nó ở đâu?”

“Tôi cắt nó ra từ ngực một góa phụ trẻ trong một ngôi làng ngoài Shkodër, miền Bắc Albania, vào mùa xuân năm 1971.”

Eph mỉm cười trước câu chuyện kỳ lạ của ông lão, rồi cúi sát để nhìn kỹ chiếc bình hơn.

Một thứ gì đó trông như xúc tu vọt ra khỏi quả tim, một đầu mút của nó bám vào thành thủy tinh Eph đang ghé mắt vào.

Anh vội thẳng người lên. Anh đứng chết trân, nhìn chằm chằm chiếc bình.

Nora, bên cạnh anh, nói, “Ừm... cái quái gì thế?”

Quả tim bắt đầu chuyển động trong dung dịch huyết thanh.

Nó đang đập.

Thình thịch.

Anh quan sát giác mút xúc tu bệt, trông như cái miệng, đang kỳ cọ thành thủy tinh. Anh nhìn Nora, đứng ngay cạnh anh, cô cũng đang nhìn chăm chăm vào quả tim. Rồi anh nhìn Setrakian, ông vẫn không hề nhúc nhích, tay đút túi.

Setrakian nói, “Nó hoạt động bất cứ khi nào có máu người ở gần.”

Eph trợn mắt, không thể tin nổi. Anh nhích lại gần hơn, lần này sang phía bên phải của đầu giác mút tái nhợt ấy. Xúc tu tách khỏi bề mặt thủy tinh, rồi đột ngột xông về phía anh một lần nữa.

“*Lạy Chúa!*” Eph kêu lên. Cái cơ quan đang đập thình thịch đó trôi nổi trong dung dịch như một con cá đột biến lớn. “Nó sống mà không có...” Không có nguồn cung cấp máu. Anh nhìn vào những tĩnh mạch, động mạch chủ và tĩnh mạch chủ đã bị cắt đứt của nó.

Setrakian nói, “Nó không sống hay chết. Nó hoạt động. Anh có thể nói rằng nó bị ám, nhưng theo nghĩa đen. Nhìn kỹ lại đi, anh sẽ thấy.”

Eph quan sát nhịp đập của nó, nhịp đập bất thường, hoàn toàn không giống nhịp tim bình thường. Anh thấy thứ gì đó đang di chuyển bên trong. Ngoằn ngoèo.

“Một... con giun?” Nora hỏi.

Một con giun nhỏ, màu hồng tái, dài từ năm đến tám phân. Họ quan sát nó di chuyển loanh quanh trong quả tim, trông như thể một lính gác đơn độc đang nghiêm túc đi tuần trong một căn cứ đã bị bỏ hoang từ lâu.

“Một con giun hút máu,” Setrakian nói. “Một loại ký sinh mao dẫn sinh trưởng trong các cơ thể bị nhiễm. Dù không có bất cứ bằng chứng nào, tôi ngờ rằng nó chính là con đường lây lan vi rút. Là vật chủ trung gian đích thực.”

Eph lắc đầu hoài nghi. “Còn... còn xúc tu này?”

“Vi rút này sao chép hình dạng vật chủ, rồi tự cấu tạo hệ sinh học của riêng nó để có thể sinh tồn một cách tốt nhất. Nói cách khác, nó xâm chiếm và thích nghi với vật chủ để sống sót. Và trong trường hợp này, vật chủ chính là cơ quan đã bị tách ra đang trôi nổi trong bình kia, vi rút này tìm cách tự tiến hóa cơ chế sinh học của nó để nhận chất dinh dưỡng.”

Nora nói, “Chất dinh dưỡng ư?”

“Loài giun này sống bằng máu. Máu người.”

“Máu?” Eph liếc nhìn quả tim bị chiếm hữu. “Của ai?”

Setrakian rút bàn tay trái khỏi túi quần. Những đầu ngón tay nhăn nheo lộ ra ở đầu găng. Đầu ngón giữa của ông có sẹo, mất hẳn vân.

“Một vài giọt đủ cho vài ngày. Nó đang đói đấy. Tôi đã vắng nhà khá lâu.”

Ông bước tới bên chiếc ghế băng và mở nắp bình - Eph lùi lại để quan sát - và, bằng một mũi dao nhỏ móc trong chùm chìa khóa của mình, ông chích đầu ngón tay đang gio trên chiếc lọ. Ông không chút do dự, nó hẳn đã trở thành một thói quen khiến ông chẳng còn thấy đau nữa.

Máu của ông nhỏ vào dung dịch huyết thanh.

Xúc tu hút những giọt máu đỏ bằng đầu mút của mình, trông như một con cá đang đói.

Xong việc, ông lão lấy ít băng dán dạng lỏng từ một lọ nhỏ trên chiếc ghế và chấm lên đầu ngón tay, rồi đậy nắp bình huyết thanh.

Eph quan sát sinh vật kia chuyển thành màu đỏ. Con giun bên trong quả tim di chuyển linh hoạt hơn, khỏe hơn. “Ông nói rằng, ông đã giữ thứ này tại đây kể từ...?”

“Kể từ mùa xuân năm 1971. Tôi không hay đi nghỉ...” Ông mỉm cười sau câu đùa vật vãnh của mình, nhìn ngón tay vừa bị chích, xoa xoa đầu ngón tay đã khô máu. “Cô ấy là một người chết sống dậy, một người bị nhiễm. Người đã bị *biến đổi*. Những con Cổ Đại, luôn muốn ẩn mình, sẽ lập tức giết chết kẻ chúng hút máu, để ngăn chặn mọi sự lây lan vi rút của chúng. Bằng

cách nào đó, một kẻ đã thoát được, trở về nhà để lây nhiễm cho người thân, bạn bè, hàng xóm, đào bới trong ngôi làng nhỏ đó. Quả tim của người góa phụ này đã duy trì được bốn tiếng trước khi tôi tìm thấy cô ấy.”

“Bốn tiếng ư? Làm sao ông biết?”

“Tôi thấy dấu hiệu. Dấu hiệu *strigoi*.”

Eph nói, “*Strigoi*?”

“Cách gọi ma cà rồng của Cựu Thế giới.”

“Còn dấu hiệu đó?”

“Điểm thâm nhập. Một vết xước mỏng ngang cổ họng, mà tôi đoán là bây giờ hai người đã thấy rồi.”

Eph và Nora gật đầu. Nghĩ về Jim.

Setrakian bổ sung, “Phải nói rằng, tôi không phải kẻ quen thói cắt tim người chết. Đó là một công việc dơ bẩn tôi tình cờ gặp phải. Nhưng nó hoàn toàn cần thiết.”

Nora nói, “Vậy là ông đã để nó sống tiếp từ đó đến giờ, cho nó ăn như một... một thú cưng?”

“Đúng vậy.” Ông nhìn xuống chiếc bình, gần như triu mến. “Nó như một lời nhắc nhở hằng ngày. Về thứ tôi đang đối đầu. Thứ mà giờ đây *ta* đang đối đầu.”

Eph kinh ngạc. “Trong suốt thời gian qua... sao ông không chỉ cho ai thấy thứ này? Một trường y chẳng hạn. Hay chương trình thời sự buổi tối?”

“Nếu dễ dàng như vậy, bác sĩ à, thì bí mật này đã được biết đến từ nhiều năm trước rồi. Có nhiều thế lực liên kết chống lại chúng ta. Đây là một bí mật cổ xưa, và nó cắm rất sâu. Động chạm tới nhiều thứ. Sự thật sẽ không bao giờ đến được với số đông, mà sẽ bị chôn vùi, cả tôi cũng bị chôn theo nữa. Đó là lý do tôi lẩn trốn tại đây - tránh sự chú ý - suốt bao năm nay. Chờ đợi.”

Cuộc trò chuyện này khiến Eph dựng tóc gáy. Sự thật đang hiện diện ở đó, ngay trước mắt anh: quả tim người trong một chiếc bình, bên trong có một con giun thềm khát máu của ông lão.

“Tôi không giỏi giữ những bí mật có thể gây nguy hại cho

tương lai loài người. Không ai khác biết về chuyện này sao?”

“Ồ, có người biết chứ. Có đấy. Một kẻ quyền lực. Chúa Tế - hẳn không thể di chuyển nếu không được hỗ trợ. Một liên minh con người chắc hẳn đã tìm cách bảo vệ và giúp đỡ hẳn di chuyển. Hai người biết đấy - ma cà rồng không thể tự mình vượt đại dương, trừ phi chúng được một con người hỗ trợ. Một con người mời chúng vào. Và giờ đây, thỏa thuận - hòa ước - đã bị phá vỡ. Bởi một liên minh giữa *strigoi* và con người. Đó là lý do tại sao cuộc tấn công này ghê rợn đến vậy. Và đáng sợ tột cùng đến vậy.”

Nora quay sang Setrakian. “Chúng ta còn bao nhiêu thời gian?”

Ông lão đã nhắm tính từ trước. “Sẽ mất chưa đến một tuần để hẳn xử gọn cả Manhattan, và chưa đầy một tháng để chiếm xong cả nước. Trong vòng hai tháng - cả thế giới.”

“Không đời nào,” Eph nói. “Sẽ không có chuyện đó đâu.”

“Tôi ngưỡng mộ thái độ quả quyết của anh,” Setrakian nói. “Nhưng anh vẫn chưa hiểu rõ mình đang đối đầu với cái gì đâu.”

“Được thôi,” Eph nói. “Vậy hãy cho tôi biết - chúng ta sẽ bắt đầu từ đâu?”

Công viên Place, Tribeca

VASILIIY FET đỗ chiếc xe tải biển đăng ký thành phố bên ngoài một tòa chung cư tại khu trung tâm Manhattan. Nhìn bề ngoài, nó có vẻ không giống một tòa chung cư cho lắm, nhưng nó có mái hiên và người gác cửa, và dù gì thì đây cũng là Tribeca. Hẳn anh đã kiểm tra lại địa chỉ nếu như không có chiếc xe tải của Sở Y tế đậu trái phép phía trước, đèn báo hiệu màu vàng đang quay tròn. Trớ trêu thay, tại hầu hết các tòa nhà và căn hộ trong gần như toàn thành phố, những kẻ tiêu diệt động vật gây hại luôn được chào đón nồng nhiệt, y như cảnh sát tới hiện trường vụ án. Nhưng Vasiliy tin rằng nơi này không như vậy.

Chiếc xe tải của anh có ghi dòng chữ BPCS-CNY, viết tắt của Bureau of Pest Control Services, City of New York (Cục Kiểm soát Động vật Gây Hại, Thành phố New York). Thanh tra Sở Y tế, Bill Furber, gặp anh tại cầu thang bên trong. Billy có bộ ria mép vàng bẽ cong xuống cứ nhấp nhô theo cơ mặt do ông ta liên tục nhai kẹo cao su thay cho nicotin. “Vaz,” ông ta gọi anh, bằng tên gọi tắt thay cho Vasya, một dạng nói tắt quen thuộc của tên anh trong tiếng Nga. Vaz, hay chỉ đơn giản là V, theo cách người khác vẫn thường gọi anh, là một người Mỹ gốc Nga thế hệ hai, chất giọng cục cằn đặc sệt Brooklyn. Anh là người to lớn, choán gần hết chỗ trên bậc cầu thang.

Billy vỗ cánh tay anh, cảm ơn anh vì đã tới. “Cháu gái của em họ tôi ở đây, bị cắn vào miệng. Tôi biết - tòa nhà này chẳng phải kiểu của tôi, nhưng tôi có thể làm gì chứ, chúng cưới nhau và được thừa hưởng bất động sản. Chỉ nói để anh biết thôi - gia đình là thế mà. Tôi đã bảo với họ rằng tôi sẽ tìm về một gã diệt chuột giỏi nhất khắp năm quận.”

Vasiliy gặt đầu, thâm tự hào theo cái cách đặc trưng của những gã diệt động vật gây hại. Một người diệt động vật gây hại luôn thành công thầm lặng. Thành công ở đây nghĩa là không để lại một dấu hiệu nào của thành công, không một dấu vết cho thấy vấn đề từng phát sinh, cho thấy một con vật gây hại từng tồn tại hay một cái bẫy từng được đặt. Nó có nghĩa là giữ gìn trật tự.

Anh kéo theo một cái hòm có bánh xe giống như một bộ dụng cụ của thợ sửa máy tính. Phía bên trong góc xếp mở vào những trần nhà cao, cùng những căn phòng rộng, một căn hộ một trăm bảy mươi mét vuông dễ phải đáng giá ba triệu đô trên thị trường bất động sản New York. Ngồi trên chiếc sofa lùn, vững chãi màu cam bóng rổ bên trong một căn phòng lát kính, gỗ tếch và crôm dây đồ công nghệ cao là một cô bé đang ôm chặt con búp bê bên cạnh người mẹ. Một băng y tế lớn dán trên môi trên và má con bé. Người mẹ cắt tóc ngắn tới tận da đầu, đeo kính gọng chữ nhật nhỏ và mặc váy len xanh lá dài tới đầu gối. Đối với Vasiliy, cô ta y như một lữ khách đến từ một tương

lai rất mốt và lưỡng tính vậy. Con bé còn nhỏ, chỉ khoảng năm sáu tuổi, vẫn rất sợ hãi. Vasiliy đáng lẽ đã cố mỉm cười, nhưng khuôn mặt anh thuộc dạng hiếm khi có thể trấn tĩnh được trẻ con. Anh có quai hàm trông như mặt đế phẳng lì của lưỡi rìu, hai mắt cách xa nhau.

Một ti vi màn hình phẳng treo trên tường trông như một bức tranh lớn được đóng khung kính. Trên màn hình, ngài thị trưởng đang nói vào một bó micro. Ông ta đang cố gắng trả lời các câu hỏi về vụ mất tích của những xác chết trên máy bay, những xác chết đã biến mất khỏi nhà xác trong thành phố. Lực lượng cảnh sát New York đang đề cao cảnh giác, và chủ động dừng mọi xe tải đông lạnh tại các cầu và đường hầm. Một đường dây điện thoại phục vụ thông tin cảnh báo khủng bố đã được thiết lập. Gia đình các nạn nhân phẫn nộ, các đám tang phải hoãn lại.

Bill dẫn Vasiliy tới phòng ngủ của bé gái. Một chiếc giường chẳng rèm, một ti vi nhãn hiệu Bratz khảm ngọc cùng một máy tính xách tay đồng bộ, và một con ngựa bông máy màu bơ đường trong góc phòng. Mắt Vasiliy ngay lập tức hướng tới một gói thức ăn gần giường. Bên trong là bánh nướng cùng bơ đậu phộng. Cũng là món khoái khẩu của anh.

"Lúc đó con bé đang chợp mắt ở đây," Billy nói. "Nó thức giấc do cảm thấy có gì đó đang gặm môi nó. Thứ đó ở trên gối của con bé, Vaz à. Một con chuột trên giường con bé. Có khi cả tháng tới nó không dám ngủ nữa. Anh gặp vụ này lần nào chưa?"

Vasiliy lắc đầu. Chuột ở khắp trong và ngoài mọi tòa nhà tại Manhattan - bất kể chủ nhà nói hay người thuê nghĩ gì - nhưng chúng không thích để lộ mình, đặc biệt là ngay giữa ban ngày. Những vụ chuột tấn công thường liên quan tới trẻ em, chủ yếu là quanh vùng miệng, bởi đó là nơi phát ra mùi thức ăn. Loài chuột Na Uy - *Rattus norvegicus*, chuột thành phố - có giác quan nhận biết mùi vị cực nhạy. Răng cửa trước của nó dài và sắc, khỏe hơn cả nhôm, đồng, chì hay sắt. Chuột gặm là nguyên nhân của một phần tư những vụ đứt dây cáp điện trong thành

phố, và là thủ phạm đáng nghi của từng ấy phần trăm những vụ cháy không rõ nguyên do. Độ cứng của răng chúng có thể sánh ngang thép, và cấu trúc hàm giống cá sấu của chúng tạo nên áp lực cắn hàng trăm tới hàng ngàn ki lô gam. Chúng có thể gặm xi măng và thậm chí là đá.

Vasiliy nói, “Thế con bé có tận mắt nhìn thấy con chuột không?”

“Con bé chẳng biết thứ đó là gì. Nó la hét vụt đập, và thứ đó chạy mất. Phòng cấp cứu bảo đó là chuột.”

Vasiliy tới chỗ cánh cửa sổ đang mở vài phân để gió lùa vào. Anh mở cửa rộng hơn và nhìn xuống một ngõ hẹp lát sỏi cách đó ba tầng. Lối thoát cứu hỏa cách cửa sổ ba bốn mét, nhưng lớp ốp gạch cũ hàng thế kỷ thì gồ ghề và lởm chởm. Mọi người cứ nghĩ lũ chuột béo và đi ục ịch, nhưng thực chất chúng di chuyển với tốc độ nhanh như sóc. Nhất là khi chúng bị kích thích bởi thức ăn hay sợ hãi.

Vasiliy đẩy giường của cô bé ra khỏi tường và tháo chăn ga đệm. Anh di chuyển ngôi nhà búp bê, bàn giấy và giá sách để xem xét phía sau, nhưng anh không hề hy vọng con chuột vẫn còn trong phòng ngủ này. Anh chỉ đang loại trừ khả năng hiển nhiên đó.

Anh bước ra hành lang, kéo theo cái hòm gắn bánh xe trên mặt sàn gỗ nhẵn nhụi sơn bóng loáng. Lũ chuột có thị giác rất kém, chúng di chuyển chủ yếu bằng cảm giác. Chúng di chuyển nhanh do thói quen, theo những lối đi đã mòn vết chân chúng dọc các bức tường thấp. Chúng thường không bỏ xa tổ quá mười tám mét. Chúng không tin tưởng những khung cảnh thiếu quen thuộc. Con chuột này hẳn đã tìm ra cánh cửa và rẽ vào góc, men sát bức tường phía bên phải, bộ lông thô cứng của nó lướt trên sàn. Cánh cửa mở tiếp theo dẫn vào phòng tắm riêng của bé gái, được trang trí bằng một thảm phòng tắm hình dâu tây, một rèm bồn tắm màu hồng nhạt và một sọt đựng sữa tắm tạo bọt cùng đồ chơi. Vasiliy lướt mắt khắp phòng, tìm kiếm những nơi có thể ẩn nấp, rồi hít ngửi không khí. Anh gạt đầu ra hiệu với Billy, và ông ta đóng cửa lại.

Billy nấn ná một phút, nghe ngóng, rồi quyết định quay trở lại trấn an người mẹ. Ông ta đã gần tới nơi thì chợt nghe thấy, từ phòng tắm trên hành lang đó, một tiếng *RẦM!* rất lớn - âm thanh chai lọ rơi vào bồn tắm - và một tiếng làu bàu to, rồi giọng Vasiliy, trở nên dữ tợn, phun ra những lời chửi rủa bằng tiếng Nga.

Bà mẹ và đứa con có vẻ kinh hãi. Billy giơ tay ra dấu cho họ bình tĩnh - ông ta đã vô tình nuốt mất miếng kẹo cao su - rồi vội chạy trở lại hành lang.

Vasiliy mở cửa phòng tắm. Anh đang đeo đôi găng đánh bẫy Kevlar dài tay và cầm một cái bao lớn. Thứ gì đó bên trong bao đang quần quai cào xé. Và nó rất lớn.

Vasiliy gật đầu trao cái bao cho Billy.

Billy chẳng thể làm gì khác ngoài nhận lấy nó, bằng không cái bao sẽ rơi xuống và con chuột sẽ trốn thoát. Ông ta hy vọng lớp vải chắc chắn như vẻ bề ngoài, con chuột lớn đang vùng vẫy vật lộn bên trong. Billy vươn thẳng tay để đưa cái bao tránh xa hết mức dù vẫn giữ con chuột đang vùng vằng trên cao. Trong khi đó, Vasiliy điềm tĩnh - nhưng chậm rãi quá mức - mở cái hòm của mình. Anh lấy ra một bọc kín, một miếng xốp tắm sẵn thuốc mê. Vasiliy lấy lại cái bao, và Billy sung sướng vô cùng khi thoát khỏi nó. Anh mở miệng bao chỉ vừa đủ lâu để cho thuốc mê vào, sau đó đóng nó lại. Ban đầu, con chuột vẫn vật lộn dữ dội. Và rồi nó chậm dần lại. Vasiliy lắc cái bao để quá trình này diễn ra nhanh hơn.

Anh đợi thêm một lúc sau khi con chuột ngừng vùng vẫy, rồi mở bao và rút tay vào trong, kéo đuôi nó ra trước tiên. Nó đã được làm cho hết hung hăng, nhưng không bất tỉnh, đôi bàn chân trước màu hồng của nó vẫn cào móng trong không trung, hàm vẫn đớp, và đôi mắt đen bóng loáng của nó mở to. Con này tương đối to, thân dài khoảng hai mươi phân, thêm cái đuôi là hai mươi phân nữa. Lớp lông cứng thân trên màu đen, thân dưới màu trắng. Chẳng thể là vật nuôi bỏ trốn của ai đó, nó là một con chuột hoang thành phố.

Billy lùi lại mấy bước. Ông ta từng trông thấy rất nhiều

chuột, nhưng chẳng thể nào quen được với chúng. Vasiliy thì dường như không thấy có vấn đề gì.

“Nó đang có bầu,” Vasiliy nói. “Loài chuột chỉ mang thai trong vòng hai mươi mốt ngày và có thể đẻ một lứa tới hai mươi con. Một con chuột cái khỏe mạnh có thể đẻ hai trăm năm mươi con mỗi năm - một nửa trong lứa đó lại là những con cái nữa sẵn sàng giao phối. “Muốn tôi lấy máu nó khám nghiệm không?”

Billy lắc đầu, tỏ thái độ kinh tởm như thể Vasiliy đang hỏi liệu ông ta có muốn ăn thịt nó không vậy. “Con bé đã được tiêm tại bệnh viện rồi. Nhìn kích cỡ của nó kia, Vaz. Chúa ơi. Ý tôi là, đây không phải” - Billy hạ giọng - “đây không phải một nhà tập thể nào đó ở Bushwick, anh hiểu ý tôi không?”

Thực tình Vasiliy hiểu ý ông ta. Hiểu ngầm. Hồi mới đến đây, cha mẹ của Vasiliy từng định cư ở Bushwick. Bushwick đã từng chứng kiến nhiều làn sóng di dân kể từ giữa thập niên 1800: người Đức, Anh, Ai Len, Nga, Ba Lan, Ý, người Mỹ gốc Phi, Puerto Rico. Giờ thì tới người Dominica, Guyana, Jamaica, Ecuador, Ấn Độ, Triều Tiên, Đông Nam Á. Vasiliy đã dành rất nhiều thời gian ở những vùng nghèo nhất New York. Anh biết có những gia đình phải sử dụng đến đệm ghé, sách và các vật dụng trong nhà để dựng tường che chắn phần căn hộ của họ mỗi đêm, cố gắng ngăn lũ chuột xâm nhập.

Nhưng vụ tấn công này quả thực khác thường. Giữa ban ngày. Liều lĩnh. Thông thường chỉ những con chuột yếu nhất, buộc phải ra khỏi bầy đàn, mới ló mặt để tìm kiếm thức ăn. Nhưng đây là một con chuột cái khỏe mạnh. Vô cùng bất thường. Chuột cùng tồn tại trong thế cân bằng mong manh với con người, chúng khai thác những kẽ hở của thế giới văn minh, sống nhờ chất thải và đồ thừa của loài lớn hơn, và luôn ẩn mình, đằng sau những bức tường hoặc bên dưới những mặt sàn. Sự xuất hiện của một con chuột tượng trưng cho nỗi lo lắng và sợ hãi của con người. Bất kỳ sự xâm phạm nào vượt ra khỏi thói quen kiếm ăn ban đêm thông thường của chúng đều cho thấy một sự thay đổi trong môi trường. Cũng như con người, chuột

không thích chấp nhận rủi ro vô ích: chúng hẳn đã bị bắt buộc phải làm vậy từ dưới lòng đất.

“Muốn tôi chải lông tìm bọ chết không?”

“Chúa ơi, không. Cứ gói vào và tống khứ nó đi. Dù làm gì đi nữa cũng đừng để con bé nhìn thấy. Con bé đã hoảng loạn đủ rồi.”

Vasiliy lấy từ bộ đồ nghề ra một túi nhựa lớn rồi gói con chuột chung với một miếng xấp tấm thuốc mê nữa, lần này là một liều đủ để giết chết nó. Anh nhét cái túi vào trong bao để giấu bằng chứng, rồi tiếp tục công việc của mình, bắt đầu từ nhà bếp. Anh dịch chuyển cái lò nướng tám bếp nặng trĩu và máy rửa bát. Anh kiểm tra các lỗ cống dưới bồn rửa. Anh không hề thấy phân chuột hay vết hang đào bới, nhưng anh vẫn rắc một ít bả, bởi dù sao cũng đã đến đây rồi. Anh làm vậy nhưng không hề thông báo cho chủ nhà. Mọi người đều lo lắng về chất độc, đặc biệt là các bậc cha mẹ, nhưng sự thực là bả chuột rải khắp mọi tòa nhà và đường phố Manhattan. Nếu bắt gặp bất cứ thứ gì giống như kẹo quả mọng Pop Rocks xanh dương hay hạt thức ăn màu xanh lá, ta có thể hiểu rằng chuột đã từng xuất hiện gần đó.

Billy theo sau anh xuống tầng hầm. Nơi này gọn gàng và ngăn nắp, chẳng hề có dấu hiệu của đồ bỏ hay rác mềm để làm tổ. Vasiliy nhìn quanh gian phòng, đánh hơi mùi phân chuột. Anh có cái mũi rất nhạy mùi chuột, cũng như chuột có mũi rất nhạy mùi người. Anh tắt đèn, dù cho Bill có cảm thấy khó chịu đi nữa, rồi bật chiếc đèn pin gài trên thắt lưng của bộ áo liền quần xanh nhạt, nó phát ra ánh sáng tím thay vì ánh sáng trắng. Nước tiểu của loài gặm nhấm sẽ hiện màu sáng tím dưới ánh đèn tử ngoại, nhưng tại đây anh không thấy bất cứ gì. Anh thả bả chuột vào những chỗ có rãnh rồi đặt những bẫy nhỏ loại “nhà trọ” ở các góc, chỉ để đề phòng, rồi theo Billy trở lại sảnh.

Billy cảm ơn Vasiliy, tỏ lòng cảm kích, rồi họ chia tay tại cửa. Dù vậy, Vasiliy vẫn thấy bối rối, và, sau khi đặt bộ dụng cụ của mình cùng con chuột chết trở lại sau xe tải, anh châm một điếu Corona Dominican rồi bắt đầu rảo bước. Anh đi dọc phố

và rẽ vào một ngõ hẹp lát đá mà anh đã nhìn xuống qua cửa sổ phòng bé gái. Tribeca là khu vực duy nhất tại Manhattan vẫn còn có ngõ hẻm.

Chỉ mới được vài bước, Vasiliy đã thấy con chuột đầu tiên. Nó đi dọc theo rìa tòa nhà, thận trọng ngó quanh. Và rồi anh thấy một con nữa trên cành một cây nhỏ chật vật mọc bên một bức tường gạch thấp. Và con thứ ba, ngồi trong một máng nước bằng đá, đang uống dòng nước nâu chảy từ một nguồn rác thải hay nước cống đâu đó.

Trong lúc anh đứng quan sát, bọn chuột bắt đầu xuất hiện trên con đường lát đá. Nói cho đúng ra là chúng cào bò lên từ kẽ giữa những hòn đá mòn, chui lên từ lòng đất. Chuột là loài có khung xương đàn hồi, cho phép chúng len qua những lỗ không lớn hơn hộp sọ của chúng, rộng khoảng hai phân. Chúng chui lên qua khe hở hai, ba con cùng lúc, rồi nhanh chóng phân tán. Vasiliy ước lượng lũ chuột này dài khoảng từ hai mươi tới hai lăm phân, và dài gấp đôi nếu tính cả đuôi. Nói cách khác, chúng là chuột trưởng thành.

Hai túi rác gần anh đang phập phồng, những con chuột đang gặm sâu vào bên trong đó. Một con chuột nhỏ đang cố chạy vọt qua anh tới một thùng rác, và Vasiliy giơ ủng đá con vật gặm nhấm này bay ra sau năm mét. Nó rơi xuống giữa hẻm, bất động. Chỉ trong vòng vài giây, những con chuột khác lao vào nó vói vẻ háu đói, răng cửa vàng dài ngoạm qua lớp lông của nó. Cách hiệu quả nhất để tiêu diệt chuột là loại bỏ nguồn thức ăn khỏi môi trường sống của chúng và rồi để chúng ăn thịt lẫn nhau.

Lũ chuột này đang đói, và chúng đang trên đường di tản. Hoạt động trên mặt đất vào ban ngày như vậy quả là hiếm gặp. Kiểu di chuyển đồng loạt thế này chỉ xảy ra sau một sự kiện như động đất hay sụp nhà.

Hay, thi thoảng, một dự án xây dựng lớn.

Vasiliy đi tiếp tới một dãy nhà khác ở phía Nam, băng qua phố Barclay, tới nơi thành phố mở ra một khu vực trống thông thoáng, một công trình xây dựng rộng hơn sáu héc ta.

Anh bước lên một trong những đài quan sát nhìn sang nơi từng là Trung tâm Thương mại Thế giới. Họ đã gần hoàn thiện phần đáy móng dưới lòng đất để làm bệ đỡ cho công trình xây dựng mới, các cột xi măng và thép giò đây sắp sửa mọc lên từ mặt đất. Khu vực xây dựng này tồn tại như một lỗ đục của thành phố - giống như vết gặm trên mặt bé gái.

Vasiliy vẫn nhớ tháng Chín năm 2001 định mệnh đó. Vài ngày sau khi tòa Tháp Đôi đổ, anh đã tới đó cùng Sở Y tế, bắt đầu với những nhà hàng bị đóng cửa quanh khu vực này, dọn dẹp thức ăn thừa. Rồi xuống dưới tầng hầm và các phòng dưới mặt đất, anh không hề thấy một con chuột sống nào, nhưng có vô số bằng chứng về sự hiện diện của chúng, bao gồm hàng dài những vết chân chuột lưu lại trên bụi bẩn. Anh nhớ rõ nhất là một cửa hàng bánh Mrs. Fields, gần như đã bị ăn sạch. Số lượng chuột khi đó đang bùng nổ tại khu này, và một mối lo ngại nảy sinh rằng lũ chuột sẽ tràn ra khỏi khu đổ nát để tìm nguồn thức ăn mới, nhưng nhúc nhích khắp các đường phố và khu vực lân cận. Vì vậy, một chiến dịch quy mô lớn do liên bang tài trợ đã được khởi xướng. Hàng ngàn hộp mồi bả và bẫy dây thép đã được đặt trong và xung quanh Khu vực số 0, và, nhờ có sự cảnh giác của Vasiliy cùng những người giống anh, cuộc tấn công như lo ngại chưa từng thành hiện thực.

Cho đến giờ Vasiliy vẫn đang thực hiện một hợp đồng với chính phủ, cơ quan của anh phụ trách một nghiên cứu kiểm soát chuột trong và xung quanh công viên Battery. Vì thế anh luôn cập nhật kịp thời những vụ chuột phá hoại ở địa phương, và biết tường tận dự án xây dựng này kể từ khi nó bắt đầu. Và cho tới lúc này, mọi thứ vẫn ổn.

Anh nhìn xuống những xe tải đang đổ xi măng và những cần cẩu đang chuyển gạch vụn. Anh đợi ba phút để một thang bé dùng xong cái ống ngấm gắn trên giá - cùng loại họ gắn trên nóc tòa nhà Empire State - rồi thả hai đồng hai trăm xu và ngắm lướt khắp khu vực thi công.

Ngay lập tức, anh đã thấy chúng, những thân mình nâu nhỏ bé lao vọt khỏi các góc, đua nhau chạy quanh những cọc

đá, một vài con chạy như điên ra con đường dẫn vào phố Liberty. Chúng chạy đua quanh những đỉnh thép đánh dấu phần móng của tháp Tự Do như thể đang tham gia một cuộc thi vượt chướng ngại vật chết tiệt. Anh tìm những chỗ gián đoạn nơi công trường mới giao nhau với đường tàu điện ngầm PATH dưới lòng đất. Rồi anh ngóc ống ngắm lên cao hơn và bám theo một hàng chuột đang trèo lên các trụ đỡ của một giàn thép chạy về góc phía Đông, rồi trèo ra ngoài trên những dây treo. Chúng đang chạy khỏi khu vực trứng đó, một cuộc di tản hàng loạt, bằng bất cứ con đường chạy trốn nào chúng có thể tìm thấy.

Khu cách ly, Trung tâm Y tế Jamaica

ĐẰNG SAU CÁNH CỬA THỨ HAI của khu cách ly, Eph đeo đôi găng tay cao su. Đáng lẽ anh phải đề nghị Setrakian làm theo, nhưng khi nhìn lại những ngón tay cong queo của ông, Eph tự hỏi liệu việc đó có khả thi không.

Họ bước vào phòng Jim Kent, nơi duy nhất có người trong một khu cách ly trống không. Jim lúc này đang nằm ngủ, vẫn trong bộ quần áo đi đường, các dây nối từ ngực và bàn tay anh ta tới những máy móc đang cắm lạng dọc các thông số. Y tá chăm sóc cho biết các chỉ số của anh ta đang hạ thấp đến nỗi mọi tín hiệu báo động tự động bằng âm thanh - nhịp tim thấp, huyết áp thấp, hô hấp yếu, lượng ôxy thấp - đều phải tắt, bởi chúng cứ kêu liên tục.

Eph bước vào trong tấm màn nhựa trong suốt, cảm thấy Setrakian ở bên cạnh đang trở nên căng thẳng. Khi họ tới gần, chỉ số sinh tồn của Kent tăng vọt trên tất cả các màn hình - quá đổi bất thường.

“Giống như con giun trong cái bình,” Setrakian nói. “Anh ta cảm nhận được chúng ta. Anh ta cảm nhận được máu đang ở gần.”

“Không thể nào.” Eph nói.

Anh tiến lại gần hơn nữa. Chỉ số sinh tồn và hoạt động sóng não của Jim tăng.

“Jim,” Eph gọi.

Khuôn mặt khi ngủ của anh ta thư giãn, làn da ngăm đen chuyển thành một màu trắng xám như vữa vôi. Eph có thể thấy đồng tử của anh ta di chuyển rất nhanh bên dưới mí mắt như đang trong một giấc ngủ REM⁽¹⁾ biến động.

Setrakian dùng đầu sợi bạc trên cây gậy dài ngoẵng để kéo lớp màn ngăn cuối cùng của cái rèm trong suốt. “Không được tới quá gần,” ông cảnh báo. “Anh ta đang biến đổi.” Setrakian thò tay vào túi áo khoác. “Giương của anh. Lấy nó ra.”

Túi trước bên trong áo khoác của Eph trĩu nặng một chiếc gương khung bạc kích cỡ tám nhân mười tám mét, một trong vô số món đồ ông lão đã lấy ra từ trong kho vũ khí chống ma cà rồng dưới tầng hầm của ông.

“Anh nhìn thấy chính mình trong đó chứ?”

Eph nhìn hình ảnh phản chiếu của mình trong tấm kính cũ. “Hẳn rồi.”

“Phiền anh dùng nó để nhìn tôi đi.”

Eph quay gương sang một góc để có thể nhìn thấy khuôn mặt ông lão. “Được rồi.”

Nora nói, “Ma cà rồng không có hình ảnh phản chiếu.”

Setrakian nói, “Không hẳn. Giờ, phiền anh - thật cẩn thận vào - dùng nó để nhìn khuôn mặt anh ta.”

Do chiếc gương quá nhỏ, Eph phải tiến lại gần giường, dang cánh tay, giữ tấm kính chếch một góc phía trên đầu Jim.

Ban đầu, anh chẳng thể thấy hình phản chiếu của Jim. Nhìn chất lượng hình ảnh thì có vẻ như tay Eph đang run bần bật. Nhưng phần nền phía sau, chiếc gối và khung giường, vẫn bất động.

Khuôn mặt Jim bị nhòe. Trông như thể đầu anh ta đang lắc với một tốc độ khủng khiếp, hay đang rung với một lực mạnh đến nỗi chẳng thể nhận ra những đường nét trên khuôn mặt.

Anh vội rút tay lại.

1. Giấc ngủ REM - Rapid Eye Movement (chuyển động mắt nhanh): giai đoạn giấc ngủ sâu trong đó não hoạt động rất tích cực.

“Tráng bạc.” Setrakian nói, tay gõ nhẹ vào chiếc gương của mình. “Đó chính là điểm mấu chốt. Những gương sản xuất đại trà hiện nay, được mạ crôm, sẽ không tiết lộ gì hết. Nhưng gương mạ bạc luôn nói lên sự thực.”

Eph nhìn lại mình trong gương một lần nữa. Bình thường. Ngoại trừ bàn tay hơi run.

Anh lại đặt gương chếch trên mặt Jim, cố gắng giữ cho yên - và thấy hình phản chiếu của Jim bị rung mờ. Giống như là cơ thể anh ta đang quần quai mãnh liệt, rung quá mạnh và quá nhanh đến nỗi chẳng thể nhìn được rõ nét.

Tuy nhiên nhìn bằng mắt thường, anh ta vẫn nằm yên thanh thản.

Eph đưa gương cho Nora, cô cũng ngạc nhiên và sợ hãi hết như anh. “Vây nghĩa là... anh ấy đang biến đổi thành một thứ... một thứ giống như cơ trưởng Redfern.”

Setrakian nói, “Theo quá trình nhiễm thông thường thì chỉ sau một ngày đêm là họ sẽ hoàn thành việc chuyển đổi và sẵn sàng hút máu. Sẽ mất bảy đêm để một người biến đổi toàn bộ, để căn bệnh ăn hết cơ thể và tái tạo thành một dạng riêng của nó - trạng thái ký sinh mới. Và sau khoảng ba mươi đêm, hoàn toàn trưởng thành.”

Nora nói, “Hoàn toàn trưởng thành?”

Ông lão nói, “Hãy cầu cho ta không phải chứng kiến giai đoạn đó.” Ông chỉ tay về phía Jim. “Động mạch cổ của con người là con đường xâm nhập nhanh nhất, mặc dù động mạch đùi cũng là một con đường trực tiếp khác dẫn thẳng tới nguồn cung cấp máu của chúng ta.”

Vết cửa ở cổ gợn đến độ giờ chẳng thể nhìn thấy được. Eph hỏi, “Tại sao lại là máu?”

“Ôxy, sắt và nhiều chất dinh dưỡng khác.”

“Ôxy ư?” Nora nói.

Setrakian gật đầu. “Cơ thể vật chủ của chúng biến đổi. Một phần quá trình biến đổi đó là hệ tuần hoàn và hệ tiêu hóa hợp nhất, trở thành một. Tương tự như côn trùng. Máu của chúng thiếu cả sắt và ôxy cấu thành nên màu đỏ trong máu

người. Vì thế chuyển thành màu trắng.”

“Và các cơ quan,” Eph nói. “Các cơ quan của Redfern trông gần giống như ung thư vậy.”

“Hệ cơ thể bị hủy hoại và chuyển hóa. Vi rút xâm chiếm hoàn toàn. Họ không thở nữa. Họ hô hấp chỉ đơn thuần như một phần xạ còn sót lại, nhưng họ không chuyển hóa ôxy nữa. Hai lá phổi thừa sau cùng sẽ teo đi và tái thích nghi.”

Eph nói, “Lúc tấn công, Redfern để lộ một khối thịt rất phát triển trong miệng. Giống như một đầu chích có cơ tiến hóa bên dưới lưỡi.”

Setrakian gật đầu như thể đồng tình với Eph về chuyện thời tiết vậy. “Nó sẽ ứ máu khi chúng ăn. Da thịt chúng đỏ lên gần như màu đỏ thẫm, cả nhãn cầu, cả lớp biểu bì của chúng nữa. Cái đầu chích này, như anh nói, trên thực tế là một sự chuyển đổi, một sự tái cơ cấu vùng họng, khí quản và lá phổi bằng phần thịt mới phát triển. Một thứ gì đó giống như ống tay áo lộn ngược. Ma cà rồng có thể giải phóng cơ quan này từ lồng ngực, bắn dài từ một mét đến thậm chí hai mét. Nếu anh mổ xác một nạn nhân trưởng thành, anh sẽ thấy một mô cơ, một túi giúp đẩy cơ quan này ra để chúng ăn. Tất cả những gì chúng cần là đều đặn uống máu tươi của con người. Theo lẽ đó có lẽ chúng cũng giống với bệnh tiểu đường. Tôi không biết nữa. Anh là bác sĩ mà.”

“Tôi cứ tưởng mình là bác sĩ,” Eph lầm bầm. “Cho tới lúc này.”

Nora nói, “Tôi cứ tưởng ma cà rồng uống máu trinh nữ. Chúng thoi miên... chúng biến thành doi...”

Setrakian nói, “Chuyện đấy đã được lãng mạn hóa quá mức. Nhưng sự thực thì còn hơn thế... tôi nên nói sao nhỉ?”

“Góm ghiếc,” Eph nói.

“Kinh tởm,” Nora nói.

“Không,” Setrakian nói. “Tầm thường. Anh đã tìm thấy amoniac chứ?”

Eph gật đầu.

“Chúng có một hệ tiêu hóa rất nhỏ gọn,” Setrakian tiếp

tục. “Không cần chỗ chứa thức ăn. Toàn bộ huyết tương và cặn rắn không thể tiêu hóa sẽ phải được đào thải để nhường chỗ cho dinh dưỡng cấp vào. Giống như loài ve - chúng bài tiết khi hút máu.”

Đột nhiên, nhiệt độ bên trong phòng thay đổi. Giọng Setrakian hạ xuống chỉ còn là một tiếng thì thào lạnh lùng.

“*Strigoi*,” ông rít lên. “Đó.”

Eph nhìn Jim. Jim mở mắt, con ngươi tối đen, củng mạc xung quanh chuyển thành màu cam xám, gần như màu trời chập choạng lúc hoàng hôn. Anh ta đang nhìn chăm chăm lên trần nhà.

Eph cảm thấy nỗi sợ nhói lên. Setrakian cứng người, bàn tay cong queo của ông để sẵn trên tay cầm đầu sợi của cây gậy - chuẩn bị tấn công. Eph cảm nhận được quyết tâm mạnh mẽ của ông, và thấy sốc trước ánh mắt thù hận sâu thẳm của ông lão.

“Giáo sư...” Jim thều thào.

Rồi mí mắt anh ta tiếp tục nhắm lại, Jim lại rơi vào trạng thái hôn mê giống REM.

Eph quay sang ông lão. “Sao anh ấy lại... biết ông?”

“*Anh ta* không biết,” Setrakian nói, vẫn trong trạng thái cảnh giác, sẵn sàng tấn công. “Giờ đây anh ta giống như con ong mật, trở thành một phần của tổ ong. Một tập hợp gồm nhiều phần nhưng chỉ có một mục tiêu duy nhất.” Ông nhìn Eph. “Thứ này cần phải bị tiêu diệt.”

“Gì chứ?” Eph nói. “Không.”

“Anh ta không còn là bạn của anh nữa rồi,” Setrakian nói. “Anh ta là kẻ thù của anh.”

“Cho dù đúng như vậy... anh ấy vẫn là bệnh nhân của tôi.”

“Người đàn ông này không ốm. Anh ta đã vượt ra khỏi giới hạn của mọi căn bệnh. Chỉ trong vài giờ thôi, anh ta sẽ không còn là chính mình nữa. Ngoài ra... sẽ vô cùng nguy hiểm khi giữ anh ta lại đây. Cũng như với người phi công, anh sẽ khiến mọi người trong tòa nhà này gặp nguy hiểm lớn.”

“Nếu như... nếu như anh ấy không kiếm được máu thì sao?”

“Không có dinh dưỡng, anh ta sẽ bắt đầu suy sụp. Sau bốn tám giờ không hút máu, cơ thể anh ta sẽ bắt đầu yếu đi, hệ cơ quan của anh ta sẽ ăn các cơ và tế bào mỡ người, tự hủy hoại chính nó một cách từ từ và đau đớn. Cho tới khi chỉ còn phần ma cà rồng chế ngự.”

Eph lắc đầu nguầy nguậy. “Điều tôi cần làm là thiết lập một phác đồ điều trị. Nếu căn bệnh này bắt nguồn từ một loại vi rút, tôi cần phải tìm ra cách chữa trị.”

Setrakian nói, “Chỉ có một cách chữa trị duy nhất. Cái chết. Tiêu hủy cơ thể. Một cái chết nhân đạo.”

Eph nói, “Chúng ta không phải bác sĩ thú ý. Chúng ta không thể giết chết những người bệnh quá nặng không còn khả năng sống.”

“Nhưng anh đã làm vậy với người phi công.”

Eph lấp bắp, “Việc đó khác. Anh ta đã tấn công Nora và Jim... anh ta đã tấn công tôi.”

“Triết lý tự vệ của anh, nếu được áp dụng thật, hoàn toàn đúng trong trường hợp này.”

“Thế thì đó sẽ là triết lý diệt chủng.”

“Vậy nếu như đó chính là mục đích của chúng - hoàn toàn nô dịch loài người - câu trả lời của anh là gì?”

Eph không muốn lẫn lẩn với những khái niệm trừu tượng. Anh đang nhìn một đồng nghiệp. Một người bạn.

Setrakian nhận thấy ông sẽ không thay đổi suy nghĩ của họ được, lúc này thì chưa. “Dẫn tôi tới xem xác người phi công đi. Có lẽ tôi có thể thuyết phục được anh.”

Chẳng ai nói gì trong thang máy xuống tầng hầm. Tại đó, thay vì một nhà xác khóa kín, họ phát hiện cánh cửa mở toang, còn viên cảnh sát cùng người quản lý bệnh viện thì đang hối hả quanh đó.

Eph bước tới chỗ họ. “Các người nghĩ mình đang làm...?”

Anh nhìn thấy thanh dọc cửa trầy xước, khung cửa kim loại móp và đã bị nạy, khóa bị phá từ bên ngoài.

Bà quản lý đã không mở cửa. Ai đó đã phá cửa vào.

Eph vội ngó vào trong.

Chiếc bàn trống không. Xác Redfern đã biến mất.

Eph quay sang bà quản lý, muốn biết thêm thông tin, nhưng anh ngạc nhiên thấy bà ta lùi vài bước xuống sảnh, vừa liếc nhìn anh vừa nói chuyện với cảnh sát.

Setrakian nói, "Ta nên đi ngay thôi."

Eph nói, "Nhưng tôi cần phải tìm ra xác anh ta."

"Nó biến mất rồi," Setrakian đáp. "Chẳng bao giờ tìm lại nó được đâu." Ông lão níu lấy cánh tay Eph bằng một sức mạnh phi thường. "Tôi tin rằng nó đã hoàn thành mục tiêu của mình."

"Mục tiêu của nó ư? Đó là gì?"

"Sau cùng, đó là đánh lạc hướng. Bởi, xét về mức độ, nó đâu có chết hơn những hành khách khác từng nằm trong nhà xác."

Vịnh Sheepshead, Brooklyn

GLORY MUELLER, một phụ nữ vừa góa chồng, trong khi tìm kiếm trên mạng để xem cần làm gì khi chồng mất mà không để lại di chúc, đã đọc được tin về những xác chết mất tích của chuyến bay 753. Cô ấn vào đường dẫn, đọc một bài có dán nhãn TIẾN TRIỂN. Cục Điều tra Liên bang, tin tức cho biết, sẽ chuẩn bị tổ chức họp báo trong vòng một giờ tới để thông báo trả một món tiền thưởng mới hậu hĩnh hơn cho bất cứ ai có thông tin gì về việc thi thể các nạn nhân trong bi kịch Regis Air biến mất khỏi nhà xác.

Chuyện này khơi lên một nỗi sợ hãi sâu sắc. Không hiểu vì sao, giờ cô nhớ ra, đêm trước đó cô đã thức giấc sau một cơn mơ và nghe thấy những âm thanh trên gác mái.

Về giấc mơ đã khiến cô thức giấc, cô chỉ nhớ rằng Hermann, người chồng vừa qua đời của cô, đã trở lại từ cõi chết. Đã có nhầm lẫn, và bi kịch kỳ lạ đó, chuyến bay 753 đó, trên thực tế chưa từng xảy ra, và Hermann đã về tới cửa sau ngôi nhà của họ tại vịnh Sheepshead với nụ cười hàm ý cô-tưởng-cô-đã-thoát-khỏi-tôi-sao, muốn ăn tối.

Bề ngoài, Glory đóng vai một góa phụ u sầu thâm lặng, và cô vẫn sẽ tiếp tục như vậy trong mọi cuộc thẩm vấn hay phiên tòa có thể sẽ chặn đường cô. Nhưng có lẽ cô là người duy nhất coi tấn bi kịch đã kết liễu gã chồng mười ba năm của mình là một món quà tuyệt vời.

Mười ba năm vợ chồng. Mười ba năm bạo hành không thương xót. Và tình trạng đó cứ liên tục leo thang trong suốt những năm chung sống, nó cứ tiếp diễn ngày một nhiều ngay trước mặt hai đứa con trai, một đứa chín tuổi và một đứa mười một tuổi. Glory đã sống trong nỗi sợ hãi thường trực trước tính khí thất thường của anh ta, và thậm chí cô đã tự cho phép mình - chỉ trong mơ tưởng, vì cố làm thật thì quá mạo hiểm - nghĩ tới viễn cảnh mang con bỏ trốn trong khi anh ta vắng mặt tuần trước để đi thăm bà mẹ hấp hối ở Heidelberg. Nhưng cô có thể đi đâu được chứ? Và, quan trọng hơn cả - anh ta sẽ làm gì với cô và lũ trẻ nếu lòng ra được họ, bởi cô biết anh ta sẽ lòng ra thôi?

Nhưng Chúa nhân từ. Rốt cuộc Người cũng đã đáp ứng những lời cầu nguyện của cô. Cô - cùng lũ trẻ - đã được giải thoát. Tấm màn bạo lực tăm tối đã được vén lên khỏi gia đình họ.

Cô tới chân cầu thang, ngược lên tầng hai và nhìn cửa sập trên trần, dây của nó đang rủ xuống phát phơ.

Lũ gấu mèo. Chúng đã trở lại. Hermann, anh ta từng bẫy một con trên gác mái. Anh ta đã mang kẻ đột nhập sợ hãi tới phát điên đó ra sân sau và trừng trị nó ngay trước mắt bọn trẻ...

Không còn nữa. Giờ cô chẳng còn gì phải sợ nữa. Bọn trẻ còn ít nhất một tiếng nữa mới về nhà, và giờ cô quyết định lên đó. Dù sao đi nữa, cô cũng đã tính sẽ dọn dẹp đồ đạc của Hermann. Ngày đổ rác là thứ Ba, và đến lúc đó, cô muốn chúng phải biến bằng sạch.

Cô cần một vũ khí, và thứ đầu tiên thoáng qua tâm trí cô là con dao rựa của Hermann. Anh ta mang nó về nhà vài năm trước, bọc nó bằng vải dầu trong kho dụng cụ bằng nhựa khóa kín bên hông nhà. Khi cô hỏi vì sao anh ta lại cần một thứ như vậy - một dụng cụ đi rừng tại đây, tại vịnh Sheepshead - anh ta chỉ cười khẩy, "Cô chẳng bao giờ biết được đâu."

Những lời hăm dọa bóng gió liên tục đó cũng là một phần hành vi hung hãn hằng ngày của anh ta. Cô lấy chìa khóa treo trên cái móc phía sau cánh cửa phòng để thức ăn, rồi bước ra ngoài và mở khóa. Cô tìm thấy một miếng vải dầu giấu bên dưới mớ dụng cụ làm vườn và một bộ bóng vô cũ, vỡ vụn mà họ được tặng nhân dịp cưới (mà giờ đây cô có thể dùng nó để nhóm lửa). Cô mang cái gói vào bếp và đặt nó lên bàn, ngập ngừng một chút trước khi mở ra.

Cô đã luôn có ác cảm với vật này. Luôn nghĩ rằng, bằng cách nào đó, nó sẽ định đoạt số phận của gia đình này, có thể sẽ là dụng cụ để Hermann kết liễu đời Glory. Vì thế, cô mở bọc vô cùng cẩn thận, như thể đang cởi bỏ tã lót của một con quý con đang ngủ. Hermann chưa bao giờ muốn cô chạm vào những đồ vật đặc biệt của anh ta.

Luỡi dao dài, rộng và bẹt. Tay cầm được bọc dây da, đã xỉn thành màu nâu nhạt dưới tay người chủ cũ. Cô nhắc nó lên, lật qua lại, cảm nhận sức nặng của thứ đồ vật xa lạ này trên tay. Cô bắt gặp hình ảnh phản chiếu của chính mình trên cánh cửa lò vi sóng, và cô phát khiếp. Một phụ nữ cầm một con dao rựa trong phòng bếp.

Anh ta khiến cô phát điên.

Cô bước lên tầng, tay cầm dao. Cô dùng bên dưới cửa trần và với lấy nút dưới cùng của tay nắm cửa bằng dây thừng trắng đang lỏng thòng. Cánh cửa mở xuống một góc bốn lăm độ trong tiếng cọt kẹt của lò xo. Âm thanh đó hẳn phải khiến mọi con vật lén lút hoảng sợ. Cô lắng nghe, chờ đợi tiếng chúng chạy trốn, nhưng chẳng có gì hết.

Cô với công tắc đèn tường trên cao, nhưng chẳng đèn nào phía trên bật cả. Cô gạt vài lần, vẫn chẳng có gì. Cô chưa từng lên đây từ sau Giáng sinh, và có thể trong thời gian qua, bóng đèn đã bị cháy. Có một cửa sổ nhỏ trên rui mái. Và bấy nhiêu thôi cũng đủ ánh sáng rồi.

Cô mở cầu thang gấp và trèo lên. Chỉ ba bước là mắt cô đã có thể nhìn ngang sàn gác mái. Gác mái chưa được hoàn thiện, với những tấm cách ly bằng sợi thủy tinh hồng có mặt bạc bung

ra giữa những thanh dầm. Gỗ dán được đặt chéo nhau theo hướng Nam-Bắc và Đông-Tây, tạo thành đường đi tới bốn góc nhà kho.

Trên đây tối hơn cô tưởng, và rồi cô nhận thấy hai trong số những giá để quần áo cũ của cô đã bị di chuyển, chắn hết ánh sáng từ cửa sổ mái thấp. Quần áo của cô thời trước khi chung sống cùng Hermann được cất kín trong túi nhựa và bỏ kho đã mười ba năm nay. Cô bước theo tấm ván gỗ và dò giá quần áo ra chỗ khác để ánh sáng vào nhiều hơn, định lục qua đống quần áo này và tìm lại chính mình ngày xưa. Nhưng rồi cô thấy, bên ngoài lối đi bằng ván gỗ dán, tấm cách ly đã bị lật lên để lộ mặt sàn trần trụi ở khoảng giữa hai thanh dầm mái.

Và cô lại thấy một chỗ mặt sàn trần trụi như vậy nữa.

Và thêm một chỗ nữa.

Cô đứng đó, chết lặng. Cô thỉnh linh cảm thấy có thứ gì đó sau lưng. Cô sợ không dám quay lại - nhưng rồi chợt nhớ ra con dao trong tay.

Đằng sau cô, trên bức tường gác mái, cách xa cửa sổ mái nhất, những tấm cách ly bị lật ra đã được chất thành một đống lổn nhổn. Vài tấm sợi thủy tinh bị xé nát buom, như thể một con thú sử dụng chúng để trang hoàng cái tổ khổng lồ của nó vậy.

Không phải gấu mèo. Một thứ gì đó lớn hơn. Lớn hơn rất nhiều.

Cái ổ hoàn toàn yên ắng, được sắp xếp như thể để che giấu một thứ gì đó. Phải chăng Hermann đã theo đuổi một kế hoạch mờ ám nào đó mà cô không hề hay biết? Anh ta giấu giếm bí mật đen tối nào dưới đó chứ?

Tay phải giờ sẵn con dao rựa, cô kéo đầu một tấm cách ly ra khỏi cái ổ, hé lộ ra...

... không gì cả.

Cô kéo tấm thứ hai, rồi chợt dừng lại khi một cánh tay lông lá của một người đàn ông lộ ra.

Cô biết cánh tay này. Cô cũng biết bàn tay gắn trên đó là của ai. Biết tường tận cả hai.

Cô chẳng thể tin nổi những gì mình đang nhìn thấy.

Con dao rựa giờ sẵn trước mặt, cô kéo thêm một tấm cách ly nữa ra.

Áo của anh ta. Một trong những chiếc áo cộc tay cài khuy anh ta ưa thích, ngay cả trong mùa đông. Hermann là một kẻ tự phụ, luôn tự hào vì cánh tay lông lá của mình. Đồng hồ đeo tay và nhẫn cưới của anh ta đã biến mất.

Glory đứng chết lạng trước cảnh tượng ấy, bủn rủn sợ hãi. Nhưng, cô phải nhìn xem sao. Cô vói lấy một tấm nữa, và khi kéo nó ra, gần như tất cả những tấm cách ly còn lại đều trượt xuống sàn.

Gã chồng đã chết của cô, Hermann, đang nằm ngủ trên gác mái. Trên chiếc giường làm bằng sợi thủy tinh hồng tả to, mặc đầy đủ quần áo, chỉ có điều đôi chân thì bần thỉu, như thể do đi bộ.

Cô chẳng thể tiêu hóa nổi cú sốc này. Cô chẳng thể chịu nổi nó. Gã chồng mà cô tưởng đã thoát. Kẻ bạo chúa. Kẻ ngược đãi. Kẻ hãm hiếp.

Cô đứng phía trên cơ thể đang yên giấc của anh ta, vói con dao như thanh kiếm của Damocles, sẵn sàng bỏ xuống nếu anh ta có bất cứ động tĩnh gì dù là nhỏ nhất.

Và rồi, chậm chạp, cô hạ tay, lưỡi dao dần buông thõng. Cô nhận ra, giờ anh ta là một hồn ma. Một kẻ trở về từ cõi chết, một sự hiện diện, muốn ám cô mãi mãi. Cô sẽ chẳng bao giờ có thể thoát khỏi anh ta.

Khi cô vẫn đang nghĩ ngợi, Hermann mở mắt.

Mí mắt nâng lên khỏi nhãn cầu của anh ta, nhìn chòng chọc thẳng lên trên.

Glory đờ người. Cô muốn chạy trốn, cô muốn hét lên, nhưng cô thẳng thừng thể làm gì.

Đầu Hermann quay sang và đôi mắt chòng chọc của anh ta dán vào cô. Vẫn ánh nhìn hăm dọa ấy, luôn là vậy. Cái vẻ khinh khỉnh. Ánh nhìn luôn dự báo điềm gở.

Và rồi một ý nghĩ nảy ra trong đầu cô.

Cùng lúc, cách đó bốn căn nhà dưới phố, cô bé Lucy Needham ba tuổi đứng trên lối vào gara, đang cho con búp bê tên Cục Cung ăn bánh quy giòn từ một túi Cheez-Its. Lucy ngừng nhai bánh, lắng nghe những tiếng hét bị nghẹt lại và tiếng *bịch* rõ to từ... đâu đó không xa. Cô bé nhìn lên nhà mình, rồi nhìn về hướng Bắc, chun mũi lại với vẻ bối rối ngây thơ. Cô bé đứng yên, cái lưỡi đẩy những miếng bánh quy phô mai nhai dở thò hẳn ra ngoài miệng, lắng nghe một trong những âm thanh lạ kỳ nhất mà cô bé từng được nghe. Cô bé định kể với bố chuyện này khi bố cầm điện thoại quay trở lại, nhưng đúng lúc đó túi Cheez-Its bị rơi, vậy là cô bé ngồi xồm xuống nhặt bánh dưới đường mà ăn, và rồi sau khi bị mắng, cô bé quên sạch mọi chuyện.

Glory đứng thờ hờn hển trong gác mái, cầm chặt con dao rựa bằng cả hai tay. Hermann, thân thể bị chặt làm nhiều mảnh, nằm giữa những tấm cách ly màu hồng nhóp nhúa, bức tường gác mái tung tóe một thứ chất lỏng trắng đang nhỏ giọt.

Trống ư?

Glory run lẩy bẩy, tâm trí rối bời. Cô nhìn lại điều tệ hại mình đã làm. Hai lần, lưỡi dao đã cắm cả vào dầm gỗ, và theo như những gì cô nhớ được, chính Hermann đã cố giật con dao từ tay cô, và cô đã phải giằng co hết sức để có thể giữ lại nó, rồi cứ thế chém lia lịa vào da thịt anh ta.

Cô lùi lại một bước. Cô như trong trạng thái thoát xác. Choáng váng trước những gì đã làm.

Cái đầu với vẻ khinh khỉnh của Hermann lăn vào giữa hai dầm mái, mặt úp xuống, một nhúm sợi thủy tinh hồng dính vào má anh ta trông giống như kẹo bông. Thân trên của anh ta thủng, rách, đùi anh ta bị chém tới tận xương, háng anh ta nổi bọt trắng.

Trống ư?

Cô cảm thấy thứ gì đó nhỏ xuống dép, tách-tách-tách. Cô thấy máu - máu đỏ - và nhận ra cô đã chém phải chính mình từ lúc nào, vào cánh tay trái, mặc dù cô chẳng hề cảm thấy đau. Cô giơ tay lên xem xét, những giọt máu to và đỏ nhỏ xuống mặt gỗ dán.

Trắng ư?

Cô trông thấy thứ gì đó đen và nhỏ đang ngo ngoe. Mắt cô nhòe đi, chớp chớp, vẫn đang trong cơn cuồng giết chóc. Cô chẳng thể tin vào mắt mình nữa.

Cô thấy ngứa ngáy ở mắt cá chân, bên dưới chiếc dép nhuộm máu. Con ngứa lan lên khắp chân, cô đập mạnh đùi bằng mặt phẳng của lưỡi dao dính thứ chất lỏng trắng.

Và rồi - cảm giác ngứa lại xuất hiện ở mặt trước chân kia. Và thêm cả phần thắt lưng. Cô nhận ra mình đang chịu một dạng phản ứng kích động, như thể đang bị bạo tấn công. Cô vấp chân về phía sau, suýt chút nữa ngã ra khỏi lối đi lát gỗ dán.

Rồi một cảm giác len lỏi ghê rợn cực độ xuất hiện quanh vùng háng - và cơn khó chịu lên tới ruột già. Một thứ gì đó trườn bò xâm nhập vào, khiến cô giật nảy mình và vội giữ chặt lấy hông, như thể cô đang sắp sửa bĩnh ra quần. Cơ thể dần ra và cô cứ đứng như vậy thật lâu, bất động, cho tới khi cảm giác này dần trôi qua. Cô cho phép mình thả lỏng, thư thái. Cô cần vào phòng tắm. Lại một thứ gì đó ngoe nguẩy khiến cô sao nhãng, lần này nó xuất hiện bên trong cổ tay áo của cô. Và cô cảm thấy một cơn ngứa thiêu đốt ở vết cắt trên cánh tay.

Và rồi một cơn đau nhói, từ sâu bên trong ruột, khiến cô gập người lại. Con dao rơi xuống sàn gỗ và một tiếng thét, đúng hơn là một tiếng kêu ré đầy đau đớn thoát ra khỏi miệng Glory. Cô cảm thấy thứ gì đó đang gợn sóng lên phía trên cánh tay - lúc này ở ngay dưới da thịt, trườn bò - và trong khi miệng cô vẫn đang há ra và la hét, một con giun ống mảnh khác trườn ra từ sau cổ, bám theo hàm tới môi cô, rồi lao vào vách má trong miệng và len lỏi xuống cuống họng.

Freeburg, New York

ĐÊM XUỐNG NHANH trong khi Eph lái xe về hướng Đông, cắt ngang đại lộ Cross Island, về phía hạt Nassau.

Eph nói, "Vậy ý ông là, những hành khách trong nhà xác

thành phố, mà giờ đây cả thành phố đang tìm kiếm - tất cả bọn họ chỉ về nhà thôi sao?"

Vị giáo sư già ngồi ở ghế sau, mũ đặt trên đùi. "Máu cần máu," ông nói. "Một khi đã biến đổi, những con ma hiện hình này trước hết sẽ tìm đến gia đình và bạn bè, những người vẫn còn chưa bị nhiễm. Họ trở về, vào ban đêm, về nơi có những người họ cảm thấy gắn bó về mặt tinh thần. Những 'Người Thương' của họ. Giống bản năng tìm về tổ, tôi nghĩ vậy. Cũng như sự thôi thúc của loài thú đã dẫn dắt lũ chó đi lạc hàng trăm cây số trở về với chủ. Khi chức năng cao cấp hơn của não mất đi, bản năng thú vật của họ sẽ thắng thế. Đó là những sinh vật hành động bởi thôi thúc. Ăn. Trốn. Làm tổ."

"Trở về với những người đang khóc thương họ," Nora nói, cô ngồi cạnh Eph ở hàng ghế trước. "Để tấn công và lây nhiễm ư?"

"Để ăn. Bản năng của xác sống là tra tấn người sống."

Eph im lặng ra khỏi đường hầm. Thứ nhiệm vụ liên quan tới ma cà rồng này cũng hại não như khi ăn phải một món đồ ọc: tâm trí anh từ chối tiêu hóa nó. Nó cứ nhai và nhai nhưng rồi chẳng thể nuốt nổi.

Khi Setrakian đề nghị anh chọn một hành khách trong danh sách những nạn nhân của chuyến 753, người đầu tiên anh nghĩ tới là bé gái Emma Gilberton. Cô bé anh thấy vẫn nắm chặt tay mẹ trên máy bay. Có vẻ đây chính là thử nghiệm tốt cho giả thuyết của Setrakian. Làm thế nào một cô bé mười một tuổi đã chết có thể đi từ một nhà xác tại Queens về tới tận nhà tại Freeburg trong đêm chứ?

Nhưng giờ đây, khi đỗ xe bên ngoài địa chỉ của gia đình Gilberton - một căn nhà trang nghiêm xây theo kiến trúc thời George trên một vệ phố rộng với những biệt thự cách xa nhau - Eph nhận ra rằng, nếu họ sai, anh sắp đánh thức một người đàn ông đang đau khổ bởi sự kết thúc của gia đình mình, bởi sự mất mát người vợ và đứa con duy nhất.

Eph hoàn toàn mù mờ về chuyện này.

Setrakian bước ra khỏi chiếc Explorer, chỉnh lại mũ trên đầu, và mang theo cây gậy dài ngoằng mà ông chẳng cần dùng

để chống. Con phố buổi tối tĩnh mịch, vài căn nhà khác sáng ánh đèn, nhưng không có ai đi lại, không xe cộ ngang qua. Các cửa sổ nhà Gilberton tối om. Setrakian đưa bọn họ mỗi người một chiếc đèn pin lấp bóng đen, trông giống hệt đèn Luma của họ, chỉ có điều nặng hơn.

Họ bước tới cửa, Setrakian lấy đầu cây gậy bấm chuông. Không thấy ai trả lời, ông thử vặn tay nắm cửa, chỉ dùng phần găng, giữ cho những ngón tay trần cách xa nắm cửa. Không để lại bất cứ dấu vân tay nào.

Eph nhận ra trước đây ông lão đã làm những việc kiểu này rồi.

Cửa trước khóa chặt. “Đi nào,” Setrakian nói.

Họ xuống thềm và đi vòng quanh nhà. Sân sau là một khoảng trống rộng bên rìa một khu rừng già. Trăng sớm chiếu sáng nhẹ, đủ để tạo ra những vệt bóng mờ của họ trên thảm cỏ.

Setrakian dừng lại và giơ cây gậy lên chỉ.

Một lối dẫn vào tầng hầm nhô lên khỏi mặt đất, cánh cửa mở toang trong màn đêm.

Ông lão tiến tới chỗ đó, Eph và Nora theo sau. Những bậc thang bằng đá dẫn xuống một hầm tối. Setrakian lướt mắt dọc những cây cao che chắn sân sau.

Eph nói, “Ta không thể cứ thế mà vào trong.”

“Làm vậy sau khi mặt trời lặn thì cực kỳ thiếu khôn ngoan,” Setrakian nói. “Nhưng chờ đợi là điều quá xa xỉ đối với chúng ta.”

Eph nói, “Không, ý tôi là... đây là đột nhập. Ta nên gọi cảnh sát trước.”

Setrakian cúi kính tước cây đèn từ tay Eph. “Những gì ta cần làm đây... họ sẽ chẳng thể hiểu nổi.”

Ông bật đèn, hai bóng tím phát ra ánh sáng đen. Cũng giống như cây gậy y tế Eph sử dụng, nhưng có điều sáng hơn và nóng hơn, và sử dụng loại pin lớn hơn.

“Ánh sáng đen?” Eph nói.

“Ánh sáng đen chỉ đơn giản là ánh sáng tử ngoại sóng dài, hay còn gọi là UVA. Làm hiện hình, nhưng vô hại. UVB

là sóng trung, có thể gây sạm da hoặc ung thư da. Còn đây” - ông cẩn thận chia tia sáng tránh xa khỏi họ, cũng như xa khỏi chính mình - “là tia UVC sóng ngắn. Sát khuẩn, có tác dụng khử trùng. Có thể gây kích thích và phá hủy cấu trúc ADN. Cực kỳ nguy hiểm cho da người khi rọi trực tiếp. Nhưng đối với ma cà rồng - đây là vũ khí.”

Ông lão bắt đầu bước xuống bậc thang, một tay cầm đèn, tay kia cầm cây gậy chống. Ánh sáng tử ngoại chẳng giúp soi sáng được là bao, và ánh đèn UVC chỉ càng khiến quang cảnh trở nên u ám hơn thay vì rọi sáng. Trên những bức tường đá hai bên cầu thang, khi họ băng qua cái giá buốt của ban đêm để bước vào không khí mát lạnh của hầm móng xi măng, rêu mốc ánh lên màu trắng.

Bên trong, Eph nhìn ra đường viền tối của cầu thang dẫn lên tầng một. Một khu giặt là và một máy chơi pinball đời cổ.

Và một thi thể nằm trên sàn.

Một người đàn ông nằm đó trong bộ đồ ngủ kẻ ca rô. Eph định tiến tới gần anh ta theo bản năng của một bác sĩ có nghề - nhưng rồi anh tự ngăn mình lại. Nora dò dẫm bức tường đối diện cánh cửa trong và bật công tắc tại đó, nhưng đèn không sáng.

Setrakian tới gần người đàn ông, gi sát đèn vào cổ anh ta. Một ánh màu chàm kỳ dị cho thấy một đường cắt nhỏ, thẳng tưng dưới ánh tím, ngay phía bên trái cổ họng anh ta.

“Anh ta đã bị biến đổi,” Setrakian nói.

Ông lão dúm đèn Luma vào tay Eph. Nora bật đèn của mình lên rọi vào mặt người đàn ông, soi chiếu một sinh vật diên đại bên dưới da, một lớp mặt nạ giận dữ, chết chóc đang chuyển mình, quằn quại, và một cách mơ hồ nhưng chắc chắn, trông y như ác quỷ.

Setrakian tìm thấy một cái rìu mới tinh với tay cầm bằng gỗ nhãn bóng và lưỡi thép lấp lánh đỏ-bạc đang tựa vào một bàn thợ trong góc. Ông trở lại, cầm cái rìu trong đôi bàn tay xương xẩu.

“Đội đã,” Eph nói.

Setrakian nói, “Xin hãy lùi lại, bác sĩ.”

“Anh ta chỉ đang nằm đó thôi mà,” Eph nói.

“Anh ta sẽ sớm sống dậy.” Ông lão chỉ tay về phía bậc cầu thang đá dẫn lên cánh cửa chòi vẫn đang mở, trong khi đôi mắt không rời khỏi người đàn ông đang nằm trên sàn. “Con bé đang ở ngoài kia. Hút máu những người khác.” Setrakian giờ riu sẵn sàng. “Tôi không đề nghị anh tha thứ, bác sĩ ạ. Ngay bây giờ, tất cả những gì tôi đề nghị là anh hãy đứng sang một bên.”

Eph nhìn thấy sự quyết tâm trên khuôn mặt Setrakian và hiểu rằng ông lão sẽ vung riu, cho dù có bị anh chặn đường hay không. Eph lùi bước. Lưỡi riu quá nặng đối với tầm vóc và tuổi tác của Setrakian, ông lão giờ cả hai tay qua đầu, phần dẹt của lưỡi riu gần như chạm vào phía sau thắt lưng ông.

Rồi cánh tay ông thả lỏng. Khuỷu tay hạ xuống.

Ông quay đầu về phía cánh cửa chòi đang mở toang, lắng nghe.

Eph cũng đã nghe thấy. Tiếng lạo xạo của cỏ khô bị giẫm bẹp.

Thoạt đầu, anh đoán là một con thú. Nhưng không. Tiếng xào xạc đó mang nhịp bước của một động vật hai chân.

Tiếng bước chân. Con người - hoặc từng là con người. Đang tiến gần.

Setrakian hạ riu. “Đứng sát cửa. *Yên lặng*. Đóng cửa lại phía sau con bé ngay sau khi nó bước vào.” Ông lấy lại cái đèn từ Eph, rồi thay vào đó đưa cho anh cái riu. “Không được để nó chạy thoát.”

Ông lùi về chỗ cây gậy chống đang dựa vào tường, phía đối diện với cánh cửa - rồi tắt cây đèn nóng, chìm vào bóng tối.

Eph đứng cạnh cửa hầm đang mở toang, lưng dựa tường. Bên anh là Nora, cả hai cùng run rẩy trong hầm nhà một người xa lạ. Bước chân tới gần hơn, êm ái nhẹ nhàng trên mặt đất.

Bước chân dừng lại ở đầu cầu thang. Một cái bóng mờ trùm lên ánh trăng trên sàn căn hầm: đầu và vai.

Bước chân bắt đầu đi xuống.

Khi đã xuống dưới chân cầu thang, ngay trước cánh cửa,

nó dừng bước. Eph - đứng cách đó không quá ba mét - sững sờ trước bóng dáng của con bé. Nhỏ và thấp, mái tóc vàng xõa trên hai vai của chiếc váy ngủ dài ngang gối. Chân trần, hai cánh tay buông thõng, đứng yên một cách bất thường. Ngực nó phập phồng, nhưng chẳng một hơi thở nào thoát ra từ miệng nó dưới ánh trăng.

Về sau, anh sẽ hiểu rõ hơn. Rằng thính giác và khứu giác của con bé đã nhạy hơn rất nhiều. Rằng con bé có thể nghe thấy nhịp máu chảy trong cơ thể anh, Nora và vị giáo sư, và có thể ngửi thấy mùi CO₂ phả ra từ hơi thở của họ. Anh cũng hiểu được rằng thị giác là giác quan kém nhạy bén nhất của nó. Giờ đây con bé đang trong giai đoạn mất đi sắc giác, nhưng khả năng nhận diện nhiệt - khả năng "đọc" các dấu hiệu nhiệt như quang sáng đơn sắc - vẫn chưa hoàn thiện.

Con bé tiến lên vài bước, thoát khỏi ánh trăng yếu ớt trên vùng ô cửa chữ nhật và chìm vào bóng tối hoàn toàn trong căn hầm. Một con ma đã vào phòng. Eph đáng ra phải đóng cửa, nhưng sự hiện diện của con bé ngay tại đây đã khiến anh chết lặng.

Con bé quay về phía Setrakian đang đứng, dán mắt vào vị trí của ông. Ông lão bật đèn. Con bé vô cảm nhìn ánh đèn. Rồi ông tiến về phía nó cùng với cây đèn. Con bé cảm nhận được sức nóng, bèn quay về phía cửa hầm để trốn thoát.

Eph sập cửa. Cánh cửa nặng nề đóng sầm lại, tiếng âm vang khắp ngôi nhà. Eph tưởng như cả căn nhà sẽ đổ sập đè lên họ.

Bé gái, Emma Gilberton, lúc này đã trông thấy họ. Con bé bị chiếu ánh sáng tím từ bên sườn, và Eph có thể thấy những vết màu chàm dọc đôi môi và trên cái cằm nhỏ xinh xắn của nó. Kỳ quái, như một kẻ tiệc tùng tự sơn huỳnh quang lên người.

Anh chợt nhớ: máu sẽ ánh lên màu chàm dưới tia tử ngoại.

Setrakian giờ cây đèn sáng ra phía trước để lừa con bé trở lại. Phản ứng của con bé giống như một con thú bối rối, nó chùn bước như thể đang đối đầu với ngọn đuốc cháy. Setrakian đuổi theo con bé một cách nhẫn tâm, dồn nó vào chân tường. Từ sâu

trong cổ họng nó thốt ra một tiếng kêu trầm, khản đặc, một tiếng rên rĩ đau đớn.

“Bác sĩ.” Setrakian đang gọi Eph. “Bác sĩ, tới đây. Ngay lập tức!”

Eph tới gần con bé hơn, lấy cây đèn Luma từ Setrakian và đưa cho ông chiếc rìu - trong lúc đó vẫn rơi thẳng đèn vào con bé.

Setrakian lùi lại. Ông ném cái rìu đi, nó kêu xoảng trên mặt sàn cứng. Hai tay đeo găng của ông nắm lấy cây gậy chống, nắm chặt phần dưới tay cầm hình đầu sói. Bằng một cú vịn cổ tay dứt khoát, ông tách phần đầu ra khỏi cây gậy.

Từ cái vỏ gỗ, Setrakian rút ra một lưỡi kiếm bạc.

“Nhanh lên,” Eph nói, quan sát con bé quằn quại bên bức tường, chẳng thể di chuyển bởi những tia sáng chết chóc.

Con bé trông thấy thanh kiếm của ông lao rục lên gần như màu trắng, và khuôn mặt nó toát lên một vẻ gì đó như sợ hãi. Và rồi nỗi sợ hãi chuyển thành sự hung dữ.

“Nhanh lên!” Eph nói, chỉ muốn mọi chuyện chấm dứt. Con bé rít lên, và anh nhìn thấy bóng tối bên trong con bé, bên dưới làn da của nó, một con quỷ gầm gừ muốn thoát ra.

Nora đang quan sát người cha nằm trên sàn. Cơ thể anh ta bắt đầu chuyển động, anh ta mở mắt. “Giáo sư?” Nora gọi.

Nhưng ông lão vẫn đang vương bận với con bé.

Nora nhìn Gary Gilberton ngồi dậy rồi đứng lên trên đôi chân trần, một xác chết trong bộ đồ ngủ, mắt mở.

“Giáo sư?” Nora gọi một lần nữa, bật chiếc đèn của mình lên.

Cây đèn kêu lách tách. Cô lắc nó, vỗ tay vào đế đèn, nơi chứa pin. Ánh sáng tím xì xèo bật lên, rồi tắt ngóm - rồi lại bật lên một lần nữa.

“Giáo sư!” cô hét lên.

Ánh sáng nhấp nháy thu hút sự chú ý của Setrakian. Ông quay về phía người đàn ông vừa sống lại, đang bối rối và loạng choạng. Bằng kỹ thuật nhiều hơn là bằng sự nhanh nhẹn, Setrakian khiến Gilberton gập mình lại bởi những cú đâm xiên ruột và ngực, rạch những vết thương ứa máu trắng trên bộ đồ ngủ của anh ta.

Eph, lúc này chỉ còn lại một mình với bé gái, nhìn con quỷ đang trốn bên trong cô bé, chẳng hề hay biết những gì đang xảy ra phía sau, và gọi, “Giáo sư Setrakian!”

Setrakian xiên vào hai nách của người cha để tay anh ta rơi xuống hai bên, rồi chém vào vùng gân dưới đầu gối, khiến thầy ma khụy xuống bằng cả bốn chi. Và khi đầu Gilberton ngửa lên, cổ vươn dài, Setrakian vung kiếm, thốt ra vài từ bằng tiếng nước ngoài - như thể một lời tuyên bố trang nghiêm nào đó - và rồi chém lưỡi kiếm qua cổ người đàn ông, cắt rời đầu anh ta khỏi thân người, phần thân dưới của thầy ma đổ rạp xuống sàn.

“Giáo sư!” Eph gọi, gí ánh đèn vào con bé, tra tấn nó - một bé gái chỉ khoảng tuổi Zack, đôi mắt hoang dại của nó nhè màu tím - những giọt nước mắt máu - trong khi sinh vật bên trong nó lên cơn thịnh nộ.

Miệng con bé há ra như thể muốn nói. Gần như thể muốn hát. Miệng nó cứ mở và thứ đó thò ra, đầu chích từ phần vòm miệng mềm bên dưới lưỡi. Cơ quan này phồng lên khi đôi mắt con bé chuyển từ buồn rầu sang đói khát, ánh lên một vẻ gần như háo hức.

Ông lão trở về chỗ con bé, chia kiếm. “Lùi lại, *strigoi!*” ông nói.

Con bé quay sang ông lão, đôi mắt nó vẫn rực lửa. Lưỡi kiếm bạc của Setrakian giờ đây vấy máu trắng. Ông thốt lên những từ giống y như lúc trước, hai tay ông giơ lên quá vai, lăm lăm thanh kiếm. Eph tránh sang một bên đúng lúc thanh kiếm chém qua.

Con bé giơ tay chặn đúng vào giày cuối, và lưỡi kiếm cắt lia bàn tay khỏi cổ tay nó trước khi tách rời đầu con bé khỏi cổ. Vết cắt gọn và cực phẳng. Máu trắng bắn lên tường - không phun thành dòng, mà phọt ra một cách ghê tởm - cơ thể con bé đổ sập xuống sàn, đầu và bàn tay nó rơi lên trên, cái đầu lăn lông lốc.

Setrakian hạ kiếm và lấy đèn khỏi tay Eph, ông chiếu tia sáng nhạt gần vết thương hở trên cổ cô bé, gần như một tư thế

chiến thắng. Nhưng không phải vậy: Eph nhìn thấy những sinh vật ngoe nguẩy trên bãi máu trắng sệt rỉ ra.

Những con giun ký sinh. Chúng cuộn chặt lại và nằm im khi ánh đèn chiếu tới. Ông lão đang làm sạch hiện trường.

Eph nghe thấy tiếng bước chân trên nền cầu thang đá. Nora, cô đang chạy ra khỏi tầng hầm. Anh chạy theo cô, suýt chút nữa vấp phải thi thể mất đầu của người cha, lên tới thảm cỏ vào vói không gian khuya khoắt.

Nora đang chạy tới những cái cây tối đen đu đưa. Anh bắt kịp cô trước khi cô tới đó, và kéo cô lại, ôm chặt lấy cô. Cô hét vào ngực anh, như thể lo sợ tiếng khóc của mình sẽ tràn vào màn đêm, và anh ôm cô cho tới khi Setrakian bước lên sân.

Hơi thở của ông phả vào trong không khí đêm mát lạnh, ngực ông phập phồng nặng nhọc. Ông ấn ngón tay lên ngực trái. Mái tóc bạc trắng của ông rối bời và sáng bóng dưới ánh trăng, khiến ông - cũng như tất cả mọi chuyện lúc đó, đối với Eph - có vẻ điên rồ.

Ông lau sạch lưới kiếm trên cỏ trước khi cắm nó trở lại vào đầu vỏ gậy. Ông gắn hai mảnh vào làm một bằng một cú vặn chắc chắn, và cây gậy chống dài quá khổ lại trở về như trước kia.

"Con bé giờ đây đã được giải thoát," ông nói. "Con bé và cha nó đã an nghỉ."

Ông kiểm tra dưới ánh trăng máu ma cà rồng dính trên giày và ống quần. Nora nhìn ông bằng ánh mắt hoang dại. "Ông là ai vậy?" cô hỏi.

"Chỉ là một người du hành thôi," ông trả lời. "Giống như các vị."

Họ đi bộ trở lại chiếc Explorer của Eph. Eph thấy bồn chồn bất an giữa sân trước. Setrakian mở cửa sau và rút ra một bộ pin dự phòng. Ông thay pin cho đèn của Eph và chiếu ánh sáng tím lên thành xe để kiểm tra một chút.

Setrakian nói, "Hai người đợi ở đây nhé."

"Đợi gì chứ?" Eph nói.

"Anh đã thấy máu trên môi, trên cằm con bé rồi đấy. Da nó hồng hào. Nó đã hút máu. Chuyện này vẫn chưa kết thúc."

Ông lão tiến tới căn nhà bên cạnh. Eph quan sát ông, Nora buông Eph ra và dựa vào thành xe. Cô khó nhọc nuốt nước bọt, như sắp nôn. “Ta vừa giết chết hai người ngay dưới hầm nhà họ.”

“Thứ này lây lan người qua người. Bởi thứ không phải người.”

“Ma cà rồng, ôi Chúa ơi...”

Eph nói, “Nguyên tắc đầu tiên luôn là - chống lại căn bệnh, không phải nạn nhân của nó.”

“Đừng ma quỷ hóa căn bệnh,” Nora nói.

“Nhưng giờ đây... giờ đây căn bệnh *chính là* ma quỷ. Giờ đây những người đã nhiễm chính là vật chủ trung gian chủ động lây nhiễm căn bệnh, và cần phải ngăn họ lại. Phải giết. Phải tiêu diệt.”

“Giám đốc Barnes sẽ nói gì về việc này chứ?”

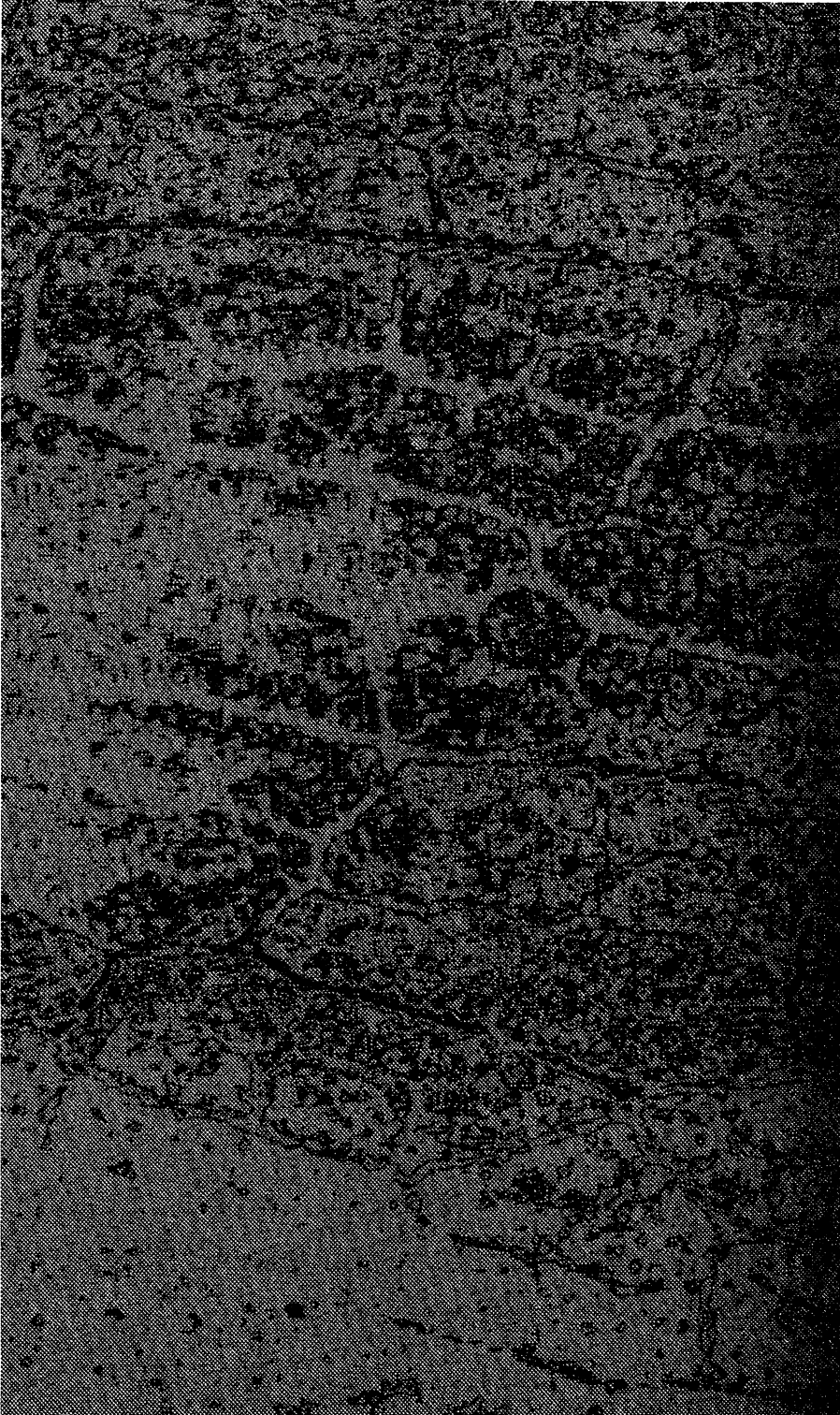
Eph nói, “Ta không thể đợi ông ấy nữa. Ta đã đợi quá lâu.”

Họ chìm vào yên lặng. Ngay sau đó, Setrakian quay trở lại, mang theo cây gậy chống/thanh kiếm diệt ma cà rồng và cái đèn vẫn còn ấm.

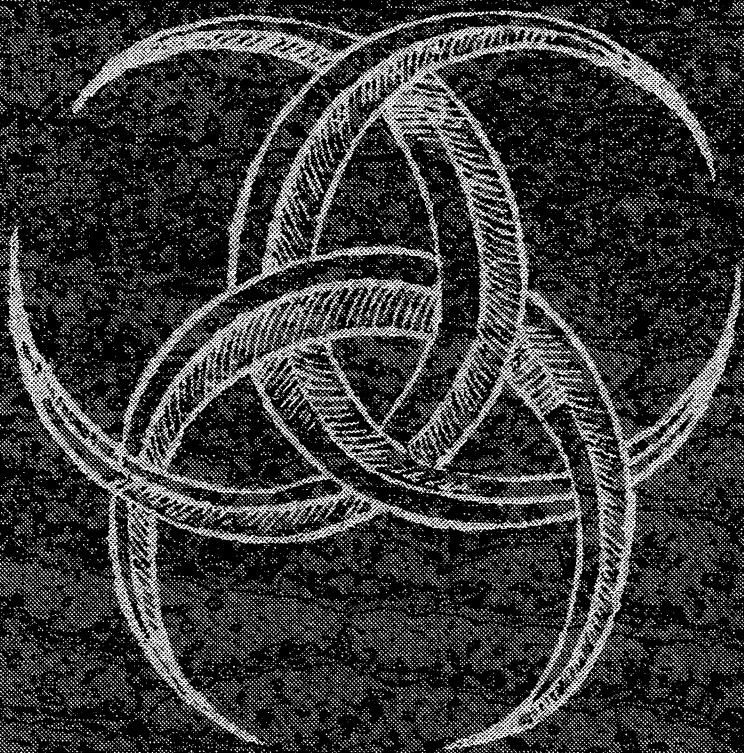
“Xong xuôi rồi,” ông nói.

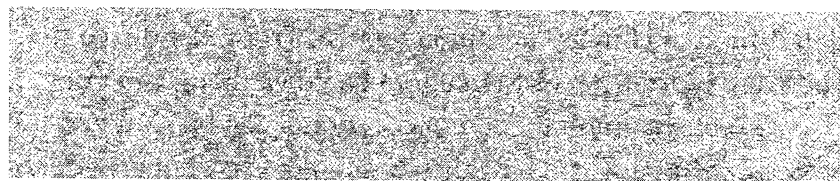
“Xong xuôi?” Nora nói, vẫn kinh hãi trước những gì mình vừa trông thấy. “Giờ thì sao? Ông cũng biết rằng phải có khoảng hai trăm hành khách nữa trên chuyến bay đó.”

“Sự việc còn tệ hơn rất nhiều. Đêm thứ hai đang tới. Và đợt lan truyền dịch bệnh thứ hai sẽ xảy ra ngay thôi.”



ĐÊM THỨ HAI





Patricia hối hả lùa tay vào mái tóc, như để rũ sạch những giờ lãng phí của một ngày nữa trôi qua. Cô nhận ra mình đang mong ngóng Mark trở về nhà, và chẳng phải chỉ để có thể thoải mái tống lũ trẻ cho anh và nói, “Đây này.” Cô còn muốn báo cho anh tin sốt dẻo duy nhất trong ngày, rằng bà vú gia đình Luss - người mà Patricia đã theo dõi qua rèm cửa sổ phòng ăn hướng ra phía trước - đã chạy khỏi nhà Luss sau khi tới chưa đầy năm phút, lũ trẻ thì chẳng thấy đâu, còn bà già da đen đó thì chạy biến như thể bị rượt đuổi.

O, gia đình Luss. Lũ hàng xóm khiến ta điên tiết như thế nào ư. Cứ mỗi khi nghĩ tới Joanie da-bọc-xuong đang tự sướng về “hầm rượu đất xịn theo kiểu châu Âu” của mình, Patricia lại bất giác giơ ngón tay thổi hướng về phía nhà Luss. Cô vô cùng *sốt ruột* muốn tìm hiểu những gì Mark biết về Roger Luss, liệu anh ta có còn đang ở nước ngoài hay không. Cô muốn trao đổi ý kiến. Khoảng thời gian duy nhất cô và chồng có vẻ có cùng quan điểm là khi nói xấu bạn bè, gia đình và hàng xóm. Có lẽ bằng cách nào đó việc tận hưởng những vấn đề hôn nhân hay những bất hạnh gia đình của người khác khiến tình hình giữa cô và Mark trở nên đỡ căng thẳng hơn.

Việc nói xấu người khác luôn diễn ra tuyệt vời hơn với một ly pinot, và cô hối hả uống cạn ly thứ hai. Cô nhìn đồng hồ phòng bếp, thực lòng nghĩ rằng nên dừng lại một chút, bởi

biết rõ tính nôn nóng của Mark mỗi khi anh trở về nhà và thấy cô đã uống trước anh hai ly. Tiên sư anh, thư giãn trong văn phòng trên phố cả ngày, ăn trưa, rảnh rỗi đi dạo quanh, và rồi đàn đúm trên chuyến tàu muộn về nhà. Trong khi đó, cô mắc kẹt ở đây với đứa bé, và Marcus, và bà vú và thằng làm vườn...

Cô rót cho mình thêm một cốc, tự hỏi còn bao lâu nữa thì Marcus, thằng quý con hay ghen tị đó, mới vào phòng và đánh thức em gái nó dậy. Bà vú đã ru Jacqueline ngủ từ trước khi về, và con bé vẫn chưa dậy. Patricia xem đồng hồ một lần nữa, chợt nhận ra căn nhà đã yên ắng khá lâu.Ồ - ngủ chẳng còn biết trời đất. Tộp thêm một hộp pinot nữa, và rồi nhớ tới tên khủng bố tinh quái bốn tuổi của mình, cô bỏ lại cuốn tạp chí *Cookie* đầy quảng cáo và bước lên cầu thang hậu.

Cô ngó qua Marcus trước tiên, thấy nó đang nằm úp mặt trên tấm thảm New York Rangers bên cạnh chiếc giường thành cao, trò chơi điện tử cầm tay vẫn đang bật nằm bên cạnh bàn tay đang buông lỏng. Mệt mỏi. Và tất nhiên, họ sẽ phải trả giá cho giấc chợp mắt muộn này khi thằng quý con kia không chịu nằm yên vào giờ ngủ - nhưng lúc đó đến lượt Mark xử lý.

Cô xuống sảnh - nhú mày bối rối khi nhìn thấy vài tảng đất đen trên tấm thảm dài (*thằng quý con*) - cô bước tới cánh cửa đóng kín có treo chiếc gối vải hình trái tim in dòng chữ SUYT-SUYT-SUYT! - THIÊN THẦN ĐANG NGỦ trên nắm cửa bằng một dải ruy băng ren. Cô nhẹ nhàng mở cửa tiến vào căn phòng ngủ ấm áp, lò mờ tối dành cho bé sơ sinh, và hoảng hốt khi thấy một người đang ngồi trên chiếc ghế bập bênh bên cạnh chiếc cũi, đung đưa. Một phụ nữ, đang giữ một bọc nhỏ trên tay.

Kẻ lạ mặt này đang ẵm bé Jacqueline. Nhưng bên trong không gian ấm áp tĩnh mịch của căn phòng, bên dưới ánh đèn âm trần diu diu cùng thảm dày dưới chân, mọi thứ dường như vẫn ổn.

"Ai...?" Khi Patricia đánh liều tiến lại gần hơn, người phụ nữ đang đung đưa kia dường như bị đánh động. "Joan? Joan, là cô phải không?" Patricia bước tới gần hơn nữa. "Cô đang...? Cô vào nhà qua gara ư?"

Joan - *chính là cô ta* - dùng đũa đưa và đứng dậy khỏi ghế. Ánh đèn hồng đằng sau Joan khiến Patricia khó có thể nhận ra vẻ kỳ dị trên khuôn mặt cô ta - mà cụ thể là, cái mồm méo xệch kỳ lạ. Từ người cô ta bốc ra một mùi kinh khủng, và Patricia chột nghĩ ngay tới cô chị gái của mình, và lẽ Tạ ơn kinh khủng năm ngoái. Phải chăng Joan cũng đang bị sang chấn tâm lý giống vậy?

Và tại sao cô ta lại ở đây, bé bé Jacqueline?

Joan chìa tay trả lại bé gái sơ sinh cho Patricia. Patricia ẵm đứa con của mình, và ngay lập tức, cô nhận ra có gì đó không ổn. Con bé yên lặng một cách quá bất thường so với vẻ yên bình của một bé sơ sinh đang ngủ.

Lo lắng, Patricia dùng hai ngón tay vén lớp chăn che phủ mặt Jackie.

Đôi môi nụ hồng của con bé bị rách. Đôi mắt nhỏ của nó tối sầm và trùng trùng. Tấm chăn quanh cổ nó bị ướt. Hai ngón tay của Patricia dính máu.

Patricia định hét lên, nhưng không kịp nữa.

Ann-Marie Barbour thực sự cảm thấy tuyệt vọng. Cô đứng trong bếp, thì thào cầu nguyện và bám chặt thành bồn rửa như thể ngôi nhà mà cô đã sống trọn cuộc sống hôn nhân là một con thuyền nhỏ bé đang bị cuốn vào vùng nước xoáy đen ngòm trên biển. Không ngừng cầu nguyện được dẫn đường, được giải thoát. Cầu nguyện một tia hy vọng. Cô biết Ansel không phải người xấu. Anh không thực sự như vẻ bề ngoài. Anh chỉ là đang rất, rất ốm. (*Nhưng anh ấy đã giết lũ chó.*) Dù anh có đang mắc bất cứ căn bệnh nào thì rồi nó cũng sẽ qua đi như một cơn sốt tồi tệ, và mọi thứ sẽ trở lại bình thường.

Cô nhìn ra chuồng chó đang khóa kín ngoài sân sau tối om. Lúc này nó đang rất yên tĩnh.

Mỗi nghi ngờ lại quay trở lại với cô, giống như khi cô thấy tin tức về những người chết trong chuyến bay 753 đã biến mất khỏi nhà xác. Điều gì đó đang xảy ra, một điều gì đó rất khủng khiếp (*Anh ấy đã giết lũ chó*) - và cảm giác khiếp đảm dâng trào

của cô chỉ có thể giảm nhẹ nhờ việc liên tục đi đến chỗ gương và bồn rửa. Rửa tay rồi chạm, lo lắng rồi cầu nguyện.

Tại sao Ansel tự chôn mình dưới đất vào ban ngày chứ? (*Anh ấy đã giết lũ chó.*) Tại sao anh nhìn cô với vẻ thêm khát đến vậy? (*Anh ấy đã giết chúng.*) Tại sao anh không nói bất cứ gì, mà chỉ cầu nhàu và tru tréo (*giống như lũ chó anh ấy đã giết*)?

Màn đêm đã một lần nữa chiếm trọn bầu trời - điều khiến cô kinh hãi cả ngày nay.

Tại sao lúc này ngoài đó anh lại yên lặng đến vậy?

Trước khi cô kịp nghĩ xem nên làm gì, trước khi cô kịp rũ bỏ tính nhút nhát của mình, cô ra khỏi cửa và bước xuống cầu thang ra vườn. Không nhìn vào mộ lũ chó ở góc vườn - không được đầu hàng sự điên loạn đó. Giờ đây cô phải là người mạnh mẽ. Chỉ cần thêm một chút thôi...

Cánh cửa chuông. Khóa và xích. Cô đứng đó, nghe ngóng, nắm đấm ấn mạnh lên miệng cho tới khi cô cảm thấy răng cửa đau.

Ansel sẽ làm gì chứ? Liệu anh có mở cửa nếu như cô là người đang ngồi bên trong đó? Liệu anh có buộc mình phải đối mặt với cô?

Phải. Anh sẽ làm vậy.

Ann-Marie mở khóa bằng chìa đeo trên cổ. Cô gỡ dây xích dày, và lần này lùi tới vị trí mà cô biết rằng anh sẽ không thể nào với tới - xa hơn độ dài của dây xích gắn vào cọc xích chó - khi cánh cửa mở ra.

Một mùi hôi hám kinh khủng. Một mùi thối tới khó tin. Chỉ mùi đó thôi cũng đủ khiến cô rơi nước mắt. Chính Ansel của cô đang ở trong đó.

Cô không thấy gì cả. Cô lắng nghe. Cô sẽ không bị dụ vào bên trong.

"Ansel?"

Cô gằn như thì thào không ra hơi. Không có tiếng đáp lại.

"Ansel."

Một tiếng sục sạo. Tiếng di chuyển trên đất. Trời, tại sao cô lại không mang theo đèn pin chứ?

Cô rướn người về phía trước, chỉ vừa đủ để đẩy một cánh cửa mở rộng hơn. Đủ để ánh trăng lọt thêm vào được một chút.

Anh đây rồi. Nằm trên cái giường đất, mặt anh ngược về phía cửa, đôi mắt trũng xuống và tràn đầy đau đớn. Cô ngay lập tức nhận ra rằng anh đang hấp hối. Ansel của cô đang hấp hối. Cô nhớ tới lũ chó từng ngủ ở đây, Pap và Gertie, lũ chó giống Saint Bernard mà cô yêu quý còn hơn cả thú cưng bình thường, lũ chó mà anh đã giết và sẵn sàng thế chỗ... đúng vậy... để cứu lấy Ann-Marie và bọn trẻ.

Và rồi cô biết. Anh cần phải làm hại người khác để bản thân khỏe lại. Để sống.

Cô run rẩy dưới ánh trăng, đối mặt với con thú đau khổ mà chồng cô nay đã biến thành.

Anh muốn cô trao mình. Cô hiểu điều đó. Cô có thể cảm thấy nó.

Ansel bật ra một tiếng rên rĩ từ yết hầu, không ra hơi, như thể phát ra từ cái hốc dạ dày trống trơn của anh.

Cô không thể làm vậy. Ann-Marie bật khóc khi cô đóng cửa chuồng trước mặt anh. Cô ti vai lên cánh cửa, nhốt anh lại bên trong như một cái xác sống không ra sống mà chết cũng chẳng ra chết. Lúc này anh đã quá yếu để có thể tấn công cánh cửa. Cô chỉ nghe thấy một tiếng rên rĩ phản kháng.

Cô đang quần vòng xích đầu tiên trở lại nắm cửa thì chợt nghe thấy tiếng bước chân trên mặt đất rải sỏi phía sau. Ann-Marie chết lặng, tưởng tượng cảnh viên cảnh sát đó quay trở lại. Cô nghe thấy tiếng bước chân nữa, và cô quay lại.

Đó là một người đàn ông lớn tuổi hơn, hói đầu, mặc áo sơ mi cổ cứng, cùng áo khoác len và quần nhung kẻ rộng. Hàng xóm của họ bên kia phố, người đã gọi cảnh sát: kẻ góa vợ, lão Otish. Đó là loại hàng xóm quét lá ra đường để chúng thổi bay vào vườn nhà ta. Một kẻ mà họ chẳng bao giờ nhìn thấy hay nghe đến, trừ khi có một sự cố nào đấy mà lão ngờ rằng họ hoặc con cái họ đã gây nên.

Lão Otish nói, "Lũ chó nhà cô ngày càng tìm ra nhiều cách sáng tạo để khiến tôi mất ngủ vào ban đêm."

Sự hiện diện của lão, như một cuộc đột nhập ma quái vào một con ác mộng, khiến Ann-Marie hoang mang. *Lũ chó?*

Lão đang nói về Ansel, những âm thanh anh gây ra vào ban đêm.

“Nếu vật nuôi nhà cô bị bệnh, cô cần đưa nó tới bác sĩ thú y để chữa hoặc để giết luôn đi.”

Cô quá sốc không nói nên lời. Lão bước tới gần hơn, từ đường vào gara bước tới rìa thảm cỏ sân sau, nhòm ngó cái chuồng với vẻ khinh khỉnh.

Một tiếng rên rỉ khàn khàn thoát ra từ bên trong.

Khuôn mặt lão Otish nhăn nhó kinh tởm. “Cô phải làm gì với mấy con chó ghê này đi, bằng không tôi sẽ gọi cảnh sát lần nữa, ngay bây giờ.”

“*Không!*” Nỗi sợ thốt ra trước khi cô kịp níu lại.

Lão cười, ngạc nhiên bởi thái độ run rẩy của cô, lão thích thú trước cảnh tượng có thể kiểm soát được cô. “Vậy thì cô tính làm gì?”

Cô mở miệng, nhưng chẳng thể nghĩ ra được gì. “Tôi... tôi sẽ chăm sóc nó... tôi không biết làm sao.”

Lão nhìn về phía hiên sau, tọc mạch trước ánh đèn trong bếp. “Anh ta đang ở trong nhà phải không? Tôi muốn nói chuyện với anh ta.”

Cô lắc đầu.

Một tiếng rên rỉ đau đớn nữa lại thoát ra từ trong chuồng.

“Được thôi, tốt hơn hết là cô nên làm điều chết tiệt gì đó với thứ sinh vật bẩn thỉu kia đi - bằng không tôi sẽ làm đấy. Bất cứ ai lớn lên trong một trang trại cũng sẽ nói với cô, cô Barbour à, rằng chó là động vật giúp việc, chúng không cần cung phụng. Chúng tốt hơn hết nên quen với roi gậy hơn là vỗ về. Đặc biệt là cái giống vụng về như Saint Bernard.”

Điều gì đó lão nói khiến cô chột nhận ra. Điều gì đó về lũ chó của cô...

Roi gậy.

Toàn bộ lý do từ đầu khiến họ phải lắp đặt hệ thống xích và cọc trong chuồng là bởi Pap và Gertie đã chạy đi vài lần... và

một lần, cách đây không lâu... Gertie, con chó đáng yêu và tin cậy, đã trở về nhà với lưng và chân rách toạc...

... như thể ai đó đã đánh nó bằng gậy.

Một Ann-Marie Barbour vẫn thường nhút nhát và xa cách giờ đây quên sạch mọi sợ hãi. Cô nhìn lão - một con người quá nhỏ nhen và bẩn thỉu - như thể một tấm mạng che mặt vừa được nhắc lên khỏi tầm mắt cô.

"Ông," cô nói. Cầm cô run lên, không phải do e ngại nữa mà do giận dữ. "*Chính ông đã làm điều đó. Với Gertie. Ông đã làm hại nó...*"

Mắt lão nháy một lát, lão thường không quen bị đối chất và đồng thời bị vạch trần tội lỗi của mình.

"*Giả như tôi có làm vậy,*" lão nói, lấy lại vẻ khinh khỉnh thông thường, "*Tôi chắc là nó xứng đáng bị như vậy.*"

Nỗi căm thù bất chợt bùng nổ trong Ann-Marie. Tất cả những gì cô đã phải chịu đựng mấy ngày qua. Gửi bọn trẻ đi... chôn lũ chó đã chết... lo lắng về người chồng khổ sở...

"*Cô bé,*" Ann-Marie nói.

"*Gì cơ?*"

"*Cô bé. Gertie. Nó là một cô bé.*"

Một tiếng rên rỉ run run lại thoát ra từ chuồng.

Nhu cầu của Ansel. Con thèm khát của anh...

Cô lùi lại, run rẩy. Sợ hãi, không phải vì lão, mà vì con thịnh nộ mới của mình. "*Ông muốn tự mình xem chứ?*" Cô thấy mình lên tiếng.

"*Cái gì vậy?*"

Cái chuồng núp sau cô như thể một con thú. "*Vậy thì, tự nhiên đi. Ông muốn được dạy bảo chúng chứ? Xem ông có thể làm gì nào.*"

Lão nhìn chằm chằm, cảm phẫn. Bị thách thức bởi một mụ đàn bà. "*Cô nghiêm túc đấy hả?*"

"*Ông muốn cải thiện tình hình à? Ông muốn thư thái và yên tĩnh à? Ừ, tôi cũng vậy!*" Cô gạt chút nước bọt dính trên cằm rồi chỉ ngón tay ướt của mình vào mặt lão. "*Tôi cũng vậy!*"

Lão Otish nhìn cô một lúc lâu. “Những người kia nói đúng,” lão nói. “Cô bị điên.”

Cô nở một nụ cười hoang dại, đồng tình với lão. Và lão bước tới chỗ một cành cây thấp trong vườn nhà họ. Lão kéo một cành cây mảnh, xoắn lại, rồi giật mạnh cho tới khi nó gãy ra. Lão thử nó, nghe những tiếng *vút* như lưỡi kiếm khi lão chém vào không khí, và, sau khi đã hài lòng, lão bước tới cánh cửa.

“Tôi muốn cô biết rằng,” lão Otish nói, “tôi làm điều này là tốt cho cô hơn là cho tôi.”

Ann-Marie run rẩy khi quan sát lão gỡ dây xích trên tay nắm cửa chuông. Cánh cửa bắt đầu mở ra, lão Otish đứng đủ gần tại lối vào để dây xích gắn cọc có thể tới được chỗ lão.

“Nào,” lão nói, “bạn sức vật đó đâu?”

Ann-Marie nghe thấy tiếng gầm gừ chẳng phải của con người, và dây xích chuyển động rất nhanh, nghe như tiếng roi của những đồng xu. Rồi cánh cửa mở bung ra, lão Otish bước lên, và ngay lập tức tiếng thét kinh hãi của lão bị bịt lại. Cô chạy tới và ghì người lên cánh cửa, gắng sức đóng nó lại trong lúc lão Otish vùng vẫy đẩy ra. Cô quấn dây xích xuyên qua tay nắm cửa, gài khóa chặt... rồi chạy biến vào nhà, trốn khỏi cái chuông đang rung bần bật ở sân sau và hành động nhần tâm mà cô vừa làm.

Mark Blessige đứng trong tiền sảnh nhà mình với chiếc BlackBerry trong tay, hoàn toàn mất phương hướng. Không một tin nhắn nào từ cô vợ. Điện thoại cô ta vẫn để trong chiếc túi Burberry, chiếc xe Volvo đỗ trên đường vào gara, còn chậu tắm cho bé nằm trên lối vào phòng khách. Chẳng để lại một ghi chú nào trên quầy bếp, chỉ một ly rượu uống dở để trên quầy. Patricia, Marcus và bé Jackie đều biến mất.

Anh kiểm tra gara, các xe hơi và xe đẩy đều ở đó. Anh kiểm tra lịch trên hành lang - chẳng có kế hoạch gì cho ngày hôm nay. Phải chăng cô ta khó chịu vì anh lại về muộn và quyết định trừng phạt một chút theo kiểu tránh đối đầu trực tiếp? Mark cố gắng xem ti vi và chờ đợi, nhưng rồi nhận ra rằng mình đang

thực sự lo lắng. Hai lần, anh định nhắc điện thoại để gọi cảnh sát, nhưng không nghĩ mình có thể chịu nổi những lời gièm pha vì có một chiếc xe cảnh sát tới nhà. Anh ra cửa trước và đứng trên bậc cầu thang gạch, ngó ra bãi cỏ và những luống hoa tươi tốt. Anh nhòm khắp phố, tự hỏi có phải họ đã ghé qua nhà hàng xóm - và rồi nhận ra hầu hết mọi nhà đều tối om. Chẳng một ánh đèn vàng ấm áp nào từ những cây đèn gia truyền đặt trên nóc tủ chén gỗ bóng. Chẳng một ánh đèn nào từ màn hình vi tính hay ti vi rơi qua lớp vải ren khâu tay.

Anh nhìn sang nhà Luss, ngay đối diện con phố. Một mặt tiền quý phái lộng lẫy cùng nền gạch trắng cổ kính. Bên đó cũng chẳng có ai ở nhà, hình như vậy. Phải chăng chuẩn bị xảy ra một thiên tai nào đó mà anh không hay biết? Phải chăng lệnh sơ tán đã được ban hành?

Và rồi anh thấy ai đó xuất hiện từ bụi cây cao tạo thành hàng rào trang trí giữa biệt thự nhà Luss và nhà Perry. Đó là một phụ nữ, và giữa lốm đốm bóng lá của cây vượn cao phía trên đầu, trông bà ta có vẻ lôi thôi. Bà ta đang ẵm trên tay thứ gì đó trông có vẻ như một đứa bé năm, sáu tuổi đang ngủ. Người phụ nữ này băng qua đường vào gara, khuất sau chiếc Lexus SUV của gia đình Luss trong một chốc, và sau đó đi thẳng vào cửa bên, cạnh gara. Trước khi vào, bà ta quay đầu và nhìn thấy Mark đang đứng trên bậc thềm trước cửa nhà anh. Bà ta chẳng vẫy tay hay có vẻ gì là nhận ra anh, nhưng ánh nhìn của bà ta - dù chỉ thoáng qua - khiến anh lạnh buốt người.

Đó không phải Joan Luss, anh nhận thấy thế. Nhưng đó có thể là quản gia của họ.

Anh đợi ánh sáng bật lên bên trong căn nhà. Nhưng không có gì hết. Quá kỳ lạ, nhưng dù gì chẳng nữa, anh cũng chưa bắt gặp bất cứ ai lảng vảng ngoài đường tối nay. Vì thế anh bắt đầu băng qua đường - ban đầu bước chậm theo lối dẫn vào nhà, tránh giẫm lên bãi cỏ - và sau đó, dứt tay một cách thư thái vào túi quần, anh tiến thẳng tới cánh cửa bên cạnh gara đó.

Cánh cửa chống bão bên ngoài đóng, nhưng cửa trong thì mở. Thay vì bấm chuông, anh vui vẻ gõ khung cửa kính rồi

bước vào, gọi, “Xin chào?” Anh băng qua tiền phòng lát gạch và bước vào bếp, ấn công tắc bật đèn. “Joan? Roger?”

Sàn nhà đầy những vết chân bẩn thỉu, rõ là vết chân đất. Một vài tú và cạnh bàn bám những dấu tay bẩn đất. Những quả lê thối rữa trong một bát lưới trên quầy bếp.

“Có ai ở nhà không?”

Anh dám cá rằng Joan và Roger không có nhà, nhưng dù gì anh cũng muốn nói chuyện với bà quản gia. Bà ta sẽ không ba hoa khắp chốn rằng gia đình Blessige thậm chí chẳng biết lũ con của họ ở đâu, hay Mark Blessige chẳng thể để mắt trông coi cô vợ nghiện rượu của mình. Và nếu anh nhầm, và Joanie đang ở đây, vậy anh sẽ hỏi cô ta về gia đình anh, kiểu như đang vác vợt tennis trên vai ấy mà. *Lũ trẻ náo nhiệt quá đỗi, sao mà có thể theo dõi chúng chứ?* Và nếu anh có nghe thấy bất cứ ai nói bất cứ điều gì về lũ con búng bình của mình, anh sẽ gọi chuyện về đám nông dân chân đất nhà Luss rõ ràng đã chạy loạn trong bếp của họ.

“Mark Blessige bên kia đường đây. Có ai ở nhà không?”

Anh chưa từng tới nhà họ kể từ bữa tiệc sinh nhật thằng bé vào tháng Năm. Bố mẹ nó đã mua cho thằng bé một chiếc xe đua điện dành cho trẻ con, nhưng bởi nó không có một cái móc kéo xe giả - rõ ràng nó bị ám ảnh với móc kéo xe - nó đã lái chiếc xe đâm thẳng vào bàn đặt bánh ngay sau khi người giúp việc thuê mặc trang phục SpongeBob SquarePants vừa rót đầy nước hoa quả vào các cốc. “Ừ thì,” Roger đã nói, “ít nhất nó cũng biết rằng nó thích gì.” Câu nói đó kéo theo một tràng cười gượng gạo và một đọt nước hoa quả mới.

Mark cúi đầu bước qua cánh cửa xoay, tiến vào phòng khách mà từ đó, qua những cửa sổ trước, anh có thể thấy khá rõ căn nhà của mình. Anh tận hưởng khung cảnh đó một lát, bởi chẳng mấy khi có thể được nhìn từ góc nhìn của một người hàng xóm. Ngôi nhà đẹp quá xá. Mặc dù thằng Mexico dẫn độn đó lại cất tia bụi cây rào phía Tây không đều.

Tiếng bước chân vọng lên từ cầu thang tầng hầm. Không chỉ một người - thậm chí không chỉ vài người. “Xin chào?” anh nói, lấy làm băn khoăn về đám người chân đất đó, và chột nhận

ra có vẻ như mình đã tự nhiên quá mức trong căn nhà của người hàng xóm. “Xin chào. Mark Blessige bên kia đường đây.” Không có tiếng trả lời. “Xin lỗi vì đã đột nhập như thế này, nhưng tôi chỉ đang tự hỏi...”

Anh đẩy ngược cánh cửa xoay và dừng bước. Phải đến một chục người đang đứng đối mặt anh. Hai trong số đó là trẻ con, vừa bước ra từ sau quầy bếp - cả hai đều không phải con anh. Mark nhận ra một vài khuôn mặt, mấy người cùng sống tại Bronxville, những người anh đã gặp tại Starbucks, ga tàu hoặc câu lạc bộ. Một trong số họ, Carole, là mẹ một đứa bạn của Marcus. Một người nữa là nhân viên giao hàng bên UPS, mặc áo sơ mi và quần soóc nâu của hãng. Một tập hợp khá ngẫu nhiên cho một buổi gặp mặt. Trong số họ chẳng có lấy một người nhà Luss hay nhà Blessige.

“Tôi xin lỗi. Có phải tôi đang làm phiền...?”

Giờ anh mới thực sự nhìn họ, nước da và ánh mắt họ, khi họ nhìn chằm chằm vào anh chẳng nói một câu. Anh chưa từng bị ai nhìn như vậy. Anh cảm thấy sức nóng từ họ, một sức nóng chẳng liên quan gì tới ánh nhìn của họ.

Phía sau là bà quản gia. Trông bà ta hồng hào, nước da đỏ và đôi mắt trùng trùng màu đỏ tươi, và có một vết đỏ phía trước áo choàng của bà ta. Mái tóc bà ta khô, bết, quần áo và da bà ta thì chẳng thể bắn thủ hơn, cứ như thể bà ta đã ngủ dưới đất vậy.

Mark hất chòm tóc trên trán cho khỏi chắn tầm mắt. Anh cảm thấy vai mình tựa vào cánh cửa xoay và nhận ra anh đang đi giạt lùi. Những người kia tiến về phía anh, ngoại trừ bà quản gia, chỉ đứng và quan sát. Một đứa trẻ, thằng bé trông bẽn lẽn với đôi lông mày đen nhọn, bước lên một ngăn tủ mở để trèo lên quầy bếp, sao cho nó có thể đứng cao hơn tất cả những người khác một cái đầu. Từ mặt quầy đá hoa, nó chạy và nhảy bổ vào Mark Blessige, lúc này chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài đưa tay ra đón lấy nó. Miệng thằng bé há ra giữa lúc nó bật nhảy, và khi nó tùm được vai Mark, vòi chích nhỏ bé của nó đã lòi ra. Như đuôi một con bọ cạp, nó uốn cong lên trước khi bắn thẳng tới, chọc thủng cổ họng Mark. Nó cắt da và cơ, níu chặt lấy động

mạch cảnh của anh, và con đầu như một cái xiên nóng cắm nửa chừng vào cổ.

Anh ngã ngửa qua cánh cửa, đồ sầm xuống sàn, thằng bé vẫn bám chắc, thắt chặt cổ họng anh, ngồi giàng chân trên ngực anh. Và rồi nó bắt đầu kéo. Nó rút. Nó hút. Nó nốc cạn.

Mark gắng nói, gắng hét, nhưng âm thanh tắc nghẽn trong họng, và anh bị nghẹt. Anh tê liệt. Có gì đó trong mạch máu anh đã thay đổi - đã bị gián đoạn - và anh chẳng thể thốt ra một lời.

Ngực thằng bé tì lên ngực anh, và anh có thể cảm thấy nhịp đập yếu ớt từ trái tim - hay cái gì đó - của nó. Khi máu trôi tuột khỏi cơ thể Mark, anh cảm thấy nhịp đập của thằng bé tăng vọt và trở nên mạnh mẽ hơn - *bup-bup-bup* - nhanh như phi nước kiệu điên cuồng, gần như thể khoái lạc.

Vòi chích của thằng bé ứ máu khi nó ăn, và lòng trắng trong mắt nó, khi nó trừng trừng nhìn Mark, chuyển sang màu đỏ thẫm. Một cách thành thực, thằng bé luồn những ngón tay xương xẩu qua mái tóc của Mark. Kẹp chặt con môi của nó...

Những người khác xông qua cánh cửa, nhào vào nạn nhân, xé rách quần áo của anh. Khi những vòi chích của họ chọc xuyên qua da thịt anh, Mark cảm thấy một sự thay đổi áp suất mới bên trong cơ thể, không dẫn ra, mà là *nén lại*. Như xì hơi chân không, như một gói nước ép hoa quả bị hút kiệt.

Cùng lúc đó, một mùi hương chế ngự anh, lọt vào mũi và mắt anh, như một luồng khí amoniac. Anh cảm thấy nước bắn lên ngực mình, ấm, như thể món xúp vừa nấu, và đôi bàn tay anh đang víu lấy cơ thể con quỷ con chột cảm thấy ấm nóng. Thằng bé đá dầm, nó phóng uest lên Mark khi nó ăn - mặc dù chất thải này có vẻ như chất hóa học hơn là của con người.

Con đầu khốn kiếp. Xuất hiện khắp mọi nơi, đầu ngón tay, ngực, não. Áp suất thoát ra khỏi cổ họng anh, và Mark lừng lơ ở đó như một ngôi sao trắng sáng trong con đầu hấp hối.

Neeva đẩy hé cửa, chỉ để chắc rằng lũ trẻ tốt cuộc cũng đã ngủ. Keene và Audrey Luss nằm trong hai túi ngủ trên sàn bên cạnh giường đứa cháu gái Narushta của bà. Lũ trẻ nhà

Luss thường vẫn ngoan - dù gì thì, Neeva cũng là người trông nom duy nhất của bọn trẻ vào ban ngày kể từ khi Keene mới bốn tháng tuổi - nhưng đêm nay, cả hai đứa đều khóc. Chúng nhớ giường của mình. Chúng muốn biết khi nào chúng mới có thể về nhà, khi nào Neeva mới đưa chúng trở về. Sebastiane, cô con gái của Neeva, liên tục hỏi còn bao lâu nữa cảnh sát mới tới gõ cửa nhà họ. Nhưng cảnh sát không phải điều khiến Neeva lo ngại.

Sebastiane sinh ra tại Mỹ, được giáo dục trong trường học của Mỹ, và bị gán cho cái vẻ ngạo mạn của người Mỹ. Neeva đưa cô con gái của mình trở về Haiti mỗi năm một lần, nhưng với cô gái, nơi đó chẳng phải quê nhà. Cô từ chối đất nước cũ kĩ và phong cách cổ hủ của nó. Cô khước từ những kiến thức cổ xưa bởi những kiến thức mới quá ư bóng bẩy và rõ ràng. Nhưng Neeva gần như không thể chịu đựng nổi vì Sebastiane coi mẹ như thể một kẻ gốc mê tín. Đặc biệt từ khi bà cứu hai đứa trẻ dẫu bị chiều hư nhưng vẫn còn hy vọng cứu chuộc này, chính hành động đó đã đặt những thành viên trong gia đình vào nguy hiểm.

Mặc dù bà là một tín đồ Thiên Chúa giáo La Mã, ông ngoại của Neeva lại là người theo tôn giáo Vodou, và là một *bokor* của làng, một dạng *houngan*, hay còn gọi là thầy tế - một số người gọi họ là phù thủy - những người làm phép thuật, cả phép thần lẫn ma thuật. Mặc dù ông được gọi là người mang *ashe* lớn (nắm giữ và sử dụng nhiều năng lượng tâm linh), và thường vỗ vỗ vào các thứ bùa ngải hộ mệnh - tức là, lấy ra phần hồn của một vật thờ (một vật vô tri) - ông không bao giờ sử dụng loại ma thuật đen tối nhất, như là hồi sinh một xác chết, vực dậy một thầy ma từ một xác chết đã mất phần hồn. Ông không bao giờ làm vậy bởi ông nói rằng ông quá tôn trọng thế giới tối bên kia, và việc vượt qua ranh giới địa ngục đó là một sự xúc phạm trực tiếp tới *loa*, hay các linh hồn của tôn giáo Vodou, là các thánh thần và thiên sứ đóng vai trò trung gian giữa con người và đấng Kiến tạo công minh. Nhưng ông đã tham dự những buổi tế lễ dạng như làm phép trừ tà ma tại những vùng hẻo lánh, uốn nắn

sai lầm của các thầy tế Vodou khác, và bà đã đi cùng ông, và đã nhìn thấy khuôn mặt của thầy ma.

Khi Joan khóa mình trong phòng của cô ta vào đêm đầu tiên - một phòng ngủ trang bị đồ đạc sang trọng đẹp như bất cứ phòng khách sạn nào Neeva đã từng dọn dẹp tại Manhattan khi bà mới tới đất Mỹ - và khi cuối cùng tiếng rên rỉ cũng chấm dứt, Neeva ngó vào kiểm tra cô ta. Đôi mắt cô ta trông chết chóc và mơ màng, tim cô ta đập thình thịch, những tấm ga trải giường bẩn ướt mồ hôi. Cô ta ho ra máu trắng lên gối. Neeva đã từng chăm sóc những người ốm và hấp hối tương tự, và bà biết, khi nhìn thấy Joan Luss như vậy, rằng cô chủ của bà không chỉ đơn giản chìm vào bệnh tật, mà vào cái ác. Đó là khi bà đưa lũ trẻ rời đi.

Neeva đi lại kiểm tra các cửa sổ một lần nữa. Họ sống ở tầng một trong căn nhà có ba hộ gia đình, và họ chỉ có thể nhìn ra phố và các nhà hàng xóm qua những song sắt. Những song sắt giúp chống trộm hiệu quả, nhưng Neeva không chắc có tác dụng với những gì vượt xa hơn thế hay không. Chiều hôm đó, bà đã đi loanh quanh bên ngoài căn nhà, thử giật mạnh những song sắt, và chúng có vẻ chắc chắn. Cẩn thận hơn nữa, bà đã đóng chặt các khung cửa vào bậu cửa (mà không để Sebastiane biết, đỡ cho Neeva một bài giảng giải về an toàn cháy nổ), và rồi chắn tầm nhìn cửa sổ của bọn trẻ bằng một giá sách như một lớp rào chắn tạm thời. Bà cũng đã (khôn khéo không để ai biết) bôi tỏi lên các song sắt. Bà giữ lại một bình nước thánh từ nhà thờ, được cúng bởi các thầy tu trong giáo khu - mặc dù bà vẫn không quên cây thánh giá của bà đã vô dụng ra sao bên dưới tầng hầm nhà Luss.

Lo lắng nhưng tự tin, bà kéo tất cả các rèm cửa sổ và bật mọi đèn, rồi lấy ghế và ngồi xuống. Bà vẫn mang đôi giày đế cao màu đen (loại giày chính hình dành cho người có lòng bàn chân đau) để phòng trường hợp bà cần chạy vội đâu đó, và phải sẵn sàng thức canh một đêm nữa. Bà bật ti vi nhỏ, chỉ để có bầu bạn. Nhưng nó lấy điện từ tường nhà nhiều hơn là lôi cuốn sự chú ý của Neeva.

Có lẽ bà phiền muộn hơn bà tưởng trước thái độ khinh thị của cô con gái. Đó là mối lo của mọi người dân nhập cư có những người con lớn lên và gắn bó với nền văn hóa đã nuôi dạy nó mà quên đi quê hương vốn có. Nhưng nỗi sợ của Neeva còn cụ thể hơn thế: bà sợ rằng sự tự phụ của đứa con gái Mỹ hóa của bà rốt cuộc sẽ hại nó. Đối với Sebastiane, bóng tối của ban đêm chỉ là một sự bất tiện, một sự thiếu hụt ánh sáng, và nó sẽ biến mất ngay khi bạn ấn công tắc đèn. Ban đêm là khoảng thời gian rảnh rỗi dành cho nó, thời gian chơi, thời gian thư giãn. Khi nó xoa tóc và quên đi cảnh giác. Đối với Neeva, điện tồn tại cũng chỉ như một lá bùa hộ mệnh chống lại bóng tối. Đêm là thực. Đêm không chỉ là sự thiếu hụt ánh sáng, mà thực tế, chính ban ngày mới là một quãng nghỉ ngắn trước bóng tối cận kề.

Một tiếng cào nhẹ khiến bà bừng tỉnh. Cầm bà bật khỏi ngực, bà thấy ti vi đang phát quảng cáo một giẻ lau nhà bọt biển đồng thời cũng là một máy hút bụi. Bà cứng người lắng nghe. Đó là tiếng lách cách từ cửa trước. Ban đầu bà tưởng Emile về nhà - cháu trai của bà lái taxi đêm - nhưng nếu nó lại quên chìa khóa, nó hẳn sẽ bấm chuông.

Ai đó đang ở ngoài cửa trước. Nhưng họ không gõ cửa hay bấm chuông.

Neeva nhanh chóng bật dậy. Bà rón rén xuống hành lang và đứng trước cửa, lắng nghe, chỉ có một tấm gỗ ngăn cách giữa bà và bất cứ ai - hay bất cứ thứ gì - đang đứng ngoài.

Bà cảm thấy một sự hiện diện. Bà tưởng tượng, nếu chạm tay vào cánh cửa - hiển nhiên bà sẽ không làm vậy - bà có thể cảm thấy hơi nóng.

Đó là một cánh cửa trước tron với một khóa chốt cố định, không ô kính nhìn ra ngoài, không ô cửa sổ trên tấm gỗ. Chỉ duy nhất một khe đứt thư kiểu cổ nằm chính giữa bên dưới, cách sàn ba mươi phân.

Bản lề của khe đứt thư cọt kẹt. Nấp lặt bằng đồng nhúc nhích - và Neeva chạy vọt trở lại sảnh. Bà đứng đó một lát - choáng váng, sợ hãi - và rồi học tốc vào phòng tắm, tới sọt đựng đồ chơi bồn tắm. Bà chộp lấy khẩu súng nước của đứa cháu và

mở nắp lọ nước thánh, rót vào cái lỗ nhỏ xíu, bà đổ tràn ra ngoài khá nhiều trong lúc cố đổ đầy nòng súng nhựa.

Bà mang món đồ chơi tới cánh cửa. Lúc này nó đã yên lặng, nhưng bà vẫn cảm thấy sự hiện diện đó. Bà vụng về quỳ trên đầu gối sung phòng, chạm bút tất lên sàn gỗ thô cứng. Bà gần như có thể cảm thấy tiếng xì xào của bầu không khí mát lạnh ban đêm qua nắp lật bằng đồng - và bà trông thấy một cái bóng trên rìa khe.

Khẩu súng đồ chơi có một vòi phun dài. Neeva không quên kéo ngược cơ cấu bom bên dưới để bôi áp suất, và rồi dùng đầu nòng súng kéo nắp lật lên. Khi bản lề kêu cọt kẹt, bà cho súng vào, đẩy vòi phun qua khe và bóp chặt cò súng.

Neeva nhắm bừa, trên, dưới, khắp hai bên, bắn nước thánh đi tứ phía. Bà tưởng tượng Joan Luss đang bị thiêu cháy, thứ nước giống như axit này đang ăn cơ thể cô ta như lưỡi kiếm vàng của Chúa - tuy nhiên, bà chẳng nghe thấy một tiếng khóc la nào.

Và rồi một bàn tay lọt qua khe hở. Nó tóm lấy nòng súng, cố gắng tước lấy nó. Neeva giật lại theo phản xạ, và bà có thể nhìn thấy rõ những ngón tay. Chúng bẩn thỉu hết như những ngón tay của một kẻ đào mộ. Phần móng tay có màu đỏ máu. Nước thánh bắn lên da, nhưng chỉ làm nhòe đi lớp đất bẩn chứ chẳng hề thiêu đốt.

Chẳng có chút tác dụng nào.

Bàn tay đó vẫn giật mạnh nòng súng, níu chặt lấy nó bên trong khe đút thư. Lúc này Neeva nhận ra bàn tay đó đang muốn tóm lấy bà. Vì thế bà thả súng, bàn tay đó kéo và vặn cho tới khi món đồ chơi bằng nhựa vỡ toác, bắn ra những giọt nước cuối cùng. Neeva bò bằng tay và hông, ra xa khỏi khe cửa, khi vị khách kia bắt đầu nện cửa. Cô ta ném cả trọng lượng cơ thể vào cửa, lạch cạch giật nắm đấm cửa. Bản lề run bần bật và bức tường bên cạnh rung lên, bức ảnh lồng khung người đàn ông và đứa trẻ đi săn rơi khỏi đỉnh treo, lớp kính bảo vệ vỡ vụn. Neeva bò tới cuối hành lang ngắn. Vai bà va vào rổ đựng ô, bên trong có một cây gậy bóng chày, và Neeva chộp lấy nó, nắm chặt tay cầm dán băng dính đen, vẫn ngồi bệt dưới sàn.

Tấm gỗ vẫn vững chãi. Cánh cửa cũ rích mà bà vẫn cảm ghét bởi nó phồng lên và dính chặt vào khung cửa dưới cái nóng mùa hè, giò đây đủ chắc chắn để chống chọi những cú đánh, cái khóa chốt và thậm chí tay nắm sắt nhẵn nhụi cũng vậy. Sự hiện diện phía sau cánh cửa rốt cuộc cũng trở nên yên ắng. Có lẽ nó đã rời đi hẳn rồi cũng nên.

Neeva nhìn vào vũng nước mắt của Chúa trên sàn. Chỉ khi sức mạnh của Chúa không giúp được ta, ta mới biết mình đen đủi đến chừng nào.

Đợi cho tới sáng. Đó là tất cả những gì bà có thể làm.

“Neeva?”

Keene, thằng bé con nhà Luss, đứng đằng sau bà, mặc quần thụng cùng áo phông. Neeva di chuyển nhanh hơn mức bà có thể tưởng tượng, bịt chặt bàn tay lên miệng thằng bé và kéo nó ra chỗ góc nhà. Neeva đứng đó, lưng dựa tường, ôm thằng bé trong vòng tay.

Liệu thứ ngoài cửa có nghe thấy tiếng đứa con trai của nó?

Neeva cố gắng nghe ngóng. Thằng bé vùng vẫy, cố gắng nói.

“*Im lặng đi con.*”

Và rồi bà nghe thấy nó. Lại tiếng cọt kẹt đó. Bà níu đứa bé chặt hơn nữa khi bà nghiêng người sang trái, đánh liều nhìn qua chỗ góc nhà.

Một ngón tay bắn thủ đẩy nắp khe dứt thu lên. Neeva rụt trở lại góc nhà, nhưng bà đã kịp thấy một cặp mắt đỏ rực đang nhòm vào.

Quản lý của Gabriel Bolivar, Rudy Wain, bắt taxi tạt qua căn nhà anh ta trên phố Hudson sau bữa tối muộn chỗ ngài Chow cùng những người bên công ty âm nhạc BMG. Anh vẫn chưa liên lạc được với Gabe qua điện thoại, nhưng bắt đầu có những lời đồn về tình trạng sức khỏe của anh ta sau vụ chuyến bay 753, cùng một hình chụp trộm anh ta đang ngồi xe lăn, và Rudy cần phải xem tận mắt. Khi Rudy tới trước cửa căn nhà trên phố Vestry, anh không thấy bất cứ tay sẵn ảnh nào, chỉ có một vài fan có vẻ phê thuốc đang ngồi hút quanh vỉa hè.

Họ đứng dậy như thể đã chờ sẵn khi Rudy bước lên những bậc thang dẫn vào cửa trước. “Chuyện gì thế?” Rudy hỏi.

“Chúng tôi nghe nói anh ấy cho người vào.”

Rudy ngược thẳng lên, nhưng chẳng có bất cứ ánh đèn nào trong ngôi biệt thự hai căn, thậm chí trên gác mái. “Có vẻ như bữa tiệc đã kết thúc rồi.”

“Đó không phải bữa tiệc,” một thằng nhóc mập có những dây cao su nhiều màu treo trên một đinh ghim đâm xuyên qua má nói. “Anh ấy còn cho cả bọn sẵn ảnh vào.”

Rudy nhún vai và nhập mã khóa cửa, bước vào, rồi đóng sầm cửa phía sau. Ít nhất Gabe cũng đã cảm thấy khá hơn. Rudy tiến vào, ngang qua đôi báo cẩm thạch đen, tới bên trong tiền sảnh tối tăm. Đèn thi công đều tắt sạch, các công tắc đèn thì vẫn chưa nối vào đâu hết. Rudy nghĩ ngợi một lát, rồi rút chiếc BlackBerry của mình ra, chuyển màn hình hiển thị sang chế độ LUÔN BẬT. Anh chiếu ánh đèn xanh xung quanh, và nhận ra tại chân bức tượng thiên thần có cánh cạnh cầu thang chất hàng đồng máy ảnh SLR và máy quay kỹ thuật số cao cấp, vũ khí của bọn sẵn ảnh. Tất cả chồng đống lên như thể mớ giày dép bên ngoài một bể bơi.

“Xin chào?”

Giọng anh vọng lại yếu ớt khắp vài tầng dưới chưa hoàn thiện. Rudy bắt đầu bước lên cầu thang cẩm thạch xoắn, lần theo ánh đèn xanh lam của chiếc BlackBerry. Anh cần động viên Gabe cho show diễn Roseland tuần tới, và có vài lịch diễn lắt nhắt tại Mỹ gần lễ Halloween cần phải chuẩn bị.

Anh lên tới tầng trên cùng, phòng ngủ của Bolivar, và tắt cả các đèn đều tắt.

“Ê, Gabe? Tôi đây, anh bạn. Đừng buộc tôi phải tự tiện bước vào chứ.”

Quá yên ắng. Anh đẩy cửa tiến vào phòng ngủ, quét ánh đèn điện thoại quanh căn phòng, thấy tấm ga trải giường lật tung nhưng chẳng hề thấy Gabe say xỉn đâu hết. Có khi đang vật vờ ngoài kia như thường lệ. Anh ta không có ở đây.

Rudy tạt vào phòng tắm chính để đi tiểu. Ở đó có một lọ

Vicodin kê đơn mở nắp trên quầy và một ly cocktail pha lê nồng mùi rượu. Rudy cân nhắc một lát, rồi quyết định lấy hai viên Vicodin, anh rửa ly trong bồn rửa và uống hai viên thuốc cùng nước vòi.

Khi đang đặt lại chiếc ly lên quầy, anh chợt phát hiện động tĩnh đầu đó phía sau. Anh lập tức quay người, và đó là Gabe, đang bước ra từ bóng tối tiến vào phòng tắm. Bức tường ốp gương hai bên khiến trông như có tới hàng trăm anh ta.

“Gabe, Chúa ơi, anh khiến tôi phát khiếp,” Rudy nói. Nụ cười vui vẻ của anh tắt ngúm khi Gabe cứ đứng đó nhìn anh chằm chằm. Ánh sáng xanh từ điện thoại lò mờ và không chiếu thẳng, nhưng da Gabe trông tối, đôi mắt anh ta nhuộm đỏ. Anh ta khoác áo choàng đen mặc trong nhà, dài tới đầu gối, không mang áo sơ mi bên trong. Tay anh ta buông thõng, chẳng có vẻ gì là chào đón người quản lý của mình. “Có chuyện gì vậy, anh bạn?” Đôi bàn tay và ngực anh ta bản thủ. “Anh đã dành cả tối bên trong thùng than hả?”

Gabe chỉ đứng đó, những hình ảnh phản chiếu qua gương nhiều tới vô tận.

“Anh hôi quá, anh bạn,” Rudy nói, tay bịt mũi. “Anh có chuyện quái gì vậy?” Rudy cảm thấy sức nóng kỳ lạ từ Gabe. Anh giơ điện thoại gần mặt Gabe hơn. Mắt anh ta vô hồn dưới ánh sáng. “Anh bạn à, anh giữ lớp trang điểm quá lâu rồi đấy.”

Vicodin bắt đầu phát tác. Cả căn phòng, cùng những gương chiếu mặt, dần ra như một chiếc đàn accordion mở. Rudy di chuyển ánh sáng điện thoại, và cả phòng tắm trở nên lung linh.

“Này, anh bạn,” Rudy nói, mắt bình tĩnh bởi thái độ tỉnh bơ của Gabe, “nếu anh đang phiêu du, tôi có thể quay lại sau.”

Anh định lách sang bên trái Gabe, nhưng Gabe không tránh ra. Anh thử lại lần nữa, nhưng Gabe vẫn không tránh đường. Rudy lùi lại, chiếu ánh đèn điện thoại vào khách hàng lâu năm của mình. “Gabe, anh bạn, chuyện gì...?”

Bolivar mở áo choàng, dang rộng cánh tay, như một đôi cánh, để quần áo rơi tuột xuống sàn.

Rudy há hốc. Cơ thể Gabe xám ngoét và hốc hác từ đầu đến chân, nhưng thứ thực sự khiến anh choáng váng là vùng háng của Gabe.

Không lông, phẳng mịn như búp bê, và không có cơ quan sinh dục.

Bàn tay Gabe bịt chặt miệng Rudy. Rudy bắt đầu vùng vẫy, nhưng đã quá muộn. Rudy thấy Gabe cười toét miệng - và rồi, nụ cười ấy tắt ngúm, một thứ gì đó trông như một cái roi quần quai bên trong miệng anh ta. Dưới thứ ánh sáng xanh rung bần bật từ điện thoại - khi anh đang điên cuồng mò mẫm nút 9, 1 và 1 - anh thấy một vòi chích thò ra. Những cơ quan vô định hình phồng lên và xếp xuống dọc hai bên vòi chích, trông như hai bọc thịt lỗ chỗ, xung quanh rìa là những lỗ hở trông như mang cá xòe ra cụp vào.

Rudy nhìn thấy tất cả chỉ trong một thoáng trước khi nó bắn vào cổ anh. Điện thoại anh rơi xuống sàn phòng tắm bên dưới đôi chân đang vùng vẫy mà chẳng kịp bấm nút GỬI.

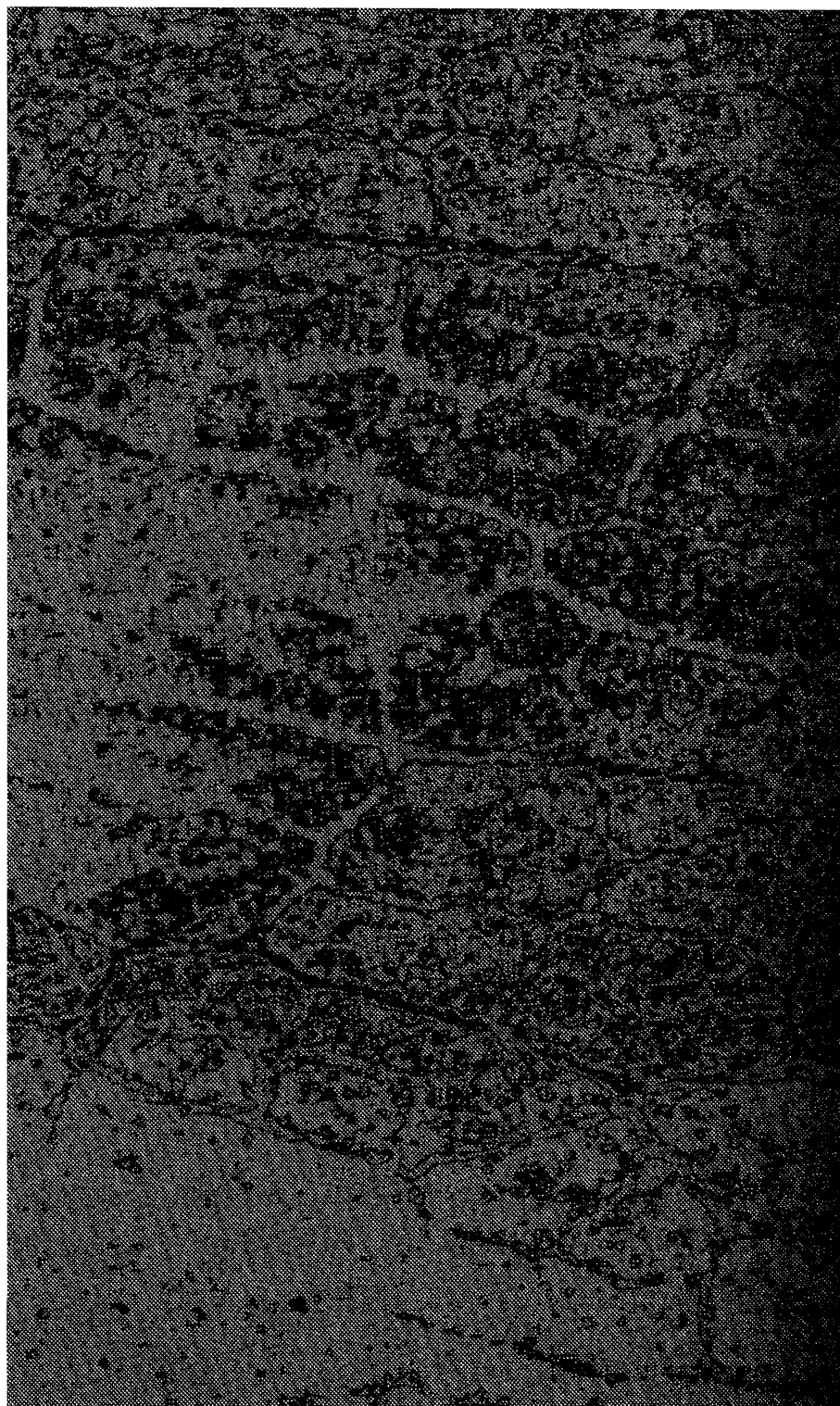
Cô bé Jeanie Millsome chín tuổi chẳng hề thấy mệt mỏi trên đường về nhà cùng mẹ. Xem *Nàng tiên cá* tại Broadway quá thực tuyệt vời, con bé tin rằng nó chưa từng tỉnh táo đến như vậy trong đời. Giờ đây nó đã thực sự biết mình muốn làm gì khi trưởng thành. Không phải giáo viên dạy ba lê ở trường nữa (sau khi Cindy Veeley bị gãy hai ngón chân khi nhảy). Không phải huấn luyện viên Olympic nữa (nhảy ngựa quá đáng sợ). Con bé sẽ trở thành (cho xin mấy nhịp trống nào...) một *diễn viên Broadway!* Và con bé sẽ nhuộm tóc màu đỏ san hô và diễn *Nàng tiên cá* trong vai chính Ariel, sau cùng, khi hạ màn, nó sẽ nhún đầu gối cúi chào một cách duyên dáng nhất mọi thời đại. Và sau tràng vỗ tay ầm ầm như sấm nổ, nó sẽ chào đón những fan kịch nghệ trẻ tuổi của mình sau buổi diễn, ký tặng vào tất cả những tờ chương trình của họ, rồi mỉm cười chụp hình điện thoại cùng họ - sau đó, vào một buổi tối thật đặc biệt, nó sẽ chọn ra một cô bé chín tuổi lễ phép và chân thành nhất trong số khán giả, mời cô bé làm người đóng thế cho mình và làm bạn thân mãi mãi.

Mẹ sẽ làm nhà tạo mẫu tóc cho nó, và bố sẽ trở thành người quản lý, giống như bố của Hannah Montana vậy. Và Justin... ừ thì, Justin có thể cứ ở nhà và là chính mình.

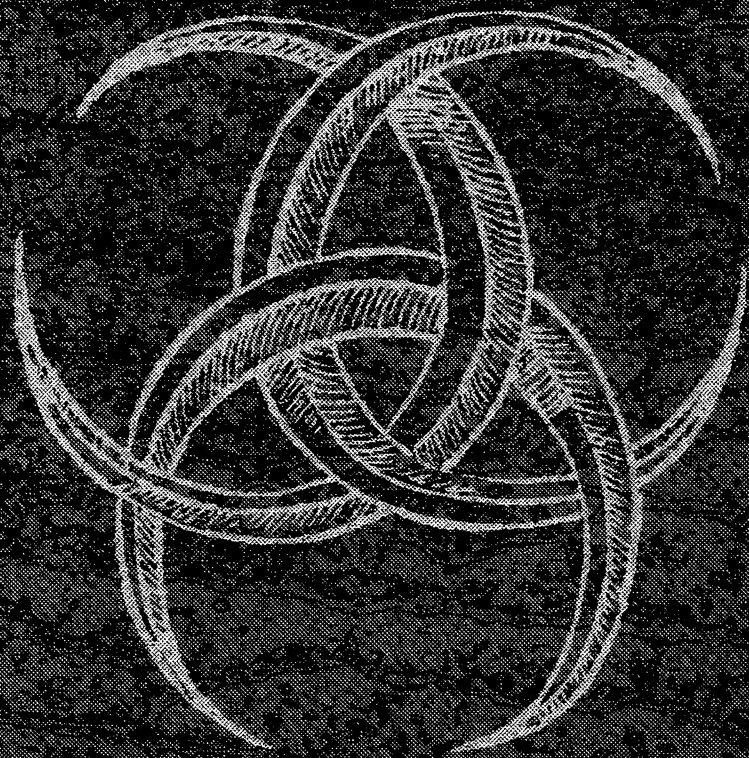
Và con bé ngồi đó, tay chống cằm, quay đầu trên ghế ngồi trong tuyến xe điện ngậm hương về phía Nam, bên dưới thành phố. Con bé nhìn thấy hình ảnh phản chiếu của mình trên cửa sổ, nhìn thấy ánh sáng của toa phía sau, nhưng đôi khi những ánh sáng đó lập lòe, và trong một thoáng chớp đen đó, con bé nhận ra mình đang nhìn ra một khoảng trống nơi đường hầm này nối tiếp đường hầm kia. Và rồi nó thấy một thứ gì đó. Chỉ như một hình ảnh lờ lờ trong tiềm thức, như thể một khung hình nhiễu loạn lọt trong một thước phim tẻ nhạt. Nó nhanh đến nỗi tâm trí tỉnh táo của một cô bé chín tuổi chẳng thể nào xử lý kịp, cái hình ảnh mà con bé chẳng hiểu nổi. Nó thậm chí chẳng thể giải thích tại sao mình lại khóc, khiến bà mẹ đang gật gà gật gù bật dậy. Trông cô thật đẹp trong bộ áo choàng và váy đi xem hát bên cạnh con bé, cô an ủi nó, cố gắng dỗ nó nói ra điều gì đã khiến nó khóc nức nở. Jeanie chỉ có thể chỉ ra cửa sổ. Và suốt chặng đường về nhà còn lại, nó cuộn mình trong vòng tay mẹ.

Thế nhưng, Chúa Tế đã nhìn thấy nó. Chúa Tế thấy tất cả. Ngay cả khi - đặc biệt là khi - đang hút máu. Khả năng nhìn trong đêm tối của hắc phi thường, gần như kính thiên văn vậy, trong mọi mức tối khác nhau, và có thể ghi nhận được nguồn nhiệt trong những dải quang phổ trắng sáng.

Xong xuôi, dù chưa thực sự thỏa mãn - không bao giờ thỏa mãn - hẳn để con mỗi yếu ớt trượt xuống khỏi cơ thể mình, đôi bàn tay khổng lồ của hắc thả con người vừa biến đổi xuống mặt sàn sỏi. Những đường hầm xung quanh xào xạc gió, làm phất phơ tấm áo choàng đen của hắc. Tàu rú inh ỏi phía xa, sắt đụng thép, như tiếng thét của thế giới khi đột ngột nhận ra sự hiện diện của hắc.



LỘ DIỆN



Trụ sở Canary, đại lộ 11 và phố 27

Vào buổi sáng thứ ba sau khi chuyến bay 753 hạ cánh, Eph đưa Setrakian tới trụ sở văn phòng dự án CDC Canary tại bờ Tây Chelsea, cách Hudson một dãy nhà về phía Đông. Trước khi Eph bắt đầu tham gia Canary, văn phòng ba tầng này được dành cho Chương trình Sàng lọc Y khoa Dành cho Công nhân và Tình nguyện viên tại Trung tâm Thương mại Thế giới của CDC, điều tra những mối liên hệ giữa nỗ lực phục hồi sau 11 tháng Chín và các bệnh dai dẳng về hô hấp.

Eph cảm thấy nhẹ nhõm hẳn khi họ đỗ xe tại đại lộ 11. Hai xe cảnh sát và một cặp xe hơi mui kín không đánh dấu thuộc tổ chức nào, với biển xe chính phủ, đang đỗ bên ngoài lối vào. Cuối cùng thì Giám đốc Barnes cũng đã vào cuộc. Họ sẽ có được sự trợ giúp cần thiết. Bởi chẳng có cách nào Eph, Nora và Setrakian có thể đơn độc chiến đấu với tai họa này.

Khi họ tới đó, cánh cửa văn phòng tầng ba đang mở, và Barnes đang hội ý với một người mặc thường phục tự xưng là mật vụ FBI. "Everett," Eph nói, anh cảm thấy thật nhẹ nhõm khi thấy ông đích thân vào cuộc. "Thật đúng lúc. Đúng người tôi đang cần gặp." Anh tiến tới một tủ lạnh nhỏ gần cửa. Những ống nghiệm kêu leng keng khi anh lôi ra một chai sữa tươi nguyên chất một lít, mở nắp và tu vội. Anh cần canxi hết như cần rượu trước kia. Anh nhận ra con người ta thay đổi những thứ mình lệ thuộc. Ví dụ, chỉ ngay tuần trước thôi, Eph lệ thuộc

hoàn toàn vào luật lệ của khoa học và tự nhiên. Còn giờ đây, anh chỉ tập trung vào kiếm bạc và đèn tử ngoại.

Anh bỏ chai sữa đã cạn nửa ra khỏi miệng, nhận ra rằng mình vừa mới thỏa cơn khát bằng sản phẩm của một loài động vật có vú khác.

“Ai đây?” Giám đốc Barnes hỏi.

“Đây là,” Eph nói, lau sạch phần ria dính sữa ở môi trên, “Giáo sư Abraham Setrakian.” Setrakian đang cầm mũ, mái tóc trắng sáng lên dưới ánh đèn trần thấp. “Quá nhiều thứ đã xảy ra, Everett,” Eph nói, uống thêm sữa, dập tắt ngọn lửa cồn cào trong dạ dày. “Tôi thậm chí chẳng biết mình nên bắt đầu từ đâu.”

Barnes nói, “Sao ta không bắt đầu với những thi thể mất tích khỏi nhà xác thành phố đi.”

Eph hạ chai sữa xuống. Một trong mấy viên cảnh sát đã lách đến gần cánh cửa phía sau anh. Một nhân viên FBI khác đang ngồi trước máy tính xách tay của Eph, gõ bàn phím. “Ê, này,” Eph lên tiếng.

Barnes nói, “Ephraim, anh biết gì về những xác chết bị mất tích?”

Trong một thoáng, Eph cố gắng đọc biểu cảm trên khuôn mặt vị giám đốc CDC. Anh ngoái lại nhìn Setrakian, nhưng ông lão chẳng tỏ thái độ gì, vẫn đứng thẳng với cái mũ trong bàn tay xương xẩu.

Eph quay lại với sếp của mình. “Họ đã về nhà.”

“Về nhà?” Barnes nói, quay đầu như thể cố gắng nghe cho rõ hơn. “Về thiên đàng hả?”

“Về với gia đình họ, Everett.”

Barnes quay sang nhìn đặc vụ FBI, lúc này cũng đang nhìn chằm chằm Eph.

“Họ đã chết,” Barnes nói.

“Họ chưa chết. Hay ít nhất, chưa chết theo cái cách mà ta vẫn hiểu.”

“Chỉ có một cách chết thôi, Ephraim.”

Eph lắc đầu. “Giờ thì không phải vậy nữa rồi.”

“Ephraim.” Barnes bước lên một bước, tỏ vẻ thông cảm. “Tôi hiểu gần đây anh đã chịu khá nhiều áp lực. Tôi cũng biết rằng anh có rắc rối gia đình...”

Eph nói, “Đợi đã. Tôi không nghĩ mình hiểu chuyện quái quỷ gì đang diễn ra ở đây.”

Đặc vụ FBI nói, “Đó là về bệnh nhân của anh, bác sĩ ạ. Một trong những phi công trong chuyến bay 753 của Regis Air, cơ trưởng Doyle Redfern. Chúng tôi có một vài câu hỏi về tình trạng của anh ta.”

Eph giấu con rùng mình. “Hãy lấy lệnh của tòa án, rồi tôi sẽ trả lời các câu hỏi của anh.”

“Có lẽ anh sẽ muốn giải thích cho chuyện này.”

Anh ta mở một máy xem video cầm tay trên góc bàn và nhấn nút chạy video. Đoạn video từ một góc camera an ninh của một phòng bệnh. Redfern được ghi hình từ phía sau, đang loạng choạng, bộ trang phục bệnh viện hở phần lưng. Anh ta có vẻ đã bị thương và hoang mang thay vì vẻ giết chóc và hung dữ. Góc camera này không cho thấy vòi chích ngoe nguẩy từ mồm anh ta.

Tuy nhiên, nó cho thấy Eph đã cầm một khoan trephine đang xoay tít đối mặt với anh ta, rồi chém vào cổ Redfern bằng lưỡi dao quay.

Chợt video nhảy sang cảnh khác, và giờ đây Nora đang đứng phía sau, tay bịt miệng trong lúc Eph đứng bên cánh cửa, ngực phập phồng, còn Redfern nằm một đống trên sàn.

Và rồi một cảnh nữa. Một camera khác xa hơn, trên cùng hành lang tầng hầm đó, đặt ở góc cao hơn. Nó cho thấy hai người, một đàn ông và một phụ nữ, đột nhập vào nhà xác đang khóa nơi lưu giữ thi thể Redfern. Rồi nó cho thấy họ rời đi cùng một túi xác nặng.

Hai người này trông rất giống Eph và Nora.

Video dừng. Eph nhìn Nora - cô đang sốc - và rồi nhìn đặc vụ FBI và Barnes. “Đó là... vụ tấn công đó đã bị chỉnh sửa cho trông thật tồi tệ. Có một đoạn bị cắt. Redfern đã...”

“Xác cơ trưởng Redfern đâu?”

Eph chẳng thể nghĩ gì. Anh chẳng thể chịu nổi sự dối trá vừa được chứng kiến. “Đó không phải chúng tôi. Camera đặt quá cao không thể...”

“Vậy anh đang nói rằng đó không phải anh và bác sĩ Martinez ư?”

Eph nhìn Nora, cô đang lắc đầu, cả hai đều quá hoang mang không thể lập tức thốt lên một lời biện hộ hợp lý nào.

Barnes nói, “Để tôi hỏi anh một lần nữa. Ephraim. Những thi thể mất tích khỏi nhà xác đang ở đâu?”

Eph ngoái nhìn Setrakian, lúc này đang đứng cạnh cửa. Rồi nhìn Barnes. Anh chẳng thể nghĩ ra bất cứ gì để lên tiếng.

“Ephraim, tôi sẽ cho đóng cửa Canary. Ngay lúc này.”

“Gì chứ?” Eph nói, chột bưng tỉnh. “Đội đã, Everett...”

Eph bước vội về phía Barnes. Mấy gã cảnh sát sấn tới anh như thể anh là kẻ nguy hiểm, phản ứng của họ khiến anh phải dừng lại, làm anh thêm lo sợ.

“Bác sĩ Goodweather, anh cần đi với chúng tôi,” đặc vụ FBI lên tiếng. “Tất cả các người... này!”

Eph quay lại. Setrakian đã biến mất.

Viên đặc vụ cử hai cảnh sát đi bắt ông.

Eph quay lại nhìn Barnes. “Everett. Ông biết tôi mà. Ông biết tôi là ai. Hãy lắng nghe những điều tôi chuẩn bị nói. Có một dịch bệnh đang lây lan khắp thành phố này - một tai họa khác với tất cả những gì ta đã từng thấy.”

Gã đặc vụ FBI nói, “Bác sĩ Goodweather, chúng tôi muốn biết anh đã tiêm gì vào người Jim Kent.”

“Tôi đã làm... gì cơ?”

Barnes nói, “Ephraim, tôi đã thỏa thuận với họ. Họ sẽ bỏ qua Nora nếu anh đồng ý hợp tác. Tránh cho cô ấy khỏi tai tiếng bị bắt giữ và giữ gìn danh dự nghề nghiệp cho cô ấy. Tôi biết rằng hai người... rất gần gũi nhau.”

“Và nói cho chính xác thì làm sao các ông biết chuyện đó?” Eph nhìn quanh những kẻ đang khùng bố mình, chuyển từ hoang mang sang giận dữ. “Chết tiệt thật, Everett.”

“Video cho thấy anh đã tấn công và giết chết một bệnh

nhân, Ephraim. Anh đang đưa ra những kết quả phân tích hư cấu, không thể giải thích bằng bất cứ phép đo hợp lý nào, chúng không thể chứng minh và gần như chắc chắn là được nguy tạo bằng thủ thuật nghề nghiệp. Liệu tôi có ở đây không nếu tôi được lựa chọn? Nếu anh được lựa chọn?"

Eph quay sang Nora. Cô có thể được tha. Cô cũng có thể tiếp tục chiến đấu.

Barnes nói đúng. Ít nhất là trong lúc này, trong một căn phòng đầy những con người thi hành pháp luật, anh không có lựa chọn.

"Đừng khiến việc này làm em chậm chân," Eph nói với Nora. "Em có lẽ là người cuối cùng còn lại biết được điều gì đang thực sự xảy ra."

Nora lắc đầu. Cô quay sang Barnes. "Thưa ngài, ở đây đang có một âm mưu, bất kể ngài có tự nguyện tham gia vào âm mưu đó hay không..."

"Xin cô, bác sĩ Martinez," Barnes nói. "Đừng tự gây thêm rắc rối cho bản thân nữa."

Đặc vụ kia đóng gói máy tính xách tay của Eph và Nora. Họ đưa Eph xuống cầu thang.

Tại sảnh tầng hai, họ bắt gặp hai cảnh sát vừa đuổi theo sau Setrakian. Họ đang đứng kề nhau, gần như lưng đầu lưng. Tay còng vào nhau.

Setrakian xuất hiện từ phía sau, kiếm đã rút ra. Ông chìa mũi kiếm trước cổ đặc vụ FBI dẫn đầu. Một con dao găm nhỏ hơn trong tay còn lại, cũng bằng bạc. Ông chìa con dao kề cổ họng Giám đốc Barnes.

Vị giáo sư già nói, "Các quý ông đây chính là những con tốt trong một âm mưu vượt ra khỏi tầm hiểu biết của chính các vị. Bác sĩ, cầm lấy con dao này."

Eph nắm lấy tay cầm của món vũ khí, giữ mũi dao kề cổ họng ông sếp.

Barnes hỗn hển, "Chúa nhân từ, Ephraim. Anh *mất trí* rồi sao?"

"Everett, chuyện này vượt quá tầm những gì ông biết. Nó

vượt ra khỏi CDC - thậm chí vượt ra khỏi hệ thống thực thi pháp luật thông thường. Có một dịch bệnh khủng khiếp đang lây lan trong thành phố này, và ta chưa từng gặp phải bất cứ gì giống như vậy. Và đó mới chỉ là một nửa thôi.”

Nora bước tới bên anh, lấy lại máy tính xách tay của cô và Ephraim từ đặc vụ FBI kia. Cô nói, “Tôi đã có tất cả những gì chúng tôi cần từ văn phòng. Có vẻ như chúng tôi sẽ không quay trở lại nữa.”

Barnes nói, “Vi Chúa, Ephraim, hãy bình thường lại đi.”

“Đây chính là công việc mà ông thuê tôi làm, Everett. Báo động mỗi khi khủng hoảng sức khỏe cộng đồng xảy ra. Chúng ta đang trên bờ vực của một đại dịch toàn cầu. Một sự kiện diệt vong. Và một ai đó ở đâu đó đang làm đủ mọi cách để nó xảy ra.”

Tập đoàn Stoneheart, Manhattan

ELDRITCH PALMER bật một dây màn hình, phát sáu kênh tin tức truyền hình khác nhau. Chương trình ở màn hình góc dưới bên trái khiến ông ta quan tâm nhất. Ông ta chỉnh ghế hếch lên vài độ và tách riêng kênh đó, tăng âm lượng.

Phóng viên được cử tới bên ngoài trụ sở cảnh sát số 17 trên phố 51 Đông chỉ nhận được câu trả lời “Không có bình luận gì” từ một sĩ quan cảnh sát về việc có vô vàn báo cáo về những người mất tích khắp khu vực New York vài ngày nay. Các màn hình cho thấy một hàng người chờ đợi bên ngoài sở cảnh sát, quá nhiều người để có thể được cho vào trong, họ đang điền những tờ đơn trên vỉa hè. Phóng viên đó cho biết nhiều vụ việc có vẻ khó hiểu khác cũng được báo cáo, ví dụ vài vụ đột nhập vào nhà mà dường như không có gì bị mất trộm và cũng dường như không có ai ở nhà. Kỳ lạ nhất là không thể sử dụng công nghệ hiện đại để hỗ trợ tìm kiếm những người mất tích: điện thoại di động, gần như tất cả đều có GPS theo dõi, cũng mất tích chung với chủ nhân của chúng. Điều này khiến một số người

đặt ra giả thuyết rằng những người mất tích có lẽ đã có ý định rời bỏ gia đình và công việc, và sự gia tăng đột biến những vụ mất tích này có vẻ trùng hợp với hiện tượng nhật thực gần đây, ám chỉ một mối liên hệ giữa hai sự kiện này. Một nhà tâm lý học sau đó đã bình luận về khả năng xảy ra hội chứng cuồng tập thể quy mô thấp sau sự kiện thiên văn đáng sợ. Câu chuyện kết thúc khi một phóng viên cho lên sóng một phụ nữ khóc lóc cầm trên tay bức chân dung một bà mẹ hai con mất tích chụp tại studio JCPenney.

Sau đó, chương trình chuyển sang quảng cáo một loại kem “chống lão hóa” nhằm “giúp bạn sống lâu hơn và khỏe hơn”.

Ông trùm tư bản ốm yếu bầm sinh tất tiếng, và giờ, âm thanh duy nhất còn lại, ngoài tiếng máy thẩm tách máu, chỉ là tiếng khùng khục phía sau nụ cười tham lam của ông ta.

Trên một màn hình khác, một đồ thị cho thấy thị trường tài chính đang giảm sút khi đồng đô la tiếp tục mất giá. Chính Palmer đang điều khiển thị trường bằng cách kiên định từ bỏ cổ phần của mình và đầu tư vào kim loại: vàng, bạc, paladi và platin.

Người dẫn chương trình chuyển sang khuyến cáo rằng tình trạng khủng hoảng gần đây sẽ mở ra cơ hội giao dịch tốt trong tương lai. Palmer rất không đồng ý. Ông ta đang rút ngắn tương lai. Tương lai của tất cả mọi người, ngoại trừ ông ta.

Một cuộc điện thoại được Fitzwilliam chuyển tiếp tới ghế của ông ta. Một thành viên thân tín từ Cục Điều tra Liên bang gọi tới để thông báo bác sĩ dịch tễ của dự án Canary, bác sĩ Ephraim Goodweather, đã trốn thoát.

“Trốn thoát ư?” Palmer nói. “Làm sao có thể như vậy?”

“Anh ta đi cùng một lão già, anh ta ranh ma hơn về bề ngoài nhiều. Ông ta mang theo một thanh kiếm bạc dài.”

Palmer im lặng, hít một hơi thật sâu. Và rồi, từ tốn, ông ta mỉm cười.

Các thế lực đang chống lại ông ta. Được thôi. Hãy để chúng hợp lại. Sẽ dễ dàng hơn khi diệt trừ cả thế.

“Thưa ngài?” người gọi lên tiếng.

“Ồ - không có gì,” Palmer nói. “Tôi chỉ vừa nghĩ về một người bạn cũ.”

Cửa hàng Cho Vay và Đồ Cổ Knickerbocker, phố 118 Đông, Spanish Harlem

EPH VÀ NORA đứng cùng Setrakian phía sau những cánh cửa khóa kín của tiệm cầm đồ, hai bác sĩ dịch tễ vẫn còn run.

“Tôi đã cho họ biết tên ông,” Eph nói, nhìn ra cửa sổ.

“Căn nhà này lấy tên người vợ đã mất của tôi. Chúng ta sẽ an toàn ở đây một thời gian.”

Setrakian nóng lòng muốn xuống kho vũ khí dưới tầng hầm, nhưng hai vị bác sĩ vẫn vô cùng lo lắng. “Họ đang đuổi theo chúng ta,” Eph nói.

“Họ đang mở đường cho sự lây nhiễm,” Setrakian nói. “Dịch bệnh sẽ lan nhanh trong một xã hội trật tự hơn là một xã hội đề cao cảnh giác.”

“Họ là ai?” Nora nói.

“Bất kỳ ai có đủ thế lực giúp mang cỗ quan tài đó lên một chuyến bay vượt Đại Tây Dương trong thời kỳ của khủng bố này,” Setrakian nói.

Eph nói, rảo bước, “Họ đang gài bẫy chúng tôi. Cử ai đó vào lấy cấp thi thể Redfern... ai đó *trông* giống chúng tôi?”

“Như anh đã nói, anh là người có thẩm quyền chính trong việc cảnh báo và kiểm soát bệnh dịch. Hãy mừng vì họ chỉ tìm cách khiến anh mất uy tín.”

Nora nói, “Không có CDC đứng sau, chúng tôi chẳng còn thẩm quyền gì nữa.”

Setrakian nói, “Giờ chúng ta phải tự mình tiếp tục thôi. Đây chính là kiểm soát bệnh dịch ở mức độ cơ bản nhất.”

Nora nhìn chằm chằm ông. “Ý ông là... giết người.”

“Cô muốn gì chứ? Muốn trở thành như vậy... hay muốn ai đó sẽ giải thoát cho cô?”

Eph nói, “Đó quả là một uyển ngữ lịch sự cho việc giết

người. Và nói thì dễ hơn làm. Chúng ta phải chém bao nhiêu cái đầu nữa vậy? Ở đây chỉ có ba chúng ta.”

Setrakian nói, “Có những cách khác ngoài cắt cột sống. Ví dụ như, ánh sáng mặt trời. Đồng minh mạnh nhất của ta.”

Điện thoại của Eph rung lên trong túi. Anh lôi ra, thận trọng, kiểm tra màn hình.

Tổng đài Atlanta. Trụ sở CDC. “Pete O’Connell,” anh nói với Nora, và nghe điện.

Nora quay sang Setrakian. “Vậy giờ tất cả bọn họ đang ở đâu, vào ban ngày?”

“Dưới lòng đất. Hàm chứa và rãnh cống. Những góc tối của các tòa nhà, ví dụ như phòng bảo trì, trong hệ thống sưởi và hệ thống điều hòa. Đôi khi trong những bức tường. Nhưng thường là trong lòng đất. Đó là nơi chúng thích làm tổ.”

“Vậy là... họ ngủ vào ban ngày, phải không?”

“Thế thì tiện quá nhỉ? Một đồng quan tài trong một căn hầm, đầy những ma cà rồng đang ngủ. Nhưng không, chúng không hề ngủ. Không phải theo cách mà chúng ta hiểu. Chúng sẽ ngừng hoạt động một lát nếu đã thỏa mãn. Tiêu hóa quá nhiều máu sẽ khiến chúng mệt. Nhưng không lâu đâu. Chúng xuống lòng đất vào ban ngày chỉ để trốn khỏi ánh mặt trời nguy hiểm.”

Nora có vẻ tái mét và choáng ngợp, trông như thể một bé gái vừa được biết người chết thực tế không mọc cánh bay thẳng lên thiên đàng để trở thành thiên thần, mà thay vào đó, họ vẫn ở trên mặt đất, mọc thêm những vòi chích dưới lưỡi và biến thành ma cà rồng.

“Câu ông đã nói đó,” cô lên tiếng. “Trước khi ông chém chết họ. Câu nói bằng một ngôn ngữ khác. Như một lời tuyên bố hay một dạng nguyện rủa.”

Ông lão co rúm người. “Chỉ là câu nói để tôi trấn tĩnh bản thân thôi. Để vững tay sẵn sàng cho cú cuối cùng.”

Nora chờ nghe xem câu đó là gì. Setrakian nhận ra, vì một lý do nào đó, cô cần phải biết.

“Tôi nói, ‘Hỡi *Strigoi*, thanh kiếm của ta gọi ca bạc’.”

Setrakian lại co rúm người, ông cảm thấy không thoải mái khi nói điều đó vào lúc này. “Nghe bằng ngôn ngữ cổ thì hay hơn.”

Nora nhận ra ông lão giết ma cà rồng này thực chất chỉ là một người đàn ông chân chất. “Bạc,” cô nói.

“Chỉ bạc mà thôi,” ông nói. “Nổi tiếng qua mọi thời đại bởi tính kháng khuẩn và sát trùng. Cô có thể chém chúng bằng thép hay bắn chúng bằng chì, nhưng chỉ bạc mới thực sự khiến chúng *tổn thương*.”

Eph áp bàn tay rảnh rỗi còn lại của mình vào tai, cố gắng lắng nghe Pete, anh ta đang lái xe ngay ngoài Atlanta. Pete nói, “Có chuyện gì ở đó vậy?”

“Ừ... anh đã biết gì rồi?”

“Biết rằng đáng lẽ tôi không được nói chuyện với anh. Rằng anh đang gặp rắc rối. Rằng anh đã vi phạm hay gì đó.”

“Ở đây loạn lăm, Pete. Tôi chẳng biết phải nói cho anh những gì nữa.”

“Ừ thì, dù sao tôi cũng cần phải gọi. Tôi vẫn đang dành thời gian cho mẫu vật anh đã gửi tôi.”

Eph cảm giác như một hòn đá nữa lại đè nặng ruột gan. Bác sĩ Peter O’Connell là một trong những người đứng đầu Dự án Xử lý những Ca Tử vong Bí ẩn (UNEX) tại Trung tâm Quốc gia CDC về các bệnh lây nhiễm từ động vật, ký sinh và các bệnh đường ruột. UNEX là một nhóm kết hợp các chuyên gia vi rút, nhà vi khuẩn học, bác sĩ dịch tễ, bác sĩ thú y và bác sĩ lâm sàng từ trong và ngoài CDC. Có vô số những ca tử vong bí ẩn xảy ra tự nhiên tại Mỹ mỗi năm, và một phần nhỏ trong số đó - khoảng bảy trăm ca mỗi năm - được chuyển tới UNEX để điều tra thêm. Trong số bảy trăm ca đó, chỉ có mười lăm phần trăm được giải quyết thành công, các mẫu vật của các ca còn lại sẽ được lưu giữ để có thể xét nghiệm lại trong tương lai.

Mỗi nhà nghiên cứu của UNEX đều nắm giữ một vị trí khác trong CDC, và Pete là trưởng khoa Bệnh lý truyền nhiễm, một chuyên gia về cách thức và nguyên do vi rút ảnh hưởng tới vật chủ. Eph quên bémng mất là đã gửi cho anh sinh thiết và mẫu máu đầu tiên từ lần khám nghiệm sơ bộ cơ trưởng Redfern.

“Đó là một bệnh do vi rút, Eph. Không nghi ngờ gì nữa. Nó chứa một ít axit di truyền đặc biệt.”

“Pete, chờ chút, nghe tôi...”

“Glucoprotein này có khả năng kết dính tuyệt diệu. Tôi đang nói đến máu chốt dây. Thật đáng kinh ngạc. Cái thứ chó chết đó không chỉ đơn giản chiếm lấy tế bào của vật chủ, khiến nó sản sinh ra nhiều bản sao hơn. Không đâu... nó kết hợp với ARN. *Hợp nhất*. Hấp thụ nó... nhưng bằng cách nào đó không hề hấp thụ hoàn toàn. Chính xác là, nó tạo ra một bản sao của chính nó *kết đôi với* tế bào vật chủ. Và chỉ lấy đi những phần nó cần. Tôi không biết anh đã thấy gì ở bệnh nhân của anh, nhưng theo lý thuyết, thứ này có thể liên tục tái tạo và tái tạo, và sau hàng triệu thế hệ tiếp theo - và thứ này sinh sản rất *nhANH* - nó có thể tự tái sinh chính cấu trúc cơ quan của nó. Một cách có hệ thống. Nó có thể thay đổi vật chủ. Thành thứ gì đó, tôi chưa biết... nhưng chắc chắn tôi rất muốn tìm hiểu.”

“Pete.” Đầu óc Eph rối bời. Quá hợp lý. vi rút này chiếm và biến đổi tế bào - cũng như ma cà rồng chiếm và biến đổi nạn nhân.

Những con ma cà rồng này chính là hiện thân của vi rút.

Pete nói, “Tôi muốn tự mình kiểm tra khả năng di truyền của thứ này, thực sự tìm hiểu xem điều gì khiến nó hoạt động...”

“Pete, nghe tôi đây. Tôi muốn anh tiêu hủy nó.”

Eph nghe thấy tiếng cần gạt nước trên kính chắn gió của xe Pete đang hoạt động. “Gì cơ?”

“Lưu giữ những phát hiện của anh, tiếp tục theo hướng đó, nhưng hãy tiêu hủy mẫu vật đó ngay tức khắc.”

Lại tiếng cần gạt nước, đánh nhịp cùng sự lưỡng lự của Pete. “Ý anh là, tiêu hủy những gì tôi đang nghiên cứu ư? Bởi anh biết rằng ta luôn lưu giữ một số, đề phòng...”

“Pete, tôi cần anh lái xe thẳng tới phòng thí nghiệm và tiêu hủy mẫu vật đó.”

“Eph.” Eph nghe thấy tiếng đèn tín hiệu của xe Pete, Pete đang tấp vào lề đường để kết thúc cuộc trò chuyện này. “Anh biết ta vẫn cẩn trọng thế nào với mọi mầm bệnh tiềm tàng. Ta

vô khuẩn và ta an toàn. Và chúng ta có một quy định phòng thí nghiệm rất nghiêm ngặt mà tôi chẳng thể bất tuân chỉ vì...”

“Tôi đã phạm phải một sai lầm khủng khiếp khi chuyển nó ra khỏi thành phố New York. Khi đó tôi đã không hiểu, nhưng giờ tôi mới biết.”

“Chính xác là anh đang gặp rắc rối gì vậy, Eph?”

“Tẩy nó. Nếu không được, dùng axit. Cùng lắm thì đốt nó, tôi không quan tâm. Tôi sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn...”

“Vấn đề không phải là trách nhiệm, Eph. Vấn đề là khoa học. Lúc này anh cần thẳng thắn với tôi. Có người đã nói họ thấy gì đó về anh trên bản tin.”

Eph cần phải kết thúc chuyện này. “Pete, hãy làm những gì tôi yêu cầu - và tôi hứa tôi sẽ giải thích mọi chuyện cho anh khi nào có thể.”

Anh đập máy. Setrakian và Nora đã lắng nghe toàn bộ cuộc nói chuyện.

Setrakian lên tiếng, “Anh đã gửi vi rút đi đâu ư?”

“Anh ta sẽ tiêu hủy nó. Pete sẽ chọn cách an toàn thay vì mạo hiểm - tôi hiểu anh ta quá rõ.” Eph nhìn những chiếc ti vi bày bán trên tường. *Gì đó về anh trên bản tin...* “Có cái ti vi nào còn chạy không?”

Họ tìm ra một chiếc còn hoạt động. Chẳng mất nhiều thời gian để tin tức lên sóng.

Họ phát một bức ảnh của Eph từ thẻ CDC của anh. Rồi một đoạn video mờ của cuộc chạm trán với Redfern, và một trong hai kẻ giả dạng mang một túi xác ra khỏi phòng bệnh. Bản tin nói rằng bác sĩ Ephraim Goodweather đang bị lung sục như “một kẻ tình nghi” trong vụ mất tích các xác chết của các hành khách chuyến bay 753.

Eph đứng lặng. Anh nghĩ tới cảnh Kelly đang xem chương trình này. Tới Zack.

“Lũ cặn bã,” anh rít lên.

Setrakian tắt ti vi. “Tin tốt duy nhất trong vụ này là họ vẫn coi anh như một mối nguy hại. Điều đó có nghĩa là vẫn còn thời gian. Còn hy vọng. Một cơ hội.”

Nora nói, “Ông nói như thể ông đã có một kế hoạch.”

“Không phải kế hoạch. Một chiến thuật.”

Eph nói, “Nói chúng tôi nghe xem nào.”

“Ma cà rồng có luật lệ riêng, man rợ mà cổ xưa. Một trong số các quy định vẫn còn được duy trì là một ma cà rồng không thể băng qua dòng nước chảy xiết. Nếu như không có hỗ trợ từ con người.”

Nora lắc đầu. “Tại sao lại không?”

“Lý do có lẽ nằm ở nguồn gốc của chúng, từ rất lâu rồi. Truyền thuyết đó tồn tại trong mọi nền văn hóa được biết đến trên hành tinh này, trong mọi thời đại. Lương Hà, Hy Lạp và Ai Cập cổ đại, Do Thái, La Mã. Dù đã bằng này tuổi rồi nhưng tôi cũng chẳng đủ già để biết được. Nhưng điều cấm kỵ này vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Tạo cho chúng ta ít nhiều lợi thế. Hai người biết thành phố New York là gì chứ?”

Nora lập tức hiểu ý. “Một hòn đảo.”

“Một quần đảo. Chúng ta đang được bao quanh bởi nước. Những hành khách trên chuyến bay, họ được đưa tới các nhà xác trên cả năm quận phải không?”

“Không,” Nora nói. “Chỉ bốn thôi. Không có Staten Island.”

“Vậy thì, bốn. Queens và Brooklyn đều tách biệt với đất liền, ngăn cách bởi sông East và Long Island Sound. Bronx là quận duy nhất nối liền với đất Mỹ.”

Eph lên tiếng, “Nếu ta có thể chặn những cây cầu. Dựng rào lửa phía Bắc Bronx, và phía Đông Queens tại Nassau...”

“Tại thời điểm này thì hão huyền quá,” Setrakian nói. “Nhưng, anh nhận thấy chứ, chúng ta không cần phải tiêu diệt từng kẻ một trong số chúng. Chúng cùng chung một suy nghĩ, và tâm trí chúng hoạt động như một tổ ong. Chúng được kiểm soát bởi duy nhất một trí tuệ. Và kẻ đó có vẻ như đang mắc kẹt đâu đó tại Manhattan.”

“Chúa Tể,” Eph nói.

“Chính kẻ đã có mặt tại bụng máy bay. Chủ nhân của cỗ quan tài mất tích.”

Nora nói, “Làm sao ông biết rằng nó không ở lại gần sân bay? Nếu như nó không thể tự mình băng qua sông East.”

Setrakian cười nhạt. “Tôi khá chắc chắn là nó không du hành tới tận Mỹ chỉ để trốn ở Queens.” Ông mở cửa sau, tới những bậc thang dẫn vào căn hầm chứa vũ khí của mình. “Điều ta cần làm bây giờ là sẵn nó.”

Phố Liberty, công trường Trung tâm Thương mại Thế giới

VASILIIY FET, nhân viên diệt chuột bọ của Cục Kiểm soát Động vật Gây hại thành phố New York, đứng trước hàng rào công trường phía trên phần móng trông như một “bồn tắm” khổng lồ tại khu vực từng là tổ hợp Trung tâm Thương mại Thế giới. Anh đã bỏ va li kéo của mình lại xe tải đậu trên phố West, trong một bãi đỗ của Cơ quan Quản lý Cảng cùng những xe tải công trường khác. Một tay anh mang thuốc diệt chuột cùng bộ đèn đường hầm trong một túi thể thao Puma đỏ-đen. Tay kia anh cầm thanh cốt thép, một vật đáng tin cậy anh nhặt được tại một công trường, thanh thép dài một mét, hoàn hảo cho công việc dò tìm hang chuột và đẩy bả vào trong - và thi thoảng còn dùng để đánh lũ chuột hung dữ hoặc hoảng loạn.

Anh đứng giữa những thanh chắn đường và hàng rào công trường tại góc phố Church và phố Liberty, giữa những cọc cảnh báo cam-trắng đặt dọc lối đi bộ rộng rãi. Mọi người đang ráo bước tới cửa ga tàu điện ngầm tạm thời cuối phố. Không khí tràn trề niềm hy vọng mới, ấm áp, như vô vàn những tia nắng ban phước cho vị trí đã bị hủy diệt này của thành phố. Những tòa nhà mới giờ đây đã bắt đầu mọc lên, sau hàng bao nhiêu năm lập kế hoạch và đào đất, và có cảm tưởng như vết thương đen tối khủng khiếp này rốt cuộc cũng đã được hàn gắn.

Chỉ có mỗi Fet nhận ra vết nhòe bẩn trên những mép đứng của vỉa hè. Phân chuột quanh những thanh chắn bãi đậu xe.

Những dấu găm trên nắp thùng rác góc phố. Những dấu hiệu hé lộ sự hiện diện của lũ chuột trên mặt đất.

Một công nhân làm hầm đưa anh xuống con đường đất dành cho xe tải chở vật liệu và vào bên trong đáy móng. Anh dừng lại trước một cấu trúc xây dựng mà sau này sẽ trở thành ga tàu điện ngầm WTC⁽¹⁾ PATH mới, với năm đường ray và ba ga dưới lòng đất. Hiện giờ, những con tàu màu bạc phải di chuyển lộ thiên dưới ánh sáng ban ngày khi băng qua phần đáy của bồn tắm khổng lồ này để tới các ga tàu tạm thời.

Vasiliy bước ra khỏi chiếc xe bán tải. Đứng giữa những bê tông, anh ngược nhìn con phố phía trên, cách một khoảng bằng chiều cao của tòa nhà bảy tầng. Anh đang đứng tại đáy nơi hai tòa tháp đã đổ xuống. Thật choáng ngợp.

Vasiliy nói, “Quả là một nơi linh thiêng.”

Anh thợ hầm có bộ ria muối tiêu rậm. Anh ta mặc áo sơ mi flannel thụng bên ngoài một áo sơ mi flannel khác sơ vin trong quần - cả hai đều thấm đẫm mồ hôi và đất - và quần bò xanh cùng đôi găng tay bám bùn mốc ở thắt lưng. Chiếc mũ bảo hiểm công trường của anh ta dán đầy nhãn. “Tôi cũng luôn nghĩ vậy,” anh ta nói. “Nhưng gần đây thì tôi không chắc nữa.”

Fet nhìn anh ta. “Bởi lũ chuột ư?”

“Chính vậy, hẳn rồi. Vài ngày nay chúng ủa ra khỏi các đường hầm, cứ như chúng tôi đã sử dụng dầu đuổi chuột. Nhưng thứ đó hiện cũng ít được dùng.” Anh ta lắc đầu, ngược mắt nhìn những bức tường vữa phía dưới phố Vesey, hai mươi mét bê tông với rất nhiều thanh giằng.

Fet nói, “Rồi sao nữa?”

Anh chàng nhún vai. Thợ làm hầm rất kiêu hãnh. Họ xây dựng thành phố New York, hệ thống xe điện ngầm và cống rãnh, cùng mọi phần móng đường hầm, bến tàu, cao ốc và cầu. Mọi ly nước sạch chảy ra từ vòi đều nhờ ơn thợ làm hầm. Đây là một công việc gia đình, nhiều thế hệ khác nhau cùng làm chung trên một khu công trường. Một công việc bẩn thỉu nhưng có

1. World Trade Center: Trung tâm Thương mại Thế giới.

ích. Vì thế anh chàng này chẳng muốn tỏ ra miễn cưỡng. “Mọi người đều sợ hãi. Chúng tôi đã có hai người đi khỏi, biến mất. Họ báo cáo vào ca trực, xuống hầm, nhưng chẳng bao giờ thấy báo cáo ra. Chúng tôi làm việc 24/7 tại đây, nhưng chẳng ai muốn trực ca đêm nữa. Chẳng ai muốn xuống hầm cả. Và đó là những cậu trẻ tuổi, những anh chàng gan dạ của tôi đấy.”

Fet nhìn về phía chỗ đường hầm mở ra, nơi các cấu trúc ngầm sẽ liên kết với nhau bên dưới phố Church. “VẬY là không công trình mới nào trong mấy ngày vừa qua? Ý tôi là đào mới?”

“Không, kể từ khi đáy móng được đào xong.”

“Và tất cả những chuyện này xảy ra cùng lũ chuột ư?”

“Khoảng đó. Thứ gì đó đã xảy ra với nơi đây, chỉ vài ngày trước thôi.” Anh thợ hầm nhún vai, gạt chuyện đó sang một bên. Anh ta đã chuẩn bị một chiếc mũ công trường cứng, màu trắng cho Vasiliy. “Và tôi cứ tưởng có công việc của tôi là bắn thủ thôi chứ. Mà điều gì khiến một người muốn trở thành kẻ bắt chuột vậy?”

Vasiliy đội mũ, cảm giác gió đang thổi chiều gần miệng đường hầm. “Tôi đoán là do tôi bị nghiện sự hoàn mỹ.”

Người thợ làm hầm nhìn vào đôi ủng của Vasiliy, chiếc túi Puma và thanh thép. “Trước đây anh đã làm việc này rồi chứ?”

“Tôi đi bất cứ đâu có lũ chuột bọ gây hại. Có rất nhiều thành phố bên dưới thành phố này.”

“Còn phải nói. Hy vọng rằng anh có đèn pin rồi chứ? Và vài mẩu vụn bánh mì?”

“Tôi ổn mà.”

Vasiliy bắt tay người thợ hầm và bắt đầu di chuyển vào trong.

Thoạt đầu, đường hầm có vẻ sạch sẽ tại những chỗ đã thi công xong. Anh đi dọc đường hầm vào vùng không có ánh sáng mặt trời. Các đèn vàng được treo cách nhau khoảng mười mét để chiếu sáng đường đi. Anh đang đứng tại vị trí đã được xác định là nơi giao nhau của các đường nhánh. Đường hầm lớn này về sau sẽ nối ga mới PATH với trạm trung chuyển WTC nằm giữa tòa tháp số hai và số ba, cách đó nửa dặm nhà. Các đường hầm con khác sẽ nối với hệ thống nước, năng lượng và cống rãnh của thành phố.

Vào sâu hơn, anh không thể không nhìn ra lớp bụi mịn vẫn bám trên các bức tường của đường hầm. Đây là một nơi thiêng liêng, giống như một nghĩa địa vậy. Nơi các thi thể và các tòa nhà bị nghiền nát thành bụi.

Anh nhìn thấy các hang, dấu chân và phân, nhưng không có chuột. Anh chọc gậy vào các hang, lắng nghe. Chẳng có gì hết.

Đèn treo công trường kết thúc tại một lối rẽ, phía trước là một màn đen sâu hút, muọt như nhung. Vasiliy mang theo trong túi một đèn pha Garrity to, màu vàng, có tay cầm cong hình sừng bò, loại cường độ một triệu candela⁽¹⁾, cùng hai đèn pin Maglites nhỏ dự phòng. Nhưng ánh sáng nhân tạo trong một không gian tối kín sẽ vô hiệu khả năng sử dụng kính nhìn đêm, và đối với công việc săn chuột anh cần bóng tối và yên lặng. Vì thế, thay vì sử dụng đèn, anh rút ra một ống kính nhìn đêm một mắt, một thiết bị cầm tay có dây đeo gắn chắc vào chiếc mũ công trường, và đeo lên mắt trái. Anh nhắm mắt phải, và cả đường hầm chuyển thành màu xanh lục. Kính quan sát chuột, anh vẫn thường gọi như vậy, bởi những con mắt nhỏ xíu của chúng sẽ sáng rực trong ống kính.

Không có gì cả. Bất chấp mọi bằng chứng chỉ ra điều ngược lại, lũ chuột đã biến mất. Đã bị xua đuổi.

Điều này khiến anh bối rối. Rất khó có thể di dời lũ chuột. Ngay cả khi ta đã loại bỏ nguồn thức ăn của chúng, cũng phải mất tới hàng tuần trước khi chúng nhận ra thay đổi. Không phải một vài ngày.

Đường hầm giao với những lối đi cũ hơn. Vasiliy băng qua những đường ray đầy rác rưởi đã không được sử dụng trong nhiều năm. Chất lượng đất đã thay đổi, anh có thể nhận ra điều đó qua kết cấu đất mà anh đã khảo sát từ Manhattan "mới" - nơi bãi rác thải đã được sử dụng để xây dựng nên công viên Battery từ đồng bùn - cho tới Manhattan "cũ", vùng đá nền nguyên gốc khô ráp.

1. Đơn vị đo cường độ sáng. 1 candela tương đương với cường độ sáng của một ngọn nến thông thường.

Anh dừng bước tại một ngã hẻm giao nhau để chắc rằng mình đã có đủ đồ nghề cần thiết. Khi nhìn dọc chiều dài của đường hẻm cắt ngang, anh thấy, qua kính nhìn đêm, một cặp mắt. Chúng phản sáng trở lại giống như mắt của một con chuột, nhưng lớn hơn, và cao hơn khỏi mặt đất.

Cặp mắt đó biến mất trong chớp nhoáng, vượt ra khỏi tầm nhìn.

“Ê?” Vasiliy hét lên, giọng vang vọng. “Ê, anh kia!”

Sau một thoáng, một giọng nói trả lời anh, dội lại từ các bức vách. “Ai ở đó vậy?”

Vasiliy nhận ra sự sợ hãi trong giọng nói đó. Một ánh đèn pin xuất hiện, nguồn sáng của nó ở tận phía cuối đường hẻm, xa hơn rất nhiều vị trí mà Vasiliy đã bắt gặp đôi mắt. Anh kéo ống nhìn lên khỏi mắt vừa kịp lúc, bảo vệ võng mạc của mình. Anh tự giới thiệu, rút chiếc đèn Maglite nhỏ và chiếu lại làm dấu hiệu, rồi tiến lên phía trước. Tại vị trí anh ước chừng đã nhìn thấy cặp mắt, đường hẻm giao với một đường ray ngầm khác có vẻ như vẫn đang được sử dụng. Ông nhìn không cho thấy bất cứ gì, không một cặp mắt lóe sáng, vì thế anh tiếp tục đi vòng theo lối rẽ để tới điểm giao kế tiếp.

Anh bắt gặp ba thợ hẻm tại đó, đeo kính bảo hộ và đội mũ bảo hộ dán đầy nhãn, mặc áo flannel, quần bò, đi ủng. Một máy bơm nước thải đang hoạt động, hút nước ra khỏi một chỗ rò. Những bóng đèn halogen công suất lớn lắp trên những chân đèn thi công chiếu sáng cả đường hẻm mới giống như trong một bộ phim về sinh vật ngoài hành tinh. Họ đứng sát nhau, vô cùng căng thẳng cho tới khi họ nhìn thấy rõ được Vasiliy.

“Tôi vừa thấy một người trong số các anh ở đằng kia phải không?” anh hỏi.

Ba người nhìn nhau. “Anh đã thấy gì?”

“Tôi tưởng tôi đã thấy ai đó.” Anh chỉ. “Băng ngang qua đường ray.”

Ba thợ hẻm lại nhìn nhau, và rồi hai người còn lại bắt đầu thu dọn đồ. Người thứ ba nói, “Anh là người diệt chuột phải không?”

“Phải.”

Người thợ hầm lắc đầu. “Ở đây không còn chuột nữa.”

“Tôi không có ý phản bác đâu, nhưng điều đó gần như là không thể. Bằng cách nào chứ?”

“Có thể giác quan của chúng tốt hơn của ta.”

Vasiliy nhìn dọc đường hầm đã được chiếu sáng, về hướng vòi bơm nước. “Lối ra khỏi hầm ở kia phải không?”

“Đó là đường ra.”

Vasiliy chỉ về hướng ngược lại. “Vậy đường này là gì?”

Người thợ hầm nói, “Anh đừng đi đường đó thì hơn.”

“Tại sao không chứ?”

“Này. Hãy quên những con chuột đi. Theo chúng tôi ra ngoài. Chúng ta xong việc ở đây rồi.”

Nước vẫn đang nhỏ giọt xuống chỗ nền trũng. Vasiliy nói. “Tôi sẽ theo ngay sau thôi.”

Người thợ hầm nhìn anh chòng chọc. “Tùy anh thôi,” anh ta nói, tắt một cây đèn đứng, rồi nhấc một túi lên vai và bước theo những người kia.

Vasiliy quan sát họ rời đi, những ánh đèn lung linh xa dần dọc theo đường hầm, và rồi tối đi khi họ đi vào ngã rẽ. Anh nghe thấy tiếng rít của bánh xe tàu điện ngầm, đủ gần để khiến anh phải chú ý. Anh tiếp tục, băng qua một đường ray mới hơn, chờ cho đôi mắt mình quen trở lại với bóng tối.

Anh bật ống kính nhìn đêm, mọi thứ dưới lòng đất chuyển thành một màu xanh lục. Tiếng vang từ những bước chân của anh thay đổi khi đường hầm mở rộng ra tới một khu vực chứa rác thải gần nơi các đường ray giao nhau. Những thanh dầm thép đóng đinh tán được dựng cách đều nhau, như những cột trụ trong một phòng khiêu vũ lớn. Một kho bảo dưỡng bỏ hoang nằm ở phía bên phải Vasiliy, tan hoang do bị phá phách. Trên bức tường gạch đổ nát của nhà kho là những cái tên viết theo kiểu chữ graffiti xung quanh hình vẽ tòa tháp đôi bùng cháy. Một cái tên là “Saddam”, cái tên còn lại là “Gamera”.

Trên một cột trụ cũ, một biển báo hiệu tàu xưa cũ từng dùng để cảnh báo công nhân:

WARNING
LOOK OUT FOR TRAINS
(CẢNH BÁO
CHÚ Ý TÀU)

Chữ *T* và chữ *N* trong từ TRAINS (TÀU) đã bị tẩy xóa, và một miếng băng dính đen được dính ngang đỉnh chữ *I* tạo thành một chữ *T*, vì thế giờ đây biển báo hiệu trở thành:

WARNING
LOOK OUT FOR RAT S
(CẢNH BÁO
CHÚ Ý CHUỘT)

Thực vậy, khu vực hoang tàn này đáng ra phải là lãnh địa của loài chuột. Anh quyết định chuyển sang sử dụng ánh sáng cực tím. Anh rút ra một cây đèn nhỏ từ chiếc túi Puma và bật nó lên, bóng đèn phát ra thứ ánh sáng xanh lam mát lạnh trong bóng tối. Dấu nước tiểu của loài gặm nhấm sẽ phát sáng huỳnh quang dưới ánh sáng đen, do thành phần vi khuẩn của chúng. Anh lướt ánh đèn khắp mặt đất nơi gần cột trụ, rác thải và chất bẩn lổn nhổn như ở bề mặt mặt trăng. Anh nhận ra một vài vết nước tiểu mờ và cũ, chẳng thấy có gì mới. Cho tới khi anh lướt đèn gần một thùng dầu gỉ nằm ngang trên mặt đất. Thùng dầu và mặt sàn bên dưới sáng rực, lớn hơn và sáng hơn bất cứ bãi nước tiểu chuột nào mà anh từng nhìn thấy. Một vũng khổng lồ. Ước tính theo hiểu biết của anh, thì vết này hẳn phải của một con chuột cỡ hai mét.

Đó là chất thải mới của một loài động vật nào đó lớn hơn, có thể là một con người.

Tiếng nước chảy *róc rách* trên đường ray cũ kĩ vang vọng khắp những đường hầm hiu hiu gió. Anh nhận thấy có tiếng sột soạt, một chuyển động phía xa, hay có thể đó là do nơi này đã bắt đầu làm anh bồn chồn. Anh cất đèn tử ngoại và quan sát toàn bộ khu vực qua ống nhìn. Phía sau một cột trụ thép, anh

lại bắt gặp đôi mắt rực sáng nhìn về phía mình - rồi nó quay đi và biến mất.

Anh chẳng thể nhận biết khoảng cách tới chỗ nó. Do ống nhìn một mắt và cấu trúc hình học của những cột trụ giống hệt nhau, nhận thức chiều sâu của anh trở nên kém hẳn.

Lần này anh không chào hỏi nữa. Anh không nói gì, mà chỉ nắm thanh cốt thép của mình chặt hơn một chút. Những người vô gia cư, khi bị bắt gặp, rất hiếm khi hiếu chiến - nhưng đây có vẻ như một thứ gì đó khác. Cứ coi như giác quan thứ sáu của một người diệt chuột. Cái cách anh có thể đánh hơi thấy sự phá hoại của lũ chuột. Vasiliy bất chợt cảm thấy mình đang yếu thế trước số đông.

Anh rút cây đèn pha sáng có tay cầm và quét khắp căn hầm. Trước khi rút lui, anh thò vào túi, xé mở nắp bì trên một hộp giấy đựng bã bột, và rải một chút bã xung quanh khu vực này. Bã bột có tác dụng chậm hơn dạng bã mỗi ăn, nhưng lại chắc chắn hơn. Nó còn có tác dụng phụ trợ giúp lần ra đường đi của lũ xâm nhập này, khiến cho việc dò tìm tổ để đánh bã mỗi dễ dàng hơn.

Vasiliy vội vã dùng hết ba hộp, rồi, anh quay trở ra theo đường hầm với cây đèn bật sáng. Anh băng qua những đường ray còn hoạt động với thanh ray thứ ba có những hộp điện lắp bên trên, rồi ngang qua máy bơm nước thải, và men theo đường ống nước dài. Đến một chỗ, cảm thấy hướng gió trong hầm thay đổi, anh ngoái nhìn và thấy một khúc quanh rực sáng phía sau. Anh vội lùi lại và áp sát vào một hốc tường, căng mình chờ đợi. Một tiếng rú chói tai. Con tàu rít lên, băng qua, và Vasiliy thoáng nhìn thấy hành khách qua khung cửa sổ trước khi anh phải che mắt lại để tránh luồng khói cuộn lên cùng cát bụi.

Con tàu đi qua, và anh lần theo đường ray cho tới khi đến được một sân ga sáng. Mang theo cả túi và thanh sắt, anh nhắc mình khỏi đường ray trèo lên một sân ga vắng tanh, bên cạnh tấm biển đề, **NẾU BẠN THẤY GÌ ĐÓ, HÃY NÓI GÌ ĐÓ**. Chẳng ai như thế. Anh bước lên cầu thang lửng và đi qua các cửa xoay, trở lại con phố dưới ánh nắng ấm áp. Anh bước tới một hàng

rào gần đó và nhận ra mình đã trở lại phía trên khu công trường Trung tâm Thương mại Thế giới. Anh châm một điếu xì gà bằng ngọn lửa xanh của chiếc bật lửa Zippo dùng khí ga butan, rồi rít một hơi chất độc để xua đi nỗi sợ hãi mà anh vừa trải qua bên dưới những con phố này. Anh bước dọc theo con phố dẫn về khu công trường Trung tâm Thương mại Thế giới, tình cờ bắt gặp hai tờ roi viết tay được ghim vào hàng rào. Ảnh màu của hai thợ hầm, một trong số họ đội mũ bảo hiểm, mặt lấm đất. Dòng tiêu đề màu xanh phía trên cả hai bức ảnh viết: mất tích.



PHỤ LỤC CUỐI

TÀN TÍCH

TRONG NHỮNG NGÀY SAU KHI TREBLINKA SỤP ĐỔ, HẦU hết những tù nhân vượt ngục đều bị săn lùng và hành quyết. Nhưng Setrakian vẫn xoay sở sống sót được trong rừng, vẫn nằm trong phạm vi mùi hôi thối bốc lên từ trại tử thần. Anh ngấu nghiến các loại củ và bất cứ con mồi nhỏ nào anh có thể bắt được bằng đôi bàn tay gầy của mình, đồng thời lấy cả quần áo rách rưới cùng những chiếc giày cộc cạch từ các xác chết.

Ban ngày anh lẩn trốn bọn lính truy lùng cùng lũ chó sủa inh ỏi - còn ban đêm, anh tìm kiếm.

Anh đã nghe những người gốc Ba Lan trong trại đồn đại về những tàn tích La Mã. Phải mất gần một tuần lang thang, đến một buổi chiều muộn, trong ánh hoàng hôn lơ mờ, anh mới nhận ra mình đang đứng trên những bậc thang rêu phong cao nhất của phế tích cổ xưa.

Hầu hết những gì còn sót lại đều nằm dưới lòng đất, chỉ một vài phiến đá nhô lên khỏi mặt đất là có thể nhìn thấy được từ bên ngoài. Một cột trụ lớn vẫn dựng đứng trên những ụ đá. Anh có thể đọc được một vài chữ cái trên đó, nhưng chúng đã bị mờ đi từ quá lâu rồi, đến mức chẳng thể nào hiểu nổi chúng viết về điều gì.

Và anh cũng chẳng thể nào đứng trước cổng hầm mộ tằm tối mà không khỏi rùng mình.

Abraham tin chắc dưới đó chính là hang ổ của Sardu. Anh biết. Nỗi sợ dâng trào trong lòng, và anh có thể cảm thấy hố

cháy bùng lên trong lồng ngực. Nhưng trong tim anh, quyết tâm mạnh mẽ hơn cả. Bởi anh hiểu rằng thôi thúc của bản thân anh chính là tìm kiếm thứ đó, thứ đói khát đó, và diệt trừ nó. Buộc nó phải chấm dứt. Cuộc nổi loạn ở trại đã làm hỏng kế hoạch diệt trừ nó của anh - sau nhiều tuần nhiều tháng tìm kiếm và đeo gọt thanh sỏi trắng chính cống - nhưng chẳng thể làm giảm nhuệ khí trả thù. Giữa tất cả những điều sai lầm trên đời này, đây hẳn là điều đúng đắn anh có thể làm. Nó khiến cho sự tồn tại của anh trở nên có ý nghĩa. Và giờ đây anh đang chuẩn bị thực hiện.

Sử dụng một hòn đá vỡ, anh đã làm một cái cọc thô sơ từ cành cây cứng nhất có thể tìm thấy, mặc dù không phải là sỏi trắng chính cống, nhưng cũng đành chấp nhận. Anh làm ra nó bằng chính những ngón tay gãy, việc này càng hủy hoại thêm đôi bàn tay đau đớn. Tiếng bước chân anh vang vọng trong hang đá làm thành hầm mộ này. Trần hang khá thấp - thật đáng ngạc nhiên, bởi Sinh vật đó có chiều cao không tưởng - cùng rễ cây len lỏi qua những khe đá làm cho cấu trúc này trở nên thiếu vững chắc. Hang đầu tiên dẫn tới hang thứ hai, và, thật đáng kinh ngạc, hang thứ ba nữa. Cứ hang sau lại nhỏ hơn hang trước.

Setrakian chẳng có bất cứ thứ gì để thấp sáng lối đi, nhưng chính cấu trúc đổ nát đã cho phép những tia sáng lờ mờ của buổi chiều muộn xuyên qua bóng tối. Anh di chuyển thận trọng qua các hang đá, tim đập loạn xạ, sợ hãi trước viễn cảnh giết chóc. Cây cọc gỗ thô sơ của anh có vẻ như chẳng đáng làm một thứ vũ khí chiến đấu với Sinh vật đói khát kia trong bóng tối. Đặc biệt là với đôi bàn tay gãy này. Anh đang làm gì vậy? Làm sao anh có thể giết chết con quái vật ấy?

Khi anh bước vào hang cuối cùng, nỗi sợ làm dâng trào một đợt axit thiêu đốt cổ họng anh. Trong suốt phần đời còn lại của mình, anh luôn đau đớn bởi căn bệnh trào ngược axit dạ dày. Căn hầm trống trơn, nhưng tại đây, ngay chính giữa hầm, chàng thợ mộc Setrakian có thể nhìn thấy rõ trên nền đất vết hằn của một cỗ quan tài, như thể đã được khắc lên đó. Một cái hòm khổng lồ, dài hai mét, rộng nửa mét và sâu khoảng hai

mươi lăm phân, và nó chỉ có thể được dòi ra khỏi hang ổ này bởi bàn tay của một Sinh vật có ý chí mạnh mẽ.

Và rồi, từ phía sau, anh nghe thấy tiếng bước chân loạt soạt trên nền đá. Setrakian quay phắt người lại, cây cọc gỗ giương ra, và giờ thì anh đã mắc kẹt trong tận cùng căn hầm của Sinh vật đó. Con quái vật đã trở về hang ổ, và sẽ phát hiện ra một con mồi đang lẩn quất ngay trong nơi ngủ của mình.

Cái bóng mờ nhạt hiện ra trước tiên, nhưng tiếng bước chân lại kéo lê, nhẹ nhàng. Không phải Sinh vật đó xuất hiện trước khúc quanh đá nhằm đe dọa Setrakian, mà là một người đàn ông kích thích bình thường. Một sĩ quan Đức với bộ đồng phục rách rưới lấm lem. Đôi mắt hấn đỏ thẫm và ướt rượt, tràn ngập đói khát đến độ hóa thành nỗi đau đớn điên cuồng. Setrakian nhận ra hấn: Dieter Zimmer, một sĩ quan trẻ tầm tuổi anh, một kẻ vô cùng tàn bạo, một tên lính ở doanh trại, kẻ luôn khoác lác rằng hấn phải đánh bóng giày mỗi đêm để cọ sạch máu của người Do Thái.

Và giờ đây hấn thêm khát máu, máu của Setrakian. Máu của bất cứ ai. Để thỏa mãn bản thân.

Setrakian sẽ không bị đánh bại tại đây. Giờ anh đã ở bên ngoài bức tường khu trại; hiển nhiên anh đã chẳng cam chịu cảnh địa ngục trần gian đó để rồi gục ngã tại đây, để chịu thua thứ sức mạnh xấu xa của Sinh vật Đức Quốc xã đáng nguyền rủa này.

Anh đâm hấn bằng đầu cọc nhọn, nhưng Sinh vật đó nhanh hơn anh tưởng, hấn tóm lấy món vũ khí gỗ và giật mạnh khỏi bàn tay yếu ớt của Setrakian, làm gãy xương quay và xương trụ cẳng tay anh. Hấn rút cây cọc sang một bên, và nó đập mạnh vào bức tường đá trước khi rơi xuống đất.

Sinh vật đó bắt đầu tiến tới Setrakian, khò khè phấn khích. Anh lùi bước cho tới khi nhận ra mình đã đứng chính giữa đường viền quan tài hình chữ nhật. Và rồi, bằng một thứ sức mạnh phi thường, anh lao tới Sinh vật đó, xô hấn bắn vào tường. Vụn đá vỡ ra xung quanh những tảng đá bên ngoài, rơi lả tả như những làn khói. Sinh vật đó cố gắng tóm lấy đầu Setrakian, nhưng một

lần nữa anh lao tới hắn, tì mạnh cánh tay gãy của mình dưới cằm con quỷ, buộc gương mặt kiêu ngạo của hắn phải ngửa lên, không cho phép hắn chích và hút máu.

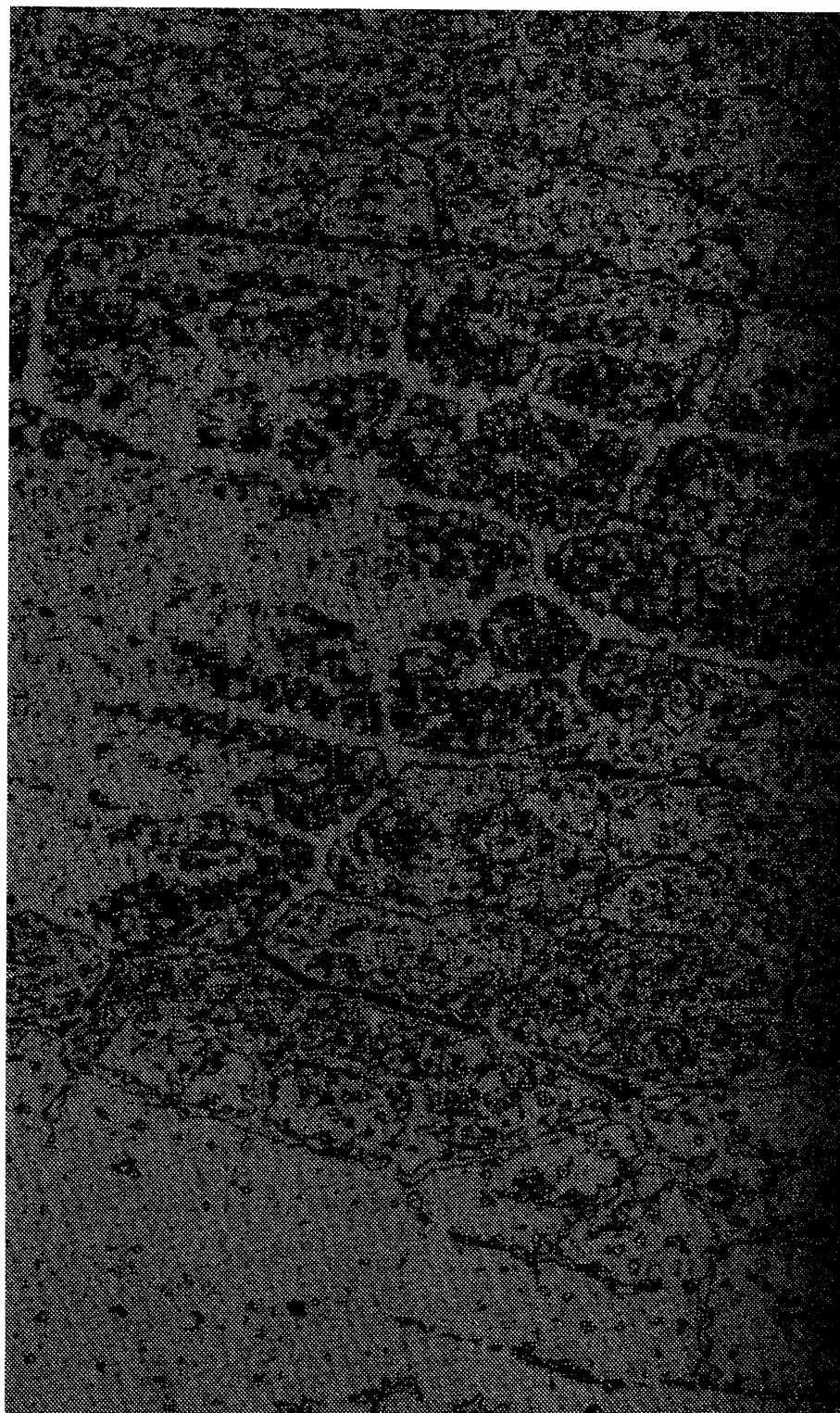
Sinh vật lấy lại thăng bằng và quật Setrakian sang một bên. Anh ngã xuống bên cạnh cây cọc của mình. Anh tóm lấy nó, nhưng Sinh vật kia chỉ đứng đó mỉm cười, sẵn sàng tước lấy nó lần nữa. Tuy nhiên, thay vì đâm vào hắn, Setrakian đâm cây cọc vào dưới những tảng đá trụ. Anh ném nó dưới một hòn đá lỏng lẻo và dùng đôi chân mình bẩy đá lên, ngay khi miệng Sinh vật đó bắt đầu há ra.

Những tảng đá rời ra, bức tường bên của lối vào căn hầm đổ sụp xuống khi Setrakian vừa kịp lặn ra khỏi đó. Có tiếng thét lớn, nhưng chỉ trong một khoảnh khắc. Cả căn hầm ngập tràn bụi, che lấp chút ánh sáng còn lại. Setrakian mò mẫm bò qua các tảng đá, và bất chợt một bàn tay đầy sức mạnh tóm chặt lấy anh. Đám bụi tan vừa đủ để Setrakian có thể nhìn thấy một tảng đá lớn đã đè nát đầu Sinh vật đó, từ đỉnh đầu đến quai hàm - tuy nhiên nó vẫn hoạt động. Quả tim thâm đen của nó, hay bất kể đó là thứ gì, vẫn đập mạnh thèm khát. Setrakian đập cánh tay nó cho tới khi rút được chân ra, và tảng đá ngay lúc đó cũng bật qua một bên. Nửa trên đầu nó tách ra, sọ bị nứt, như một quả trứng chần.

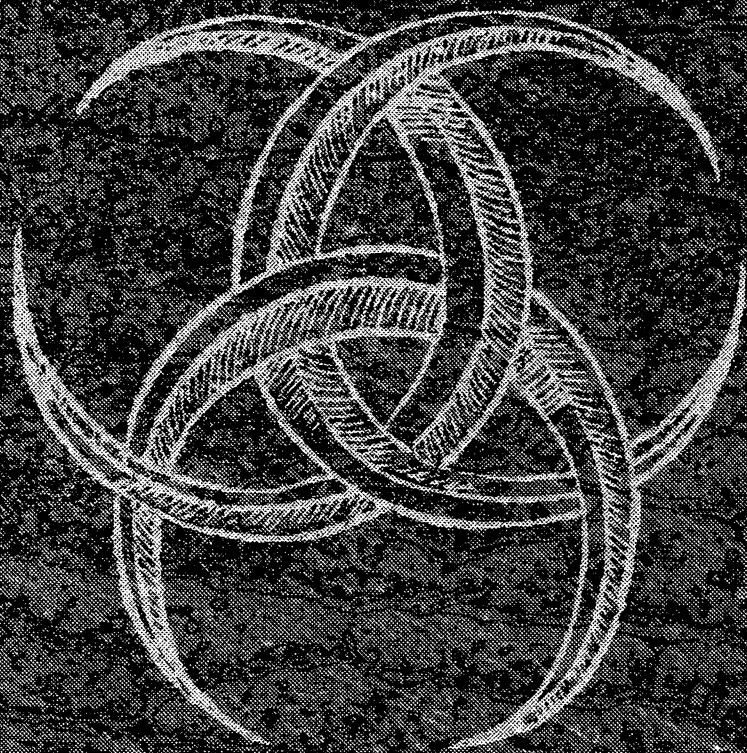
Setrakian túm một chân nó và kéo lê cả thi thể bằng cánh tay còn lành lặn của mình. Anh lôi nó lên mặt đất, ra khỏi đồng đống nát, tới chỗ những tia sáng cuối cùng của ngày chiếu xuyên qua tán cây. Hoàng hôn lờ mờ vàng cam - nhưng như thế là đủ. Sinh vật đó quằn quại trong đau đớn khi nó nhanh chóng bị thiêu cháy, rồi hòa vào lòng đất.

Setrakian ngẩng lên nhìn ánh mặt trời sắp lặn và bật ra tiếng hú của một con thú. Một hành động đại dột, nhất là khi anh vẫn đang chạy trốn khỏi khu trại nổi loạn - một cách làm vợi đi phần nào nỗi thống khổ mà anh phải chịu đựng, từ cuộc thám sát gia đình, cho tới cảnh tù đày địa ngục, cho tới nỗi kinh hoàng mà anh vừa phát hiện... và sau cùng, cho tới Chúa, người đã bỏ rơi anh và các con chiên của Người.

Lần tới, khi gặp lại một trong số những sinh vật này, anh sẽ có những công cụ thích hợp hơn. Anh sẽ tạo cho mình cơ hội chiến thắng cao hơn. Anh biết, chắc chắn như việc anh vẫn đang sống, rằng trong những năm tới anh sẽ lần theo cổ quan tài đã biến mất đó. Thậm chí trong nhiều thập kỷ, nếu cần thiết. Chính quyết tâm này đã chỉ cho anh một hướng đi mới và đưa anh tiến lên trong một cuộc truy lùng kéo dài suốt phần đời còn lại của mình.



TÁI TẠO





Trung tâm Y tế Bệnh viện Jamaica

Eph và Nora trình thẻ ra vào cho bảo vệ và đưa Setrakian qua cửa phòng cấp cứu mà chẳng hề gây bất cứ sự chú ý nào. Khi đi trên những bậc cầu thang dẫn tới khu cách ly, Setrakian nói, “Việc này quá liều lĩnh.”

Eph nói, “Người này, Jim Kent - anh ấy, Nora và tôi đã làm việc cùng nhau một năm rồi. Chúng tôi không thể bỏ mặc anh ấy.”

“Anh ta đã bị biến đổi. Anh có thể làm gì cho anh ta chứ?”

Eph bước chậm lại. Setrakian đang thở hổn hển phía sau, và cảm kích khi được nghỉ chân, ông tựa người vào cây gậy chống. Eph nhìn Nora, và họ có chung suy nghĩ.

“Tôi có thể giải thoát anh ấy,” Eph nói.

Họ ra khỏi khu cầu thang và cẩn thận quan sát lối vào khu cách ly ở đầu kia của hành lang.

“Không có cảnh sát,” Nora nói.

Setrakian ngó quanh. Ông không chắc chắn được thế.

“Sylvia ở kia,” Eph nói, nhận ra cô bạn gái tóc xoăn của Jim đang ngồi trên một cái ghế gập cạnh lối vào khu cách ly.

Nora gật đầu, sẵn sàng. “Được thôi,” cô nói.

Cô bước một mình tới gặp Sylvia, và cô gái đứng dậy khi thấy cô tới. “Nora.”

“Jim thế nào rồi?”

“Họ chưa nói gì cho tôi hết.” Sylvia ngó phía sau Nora. “Eph không đi cùng chị sao?”

Nora lắc đầu. “Anh ấy đi rồi.”

“Những điều họ nói không phải sự thật đúng không?”

“Không đâu. Trông chị mệt mỏi quá. Ta đi lấy gì đó cho chị ăn nhé.”

Trong khi Nora hỏi lối ra nhà ăn, đánh lạc hướng các y tá, Eph và Setrakian lên qua cửa tới khu cách ly. Eph như một sát thủ bất đắc dĩ băng qua gian cất áo choàng và găng tay, đi xuyên qua những lớp rèm che bằng nhựa tới gian của Jim.

Giường anh ta trống không. Jim đã biến mất.

Eph lập tức kiểm tra các gian khác. Tất cả đều trống không.

“Chắc họ đã đưa anh ấy đi,” Eph nói.

Setrakian nói, “Cô bạn gái của anh ta hẳn sẽ không ở ngoài đó nếu biết anh ta đã đi mất.”

“Vậy là...?”

“Chúng đã bắt anh ta.”

Eph nhìn chằm chằm chiếc giường trống. “Chúng ư?”

“Đi thôi,” Setrakian nói. “Việc này vô cùng nguy hiểm. Chúng ta không có thời gian đâu.”

“Đợi đã.” Anh tới bên chiếc tủ đầu giường, thấy tai nghe của Jim đang treo lủng lẳng từ ngăn kéo dưới. Anh tìm thấy điện thoại của Jim và kiểm tra để chắc chắn nó đã được sạc. Anh rút điện thoại của mình ra và nhận ra giờ nó chẳng khác gì một thiết bị dẫn đường. FBI có thể xác định vị trí của anh qua GPS.

Anh thả điện thoại của mình vào ngăn tủ, trao đổi điện thoại với Jim.

“Bác sĩ,” Setrakian lên tiếng, mắt kiên nhẫn.

“Xin hãy gọi tôi là Eph,” anh nói, dứt điện thoại của Jim vào túi trên đường đi ra. “Thời gian này, tôi không còn cảm thấy mình là một bác sĩ nữa rồi.”

Cao tốc West Side, Manhattan

GUS ELIZALDE NGỒI trong thùng xe tù của Sở Cảnh sát New York, tay bị còng vào một thanh thép phía sau. Felix ngồi chếch

phía đối diện cậu, đầu gục xuống, rung lắc theo chuyển động xe, càng lúc càng tím tái. Hẳn là họ đang trên cao tốc West Side nên mới có thể di chuyển nhanh thế này tại Manhattan. Hai tù nhân khác ngồi cùng họ, một người đối diện Gus, một người bên trái cậu, đối diện Felix. Cả hai đều đang ngủ. Lũ ngu có thể ngủ bất cứ lúc nào.

Gus ngủi thấy mùi thuốc lá từ khoang lái của chiếc xe tải không cửa sổ, qua tấm ngăn đã đóng. Lúc họ lên xe, trời đã chập choạng tối. Gus để mắt trông chừng Felix, lúc này đang đổ người ra khỏi thanh còng tay, rũ về phía trước. Nhớ đến những gì ông lão chủ tiệm cầm đồ đã nói. Và chờ đợi.

Cậu không cần đợi quá lâu. Đầu Felix bắt đầu ngẩng lên, và rồi quay sang một bên. Ngay lập tức nó ngồi thẳng dậy, quan sát tứ phía. Felix nhìn Gus, nhìn chằm chằm, nhưng trong ánh mắt Felix chẳng có bất cứ dấu hiệu gì cho Gus thấy rằng người bạn lâu năm đã nhận ra cậu.

Ánh mắt nó tối om, trống rỗng.

Một tiếng còi xe chói tai khiến gã bên cạnh Gus giật mình tỉnh giấc. “Mẹ kiếp,” gã lên tiếng, lạch cạch cái còng tay phía sau. “Ta đang tới chỗ chết tiệt nào vậy?” Gus không trả lời. Gã đó bắt đầu nhìn sang Felix, lúc này cũng đang nhìn gã. Gã đạp chân Felix. “Tao bảo, ta đang tới chỗ chết tiệt nào vậy, thằng nhãi?”

Felix quan sát gã một lát với ánh nhìn vô cảm, gằn như khờ dại. Mồm nó há ra như thể để trả lời - và rồi vòi chích bắn ra, cắt ngang chiều rộng của xe tải, chọc thủng cổ họng gã đàn ông khốn khổ. Gã đó chẳng thể làm gì ngoài giậm và đạp. Giờ đã mắc kẹt trong thùng xe cùng người bạn cũ Felix, Gus cũng bắt đầu hành động tương tự, la hét, đạp rầm rầm, đánh thức tên tù nhân đối diện mình. Cả hai cùng la hét và giậm chân trong khi gã bên cạnh Gus gục xuống, còn vòi chích của Felix ửng lên, chuyển từ tái nhợt sang đỏ máu.

Vách ngăn giữa khoang tù nhân và buồng lái trước mở ra. Một cái đầu đội mũ cảnh sát quay ngoắt lại từ ghế phụ. “Câm miệng lại, bằng không tao sẽ...”

Gã cảnh sát nhìn thấy Felix đang uống máu tên tù nhân

kia. Nhìn thấy cơ quan ứ máu vươn ra ngang qua xe tải, bữa ăn bắt đầu tiên, Felix đang nhả ra và vòi chích đang vọt trở lại miệng nó. Máu đang trào ra từ cổ tên tù nhân và nhỏ giọt xuống ngực Felix.

Gã cảnh sát ngồi ghế phụ kêu ăng ẳng và quay ngoắt đi.

“Gì vậy?” gã tài xế hét lên, cố gắng ngoái lại phía sau.

Vòi chích của Felix bắn thẳng qua vách ngăn, phập vào cổ họng gã tài xế. Tiếng la hét vang lên khắp xe trong khi chiếc xe tròn tránh, mất kiểm soát. Gus bấu ngón tay vào thanh còng tay vừa kịp lúc, thoát khỏi nguy cơ gãy cổ tay, và chiếc xe lắc mạnh hết bên phải tới bên trái, sau đó đổ rầm sang một bên.

Chiếc xe trượt dài cho tới khi đâm sầm vào rào chắn đường, rồi bật ngược lại, quay vòng. Gus ngã sang một bên, tên tù nhân đối diện cậu giờ đang treo lủng lẳng trên cánh tay gãy, kêu ăng ẳng trong đau đớn và sợ hãi. Chốt khóa của Felix đã gãy, vòi chích của nó giờ thông xuống lủng lẳng và co giật như một dây cáp điện nhỏ máu người.

Đôi mắt chết chóc của nó ngược lên nhìn Gus.

Gus nhận ra thanh còng tay của cậu đã gãy, bèn hối hả trượt còng tay dọc theo thanh còng, rồi đập cánh cửa méo mó cho tới khi nó bật mở. Cậu nhào ra lề đường, tai ù lên như thể một quả bom vừa phát nổ.

Tay cậu vẫn bị còng phía sau. Đèn pha ô tô băng qua, một số đi chậm lại để xem đồng hồ nát. Gus vội lăn đi, nhanh nhẹn vòng cổ tay qua dưới chân, đưa hai tay ra phía trước. Cậu quan sát cánh cửa khoang sau của chiếc xe đã bị phá vỡ, chờ đợi Felix trèo ra tìm mình.

Và rồi Gus nghe thấy một tiếng thét. Cậu nhìn quanh tìm kiếm một thứ vũ khí bất kỳ, và rút cuộc phải chọn một nắp trục bánh xe sắt mẻ. Gus cầm nó trên tay, bước tới, đứng sát cánh cửa mở của chiếc xe tải lật nghiêng.

Felix ở đó, đang uống máu tên tù nhân mắt trợn trừng vẫn còn bị treo trên thanh thép.

Gus chửi thề, buồn nôn trước cảnh tượng đó. Felix rời ra và, không một chút lưỡng lự, nó bắn vòi chích vào cổ Gus. Gus

giương nắp trục bánh xe lên vừa kịp lúc, đánh bật cú bắn trước khi lăn ra khỏi tầm nhìn của khoang sau xe tải.

Một lần nữa, Felix không theo sau cậu. Gus đứng đó một lúc, bình tĩnh lại - tự hỏi vì sao - và rồi nhận ra mặt trời. Mặt trời lúc này lơ lửng giữa hai tòa nhà phía Hudson, đỏ rực như máu và đã gần lặn tắt, đang lặn xuống thật nhanh.

Felix đang lẩn trốn bên trong xe tải, chờ mặt trời lặn. Chỉ ba phút nữa thôi nó sẽ tự do.

Gus điên cuồng ngó quanh. Cậu nhìn thấy một tấm kính chắn gió vỡ trên đường, nhưng nó sẽ chẳng giúp được gì. Cậu trèo lên khung gầm xe tải, tới mặt bên giờ đây đang là mặt trên cùng. Cậu ra tới phía cánh cửa bên ghế tài xế và đập vào bản lề chiếc gương chiếu hậu. Nó gãy lìa, và khi cậu đang kéo mớ dây rợ để lôi nó ra thì gã cảnh sát bên trong hét lên.

“Dừng lại!”

Gus nhìn gã, đó là tên cảnh sát lái xe, cổ đầy máu, đang bám vào tay cầm trên nóc xe, súng sẵn sàng. Rồi Gus cũng rút được chiếc gương ra với một cú giật mạnh bằng một tay, và cậu nhảy xuống đường.

Mặt trời đang tan chảy như lòng đỏ trứng bị đâm thủng. Gus tìm một góc phù hợp, giương chiếc gương trên đầu, bắt lấy những tia nắng cuối cùng. Cậu thấy ánh sáng phản chiếu chập choạng trên mặt đất. Nó quá mờ, quá tối để có thể làm được gì. Vì thế cậu dùng đốt ngón tay đập rạn tấm kính phẳng, nhưng vẫn giữ các mảnh vỡ dính lại trên mặt sau của gương. Cậu thử lần nữa và giờ đây những tia phản chiếu đã có khác biệt.

“Tao bảo dừng lại!”

Gã cảnh sát trèo xuống khỏi xe, một tay vẫn lăm lăm súng. Tay kia của gã đang ôm lên cổ, cái cổ đã bị Felix cắn, tai gã chảy máu do tai nạn. Gã bước vòng lại ngó vào trong xe tải.

Felix đang nép mình bên trong, chiếc còng lưng lẳng trên một tay. Tay kia của nó đã mất, cổ tay bị chiếc còng cắt phẳng dưới tác động của vụ va chạm. Nhưng bàn tay bị mất, hay cả thứ máu trắng tràn ra từ vết cắt, dường như đều chẳng làm nó bận tâm.

Felix mỉm cười, và gã cảnh sát nã đạn vào nó. Những phát

đạn chọc thủng ngực và chân Felix, xé nát da thịt và xương. Bảy, tám phát, và Felix ngã ngửa. Hai phát nữa vào người nó. Gã cảnh sát vừa hạ súng thì Felix ngồi thẳng dậy, vẫn mỉm cười.

Vẫn khát. Mãi mãi khát.

Ngay lúc đó, Gus đẩy gã cảnh sát sang một bên, giơ cao chiếc gương. Những tia sáng cuối cùng của mặt trời đỏ cam đang lụi tàn chiếu tới từ tòa nhà bên sông. Gus gọi tên Felix lần cuối, như thể việc đó sẽ đánh thức nó ra khỏi thứ đó, sẽ mang Felix trở lại một cách thần kỳ...

Nhưng Felix không còn là Felix nữa rồi. Nó là một con ma cà rồng chết tiệt. Gus tự nhắc mình điều đó trong lúc xoay chiếc gương, để những tia sáng mặt trời phản chiếu như những mũi tên rực cháy bắn thẳng vào trong chiếc xe tải lật nghiêng.

Đôi mắt chết của Felix trở nên kinh hãi khi những tia mặt trời bắn vào nó. Chúng đâm xuyên qua nó như những tia laser, đốt cháy lỗ chỗ và làm da thịt nó bắt lửa. Một tiếng tru của loài thú thoát ra từ sâu bên trong nó, như tiếng gào của một con người bị xé thành nhiều mảnh, trong khi những tia sáng đang tàn phá cơ thể nó.

Đó là thứ âm thanh cào xé lòng Gus, nhưng cậu vẫn di những tia sáng phản chiếu lên người nó cho tới khi Felix chỉ còn là đồng than bốc khói.

Những tia nắng phai dần, và Gus hạ tay xuống.

Cậu nhìn qua bên kia sông.

Đêm.

Gus tưởng như sắp khóc - bao nhiêu dằn vặt và đau khổ trộn lẫn trong tim cậu - và nỗi đau của cậu chuyển thành cơn thịnh nộ. Xăng tràn ngập bên dưới chiếc xe tải, đã gùn lan tới chân cậu. Gus bước tới bên gã cảnh sát, lúc này vẫn đang đứng trên lề đường, trở mắt quan sát những gì đã xảy ra. Cậu vội lục túi gã, tìm thấy một chiếc bật lửa Zippo. Gus bật nắp, gạt vòng đánh lửa, và ngọn lửa lập tức phụt lên.

"Lo siento, 'mano'."⁽¹⁾

1. (Tiếng Tây Ban Nha) "Tôi xin lỗi, anh bạn."

Cậu đốt vũng xăng tràn, và cái xe tải nổ tung, hất văng cả Gus lẫn gã cảnh sát ra sau.

“Khỉ thật, hấn đã chích anh,” Gus nói với gã cảnh sát lúc này vẫn đang ôm cổ. “Anh sẽ trở thành một trong số chúng.”

Cậu tước khẩu súng của gã cảnh sát, chìa nó vào gã. Tiếng còi xe vang lên.

Gã cảnh sát ngược nhìn Gus, và chỉ một giây sau đầu gã đã bay mất. Gus vẫn chìa nòng súng đang phả khói vào người gã cho tới khi cậu ra khỏi lề đường cao tốc. Rồi cậu ném khẩu súng đi và nghĩ tới chìa khóa còng tay, nhưng đã quá muộn. Những ánh đèn xe cảnh sát nhấp nháy đang tiến tới. Cậu quay người chạy xa khỏi lề đường cao tốc, lao vào một đêm mới.

Phố Kelton, Woodside, Queens

KELLY VÃN mặc nguyên trang phục giáo viên, áo ba lỗ tối màu bên trong áo khoác mềm và váy dài thẳng. Zack đang trên phòng, có lẽ đang làm bài tập về nhà, còn Matt thì ở nhà, anh ta chỉ làm việc nửa ngày do phải kiểm kê hàng hóa vào đêm đó.

Tin tức về Eph trên ti vi khiến Kelly hoảng hốt. Và giờ cô chẳng thể liên lạc với anh qua điện thoại.

“Rốt cuộc thì,” Matt nói, vạt áo sơ mi denim Sears của anh ta lúc này đã bỏ ra ngoài quần. “Anh ta rốt cuộc cũng đã phát điên.”

“Matt,” Kelly đáp, chỉ hơi hờn trách. Nhưng... Eph đã phát điên thật sao? Mà điều này có ý nghĩa gì với cô?

“Ảo tưởng về sự vĩ đại, gã thợ săn vi rút quan trọng,” Matt nói. “Anh ta cũng giống như lũ lính cứu hỏa cố ý gây cháy để trở thành anh hùng vậy.” Matt thả người trong chiếc ghế thoải mái của mình. “Anh chẳng ngạc nhiên chút nào nếu anh ta làm tất cả những thứ này vì em.”

“Em ư?”

“Gây chú ý, hay sao đó. Kiểu như ‘Hãy nhìn anh đi, anh là người quan trọng’.”

Cô lắc đầu nguầy nguậy, cứ như thể anh ta đang lãng phí thời gian của cô. Đôi khi cô thấy thật ngạc nhiên khi Matt có thể nhầm lẫn đến vậy về người khác.

Chuông cửa vang lên, và Kelly bước mau ra. Matt bật dậy khỏi ghế, nhưng Kelly đã tới cửa trước.

Đó là Eph, Nora Martinez phía sau, rồi đến một ông lão mặc áo khoác vải tuyết dài.

“Anh làm gì ở đây vậy?” Kelly nói, nhìn ngó ngang dọc con phố.

Eph xộc vào trong. “Anh ở đây để gặp Zack. Để giải thích.”

“Thằng bé chưa biết đâu.”

Eph nhìn quanh, hoàn toàn phớt lờ Matt đang đứng ngay đó. “Nó đang ở trên tầng làm bài tập bằng máy tính hả?”

“Đúng vậy,” Kelly nói.

“Nếu nó có Internet, vậy thì nó đã biết.”

Eph lên tầng, bước hai bậc một.

Bỏ lại Nora đứng trước cửa với Kelly. Nora thở dài, che giấu sự lúng túng. “Xin lỗi,” cô nói. “Vi đã xông vào nhà chị như vậy.”

Kelly nhẹ nhàng lắc đầu, liếc nhìn Nora hơi có vẻ đánh giá. Cô biết có chuyện gì đó giữa Nora và Eph. Với Nora, nhà Kelly Goodweather là nơi cô không bao giờ muốn tới.

Rồi Kelly chuyển sự chú ý sang ông lão cầm cây gậy chống có tay cầm hình đầu sói. “Đang có chuyện gì vậy?”

“Bà Goodweather-cũ, phải không?” Setrakian chìa tay ra với vẻ phong nhã của thế hệ xưa. “Abraham Setrakian. Rất hân hạnh được biết cô.”

“Tôi cũng vậy,” Kelly đáp, sững sốt, ngập ngừng nhìn Matt.

Nora nói, “Anh ấy cần gặp mọi người. Để giải thích.”

Matt lên tiếng, “Cuộc gặp mặt nho nhỏ này không khiến chúng tôi trở thành đồng phạm của một vụ nào đó chứ?”

Kelly buộc phải chặn sự khiếm nhã của Matt. “Ông muốn uống gì không?” cô hỏi Setrakian. “Nước lọc nhé?”

Matt nói, “Chúa ơi, chỉ vì cốc nước này mà có thể cả hai chúng ta sẽ mất hai mươi năm...”

Eph ngồi trên mép giường Zack, còn Zack thì ngồi trên bàn, máy tính xách tay đang mở.

Eph nói, “Bố vương vào một số chuyện mà chính bố cũng thực sự chẳng thể hiểu nổi. Nhưng bố muốn con được nghe từ chính bố. Những chuyện đó hoàn toàn sai sự thật. Trừ việc đúng là có người đang truy tìm bố.”

Zack nói, “Họ sẽ tới đây tìm bố à?”

“Có thể.”

Zack nhìn xuống, lo lắng, suy nghĩ. “Bố phải vứt điện thoại đi.”

Eph mỉm cười. “Đã vứt rồi.” Anh vỗ vai đứa con đồng lõa của mình. Eph nhận ra, bên cạnh máy tính xách tay của thằng bé, chiếc máy quay Eph đã mua tặng nó nhân dịp Giáng sinh.

“Con vẫn đang tiếp tục bộ phim đó cùng các bạn chứ?”

“Bọn con đang trong giai đoạn chỉnh sửa rồi.”

Eph nhắc chiếc máy quay, nó đủ nhỏ và nhẹ để đút vừa túi quần. “Bố có thể mượn thứ này một thời gian không?”

Zack gật đầu chậm chạp. “Có phải nhật thực không, bố? Thứ đã biến mọi người thành xác sống ấy?”

Eph sửng sốt - nhận ra sự thật cũng chẳng hợp lý hơn là mấy. Anh thử nhìn nhận chuyện này từ góc nhìn của một cậu bé mười một tuổi quen sống nội tâm và đôi khi rất nhạy cảm. Và thứ gì đó trở dậy trong anh, từ đáy sâu cảm xúc. Anh đứng dậy ôm thằng bé. Một thời khắc kỳ lạ, mong manh mà đẹp đẽ, giữa cha và con. Eph cảm thấy nó rõ mồn một. Anh vò tóc thằng bé, và chẳng biết nói gì hơn.

Kelly và Matt thì thảo bàn bạc trong bếp, bỏ mặc Nora và Setrakian trong phòng khách ộp kính phía sau nhà. Setrakian đứng, tay đút túi, nhìn ra bầu trời rực sáng lúc chập tối, đêm thứ ba kể từ chuyến hạ cánh của cái máy bay xấu số, quay lưng về phía cô.

Một chiếc đồng hồ trên giá kêu *tích-tích-tích*.

Setrakian nghe thành *cộc-cộc-cộc*.

Nora có thể cảm thấy sự sốt ruột của ông. Cô nói, “Anh ấy, ừm, anh ấy gặp rất nhiều vấn đề với gia đình. Kể từ khi ly hôn.”

Setrakian thò ngón tay vào chiếc túi áo vest nhỏ, kiểm tra lọ thuốc của mình. Túi áo này gần vị trí tim ông, bởi chỉ cần đặt nitroglycerin⁽¹⁾ gần nguồn bơm máu đã già yếu của ông cũng đã có lợi cho hệ tuần hoàn. Tim ông đập đều đặn, nếu không muốn nói là khỏe mạnh. Liệu ông còn bao nhiêu nhịp đập nữa? Đủ để hoàn thành công việc này, ông hy vọng thế.

“Tôi không có con,” ông nói. “Vợ tôi, Anna, đã mất mười bảy năm rồi, và tôi không có được diễm phúc đấy. Cô có thể cho rằng nỗi đau thiếu con sẽ phai nhạt dần theo thời gian, nhưng thực tế, nó ngày càng sâu đậm hơn khi tuổi tác tăng dần. Tôi có quá nhiều điều cần phải dạy, nhưng chẳng có lấy một học trò.”

Nora nhìn cây gậy chống của ông, lúc này đang dựng vào tường gần ghế cô. “Ông... ông đã bắt đầu công việc này như thế nào vậy?”

“Ý cô là khi nào tôi phát hiện ra sự tồn tại của chúng ư?”

“Và cống hiến hết mình cho nó, suốt những năm qua.”

Ông im lặng một lát, hồi tưởng lại. “Khi đó tôi còn trẻ. Trong Thế Chiến thứ hai, tôi mắc kẹt ở vùng đất Ba Lan bị chiếm đóng, điều mà tôi chẳng hề muốn chút nào. Một trại nhỏ phía Đông Bắc Warsaw, tên Treblinka.”

Nora cũng lặng người như ông lão. “Một trại tập trung.”

“Một trại hành quyệt. Nơi đó có những sinh vật hung bạo, cô gái thân mến. Hung bạo hơn bất cứ loài thú ăn thịt nào ta có thể không may đụng độ trên đời này. Những kẻ cơ hội lợi dụng quyền lực, coi những người trẻ tuổi và yếu ớt như những con mồi. Trong trại, tôi cùng những tù nhân khác vô tình trở thành một bữa tiệc đạm bạc cho nó.”

“Nó ư?”

“Chúa Tể.”

1. Một chất lỏng không màu, thường được sử dụng làm thuốc chống đau ngực, tắc thở, các bệnh liên quan tới vành tim.

Cái cách ông nói từ đó khiến Nora rùng mình. “Nó là người Đức ư? Một tên Đức Quốc xã?”

“Không, không. Nó không có liên hệ gì hết. Nó không trung thành với bất cứ ai hoặc cái gì, cũng không thuộc về một đất nước nào hết. Nó lang thang bất cứ nơi nào nó muốn. Nó ăn tại nơi có thức ăn. Trại đó đối với nó như thể một bữa ăn bèo bọt. Những con mồi dễ kiếm.”

“Nhưng ông... ông đã sống sót. Chẳng lẽ ông không thể kể cho ai...?”

“Ai có thể tin câu chuyện hoang đường của một kẻ yếu đuối chứ? Phải mất hàng tuần để tôi có thể chấp nhận những gì cô đang tin vào lúc này đây, và đó là chính mắt tôi đã chứng kiến sự hung bạo đó. Nó còn hơn cả những gì lý trí có thể chấp nhận. Tôi chọn cách không để mình bị coi là một kẻ điên rồ. Khi nguồn thức ăn bị cắt, Chúa Tế rời đi. Nhưng tôi đã thề với chính bản thân, trong trại đó, một lời thề mà tôi sẽ không bao giờ quên. Tôi đã lần theo dấu Chúa Tế trong nhiều năm. Dọc Trung Âu và Balkan, khắp Nga, Trung Á. Trong suốt ba thập kỷ. Đã có những lúc theo sát nút nó, nhưng chưa bao giờ đủ gần cả. Tôi trở thành giáo sư tại Đại học Vienna, tôi nghiên cứu về truyền thuyết này. Tôi bắt đầu thu thập sách, vũ khí và công cụ. Suốt trong lúc đó luôn chuẩn bị sẵn sàng để đối mặt với nó lần nữa. Một cơ hội mà tôi đã chờ đợi hơn sáu thập kỷ.”

“Nhưng... nó là ai?”

“Nó có rất nhiều hình dạng. Hiện tại, nó đang chiếm cứ cơ thể của một nhà quý tộc Ba Lan có tên Jusef Sardu, người đã mất tích trong chuyến đi săn tại vùng đất Bắc Romania mùa xuân năm 1873.”

“1873 ư?”

“Sardu là một gã khổng lồ. Tại thời điểm cuộc đi săn, anh ta đã cao gần hai mét một. Cao đến nỗi các cơ bắp của anh ta chẳng thể đỡ nổi khung xương dài và nặng. Nghe nói túi quần của anh ta phải lớn cỡ bao tải chứa củ cải. Để đứng vững, anh ta phải tựa hẳn vào một cây gậy chống có tay cầm mang gia huy.”

Nora nhìn lại cây gậy chống ngoại cỡ của Setrakian, cùng tay cầm bạc của nó. Mắt cô tròn tròn. "Hình đầu sói."

"Những gì còn sót lại của dòng họ Sardu được tìm thấy nhiều năm sau đó, cùng tập nhật ký của Jusef thời trẻ. Anh ta đã tường thuật chi tiết về việc cả đội đi săn bị theo dõi bởi một loài thú săn mồi bí ẩn, kẻ sau đó đã lần lượt bắt cóc và giết chết họ. Những dòng cuối cùng cho thấy Jusef đã phát hiện ra các thi thể bên trong lối vào một hang ngầm. Anh ta chôn cất họ trước khi trở lại hang để đối mặt với con quái thú, để trả thù cho gia đình."

Cô chẳng thể nào rời mắt khỏi tay cầm hình đầu sói. "Làm thế nào ông có được nó vậy?"

"Tôi đã phát hiện ra cây gậy này trong tay một nhà buôn tư nhân tại Antwerp vào mùa hè năm 1967. Sardu rất cuộc cũng trở về biệt thự của gia đình tại Ba Lan nhiều tuần sau đó, nhưng anh ta chỉ có một mình và đã thay đổi hoàn toàn. Anh ta vẫn mang theo cây gậy, nhưng không còn dựa vào nó, và dần dần không mang nó đi nữa. Anh ta không chỉ được chữa khỏi cơn đau do căn bệnh khổng lồ, mà nghe đồn còn sở hữu một sức mạnh khủng khiếp. Sau đó, dân làng bắt đầu mất tích, thị trấn bị đồn là đã bị ám, và sau cùng, nó bị bỏ hoang. Ngôi nhà của Sardu trở thành đồng đổ nát và chẳng còn ai trông thấy cậu chủ trẻ nữa."

Nora ước lượng kích cỡ cây gậy. "Hồi mười lăm tuổi, hẳn ta đã cao đến vậy ư?"

"Và vẫn còn phát triển."

"Cổ quan tài... kích thước của nó ít nhất phải hai mét rưỡi nhân một mét hai."

Setrakian gạt đầu điềm tĩnh. "Tôi biết."

Cô gạt đầu. Rồi cô nói, "Đợi chút, làm sao ông biết?"

"Tôi đã nhìn thấy nó, một lần, hay ít nhất là, dấu vết nó để lại trên nền đất. Từ rất lâu rồi."

Kelly và Eph đứng đối diện nhau trong căn bếp giản dị. Tóc cô nhạt màu và ngắn hơn trước kia, giờ đây giống kiểu doanh nhân hơn. Hay có lẽ giống một người mẹ hơn. Cô nắm

chặt cạnh bàn, và anh để ý thấy những vết xước mỏng do mép giấy cửa trên đốt ngón tay cô, hậu quả từ trường học.

Cô đưa anh một bịch sữa nửa lít chưa mở. “Em vẫn luôn trữ sữa tươi à?” anh hỏi.

“Z thích. Muốn giống bố.”

Eph nhấp một chút, sữa khiến anh hạ nhiệt nhưng chẳng thể giúp anh bình tĩnh như thường lệ. Anh thấy Matt đang hóng, ngồi trên ghế ở đầu kia, vờ như không phải đang theo dõi.

“Nó rất giống anh,” cô lên tiếng. Cô đang nói về Zack.

“Anh biết,” Eph đáp.

“Càng lớn càng giống. Âm ảnh. Bướng bỉnh. Hay đòi hỏi. Thông minh.”

“Thật khó mà hiểu được một đứa bé mười một tuổi.”

Khuôn mặt cô dần thành một nụ cười rộng. “Chắc em bị nguyên cả đời.”

Eph cũng mỉm cười. Thật kỳ lạ, một biểu hiện mà đã nhiều ngày anh chẳng thể có được.

“Này,” anh nói. “Anh không có nhiều thời gian. Anh chỉ... anh muốn mọi chuyện đều tốt đẹp. Hay ít nhất, chuyện giữa chúng ta đều ổn. Chuyện quyền nuôi con, mớ lộn xộn đó - anh biết nó đã hủy hoại chúng ta. Anh mừng vì nó đã kết thúc. Nhưng anh không tới đây để trình bày dài dòng, anh chỉ... lúc này có vẻ là thời gian hợp lý để xua đi căng thẳng.”

Kelly ngạc nhiên, chẳng thể nói nên lời.

Eph tiếp, “Em không cần phải nói gì hết, anh chỉ...”

“Không,” cô lên tiếng, “Em muốn nói. Em xin lỗi. Anh chẳng thể biết được em đã cảm thấy có lỗi đến thế nào đâu. Em xin lỗi vì tất cả mọi chuyện đã tới mức này. Thực lòng đấy. Em biết anh chẳng bao giờ muốn như vậy. Em biết anh chỉ muốn ta chung sống. Vì Z.”

“Tất nhiên rồi.”

“Anh biết đấy, em không thể làm được điều đó, em *không thể*. Anh đã lấy đi sự sống trong em, Eph. Và phần còn lại thì... em chỉ muốn làm anh bị tổn thương. Em đã làm vậy. Em thừa nhận. Và đó là cách duy nhất em biết em có thể.”

Anh thở dài. Cuối cùng cô cũng đã thừa nhận một điều mà anh vẫn luôn biết rõ. Nhưng chẳng có thắng lợi gì cho anh trong vụ này hết.

“Em cần Zack, anh biết đấy. Z là... là chính nó. Em nghĩ rằng, nếu không có nó, sẽ chẳng thể có em. Tệ hay không thì sự thực vẫn cứ là sự thực. Nó là *tất cả* đối với em... cũng như anh trước kia.” Cô dừng lại để cả hai có thể hiểu hết những lời cô vừa nói. “Nếu không có nó, em sẽ lạc lối, em sẽ...”

Cô chẳng thể nói năng mạch lạc được nữa.

Eph nói, “Em sẽ giống như anh.”

Câu nói khiến cô chết lặng. Họ đứng đó, nhìn nhau.

“Nghe này,” Eph nói. “Anh sẽ nhận lỗi. Về chúng ta, về em và anh. Anh biết anh không phải... không phải gã thoải mái nhất trên đời, một gã chồng lý tưởng. Anh đã chịu đựng phần mình. Và Matt - anh biết trước đây anh đã từng nói một vài điều...”

“Anh đã từng gọi anh ấy là ‘cuộc sống giải khuây’ của em.”

Eph nhăn mặt. “Em biết gì không? Có lẽ, nếu anh quản lý một cửa hàng Sears, hay nếu anh có một công việc chỉ đơn giản là... một công việc bình thường, chứ không phải giống cuộc sống hôn nhân thứ hai như vậy... thì có lẽ em đã không cảm thấy bị xa cách đến thế. Bị lừa dối đến thế. Bị... xếp sau đến thế.”

Họ yên lặng một lát, và Eph chợt nhận ra những vấn đề lớn hơn có xu hướng lấn át những chuyện nhỏ như thế nào. Rằng xung đột có thể khiến cho những rắc rối cá nhân nhanh chóng được dẹp sang một bên.

Kelly lên tiếng, “Em biết anh định nói gì. Anh định nói rằng chúng ta đáng lẽ nên nói chuyện này từ vài năm trước.”

“Đáng lẽ chúng ta nên làm vậy,” anh đồng tình. “Nhưng ta không thể. Vô ích thôi. Trước tiên chúng ta phải trải qua tất cả những chuyện chết tiệt này đã. Tin anh đi, anh sẵn sàng trả bất cứ giá nào để *không*... không còn phải trải qua chuyện như vậy lần thứ hai... nhưng giờ thì ta đang ở đây. Như những người bạn cũ.”

“Cuộc sống sẽ không diễn ra theo cách ta vẫn tưởng.”

Eph gật đầu. “Sau những gì cha mẹ anh đã trải qua, những gì họ đã khiến anh phải trải qua, anh luôn thề với bản thân rằng, không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ, không bao giờ như vậy nữa.”

“Em biết.”

Anh đẩy miệng bịch sữa. “Vì vậy hãy quên rằng ai đã làm gì đi. Những gì ta cần làm bây giờ là bù đắp cho thằng bé.”

“Đúng vậy.”

Kelly gật đầu. Eph gật đầu. Anh lắc sữa trong bịch, cảm nhận cái lạnh trong lòng bàn tay.

“Chúa ơi, ngày gì thế này,” anh nói. Anh lại nghĩ về bé gái ở Freeburg, cô bé nắm tay mẹ trên chuyến 753. Cô bé trạc tuổi Zack. “Em còn nhớ em vẫn luôn nói với anh rằng, nếu có chuyện gì đó, một mối nguy hiểm sinh học nào đó, mà anh không cho em biết trước tiên thì em sẽ ly hôn anh không? Chắc... đã quá muộn cho chuyện đó rồi.”

Cô bước tới, đọc nét mặt anh. “Em biết anh đang gặp rắc rối.”

“Đây không phải chuyện về anh. Anh chỉ muốn em lắng nghe, được chứ, đừng hoảng loạn. Có một loại vi rút đang lan truyền khắp thành phố. Nó là thứ gì đó... bất thường... có lẽ là thứ tệ nhất anh từng gặp phải.”

“Tệ nhất ư?” Cô tái mét. “SARS ư?”

Eph suyt nữa đã mỉm cười trước sự phi lý của toàn bộ chuyện này. Sự điên rồ.

“Điều anh muốn em làm là mang Zack rời khỏi thành phố này. Cả Matt nữa. Sớm nhất có thể - tối nay, ngay bây giờ - và hãy đi xa nhất có thể. Ý anh là, hãy tránh xa những khu vực đông dân cư. Bố mẹ em... anh biết em cảm thấy thế nào về việc dựa dẫm vào họ, nhưng họ vẫn còn căn nhà trên Vermont chứ? Trên đỉnh đồi đó?”

“Anh đang nói gì vậy?”

“Hãy tới đó. Ít nhất vài ngày. Xem bản tin, và chờ điện thoại từ anh.”

“Chờ đã,” cô nói. “Em mới thuộc kiểu người hoang tưởng chạy-trốn-lên-đồi, chứ không phải anh. Nhưng... còn lớp học

của em thì sao? Trường học của Zack nữa?" Cô nhấn nhó. "Tại sao anh không nói cho em nó là gì?"

"Bởi khi đó em sẽ chẳng rời đi nữa. Hãy tin anh, và đi đi," anh nói. "Hãy đi đi, và hy vọng ta có thể chấm dứt nó, bằng cách nào đó, hãy hy vọng rằng tất cả những chuyện này sẽ sớm trôi qua."

"'Hy vọng' ư?" cô hỏi. "Giờ anh đang thực sự làm em sợ đấy. Nếu như anh không thể chấm dứt nó thì sao? Và... và nếu như chuyện gì đó xảy ra với anh thì sao?"

Anh không thể đứng đó kể cho cô những hoài nghi của chính mình. "Kelly, anh phải đi."

Anh định bước ra, nhưng cô đã chộp tay anh, nhìn vào mắt anh để thăm dò xem làm vậy liệu có được không, và rồi cô vòng tay ôm lấy anh. Ban đầu nó chỉ là một cái ôm làm lạnh, nhưng rồi nó đã trở thành một điều gì đó còn hơn thế, và cuối cùng, cô chỉ càng siết anh chặt hơn. "*Em xin lỗi,*" cô thì thầm vào tai anh, rồi hôn vào bên cổ chưa cạo lởm chớm râu ria của anh.

Phố Vestry, Tribeca

ELDRITCH PALMER ngồi đợi trên một chiếc ghế không đệm trong sân hiên trên nóc nhà, tắm trong không khí ban đêm. Thứ ánh sáng trắng duy nhất là từ một cây đèn dầu ngoài trời đang cháy trong góc. Sân hiên này nằm trên nóc của căn nhà thấp hơn trong số hai căn nhà cao tầng liền kề nhau. Nền sàn được làm bằng gạch đất sét vuông, cũ kĩ và bạc phếch do thiên nhiên. Một bậc thềm thấp dẫn tới một bức tường gạch cao phía Bắc, với hai cửa vòm trang trí bằng khung sắt. Mái nóc tường bằng gạch đất nung có rãnh chìa ra hai bên. Bên trái, qua những khung cửa vòm trang trí rộng hơn, là những cánh cổng to dẫn vào khu phòng ở. Phía sau Palmer, nằm chính giữa bức tường xi măng trắng phía Nam, là bức tượng một phụ nữ không đầu trong bộ áo choàng phấp phới, vai và cánh tay ngả đen vì dải dầu mưa nắng. Cây thường xuân bò trên bệ đá. Mặc dù một vài tòa

nhà cao hơn có thể bị trông thấy từ cả phía Bắc lẫn phía Đông, nhưng sân hiên này khá riêng tư, theo cái cách mà sân thượng vẫn thường được che chắn ở khu trung tâm Manhattan đầy cao ốc này.

Palmer ngồi lắng nghe âm thanh của thành phố vọng lên từ dưới những con phố. Những âm thanh này sẽ sớm chấm dứt thôi. Nếu những kẻ dưới đó biết được chuyện này, họ sẽ buộc phải cảm thấy quý báu quãng thời gian đêm nay. Mọi điều trần tục của cuộc sống hẳn sẽ sục sôi hơn khi đối mặt với cái chết cận kề. Palmer hiểu rõ điều này từ kinh nghiệm bản thân. Từng là một đứa bé ốm yếu, ông ta đã phải chống chọi cả đời để sống sót. Có những buổi sáng, ông ta thức dậy và thật ngạc nhiên bởi vẫn còn nhìn thấy bình minh. Hầu hết mọi người chẳng thể hiểu nổi cảm giác khi sự tồn tại của mình phải tính bằng từng bình minh một. Cảm giác khi phải dựa vào máy móc để sống. Sức khỏe tốt là quyền lợi bẩm sinh của hầu hết mọi người, và cuộc sống khi đó sẽ là một chuỗi ngày thưởng ngoạn. Họ chẳng bao giờ có thể hiểu được sự cận kề cái chết. Sự thân thuộc của bóng tối vĩnh cửu.

Sớm thôi, Eldritch Palmer sẽ thấu hiểu niềm hạnh phúc của bọn họ. Một chuỗi ngày vô tận kéo dài phía trước. Sớm thôi, ông ta sẽ biết cảm giác như thế nào khi không còn phải lo lắng về ngày mai, ngày kia...

Một luồng gió lay động những tán cây trên sân hiên, làm xào xạc một số bụi cây trồng dưới sàn. Palmer, ngồi đối diện với khu phòng ở cao hơn, chếch về một phía, cạnh chiếc bàn hút thuốc nhỏ, nghe thấy tiếng sột soạt. Một tiếng sột soạt rất khẽ, giống như tiếng quần áo quệt trên mặt sàn. Một bộ quần áo đen.

Ta tưởng người không muốn có bất cứ liên lạc nào cho tới khi đã qua tuần đầu tiên.

Giọng nói đó - vừa quen thuộc, vừa góm ghiếc - khiến một con ớn lạnh chạy dọc sống lưng xương xẩu của Palmer. Nếu Palmer không cố ý ngồi quay lưng, tránh khỏi khoảng rộng của sân hiên - vừa bởi kính trọng, vừa bởi nỗi sợ hãi vốn dĩ của một con người - hẳn ông ta đã thấy miệng Chúa Tể chẳng bao giờ

mấp máy. Chẳng một âm thanh nào thoát ra trong màn đêm. Chúa Tế nói thẳng vào tâm trí của người đối thoại.

Palmer cảm thấy sự hiện diện sừng sững ngay phía trên vai, và vẫn dán mắt vào khung cửa vòm dẫn vào phòng. “Chào mừng tới New York.”

Lời này thốt ra giống hệt như một tiếng hỗn hển, khác hẳn với những gì ông ta trông đợi. Chẳng gì có thể khiến ta mất can đảm hơn là một quái vật.

Thấy Chúa Tế không nói gì, Palmer cố gắng lấy lại vẻ quyết đoán. “Tôi phải nói rằng, tôi không chấp nhận tên Bolivar này. Tôi không hiểu vì sao ngài lại có thể chọn hần ta.”

Hần là ai với ta không quan trọng.

Palmer ngay lập tức nhận ra Chúa Tế nói đúng. Bolivar có là một ngôi sao nhạc rock trang điểm lòe loẹt thì đã sao chứ? Palmer cho rằng mình đang suy nghĩ như một con người. “Vì sao ngài để lại bốn kẻ sống sót? Điều đó đã gây nên rất nhiều rắc rối.”

Người đang chất vấn ta ư?

Palmer nuốt nước bọt. Một ông trùm trong cuộc sống này, không dưới quyền bất cứ ai. Cảm giác phục tùng hèn hạ này vừa xa lạ, vừa quá sức đối với ông ta.

“Có kẻ đang theo dấu ngài,” Palmer nói vội. “Một bác sĩ, một kẻ chuyên điều tra về các căn bệnh. Ngay tại New York này.”

Một con người có là vấn đề gì với ta?

“Hần ta - hẳn là bác sĩ Ephraim Goodweather - là một chuyên gia kiểm soát bệnh dịch.”

Người đang tung hô những con khỉ nhãi nhép. Giống loài của người mới là bệnh dịch - không phải của ta.

“Tên Goodweather này đang được ai đó chỉ dẫn. Một kẻ có hiểu biết tường tận về giống loài của ngài. Hần ta biết về truyền thuyết và thậm chí một chút về sinh học. Cảnh sát đang tìm hần, nhưng tôi nghĩ cần hành động quyết liệt hơn. Tôi tin rằng điều này có thể tạo nên khác biệt giữa một chiến thắng nhanh gọn, quyết định và một cuộc chiến lâu dài. Chúng ta

còn rất nhiều trận đánh nữa, với con người, cũng như với các loài khác...”

Ta sẽ chiến thắng.

Tới lúc này, Palmer chẳng còn chút nghi ngờ nào nữa. “Đúng vậy, tất nhiên rồi.” Palmer muốn lão già đó cho riêng mình. Ông ta muốn xác nhận danh tính lão trước khi tiết lộ bất cứ thông tin nào cho Chúa Tế. Vì thế ông ta cố hết sức không nghĩ về lão già đó - bởi ông ta biết, trước sự hiện diện của Chúa Tế, ai cũng phải che giấu suy nghĩ của mình...

Ta đã từng gặp lão già này. Khi lão còn chưa già đến vậy.

Palmer lạnh người trước thất bại đáng kinh ngạc. “Ngài chắc sẽ nhớ, tôi đã mất một thời gian dài mới tìm được ngài. Hành trình của tôi đã dẫn tôi tới tận cùng thế giới, có rất nhiều đường cụt và ngã rẽ - rất nhiều con người tôi phải vượt qua. Lão là một trong số chúng.” Ông ta cố gắng chuyển chủ đề, nhưng tâm trí mịt mờ. Trước sự hiện diện của Chúa Tế, ông ta cảm thấy như mình đang bị ngập trong dầu mà ngay bên cạnh lại là một ngọn bấc cháy.

Ta sẽ gặp tên Goodweather này. Và chăm sóc hắn ta.

Palmer đã chuẩn bị sẵn một bản liệt kê những thông tin về bác sĩ dịch tễ CDC. Ông ta rút tờ giấy từ trong túi áo khoác mở ra, đặt lên mặt bàn. “Mọi thứ đều ở đây, thưa Chúa Tế. Gia đình hắn, những mối liên hệ đã biết...”

Có tiếng cào trên mặt bàn lát đá, và mẫu giấy bị lấy đi. Palmer chỉ thoáng thấy bàn tay đó. Ngón giữa khoằm và có móng nhọn, dài hơn và mập hơn các ngón khác.

Palmer nói, “Giờ đây chúng ta chỉ cần thêm vài ngày nữa.”

Một cuộc tranh cãi, đại loại vậy, đã nổ ra bên trong ngôi nhà của ngôi sao nhạc rock, khu biệt thự hai căn đang xây dở mà Palmer đã phải miễn cưỡng bước vào để có thể có cuộc hẹn gặp trên mái hiên này. Ông ta đặc biệt không ưa phần duy nhất đã hoàn thành trong biệt thự này, đó là căn phòng ngủ trên gác mái được trang hoàng quá sặc sỡ và nặng mùi nhục dục. Palmer chưa từng ở cùng một phụ nữ nào. Khi còn trẻ, đó là do căn bệnh, cùng những cấm đoán của hai bà cô nuôi dạy ông ta.

Còn khi già hơn, đó là do chính ông ta lựa chọn như vậy. Ông ta đã dần hiểu ra rằng sự thuần khiết của bản thân không bao giờ được để bị ô uế bởi ham muốn.

Tiếng ồn ào trong nhà lớn dần, trở thành tiếng ầm ỉ.

Người của người đang gặp rắc rối.

Palmer nhào người về phía trước. Fitzwilliam đang ở trong đó. Palmer đã cấm anh ta tuyệt đối không bước vào khu vực mái hiên. "Ngài đã nói rằng cậu ta sẽ được bảo đảm an toàn tại đây."

Palmer nghe thấy tiếng chạy rầm rập. Ông ta nghe thấy tiếng gầm gừ. Một tiếng la của con người.

"Hãy ngăn họ lại," Palmer nói.

Giọng Chúa Tế, vẫn như thường lệ, uể oải và đều đều.

Hắn không phải kẻ chúng muốn.

Palmer hoảng loạn. Chúa Tế đang ám chỉ ông ta ư? Đây là một cái bẫy ư? "Chúng ta đã thỏa thuận!"

Cho tới chừng nào ta còn thấy hợp lý.

Palmer nghe thấy một tiếng la nữa, rất gần - theo sau là hai tiếng súng nổ liên tiếp. Rồi một trong những cửa vòm bên trong bật mở vào trong, và cánh cổng trang trí bị đẩy ra. Fitzwilliam, một lính thủy đánh bộ nặng 120 cân trong bộ vest Savile Row, lao vào, khẩu súng lục kẹp chặt trong bàn tay phải, đôi mắt rục lên vì kiệt sức. "Thưa ngài, chúng đang theo ngay sau tôi..."

Đúng lúc đó, ánh mắt anh ta chuyển từ khuôn mặt Palmer sang hình hài cao ngất đang đứng ngay sau ông ta. Khẩu súng trượt khỏi tay Fitzwilliam, rơi đánh cạch xuống sàn. Mặt Fitzwilliam trắng bệch, anh ta lao đảo một lát như người đu dây, rồi khụy xuống.

Phía sau anh ta, những kẻ biến đổi ập tới. Những con ma cà rồng trong đủ mọi loại trang phục người thường, từ đồ công sở cho tới trang phục gothic và những bộ quần áo tuềnh toàng của đám paparazzi. Tất cả đều hôi thối và rách rưới do làm tổ dưới đất. Chúng ủa vào mái hiên như bị gọi bởi một tiếng húýt sáo câm lặng.

Dẫn đầu chính là Bolivar, hốc hác và gần hói, mặc áo choàng đen. Là một ma cà rồng thế hệ đầu tiên, hắn ta trưởng thành hơn lũ còn lại. Da thịt hắn tái nhợt như không có máu, như thạch cao, gần như phát sáng, và đôi mắt hắn trông như quầng mặt trăng chết chóc.

Phía sau hắn là một fan nữ vừa bị Fitzwilliam bắn vào mặt trong cơn hoảng loạn. Xương má cô ta vỡ toác tới tận mang tai, khiến cô ta trông như đang toét cười khoe trọn nửa hàm răng trần trụi.

Lũ còn lại lao đảo bước vào trong màn đêm mới, bị kích động bởi sự hiện diện của Chúa Tế của chúng. Chúng dừng lại, nhìn hắn chằm chằm sợ hãi.

Các con.

Palmer - đang đứng ngay trước chúng, giữa chúng và Chúa Tế - hoàn toàn bị phốt lờ. Sức mạnh từ sự hiện diện của Chúa Tế khiến đám kia bất động. Chúng tập trung trước hắn như thể một lũ man rợ đứng trước một đền thờ.

Fitzwilliam vẫn quỳ gối, như bị đè xuống.

Chúa Tế nói, theo cách Palmer tin là với riêng ông ta.

Người đã mang ta tới tận đây. Vậy mà người không nhìn ư?

Palmer đã từng diện kiến Chúa Tế một lần, trong căn hầm tối tại một lục địa khác. Không quá rõ, nhưng cũng đủ để ông ta chẳng bao giờ quên được hình ảnh đó.

Giờ chẳng có cách nào né tránh nữa. Palmer nhắm mắt lại để lấy bình tĩnh, rồi mở mắt và ép mình quay đầu lại. Như thể liều mạng nhìn thẳng vào mặt trời bất chấp nguy cơ bị mù.

Mắt ông ta lướt từ ngực Chúa Tế cho tới... mặt hắn.

Sự kinh hoàng. Và huy hoàng.

Sự bất kính. Và đẹp đẽ.

Sự man rợ. Và thần thánh.

Nỗi kinh hoàng ghê gớm kéo khuôn mặt Palmer căng ra thành một cái mặt nạ sợ hãi, và cuối cùng biến đổi các góc của nó thành một nụ cười nhăn nhó hoan hỉ.

Loài siêu việt gồm guốc.

Đó là Chúa Tế.

Phố Kelton, Woodside, Queens

KELLY CẦM MỘT ĐỒNG PIN và quần áo sạch bước vội qua phòng khách, ngang qua Matt và Zack, lúc này đang xem bản tin truyền hình.

“Chúng ta sẽ rời đi,” Kelly nói, nhồi nhét đồ đạc vào một túi vải trên ghế.

Matt quay về phía cô với một nụ cười mà Kelly chẳng muốn trông thấy chút nào. “Thôi nào, em yêu,” anh ta nói.

“Anh không nghe em nói gì à?”

“Có. Một cách kiên nhẫn.” Anh ta đứng dậy khỏi ghế. “Xem này, Kel, chồng cũ của em lại làm vậy nữa rồi. Ném một quả lựu đạn vào cuộc sống gia đình hạnh phúc của chúng ta. Em không nhận thấy điều đó sao? Nếu đây là chuyện gì đó thực sự nghiêm trọng, chính quyền sẽ phải cảnh báo chúng ta.”

“Ồ. Phải, tất nhiên rồi. Chính quyền được bầu thì chẳng bao giờ nói dối cả.” Cô bước rầm rầm tới phòng kho phía trước nhà, lôi ra những thứ đồ còn lại. Kelly cũng có một túi đồ cá nhân cấp thiết, theo như lời khuyên của Văn phòng Quản lý Tình trạng Khẩn cấp New York, đề phòng trường hợp cần phải sơ tán khẩn cấp. Đó là một túi vải bao gồm nước đóng chai và những thanh ngũ cốc ăn liền, một đài AM/FM/sóng ngắn vận hành bằng tay, một đèn Faraday⁽¹⁾, một bộ sơ cứu, 100 đô tiền mặt, và bản sao những tài liệu quan trọng bên trong một hộp chống nước.

“Đây quả đúng là một lời tiên tri tự hoàn thành⁽²⁾ đối với em,” Matt nói tiếp, bước theo sau cô. “Em không nhận ra sao? Anh ta hiểu em. Anh ta biết chính xác từng nước đi. Đó cũng chính là lý do khiến em và anh ta chẳng thể nào hợp nhau.”

1. Loại đèn hoạt động theo cơ chế cảm ứng điện từ, không cần pin. Trước khi sử dụng cần phải lắc đèn, nam châm bên trong khi di chuyển sẽ tạo ra điện.

2. Là một lời dự đoán có khả năng tự biến thành sự thực theo cách trực tiếp hay gián tiếp, do tác động giữa niềm tin và hành động.

Kelly lục lợi sâu trong vách kho, cố ý ném ra hai chiếc vợt tennis cũ, đập trúng chân Matt vì đã nói năng như vậy trước mặt Zack. “Không phải như vậy. Em tin anh ấy.”

“Anh ta đang bị truy nã, Kel. Anh ta đang thất bại, suy sụp. Tất cả những gã thiên tài tự xưng như vậy về cơ bản đều vô cùng yếu đuối. Giống như thứ hoa hướng dương cứ luôn gắng sức phát triển vượt lên trên hàng rào - và rồi do cái bông quá lớn, chúng đổ sụp dưới chính sức nặng của mình.” Kelly phi một chiếc bóng mùa đông, bay sát cằm chân anh ta, nhưng lần này anh ta tránh được. “Chuyện này hoàn toàn là vì em, em biết đấy. Anh ta bị thần kinh. Chẳng thể buông tay. Tất cả những chuyện này chỉ là để giữ lấy em.”

Cô dừng lại và quay ra, vẫn trong tư thế bò trên cả hai tay hai chân, nhìn chằm chằm anh ta từ phía dưới những vạt áo khoác trong kho. “Anh thật sự thiếu hiểu biết đến vậy ư?”

“Đàn ông không muốn thua cuộc. Họ sẽ không từ bỏ.”

Cô bước ra, kéo theo chiếc va li American Tourister khổng lồ của mình. “Đó là lý do khiến anh không chịu đi ư?”

“Anh không đi bởi anh phải đi làm. Nếu anh nghĩ mình có thể lấy lý do ngày tận thế của gã chồng gàn dở của em để thoát khỏi công việc kiểm kê hàng hóa này, anh sẽ làm vậy, tin anh đi. Nhưng thực tế, khi ta không đi làm, ta sẽ mất việc.”

Cô quay lại, nổi giận trước sự ngoan cố của anh ta. “Eph đã nói rồi. Anh ấy chưa từng hành động như vậy, chưa từng nói chuyện như vậy. Đây là sự thật.”

“Đó là chúng kích động do nhật thực, họ vẫn nói về nó trên ti vi đấy thôi. Mọi người trở nên hoảng loạn. Nếu như phải chạy biển khỏi New York vì những điều điên rồ đó, anh đã làm vậy hàng năm trời trước kia rồi.” Matt nắm lấy vai cô. Ban đầu cô lắc ra, nhưng rồi sau đó để anh ta giữ lấy cô một lát. “Anh sẽ thường xuyên ghé qua gian đồ điện tử, có ti vi ở đó, để xem có chuyện gì xảy ra không. Nhưng thế giới vẫn quay mà, phải không? Đối với những người có công việc thực sự như chúng ta. Ý anh là... em định bỏ lớp học của em ư?”

Học sinh của cô cần cô, và điều đó níu giữ cô lại. Nhưng

mọi người, mọi thứ đều xếp sau Zack. “Có lẽ họ sẽ cho nghỉ học vài ngày. Nghĩ mà xem, hôm nay lớp em có rất nhiều đứa vắng mặt không lý do...”

“Chúng là trẻ con mà, Kel. Cúm thôi.”

“Con nghĩ đó đúng là do nhật thực đấy,” Zack lên tiếng, từ căn phòng đối diện. “Fred Falin đã nói với con như vậy ở trường. Tất cả những người nhìn mặt trắng mà không đeo kính thì sao? Nó sẽ nướng chín não của họ.”

Kelly nói, “Cái đam mê của con với mấy thứ xác sống đó là sao vậy?”

“Chúng đang ở ngoài kia,” thằng bé nói. “Phải chuẩn bị. Con cá mẹ thậm chí chẳng biết đâu là hai thứ quan trọng cần có hàng đầu để có thể sống sót trong một cuộc xâm lược của xác sống.”

Kelly phớt lờ thằng bé. Matt nói, “Chú chịu.”

“Dao rựa và trục thẳng.”

“Dao rựa ư?” Matt lắc đầu. “Chú nghĩ thà có súng trường còn hơn.”

“Sai lầm,” Zack nói. “Chú sẽ không cần phải nạp đạn cho một con dao rựa.”

Matt đồng tình với quan điểm này, anh ta quay sang Kelly. “Thằng bé Fred Falin này thực sự rất am hiểu mấy thứ đó.”

“Mọi người - tÔI CHIỰ ĐỦ RỒI!” Cô không quen với việc bị cả hai hùa vào bắt nạt như vậy. Thường thì, cô có thể sẽ rất vui khi thấy Zack và Matt đoàn kết với nhau. “Zack, con đang nói vớ vẩn đấy. Đây là vi rút, và đó là sự thật. Chúng ta cần phải thoát khỏi đây.”

Matt đứng đó trong khi Kelly đem chiếc va li rỗng tới chỗ túi còn lại. “Kel, thư giãn đi. Được chứ?” Anh ta rút chìa khóa xe khỏi túi, xoay nó trên ngón tay. “Đi tắm đi, và bình tĩnh lại. Xin em hãy suy nghĩ thấu đáo chuyện này. Hãy nghĩ lại về nguồn cung cấp thông tin ‘nội bộ’ của em.” Anh ta bước tới cửa trước. “Anh sẽ liên lạc với em sau.”

Anh ta đi khỏi. Kelly đứng nhìn cánh cửa đóng kín.

Zack tới bên cô, đầu hơi nghiêng, cái hiểu của nó mỗi khi muốn hỏi những câu như cái chết nghĩa là gì hay tại sao một

số người đàn ông lại nắm tay nhau. “Bố nói gì về chuyện này hả mẹ?”

“Bố chỉ... bố muốn điều tốt nhất cho mẹ con mình.”

Kelly day trán để che hai mắt. Liệu cô có nên cảnh báo Zack? Liệu cô có thể mang Zack rời khỏi đây chỉ vì nghe theo lời Eph, mà không có Matt? Liệu cô có nên không? Và, nếu như cô tin Eph, chẳng phải cô có bốn phận đạo đức phải cảnh báo những người khác ư?

Con chó nhà Heinson kể bên bắt đầu sủa. Không phải tiếng kêu giận dữ như thường lệ, mà là một âm thanh cao, gần như sợ hãi. Nó đủ khiến Kelly quay trở lại căn phòng ộp kính phía sau nhà, và tại đó, cô nhận ra chiếc đèn cảm ứng tự động trên mặt đất sân sau đã bật sẵn.

Cô khoanh tay đứng đó, quan sát sân vườn, chờ động tĩnh. Mọi thứ có vẻ thật yên ắng. Nhưng con chó vẫn sủa, cho tới khi bà Heinson ra và mang nó vào nhà, nhưng nó vẫn cứ sủa.

“Mẹ ơi?”

Kelly giật mình, sợ hãi khi bất ngờ bị cậu con trai chạm vào người, cô đã hoàn toàn mất bình tĩnh.

“Mẹ ổn chứ?” Zack hỏi.

“Mẹ ghét điều này,” cô nói, và dẫn thằng bé vào phòng khách. “Rất ghét.”

Cô sẽ thu dọn hành lý, cho cô, cho Zack, và cho Matt.

Và cô sẽ trông chừng.

Và cô sẽ đợi.

Bronxville

CÁCH MANHATTAN BA MUOI PHÚT lái xe về phía Bắc, trong một phòng bar vách gỗ sồi ở câu lạc bộ Siwanoy Country, Roger Luss ngồi bấm iPhone trong lúc đợi phục vụ ly martini đầu tiên. Anh đã bảo tài xế taxi của Town Car cho anh xuống đây thay vì đi thẳng về nhà. Anh muốn có chút thời gian để đánh giá tình hình. Nếu quả Joan bị ốm thật theo như tin nhắn

thoại của bà trông trẻ thì có khả năng lũ trẻ giờ cũng đã bị theo, và như thế anh sẽ phải đối mặt với cả đồng phiền phức ở nhà. Chỉ nhiều đó thôi cũng đã quá đủ để anh có thêm lý do kéo dài chuyến công tác một hoặc hai giờ.

Phòng ăn nhìn ra sân golf lúc này khách vắng tanh dù đang giờ ăn tối. Người phục vụ bước tới với một ly martini ba quả ô liu đặt trên chiếc khay phủ khăn trắng. Không phải người phục vụ quen thuộc của anh. Anh ta là người Mexico, giống như mấy thanh niên đậu xe ở phía trước câu lạc bộ. Áo sơ mi nhét vội ở hông, và anh ta không đeo dây lưng, móng tay bẩn thiu. Sáng mai, Roger sẽ nói lại chuyện này với quản lý câu lạc bộ. “Đây rồi,” Roger nói, những quả ô liu chìm xuống đáy cốc thủy tinh hình chữ V, giống những nhãn cầu nhỏ lóng lánh bảo quản trong nước dầm giấm. “Mọi người đâu hết cả rồi? Thị trường đóng cửa hôm nay à? Hay tổng thống chết?”

Một cái nhún vai.

“Nhân viên thường ngày đâu cả rồi?”

Anh ta lắc đầu. Giờ thì Roger nhận thấy anh chàng này có vẻ rất hoảng sợ.

Rồi Roger nhận ra anh ta. Bộ đồng phục quầy bar làm anh không để ý. “Anh làm bảo trì sân golf, phải không? Thường thì anh ở ngoài kia cắt cỏ.”

Người bảo trì sân golf trong đồng phục quầy bar gật đầu lo lắng và loạng choạng đi ra sảnh trước.

Quá kỳ lạ. Roger nhắc ly martini và nhìn quanh, nhưng chả có ai để mà nâng ly hay gật đầu cùng, hay để bàn chuyện chính trị. Và thế là, vì chả có ai nhìn, Roger Luss uống một lèo nửa ly chỉ với hai hóp lớn. Anh cảm nhận được rượu trôi xuống dạ dày và khoái trá rên lên một tiếng. Anh chọc một quả ô liu, vổ nó vào thành cốc cho ráo trước khi đưa vào miệng, nhấn nhá một lúc, rồi cắn nó giữa những cái răng hàm.

Trên chiếc ti vi gắn vào vách gỗ phía trên chiếc gương, anh thấy đang có hộp báo. Ông thị trưởng đứng giữa các quan chức thành phố về mặt khó đăm đăm. Rồi sau đó - cảnh quay cái máy bay 753 của hãng Regis Air trên đường lăn sân bay JFK.

Sự im lặng của câu lạc bộ làm anh lại phải nhìn quanh. *Mọi người ở đâu hết thế này?*

Có chuyện gì đó đang diễn ra ở đây. Có chuyện gì đó đang xảy ra ở đây mà Roger Luss không biết.

Anh top nhanh một ngụm martini nữa - và một ngụm nữa - rồi đặt chiếc cốc xuống, anh đứng lên. Anh đi ra phía trước, kiểm tra phòng ăn khác bên cạnh - cũng không người. Cửa nhà bếp ở ngay bên cạnh quầy rượu, với một ô cửa sổ nhỏ phía trên bị che cho tối đi. Roger hé mắt nhìn vào trong và chỉ thấy duy nhất người phục vụ quán/người bảo trì sân golf ở đó đang hút thuốc và tự nướng cho mình miếng bít tết.

Roger đi ra cửa trước, nơi anh để hành lý của mình. Không thấy người phục vụ ở đó để nhờ gọi taxi, anh lấy điện thoại, tìm trên mạng danh sách những xe đang ở gần nhất, và gọi một chiếc.

Trong lúc chờ đợi dưới ánh sáng của những ngọn đèn treo trên cột phía trước nhà để xe, vị chua loét của martini ợ lên trong miệng, anh nghe thấy một tiếng thét. Một tiếng thét đơn lẻ xé tai giữa ban đêm, ở đâu đó không xa. Có vẻ như về phía Bronxville, ngược hướng với Mount Vernon. Có thể là từ đâu đó ngay trong sân golf.

Anh đứng chờ, không nhúc nhích. Nín thở. Chăm chú lắng nghe.

Tiếng thét đó còn không đáng sợ bằng sự im lặng tiếp theo.

Một chiếc taxi đỗ lại, tài xế là một người đàn ông trung niên gốc Trung Đông với chiếc bút gài trên tai. Anh ta tươi tỉnh chất hành lý của Roger vào thùng xe và lái đi.

Trên con đường khá dài thuộc sở hữu tư nhân dẫn ra khỏi câu lạc bộ, Roger nhìn về phía sân golf và anh nghĩ đã thấy ai đó đang đi cắt ngang đường lẩn bóng, dưới ánh trăng.

Quãng đường về nhà sẽ mất khoảng ba phút đi xe. Trên đường không một bóng xe cộ, hầu hết các ngôi nhà đều tắt đèn. Khi họ rẽ vào Midland, Roger thấy một người đi bộ trên hè đường - một cảnh tượng lạ lẫm vào ban đêm, đặc biệt là khi không có chó đi cùng. Đó là Hal Chatfield, một hàng xóm cũ

của anh, một trong hai thành viên đã bảo lãnh anh gia nhập câu lạc bộ golf Siwanoy khi Roger và Joan mới chuyển tới Bronxville. Hal bước đi với dáng điệu kỳ cục, hai tay buông thõng hai bên, áo choàng tẩm mở phanh ra phấp phới để lộ áo may ô và quần đùi.

Hal quay lại nhìn chiếc taxi khi nó đi ngang qua. Roger vẫy tay. Khi anh quay lại để nhìn xem Hal có nhận ra mình không thì thấy Hal đang chạy theo anh, bước chạy không tự nhiên, cứng đờ. Một ông lão sáu mươi tuổi với chiếc áo choàng tẩm bay phấp phới phía sau trông như một tấm khăn choàng, đang chạy đuổi theo một chiếc taxi giữa đường tại Bronxville.

Roger quay lại xem tài xế có nhận thấy có người đang đuổi theo không, nhưng anh ta đang vừa lái xe vừa nguệch ngoạc gì đó lên bảng kẹp giấy.

“Này,” Roger nói. “Anh có biết chuyện gì đang diễn ra ở đây không?”

“Có,” anh tài xế nói, mỉm cười và gạt đầu nhanh. Anh ta không hiểu Roger nói gì.

Qua hai chỗ rẽ nữa thì tới nhà Roger. Tài xế bật mở mui sau và ra khỏi xe cùng với Roger. Đường phố vắng lặng, nhà Roger tối om như những nhà còn lại.

“Thế này nhé. Hãy đợi ở đây. Đợi được không?” Roger chỉ xuống vỉa hè lát đá cuội. “Anh có thể đợi được chứ?”

“Anh thanh toán.”

Roger gạt đầu. Anh thậm chí không rõ lắm vì sao anh lại bảo người lái xe đợi mình ở đây. Hình như nó liên quan tới cảm giác quá đơn độc. “Tôi để tiền trong nhà. Anh đợi tôi. Được chứ?”

Roger bỏ hành lý lại trong tiền phòng bên cạnh cửa ngách và đi vào trong phòng bếp, rồi gọi to, “Có ai không?” Anh bấm công tắc đèn, nhưng đèn không sáng. Anh có thể nhìn thấy đồng hồ lò vi sóng vẫn sáng xanh, có nghĩa là vẫn có điện. Anh quờ tay dò đường đi dọc theo quầy bếp, lần tới ngăn kéo thứ ba và sục sạo tìm chiếc đèn pin ở bên trong. Một mùi thối rữa, gắt hơn hẳn mùi thức ăn thừa ôi thiu trong sọt rác, xộc vào mũi làm

anh thêm phần lo lắng và tay anh khấn trương hơn. Anh cầm lấy chuôi đèn pin và bật nó lên.

Anh quét luồng sáng quanh phòng bếp dài, thấy chiếc bàn ăn giữa nhà, cái bàn phía sau, bếp đun và lò nướng kép. “Có ai không?” Anh lại gọi, nỗi sợ trong giọng nói làm anh cảm thấy xấu hổ, giục già anh khấn trương hơn. Anh thấy vết bắn tung tóe trên những ô kính tủ bếp, và khi rọi ánh sáng vào anh thấy nó giống như một hỗn hợp của sốt cà chua và sốt mayonnaise. Sự lộn xộn này làm anh nổi giận. Rồi anh nhìn thấy cả những chiếc ghế bị lộn ngược, những vết chân bắn (*vết chân u?*) trên mặt bàn đá hoa cương giữa nhà.

Bà quản gia Guild đâu? Joan đâu? Roger lại gần vết tung tóe, hướng ngọn đèn lên tấm kính tủ trên cao. Thứ màu trắng, anh không biết nó là gì - nhưng thứ màu đỏ không phải là sốt cà chua. Anh không chắc lắm... nhưng anh nghĩ đó có thể là máu.

Nhìn thấy thứ gì đó chuyển động phản chiếu trên mặt kính, anh quét nhanh ánh sáng đèn pin một vòng. Cầu thang phía sau anh không có ai. Anh nhận ra chính mình đã làm chuyển động cánh cửa tủ. Anh không muốn để cho những tưởng tượng của mình lấn át lý trí, vậy là anh chạy lên cầu thang, kiểm tra từng phòng một bằng ánh sáng đèn pin. “Keene? Audrey?” Trong phòng Joan, anh tìm thấy những dòng viết tay liên quan tới chuyến bay của hãng Regis Air. Kiểu như một lịch trình hành động, dù rằng có mấy câu cuối anh không tài nào hiểu nổi. Từ cuối cùng được viết nguệch ngoạc tại góc dưới bên phải của tờ giấy “hừmmmm”.

Trong phòng ngủ chính, khăn trải giường rơi cả xuống sàn, còn trong phòng tắm lớn, những thứ không xa đi hầy còn nổi lều phều trong bồn cầu và nhìn giống như chất nôn mửa lâu ngày vón lại với nhau. Anh nhắc lên từ sàn một chiếc khăn tắm, để nó thông xuống, và nhìn thấy những vệt máu đông sẫm, như thể chiếc khăn vải bông này đã được dùng như một chiếc khăn tay để mà ho vào.

Anh chạy ngược xuống dưới cầu thang chính. Anh nhắc

điện thoại treo tường và bấm gọi 911. Nó reo một tiếng trước khi máy tự động yêu cầu anh giữ máy. Anh treo máy lên và gọi lại lần nữa. Vẫn chỉ một tiếng chuông và tiếng máy tự động.

Anh đánh rơi điện thoại khỏi tai khi nghe thấy có tiếng động mạnh vọng lên từ dưới tầng hầm. Anh mở toang cánh cửa, định gọi vọng vào bóng tối phía dưới - nhưng có gì đó đã ngăn anh lại. Anh lắng nghe, và nghe thấy... có gì đó.

Có tiếng chân kéo lê nặng nề. Không chỉ của một người, đang bước lên cầu thang, đã đến giữa chừng, nơi cầu thang ngoặt một góc chín mươi độ, và giờ đang tiến gần tới chỗ anh.

"Joan à?" anh nói. "Keene, Audrey?"

Nhưng anh đã từ từ bước lùi lại. Vấp vào khung cửa, anh ngã về phía sau, nhưng chồm ngay dậy và loạng choạng chạy ra khỏi bếp, ngang qua những thứ gì nhầy nhụa bám trên tường và ra tới tiền phòng. Ý nghĩ duy nhất của anh lúc này là thoát ra khỏi đây.

Anh xô tung cánh cửa đệm và chạy ra lối đi, rồi ra tới ngoài phố, hét gọi tài xế đang ngồi sau tay lái, vốn không biết tiếng Anh. Roger mở cửa sau và chui vào trong xe.

"Khóa cửa! Khóa cửa!"

Anh tài quay đầu lại. "Vâng. Tám đô la ruỡi."

"Khóa cái cửa khốn kiếp lại!"

Roger ngoái nhìn lối đi dẫn vào nhà. Ba người lạ mặt, hai phụ nữ và một đàn ông, họ đã ra khỏi tiền phòng và bắt đầu đi qua bãi cỏ nhà anh.

"Đi! Đi! Lái đi!" Người lái xe gõ tay vào khay thanh toán tiền gắn trên vách ngăn giữa ghế trước và ghế sau. "Anh thanh toán, tôi sẽ đi."

Giờ họ có bốn người. Roger nhìn trùng trùng, chờ người ra khi một người đàn ông quen mặt mặc cái áo sơ mi rách bươm xô những người khác qua một bên để có thể tới được chiếc taxi đầu tiên. Đó là Franco, người làm vườn của anh. Ông ta nhìn Roger qua cửa xe, với đôi mắt xanh nhạt nhưng viền đỏ giống như vành nhật thực đỏ máu. Ông ta há mồm như muốn gặm lên với Roger - và kìa, thứ đó thò ra, đập cái

bóp vào cửa kính xe, thẳng vào mặt Roger, rồi nó co lại.

Roger sững sờ. *Mình vừa thấy cái quỷ gì thế này?*

Ông ta lại làm như vậy một lần nữa. Roger chột hiểu - một cách loáng thoáng, trong sâu thẳm con sợ hãi, hoảng loạn, điên cuồng - rằng Franco, hoặc kẻ đã từng là Franco này, không biết, hoặc đã quên mất, hoặc hiểu sai về kính. Ông ta trông có vẻ bối rối trước độ trong suốt của vật thể rắn này.

"Lái đi!" Roger thét lên. *"Lái đi!"*

Hai trong số họ đã đứng chặn sát đầu chiếc taxi. Một người đàn ông và một phụ nữ, chỗ eo lưng họ sáng bừng dưới ánh đèn pha ô tô. Tất cả có bảy hoặc tám người đang bao quanh xe, những người khác đang đi ra từ những ngôi nhà lân cận.

Người tài xế kêu lên một tiếng gì đó bằng ngôn ngữ của mình, anh ta cúi người tì vào còi xe.

"Lái đi!" Roger thét lên.

Thay vì lái đi anh ta lấy ra một thứ gì đó từ sàn xe. Đó là một cái túi nhỏ có kích thước bằng một túi đồ trang điểm. Anh ta dốc bỏ mấy thanh bánh Zagnut rồi lấy ra một khẩu súng nhỏ xíu bằng bạc. Anh ta vung vũ khí của mình ra trước kính chắn gió, và kêu lên một tiếng sợ hãi.

Cái lưới của Franco đang khám phá kính xe. Gọi là lưới nhưng đó hoàn toàn không phải là một cái lưới.

Anh tài xế đạp cửa xe nhảy ra. Roger hét lên, *"Đừng!"* qua vách ngăn bằng kính, nhưng anh ta đã ở ngoài xe. Đứng sau cửa xe, anh ta vẩy cổ tay bắn súng, giống như ném đạn ra khỏi súng. Anh ta bắn và bắn, cặp đôi đứng trước mũi xe gập mình về phía trước vì dính những viên đạn của súng nòng nhỏ, nhưng họ không ngã xuống.

Anh tài xế nã thêm hai phát nữa, một phát trúng vào đầu người đàn ông. Một mảnh đầu hấn vất ngược ra sau và hấn đổ xuống mặt đất.

Một kẻ khác túm lấy người tài xế từ phía sau. Đó là Hal Chatfield, hàng xóm của Roger, cái áo choàng tắm trễ xuống khỏi vai.

"Không!" Roger thét lên, nhưng đã quá muộn.

Hal xoay anh tài xế ra phía đường. Thứ đó thò ra khỏi miệng ông ta và xuyên vào cổ người tài xế. Roger nhìn anh ta tru lên đau đớn qua cửa kính xe.

Một kẻ khác nhòm lên ngay phía trước đèn pha của xe. Không, không phải một kẻ khác, mà chính là người đàn ông đã bị bắn vào đầu trước đó. Từ vết thương của ông ta, thứ chất lỏng trắng chảy xuống một bên mặt. Ông ta bám vào đầu xe để đứng cho vững, nhưng vẫn tiếp tục tiến lên.

Roger muốn bỏ chạy, nhưng bị mắc kẹt. Phía bên phải, đằng sau ông làm vườn Franco, Roger nhìn thấy một người đàn ông mặc áo phông UPS màu nâu và quần soóc đi ra khỏi cửa gara ngôi nhà bên cạnh với một chiếc xéng vác trên vai, trông như một vận động viên bóng chày chuẩn bị vụt bóng.

Người đàn ông bị thương ở đầu kéo lê thân mình vòng ra phía cửa xe đang mở và ngồi vào ghế tài xế. Ông ta nhìn Roger qua tấm nhựa ngăn cách, một mảng thái dương bên phải lẫn thit và tóc bị tróc ra và chống ngược lên. Chất rỉ ra màu trắng sáng bóng trên má và cằm ông ta.

Roger quay lại đúng khi gã mặc áo phông UPS vung xéng lên. Nó va đánh choang vào cửa kính sau, tạo ra một vết rạn dài trên mặt kính cường lực, ánh sáng đèn đường lấp loáng trên những vết nứt chằng chịt như mạng nhện.

Roger nghe thấy tiếng cào sột soạt vào bề mặt vách ngăn. Lưỡi của gã bị thương ở đầu đã thò ra và đang cố luồn qua khe của khay trả tiền. Cái chỏm thịt đã thò qua, dọ dẫm, như muốn đánh hơi không khí để định vị Roger.

Roger thét lên, điên cuồng đạp chân vào cái khe làm nó đóng sập xuống. Gã ngồi phía trước thốt ra một tiếng ré kinh dị, và cái đầu chẻ của... cái thứ đó rơi thẳng xuống đùi Roger. Roger gạt nó ra. Cùng lúc đó, ở đầu bên kia vách ngăn, gã đó phọt tung tóe một thứ dung dịch trắng, gã đàn ông điên tiết không biết vì đau hay chỉ vì kích động.

Rầm! Một cú nện xéng nữa vào mặt kính phía sau đầu Roger, mặt thủy tinh chống vỡ bị rạn và bẹp hẳn xuống, nhưng không chịu vỡ ra.

Bịch-bịch-bịch. Có tiếng đập chân phía trên đầu Roger, và nóc xe lồm xướng.

Bốn kẻ ở trên vỉa hè, ba kẻ khác dưới mặt đường, và một đám đông hơn ở phía trước. Roger ngoái lại đằng sau, thấy tên điên mặc áo phông UPS lùi lại để vụt chiếc xẻng xuống tấm kính vỡ một lần nữa. Bây giờ hoặc là không bao giờ.

Roger vận tay nắm cửa xe, cái cửa hướng ra lòng đường, và vận toàn lực đập nó mở ra. Cái xẻng kia chém xuống làm cửa kính phía sau vỡ tan, mảnh kính bắn ra như mưa. Lưỡi xẻng trượt sát đầu Roger đúng lúc anh vừa kịp lao ra khỏi xe. Một tên nào đó - hóa ra là Hal Chatfield, với đôi mắt đỏ rực - túm lấy cánh tay anh xoay một vòng, nhưng Roger tuột khỏi chiếc áo vest của mình như một con rắn lách ra khỏi bộ da và bắt đầu chạy dọc con phố, không dám ngoái đầu lại cho tới khi đến chỗ rẽ.

Một số đuổi theo với dáng đi ngả nghiêng, số khác chuyển động nhanh hơn và động tác nhịp nhàng hơn. Một số là người già, có ba đứa trẻ con mồm ngoác ra như đang cười toe toét. Đó là hàng xóm và bạn bè anh. Có những khuôn mặt quen mà anh nhận ra là đã gặp ở ga tàu điện, trong các buổi sinh nhật, trong nhà thờ.

Tất cả bọn họ đang đuổi theo anh.

Khu Flatbush, Brooklyn

EPH NHẮN CHUÔNG CỦA nhà Barbour. Đường phố vắng lặng, dù rằng cuộc sống vẫn đang diễn ra trong những ngôi nhà khác, với ánh sáng màn hình ti vi, những túi rác đặt ở vỉa hè. Anh đứng đó với chiếc đèn Luma và khẩu súng bắn đinh do Setrakian chế tạo đeo vắt qua vai bằng một sợi dây da.

Nora đứng phía sau anh, ngay dưới chân mấy bậc thềm gạch, cầm đèn Luma. Setrakian đoạn hậu, với chiếc gậy chống, cái chuỗi bạc của nó lấp lánh sáng dưới ánh trăng.

Hai hồi chuông, không có ai mở cửa. Không có gì ngạc

nhiên. Eph vặn thử tay nắm cửa trước khi tìm một lối vào khác, và nó xoay.

Cánh cửa mở ra.

Eph bước vào đầu tiên, anh bật đèn lên. Phòng khách trông có vẻ bình thường, bộ salon phủ vải và những chiếc gối tựa ở đúng vị trí của chúng.

Anh gọi to, "Xin chào," khi hai bạn đồng hành đã bước tới sau lưng anh. Kể cũng kỳ cục khi tự cho phép mình vào nhà của người khác như thế này. Anh đi nhón chân trên thảm, như một tên trộm hay sát thủ. Anh những muốn tin mình vẫn là một người chữa bệnh, nhưng điều đó quá khó mà tin được vào thời điểm thế này.

Nora bước lên cầu thang. Setrakian theo Eph vào phòng bếp. Eph nói, "Ông nghĩ ta sẽ phát hiện thấy gì ở đây? Ông nói những người sống sót chỉ là những kẻ đánh lạc hướng..."

"Tôi nói đó là mục đích của chúng. Cũng là mục đích của Chúa Tể, tôi không chắc lắm. Có thể họ có mối liên kết đặc biệt nào đó với Chúa Tể. Dù sao đi nữa, chúng ta cũng phải bắt đầu từ đâu đó. Những kẻ sống sót này là dấu vết duy nhất mà chúng ta có."

Có một cái bát và một cái thìa trong bồn rửa. Một cuốn Kinh Thánh mở sẵn trên mặt bàn, với rất nhiều ảnh và thẻ tưởng niệm người quá cố do nhà thờ phát hành kẹp bên trong. Sách để mở ở chương cuối. Một đoạn văn được gạch dưới bằng mực đỏ bởi một bàn tay run rẩy, Sách Khải Huyền 11: 7-8

... con thú từ vực sâu lên, sẽ chiến đấu cùng hai người; thú ấy sẽ thắng và giết hai người, và thi thể hai người sẽ nằm lại trên đường cái của thành phố vĩ đại mang tên bóng bẩy là Sodom...

Bên cạnh cuốn Kinh Thánh để mở, giống như đã được lấy từ bàn thờ xuống, là một cây thánh giá và một cốc nhỏ mà Eph cho là để đựng nước thánh.

Setrakian hất hàm về phía mấy thứ đồ tôn giáo đó. "Không

hơn gì bằng dán ống nước và thuốc kháng khuẩn Cipro,” ông nói. “Và không có tác dụng gì hết.”

Họ đi vào phòng sau. Eph nói, “Hẳn là người vợ đã che giấu cho anh ta. Vì sao chị ta không gọi bác sĩ cơ chứ?”

Họ tìm kiếm trong phòng kho, Setrakian dùng đầu gậy gõ vào các bức tường. “Tôi thấy khoa học tiến bộ rất nhiều trong thời đại của mình, nhưng vẫn chưa tồn tại một công cụ có thể soi tỏ mối quan hệ vợ chồng giữa một người đàn ông và một người đàn bà.”

Họ đóng cửa tủ. Eph nhận thấy không còn một cửa nào để mở ra nữa. “Nếu như ở đây không có tầng hầm thì sao?”

Setrakian lắc đầu. “Nếu phải thám hiểm chỗ nào bắt buộc phải bò thì còn tệ hơn nhiều.”

“Trên này!” Nora đang gọi từ tầng trên, giọng gấp gáp.

Thân hình Ann-Marie Barbour đổ vật trên sàn nhà từ tư thế ngồi, giữa cái bàn đêm và giường, đã chết. Giữa hai chân cô là chiếc gương treo tường đã bị cô đập vỡ trên sàn. Cô đã chọn một mảnh dài nhất, giống con dao nhất, để cắt đứt động mạch tay trái. Cắt cổ tay là một trong những phương pháp tự tử kém hiệu quả nhất, với tỉ lệ thành công thường là dưới năm phần trăm. Đó là một cái chết chậm, do độ hẹp vào của cẳng tay, và nếu chỉ cắt một cổ tay mà vẫn có thể thành công thì là do vết cứa sâu đến đứt dây thần kinh, làm bàn tay đó trở nên vô dụng. Nó cũng sẽ gây ra một cái chết cực kỳ đau đớn, và do vậy, thường chỉ những người vô cùng tuyệt vọng hay loạn trí mới thành công với cách tự tử đó.

Ann-Marie Barbour đã cắt rất sâu, làm đứt các động mạch và lộ ra lớp da dưới cũng như hai xương cổ tay. Giữa những ngón tay khum lại bất động của cô là một sợi dây giầy rối dính máu khô có xỏ một chiếc chìa khóa đầu tròn để mở khóa bấm.

Máu cô có màu đỏ. Vậy nhưng, để chắc chắn, Strakian vẫn lấy chiếc gương tráng bạc soi chệch vào bộ mặt đang gục xuống của cô. Không nhòe - hình ảnh thật. Ann-Marie Barbour không bị biến đổi.

Setrakian từ từ đứng dậy, chán nản trước diễn biến này. “Lạ thật,” ông nói.

Eph đứng chếch phía trên Ann-Marie Barbour một góc phù hợp giúp anh có thể quan sát khuôn mặt cúi xuống đầy mệt mỏi và hoang mang của cô phản chiếu qua những mảnh gương vỡ. Anh chợt để ý thấy trên mặt bàn, kẹp dưới khung ảnh kép lồng ảnh một bé trai và một bé gái là một tờ giấy được xé từ một cuốn sổ ghi chép. Anh cầm lấy, ngấp ngừng một chút, rồi từ từ mở ra.

Chữ viết của cô run rẩy, bằng mực đỏ giống như đường gạch ghi chú trong cuốn Kinh Thánh dưới phòng bếp. Chữ *i* thường cô viết với một vòng tròn nhỏ phía trên thay cho dấu chấm, nét chữ kiểu trẻ con.

“ ‘Benjamin và Haily yêu quý của mẹ’, ” anh bắt đầu đọc.

“Đừng,” Nora ngắt lời. “Đừng đọc nó. Cái đó không dành cho chúng ta.”

Cô nói đúng. Anh đọc nhầm tờ giấy để tìm kiếm thông tin phù hợp - “Các con đang ở chỗ em gái của bố, an toàn” - rồi nhảy xuống đoạn dưới, anh đọc mẩu nội dung này. “Em vô cùng xin lỗi, Ansel... em giữ chìa khóa và em không thể dùng... Giờ thì em biết rằng Chúa nguyên rủa anh để trừng phạt em, Người bỏ rơi chúng ta và cả hai ta bị đày đọa. Nếu cái chết của em có thể cứu rỗi linh hồn anh, thì Người sẽ có nó...”

Nora cúi xuống, cầm chiếc chìa khóa và kéo sợi dây giày dính máu ra khỏi những ngón tay bất động của Ann-Marie. “VẬY... anh ta ở đâu?”

Họ nghe thấy một tiếng rên trầm, gần giống như tiếng gầm gừ. Âm thanh đó nghe man rợ, phát ra từ thanh môn, kiểu như tiếng kêu từ cổ họng của loài thú. Nó tới từ phía ngoài.

Eph chạy ra chỗ cửa sổ. Anh nhìn xuống sân sau và thấy một cái chuồng lớn.

Họ lặng lẽ đi ra ngoài sân sau, tới trước cái chuồng có hai cánh cửa được khóa bởi một sợi xích móc vào hai tay nắm. Họ đứng đó, lắng nghe.

Có tiếng sột soạt bên trong. Âm thanh của yếm hầu, nhỏ và nghèn nghẹt.

Rồi cánh cửa kêu *rầm*. Cái gì đó đập mạnh vào cửa. Thử sợi dây xích.

Nora cầm chìa khóa. Cô nhìn mọi người dò hỏi xem có ai muốn mở cửa, rồi cô tự mình bước tới trước sợi xích, tra chìa vào ổ khóa và thận trọng xoay. Một tiếng tách, và khóa bật mở.

Bên trong yên ắng. Nora tháo khóa ra khỏi sợi xích, Setrakian và Eph sẵn sàng phía sau cô - ông lão đã rút thanh kiếm bạc ra khỏi vỏ gỗ. Cô bắt đầu tháo sợi xích nặng nề bằng cách rút nó ra khỏi tay nắm bằng gỗ... những tưởng cánh cửa sẽ bật mở lập tức...

Nhưng không có gì xảy ra. Nora rút hẳn sợi xích ra và lùi lại. Cô và Eph bật đèn UVC. Ông lão đang đứng chặn trước cửa, vậy là Eph hít vào một hơi dài để lấy can đảm rồi cầm tay nắm giật cánh cửa mở ra.

Bên trong tối om. Ô cửa sổ duy nhất được che lại bởi một thứ gì đó, còn hai cánh cửa mở ra ngoài thì chặn hầu hết ánh sáng chiếu tới từ mái hiên trước nhà.

Một phút nghệt thở trôi qua trước khi họ nhận ra một hình thù gì đó đang thu mình bên trong.

Setrakian bước lên phía trước, dừng lại cách cửa khoảng hai bước chân. Có vẻ như ông muốn phô cho khổ chủ của chiếc chuồng thấy lưỡi kiếm bạc.

Thứ đó tấn công. Nó xông vào Setrakian, định nhảy lên ông, và ông lão đã sẵn sàng với thanh kiếm - nhưng sợi xích chó đã phát huy tác dụng, giật thứ đó ngược trở lại.

Giờ thì họ đã thấy nó - thấy mặt nó. Nó nhe răng ra, lợi trắng tới mức mới thoạt nhìn thì tưởng những chiếc răng kia mọc thẳng ra từ hàm. Đôi môi tái nhợt khô khốc, và dùm tóc còn lại trắng đến tận chân tóc. Nó thu mình trên cả bốn chi trên mặt đất, một cái vòng siết chặt quanh cổ, ngấp vào trong thịt.

Setrakian nói, mắt vẫn không rời khỏi thứ đó, “Đây có phải là người đàn ông trên cái máy bay đó không?”

Eph nhìn chằm chằm. Thứ này trông giống như một con quỷ đã ăn tươi nuốt sống người đàn ông tên là Ansel Barbour và mang một nửa hình dạng của anh ta.

“*Chính anh ta.*”

“Ai đó đã bắt anh ta,” Nora nói. “Đã xích và nhốt anh ta ở đây.”

“Không phải,” Setrakian nói. “Tự anh ta xích mình lại.”

Eph hiểu ra. Bởi vậy người vợ mới không bị đụng đến, và cả các con họ nữa.

“Lùi lại,” Setrakian cảnh báo. Đúng lúc đó con ma cà rồng há mồm và bắn ngòi đốt của mình vào Setrakian. Ông lão không nao núng, bởi ông biết dù dài hàng mét, nó cũng không thể chạm tới ông. Cái ngòi thất bại thụt vào, một phần góm ghiếc của nó còn rủ lòng thông xuống cầm con ma cà rồng, rồi cuộn lên liếm quanh miệng giống như xúc tu màu đỏ của một sinh vật nào đó dưới biển sâu.

Eph nói, “Chúa ơi...”

Con ma cà rồng Barbour trở nên hoang dại. Nó thu mình lại trên bốn chi, rít lên với họ.

Cảnh tượng không thể tin nổi này gọi anh nhớ tới chiếc máy quay của Zack trong túi quần. Anh đưa cây đèn của mình cho Nora, và lấy máy quay ra.

“Anh định làm gì vậy?” Nora hỏi.

Anh lúng túng bật nguồn máy quay, đưa con vật vào trong khung hình. Và rồi, bằng tay còn lại, anh mở chốt súng bắn đinh của mình và chĩa vào con thú đó.

Tách-bụp. Tách-bụp. Tách-bụp.

Eph bắn ba viên đạn bạc bằng khẩu súng bắn đinh, thứ dụng cụ nòng dài đó bật nảy lên mỗi lần bắn. Những vật thể phóng ra đó xuyên vào mình con ma cà rồng, đốt cháy cơ thể bệnh hoạn của nó, làm nó gầm lên một tiếng đau đớn và chồm mình về phía trước.

Eph tiếp tục ghi hình.

“Đủ rồi,” Setrakian nói. “Để tôi cho nó một ân huệ.”

Cái cổ của con quái vật dài ra khi nó căng mình vì đau. Setrakian lại hát đoạn điệp khúc về thanh kiếm của mình - rồi chém thẳng xuống cổ của con ma cà rồng. Thân hình nó đổ xuống, tay và chân giật giật. Cái đầu lăn vài vòng và lật ngửa

lên, đôi mắt chớp chớp vài lần, ngòi đốt quần quai giống thân con rắn bị cắt rời, rời tất cả bất động. Chất lỏng trắng nóng bỏng chảy ra từ cái cổ đứt, phảng phất khói trong không khí lạnh buổi đêm. Những con giun hình ống bò lổm ngổm trên mặt đất, giống như chuột thoát ra khỏi con tàu bị đắm, tìm kiếm một con thuyền khác.

Nora bụm miệng ngăn một tiếng nức nở chực bật ra khỏi cổ họng.

Eph nhìn trần trời, bàng hoàng, kinh tởm, quên hẳn việc quay phim.

Setrakian bước lùi lại, chúc mũi kiếm xuống, chất bẩn màu trắng bốc khói trên lưỡi kiếm bạc, nhỏ giọt xuống cỏ. “Ồ đằng sau kia. Dưới bức tường.”

Eph nhìn thấy một cái hố đào phía dưới vách sau của chuồng.

“Còn có thứ gì đó đã ở đây với anh ta,” ông già nói. “Thứ gì đó đã bò ra ngoài, trốn thoát.”

Hai bên mặt phố là những ngôi nhà. Nó có thể là bất cứ cái nào trong số đó. “Nhưng không có dấu hiệu nào của Chúa Tế.”

Setrakian lắc đầu. “Không phải ở đây. Có thể lần sau.”

Eph nhìn kỹ vào bên trong chuồng, cố tìm những con giun máu trong ánh sáng của hai chiếc đèn trên tay Nora. “Tôi có cần vào để chiếu xạ chúng không?”

“Có một cách an toàn hơn. Ở phía sau chuồng có một cái can đỏ phải không?”

Eph nhìn vào. “Ý ông là cái can xăng kia?”

Setrakian gật đầu, và Eph hiểu ngay lập tức. Anh hắng giọng và lại lấy khẩu súng bắn đinh ra, ngắm vào chiếc can, nhấn cò hai lần.

Thứ công cụ chế thành vũ khí này ngắm chính xác từ khoảng cách xa. Chất đốt chảy ra từ chiếc can thủng, tràn xuống đất từ giá gỗ.

Setrakian móc từ trong túi áo choàng ra một hộp diêm nhỏ. Bằng những ngón tay cong queo, ông lấy một que diêm và quẹt nó vào dải quẹt của hộp diêm, một ánh lửa vàng sáng lên trong đêm.

“Anh Barbour đã được giải thoát,” ông nói.

Rồi ông ném que diêm cháy vào trong, và cái chuông bằng gỗ bùng lên.

Trung tâm Rego Park, Queens

MATT KIỂM KÊ TOÀN BỘ quần áo trẻ em trên giá, rồi cất thiết bị đọc mã vạch - một dụng cụ kiểm kê giống một khẩu súng ngắn - vào bao, và đi xuống tầng dưới để ăn nhẹ. Quả là mệt mỏi sau một giờ kiểm kê. Là quản lý kho của cửa hàng Sears, anh ta được trả lương ngoài giờ áp dụng cả cho những giờ làm việc ngày thường trong tuần. Toàn bộ cửa hàng đã đóng và khóa, các cửa lưới đã hạ xuống, tức là không còn khách, không đám đông. Và anh ta cũng không cần phải đeo cà vạt nữa.

Anh ta đi thang máy xuống khu bán đồ ăn tự chọn, nơi có những máy bán hàng tự động tốt nhất. Trong khi đi ngang qua các quầy bán đồ kim hoàn tầng một, miệng nhai kẹo dẻo Chuckles (theo thứ tự ưu tiên: cam thảo, chanh vàng, chanh cốm, cam, anh đào), anh ta chợt nghe thấy tiếng động phát ra từ khu mua bán. Ra chỗ cổng sắt, anh ta nhìn xuống và thấy một nhân viên bảo vệ đang bò trên sàn, dưới đó ba tầng.

Người bảo vệ đang ôm cổ, giống như bị ngạt thở, hoặc rất đau đớn.

“Này!” Matt gọi.

Người bảo vệ nhìn thấy Matt và chìa tay ra, không phải vẫy chào mà là cầu xin giúp đỡ. Matt lấy chìa khóa ra và điều khiển cho cánh cổng nâng lên chỉ khoảng hơn một mét, đủ để anh ta chui qua, rồi chạy xuống chỗ người đàn ông.

Người bảo vệ bấu lấy cánh tay Matt và được anh ta dìu ra chỗ chiếc ghế dài gần đó, sát với đài phun nước. Ông ta thở hổn hển. Matt nhìn qua kẽ ngón tay ông ta thấy có máu trên cổ, nhưng không đủ để nói rằng đó là do bị dao đâm. Có cả vài vệt máu trên áo đồng phục của ông ta, đũng quần thì ướt do đáí ra quần.

Matt chỉ biết mặt ông ta, đại khái đó là một nhân viên quen. Một gã bấp tay khủng đi tuần trong cửa hàng, luôn giắt ngón tay cái vào trong thắt lưng giống như một cảnh sát trưởng miền Nam. Khi chiếc mũ của ông ta rơi ra, Matt nhìn thấy những đám tóc đen rời rạc và bóng dầu hắt ngược ra sau. Ông ta bám chặt vào tay Matt, người mềm nhũn, đầu đón và chả còn đầu vể can trường nữa.

Matt cố hỏi chuyện gì đã xảy ra, nhưng ông ta chỉ thờ dốc, nhìn ra xung quanh. Matt nghe thấy tiếng nói, và anh ta nhận ra nó phát ra từ chiếc bộ đàm đeo bên hông người bảo vệ. Matt lấy nó ra khỏi thắt lưng của ông ta. "A lô. Matt Sayles, quản lý cửa hàng Sears đây. Đây, một nhân viên của anh đang ở đây, tầng hầm một... ông ấy bị thương. Chảy máu ở cổ, và người xám ngoét."

Tiếng nói ở đầu kia trả lời, "Tôi là phụ trách của ông ấy. Có chuyện gì vậy?"

Người bảo vệ đang cố khạc ra cái gì đó, nhưng chỉ có tiếng không khí khô khè thoát ra từ cổ họng ông ta.

Matt trả lời, "Ông ấy bị tấn công. Có vết sưng ở cổ, và vết thương... ông ấy rất sợ hãi. Nhưng tôi không thấy có ai ở đây..."

"Tôi sẽ xuống đó ngay theo đường cầu thang phục vụ," người phụ trách bảo vệ nói. Matt có thể nghe thấy tiếng chân anh ta truyền qua máy bộ đàm. "Anh nói anh đang ở..."

Tiếng anh ta dứt giữa chừng. Matt chờ một lúc, rồi nhấn phím gọi. "Anh hỏi gì cơ?"

Thả ngón tay ra, anh ta lắng nghe. Không có gì cả.

"A lô?"

Anh ta nghe thấy tiếng lạo xạo truyền tới, không đầy một giây. Một giọng nói hét lên, nghèn nghẹt: "GUAAAAAAA..."

Người bảo vệ vùng khỏi chiếc ghế dài, bò lồm cồm bằng cả bốn chi về phía khu mua bán của cửa hàng. Matt cũng chạy, bộ đàm trong tay, ngoặt vào phía biển báo nhà vệ sinh nơi có cửa dẫn vào cầu thang phục vụ.

Anh ta nghe thấy tiếng đập thình thình, như tiếng đấm đá, đang tiến lại.

Sau đó là tiếng vo vo quen thuộc. Anh ta quay lại chỗ cửa hàng và thấy cánh cửa bảo vệ bằng thép đang hạ xuống sàn. Anh ta đã để quên chum chìa khóa tại ổ khóa.

Người bảo vệ hoảng loạn khi nãy đã tự nhốt mình bên trong.

"Này... này!" Matt la lớn.

Nhưng trước khi Matt kịp chạy tới nơi, anh ta cảm thấy có một sự hiện diện phía sau lưng mình. Anh ta nhìn thấy người bảo vệ ngoái đầu nhìn lại, mắt tròn trũng, làm đổ một giá quần áo và bò đi mất hút. Matt quay lại và thấy hai thanh niên mặc quần jean thụng, áo mũ trùm bằng len cashmere đang ra khỏi hành lang khu vệ sinh. Chúng có vẻ phê thuốc, nước da nâu trở nên vàng vọt, tay không cầm vật gì.

Bọn nghiện. Matt đột nhiên thấy sợ hãi, có thể chúng đã tấn công bảo vệ bằng ống tiêm bắn. Anh ta lấy ví ra và ném nó cho một tên. Hấn chẳng thèm tóm lấy, mặc cho nó đập vào bụng hắn và rơi xuống sàn.

Matt lùi lại sát cánh cửa kho trong khi hai tên kia tiến lại gần.

Phố Vestry, Tribeca

EPH ĐỔ XE LẠI phía bên lề phố đối diện với dinh thự của Bolivar, hai tòa nhà nối với nhau được án ngữ phía trước bởi một giàn giáo cao ba tầng. Họ qua đường để tới cửa và nhận thấy nó đã được chặn ván. Không phải kiểu cầu thả hay tạm thời, mà được chặn bởi ván gỗ dày bắt chặt vào khung cửa. Kín khít.

Eph ngược nhìn bầu trời đêm phía trên mặt trước của tòa nhà. "Che giấu cái gì đây chứ?" anh nói. Anh đặt một chân lên giàn giáo, định leo lên. Setrakian đưa tay ngăn anh lại.

Có người chứng kiến. Trên vỉa hè các tòa nhà lân cận. Chúng đứng và nhìn ra từ trong bóng tối.

Eph tiến lại phía chúng. Anh tìm chiếc gương tráng bạc trong túi quần và giữ lấy một người trong đám để kiểm tra hình

ảnh phản chiếu. Không bị nhòe. Thằng bé đó - không quá mười lăm tuổi, bôi mắt bằng thuốc màu theo kiểu gothic và son môi đen - vùng ra khỏi tay nắm của Eph.

Setrakian lấy gương kiểm tra những người khác. Không ai bị biến đổi.

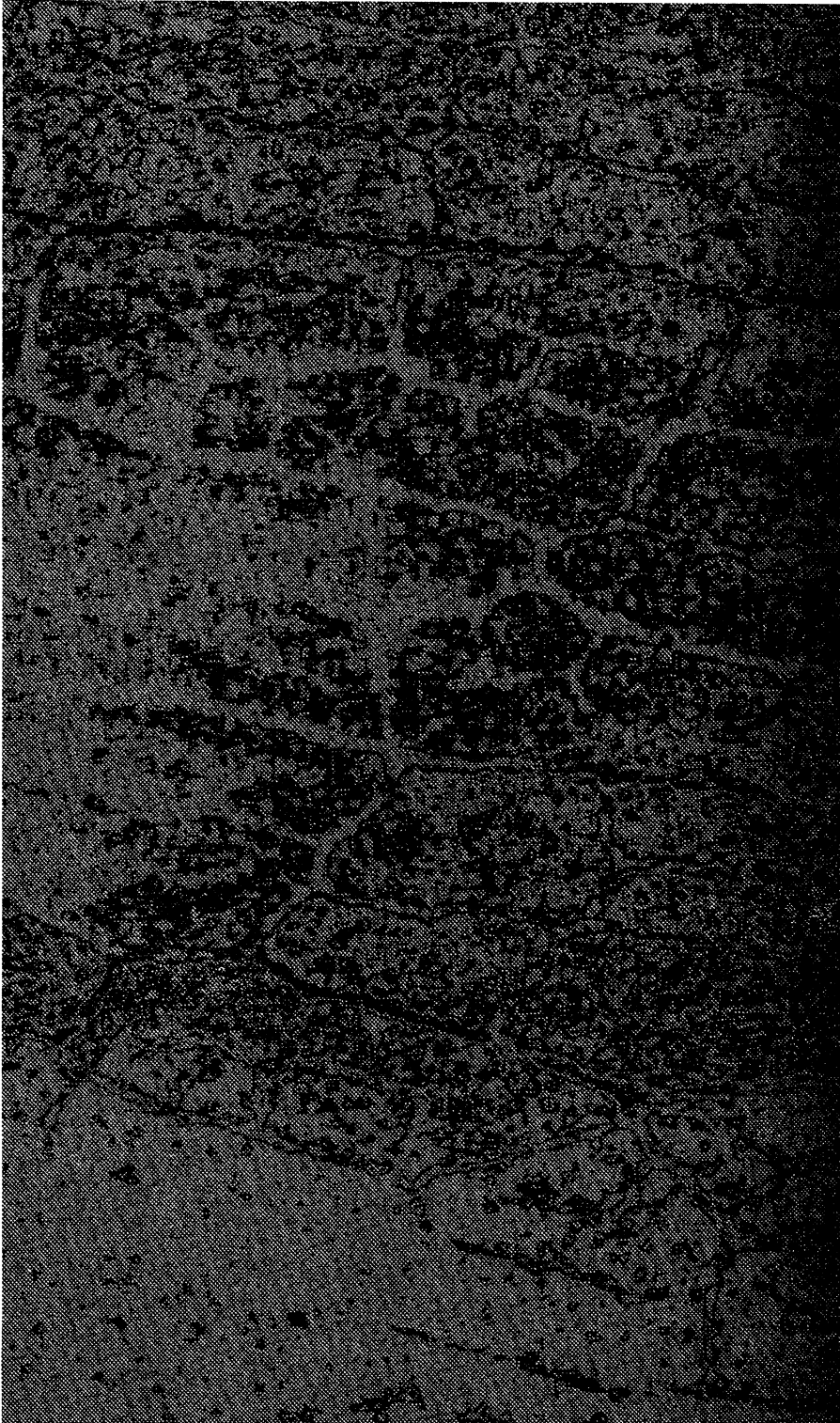
“Người hâm mộ,” Nora nói. “Phiên trực đêm.”

“Đi khỏi đây đi,” Eph gằn giọng. Nhưng chúng là những đứa trẻ New York, chúng biết mình không bắt buộc phải đi đâu cả.

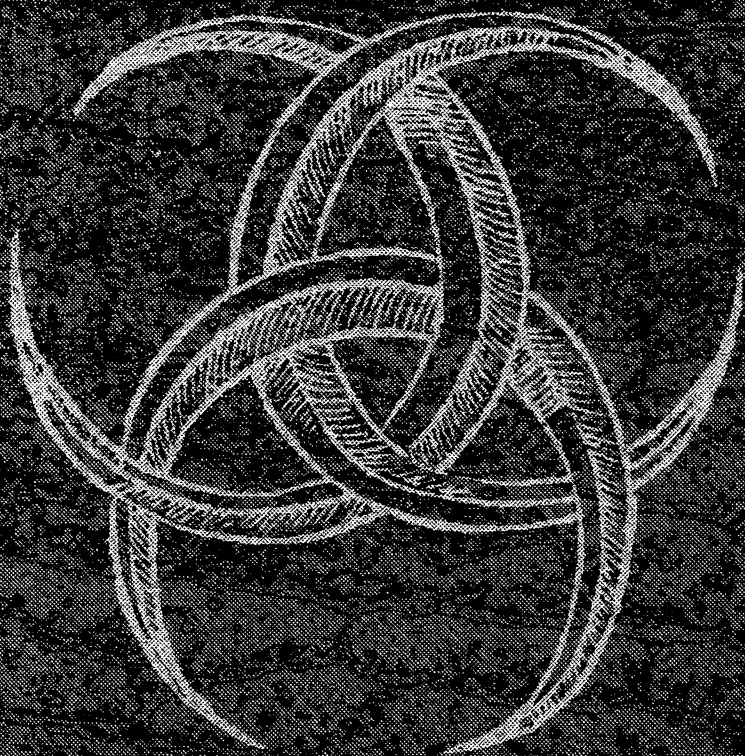
Setrakian ngược nhìn tòa nhà của Bolivar. Các cửa sổ phía mặt tiền tối om, nhưng giữa đêm thế này, ông không thể nói chắc rằng chúng được dùng để che chắn ánh đèn hay do đang trong quá trình sửa chữa.

“Hay là trèo lên giàn giáo,” Eph nói. “Đột nhập qua đường cửa sổ.”

Setrakian lắc đầu. “Không có cách nào để chúng ta vào được bên trong mà không bị báo cảnh sát, và anh sẽ bị họ tóm ngay. Anh đang bị truy nã, nhớ không?” Setrakian tựa vào cây gậy, ngược nhìn tòa nhà tối om một lần nữa trước khi bước đi. “Không, chúng ta không có lựa chọn nào khác ngoài chờ đợi. Chúng ta sẽ tìm hiểu thêm về tòa nhà này và chủ của nó. Việc đó có thể giúp ta trước hết biết rõ mình đang dây vào cái gì.”



ÁNH SÁNG BAN NGÀY



Khu Bushwick, Brooklyn

Điểm đến đầu tiên của Vasiliy Fet trong sáng hôm sau là một ngôi nhà ở khu Bushwick, không xa nơi anh đã lớn lên. Những cuộc gọi kiểm tra cứ liên tục tới từ khắp mọi nơi, chắc thời gian chờ thông thường từ hai tới ba tuần phải tăng gấp đôi mới được. Vasiliy hãy còn đang phải giải quyết nốt số khách hàng tồn đọng từ tháng trước, vậy mà anh lại hứa với ông này là sẽ tới vào hôm nay.

Anh để lại sau một chiếc Sable màu trắng bạc và lấy đồ nghề ra khỏi thùng xe, một thanh cốt thép và chiếc xe đẩy ảo thuật gia chứa bẫy và bả chuột. Thứ đầu tiên đập vào mắt anh là một lạch nước chảy dọc theo lối đi giữa hai dãy nhà. Đó là một dòng nước trong, chảy rất chậm, giống như từ một ống nước bị vỡ. Không ngon lành như nước cống vàng đầy váng, nhưng quá đủ để cung cấp nước cho cả một binh đoàn chuột.

Một cửa sổ tầng hầm bị vỡ, được bít lại bằng giẻ rách và khăn tắm cũ. Đó có thể là do tác động của tình trạng bỏ bê đô thị, hoặc là sản phẩm thủ công của những “thợ ống nước làm đêm”, một nòi trộm cắp mới chuyên vặt ống đồng để bán ở các bãi phế liệu.

Ngân hàng hiện là chủ của cả hai ngôi nhà, những bất động sản đầu tư liên kế, dưới tác động của cuộc khủng hoảng cho vay thế chấp bất động sản dưới chuẩn, đã đành phải được bán lại cho chủ của chúng, rồi người này lại mất chúng do bị

tịch thu tài sản thế chấp. Vasiliy sẽ gặp người quản lý bất động sản ở đó. Thấy cánh cửa vào ngôi nhà thứ nhất không khóa, Vasiliy gõ cửa chào to. Anh ngó đầu vào căn phòng đầu tiên có cầu thang, kiểm tra chân tường để tìm vết chân đi và chất thải của chuột. Một cái rèm hồng che nửa cửa sổ, tạo nên một vệt bóng nghiêng trên mặt sàn gỗ trét mạch. Nhưng không thấy người quản lý xuất hiện.

Vasiliy quá vội chẳng thể ngồi chờ ở đây. Ngoài danh mục đơn hàng tồn đọng, đêm trước anh đã không được ngủ ngon, và anh muốn quay trở lại chỗ Trung tâm Thương mại Thế giới sáng nay để gặp người chịu trách nhiệm. Tại bậc thang thứ ba, anh nhìn thấy một tập kẹp tài liệu bằng kim loại mắc ở giữa các cột tay vịn cầu thang. Tên công ty in trên các danh thiếp trên tập kẹp đó trùng với tên công ty trong kế hoạch làm việc hôm nay của anh.

“Xin chào!” anh lại gọi to, nhưng không có ai trả lời. Anh tìm thấy cánh cửa dẫn tới cầu thang xuống tầng hầm, và quyết định bắt tay ngay vào công việc. Dưới tầng hầm rất tối - do khung cửa sổ bị nhồi nhét các thứ như anh đã nhìn thấy lúc còn ở bên ngoài - và đèn điện thì đã tắt từ lâu. Anh cũng không tin còn bóng đèn điện nào trên trần. Bỏ lại đằng sau chiếc xe đẩy, Vasiliy mở toang cửa và bước xuống dưới, cầm trong tay thanh cốt thép.

Cầu thang lượn sang bên trái. Anh nhìn thấy một đôi giày da, rồi hai chân trong ống quần kaki: nhà quản lý bất động sản đang ngồi tựa lưng vào bức tường đá trong tư thế rũ ra như một kẻ phê cocaine, đầu nghiêng sang một bên, mắt mở trừng trừng, đờ đẫn.

Vasiliy đã có đủ kinh nghiệm với những ngôi nhà bỏ hoang trong những khu cư dân phức tạp để hiểu rằng tốt hơn hết là không nên vội vã với gã này. Đứng dưới chân cầu thang, anh nhìn xung quanh, mắt quen dần với bóng tối. Tầng hầm này không có gì khác biệt ngoài hai cái ống đồng dài bị cắt nằm dưới sàn nhà.

Ở phía bên phải cầu thang là bộ ống khói, với buồng đốt kế

bên được thông khí với nó. Vasiliy nhìn thấy bốn ngón tay bản thủ của ai đó đang thu mình ở góc kia của bệ ống khói.

Có ai đang núp ở đó, giấu mình, chờ đợi anh.

Anh quay người đi ngược lên cầu thang để gọi cảnh sát thì thấy ánh sáng trên các bậc ở chỗ ngoặt cầu thang biến mất. Cánh cửa đã đóng lại. Có ai đó ở phía trên cầu thang đã đóng nó.

Thôi thúc đầu tiên của Vasiliy là chạy, và anh chạy xuống cầu thang, thẳng tới chỗ ống khói nơi chủ nhân của bàn tay bản thủ kia đang rình rập. Với một tiếng hét tấn công, anh vung thanh cốt thép đập xuống những đốt ngón tay đó, nghiêng chúng vào mặt vữa vách ống khói.

Kẻ tấn công xông nhanh tới anh, không hề tỏ ra đau đớn. Hiệu ứng của ma túy, anh nghĩ. Đó là một đứa con gái, bản thủ từ đầu đến chân, máu dây trên ngực và quanh miệng. Anh kịp thấp thoáng thấy những chi tiết đó dưới ánh sáng lò mờ khi con bé lao bổ vào anh với tốc độ phi thường, và với một sức mạnh thậm chí còn phi thường hơn, xô anh bắn vào bức tường đối diện, bất chấp hình thể của nó chỉ bằng một nửa anh. Con bé hét không ra hơi một âm thanh cuồng nộ, và khi nó há miệng, một cái lưỡi dài quái đản trườn ra ngoài. Vasiliy lập tức đập thẳng chân giày của mình vào ngực con bé, làm nó ngã xuống sàn.

Anh nghe thấy tiếng bước chân chạy xuống cầu thang và hiểu mình không thể chiến thắng cuộc chiến này trong bóng tối. Anh chọc thanh cốt thép của mình vào mớ giẻ rách đang bít kín cửa sổ, xoay và kéo nó rơi xuống giống như tháo nắp bít của một cái máng làm tràn ra ánh sáng thay vì nước.

Anh quay lại vừa kịp để nhìn thấy ánh mắt hoảng loạn của con bé. Nó nằm trọn vẹn trong vùng ánh sáng mặt trời, phát ra một tiếng tru đau đớn, thân thể nó ngay lập tức vỡ vụn ra và bốc hơi. Cảnh tượng đó giống như trong tưởng tượng của anh về tác động của bức xạ nguyên tử tới con người, thiêu đốt và làm biến mất cùng lúc.

Việc đó xảy ra gần như tức thì. Cô bé - hay là bất cứ thứ gì trước đó - nằm thành một đám xỉ khô trên mặt sàn tầng hầm bản thủ.

Vasiliy kinh hoảng. Đó là nỗi khiếp sợ không thể tả bằng lời. Anh hoàn toàn quên mất kẻ thứ hai đang chạy ra khỏi cầu thang cho tới lúc hắn rên lên một tiếng khi tiếp xúc với ánh sáng. Hắn ta chạy ngược lại, vấp phải nhà quản lý bất động sản, loạng choạng lấy lại thăng bằng và chạy lên cầu thang.

Vasiliy sực tỉnh kịp thời và chạy tới chân cầu thang. Anh thọc thanh cốt thép của mình qua khe giữa hai bậc thang, ngáng vào chân hắn làm hắn ngã lộn ngược trở lại mặt sàn. Vasiliy tiến lại gần hắn, gương cao thanh sắc ngay khi hắn vừa kịp đứng dậy. Nước da nguyên màu nâu của hắn giờ vàng vọt bệnh hoạn kiểu người bị bệnh vàng da. Mồm hắn há ra, và Vasiliy thấy một thứ không phải lưỡi mà là cái gì đó kinh hơn nhiều.

Vasiliy vung thanh cốt thép đập thẳng vào cái mồm của hắn. Cú vọt làm hắn xoay một vòng và khụy gối xuống. Vasiliy sấn lại và túm gáy hắn, giữ cho mình tránh xa khỏi cái miệng của hắn, trong khi kẻ kia phát ra tiếng phì phì như rần và đóp đóp như chuột. Anh nhìn về phía ô nắng hình chữ nhật đang cuộn bụi từ thi thể bị tiêu hủy của cô bé. Anh cảm thấy tên này đang chồm người cố thoát ra. Anh vọt mạnh cây gậy sắt xuống dưới đầu gối của cái thứ quái quỷ này và đẩy hắn tới vùng ánh sáng.

Vasiliy Fet dù sợ hãi đến phát điên nhưng vẫn muốn nhìn cảnh tượng đó một lần nữa. Đó là một trò tàn sát của ánh sáng. Bằng một cú đập chân giày vào mông hắn, anh làm hắn loạng choạng rơi vào dưới vùng ánh nắng - và anh quan sát hắn lập tức vỡ vụn ra rồi sụm xuống dưới ánh sáng thiêu đốt, biến thành tro và khói.

Nam Ozone Park, Queens

CHIẾC LIMOUSINE của Eldritch Palmer từ từ đỗ lại trước một nhà kho trong một khu công nghiệp cỏ mọc um tùm, cách trường đua ngựa Aqueduct khoảng một cây số rưỡi. Palmer đi với một đoàn tháp tùng khiêm tốn, phía sau xe của ông ta là

chiếc limousine thứ hai, trống không, cốt để phòng trường hợp xe của ông ta gặp trục trặc, tiếp nữa là chiếc thứ ba, một chiếc xe tải đen sản xuất theo đơn đặt hàng, được dùng như một xe cấp cứu cá nhân có trang bị máy thẩm tách máu.

Một cánh cổng ngách của nhà kho mở ra để đón đoàn xe vào rồi lại đóng lại phía sau họ. Đứng đón ông ta là bốn thành viên của Hiệp hội Stoneheart, một nhánh nhỏ trong tổ hợp đầu tư quốc tế hùng mạnh của ông ta, Tập đoàn Stoneheart.

Người mở cửa xe cho Palmer là Fitzwilliam, và ông ta bước ra ngoài trong sự sợ hãi của mọi người. Một sự hội kiến với ngài chủ tịch là cả một đặc ân hiếm hoi.

Bộ com lê màu đen làm tôn vẻ trang nghiêm của ông ta. Palmer đã quen với không khí sợ hãi khi ông ta có mặt. Các nhà đầu tư trong tập đoàn coi ông ta như một đấng cứu thế, người đã làm họ trở nên giàu có nhờ tài đoán trước được những thăng trầm của thị trường. Nhưng còn các môn đồ của ông ta, họ sẵn sàng theo ông ta xuống cả địa ngục.

Hôm nay Palmer cảm thấy hoàn toàn khỏe mạnh, và ông ta đứng chỉ với một sự trợ giúp duy nhất là cây gậy bằng gỗ gụ. Nhà kho công ty đóng thùng cũ này hầu như trống trơn. Tập đoàn Stoneheart chỉ đôi khi sử dụng nó để chứa xe cộ, nhưng giá trị thực sự của nó ngày nay nằm ở cái lò đốt cổ lỗ dưới lòng đất đã có từ trước đó, với cửa lò lớn trên tường.

Bên cạnh các thành viên Hiệp hội Stoneheart là một cái khoang cách ly Kurt nằm trên một băng ca di động bằng bánh xe. Bên cạnh ông ta là Fitzwilliam.

“Có vấn đề gì không?” Palmer hỏi.

“Không, thưa Chủ tịch,” họ trả lời. Có hai người trông giống bác sĩ Goodweather và bác sĩ Martinez đưa cho Fitzwilliam giấy chứng nhận giả của Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh.

Palmer quan sát hình dạng hom hem của Jim Kent qua vách trong suốt của khoang cách ly. Cơ thể đói máu của một con ma cà rồng quắt queo lại trông giống một tượng quỷ được

đeo gọt từ thân gỗ bạch dương bị bệnh. Những đặc điểm hệ cơ và hệ tuần hoàn của anh ta có thể nhìn thấy rõ qua lớp da thịt bị phân rã, trừ cái cổ họng thâm đen sùng vù. Từ hai cái lỗ sâu trên khuôn mặt hốc hác, đôi mắt anh ta mở to, nhìn trùng trùng.

Palmer thấy tội nghiệp thay cho con ma cà rồng bị đói đến hóa đá này. Ông ta hiểu cái cảm giác khi cơ thể khẩn nài một sự cấp dưỡng đơn giản, còn linh hồn thì vật vã trong đau đớn và tâm trí thì cứ đợi chờ.

Ông ta cũng biết cảm giác của một người khi bị chính chủ nhân của mình phản bội.

Giờ thì Eldritch Palmer thấy mình đang ở vị thế của người phán quyết. Không giống như tên đáng thương này, Palmer đang ở ranh giới của sự giải phóng, của sự bất tử.

“Tiêu hủy hẳn,” ông ta nói và quay lưng đi khi hộp cách ly được đẩy tới cửa lò thiêu đang mở, và cơ thể kia được làm mồi cho ngọn lửa.

Nhà ga Pennsylvania

CHUYẾN ĐI CỦA HỌ TỚI WESTCHESTER để tìm Joan Luss, người thứ ba sống sót trong chuyến bay 753, bị hủy bỏ bởi một bản tin buổi sáng. Thị trấn Bronxville đã bị phong tỏa bởi các đội cảnh sát bang New York và lực lượng HAZMAT do một vụ “rò rỉ khí ga”. Những cảnh quay từ trực thăng cho thấy thị trấn trông lặng như tờ lúc tảng sáng, chỉ có những chiếc xe cảnh sát bang lưu thông trên đường. Sự kiện tiếp theo trên bản tin diễn ra ở tòa nhà Văn phòng Cơ quan Pháp y trên góc phố 30 và đại lộ 1, nơi đang có rất đông người tập trung, dường như có những báo cáo về số người mất tích đang gia tăng trong khu vực, cùng sự hoảng loạn trong dân chúng địa phương.

Nhà ga Pennsylvania dường như là nơi duy nhất họ có thể nghĩ tới chuyện sử dụng điện thoại trả tiền kiểu cổ. Eph đứng vào một buồng điện thoại cùng Nora và Setrakian, tách hẳn ra

khỏi dòng người đi vé tháng đang đi trong sân ga.

Eph nhấn phím điện thoại di động của Jim, chọn danh mục NHỮNG CUỘC GỌI GẦN NHẤT để tìm số máy trực tiếp của Giám đốc Barnes. Jim đã gọi cả trăm cuộc mỗi ngày, và Eph phải tìm lướt toàn bộ các số đó, cuối cùng, Barnes trả lời cuộc gọi của anh qua đường cáp viễn thông.

Eph nói, “Có phải ông thực sự nghĩ rằng mình sẽ qua mặt được thiên hạ với cái trò ‘rò rỉ khí ga’ này, Everett? Ông có thể giữ kín được trong bao lâu nữa?”

Barnes nhận ra giọng Eph. “Ephraim, anh đang ở đâu?”

“Ông đã tới Bronxville chưa? Ông có vừa xem ti vi không?”

“Tôi đã tới đó... Chúng tôi không biết đang gặp phải cái gì...”

“Không biết ư? Đủ rồi, ông làm tôi phát chán, Everett.”

“Sáng nay họ phát hiện đồn cảnh sát vắng hoe. Toàn bộ cư dân thành phố dường như đã rời đi.”

“Không rời đi. Họ vẫn còn ở đó, chỉ là lẩn trốn. Hãy đến quận Westchester vào lúc trời tối, chả khác nào Transylvania⁽¹⁾. Thứ ông cần là đội lính chiến, Everett. Lính chiến. Vào từng nhà một trong thị trấn đó, như là Baghdad ấy. Đó là cách duy nhất.”

“Thứ chúng ta cần là không tạo ra hoảng loạn...”

“Hoảng loạn đã bắt đầu diễn ra. Hoảng loạn là câu trả lời thích hợp đối với thứ này, còn hơn là chối bỏ nó.”

“Hệ thống giám sát hội chứng của Cục An toàn Sức khỏe New York chưa phát hiện bất cứ bất thường nào.”

“Họ theo dõi các dấu hiệu dịch bệnh bằng cách thống kê số lượng bệnh nhân nằm ở khoa cấp cứu, số lần chạy xe cứu thương, lượng thuốc bán ra. Không một số liệu nào như vậy phù hợp với chuyện này. Cả thành phố này cũng sẽ giống như Bronxville thôi nếu như ông còn không mau hành động.”

Giám đốc Barnes nói, “Tôi muốn biết anh đã làm gì với Jim Kent.”

“Tôi tới thăm anh ta thì anh ta đã đi rồi.”

1. Một địa danh ở Romania nổi tiếng với những truyền thuyết về ma cà rồng.

“Tôi nghe nói anh có liên quan gì đó tới sự biến mất của anh ta.”

“Tôi làm sao, Everett - một bóng ma? Tôi cùng lúc ở khắp mọi nơi. Tôi là thiên tài xấu xa. Đúng, tôi đấy.”

“Ephraim, hãy nghe...”

“Ông hãy nghe đây. Tôi là một bác sĩ - một bác sĩ ông thuê để làm việc. Để phát hiện và ngăn chặn dịch bệnh xuất hiện ở nước Mỹ. Tôi gọi cho ông để báo rằng hãy còn chưa muộn. Đây đã là ngày thứ tư kể từ lúc cái máy bay đó hạ cánh và bắt đầu sự lan truyền - nhưng vẫn còn một cơ hội, Everett. Chúng ta có thể khoanh vùng chúng tại thành phố New York. Nghe đây, ma cà rồng không thể đi qua vùng nước. Vậy thì chúng ta cách ly đảo, khóa mọi cây cầu...”

“Tôi không có thẩm quyền đó ở đây, anh biết vậy mà.”

Loa phóng thanh phía trên đầu phát thông báo lịch tàu chạy. “Nhân tiện, tôi đang ở ga Pennsylvania, Everett. Hãy cử FBI tới đây, nếu ông muốn. Tôi sẽ rời khỏi đây trước khi họ tới.”

“Ephraim... hãy quay trở lại. Tôi hứa sẽ cho anh một cơ hội để thuyết phục tôi, thuyết phục mọi người. Hãy cùng nhau xử lý chuyện này.”

“Không,” Eph nói. “Ông vừa mới nói rằng ông không có thẩm quyền đó. Những con ma cà rồng này - chúng đúng là ma cà rồng, Everett - chúng là vi rút bằng xương bằng thịt, và chúng sẽ tiêu diệt toàn bộ thành phố này cho đến khi không một ai trong chúng ta sống sót. Cách ly kiểm dịch là câu trả lời duy nhất. Nếu tôi nghe được tin ông đang đi theo hướng này, có thể tôi sẽ cân nhắc quay lại hỗ trợ. Cho tới lúc đó, Everett...”

Eph treo ống nghe vào giá. Nora và Setrakian chờ anh nói tiếp gì đó, nhưng một số máy trên điện thoại Jim đã gọi sự chú ý của Eph. Mỗi một số máy trong danh bạ của Jim đều kèm theo tên người, tất cả, trừ một số. Một tổng đài địa phương, và Jim đã thực hiện rất nhiều cuộc gọi tới đó trong mấy ngày vừa qua. Eph lại nhắc điện thoại cấp viễn thông và nhấn số 0, nghe tiếng

chuông tự động ở đầu bên kia, cho tới khi điện thoại viên của nhà mạng Verizon trả lời.

“Vâng, tôi có một số điện thoại trong máy của mình mà không nhớ là của ai, và tôi muốn tránh gây phiền hà trước khi thực hiện cuộc gọi. Mã vùng 212, và tôi nghĩ đó là số điện thoại cố định. Cô có thể kiểm tra ngược giúp tôi không?”

Anh đọc số đó và nghe thấy tiếng gõ bàn phím vọng ra từ đầu dây bên kia.

“Số đó được đăng ký cho tầng bảy mươi bảy của Tập đoàn Stoneheart. Anh có muốn có địa chỉ của tòa nhà đó không?”

“Vâng, có chứ.”

Anh bịt tay vào miệng ống nói và nói với Nora, “Vì sao Jim lại gọi cho ai đó ở Tập đoàn Stoneheart?”

“Stoneheart ư?” Nora nói. “Anh muốn nói tới công ty đầu tư của ông già đó?”

“Một bậc thầy về đầu tư,” Eph nói. “Giàu thứ hai ở đất nước này, anh nghĩ vậy. Ông Palmer gì đó.”

Setrakian nói, “Eldritch Palmer.”

Eph nhìn sang ông. Anh thấy vẻ khiếp đảm hiện trên gương mặt vị giáo sư. “Ông ta làm sao?”

“Người đàn ông này, Jim Kent,” Setrakian nói. “Đó không phải là bạn anh.”

Nora nói, “Ý ông là gì? Tất nhiên anh ấy là...”

Eph treo ống nghe sau khi đã lấy được địa chỉ. Anh nhấn nút gọi vào số đó từ điện thoại của Jim.

Chuông reo ở đầu kia. Không có trả lời, không có tin nhắn thoại đáp lại.

Eph ngắt cuộc gọi, vẫn trân trối nhìn điện thoại.

Nora nói, “Anh còn nhớ bà quản lý khu cách ly, sau khi mấy người sống sót bỏ đi chứ? Bà ấy nói đã gọi cho Jim, còn anh ấy bảo không - sau đó anh ấy lại nói là đã lỡ vài cuộc gọi?”

Eph gật đầu. Chẳng hiểu gì cả. Anh nhìn Setrakian. “Ông biết gì về ông Palmer này?”

“Nhiều năm trước ông ta đến gặp tôi nhờ tìm kiếm một người. Một kẻ mà tôi cũng rất quan tâm tìm kiếm.”

“Sardu,” Nora đoán.

“Ông ta có tài chính. Tôi có hiểu biết. Nhưng thỏa thuận kết thúc chỉ sau vài tháng. Tôi đi tới kết luận rằng chúng tôi tìm kiếm Sardu vì những lý do hoàn toàn khác nhau.”

Nora nói, “Có phải chính ông ta đã phá hỏng sự nghiệp của ông ở trường đại học?”

Setrakian nói, “Tôi luôn nghĩ là vậy.”

Điện thoại của Jim rung lên trong tay Eph. Một số điện thoại lạ, nhưng thuộc tổng đài New York địa phương. Rất có thể ai đó từ Stoneheart gọi lại. Eph trả lời.

“A lô,” người kia nói, “có phải cơ quan CDC không?”

“Ai đang gọi vậy?”

Giọng nói đó thô và trầm. “Tôi đang tìm cái người chuyên về bệnh dịch của dự án Canary, cái người đang gặp rắc rối ấy. Anh có cách nào kết nối tôi với anh ấy không?”

Eph nghi đó là một cái bẫy. “Anh muốn gì từ anh ấy?”

“Tôi gọi từ bên ngoài một ngôi nhà ở Bushwick, Brooklyn. Tôi có hai người cuồng nhật thực chết dưới tầng hầm. Những người sợ ánh mặt trời. Điều này có gợi ý gì cho anh không?”

Eph bỗng phấn khích hẳn lên. “Tôi đang nói chuyện với ai đây?”

“Tôi là Fet. Vasiliy Fet. Tôi làm ở Cơ quan Kiểm soát Ký sinh Gây Bệnh, một người diệt chuột, cũng đồng thời tiến hành các thử nghiệm thuộc chương trình quản lý dịch hại tổng hợp ở trung tâm Manhattan. Chương trình này được CDC tài trợ bảy trăm năm mươi ngàn đô la. Vì vậy tôi có được số này. Có phải tôi đang nói chuyện với Goodweather?”

Eph do dự trong một thoáng. “Đúng vậy.”

“Có lẽ anh có thể coi tôi như một người làm việc cho anh. Tôi không thể đặt vấn đề này ra với ai khác ngoài anh. Nhưng tôi đã nhìn thấy các dấu hiệu ở khắp thành phố.”

Eph nói, “Đó không phải do nhật thực.”

“Tôi nghĩ là tôi biết thế. Có lẽ anh nên tới đây. Vì tôi có thứ muốn cho anh xem.”

Tập đoàn Stoneheart, Manhattan

EPH CÓ HAI NƠI cần tạt qua trên đường đi. Một nơi tới một mình, và nơi còn lại cùng Nora và Setrakian.

Thẻ hành nghề CDC giúp anh qua trạm bảo vệ ở sảnh chính tòa nhà Stoneheart, nhưng không giúp qua được trạm thứ hai trên tầng bảy mươi bảy, nơi anh phải chuyển thang máy thì mới lên được mười tầng trên cùng của tòa nhà ở Midtown.

Hai gã bảo vệ to con đứng trước logo lớn bằng đồng của Tập đoàn Stoneheart đắp nổi trên mặt sàn đá mã não. Phía sau họ, đi qua đi lại trong khu sảnh, là những người mặc đồng phục đang đẩy các xe lăn chất những thiết bị y tế lớn.

Eph xin được gặp Eldritch Palmer.

Gã vệ sĩ to con hơn gần như mỉm cười. Hình bao đeo súng giắt vai nổi cộm đầy khả nghi phía dưới áo vest của gã. “Ngài Palmer không tiếp khách nếu không có hẹn trước.”

Eph nhận ra một trong số các máy móc đang được dỡ ra để cho vào thùng. Đó là một máy thẩm tách Fresenius. Một thứ rất đắt dùng trong bệnh viện.

“Các anh đang dọn đồ,” Eph nói. “Chuyển đi. Rời khỏi New York trong khi tình hình kinh doanh đang tốt. Nhưng chẳng lẽ ngài Palmer không cần máy chạy thận?”

Hai gã bảo vệ không trả lời, cũng chả thèm ngoái đầu nhìn lại.

Eph chợt hiểu. Hoặc anh nghĩ là mình hiểu.

Họ gặp lại nhau ở ngoài nhà của Jim và Sylvia, một cao ốc ở phía Đông Thượng Manhattan.

Setrakian nói, “Chính Palmer đã đem Chúa Tể tới nước Mỹ. Lý do khiến ông ta liều hy sinh tất cả - thậm chí cả tương lai của loài người - là để kéo dài cái kết của chính mình.”

“Cái kết gì chứ?” Nora nói.

Setrakian nói, "Tôi tin rằng Eldritch Palmer muốn trở nên bất tử."

Eph nói, "Không đâu, nếu chúng ta bằng mọi giá ngăn chặn điều này."

"Tôi hoan nghênh quyết tâm của anh," Setrakian nói. "Nhưng với sự giàu có và tầm ảnh hưởng của mình, ông bạn cũ của tôi có mọi lợi thế. Đây là cuộc chơi cuối cùng của ông ta, anh biết đấy. Ông ta không còn đường quay lại. Ông ta sẽ làm mọi cách để đạt mục đích."

Eph không cho phép mình suy nghĩ một cách bao quát, bằng không anh có lẽ sẽ phát hiện ra anh đang tham dự một cuộc chiến nắm chắc phần thua. Anh tập trung vào những nhiệm vụ trước mắt. "Ông đã phát hiện ra điều gì?"

Setrakian nói, "Chuyến thăm ngắn ngủi của tôi tới Bảo tàng Lịch sử Xã hội New York đã gặt hái được kết quả tốt. Cái cơ ngơi mà chúng ta đề cập tới được xây dựng lại hoàn toàn bởi một kẻ buôn bán rượu lậu đã gây dựng nên tài sản của mình trong thời kỳ cấm rượu. Nhà ông ta bị khám xét vô số lần, nhưng họ không bao giờ tóm được quá nửa lít bia ủ bất hợp pháp, bởi vì, nghe nói, ông ta có cả một mạng lưới đường hầm và kho rượu ngầm dưới lòng đất - một số đường hầm sau này đã được mở rộng để làm thành các tuyến tàu điện ngầm."

Eph nhìn Nora. "Em thì thế nào?"

"Cũng vậy. Và rằng Bolivar đã mua cơ ngơi này chỉ vì nó từng thuộc về một kẻ buôn rượu, và vì nghe nói chủ trước đó nữa là một kẻ thờ quỷ Satan, từng tổ chức những buổi tế quỷ trong điện thờ trên gác mái vào đầu thế kỷ 20. Bolivar đã cải tạo lại tòa nhà và năm ngoái đã nối nó với tòa nhà bên cạnh, để cấu trúc thành một trong những tư dinh lớn nhất New York."

"Tốt," Eph nói. "Em đã đi đâu, tới thư viện à?"

"Không," cô nói, chìa ra một tập giấy in sao lại những bức ảnh chụp nội thất của tòa nhà cũ và những bức ảnh chụp mới bên trong tòa nhà của Bolivar trong giai đoạn cải tạo. "Đây là từ trang điện tử của tạp chí *People*."

Có tín hiệu thông báo họ được phép vào và họ đi lên căn

hộ nhỏ của Jim và Sylvia trên tầng chín. Sylvia mở cửa đón họ. Cô mặc váy vải lanh trang nhã trông hợp với vai trò phụ trách chuyên mục tử vi, tóc buộc ra sau bằng một băng buộc đầu màu trắng. Cô ngạc nhiên khi nhìn thấy Nora, và còn sững sốt gấp đôi khi thấy Eph.

“Mấy người đang làm gì...?”

Eph bước vào nhà. “Sylvia, chúng tôi có một số câu hỏi quan trọng, và chúng tôi chỉ có ít thời gian. Cô biết gì về Jim và Tập đoàn Stoneheart?”

Sylvia đưa một tay lên ngực tỏ ý không hiểu. “Tập đoàn gì cơ?”

Eph nhìn thấy một cái bàn trong góc, một con mèo mướp đang ngủ trên một chiếc laptop đóng nắp. Anh bước tới và bắt đầu mở các ngăn kéo. “Cô không phiền nếu chúng tôi xem qua những thứ này chứ?”

“Không,” cô nói, “nếu việc đó giúp gì được. Cứ xem đi.”

Setrakian vẫn đứng gần cửa trong khi Eph và Nora tìm kiếm ở bàn của Jim. Sylvia rõ ràng thấy choáng trước sự hiện diện của ông lão. “Có ai muốn uống gì không?”

“Không,” Nora nói, mỉm cười vội vã và lại quay về với công việc tìm kiếm.

“Tôi sẽ quay trở lại ngay.” Sylvia đi vào bếp.

Eph lùi ra khỏi cái bàn chất đầy đồ đạc, trầm ngâm. Anh thậm chí vẫn chưa biết mình phải tìm thứ gì. Jim làm việc cho Palmer ư? Làm từ khi nào? Và vì động cơ gì? Tiền? Liệu anh ta có thể trở mặt với họ như vậy sao?

Anh quyết định vào bếp hỏi Sylvia một câu khá tế nhị về tình hình tài chính của họ. Vừa bước vào thì Eph bắt gặp Sylvia đang gác máy điện thoại treo tường. Cô lùi lại một bước, vẻ mặt kỳ lạ.

Eph thoáng bối rối. “Cô gọi cho ai vậy, Sylvia?”

Những người khác bước tới phía sau lưng anh. Sylvia quờ tay chạm vào bức tường phía sau, rồi cô ngồi xuống một chiếc ghế.

Eph nói, “Sylvia, chuyện gì thế?”

Cô nói, không nhúc nhích, và với một vẻ bình tĩnh đáng sợ ẩn sau đôi mắt mở to, đầy oán hận, “Các người sẽ thất bại thôi.”

PS 69, Jackson Heights

KELLY THƯỜNG KHÔNG bật điện thoại di động trong lớp học, nhưng giờ nó được đặt ngay bên trái tập lịch, đặt chế độ rung. Matt đã ở ngoài cả đêm, không phải điều gì bất thường đối với công việc kiểm kê buổi đêm; anh ta còn hay đưa nhóm của mình đi ăn sáng cùng sau ca trực. Nhưng Matt luôn gọi điện báo cho cô. Trường học là nơi cấm sử dụng điện thoại di động, nhưng cô đã trộm gọi vài cuộc cho anh ta, và lần nào cũng chỉ nhận được tin nhắn thoại. Có thể anh ta ở ngoài vùng phủ sóng. Cô cố không lo lắng, nhưng không được. Hôm nay người tới trường ít hẳn.

Cô thấy hối hận là đã nghe theo Matt và đầu hàng trước sự ngạo mạn của anh ta về chuyện không rời khỏi thành phố. Nếu như anh ta bằng cách nào đó đặt Zack vào tình thế nguy hiểm...

Rồi màn hình điện thoại của cô sáng lên, xuất hiện biểu tượng phong bì. Một tin nhắn từ di động của anh ta.

Tin nhắn viết: VỀ NHÀ.

Chỉ thế. Hai từ, viết thường, không chấm câu. Cô thử gọi lại ngay cho Matt. Có tiếng chuông reo và sau đó ngưng lại giống như anh ta có nghe máy, nhưng chẳng nói lấy một tiếng.

“Matt? Matt?”

Đám trẻ lớp bốn nhìn cô ngạc nhiên. Chúng chưa từng thấy cô Goodweather nói chuyện điện thoại trong lớp học.

Kelly thử gọi về máy ở nhà, và nghe thấy tín hiệu báo bận. Chẳng lẽ tin nhắn thoại bị hỏng? Lần cuối cùng cô nghe thấy tiếng tín hiệu máy bận là khi nào chứ?

Cô quyết định bỏ về. Kelly có thể nhờ Charlotte lớp kế bên mở cánh cửa thông sang lớp học của cô và để mắt tới đám học sinh của mình. Cô đã định kết thúc luôn ngày làm việc và đến trường đón Zack, nhưng rồi lại thôi. Cô sẽ đi thẳng về nhà, tìm

hiểu xem chuyện gì đã xảy ra, đánh giá tình hình và rồi sẽ tính tiếp từ đó.

Bushwick, Brooklyn

NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐÓN HỌ tại ngôi nhà trống đứng choán gần như toàn bộ khung cửa ra vào. Bộ râu quên không cạo phủ bóng xuống cái cằm dô làm nó trông như được quét bởi một lớp muội đen. Anh ta mang một cái túi to màu trắng bên hông, một tay túm miệng túi. Chiếc túi trông giống một áo gối ngoại cỡ đựng cái gì đó rất nặng ở bên trong.

Sau màn chào hỏi, người đàn ông to lớn này thò tay vào túi áo lấy ra một bản sao giấy chứng nhận nhàu nhĩ mang con dấu CDC. Anh cho Eph xem giấy chứng nhận.

“Anh bảo có thứ gì đó cho chúng tôi xem?” Eph nói.

“Có hai thứ. Đây là thứ đầu tiên.”

Fet nói dây rút chiếc túi và dốc những thứ ở bên trong ra mặt sàn. Bốn con chuột lông lá nằm thành một đồng, tất cả đều đã chết.

Eph nhảy lùi lại một bước, còn Nora há hốc miệng hỗn hển.

“Tôi luôn nói rằng, nếu muốn gây sự chú ý của mọi người, hãy đem cho họ một túi chuột.” Fet cầm cái đuôi dài của một con chuột và nhắc nó lên, thân hình nó lúc lắc qua lại chậm chậm dưới tay anh ta. “Chúng chạy ra khỏi hang ổ trên khắp thành phố này. Thậm chí cả giữa ban ngày. Có gì đó đã làm chúng phải chạy đi. Nghĩa là, có gì đó bất thường. Tôi biết chuyện như vậy đã xảy ra vào thời kỳ Cái chết đen⁽¹⁾, chuột chạy ra ngoài và gục chết trên đường phố. Những con chuột này chạy ra không phải để chết. Chúng chạy ra rất nhiều, còn sống, liều lĩnh và đói khát. Tin tôi đi, khi anh nhìn thấy những biến động sinh thái của loài chuột, điều đó có nghĩa là một tin xấu đang đến gần.

1. Cái chết đen: chỉ trận đại dịch hạch xảy ra ở châu Âu thế kỷ 14.

Khi lữ chuột hết hoảng, có nghĩa là đã đến lúc bán tháo mọi thứ. Đến lúc rời đi. Anh có hiểu ý tôi không?"

Setrakian nói, "Tôi hiểu."

Eph nói, "Có gì đó khiến tôi chưa hiểu hết ý anh ở đây. Chuột thì có liên quan gì với...?"

"Chúng chính là dấu hiệu," Setrakian nói, "như anh Fet đã nói rất rõ. Một dấu hiệu sinh thái. Bram Stoker đã truyền bá truyền thuyết rằng một con ma cà rồng có thể thay đổi hình dạng nó, biến nó thành một sinh vật hoạt động về đêm như dơi hay chó sói. Quan điểm sai lầm này có nguồn gốc từ một sự thật. Trước khi các ngôi nhà có tầng hầm và hầm rượu, ma cà rồng ẩn náu trong các hang, hốc ở rìa các ngôi làng. Sự xuất hiện đầy tội lỗi của ma cà rồng thế chỗ cho dơi và chó sói, xua chúng tràn vào các ngôi làng - sự xuất hiện của chúng bao giờ cũng trùng với bệnh tật lan truyền và hoảng loạn tinh thần."

Fet chăm chú nghe ông lão. "Ông biết không?" anh nói. "Hai lần tôi nghe thấy từ 'ma cà rồng' trong khi ông nói."

Setrakian bình thản nhìn anh ta. "Đúng thế."

Sau một lúc ngập ngừng suy tư và nhìn từ người này qua người khác, Fet nói, "Thôi được." Và tỏ ra hơi bối rối như chực làm gì đó. "Giờ thì tôi sẽ cho mọi người xem thứ còn lại."

Anh dẫn mọi người xuống tầng hầm. Từ đó xộc ra một mùi hôi hám, giống như thể từ một thứ gì đó mang bệnh vừa bị thiêu cháy. Anh chỉ cho họ thấy thịt và xương bị tán nhuyễn, giờ chỉ là một đồng xỉ nằm trên mặt sàn tầng hầm. Bóng nắng hình chữ nhật thuôn dài chiếu qua cửa sổ đã di chuyển, in hình trên bức tường đối diện. "Nhưng nó đã chiếu xuống đây, và chúng đi vào đó, rồi bị đốt cháy ngay tức khắc. Nhưng trước đó chúng xông vào tôi với cái này... *cái thứ* bắn ra từ dưới lưới của chúng."

Setrakian kể vắn tắt cho anh ta nghe câu chuyện mới xảy ra. Về Chúa Tế ranh mãnh trú ngụ trên chuyến bay số 753. Về cỗ quan tài mất tích. Về những thi thể trong nhà xác sống dậy và trở về với người thân. Về những nơi trú ẩn tại gia. Về Tập đoàn Stoneheart. Về bạc và ánh nắng. Về vôi chích.

Fet nói, "Đầu của chúng ngửa ra sau và chúng há miệng

ra... và thứ đó giống như một cái kẹo, kẹo của trẻ con - cái thứ thường đi kèm với đầu của các nhân vật trong *Chiến tranh giữa các vì sao* ấy.”

Nora tiếp lời sau một thoáng suy nghĩ, “Một ống kẹo Pez.”

“Chính nó. Ta hát hàm, chiếc kẹo thò ra khỏi cổ.”

Eph gật đầu. “Ngoại trừ phần cái kẹo, thì mô tả còn lại hoàn toàn hợp lý.”

Fet nhìn Eph. “Vậy thì tại sao anh lại là kẻ thù số một của công chúng?”

“Bởi im lặng là vũ khí của họ.”

“Chết tiệt. Ai đó cần phải lên tiếng.”

“Đúng thế,” Eph nói.

Setrakian nhìn chiếc đèn gắn trên thắt lưng, bên hông của Fet. “Cho phép tôi hỏi anh điều này. Nghề của anh sử dụng đèn cực tím, nếu như tôi không nhầm.”

“Đúng vậy. Để phát hiện dấu vết nước tiểu chuột.”

Setrakian liếc sang Eph và Nora.

Fet nhìn ông già mặc com lê. “Ông biết về nghề diệt chuột ư?”

Setrakian nói, “Tôi từng có một số kinh nghiệm.” Ông bước tới chỗ nhà quản lý bất động sản bị biến đổi, kẻ đã bò hoặc lết mình ra khỏi ánh mặt trời, và giờ đang nằm cuộn tròn trong một góc xa. Setrakian xem xét ông ta bằng chiếc gương mạ bạc, và cho Fet xem kết quả. Người diệt chuột nhìn qua lại giữa nhà quản lý bất động sản dưới con mắt thương và hình ảnh nhòe rung của ông ta phản chiếu trong gương. “Nhưng ông khiến tôi có ấn tượng như một chuyên gia về những thứ đào hang và giấu mình dưới lòng đất. Những sinh vật ẩn núp. Những thứ sử dụng con người làm nguồn thức ăn. Nghề của ông là săn đuổi những thứ độc hại này ư?”

Fet nhìn Setrakian và hai người kia, trông như một người đàn ông đang đứng trên một chuyến tàu tốc hành đang tăng tốc rời khỏi nhà ga thì bỗng nhận ra mình đã lên nhầm chuyến. “Mọi người định đưa tôi vào chuyện gì vậy?”

“Vậy thì hãy nói cho chúng tôi biết. Nếu ma cà rồng là loài

gặm nhấm gây hại - một sự truyền nhiễm ký sinh lan tỏa khắp thành phố - anh sẽ làm gì để ngăn chặn chúng?"

"Tôi có thể nói với ông rằng, từ quan điểm của người kiểm soát loài truyền nhiễm ký sinh gây dịch bệnh, việc đầu độc và đánh bẫy chúng chỉ là giải pháp ngắn hạn mà không có tác dụng dài lâu. Xử lý từng con vật xinh xắn này không dẫn ta đến đâu cả. Những con chuột mà các ông nhìn thấy chỉ là những con yếu nhất. Những con đỏi. Những con thông minh biết làm thế nào để sống sót. Kiểm soát là công việc cần làm. Quản lý môi trường sống của chúng, phá vỡ hệ sinh thái của chúng. Cắt nguồn thức ăn và làm chúng chết đói. Khi đó ta sẽ tới được tận gốc của sự lây nhiễm, và dọn sạch nó."

Setrakian gật đầu chậm chậm, rồi nhìn sang Eph. "Chúa Tể. Nguồn gốc của tội ác này. Ngay lúc này nó đang ở đâu đó tại Manhattan." Ông lão nhìn lại người đàn ông không may mắn đang nằm cuộn tròn trên sàn, kẻ sẽ trở nên hoạt bát trở lại khi đêm xuống, trở thành ma cà rồng, một thứ gây hại. "Mọi người hãy lùi lại," ông nói, tuốt kiếm ra. Cùng lời tuyên bố, và với cú chém xuống bằng cả hai tay, ông cắt đứt đầu người đàn ông đó ngay tại chỗ ông ta nằm. Trong khi máu hồng nhạt chảy ra - vật chủ hãy còn chưa bị biến đổi hoàn toàn - Setrakian lau lưỡi kiếm vào áo ông ta và đứt nó lại vào cây gậy của mình. "Chỉ cần chúng ta có được chỉ dẫn về nơi Chúa Tể trú ngụ. Đó có thể là nơi hẩn lựa chọn và chuẩn bị từ trước. Một hang ổ phù hợp với tâm vóc của hẩn. Một nơi tối tăm che chở hẩn, nhưng lại dễ dàng tiếp cận với thế giới con người trên bề mặt." Ông quay sang Fet. "Anh có biết nơi nào mà từ đó chuột có thể chạy lên mặt đất không? Tâm điểm của sự di dời này?"

Fet gật đầu tức thì, mắt nhìn xa xăm. "Có lẽ tôi biết đấy."

Phố Church và phố Fulton

DƯỚI ÁNH MẶT TRỜI CHIỀU TÀ, hai bác sĩ dịch tễ, ông chủ hiệu cầm đồ và người diệt chuột đứng trên đài quan sát ở phần

nhô cao của công trường xây dựng Trung tâm Thương mại Thế giới, một cái hố lớn có chiều rộng bằng cả một khu phố và sâu hơn hai mươi mét.

Giấy chứng nhận thành phố cấp cho Fet, cùng một câu phỉnh phờ nhỏ - rằng Setrakian là một chuyên gia nổi tiếng thế giới về loài gặm nhấm tới từ Omaha - giúp họ được tự do di chuyển vào đường tàu điện ngầm mà không cần phải có người đi kèm. Fet dẫn họ đi dọc theo chính đường hầm bỏ không mà anh đã lần theo trước đó, rọi đèn pin vào những đường ray đã không còn bóng một con chuột. Setrakian cẩn thận bước qua những thanh giằng ray, chống cây gậy dài quá cỡ của mình xuống lớp nền đá dăm. Eph và Nora cầm đèn Luma.

“Anh không phải đến từ Nga,” Setrakian nói với Fet.

“Chỉ có bố mẹ tôi cùng cái tên của tôi là đến từ nước Nga thôi.”

“Ở Nga người ta gọi chúng là *vourdalak*. Họ lan truyền một truyền thuyết rằng người ta sẽ miễn nhiễm với ma cà rồng nếu trộn máu của chúng với bột mì để làm bánh ăn.”

“Có tác dụng không?”

“Cũng như mọi bài thuốc dân gian. Người ta nói vậy, nhưng chẳng mấy tác dụng.” Setrakian đứng cách xa về bên phải thanh ray thứ ba dẫn điện. “Thanh thép này trông có vẻ tiện dụng.”

Fet nhìn thanh cốt thép dài của mình. “Nó là thép thô. Tôi nghĩ là nó giống như tôi. Nhưng nó cũng rất được việc. Cũng giống như tôi.”

Setrakian hạ thấp giọng để giảm tiếng vọng dưới đường hầm. “Tôi có vài dụng cụ khác mà có lẽ anh sẽ thấy chúng cũng hiệu quả chẳng kém gì.”

Fet nhìn thấy ống xả nước mà những thợ làm công trình dưới hầm trước đây đã sử dụng. Xa hơn phía trước, đường hầm rẽ hướng mở rộng ra, và Fet ngay lập tức nhận ra điểm nút tăm tối này. “Ở đây,” anh nói, rọi thấp đèn pin xung quanh.

Họ dừng lại và lắng nghe tiếng nước nhỏ giọt. Fet quét ánh đèn pin lên mặt đất. “Tôi đã rắc bả bột lần đầu tại đây. Thấy chưa?”

Những dấu chân người in trên lớp bột. Giày da, giày thể thao, và cả chân trần.

Fet nói, “Ai có thể đi chân trần trong đường hầm tàu điện ngầm chứ?”

Setrakian gio bàn tay đeo găng len lên. Đường hầm như một cái ống âm học truyền tới tai họ những tiếng rên rĩ từ xa.

Nora thốt lên, “Lạy Chúa...”

Setrakian thì thào, “Đèn của hai người, nào. Bật lên đi.”

Eph và Nora làm theo, chùm ánh sáng cực tím công suất cao của họ rọi sáng đường hầm, làm lộ ra chuyển động xoáy hỗn loạn của màu sắc. Vô số những vệt bắn bắn tung tóe trên nền, trên các vách, các cột thép... khắp nơi.

Fet lùi lại vì kinh tởm. “Tất cả những thứ này là...?”

“Đó là chất thải,” Setrakian nói. “Những sinh vật này ỉa đái trong khi ăn.”

Fet nhìn xung quanh kinh ngạc. “Tôi cho rằng ma cà rồng không có nhu cầu giữ gìn vệ sinh.”

Setrakian lùi bước. Ông cầm chiếc gậy theo tư thế khác, nửa phía trên đã được rút ra khoảng mười phân làm lộ lưới kiểm soát sáng loáng. “Chúng ta phải ra khỏi đây. Ngay lập tức.”

Fet lắng nghe những tiếng động trong đường hầm. “Tôi không phản đối.”

Chân Eph đá phải cái gì đó, và anh bật lùi lại, tưởng đó là chuột. Anh chiếu đèn cực tím của mình xuống dưới và thấy một mớ những vật gì đó trong góc.

Đó là những chiếc điện thoại di động. Khoảng một trăm chiếc hoặc hơn, chồng thành một đồng giống như bị ném vào góc đó.

“Ồ,” Fet nói. “Ai đó đã quăng đi cả một đồng điện thoại di động dưới này.”

Eph cầm lên vài chiếc nằm phía trên đồng đó. Hai chiếc đầu đã chết pin. Chiếc thứ ba đang nhấp nháy báo pin sắp hết. Một biểu tượng chữ X phía trên màn hình cho thấy không có sóng.

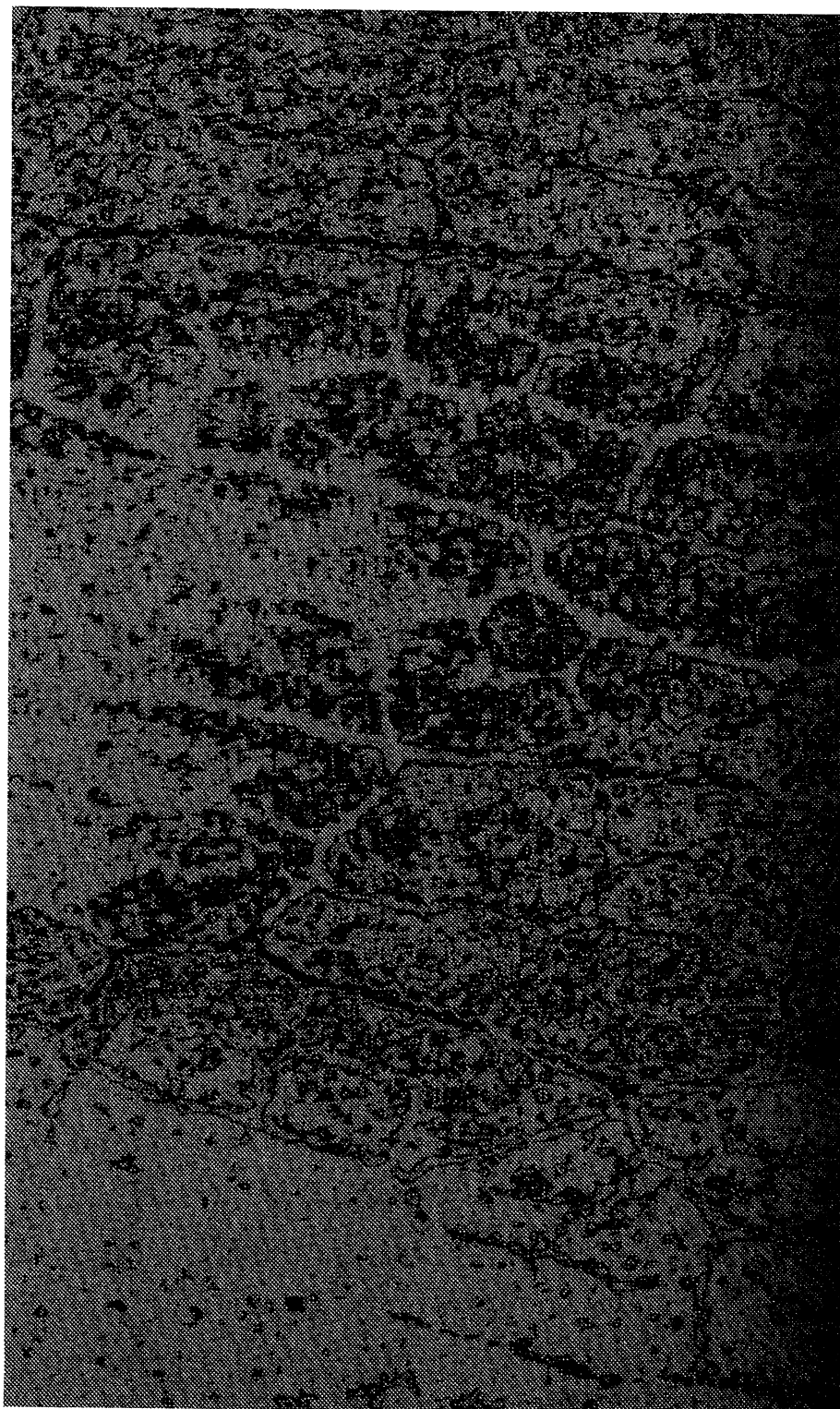
“Đó là lý do cảnh sát không thể tìm ra bất cứ ai mất tích

bằng cách gọi vào máy của họ,” Nora nói. “Tất cả bọn họ ở dưới đường hầm.”

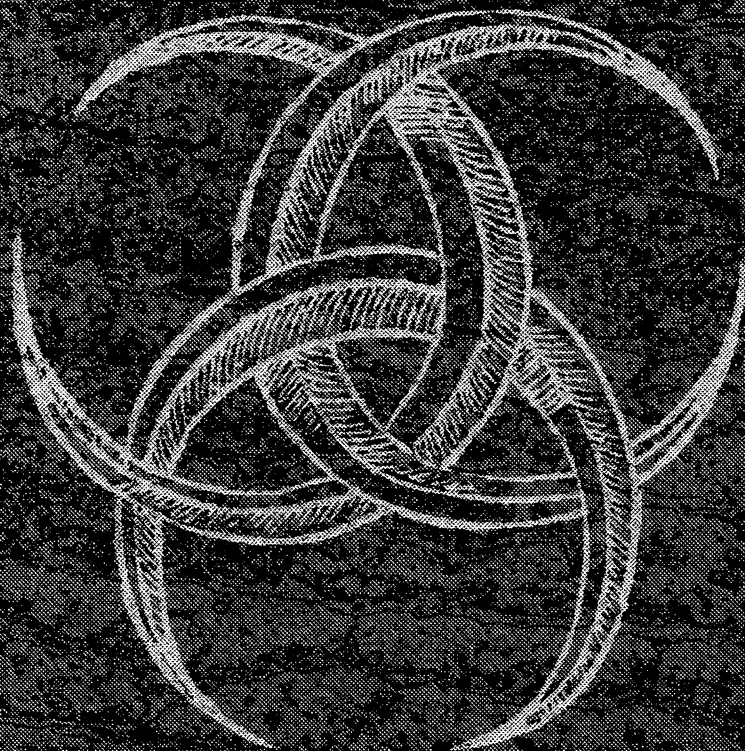
“Căn cứ tình hình này,” Eph nói, ném nó trở lại núi điện thoại, “thì hầu hết bọn họ đang ở đây.”

Eph và Nora nhìn những chiếc điện thoại, rồi vội vã bước đi.

“Nhanh lên,” Setrakian nói, “trước khi chúng ta bị phát hiện.” Ông dẫn đầu cuộc rút lui khỏi đường hầm. “Chúng ta phải sẵn sàng.”



HANG Ô



Phố Worth, Chinatown

Chập tối đêm thứ tư, Ephraim lái xe qua tòa nhà của mình trên đường tới nhà Setrakian để trang bị vũ khí đúng quy cách cho cả nhóm. Không thấy bóng dáng cảnh sát phía ngoài nhà, vậy là anh đánh xe vào. Anh đang chơi trò may rủi, nhưng cũng đã nhiều ngày rồi anh vẫn chưa thay quần áo, và ngay lúc này anh chỉ cần đúng năm phút. Anh chỉ cho họ một cửa sổ trên tầng ba, bảo anh sẽ hạ tấm che xuống một khi đã vào được bên trong an toàn.

Anh vào tới hành lang của tòa nhà mà không gặp vấn đề gì, rồi lên cầu thang. Khi thấy cửa căn hộ mở hé, anh dừng lại để nghe ngóng. Để cửa mở không có vẻ gì là giống kiểu của cảnh sát.

Anh đẩy cửa vào trong, gọi, "Kelly?" Không có tiếng trả lời. "Zack?" Chỉ họ mới có chìa khóa.

Có mùi gì đó khiến anh phải cảnh giác, cho tới khi anh nhận ra đó là món ăn Trung Quốc vớt trong sọt rác, do Zack ăn thừa - cảm giác như đã từ hàng năm trước. Anh bước vào phòng bếp để kiểm tra xem liệu sữa trong tủ lạnh có còn uống được... và anh đứng sững lại.

Anh nhìn chằm chằm. Phải mất một lúc anh mới hiểu là mình đang nhìn vào cái gì.

Hai cảnh sát nằm trên mặt sàn phòng bếp, ngay sát tường. Có tiếng ong ong phát ra từ bên trong căn hộ. Rồi nhanh

Eph cảm thấy nó. Theo cái cách người ta cảm thấy tiếng nhạc sống trong lồng ngực. Tiếng gầm gừ sôi sùng sục trong óc anh. Mắt anh dán vào mặt sàn, không dám ngước lên. Nỗi sợ hãi làm anh tê liệt. Anh không hề muốn nhìn mặt nó lần nữa.

Hãy nhìn ta.

Thoạt đầu Eph tin rằng thứ này trấn áp anh bằng ý nghĩ của hắn. Nhưng con ngọp thỏ của anh thuần túy là hệ quả của nỗi khiếp sợ, của sự hoảng loạn trong tâm thức.

Anh chỉ hơi ngước mắt lên. Run rẩy, anh nhìn thấy vạt áo choàng của Chúa Tể, rồi lên tới hai bàn tay thò ra khỏi ống tay áo. Hai bàn tay đó trông thật kinh tởm, không màu, không móng, và quá to so với bàn tay của con người. Những ngón tay, đều quá dài, trừ ngón giữa dài và to hơn các ngón khác, đầu ngón khoằm lại giống vuốt điều hâu.

Chúa Tể. Ở đây là vì anh. Để biến đổi anh.

Hãy nhìn ta, đồ bẩn thỉu.

Eph ngước đầu lên như thể bị một bàn tay nắm cằm.

Chúa Tể nhìn xuống anh từ bên dưới trần nhà, tại đó, cái đầu của nó phải cúi thấp xuống. Nó đưa hai tay lên kéo mũ trùm lật ra sau. Cái đầu chẳng có tóc hay màu sắc. Đôi mắt, môi và miệng không sắc độ trông mòn vẹt và bọt bọt giống như miếng vải lanh xơ xác. Cái mũi tịt hẳn vào giống như mũi của những bức tượng bị phong hóa do phơi sương gió hàng thế kỷ, đập vào mắt chỉ là hai cái lỗ đen. Cổ họng nó phập phồng vẻ đói khát câm lặng. Nước da nhợt nhạt tới mức gần như trong suốt. Phía dưới lớp da thịt có thể nhìn thấy những đường tĩnh mạch không còn mang máu nữa, lò mò chạy ngoằn ngoèo giống như trên một bản đồ thể hiện một vùng đất cổ xưa hoang tàn. Những tĩnh mạch đó lúc nhúc một màu đỏ của những con giun đang luân chuyển. Thứ ký sinh hình ống đó đang thoát mái di chuyển dưới lớp da gần như trong suốt của Chúa Tể.

Ta sẽ tính sổ với ngươi.

Tiếng nói đó, chẳng khác nào một tiếng gầm rống kinh hãi, xộc thẳng vào đầu Eph. Anh cảm thấy mình rũ xuống. Mọi thứ rồi ren và lò mò.

*Ta có trong tay con vợ bản thú của người. Và rồi sẽ sớm có được
thằng con bản thú của người.*

Đầu óc Eph căng ra và muốn nổ tung vì ghê tởm và căm phẫn. Giống như một quả bóng bay tự phát nổ. Bằng một động tác dứt khoát, anh trượt một chân lên phía trước và lao đảo đứng thẳng dậy trước con quỷ khổng lồ đó.

Ta sẽ tước bỏ mọi thứ của người và chẳng để lại gì hết. Đó là cách của ta.

Chúa Tế vươn tay ra với một động tác nhanh, không thể nhìn rõ. Eph cảm thấy, giống như một bệnh nhân bị gây tê vẫn cảm nhận được áp lực từ mũi khoan của nha sĩ, một thứ gì đó kẹp lấy phía trên đầu mình, và rồi chân anh đã lơ lửng phía trên mặt sàn. Anh vung tay đập chân tán loạn. Chúa Tế kẹp đầu anh bằng một bàn tay, giống như cầm một quả bóng chuyền, và nhắc bóng anh lên phía trần nhà. Tới ngang tầm mắt, vừa đủ gần để anh nhìn thấy những con giun máu đang bò loăn ngoăn giống như những con tinh trùng mang dịch bệnh.

Ta chính là sự che khuất và nhật thực.

Nó nhắc anh tới gần miệng như cầm một quả nho căng tròn. Bên trong mềm nó tối tăm, cổ họng chẳng khác nào một cái hang cần cỏi, một con đường thẳng tới địa ngục. Thân người Eph đu đưa, anh gần như ngất đi. Anh có thể cảm thấy móng vuốt dài của ngón giữa nó tì sau cổ, áp mạnh vào phía trên cột sống. Chúa Tế lật đầu Eph ra phía sau giống như người ta bật nắp một lon bia.

Ta là kẻ uống máu người.

Rồi một âm thanh ướt át và lạo xạo vang lên, miệng của Chúa Tế bắt đầu mở ra. Hàm của nó co lại, lưỡi cuộn lên và thụt vào, làm lộ cái vòi chích gôm gốc lấp ló.

Eph gào thét vào bộ mặt man rợ của Chúa Tế, gắng sức dùng cả hai cánh tay chặn đường tiếp cận cổ mình.

Và rồi, có thứ gì đó... không phải tiếng kêu thét của Eph... thứ gì đó buộc Chúa Tế phải hơi ngoái cái đầu khổng lồ của mình lại.

Cánh mũi của nó phập phồng, kiểu hít ngửi của loài quỷ

mà chẳng cần hô hấp.

Cặp mắt trông như đá mã não của nó quay lại nhìn Eph, nhìn thẳng vào anh như hai quả cầu chết chóc. Trùng trùng nhìn Eph - như thể Eph đã bằng cách nào đó dám lừa Chúa Tế.

Không phải một mình.

Cùng lúc đó, đang chạy lên cầu thang để tới căn hộ của Eph, sau Fet hai bước chân, Setrakian bất thần nắm chặt tay vịn cầu thang, vai ông đổ dựa vào tường. Con đau buốt bùng lên trong đầu giống như bị phình mạch máu não, và một giọng nói - độc ác và hả hê và báng bổ - bùng lên như một quả bom phát nổ bên trong một thánh phòng hòa nhạc đầy khán giả.

SETRAKIAN.

Fet dừng lại ngoái về phía sau, nhưng Setrakian dùng ánh mắt đau đớn ra hiệu cho anh tiến lên. Ông chỉ có thể thều thào: “Nó đang ở đây.”

Mắt Nora tràn ngập lo lắng. Tiếng giày của Fet gõ thình thịch khi anh chạy lên thang gác. Nora cố giúp Setrakian, kéo ông chạy theo Fet, tới cửa, vào trong căn hộ.

Fet xô vào cái thân người đầu tiên anh đụng phải, một chốt cản, anh chúi người xuống, bị tóm lấy, ngã nhoài và lộn qua một bên. Anh bật nhanh người dậy trong tư thế chiến đấu và đối mặt với kẻ thù của mình, một bộ mặt ma cà rồng, không phải đang cười, nhưng mở miệng giống như cười, sẵn sàng hút máu.

Rồi Fet nhìn thấy cái sinh vật khổng lồ trong phòng. Chúa Tế, đang tóm chặt Eph. Quái vật. Mê hoặc.

Con ma cà rồng ở gần hơn xông vào anh và dồn anh vào trong bếp, ép sát cửa tủ lạnh.

Nora chạy vào trong, kịp thời bật chiếc đèn Luma lên vừa ngay lúc con ma cà rồng Bolivar nhảy xổ vào cô. Nó rít lên hỗn hển và lao đảo lùi lại. Rồi Nora trông thấy Chúa Tế, phần phía sau của cái đầu đang cúi thấp phía trên trần nhà. Cô thấy Eph đang bị treo lủng lẳng dưới bàn tay của con quái vật đang ghi chặt đầu anh. “Eph!”

Setrakian bước vào cùng lưỡi kiếm dài tuốt trần. Ông sững lại một thoáng khi trông thấy Chúa Tể, kẻ khổng lồ, con quỷ. Giờ nó đã ở đây, trước mặt ông, sau ngàn ấy năm rông.

Setrakian vung lưỡi kiếm bạc. Nora, xấp lại gần từ một phía khác, dồn Bolivar về phía vách tường mặt tiền của căn hộ. Chúa Tể rơi vào thế bí. Tấn công Eph trong một không gian nhỏ như thế này quả là một sai lầm cơ bản.

Trái tim Setrakian đập dồn khi ông xoay đầu lưỡi kiếm và xiên nó vào thứ ma quỷ kia.

Tiếng ong ong trong căn hộ đột ngột bùng lên thành một tiếng nổ bên trong đầu ông. Âm thanh đó bùng lên cả trong đầu Nora, Fet và Eph. Sức chấn động chết người của âm thanh khiến ông lão co rúm lại trong một thoáng - chỉ một thoáng.

Ông nhìn thấy nụ cười đen tối của một con rắn trên khuôn mặt Chúa Tể. Con ma cà rồng khổng lồ đó ném Eph đang chơi với ra xa, thân mình anh đập sầm vào bức tường phía xa và rơi mạnh xuống sàn. Bằng cánh tay dài có móng vuốt của mình, Chúa Tể móc Bolivar lên vai và lao mình qua kính cửa sổ trông xuống phố Worth.

Tiếng kính vỡ loảng xoảng vang vọng cả tòa nhà trong khi Chúa Tể trốn thoát dưới cơn mưa những mảnh kính vụn.

Setrakian chạy về phía khoảng không hiu hiu gió vừa mới mở ra, tới bên khung cửa sổ lõm chỏm những mảnh kính. Dưới đó ba tầng, những mảnh kính vỡ chỉ vừa kịp chạm mặt hè đường, lấp lánh trong ánh sáng đường phố.

Chúa Tể, với tốc độ siêu phàm của mình, đã chạy cắt ngang con phố, về phía tòa nhà đối diện. Vẫn quặp Bolivar trong tay, nó nhảy qua hàng rào, vọt lên mái nhà cao và biến vào bóng tối.

Setrakian chờ ra trong giây lát, ông không thể tin được rằng Chúa Tể vừa mới ở trong chính căn phòng này và giờ đã trốn thoát. Tim ông đập như đấm vào lồng ngực, tưởng chừng như muốn vỡ tung ra.

"Này... giúp với!"

Ông quay lại và thấy Fet đang vật lộn với con ma cà rồng còn lại trên mặt sàn, Nora đang hỗ trợ bằng chiếc đèn. Con

thịnh nộ của Setrakian lại bùng lên, và ông bước tới, thanh kiếm bạc trong tay chìa ra phía trước.

Fet thấy ông bước tới, mắt anh mở tròn sợ hãi. “Không, đợi đã...”

Setrakian chém xuống, lưỡi kiếm cắt qua cổ con ma cà rồng, cách phía trên cánh tay Fet chỉ dăm phân, rồi ông đá cái xác mất đầu đó ra khỏi ngực Fet trước khi máu trắng của nó kịp chạm vào da anh.

Nora chạy tới chỗ Eph, lúc này đang nằm cuộn mình trên sàn nhà. Má anh có vết cắt và đồng tử thì dần to, đầy sợ hãi - nhưng dường như anh chưa bị biến đổi.

Setrakian lấy gương ra để xác nhận điều này. Ông đưa nó ra trước mặt Eph và không thấy có sự biến dạng nào. Nora rọi đèn vào cổ Eph. Không có gì - không có vết thủng nào.

Nora giúp anh ngồi thẳng dậy, Eph nhăn nhó vì đau khi cô chạm vào cánh tay phải của anh. Cô chạm vào cằm anh, phía dưới vết xước, muốn ôm lấy anh nhưng lại không thể vì sợ làm anh bị đau thêm. “Chuyện gì vậy?” cô hỏi.

Eph nói, “Hắn đã bắt Kelly.”

Phố Kelton, Woodside, Queens

EPH PHÓNG XE QUA CÂY CẦU dẫn vào Queens. Anh vừa lái vừa dùng điện thoại của Jim cố gọi vào máy Kelly.

Không đổ chuông. Chỉ có tin nhắn thoại của cô.

Xin chào, Kelly đây. Tôi không thể trả lời điện thoại ngay lúc này...

Eph bấm gọi nhanh cho Zack một lần nữa. Điện thoại của Zack rung chuông.

Anh ngoặt xe vào phố Kelton và phanh gấp ngoài sân trước nhà Kelly, nhảy qua hàng rào thấp và chạy lên các bậc thang. Anh đập mạnh cửa và bấm chuông. Anh để quên chìa khóa cửa trong căn hộ của mình, chúng hây còn treo trên móc ở đó.

Eph lùi lại lấy đà rồi thúc vai vào cánh cửa. Anh thử lại lần nữa, chỉ tổ làm đau cánh tay hơn. Lần thứ ba, anh quăng toàn bộ cơ thể vào cánh cửa, khung cửa vỡ ra, và anh ngã lặn vào trong.

Anh chồm dậy chạy khắp ngôi nhà. Anh đâm sầm vào các bức tường ở mấy chỗ rẽ, chân liên tục vấp vào các bậc cầu thang dẫn lên tầng hai. Anh dừng lại trước cửa phòng ngủ của Zack. Phòng của thằng bé trống trơn.

Quá trống.

Chạy ba bậc cầu thang một xuống tầng dưới, anh nhìn thấy chiếc túi đựng vật dụng khẩn cấp của Kelly bên cạnh cánh cửa vỡ. Cả mấy chiếc va li đã đóng đồ nhưng chưa kéo khóa. Cô chưa hề ra khỏi thành phố.

Ôi, Chúa ơi, anh nghĩ. Đúng là có chuyện rồi.

Những người khác vừa vào tới cửa đúng lúc có thứ gì đó tấn công anh từ phía sau. Một kẻ nào đó đang túm lấy anh. Vốn đang sôi sùng sục, anh phản đòn ngay lập tức. Anh lặn người lại và đẩy kẻ tấn công mình ra.

Matt Sayles. Eph nhìn thấy đôi mắt chết chóc của hắn ta và cảm thấy sức nóng toát ra từ quá trình chuyển hóa mạnh mẽ trong cơ thể hắn.

Có tiếng gầm gừ của loài thú hoang phát ra từ miệng Matt. Eph kẹp hai cẳng tay vào cổ họng hắn khi con ma cà rồng vừa chuyển hóa đó định há miệng ra. Eph thúc mạnh hàm hắn lên trên, cố gắng chặn thứ cơ cấu sinh học nào đó đang chuẩn bị nhả ra vòi chích. Đôi mắt Matt biến dạng, đầu hắn lắc qua lắc lại trong nỗ lực giải phóng cổ họng.

Nhìn thấy Setrakian đang rút kiếm ra phía sau Matt, Eph hét lên, "**KHÔNG!**" và dồn toàn bộ con thịnh nộ của mình vào cú đá làm Matt văng ra xa.

Con ma cà rồng gầm gừ, lặn vài vòng rồi dừng lại, và chồm dậy trên bốn chân, nhìn Eph đứng thẳng người.

Matt đứng dậy, khom người ra phía trước. Miệng hắn đang động cựa một cách kỳ quái, một con ma cà rồng mới đang tập làm quen với các cơ khác nhau, lưỡi hắn vện vẹo xung quanh đôi môi mở với một vẻ bối rối đầy nhục dục.

Eph nhìn quanh tìm kiếm một thứ vũ khí, và chỉ thấy một cái vợt tennis nằm trên sàn bên ngoài tủ chứa. Anh nắm lấy cái chuôi có dán băng dính của nó bằng cả hai tay và xoay khung titan của vợt về phía mình, rồi tiến tới chỗ Matt với thứ vũ khí đó. Toàn bộ nỗi uất ức của anh đối với Matt - kẻ đã bước vào ngôi nhà, và lên giường của vợ anh... kẻ đã muốn trở thành bố của con trai anh... kẻ đã tìm cách thay thế Eph - ngập tràn trong anh khi anh vọt chiếc vợt vào cằm Matt. Anh muốn đập tan hẳn cùng với cái thứ hải hùng đang núp bên trong đó. Những con ma mới kiểu này còn chưa kịp trưởng thành đầy đủ, và với bảy tám cú vọt chính xác, anh làm vỡ vụn những chiếc răng của Matt và buộc hẳn ta phải khuyu gối xuống. Nhưng trước khi khuyu hẳn, Matt vẫn kịp tung ra cú đá vào mắt cá chân Eph và làm anh ngã bổ chửng ra sau. Ở một mức độ nào đó, nỗi căm giận Eph vẫn còn sục sôi trong Matt. Nhe những chiếc răng vỡ ra, hẳn ta chồm lên, nhưng Eph đã co chân đạp thẳng vào mặt Matt khiến hẳn văng ngược trở lại. Eph lui bước và tìm loanh quanh trong bếp, và kia, anh thấy một con dao chạm dính trên một dải treo nam châm.

Con thịnh nộ chẳng bao giờ mù quáng. Con thịnh nộ đem lại sự tập trung có một không hai. Eph cảm thấy như anh đang nhìn ngược đầu một ống kính viễn vọng - chỉ nhìn thấy độc một con dao, và rồi chỉ thấy một mình Matt.

Matt xông tới Eph và bị anh đẩy mạnh vào tường. Anh túm lấy một dùm tóc của hẳn và giật ngược lại, làm lộ cổ họng của con ma cà rồng. Mồm Matt mở rộng, vòi chích sọt soạt thò ra, cố gắng hút máu Eph. Cổ họng Matt gọn sóng và phồng lên, và Eph liên tục thọc con dao vào đó. Mạnh và nhanh, thẳng vào cổ họng và xuyên cả vào bức tường phía sau, khi mũi dao bị kẹt ở đó, anh lại giật mạnh nó ra. Các đốt sống cổ vỡ răng rắc. Thứ chất nhờn màu trắng nổi bong bóng. Cơ thể Matt rũ ra, hai tay thông xuống. Eph đâm dao cho tới khi trong tay anh chỉ còn lại cái đầu Matt, cơ thể hẳn ta đổ xuống sàn.

Eph dừng tay. Anh thấy, mà không thực sự nhận thức được, cái đầu trong tay anh với vòi chích của nó, rú xuống *qua cái cổ bị cắt*, vẫn còn đang co giật.

Rồi anh thấy Nora và mấy người kia đang nhìn mình từ phía cánh cửa mở. Anh thấy bức tường cùng thứ chất nhầy màu trắng đang nhỏ giọt trên đó. Anh thấy cái xác không đầu nằm trên sàn nhà. Anh thấy cái đầu trong tay mình.

Những con giun máu đang bò ngoằn ngoèo trên mặt Matt. Qua má hấn và lên mắt. Chúng bò trong mớ tóc thưa của Matt, hướng thẳng tới những ngón tay của Eph.

Eph thả cái đầu, nó rơi đánh thịch xuống sàn, không lăn đi đâu cả. Anh buông cả con dao, nó rơi xuống bụng Matt không một tiếng động.

Eph nói, “Chúng đã bắt con trai tôi.”

Setrakian kéo anh ra xa khỏi cái xác và máu ma cà rồng bị nhiễm bệnh. Nora bật đèn Luma chiếu vào xác Matt.

Fet nói, “Thật kinh khủng.”

Eph lại nói, vừa như một lời giải thích mà cũng vừa như một cái đình đâm sâu hơn vào tâm hồn anh: “Chúng đã bắt con trai tôi.”

Tiếng gào thét giết chóc trong tai anh chìm xuống, và anh nhận ra một chiếc xe đỗ phía ngoài nhà. Tiếng cửa xe mở, và tiếng nhạc nhẹ nhàng.

Một giọng nói vang lên, “Cảm ơn.”

Giọng nói đó.

Eph bước tới cánh cửa trước bị phá hỏng. Anh nhìn ra lối dẫn vào nhà và thấy Zack vừa bước ra khỏi một chiếc minivan, vừa trông dây đeo ba lô lên vai.

Zack chỉ vừa kịp bước tới cổng thì đã nằm gọn trong vòng tay Eph. “Bố?”

Ôm đầu thằng bé trong tay, Eph kiểm tra, xem xét kỹ lưỡng mắt và mặt nó.

Zack hỏi, “Bố làm gì vậy...?”

“Con đã ở đâu?”

“Ở nhà Fred.” Zack cố gắng thoát khỏi vòng tay của bố nó. “Mẹ không đến, thế là mẹ Fred tới đón con về nhà họ.”

Eph thả Zack ra. Kelly.

Zack nhìn qua vai anh, về phía ngôi nhà. “Chuyện gì xảy

ra với cửa nhà mình vậy?”

Nó bước mấy bước về phía đó, cho tới khi Fet xuất hiện ở lối vào, Setrakian ở phía sau. Một người đàn ông to lớn mặc áo sơ mi ca rô bỏ ngoài quần và đi đôi giày làm việc, cùng một ông già mặc áo vải tuyết cầm một cây gậy có chạm đầu sói ở cán.

Zack quay lại nhìn bố nó, hoang mang tột độ. Nó hỏi, “Mẹ con đâu?”

Cửa hàng Đồ Cổ và Cho Vay Knickerbocker, phố 118 Đông, Spanish Harlem

EPH ĐỨNG Ở HÀNH LANG chất đầy sách trong căn hộ của Setrakian. Anh đang quan sát Zack chơi game Devil Dog trên một chiếc bàn nhỏ ở phòng bếp, Nora bên cạnh hỏi han chuyện trường lớp, cố gắng giữ cho nó bận bịu và sao nhãng.

Eph vẫn nhớ rõ cảm giác khi bị Chúa Tể tóm đầu. Anh đã sống một cuộc sống được xây dựng trên những chuẩn mực nhất định, trong một thế giới dựa trên những chuẩn mực nhất định, và giờ đây mọi thứ anh từng cho là có thể dựa vào đã biến mất, anh nhận ra mình đang lạc lối.

Nora thấy anh nhìn vào từ hành lang, và Eph có thể thấy cô đang sợ hãi khi nhìn vào vẻ mặt anh.

Eph biết rằng từ giờ trở đi có thể anh sẽ không còn tỉnh táo như trước nữa.

Anh đi xuống hai tầng để tới kho vũ khí dưới hầm của Setrakian. Đèn báo động UV ở cửa ra vào đã tắt, ông già đang giới thiệu các thứ trong kho với Fet. Người diệt chuột tỏ ra rất tán phục cây súng bắn đinh cải tiến, giờ trông như khẩu tiểu liên UZI nòng ngắn, chỉ khác là có màu vàng cam và đen với hộp tiếp đạn vào nòng được bố trí xiên đi một góc.

Setrakian bước lại gần Eph. “Anh đã ăn chưa?”

Eph lắc đầu.

“Con anh thế nào rồi?”

“Sợ hãi, nhưng không để lộ ra.”

Setrakian gật đầu. “Cũng giống như tất cả chúng ta.”

“Ông đã nhìn thấy nó trước kia. Sinh vật đó. Chúa Tể.”

“Đúng.”

“Ông đã cố giết nó.”

“Đúng.”

“Ông đã thất bại.”

Setrakian nheo mày, như thể đang nhìn thẳng vào quá khứ. “Tôi đã không chuẩn bị đầy đủ. Tôi sẽ không thất bại một lần nữa.”

Fet, đang cầm trong tay một thứ trông giống đèn lồng gắn một cái đinh ở một đầu, nói, “Khó có thể thất bại. Thật khó có thể thất bại với cái kho vũ khí này.”

“Tôi tự lắp ráp một số chi tiết lại với nhau, từ những thứ đem tới cửa hàng này. Nhưng tôi không phải người chế tạo bom.” Ông nắm chặt những ngón tay đeo găng như để chứng minh điều đó. “Tôi được một thợ bạc ở New Jersey giúp dập những đầu nhọn và đinh.”

“Ý ông là ông không mua thứ này ở cửa hàng Radio Shack ư?”

Setrakian cầm lấy cái vật hình đèn lồng nặng nề từ tay người diệt chuột. Nó được làm từ nhựa đục với một đế dày chứa ắc quy, một cái đinh bằng thép dài mười lăm phân ở dưới đáy. “Đây thực chất là một quả mìn ánh sáng cực tím. Nó là thứ vũ khí sử dụng một lần, bức xạ ra chùm tia UVC thuần khiết giúp tiêu diệt ma cà rồng. Nó được thiết kế để quét sạch cả một căn phòng lớn, gây bỏng rất nhanh một khi phát nổ. Anh cần phải tránh ra xa khi nó hoạt động. Nhiệt độ và bức xạ của nó khá là... khó chịu.”

Fet nói, “Thế còn khẩu súng bắn đinh này?”

“Đây là cơ cấu kích ngòi bằng thuốc súng, hoạt động nhờ đạn súng săn nạp thuốc nổ để bắn đinh. Năm mươi đinh cho mỗi viên, đinh mũi nhỏ dài gần bốn phân. Tất nhiên là bằng bạc.”

“Hiển nhiên rồi,” Fet nói, ngắm nghía khẩu súng, cảm nhận lớp cao su bọc tay nắm.

Setrakian nhìn quanh phòng: chiếc áo giáp cổ gắn trên tường; những chiếc đèn UVC và bộ sạc ắc quy trên các giá; những thanh kiếm bạc và gương tráng bạc; vài mẫu vũ khí thử nghiệm; sổ ghi chép và bản vẽ của ông. Quy mô của sự tàn bạo vào thời điểm này gần như khiến ông choáng váng. Ông chỉ hy vọng nỗi sợ hãi này sẽ không biến ông trở lại thành một chàng trai bất lực như thuở nào.

Ông nói: “Tôi đã chờ đợi thời điểm này từ rất lâu rồi.”

Rồi ông bước lên cầu thang, để Eph ở lại với Fet. Người diệt chuột to cao nhắc khẩu súng bắn đinh ra khỏi bộ sạc. “Anh tìm ra ông lão này ở đâu vậy?”

Eph nói, “Ông ấy tìm ra tôi.”

“Trong khi hành nghề, tôi đã từng thấy rất nhiều tầng hầm. Nhìn quanh cái cửa hàng nhỏ bé này, tôi nghĩ - quả thực có tồn tại một người điên như thế này.”

Eph nói, “Ông ấy không điên.”

“Ông ấy đã cho anh xem thứ này chưa?” Fet hỏi. Anh bước tới chỗ cái bình thí nghiệm thủy tinh có quả tim bị nhiễm ngấm trong dung dịch. “Ông ấy giữ quả tim của một ma cà rồng mình đã giết như một vật nuôi trong kho vũ khí ở tầng hầm của mình. Ông ấy điên quá. Nhưng ổn thôi. Tôi cũng điên điên một chút.” Anh cúi thấp xuống, gi sát mặt lại gần cái bình. “Ê, mèo con, mèo con...” Một đầu mút phi thẳng vào thành bình, định tóm lấy anh. Fet thẳng người lên và quay về phía Eph với ánh nhìn hàm ý *Anh-có-tin-nổi-không?* “Thứ này quả là vượt quá những gì tôi mong đợi khi tỉnh dậy sáng nay.” Anh giương khẩu súng bắn đinh lên và ngắm mục tiêu trong bình, tỏ ra thích thú với trò đó. “Anh có phiền không nếu tôi xử lý nó?”

Eph lắc đầu. “Cứ tự nhiên.”

Eph quay trở lên tầng trên, anh chậm bước lại ở ngoài hành lang khi thấy Setrakian cùng Zack trong bếp. Setrakian tháo sợi dây chuyên bạc khỏi cổ mình - sợi dây có móc khóa cửa kho tầng hầm - và bằng những ngón tay cong queo, ông trông nó

qua đầu Zack, treo nó quanh cổ đưa con muỗi một tuổi của anh, rồi vỗ vỗ vào vai nó.

"Vì sao ông lại làm vậy?" Eph hỏi Setrakian khi chỉ còn riêng hai người.

"Có những thứ ở tầng dưới - sổ sách, giấy tờ - cần được giữ gìn. Những thế hệ sau đó có thể thấy có ích."

"Ông không định quay trở lại ư?"

"Tôi áp dụng mọi biện pháp phòng ngừa có thể." Setrakian nhìn quanh để chắc chắn rằng chỉ có hai người họ. "Hãy hiểu. Chúa Tể có sức mạnh và tốc độ vượt ra khỏi những gì mà chúng ta đã chứng kiến ở những con ma cà rồng mới này. Nó mạnh hơn ta tưởng tượng. Nó đã sống trên trái đất này hàng thế kỷ. Tuy nhiên..."

"Tuy nhiên nó là một con ma cà rồng."

"Và ma cà rồng vẫn có thể bị tiêu diệt. Hy vọng tốt nhất của chúng ta là xua nó ra ngoài. Làm nó bị thương và dồn nó ra dưới ánh sáng chết chóc của mặt trời. Đó là lý do ta phải đợi cho tới khi trời sáng."

"Tôi muốn đi ngay bây giờ."

"Tôi biết anh muốn vậy. Đó cũng chính là điều nó mong muốn."

"Hắn đang giữ vợ tôi. Kelly bị bắt là bởi một lý do duy nhất - vì tôi."

"Anh có một lý do cá nhân ở đây, bác sĩ, và nó rất thôi thúc. Nhưng anh cần phải biết, nếu nó có cô ấy, thì cô ấy đã bị biến đổi."

Eph lắc đầu. "Cô ấy không bị biến đổi."

"Tôi nói điều này không phải để chọc giận anh..."

"*Cô ấy không bị biến đổi.*"

Setrakian gật đầu sau một lát suy nghĩ. Ông đợi cho Eph bình tĩnh lại.

Eph nói, "Hội Cai rượu đã làm được rất nhiều điều cho tôi. Nhưng có một thứ họ không bao giờ cho tôi được, đó là sự thanh thản chấp nhận những thứ tôi không thể thay đổi."

Setrakian nói, "Tôi cũng vậy. Có thể đây chính là điểm

chung dẫn đến việc chúng ta gặp nhau. Mục tiêu của chúng ta trùng lặp một cách hoàn hảo.”

“Chỉ gần hoàn hảo thôi,” Eph nói. “Bởi vì chỉ một trong hai ta mới có thể thực sự là người sẽ giết chết con quái vật kinh tởm này. Và đó sẽ là tôi.”

Nora lo lắng chờ được nói chuyện với Eph, và cô lao bổ vào anh ngay khi anh vừa rời khỏi chỗ Setrakian, kéo anh vào phòng tắm lát đá hoa của ông lão.

“Xin anh, đừng,” cô nói.

“Đừng cái gì?”

“Đề nghị em những điều anh định đề nghị.” Cô khấn nài bằng đôi mắt nâu đầy sợ hãi. “Đừng.”

Eph nói, “Nhưng anh muốn em...”

“Em sợ lắm, nhưng em xứng đáng được chiến đấu bên anh. Anh cần em.”

“Đúng vậy. Anh cần em ở đây. Để trông chừng Zack. Ngoài ra, một trong hai chúng ta cần phải ở lại phía sau. Để tiếp tục, trong trường hợp...” Anh bỏ dở câu. “Anh biết có nhiều điều cần nói.”

“Quá nhiều.”

Eph không thể dời mắt khỏi mắt cô. Anh nói, “Anh cần phải theo dấu cô ấy.”

“Em biết.”

“Anh chỉ muốn để em biết...”

“Chẳng có gì phải giải thích cả,” cô nói. “Nhưng, em mừng vì anh muốn làm thế.”

Anh kéo cô lại gần, vào vòng tay ôm chặt của mình. Nora vòng tay ra sau gáy Eph, vuốt nhẹ mái tóc anh. Cô ngả ra sau một chút để nhìn anh, định nói thêm gì đó, nhưng thay vào đó, cô hôn anh. Đó là nụ hôn tạm biệt, buộc anh trở về.

Họ rời nhau, và anh gật đầu, tỏ ý hiểu cô.

Anh thấy Zack đang nhìn họ từ hành lang.

Eph không định giải thích bất cứ điều gì với nó lúc này. Bỏ lại đằng sau sự đẹp đẽ tốt tính của cậu bé này và rời khỏi nơi

được coi là an toàn để đi đối mặt với quỷ dữ là việc bất thường nhất mà Eph có thể làm. “Con sẽ ở nhà với cô Nora, được chứ? Chúng ta sẽ nói chuyện khi bố trở về.”

Zack nheo mắt cảnh giác kiểu của một đứa trẻ, những cảm xúc của nó lúc này quá nặng nề và khó hiểu với nó. “Trở về từ đâu?”

Anh kéo con trai lại gần, ôm chặt nó trong tay cứ như thể thằng bé có nguy cơ bị vỡ ra thành hàng triệu mảnh. Ngay lúc đó anh đã quyết tâm phải chiến thắng trở về vì có quá nhiều thứ anh sợ mình sẽ đánh mất.

Họ nghe thấy tiếng hò hét và tiếng còi ô tô ngoài đường, và mọi người bước cả tới cửa sổ hướng Tây. Cả một đồng đèn phanh ô tô ken đặc con đường cách đó mấy dặm nhà, mọi người đang tràn ra phố xá và đánh nhau. Một ngôi nhà đang bốc cháy mà chả thấy bóng dáng chiếc xe cứu hỏa nào.

Setrakian nói, “Đây chính là khởi đầu của sự hỗn loạn.”

Morningside Heights

GUS VẪN ĐANG TRÊN đường chạy trốn từ đêm hôm trước. Còng tay cản trở cậu đi lại thoải mái trên đường phố, còng với chiếc áo sơ mi cũ cậu nhặt được và vết thương ở cẳng tay, trông cậu cứ như người vừa đi vừa khoanh tay; thật chẳng thể đánh lừa được nhiều người. Cậu lén vào một rạp chiếu phim theo lối cửa ra và đánh một giấc trong bóng tối. Cậu nhớ tới một xưởng tháo gỡ phụ tùng xe hơi ăn trộm ở Bờ Tây, và mất rất nhiều thời gian mới đến được đó, để rồi phát hiện ra nó trống trơn. Không khóa, đơn giản là trống trơn. Cậu sục sạo tìm kiếm trong số những thứ đồ nghề ở đó, cố gắng cắt cái còng nối hai cổ tay với nhau. Cậu thậm chí khởi động cả một lưỡi cưa máy được cố định bởi ê tô, và xem chút nữa thì cắt phăng mắt cổ tay mình. Cậu chả thể làm gì được bằng một tay, và cuối cùng đành hậm hực bỏ đi.

Cậu lảng vảng tới chỗ vài thằng bạn người Mỹ nhưng chả

gặp được ai tin tưởng. Đường phố thật kỳ lạ - ít người qua lại. Cậu biết chuyện gì đang diễn ra. Khi mặt trời bắt đầu khuất bóng, cậu hiểu rằng thời gian và lựa chọn của mình sẽ hết.

Trở về nhà thì liễu lĩnh quá, nhưng cả ngày hôm nay cậu không thấy có nhiều cảnh sát, vả lại cậu cũng thấy lo cho mẹ. Cậu lén vào bên trong tòa nhà, cố giữ hai tay giấu dưới lần áo sơ mi đang phồng lên sao cho nhìn thật tự nhiên, và leo lên cầu thang. Mười sáu tầng cao. Khi lên tới nơi, cậu bước ra hành lang không một bóng người. Cậu lắng tai nghe ngóng ở cửa. Có tiếng ti vi, như mọi khi.

Biết là chuông đã hỏng, cậu bèn gõ cửa. Đợi một lát rồi lại gõ. Cậu đá chân vào cửa, làm rung cả cánh cửa và bức tường tồi tàn.

"Crispin," cậu rít lên gọi ông anh bán thú của mình. "Crispin, đồ thối tha. Mở cái cửa chết tiệt này mau."

Gus nghe thấy tiếng khóa xích đang tháo ra, và chốt cửa quay vào bên trong. Cậu chờ đợi, nhưng cửa không hề mở ra. Vậy là Gus gỡ cái áo đang che hai cổ tay bị khóa ra và xoay tay nắm cửa.

Cậu bước vào và thấy Crispin đang đứng trong góc ở bên trái chiếc ghế dài vẫn được anh ta sử dụng thay giường ngủ. Các rèm cửa sổ đã được kéo xuống, cánh cửa tủ lạnh đang mở trong phòng bếp.

"Mẹ đâu?" Gus hỏi.

Crispin không nói gì.

"Đồ ngớ ngẩn," Gus nói. Cậu đóng cửa tủ lạnh. Vài thứ đã chảy, trên mặt sàn có nước. "Mẹ đang ngủ à?"

Crispin không nói gì. Anh ta nhìn Gus.

Gus bắt đầu hiểu ra vấn đề. Cậu nhìn kỹ lại Crispin, kẻ hầu như chẳng đáng để cậu nhìn mặt nữa. Và cậu thấy một đôi mắt đen cùng khuôn mặt hốc hác.

Cậu bước tới cửa sổ và mở toang những tấm rèm che. Trời đã về đêm. Có khói bốc lên từ một đám cháy phía dưới.

Gus quay lại đối mặt với Crispin, lúc này đang lao vào tấn công cậu từ phía kia căn phòng, hú lên. Gus vung cao hai tay và

dùng sợi xích của chiếc còng tay chặn cổ họng gã anh trai. Đủ cao để vòi chích của anh ta không thể thò ra.

Gus túm đầu Crispin bằng cả hai tay và dúm anh ta xuống sàn. Đôi mắt đen của gã anh trai ma cà rồng của Gus trợn trừng, cầm giật giật khi cố gắng há miệng ra mà không thể do bị Gus ghì chặt. Cậu định làm Crispin nghẹt thở, nhưng cứ thấy anh ta đập mãi mà không xiêu đi - và Gus sợ nhớ ma cà rồng không cần thở, và không thể bị giết theo cách đó.

Vậy là Gus túm cổ Crispin dậy trong lúc anh ta không ngừng khua tay cào vào cánh tay cậu. Trong mấy năm gần đây, Crispin chẳng khác nào một thứ của nợ cho mẹ của họ và nguồn cơn của mọi nỗi tức giận trong lòng Gus. Giờ thì anh ta đã là một con ma cà rồng và phần tình nghĩa anh em trong Gus đã mất hết, thứ còn lại chỉ là sự căm phẫn. Và chính ý chí trả thù đã giúp Gus xô mạnh đầu Crispin vào chiếc gương lớn trang trí trên tường, chiếc gương cổ hình ô van rất dày đó không hề nứt vỡ cho tới khi đổ xuống sàn nhà. Gus thúc gối vào Crispin làm anh ta ngã xuống sàn, rồi cậu cầm mảnh thủy tinh vỡ lớn nhất lên. Khi Crispin còn chưa kịp khụy hẳn gối xuống thì Gus cắm đầu nhọn của mảnh thủy tinh đó vào gáy anh ta. Nó cắt đứt cột sống và xuyên ra trước cổ Crispin mà không làm đứt hẳn. Gus rạch mảnh thủy tinh đó qua một bên cổ Crispin, làm đầu anh ta gần như rời hẳn ra - nhưng cậu không để ý làm cạnh sắc của nó cũng cửa đứt lòng bàn tay mình. Mặc dù thấy nhói đau nhưng cậu vẫn không buông mảnh gương vỡ cho tới khi đầu của con ma cà rồng rời khỏi thân thể.

Gus vừa lão đảo lùi lại vừa nhìn vết cửa chảy máu trong lòng bàn tay mình. Cậu muốn chắc chắn rằng không một con giun nào trong số những con đang ngoe nguẩy trong máu trắng của Crispin chạm được vào người mình. Chúng ở trên thảm và khá khó thấy, bởi vậy Gus lùi ra xa. Nhìn những phần thân thể trên sàn nhà của anh trai mình, Gus cảm thấy ghê rợn bởi cái phần ma cà rồng của anh ta, nhưng dù vậy thì cái chết của Crispin cũng không gây ra cảm xúc gì trong cậu. Bởi đối với cậu, Crispin đã chết từ nhiều năm trước.

Cậu rửa tay trong bồn. Vết cắt dài nhưng không sâu. Cậu dùng cái khăn rửa bát nhóp nháp để cầm máu và bước vào phòng ngủ của mẹ mình.

“Mẹ?”

Cậu chỉ hy vọng bà không có ở đó. Giường bà gọn gàng và trống không. Cậu quay ra, nhưng nghĩ lại, cậu chống hai tay quỳ thụp xuống để ngó vào dưới gầm giường. Chỉ có mấy cái hộp chứa áo len và đôi tạ tay mà bà mua từ mười năm trước. Cậu đang quay trở ra bếp thì nghe thấy tiếng sột soạt trong tủ đồ. Cậu dừng lại, nghe ngóng. Cậu bước tới mở cửa tủ. Toàn bộ quần áo của bà đã được gỡ xuống khỏi giá treo, chồng thành một đống lớn dưới sàn.

Đống đó động đậy. Gus kéo một cái váy tay hến cũ màu vàng ra và thấy khuôn mặt mẹ đang nhìn mình, đôi mắt đen, da tái xám.

Cậu đóng cửa lại. Không sập cửa và cũng không bỏ chạy, chỉ đơn giản là đóng cửa và đứng ở đó. Cậu muốn khóc, nhưng nước mắt không chảy ra, chỉ có tiếng thở dài, tiếng thút thít khe và sâu. Và cậu quay ra tìm kiếm loanh quanh trong phòng ngủ của bà một thứ vũ khí nào đó có thể cắt đầu bà...

... nhưng rồi cậu nhận ra thế giới này đã đi về đâu. Vậy là, thay vì làm cái việc định làm, cậu quay lại chỗ cánh cửa đóng, úp mặt vào đó.

“Con xin lỗi mẹ,” cậu thì thầm. “*Lo siento*. Đáng ra con phải có mặt ở nhà. Đáng ra con phải có mặt ở nhà...”

Cậu choáng váng đi vào phòng mình. Cậu thậm chí chẳng thể thay áo do vướng cồng tay. Cậu nhét vài món quần áo vào một cái túi giấy để thay đồ khi có thể, và kẹp nó dưới cánh tay.

Rồi cậu nhớ tới ông lão. Cửa hàng cầm đồ trên phố 118. Ông ấy có thể giúp cậu. Giúp cậu chống lại thứ này.

Cậu rời căn hộ, bước ra hành lang. Có vài người đứng ở chỗ thang máy, và Gus cúi thấp đầu xuống đi về phía họ. Cậu không muốn bị nhận diện, không muốn rầy rà với bất cứ ai là hàng xóm của mẹ mình.

Đi được nửa đường đến thang máy thì cậu nhận ra họ không nói chuyện và cũng không động đậy. Cậu ngẩng lên và nhìn thấy có ba người đang đứng đối diện với mình. Cậu dừng lại khi nhận ra mắt họ, những đôi mắt đen, cũng trống rỗng. Ma cà rồng đang chặn lối ra của cậu.

Chúng bắt đầu xông vào cậu, và cậu chỉ còn biết dón dập nện đôi tay bị còng vào chúng, đánh văng chúng vào tường, đập đầu chúng xuống sàn. Cậu đá chúng khi chúng ngã, nhưng chúng không nằm yên lâu. Cậu không để tên nào có được cơ hội thò vòi ra, cậu giẫm nát sọ của vài tên dưới gót giày nặng trĩch của mình trong khi chạy tới thang máy, và cửa thang máy đóng lại trước khi chúng kịp chạy tới nơi.

Cậu đứng một mình trong thang máy, thở hổn hển, đếm số tầng. Cậu đã làm mất cái túi - nó bị bục, làm quần áo rơi vương vãi khắp hành lang.

Thang máy xuống đến sảnh và cửa thang mở ra. Gus đứng hơi khom người, sẵn sàng cho một trận chiến nữa.

Sảnh vắng hoe. Nhưng phía ngoài cửa loáng thoáng ánh sáng vàng cam yếu, và có những tiếng tru và kêu thét. Cậu bước ra phố và thấy có đám cháy ở dãy nhà kế bên, ngọn lửa đang bén sang những tòa nhà bên cạnh. Cậu thấy nhiều người ngoài đường cầm theo những tấm ván gỗ và vũ khí tự chế, chạy về phía đám cháy.

Từ một hướng khác, cậu thấy một nhóm sáu người lè tẻ không mang theo vũ khí, đi bộ chứ không chạy. Một người đàn ông chạy băng qua Gus, kêu lên, "Lũ chết tiệt ở khắp mọi nơi, anh bạn!" và rồi đâm sầm vào nhóm sáu người kia. Đối với một con mắt bình thường, đó trông như thể một vụ cướp đường phố, nhưng Gus thì nhìn thấy một vòi chích dưới ánh sáng vàng của ngọn lửa. Ma cà rồng đang biến đổi mọi người trên đường phố.

Trong khi cậu đang nhìn, một chiếc SUV màu đen lao nhanh tới từ đám khói. Cảnh sát. Gus quay mình chạy đuổi theo cái bóng của mình dưới ánh đèn pha ô tô - thẳng về phía nhóm sáu tên kia. Chúng cũng xông vào cậu, da mặt tái xanh và những đôi mắt đen sáng rực lên dưới ánh đèn pha. Gus nghe

thấy tiếng cửa xe mở ra, rồi tiếng giày nện trên hè đường, và cậu thấy mình đã mắc kẹt giữa hai vận tử. Cậu phi thẳng vào đám ma cà rồng đang gặm gừ, vung hai nắm tay bị còng và húc đầu vào ngực chúng. Cậu không muốn cho chúng cơ hội há mồm ra với mình. Nhưng rồi một tên móc được tay vào cái còng của Gus và quăng cậu ngã xuống đất. Chỉ trong một giây, cả bầy đã xô tới phía trên cậu, tranh nhau giành quyền hút máu từ cổ cậu.

Một tiếng *phup*, và một ma cà rồng rú lên. Rồi một tiếng *bup*, và đầu của một con ma cà rồng biến mất.

Kẻ đang đè lên cậu bị bắn trúng từ phía bên và bất thần đổ xuống. Gus lăn mình chồm dậy dưới ánh sáng đèn đường.

Đó hoàn toàn không phải là cảnh sát. Họ là những người đàn ông khoác áo liền mũ trùm đen, mặt bị che tối, mặc quần dã chiến đen và mang giày da đen cao cổ. Họ bắn bằng những chiếc súng nhỏ nhỏ và loại nỏ lớn hơn có báng gỗ kiểu súng trường. Gus nhìn thấy một gã ngắm bắn một con ma cà rồng và găm mũi nỏ vào cổ của nó. Trước khi con ma có đủ thời gian đưa tay lên cổ thì mũi nỏ phát nổ với một lực vừa đủ để bứt cái đầu ra khỏi cổ.

Con ma cà rồng bị tiêu diệt.

Những mũi nỏ đó có đầu nhọn bịt bạc và được nạp một khối nổ kích hoạt do va đập.

Thợ săn ma cà rồng. Gus trở mắt nhìn họ. Những con ma cà rồng khác đang chạy ra từ các cánh cổng, và các thợ săn này có thể bắn trúng cổ chúng từ khoảng cách hai mươi lăm, thậm chí ba mươi mét. Một trong số các thợ săn đó chạy tới chỗ Gus như thể nhầm tưởng cậu là một ma cà rồng, và trước khi Gus có thể cất tiếng, gã tì một chân lên hai tay cậu, ấn chúng xuống mặt đường. Rồi gã thay mũi nỏ và nhắm bắn sợi xích nối giữa hai còng tay của Gus. Mũi nỏ bạc làm vỡ sợi xích thép, găm vào mặt đường nhựa. Gus co rúm lại, nhưng không có tiếng nổ nào. Hai tay cậu tách ra, dù mỗi cổ tay vẫn còn xỏ trong cái còng của cảnh sát. Tay thợ săn đó kéo cậu đứng lên với một sức mạnh đáng ngạc nhiên.

“Quá tuyệt, mẹ kiếp!” Gus nói, vô cùng ấn tượng trước những gã này. “Tôi đăng ký gia nhập ở đâu đây!”

Nhưng vị cứu tinh của cậu khựng lại, và cậu thoáng nhìn thấy cái gì đó. Gus nhìn kỹ hơn vào cái khoảng hở tối tăm trong mũ trùm liền áo của gã, và thấy trong đó là một bộ mặt trắng như vỏ trứng. Mắt gã đen và đỏ, miệng héo hắt và gần như không có môi.

Gã thợ săn nhìn chòng chọc vào vết rách rướm máu trong lòng bàn tay Gus.

Gus biết ánh nhìn đó. Đó là ánh nhìn trong mắt của anh trai và mẹ cậu.

Cậu định lùi lại, nhưng nắm tay của gã cứng chẳng khác nào gọng kìm. Thứ đó bắt đầu há miệng ra, và đầu vòi chích xuất hiện.

Rồi một tên thợ săn khác chạy tới, chìa mũi nỏ vào cổ gã này. Tên thợ săn mới kéo tuột cái mũ trùm đầu của gã đã cứu Gus về phía sau, và Gus nhìn thấy một cái đầu trọc lóc, không có tai, đôi mắt già nua của một con ma cà rồng trưởng thành. Gã thợ săn cũ hầm hè với cái nỏ của gã đồng đội, rồi cũng đành phải bàn giao Gus cho tên thợ săn mới, kẻ mà cậu vừa kịp nhận ra cũng có bộ mặt tái xanh của ma cà rồng khi hấn nhắc cậu lên, đem tới chiếc SUV và ném vào hàng ghế thứ ba.

Những con ma cà rồng đội mũ trùm đầu còn lại cũng vào trong xe và nổ máy, chiếc xe cua một vòng chữ U ngay giữa phố và vọt đi. Gus là con người duy nhất trong chiếc SUV.

Một cái tát vào thái dương làm cậu ngất lịm. Chiếc SUV lao nhanh trở lại chỗ tòa nhà bốc cháy, xuyên qua đám khói đường phố như một cái máy bay bay qua một đám mây, rồi rú ga vọt qua đám người bạo loạn, vòng qua một góc phố nữa, rồi đi xa hơn vào khu phố trên.

Bồn tắm

NOI ĐƯỢC GỌI LÀ bồn tắm của Trung tâm Thương mại Thế giới đổ nát, phần móng sâu bằng một tòa nhà cao bảy tầng, được chiếu sáng như ban ngày để làm ca đêm cho tới tận lúc

bình minh. Tuy nhiên, cả công trường giờ hoàn toàn tĩnh lặng, những cỗ máy khổng lồ cũng yên ắng. Công việc vốn diễn ra suốt ngày đêm, bắt đầu gần như ngay sau khi tòa tháp này sụp đổ, giờ đây đã hoàn toàn dừng lại.

“Tại sao lại là nơi này?” Eph hỏi. “Tại sao lại ở đây chứ?”

“Nơi này thu hút nó,” Setrakian nói. “Như loài chuột chũi vẫn đào tổ ngay tại phần thân mục tàn của một cái cây bị đốn. Như sự hoại tử vẫn hình thành bên trong một vết thương. Chúa Tể sống bám vào tai ương và đau đớn.”

Eph, Setrakian và Fet ngồi trong thùng xe tải của Fet, lúc này đang đậu giữa phố Church và phố Cortlandt. Setrakian ngồi sát những cửa sổ sau, cầm một ống nhìn đêm. Rất ít xe cộ trên đường, chỉ có một vài chiếc taxi hay xe tải chuyển phát chuyên hoạt động tầm giờ mờ sáng này. Chẳng có một người đi bộ hay bất cứ dấu hiệu nào của sự sống. Họ đang tìm kiếm ma cà rồng, nhưng chẳng thấy bất cứ gì.

Setrakian, mắt vẫn dán vào ống nhìn, lên tiếng, “Trên này quá sáng. Chúng không muốn bị trông thấy đâu.”

Eph nói, “Chúng ta chẳng thể cứ liên tục đi vòng quanh khu công trường này mãi được.”

“Nếu số lượng chúng nhiều như ta đã dự đoán,” Setrakian nói, “thì hẳn chúng phải ở rất gần đây thôi. Để trở lại hang ổ trước khi mặt trời lên.” Ông nhìn sang Fet. “Chúng cũng giống như lũ chuột bọ vậy.”

Fet nói, “Để tôi cho ông biết điều này. Tôi chưa từng thấy một con chuột đi đâu bằng cửa chính cả.” Anh nghĩ về điều đó thêm một lát, rồi chen qua chỗ Eph, lên tới hàng ghế trước. “Tôi có một ý này.”

Anh lái xe dọc phố Church về phía Bắc tới Tòa Thị chính, cách khu công trường Trung tâm Thương mại Thế giới một dãy nhà về phía Đông Bắc. Một công viên lớn bao quanh đó, và Fet đổ vào một khu đậu xe buýt trên phố Park Row, tắt máy.

“Công viên này là một trong những ổ chuột lớn nhất thành phố. Chúng tôi đã kéo cây thường xuân ra, bởi nó che chắn mặt đất quá tốt. Chúng tôi cũng thay đổi các thùng rác, nhưng vẫn

vô ích. Chúng quấy rối ở đây hết như lũ sóc vậy, đặc biệt vào buổi trưa khi những nhóm ăn trưa tới. Đồ ăn khiến chúng sung sướng, mà chúng lại có thể lấy thức ăn gần như ở khắp mọi nơi. Chính kết cấu hạ tầng là thứ mà lũ chuột quan tâm nhất." Anh chỉ xuống mặt đất. "Dưới đó là một nhà ga bỏ hoang. Đó là ga Tòa Thị chính cũ."

Setrakian nói, "Nó vẫn còn kết nối chứ?"

"Mọi nơi đều kết nối với nhau dưới lòng đất, bằng đường này hay đường khác."

Họ chờ đợi, và chẳng mất nhiều thời gian.

"Kia rồi," Setrakian nói.

Eph nhìn thấy một phụ nữ quần áo bẩn thỉu dưới ánh đèn đường, cách đó khoảng ba mươi mét. "Một người vô gia cư," anh nói.

"Không," Setrakian đáp, đưa ống nhìn nhiệt cho Eph.

Eph nhìn thấy, qua ống nhìn, người phụ nữ là một khối mờ đỏ rực giữa một bối cảnh thấp nhiệt, lờ mờ tối.

"Đó là quá trình trao đổi chất của chúng," Setrakian nói. "Vẫn còn một con nữa."

Một người phụ nữ mập mạp đang bước lạch bạch, vẻ như dẫn đò, rồi bà ta đứng núp dưới bóng tối đổ dọc hàng rào sắt thấp bao quanh công viên.

Và tiếp nữa: một người đàn ông mặc tạp dề của người bán báo đang vác một thi thể trên vai. Ông ta thả nó sang phía bên hàng rào, rồi lóng ngóng trèo qua. Ông ta ngã xuống phía bên kia, bị rách một ống quần, rồi lại đứng dậy như không. Ông ta kéo nạn nhân của mình lên và bước tới bóng cây.

"Phải," Setrakian nói. "Đây rồi."

Eph rùng mình. Sự hiện diện của những mầm bệnh biết đi này, những căn bệnh mang hình hài con người này, khiến anh chùn bước. Anh cảm thấy ghê tởm khi quan sát chúng lảo đảo đi vào công viên, giống như loài động vật cấp thấp đang làm theo một thôi thúc nào đó vô thức, trốn tránh ánh sáng. Anh nhận ra sự vội vã của chúng, như những người đi tàu cố gắng bắt chuyến cuối cùng về nhà vậy.

Họ lặng lẽ bước ra khỏi chiếc xe tải. Fet mặc bộ đồ bảo hộ Tyvek cùng đôi ủng cao su. Anh đưa những bộ đồ dự phòng cho hai người kia, nhưng Eph và Setrakian chỉ lấy đôi ủng. Không cần hỏi han gì, Setrakian xịt lên từng người thứ nước xịt khử mùi từ một chiếc lọ có nhãn hình con hươu bên trong một khung ngắm chữ thập đỏ. Đương nhiên dung dịch này chẳng thể che giấu khí CO₂ phả ra từ hơi thở của họ, hay tiếng tim đập và máu chảy trong mạch.

Fet mang theo nhiều thứ nhất. Súng bắn đinh nằm trong một chiếc túi treo trên ngực cùng ba băng đạn đinh bạc dự phòng. Anh mang theo rất nhiều dụng cụ giắt thắt lưng, bao gồm ống nhìn đêm và cây đèn tử ngoại của mình, cùng một trong những con dao găm bằng bạc của Setrakian đút trong bao da. Anh cầm chiếc đèn Luma công suất cao trên tay, và để mìn UVC trong một túi lưới vắt trên vai.

Setrakian mang theo cây gậy chống và một cây đèn Luma, ống nhìn nhiệt trong túi áo khoác. Ông kiểm tra lại kỹ càng lọ thuốc trong túi áo vest, và rồi để chiếc mũ của mình lại xe tải.

Eph cũng mang theo một đèn Luma, còn trong một bao kiếm có dây đeo vắt chéo ngực là một thanh kiếm bạc dài hơn sáu mươi phân, chuôi nhô lên phía sau lưng.

Fet nói, "Tôi không chắc có khôn ngoan không khi xuống đánh nhau với một ác quỷ ngay tại chính hang ổ của nó."

Setrakian nói, "Ta không còn cách nào khác. Đây là thời điểm duy nhất ta biết nó ở đâu." Ông nhìn lên bầu trời, lúc này đã chuyển màu xanh cùng một chút ánh sáng lập lòe ban ngày. "Đêm đang kết thúc. Ta đi thôi."

Họ tiến tới cái cổng hàng rào thấp bị khóa vào ban đêm. Eph và Fet trèo qua trước, sau đó giúp Setrakian.

Thêm nhiều tiếng bước chân trên vỉa hè - chúng di chuyển nhanh chóng, kéo lê một gót - buộc họ vội vã di chuyển vào sâu trong công viên.

Phía trong công viên không được thắp sáng vào ban đêm và rậm rạp cây cối. Họ nghe tiếng đài phun nước công viên đang hoạt động và tiếng xe cộ qua lại phía ngoài.

“Chúng đâu rồi?” Eph thì thầm.

Setrakian lấy ống nhìn nhiệt ra. Ông lia khắp khu vực, rồi đưa nó cho Eph. Eph nhìn thấy những hình thù sáng đỏ đang di chuyển lên lút trong không gian mát lạnh.

Câu trả lời cho câu hỏi của anh là: chúng ở khắp nơi. Và đang nhanh chóng tụ tập lại tại một điểm về phía Bắc.

Đích đến của chúng dần hiện lên rõ ràng. Một cái quầy nằm bên phía Broadway của công viên, một cấu trúc tối mà Eph chẳng thể nhìn rõ từ khoảng cách xa như vậy. Anh quan sát và chờ đợi cho tới khi số lượng ma cà rồng di chuyển về đó giảm bớt, và ống nhìn của Setrakian không còn cho thấy những nguồn nhiệt đáng kể nào khác.

Họ chạy tới chỗ đó. Dưới ánh sáng mới chớm lên, họ thấy đó là một quầy thông tin, đóng cửa vào ban đêm. Họ kéo mở cửa, và thấy nó trống trơn.

Họ chui vào bên trong không gian chật hẹp này. Trên mặt quầy gỗ là những giá lưới đựng tờ rơi du lịch và lịch trình xe buýt tham quan. Eph chiếu cây đèn Maglite của mình lên cửa kim loại hai cánh dưới sàn. Có những lỗ móc to ở cả hai cánh, và khóa móc đã biến mất. Dòng chữ in dọc cánh cửa ghi: MTA⁽¹⁾.

Fet kéo mở cả hai cánh cửa, Eph lăm lăm đèn trên tay. Đó là một cầu thang dẫn xuống dưới, thẳng vào bóng tối. Setrakian chĩa đèn pin vào một biển hiệu gắn trên tường đã phai mờ trong khi Fet bắt đầu bước xuống.

“Lối thoát hiểm khẩn cấp,” Fet thông báo. “Họ đã chặn ga Tòa Thị chính cũ sau Thế Chiến thứ hai. Khúc cua của đường ray này quá gấp đối với những con tàu mới hơn, và sân ga thì quá hẹp - mặc dù tôi nghĩ tuyến đường địa phương số 6 vẫn rẽ qua đây.” Anh nhìn từ bên này sang bên kia. “Hẳn là họ đã phá bỏ lối thoát hiểm cũ, và dựng quầy này lên trên.”

“Được rồi,” Setrakian đáp. “Đi thôi.”

1. Viết tắt của Metropolitan Transportation Authority: Cơ quan Quản lý Vận tải Công cộng thành phố New York.

Eph theo sau cùng. Anh không đóng những cánh cửa phía sau, vì muốn có thể chạy thẳng lên mặt đất trong trường hợp cần thiết. Bụi bám bám trên rìa từng bậc thang, phần giữa thì sạch sẽ do thường xuyên đi lại. Dưới này còn tối hơn cả màn đêm phía trên.

Fet nói, “Điểm dừng tiếp theo, 1945.”

Cầu thang kết thúc trước một cánh cửa mở tới cầu thang thứ hai rộng hơn, hẳn phải dẫn xuống một gác lửng cũ. Đó là một kết cấu mái vòm lát gạch vuông với bốn cạnh hình cánh cung, hướng lên một mặt kính trang trí hiện đại nhìn lên bầu trời, lúc này đã bắt đầu chuyển hẳn sang màu xanh. Vài chiếc thang và giàn giáo cũ được đặt tựa vào phòng gỗ bán vé bên phía một bức tường cong. Những khung cửa vòm không được lắp đặt cửa xoay làm cho nhà ga mang dáng vẻ cũ kỹ.

Khung cửa vòm phía xa dẫn ra một cầu thang khác chiều rộng chỉ vừa đủ năm người, thông với sân ga chật hẹp. Sau một hồi đứng nghe ngóng trước khung cửa, và chỉ nghe thấy tiếng rít phanh tàu điện ngầm từ xa, họ tiến vào sân ga bỏ hoang.

Trông nó giống kiến trúc bên trong một nhà thờ lớn. Những bộ đèn chùm bằng đồng lấp những bóng đèn sợi đốt kiểu cũ thả xuống từ mái vòm, những tấm gạch ốp đan xen nhau dọc theo cung vòm trông giống những khóa phéc mơ tuya khổng lồ. Hai ô cửa sổ trần trên mái vòm cho phép ánh sáng lọt qua lớp kính thạch anh tím, phần còn lại đã được bọc chì để phòng những cuộc không kích trong Thế Chiến thứ hai. Ở phía xa kia, ánh sáng lọt qua một vài tấm lưới, dù còn yếu, nhưng đủ để cảm nhận được chiều sâu của đường ray với một độ cong hết sức ấn tượng. Chẳng có lấy một góc vuông trong cả nơi này. Gạch ngói hồng hóc khắp nơi, kể cả phần gạch tráng men của biển gắn tường gần nhất, sơn vàng và viền mép màu xanh lá, ở giữa là một tấm bảng trắng có dòng chữ màu xanh lam: **TÒA THỊ CHÍNH**.

Một màn bụi thép phủ dọc sân ga tròn in dấu chân ma cà rồng tiến vào bóng tối.

Họ theo dấu những vết chân tới phía cuối sân ga, rồi nhảy

xuống những đường ray vẫn còn hoạt động. Mọi thứ vẫn còn vận hành trên khúc cua trái dọc theo đường tránh tàu. Họ tắt đèn pin, và cây đèn Luma của Eph cho thấy những vũng nước tiểu khắp mọi nơi, óng ánh và nhiều màu, rải rác tới mãi xa. Setrakian đang rút ống nhìn nhiệt ra thì bất chợt họ nghe thấy những tiếng động từ phía sau. Những kẻ đến muộn bước xuống sân ga từ những bậc thang trên gác lửng. Eph tắt cây đèn, và họ cùng băng qua ba đường ray, tới bức tường phía xa, đứng nép mình vào trong hốc đá.

Những kẻ đến muộn rời khỏi sân ga, chân lê trên mặt sỏi bụi bặm dọc theo các đường ray. Setrakian quan sát chúng bằng ống nhìn nhiệt, hai cơ thể màu đỏ cam, không có gì bất thường về hình dáng hay điệu bộ. Sau đó, con đầu tiên biến mất, và Setrakian phải mất một lúc lâu mới nhận ra được nó đã lén vào một lỗ hổng trên tường, một khe hở mà không hiểu sao họ đã bỏ qua. Con thứ hai dừng lại ngay tại vị trí đó, nhưng thay vì biến mất, nó quay đầu nhìn về phía họ. Setrakian bất động, ông biết khả năng nhìn đêm của sinh vật này đã tiến hóa nhưng chưa thực sự trưởng thành. Ống nhìn nhiệt của ông chỉ ra cổ họng con ma cà rồng này là vùng nóng nhất. Một dòng màu cam chảy xuống chân nó và ngay lập tức nguội thành màu vàng khi nó tràn ra mặt đất, sinh vật này đang đi tiểu. Đầu nó nghếch lên như thể một con thú đang đánh hơi con mồi, nhìn theo đường ray xa khỏi nơi họ đang trốn... sau đó, nó thấp đầu xuống và biến mất vào khe nứt trên tường.

Setrakian trở lại đường ray, hai người còn lại theo sau ông. Mùi hôi thối từ thứ nước tiểu mới vẫn còn nóng ấm của ma cà rồng ngập tràn cả nhà ga mái vòm. Mùi amoniac cháy gọi lại cho Setrakian những liên tưởng đen tối. Những người còn lại bước tránh qua vũng nước tiểu trong khi tiếp cận khe hở trên tường.

Eph rút thanh kiếm ra khỏi vỏ từ sau lưng, dẫn đầu. Con đường nhỏ này mở rộng ra một căn hầm vách thô nóng nực, bốc mùi hôi nước. Anh bật đèn Luma vừa kịp lúc nhận ra con ma cà rồng đầu tiên bật dậy khỏi một cái ghế dài và lao tới anh. Eph

không kịp giờ thanh kiếm bạc lên, và con ma cà rồng xô anh đập vào tường. Cây đèn của anh rơi xuống và nằm nghiêng gần một rãnh dẫn nước cống chạy cắt ngang mặt sàn. Và nhờ ánh sáng cực tím nóng bùng, anh có thể thấy nó là, hay đã từng là, một phụ nữ. Nó mặc áo vest công sở bên ngoài áo cánh trắng bản thủ, mascara màu đen lem xuống tạo thành đôi mắt gấu trúc đầy hăm dọa. Hàm nó hạ xuống, lưỡi cuộn lên - đó chính là lúc Fet xông tới từ lối vào.

Anh cầm con dao găm lao vào nó, đâm một nhát dưới sườn. Nó lộn nhào khỏi người Eph và trở lại tư thế lom khom. Fet la lớn, đâm nó một nhát nữa, và lần này trúng phần ngực dưới vai trái, vị trí thông thường của một quả tim. Con ma cà rồng lù lại loạng choạng, rồi tiếp tục xông tới trước. Fet rú lên, đâm trọn lưỡi dao vào bụng dưới của nó. Nó oằn mình, gằm gừ - nhưng một lần nữa, phản ứng của nó mang vẻ bối rối hơn là đau đớn. Nó vẫn cứ lao vào anh.

Lúc này, Eph đã hồi phục tương đối, và khi con ma cà rồng tiếp tục lao vào Fet, Eph đứng lên chém lưỡi kiếm của mình vào nó bằng cả hai tay, từ phía sau. Thôi thúc giết người vẫn quá xa lạ với anh, chính bởi vậy cú chém rốt cuộc không được dứt khoát, và lưỡi kiếm chẳng thể lia qua hết. Nhưng thế là đủ. Anh đã cắt đứt được cột sống của nó, và đầu con ma cà rồng gập về phía trước. Tay nó quờ quạng, và cơ thể co giật khi nó ngã xuống rãnh nước cống giữa mặt sàn, như thể một thứ gì đó cháy lèo xèo trên chảo nóng.

Chẳng có đủ thời gian để sửng sốt. Những tiếng *bach-bach-bach* vang vọng khắp căn hầm chính là tiếng bước chạy của con ma cà rồng thứ hai - nó đang chạy đi để cảnh báo những con khác.

Eph chộp cây đèn Luma trên sàn và lao theo nó, sẵn sàng tay kiếm. Anh tưởng tượng mình đang đuổi theo chính con ma cà rồng đã dụ Kelly tới đây, và nỗi căm giận đó đã thúc anh chạy nhanh hơn dọc theo hành lang ảm thấp, đôi bốt giẫm nước tung tóe. Đường hầm quẹo phải, tại đó một ống nước lớn nhô ra từ vách đá, và chạy suốt chiều dài đường hầm chật hẹp. Hoi

nước nóng kích thích tảo và nấm mốc phát triển và chúng sáng lên dưới ánh đèn pin của anh. Anh trông thấy lò mờ con ma cà rồng phía trước. Nó chạy, tay mở rộng, những ngón tay cào vào không trung.

Và rồi, sau một ngã cua gấp nữa, con ma cà rồng biến mất. Eph chậm bước và ngó quanh, chiếu đèn. Anh hoang mang - cho tới khi trông thấy cẳng chân nó đang đập đất chui vào một hố đào bên dưới bức tường bên. Sinh vật đó có thể trườn như giun ra khỏi đường hầm. Eph chém xuống đôi bàn chân bản thủ của nó, nhưng chúng rụt lại quá nhanh, làm lưỡi kiếm của anh cắm vào đất.

Eph quỳ gối, nhưng chẳng thể nhìn xuyên qua phía bên kia cái hố hẹp. Anh nghe thấy tiếng bước chân, hiểu rằng Fet và Setrakian vẫn bám sát theo mình. Anh quyết định không chờ đợi thêm nữa. Eph nằm ngửa ra và bắt đầu chui qua.

Anh chui vào cái hốc, hai tay đưa lên trên đầu, hướng cây đèn và thanh kiếm ra phía trước. *Đừng để bị mắc kẹt tại đây*, anh nghĩ. Kéo anh sẽ chẳng thể nào bò trở lại được nữa. Rồi tay và đầu anh nhô ra một không gian mở, cuối cùng cũng qua được cái hang, anh bật người đứng dậy.

Thở hổn hển, anh quơ đèn xung quanh như thể nó là một ngọn đuốc. Anh đang ở trong một đường hầm khác, tuy nhiên nơi đây đã được hoàn thiện với những đường ray và đá sỏi, tinh mịn một cách kỳ dị, đáng sợ. Phía bên trái anh, cách đó chưa đầy một trăm mét, có ánh sáng.

Một sân ga. Anh vội chạy dọc theo đường ray và trèo lên đó. Sân ga này chẳng mang chút dáng vẻ lộng lẫy nào của nhà ga Tòa Thị chính cả; thay vào đó là toàn những xà rầm thép chông chơ cùng những đường ống lộ ra trên trần. Eph cứ ngỡ mình đã đặt chân tới mọi nhà ga trong thành phố, nhưng anh chưa từng tới nơi đây.

Một tàu điện ngầm dài nằm im lìm phía cuối sân ga, biển trên cửa ghi: **KHÔNG HOẠT ĐỘNG**. Tường của một tháp kiểm soát cũ nằm chính giữa vẽ đầy những hình graffiti lộn xộn kiểu xưa. Anh thử mở cửa, nhưng nó đã bị khóa.

Anh nghe thấy tiếng lục đục phía sau, trong đường hầm. Fet và Setrakian đang chui qua cái hố, cố bắt kịp anh. Có lẽ thật không khôn ngoan khi chạy trước một mình thế này. Eph quyết định chờ họ, dưới ốc đảo ánh sáng này, cho tới khi anh nghe thấy tiếng một hòn sỏi bị đá trên đường ray gần đó. Anh quay lại vừa kịp để trông thấy một con ma cà rồng đang lao ra từ toa tàu cuối cùng, nó chạy dọc theo bức tường phía xa, tránh xa khỏi ánh sáng của ga tàu bỏ hoang.

Eph vọt theo sau nó, tới cuối đầu kia sân ga, rồi nhảy phốc xuống, chạy dọc theo đường ray, tiến vào bóng tối. Đường ray ngoặt gấp sang phải và kết thúc tại đó. Anh chạy, vách đường hầm nhòe đi theo bước chân anh. Anh có thể nghe tiếng chân trần hấp tấp của con ma cà rồng đập trên nền đá sỏi sắc nhọn vang vọng. Sinh vật này sẩy chân, nó bắt đầu chậm lại. Eph tới gần hơn, sức nóng từ cây đèn của anh khiến con ma cà rồng hoảng loạn. Nó quay đầu lại, khuôn mặt bị chiếu ánh sáng cực tím của nó đầy vẻ kinh hãi.

Trên đà lao tới, Eph quét cánh tay cầm kiếm về phía trước, phạt đứt đầu con quái vật.

Cái xác mất đầu đổ về phía trước. Eph dừng lại, chiếu đèn Luma vào cái cổ rỉ dịch trắng của nó, giết chết những con giun máu đang chạy trốn. Rồi anh thẳng người lên, điều chỉnh lại hơi thở nặng nhọc của mình... và ngay lập tức, anh nín thở.

Anh nghe thấy gì đó. Đúng hơn là, anh cảm thấy chúng. Thứ gì đó ở xung quanh. Không phải tiếng bước chân hay chuyển động, mà là... xôn xao.

Anh lấy chiếc đèn pin nhỏ của mình ra bật lên. Thi thể những người dân New York ngổn ngang khắp sàn đất của đường hầm. Những cái xác vẫn còn mặc quần áo nằm sắp thành hàng hai bên, trông như các nạn nhân của một vụ rò rỉ khí ga. Một số vẫn còn mở mắt, với ánh nhìn trừng trừng vô hồn của người bệnh.

Họ đã bị biến đổi. Những người mới bị cắn, mới bị lây nhiễm. Họ bị tấn công vào chính đêm đó. Cảm giác xôn xao Eph cảm thấy ban nãy chính là sự biến đổi bên trong những cơ

thể này: các chi không động đậy, nhưng những khối u thì đang sinh sôi trong các cơ quan, và hàm dưới đang phát triển thành vòi chích.

Có hàng tá thi thể, và vẫn còn nhiều hơn thế phía trước, lò mờ vượt ra khỏi tầm ánh sáng đèn pin. Đàn ông, phụ nữ, trẻ con - tất cả đều là nạn nhân. Anh sục sạo, lướt đèn từ khuôn mặt này tới khuôn mặt kia, tìm kiếm Kelly - và cầu nguyện rằng anh sẽ không tìm thấy cô tại đây.

Trong lúc anh vẫn đang tìm kiếm thì Fet và Setrakian chạy tới. Nhẹ nhõm, nhưng cũng tuyệt vọng, Eph nói với họ, "Cô ấy không có ở đây."

Setrakian đứng, đặt tay lên ngực, thở gấp. "Còn bao xa nữa?"

Fet nói, "Đây là một ga Tòa Thị chính khác thuộc tuyến Brooklyn-Manhattan, nằm ở sâu hơn, chưa từng được sử dụng mà chỉ để chứa đồ. Tức là ta đang ở bên dưới tuyến Broadway. Lối rẽ đường ray này sẽ đưa ta đi vòng qua phần móng của tòa nhà Woolworth. Phố Cortlandt tiếp theo ngay sau đó. Nghĩa là Trung tâm Thương mại Thế giới..." Anh ngược lên, như thể trông thấy được những tòa nhà mười, mười lăm tầng trên mặt đất. "Chúng ta đang tới rất gần rồi."

"Hãy kết thúc chuyện này thôi," Eph nói. "Ngay bây giờ."

"Chờ đã," Setrakian lên tiếng, ông vẫn đang cố giữ đều nhịp tim. Chiếc đèn pin của ông chiếu qua khuôn mặt những người đã bị biến đổi. Ông quỳ một gối, kiểm tra một số người bọ họ bằng chiếc gương tráng bạc lấy ra từ trong túi áo khoác. "Trước tiên, ta có một nhiệm vụ ở đây đã."

Fet và Eph tiêu diệt những con ma cà rồng mới sinh dưới ánh sáng từ chiếc đèn pin của Setrakian. Mỗi phát chém đầu lại như một cú giáng mạnh vào tinh thần Eph.

Eph giờ đây cũng đã bị biến đổi. Không phải từ một con người trở thành ma cà rồng, mà từ một bác sĩ trở thành kẻ sát nhân.

Càng đi xa vào trong những đường hầm, mặt đất càng ướt át. Những rễ cây, dây leo và cây bạch tạng kỳ dị thiếu ánh sáng mặt trời trườn xuống từ trần hầm vẫn còn chưa hoàn thiện để

hút nước. Ánh sáng vàng hiếm hoi dưới đường hầm cho thấy nơi đây hoàn toàn không có những hình graffiti trên tường. Bụi trắng phủ kín những chỗ không có ai bước lên, một lớp bụi rất mịn phủ trên bề mặt những vũng nước tù đọng. Đó là những phần còn sót lại của Trung tâm Thương mại Thế giới. Cả ba người đều cố tránh giẫm lên đó, với sự tôn trọng dành cho một nghĩa địa.

Trần hầm thấp dần cho đến lúc thấp hơn đầu người, và rồi dẫn tới một ngõ cụt. Setrakian lướt đèn, tìm thấy một lỗ hổng tại phần trên của bức tường đang hẹp dần, đủ rộng để họ có thể chui qua. Tiếng rầm rầm khi nãy còn xa và lơ mơ thì giờ đã lớn dần. Ánh đèn pin cho thấy mặt nước dưới chân giày của họ bắt đầu gợn sóng. Đó chính xác là tiếng rú của một tàu điện ngầm, và cả ba người cùng quay lại nhìn, đường hầm họ đang đứng không có đường ray.

Nó ở phía trước họ, đang lao về phía họ - nhưng tại đường ray tầng trên - tiến vào sân ga Tòa Thị chính BMT đang hoạt động ở bên trên. Tiếng rít, gầm rú, và rung chuyển lớn đến độ khó mà chịu nổi - đạt tới sức mạnh và âm lượng của một cơn động đất - và ngay lập tức, họ nhận ra tình trạng hỗn loạn này chính là cơ hội tốt nhất của mình.

Họ ép người chui qua lỗ hổng, nhanh chóng tới một đoạn đường nhân tạo khác, không có đường ray, những bóng đèn thi công treo tại đây không bật, và chúng rung lên, nhảy múa dưới tác động của tàu điện ngầm. Đất đá và gạch vụn từ lâu đã được vun thành một đống cao gần chục mét tới tận trần, phía sau những rầm thép. Tại một góc cua dài phía trước, họ thấy ánh sáng vàng ệch lơ mơ. Họ tắt đèn Luma và chạy dọc đường hầm tối tăm, cảm thấy nó nở rộng ra khi họ vòng qua khúc cua, rẽ vào một căn hầm dài, rộng rãi.

Khi mặt đất ngừng rung chuyển và tiếng con tàu nhỏ dần đi như một cơn bão đang tan, họ bước chậm lại, tránh phát ra tiếng động. Eph cảm thấy những sinh vật đó trước khi kịp nhìn thấy chúng, hình dạng của chúng, đang ngồi và nằm rải rác trên sàn. Những sinh vật này thức giấc bởi sự hiện diện của họ,

chúng ngồi dậy, nhưng không tấn công. Vì thế anh, Setrakian và Fet tiếp tục di chuyển vào sâu trong hang ổ của Chúa Tể.

Những con ma cà rồng này đã ăn đêm đó, chúng ửng hồng máu, và giống như loài ve, chúng nằm và tiêu hóa. Chúng suy nhược như đã chết, những sinh vật ẻo oải, chỉ chờ đợi mặt trời xuống, chờ đợi cơ hội để được ăn tiếp.

Chúng bắt đầu đứng lên. Chúng mặc đồ công nhân, đồ công sở, đồ thể thao, đồ ngủ, đồ ở nhà, tạp dề bẩn, và thậm chí trần truồng.

Eph nắm chắc thanh kiếm, tìm kiếm những khuôn mặt khi đi ngang qua chúng. Đó là những khuôn mặt chết chóc với đôi mắt đỏ máu.

"Hãy tùm lại với nhau," Setrakian thì thào, vừa đi vừa cẩn thận rút quả mìn UVC từ chiếc túi lưới trên lưng Fet. Bằng những ngón tay cong queo, ông bóc dải băng dính an toàn, rồi quay phần trên của quả cầu để chuẩn bị pin sẵn sàng. "Tôi thực sự mong thứ này có hiệu quả."

"Mong ư?" Fet nói.

Sau đó, một con tiến về phía anh - một lão già, có vẻ vẫn chưa được thỏa mãn như những con khác - Fet giương con dao bạc ra, và con ma cà rồng rít lên. Fet đập giày vào bắp đùi lão già, đẩy lão ra xa. Anh giơ con dao bạc cho tất cả những con khác cùng thấy.

"Chúng ta đang rơi vào một tình thế khó khăn đây."

Những khuôn mặt đỏ hồng với ánh nhìn độc ác xuất hiện từ các bức tường. Những con ma già hơn, thuộc thế hệ một hoặc hai, căn cứ theo mái tóc bạc trắng của chúng. Có tiếng rên của loài thú, cùng tiếng nghèn nghẹt từ thanh môn ở một vài con, như thể chúng đang cố nói gì đó, nhưng âm thanh bị chặn lại bởi cơ quan góp guốc phát triển dưới lưới. Cổ họng sưng phồng của chúng co giật mạnh.

Setrakian bước lên giữa Fet và Eph, nói. "Khi đầu nhọn này chạm mặt đất, pin chắc hẳn sẽ được nối điện."

"Chắc hẳn ư!" Fet nói.

"Các anh sẽ phải nấp phía sau những cột trụ này, trước

khi nó kích hoạt." Những thanh rằm gỉ đóng đinh tán cách đều nhau. "Sẽ không có tới vài giây đâu. Và khi đó, nhắm mắt lại. Đừng nhìn. Vụ nổ sẽ khiến các anh mù mắt."

"Hãy làm luôn đi!" Fet nói, lũ ma cà rồng bu đầy.

"Chưa được..." Ông lão mở cây gậy chống chỉ vừa đủ để lộ ra lưỡi kiếm bạc, và bằng một động tác nhanh như xẹt lửa, ông quệt hai đầu ngón tay xương xẩu của mình vào cạnh sắc. Máu chảy nhỏ giọt xuống nền đá. Đánh hơi thấy mùi máu trong không khí, lũ ma cà rồng ủa tới từ khắp mọi phía, xúm lại từ những góc khuất, tò mò và đói khát hơn bao giờ hết.

Fet dùng con dao găm chém qua không khí bụi bặm để bảo đảm vài mét trống xung quanh khi họ di chuyển. "Ông còn chờ đợi gì nữa?" anh nói.

Eph nhìn những khuôn mặt, tìm kiếm Kelly trong số những phụ nữ mang đôi mắt chết chóc. Một con lao tới, anh liền thọc mũi kiếm vào xương ức nó, và nó co rúm lại như thể bị thiêu cháy.

Tiếng ồn mỗi lúc một lớn hơn, đám đông phía trước bị đám phía sau đẩy gần lại hơn nữa, con đói không do dự, ham muốn không chờ đợi. Máu Setrakian nhỏ xuống sàn, mùi hương của nó - cùng những giọt máu vương vãi - khiến chúng phát điên.

"Làm đi!" Fet nói.

Setrakian, "Một vài giây nữa..."

Những con ma cà rồng xông vào, Eph đẩy chúng lùi lại bằng mũi kiếm. Chỉ tới lúc đó anh mới chợt nghĩ tới việc bật đèn Luma trở lại, nhưng đám ma cà rồng chúí mình thẳng vào luồng ánh sáng giết chóc như những thây ma nhìn chòng chọc vào mặt trời. Những con phía trước bị những con phía sau đẩy tới. Không khí căng thẳng chả khác nào một quả bóng bay sắp nổ... Eph cảm thấy một bàn tay nắm lấy tay áo mình...

"*Ngay bây giờ!*" Setrakian nói.

Ông tung quả cầu đinh lên không trung, như trọng tài ném một quả bóng rổ khai màn trận đấu. Khi đạt tới độ cao cực đại, quả cầu bắt đầu rơi xuống, cái đinh nặng hơn của nó chìa thẳng xuống mặt đất.

Mũi đinh thép bốn cạnh cắm vào lớp đá sỏi, âm thanh vo vo phát ra, giống tiếng của loại đèn nháy kiểu cổ khi nạp lại điện.

“Nhanh, nhanh lên!” Setrakian nói.

Eph huơ đèn và quét kiếm mở lối tới một trong những cột trụ. Đám ma cà rồng níu, kéo, và anh cảm nhận được những nhát chém ngọt xót vào cơ thể chúng, nghe thấy những tiếng rên và tru đứt quãng của chúng. Cùng lúc, anh vẫn không ngưng kiểm tra những khuôn mặt để tìm kiếm Kelly, và chém hết những ai không phải là cô.

Tiếng vo vo của quả mìn to dần lên. Eph đâm và đập và chém, dọn đường tới cột trụ thép, anh nấp vào bóng của nó vừa kịp lúc cả căn hầm tràn ngập ánh sáng xanh chói lòa. Anh nhắm tịt mắt và che chắn thêm bằng khuỷu tay.

Anh nghe thấy những tiếng kêu đau đớn của loài thú khi lũ ma cà rồng bị tiêu hủy. Tiếng tan chảy, phồng rộp, tróc da của những thân thể đang bị sấy khô bằng phản ứng hóa học, sự rã ra của cấu trúc bên trong cơ thể chúng cũng giống như sự lụi tàn của chính linh hồn chúng. Những tiếng thét bị bóp nghẹt lại bên trong cổ họng cháy bỏng của chúng.

Một lễ hiến tế tập thể.

Tiếng rền rĩ âm vực cao diễn ra không quá mười giây, ánh sáng xanh thanh tẩy quét từ sàn tới trần trước khi hết sạch pin. Căn hầm tối tăm trở lại - và khi tiếng động duy nhất còn lại chỉ là tiếng xèo xèo, Eph hạ tay, mở mắt.

Một mùi hôi thối bệnh hoạn theo đám sương khói bốc lên từ những sinh vật cháy thành than nằm đầy trên nền đất. Thật khó có thể di chuyển mà không động phải những thân ma mục rữa này, thi thể của chúng vụn ra như những khúc gỗ nhân tạo bị lửa đốt cháy. Chỉ những con ma cà rồng may mắn dính một phần nhỏ ánh sáng mới có thể còn cựa quậy, Eph và Fet nhanh chóng giải thoát cho những sinh vật tàn tạ, nửa sống nửa chết này.

Sau đó, Fet bước tới gần quả mìn lúc này cũng đã bị cháy. Anh quan sát sức tàn phá của nó.

“Được,” anh nói, “thứ này quả là tuyệt cú mèo.”

“Xem kìa,” Setrakian nói.

Ở phía cuối căn hầm ẩm thấp, nằm trên một ụ đất và rác cao chừng một mét là một cái hòm đen, dài.

Khi Eph và hai người kia tiếp cận nó - với cảm giác sợ hãi hết như những nhân viên phá bom đang tiếp cận một thiết bị đáng ngờ trong khi chưa kịp mặc đồ bảo vệ - anh nhận ra tình huống này sao mà vô cùng quen thuộc, và chỉ mất một giây để anh nhớ ra: anh đã cảm thấy hết như thế này khi bước vào trong cái máy bay tối tăm trên đường lăn, khởi đầu của toàn bộ chuyện này.

Chính là cảm giác tiếp cận một thứ gì đó chết nhưng không thực sự chết. Thứ gì đó đến từ một thế giới khác.

Anh tới đủ gần để chắc chắn nó chính là cái hòm đen dài từ khoang chứa hàng của chuyến bay 753. Nắp của nó được chạm khắc tinh xảo hình người quần quai như đang bị thiêu trong ngọn lửa, cùng những khuôn mặt kéo dài la hét đau đớn.

Cổ quan tài ngoại cỡ của Chúa Tể được đặt tại đây, trên một bệ thờ làm từ gạch vụn và rác thải bên dưới đồng đồ nát của Trung tâm Thương mại Thế giới.

“Chính là nó,” Eph nói.

Setrakian đưa tay gần lại vách hòm, gần như chạm vào những hình khắc, rồi lại rút những ngón tay cong queo về. “Tôi đã tìm kiếm thứ này từ rất lâu rồi,” ông nói.

Eph rùng mình trước kích thích khủng khiếp cùng sức mạnh tàn độc của thứ đó, chẳng còn muốn bắt gặp nó một lần nào nữa. Anh vẫn đứng cạnh nó, đề phòng nắp quan tài sẽ bật mở bất cứ lúc nào. Fet bước vòng sang phía đối diện. Không có tay cầm ở những cánh cửa trên nắp. Để mở, cần phải luôn ngón tay vào bên dưới khe hở ở chỗ nối giữa và kéo lên. Sẽ rất bất tiện và khó để thao tác nhanh.

Setrakian đứng trước vị trí được cho là đầu của cái hòm, thanh kiếm dài sẵn sàng trong tay. Nhưng đôi mắt ông lão nhuốm vẻ rầu rĩ. Eph có thể hiểu được lý do, và điều đó cũng khiến anh thấy hụt hẫng.

Thế này quá dễ dàng.

Eph và Fet luồn ngón tay vào dưới cánh cửa đôi, và sau khi gạt đầu đếm đến ba, họ cùng kéo mở. Setrakian rướn người ra phía trước, tay cầm đèn và kiểm... và ông nhận ra cái hòm chỉ toàn đất. Ông rà soát bằng cách chọc đầu kiếm xuống đáy cái hòm khổng lồ. Chẳng có gì cả.

Fet lui lại, đôi mắt hoang dại, hoảng hốt. “Nó biến mất rồi ư?”

Setrakian thu kiếm lại, gõ nó vào thành hòm để giữ sạch đất.

Eph ngậm tràn thất vọng. “Nó đã trốn thoát.” Eph lui bước khỏi cổ quan tài, quay mặt về phía bãi xác ma cà rồng bên trong căn hầm khủng khiếp này. “Nó biết ta sẽ tới đây. Nó đã trốn trong hệ thống tàu điện ngầm này chỉ *muội lăm phút trước*. Và nó sẽ không thể lên mặt đất do ánh sáng mặt trời... bởi vậy nó vẫn sẽ ở dưới này cho tới khuya.”

Fet nói, “Bên trong hệ thống trung chuyển dài nhất thế giới này. Tám trăm dặm đường ray.”

Giọng Eph khô khốc, đầy tuyệt vọng. “Chúng ta chưa từng có cơ hội.”

Setrakian có vẻ mệt mỏi nhưng chẳng hề nản chí. Thậm chí, đôi mắt già nua của ông còn sáng lên vẻ lạnh lợi. “Chẳng phải đây là cách thức anh tiêu diệt lũ chuột bọ ư, anh Fet? Bằng cách kích động chúng ngay tổ của chúng? Và xua chúng ra ngoài?”

Fet nói, “Chỉ khi ông biết chắc chúng sẽ đi đâu.”

Setrakian tiếp, “Chẳng phải tất cả những sinh vật đào hang, từ chuột cho tới thỏ, đều đào sẵn một thứ dạng như cửa sau sao...?”

“Một nơi để trốn,” Fet nói. Giờ đây anh đã hiểu ra vấn đề. “Một lối thoát hiểm. Thú săn mỗi vào đầu này, thì chúng chạy ra đầu kia.”

Setrakian nói, “Tôi tin chúng ta đã ép được Chúa Tể bỏ trốn.”

Phố Vestry, Tribeca

HỌ KHÔNG CÓ THỜI GIAN để tiêu hủy hoàn toàn cỗ quan tài, vì thế họ quyết định xô đổ nó khỏi bệ thờ làm từ gạch vụn, lật ngược và đổ hết đất xuống sàn. Họ sẽ quay lại sau để hoàn thành nốt công việc.

Phải mất một lúc, cùng kha khá sức lực của Setrakian, để quay trở lại những đường hầm và về tới chỗ đậu xe tải của Fet.

Fet đỗ xe ở một ngã rẽ gần ngôi nhà của Bolivar. Họ chạy qua nửa dãy nhà sáng ánh nắng để tới được cổng trước, chẳng buồn hoài công che giấu đèn Luma và kiếm bạc. Chẳng thấy bất cứ ai bên ngoài dính thụng vào đầu giờ sáng này, và Eph bước qua những thanh ngang của giàn giáo phía trước ngôi nhà. Phía trên cánh cửa đóng ván là một cửa sổ con có ghi địa chỉ. Eph phá vỡ cửa sổ bằng thanh kiếm, đập tung những mảnh vỡ lớn hơn, và rồi vát sạch khung cửa bằng lưỡi kiếm. Anh cầm đèn và trèo vào trong, tiến vào tiền sảnh.

Ánh đèn tím của anh rọi sáng cặp bảo cảm thạch hai bên cánh cửa. Một bức tượng thiên thần có cánh dưới chân cầu thang xoắn nhìn xuống anh với vẻ tang tóc.

Anh nghe thấy, anh cảm thấy: tiếng ong ong do sự hiện diện của Chúa Tế. *Kelly*, anh nghĩ, nổi đầu trào lên trong ngực. Cô hẳn đang ở đây.

Tiếp theo là Setrakian, Fet đỡ phía ngoài, Eph giúp ông xuống phía trong. Vừa đặt chân xuống mặt đất, Setrakian rút ngay kiếm ra. Ông cũng cảm thấy sự hiện diện của Chúa Tế, và thấy nhẹ nhõm. Họ đã không tới quá muộn.

“Nó đang ở đây,” Eph lên tiếng.

Setrakian nói, “Vậy thì nó cũng biết chúng ta đã tới.”

Fet chuyễn hai đèn UVC lớn hơn cho Eph, rồi tự mình trèo qua khung cửa sổ cao, giày anh đập cộp xuống sàn.

“Nhanh nào,” Setrakian nói, dẫn họ di chuyển dưới cầu thang xoắn, tầng dưới đang trong giai đoạn hoàn thiện. Họ đi

ngang qua một nhà bếp dài với những vật dụng vẫn còn đóng hộp, tìm kiếm một phòng kho. Và họ đã thấy, một phòng kho trống rỗng, còn chưa hoàn thiện.

Họ đẩy mở cánh cửa âm của bức tường phía trong, như mô tả trong tấm hình trên tờ tạp chí *People* mà Nora in ra.

Có một cầu thang dẫn xuống dưới. Một tấm bạt nhựa phía sau họ chột kê phần phật, và họ quay phắt lại, nhưng đó chỉ là luồng khí thoát lên từ dãy cầu thang. Gió mang theo mùi của hầm ngầm, của đất và chất thải.

Đây chính là lối dẫn tới những đường ngầm. Eph và Fet bắt đầu điều chỉnh vị trí hai đèn UVC lớn sao cho họ có thể lấp đầy lối đi bằng thứ ánh sáng nóng, giết chóc này, bằng cách đó khóa kín căn hầm. Ngăn chặn đường lên của bất cứ ma cà rồng nào khác, và quan trọng hơn, đảm bảo rằng lối ra duy nhất khỏi căn nhà dẫn thẳng vào ánh sáng mặt trời.

Eph ngoái lại, nhìn thấy Setrakian đang đứng tựa tường, đầu ngón tay ông ghì vào ngực áo vest, vị trí tim. Eph không thích cảnh đó, và khi đang bước tới chỗ ông, thì giọng nói của Fet khiến anh quay ngoắt lại. "*Chết tiệt!*" Một trong hai chiếc đèn tử ngoại bị đổ, va loảng xoảng xuống sàn nhà. Eph kiểm tra để chắc chắn bóng đèn vẫn hoạt động, và rời dụng thẳng chiếc đèn, cẩn thận tránh bức xạ cực tím.

Fet ra hiệu cho anh yên lặng. Anh nghe thấy tiếng động phía sau. Những tiếng bước chân. Mùi trong không khí đã thay đổi - nồng nặc hơn, hôi thối hơn. Lũ ma cà rồng đang tập hợp.

Eph và Fet lùi khỏi phần căn hầm được chiếu sáng xanh, giữ khoảng cách an toàn. Và khi Eph ngoái lại phía ông lão, anh thấy ông đã biến mất.

Setrakian đã quay trở lại tiền sảnh. Tim ông thất lại trong ngực, quá sức chịu đựng bởi căng thẳng và hy vọng. Ông đã chờ đợi quá lâu. Quá lâu rồi...

Đôi bàn tay xương xẩu của ông bắt đầu đau nhức. Ông co duỗi tay, ghì chặt chuôi kiếm bên dưới đầu sợi bạc. Và rồi, ông cảm thấy gì đó, một cơn gió cực nhẹ trước khi xuất hiện một động tĩnh...

Cú vung kiếm vào phút chót đã cứu ông thoát khỏi một cú đánh trực tiếp chí tử. Cú va chạm khiến ông ngã ngửa, cơ thể nhàu nhĩ của ông trượt dài trên sàn đá cẩm thạch, đầu đập vào góc tường. Nhưng ông vẫn nắm chặt thanh kiếm. Ông bật ngay dậy, vung lưỡi kiếm ra xung quanh, chẳng nhìn thấy gì trong khu tiền sảnh lờ mờ tối.

Chúa Tế di chuyển cực nhanh.

Nó đang ở ngay đây. Đâu đó.

Giờ thì người đã là một lão già.

Giọng nói này lạo xạo trong đầu Setrakian như thể một con sóc điện. Setrakian quét rộng thanh kiếm bạc trước mặt. Một bóng đen mờ ảo vọt qua bức tượng thiên thần than khóc chỗ chân cầu thang cẩm thạch.

Chúa Tế cố gắng khiến ông mất tập trung. Đó là cách của nó. Không bao giờ đấu trực tiếp, mặt đối mặt, mà sẽ lừa dối phương. Để gây bất ngờ từ phía sau.

Setrakian lùi về phía bức tường bên cánh cửa trước. Phía sau ông là cửa ra vào với một ô cửa sổ hẹp bằng kính Tiffany đã bị sơn đen. Setrakian lấy kiếm đập vỡ tấm kính quý mạ chì.

Ánh sáng ban ngày xuyên vào tiền sảnh.

Ngay lúc kính vỡ, Eph và Fet cũng đã trở lại và thấy Setrakian đang đứng, giương kiếm, cơ thể ông ngập trong ánh mặt trời.

Ông lão trông thấy một bóng đen mờ ảo đang chạy lên cầu thang. “Nó kia kia!” ông hét lên và đuổi theo. “Nhanh lên!”

Eph và Fet chạy lên cầu thang theo ông lão. Có hai con ma cà rồng khác đón họ trên đỉnh cầu thang. Đó là đội vệ sĩ trước kia của Bolivar, những gã vệ sĩ to cao giờ trở thành những khối thịt khổng lồ với vẻ mặt đói khát, trong những bộ vest bản thủ. Một gã nện Eph, làm anh loạng choạng vấp về phía sau và suýt mất thăng bằng, phải bám vào tường để tránh bị ngã xuống cầu thang cẩm thạch. Anh giương chiếc đèn Luma lên, tên đàn độn to lớn lùi lại, và Eph lia thanh kiếm vào bấp đùi nó. Con ma cà rồng há mồm thở hắt ra và lại lao vào anh. Eph moi ruột nó, lưỡi kiếm cắt gần đứt phần bụng trước khi anh rút nó ra,

con ma cà rồng đổ sụm xuống sàn như thể một quả bóng bay bị chọc vỡ.

Fet duy trì khoảng cách an toàn với con ma cà rồng của anh bằng cây đèn, đồng thời dùng con dao găm lưỡi ngắn đâm và chém bàn tay đang cố gắng túm lấy anh. Anh giương đèn chiếu thẳng vào mặt nó, làm con ma cà rồng loạng choạng, nó cuống cuống nhìn khắp xung quanh, hoa mắt. Fet lách người tiếp cận nó từ phía sau, cắm ngập con dao vào cái gáy dày thịch của nó trước khi đẩy nó ngã lộn xuống cầu thang.

Con ma cà rồng phía Eph đang cố gượng dậy, nhưng Fet lại tiếp tục đánh gục nó bằng một cú đá vào sườn. Đầu tên vệ sĩ gác lên bậc thang cao nhất, và cùng với một tiếng thét căm hận, Eph chém thanh kiếm xuống.

Đầu nó nảy tung tung xuống các bậc cầu thang, tăng tốc cho tới bậc cuối, nảy qua cơ thể của con ma cà rồng còn lại và lăn tới bức tường.

Máu trắng từ cái cổ đã bị cắt đứt của nó chảy ra tẩm thắm đỏ. Những con giun máu thoát ra, Fet thiêu cháy chúng bằng cây đèn của mình.

Tên vệ sĩ ở dưới chân cầu thang chẳng khác gì một bao da đựng xương gãy, nhưng nó vẫn cử động. Cú ngã không thể khiến đầu nó rụng ra, và vì thế chưa giải thoát được cho nó. Nó cố nhúc nhích, mắt vẫn mở, đờ đẫn nhìn lên cầu thang dài.

Eph và Fet tìm thấy Setrakian gần một cánh cửa song sắt thang máy đóng kín, ông đang vung kiếm chém vào một cái bóng mờ tối di chuyển rất nhanh. “Cẩn thận...!” Setrakian gọi với, nhưng trước khi những lời đó kịp buột ra khỏi miệng ông, Chúa Tể đã đánh trúng Fet từ phía sau. Anh ngã mạnh xuống, suýt nữa thì đè vỡ cây đèn của mình. Eph cũng chẳng kịp phản ứng khi nó vọt ngang qua anh - chỉ chậm lại vừa đủ để Eph có thể nhìn ra khuôn mặt Chúa Tể một lần nữa, làn da nổi giun sán và cái miệng đầy vẻ khinh bỉ của nó - và anh bị ném vào bức tường.

Setrakian lao về phía trước, hai tay cầm kiếm chém ngang dọc, dồn cái hình hài vun vút kia vào một căn phòng trần cao,

rộng bằng cả tầng nhà. Cả Eph và Fet đều bật dậy, chạy theo ông. Một dòng máu chảy xuống từ thái dương Fet.

Chúa Tế dừng lại, hiển hiện trước mặt họ, phía sau nó là một lò sưởi lớn bằng đá nằm giữa phòng. Căn nhà chỉ có cửa sổ ở hai đầu - vì thế chẳng có một chút ánh sáng mặt trời nào ở giữa để trợ giúp họ. Áo choàng của Chúa Tế phấp phồng, đôi mắt ghê rợn của nó nhìn xuống họ, nhưng chủ yếu tập trung vào Fet, vốn chả phải người bé nhỏ gì cho cam. Máu chảy nhỏ giọt từ trên mặt anh. Và sau khi phát ra một âm thanh gì đó nửa cười nửa rú, cánh tay dài ngoẵng của Chúa Tế chộp lấy đồng củi và những bó dây điện cùng những mảnh vụn khác trong tầm với, rồi ném về phía ba sát thủ.

Setrakian ép mình vào tường, Eph núp vào góc phòng, còn Fet sử dụng một tấm ván lát tường làm khiên chắn.

Khi cuộc tấn công kết thúc, họ nhìn lên, và Chúa Tế đã lại biến mất.

"*Chúa ơi!*" Fet rít lên. Anh lấy tay chùi máu khỏi mặt, rồi rút tấm ván lát tường sang một bên. Anh ném đánh cạch con dao găm bạc vào lò sưởi lạnh - nó vô dụng đối với con ma khổng lồ này - và cầm lấy chiếc đèn của Eph, vậy là giờ anh đã có hai đèn, còn Eph có thể tự do cầm thanh kiếm dài hơn của mình bằng cả hai tay.

"Hãy theo sát nó," Setrakian nói, len lên trước. "Nhu khói bay lên ống khói vậy, ta cần phải ép nó lên mái nhà."

Khi họ rẽ qua một góc nhà, bốn con ma cà rồng rú rít xông vào họ. Với kiểu tóc tĩa đuôi cùng khuyên xo lỗ, trông chúng giống như những kẻ hâm mộ Bolivar trước kia.

Fet tiến tới cùng hai cây đèn, ép chúng lùi lại. Một con định thoát ra, nhưng đã có Eph đón đầu, giương kiếm trước mắt nó. Trông nó giống như một Vampira mũm mĩm trong chiếc váy bằng vải bông chéo và bít tất lưới rách bươm. Nó mang cái vẻ háu đói của một con ma cà rồng vừa biến đổi, Eph đã bắt đầu nhận ra điều đó. Eph hạ thấp người, chìa mũi kiếm vào nó, con ma cà rồng lách sang phải, rồi lại sang trái, rít lên qua đôi môi trắng bệch.

Eph nghe thấy Setrakian thét lên bằng giọng ra lệnh, “*Strigoi!*” Tiếng ông lão chém giết những con ma cà rồng tiếp thêm sức mạnh cho Eph. Con Vampira ục ịch vừa đánh dứ vừa né tránh một cách dữ dội, và Eph đâm trúng nó, mũi kiếm của anh xuyên qua phần vai trước của chiếc áo vải bông đen của nó, thiêu đốt con ma cà rồng từ bên trong. Mồm nó há ra và lưỡi cuộn lên, Eph vọt mình lùi lại vừa kịp lúc, vòi chích của nó suýt chút nữa phi trúng cổ anh. Nó tiếp tục tấn công, mồm mở rộng. Và, với một tiếng hú giận dữ, Eph đâm kiếm vào mặt nó. Hướng thẳng vào vòi chích của nó, mũi kiếm đâm xuyên qua đầu, cắm vài phân vào bức tường còn chưa hoàn thiện.

Đôi mắt con ma cà rồng tròn tròn. Vòi chích của nó bị cắt và chảy máu trắng, ngập đầy mồm, rõ cả xuống cằm, trong khi đó nó chẳng thể di chuyển. Nó đã bị gắn chặt vào tường. Nó chồm thân lên, cố gắng khắc thứ máu đầy giun của mình vào Eph. Mỗi con vi rút sẽ cố sức xâm nhập hết khả năng của nó.

Setrakian đã giết sạch ba con ma cà rồng kia, khiến mặt sàn gỗ thối vừa được đánh bóng ở cuối sảnh vấy đầy máu trắng. Ông trở lại bên Eph, thét lên, “Lùi lại!”

Eph rời tay kiếm, chuỗi của nó rung rung cắm trên tường. Setrakian chém thanh kiếm vào cổ con ma cà rồng, và cơ thể không đầu của nó đổ sụm xuống sàn do trọng lực.

Cái đầu vẫn bị xiên trên tường, máu trắng chảy ra từ cái cổ đứt lìa của nó, đôi mắt đen thắm tóe lửa nhìn cả hai người... rồi tròn tròn lên và sụp xuống, bất động. Eph nắm lấy tay cầm của thanh kiếm và gạt nó khỏi bức tường phía sau miệng con ma, và cái đầu rơi xuống trên cơ thể của nó.

Chẳng có thời gian để chiếu đèn vào máu trắng nữa. “Lên trên, lên trên!” Setrakian nói, bước dọc theo bức tường dẫn tới một cầu thang khác nữa, đó là một cầu thang xoắn với tay vịn bằng thép được trang trí hoa văn. Tinh thần của ông lão mạnh mẽ, nhưng sức khỏe của ông thì héo úa. Lên tới đầu cầu thang, Eph vượt qua ông. Anh nhìn phải, nhìn trái. Dưới ánh sáng mập mờ, anh thấy mặt sàn gỗ cứng đã hoàn thiện và những bức tường đang làm dở dang. Nhưng không có ma cà rồng.

“Ta sẽ tách ra,” ông lão nói.

“Ông đang đùa ư?” Fet nói, anh đang đỡ, giúp ông leo lên tới đỉnh. “*Không bao giờ tách ra. Đó là nguyên tắc cơ bản nhất.*”

Một trong hai chiếc đèn của anh phát ra tiếng xì xì. Bóng đèn nổ lớp bọc vì quá nóng, và bất thành linh bùng lửa. Fet thả nó xuống, giậm giày dập tắt lửa. Giờ anh chỉ còn một cây đèn.

“Pin còn dùng được bao lâu nữa?” Eph hỏi.

“Không đủ,” ông lão nói. “Nó sẽ khiến chúng ta kiệt sức giống như cái đèn này, buộc chúng ta săn đuổi nó tới tận đêm.”

“Phải bẫy nó,” Fet nói. “Nhu một con chuột trong phòng tắm vậy.”

Ông lão ra hiệu im lặng, ông quay đầu về phía phát ra âm thanh.

Trái tim người thật yếu đuối, kẻ già nua khốn cùng à. Ta có thể nghe thấy nó.

Setrakian đứng im, kiểm sẵn sàng. Ông nhìn khắp các phía, nhưng chẳng hề thấy bất cứ dấu hiệu nào của Chúa Tế Bóng Tối.

Ông gõ mũi kiếm xuống mặt sàn. *Cộc-cộc-cộc.* “Lộ diện đi.”

Người đã tạo ra một món vũ khí.

“Người không nhận ra nó ư?” Setrakian nói lớn, thờ hỗn hển. “Nó là của Sardu. Chàng trai mà người đã chiếm đoạt cơ thể.”

Khi nhận ra ông đang trò chuyện với Chúa Tế, Eph tới gần ông lão hơn. “Cô ấy đâu rồi?” anh thét lên. “Vợ ta đâu rồi?”

Chúa Tế lờ anh đi.

Cả cuộc đời người đã dẫn người tới đây. Người cũng sẽ thua cuộc lần thứ hai thôi.

Setrakian đáp, “Người sẽ phải ném mùi bạc của ta, *strigoi.*”

Ta sẽ chén người, lão già. Cùng những tông đồ ngu xuẩn của người...

Chúa Tế tấn công từ phía sau, một lần nữa ném Setrakian xuống sàn. Eph phản ứng, lia kiếm vào luồng gió mà anh cảm thấy, một vài nhát chém hú họa. Và khi thu kiếm về, anh nhận ra mũi kiếm dính máu trắng.

Anh đã khiến Chúa Tế bị thương. Anh đã chém trúng nó.

Nhưng khi Eph còn đang nghĩ về điều đó, Chúa Tế đã trở lại và đánh mạnh vào ngực bằng bàn tay móng vuốt của nó. Eph bay khỏi sàn, lưng và vai đập mạnh vào tường, cơ bắp đau nhói khi anh ngã sang một bên.

Fet lao vọt lên phía trước với cây đèn của mình, trong khi Setrakian quỳ một gối, chém lưỡi kiếm bạc, đẩy lùi ác ma. Eph lộn người lại nhanh nhất có thể, chuẩn bị tấn công tiếp... nhưng không có gì cả.

Một lần nữa chỉ còn ba người với nhau. Họ có thể cảm thấy điều đó. Chẳng một tiếng động ngoại trừ tiếng leng keng của những bóng đèn thi công treo dọc trần nhà đang đu đưa phía chân cầu thang.

Eph nói, "Tôi đã chém trúng nó."

Setrakian chống kiếm gương đứng dậy, một tay ông bị thương và buông thõng. Ông bước tới cầu thang tiếp theo dẫn lên lầu.

Có vết máu trắng của ma cà rồng trên lớp ván lát cầu thang chưa hoàn thiện.

Đau đớn, nhưng quyết tâm, họ leo những bậc thang dẫn lên nóc nhà. Đó là gác mái của Bolivar, tầng cao nhất của tòa nhà cao hơn trong số hai tòa nhà liền kề. Họ ngó vào phòng ngủ, tìm kiếm vết máu ma cà rồng trên sàn. Chẳng thấy gì, Fet bước quanh chiếc giường bừa bộn tới bên khung cửa sổ phía xa, anh giật những tấm rèm che xuống, để ánh sáng lọt vào, nhưng không có ánh sáng mặt trời trực tiếp. Eph kiểm tra phòng tắm và nhận ra nó còn lớn hơn so với hình dung trước đó, với những gương soi khung vàng bố trí đối diện nhau, phản chiếu vô số hình ảnh của anh. Một đội quân những Ephraim Goodweather cầm kiếm trên tay.

"Lối này," Setrakian thở hổn hển.

Những vết máu trắng còn tươi nổi bật trên mặt một chiếc ghế bọc da đen trong căn phòng chiếu phim rộng lớn. Hai khung cửa vòm được che kín mít dọc bức tường phía Đông cho thấy chút ánh sáng nhẹ len vào bên dưới đường viền của những

tấm rèm dài. Mái của tòa nhà liền kề nằm ngay bên ngoài đó.

Tại đây họ bắt gặp Chúa Tế đang đứng giữa phòng, khuôn mặt đầy giun máu của nó cúi nhìn về phía họ, đôi mắt mã não mở trừng trừng, phía sau nó là thứ ánh sáng ban ngày nguy hiểm. Máu trắng óng ánh nhỏ giọt, từ từ và không đều, dọc cánh tay xuống bàn tay dài ngoằng của nó, qua đầu nhọn của móng vuốt xuống mặt sàn.

Setrakian khập khiễng bước tới, kéo lê thanh kiếm theo sau, cào mặt sàn gỗ. Ông dừng lại và giương lưới kiếm bạc bằng bàn tay lành lặn của mình, đối mặt Chúa Tế - tim ông đập thình thịch, quá nhiều nhịp trên một phút.

"Strigoi," ông lên tiếng.

Chúa Tế nhìn trừng trừng, lúc này trông thật điềm tĩnh, như một ma vương, đôi mắt trông như hai quầng mặt trăng chết chóc khuất sau những đám mây máu. Thứ duy nhất cho thấy rõ sự khó chịu của nó là bọn ký sinh máu ngoe nguẩy bên dưới khuôn mặt chẳng phải của con người.

Đối với Setrakian, giây phút đó đã ngay trong tâm tay... nhưng trái tim ông đang nghẹt lại, khiến ông bất động.

Eph và Fet tập trung lại phía sau ông, và Chúa Tế chẳng còn cách nào khác ngoài chiến đấu để thoát khỏi căn phòng này. Nó nở một nụ cười khinh bỉ, man rợ. Nó đập chiếc bàn thấp, dài vào Eph, làm anh bắn về phía sau, và bằng cánh tay lành lặn của mình, nó đẩy một chiếc ghế bành trượt về phía Setrakian. Hành động đó nhằm tách họ ra, và Chúa Tế lao vọt ra giữa, thẳng về phía Fet.

Fet giơ đèn, nhưng Chúa Tế né mình và cào anh từ bên sườn. Fet ngã xuống gần đầu cầu thang, choáng váng. Chúa Tế định nhào qua anh, nhưng Fet rất nhanh, anh chiếu đèn vào nó - thẳng vào khuôn mặt hung tợn của Chúa Tế Bóng Tối. Tia UVC khiến nó loạng choạng, đẩy nó bước lùi về phía bức tường, lớp vữa thạch cao vỡ lác rắc dưới sức nặng của nó. Khi những móng vuốt của Chúa Tế buông xuống khỏi khuôn mặt, đôi mắt nó mở to hơn bao giờ hết, và có vẻ như mất phương hướng.

Chúa Tế đã bị lừa, nhưng chỉ tạm thời. Tất cả bọn họ đều nhận ra lợi thế của mình lúc này, và Fet tiến thẳng tới nó với cây đèn. Chúa Tế lùi lại, vùng vẫy một cách điên dại. Fet buộc con ác ma cao sừng sừng phải lùi dọc căn phòng, về phía khung cửa che rèm, và Eph lao theo sau, chém vào lớp áo choàng của Chúa Tế Bóng Tối, trúng một phần da thịt nó. Móng vuốt của Chúa Tế vung lên nhưng không trúng ai.

Setrakian nắm lấy chiếc ghế khi này bị đẩy về phía ông, thanh kiếm lách cách trên sàn.

Eph chém đứt những tấm rèm dày trên một khung cửa vòm, làm lộ ra ánh mặt trời chói chang. Những song sắt trang trí chắn ngang khung cửa kính, nhưng chỉ với một đường bổ kiếm, then cửa vỡ vụn, tóe tia lửa.

Fet tiếp tục dồn Chúa Tế về phía sau. Và Eph quay người, trông chờ Setrakian giáng đòn cuối cùng. Và đúng khi đó, anh nhận ra ông giáo sư già đang nằm trên sàn, bên thanh kiếm của mình, ôm chặt ngực.

Eph chết lặng, anh nhìn Chúa Tế đang yếu thế, rồi nhìn Setrakian đang hấp hối trên sàn.

Fet, lúc này đang liên tục chiếu đèn vào con ma cà rồng như một người huấn luyện sư tử với một cái ghế đặt chân, gọi, "Còn chờ gì nữa?"

Eph chạy tới chỗ ông lão. Anh quỳ gối, chống tay, và nhìn thấy vẻ mặt đau đớn, ánh nhìn xa xăm của ông. Những ngón tay ông thò vào trong áo vest, phía trên tim.

Eph đặt kiếm xuống. Anh xé rách áo vest và áo trong của ông, để lộ ra lồng ngực xẹp lép. Anh rờ tay xuống dưới hàm ông để kiểm tra mạch, nhưng chẳng thấy động tĩnh gì.

Fet gọi với lại, "Này, bác sĩ!" Anh vẫn tiếp tục dồn tới, ghim chặt Chúa Tế sát rìa ánh sáng mặt trời.

Eph mát xa ngực ông lão, vị trí trên tim. Anh không thực hiện cấp cứu hồi sức tim phổi ngay lập tức bởi lo ngại xương ông lão yếu, e rằng sẽ đè vỡ chúng. Và rồi anh nhận ra những ngón tay già nua của Setrakian không còn ghì tim nữa, mà đang luồn vào trong áo vest.

Fet hoảng loạn ngoái lại xem thứ quái quỷ gì đang tìm chân họ lại. Và anh thấy Setrakian nằm trên sàn, Eph quỳ gối phía trên ông.

Khoảnh khắc Fet quay nhìn đã là quá đủ. Chúa Tế quặp lấy vai Fet và kéo anh lại.

Eph sờ soạng các túi chiếc áo vest vải tuyết của Setrakian, và anh thấy thứ gì đó. Anh kéo ra một lọ thuốc nhỏ màu bạc và nhanh chóng vặn mở nắp. Một tá những viên tí hon màu trắng rơi xuống sàn.

Fet đúng là một gã đàn ông to lớn, nhưng anh chỉ như một đứa trẻ trong bàn tay của Chúa Tế. Anh vẫn cầm cây đèn trong tay, mặc dù hai cánh tay đang bị kìm chặt. Anh chĩa nó vào Chúa Tế, thiêu cháy một bên sườn nó - và con ác ma mù gằm lên đau đớn, nhưng vẫn không chịu buông tay. Tay còn lại của Chúa Tế nắm chặt đỉnh đầu Fet và vặn ngửa cổ anh bất chấp bị anh kháng cự lại. Và rồi Fet thấy mình đang ngược nhìn khuôn mặt quái dị đó.

Eph nhặt một trong những viên nitroglycerin lên và ôm đầu ông lão trong tay. Anh cố gắng mở hàm ông lão lúc này đang nghiến chặt và thả viên thuốc xuống dưới cái lưỡi lạnh ngắt của ông. Anh rút ngón tay và lắc người Setrakian, la hét gọi ông. Và đôi mắt ông lão mở ra.

Chúa Tế há mồm trên Fet, thò vòi chích ra, đảo nó qua lại phía trên đôi mắt hoang dại và cổ họng trần của Fet. Fet kháng cự dữ dội, nhưng tay nắm kẹp chặt phía sau cổ anh đã chặn cứng đường máu lưu thông tới não, vì thế cả căn phòng tối sầm, cơ bắp anh rũ ra.

Eph hét lên, "Không!" và lao vào Chúa Tế với thanh kiếm của mình, chém một nhát vào tấm lưng rộng của sinh vật kinh tởm này. Fet roi phịch xuống sàn. Đầu Chúa Tế quay ngoắt lại, vòi chích của nó mò mẫm, đôi mắt mờ đục của nó lùng tìm Eph.

"*Thanh kiếm của ta ngại ca ánh bạc!*" Eph la lớn, chém vào phần ngực trên của Chúa Tế. Lưỡi kiếm đã thực sự cắt tiếng, mặc dù Chúa Tế Bóng Tối bay ngược về phía sau và tránh được nó. Eph lại vung kiếm - và lại trượt - Chúa Tế nhào về phía sau,

mất kiểm soát. Giờ thì nó đã nằm trong vùng ánh sáng mặt trời, trước khung cửa kính đôi, ánh sáng ban ngày tràn ngập trên sân mái phía sau nó.

Eph đã lừa được nó. Chúa Tế cũng biết anh đã lừa được nó. Eph vung kiếm bằng hai tay, sẵn sàng đâm xuyên qua cái cổ phình to của Chúa Tế. Con ma cà rồng chúa nhìn trừng trừng xuống Eph đầy căm giận, và nó vươn mình cao hơn nữa, đội chiếc mũ trùm của áo choàng lên đầu.

"Chết đi!" Eph vừa nói vừa sẵn tới.

Chúa Tế xoay mình lao thẳng qua tấm kính cửa, ra ngoài sân mái lộ thiên. Tấm kính vỡ vụn khi con ma cà rồng cuộn trong tấm áo choàng lăn mình trên nền gạch nóng rực, thẳng dưới ánh sáng mặt trời chết chóc.

Nó bất động một lát, khom mình quỳ một gối.

Eph lập tức lao qua khung cửa vỡ, anh dừng lại tại đó, nhìn chằm chằm con ma cà rồng khoác áo choàng, chờ đợi một kết thúc.

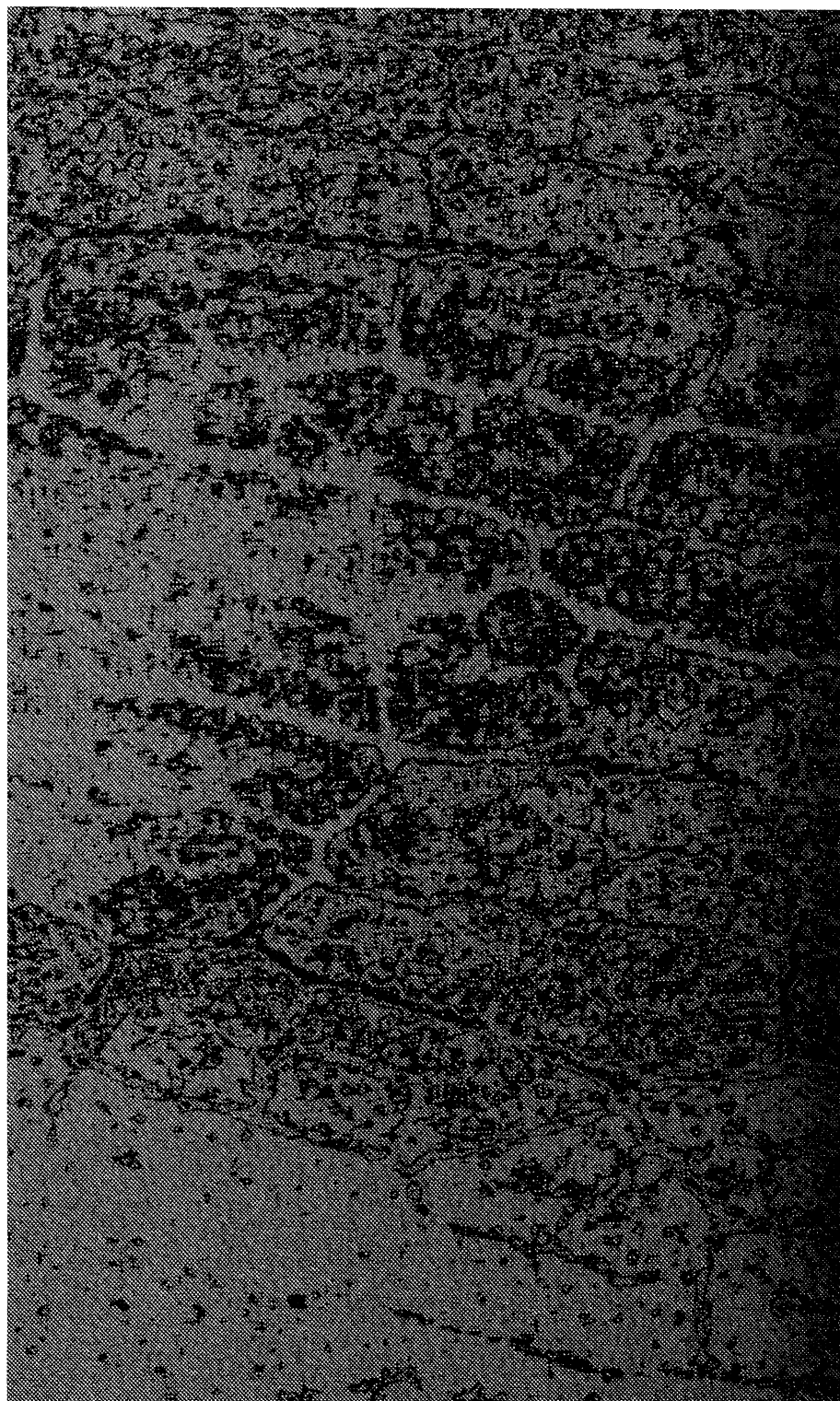
Chúa Tế run rẩy, hơi nước bay lên từ bên trong áo choàng đen của nó. Và rồi con ma cà rồng chúa đứng thẳng dậy, run lên như thể trong cơn sốt nặng, những móng vuốt lớn của nó gập vào, tạo thành nắm đấm của loài ác quỷ.

Cùng với một tiếng gầm, nó quăng chiếc áo choàng của mình đi. Trang phục cổ xưa đó bốc khói, bay xuống nền gạch. Cơ thể trần truồng của Chúa Tế quằn quại, lớp da óng như ngọc trai của nó tối dần khi bị thiêu đốt, chuyển từ màu trắng dịu của huệ tây sang một màu da đen chết chóc.

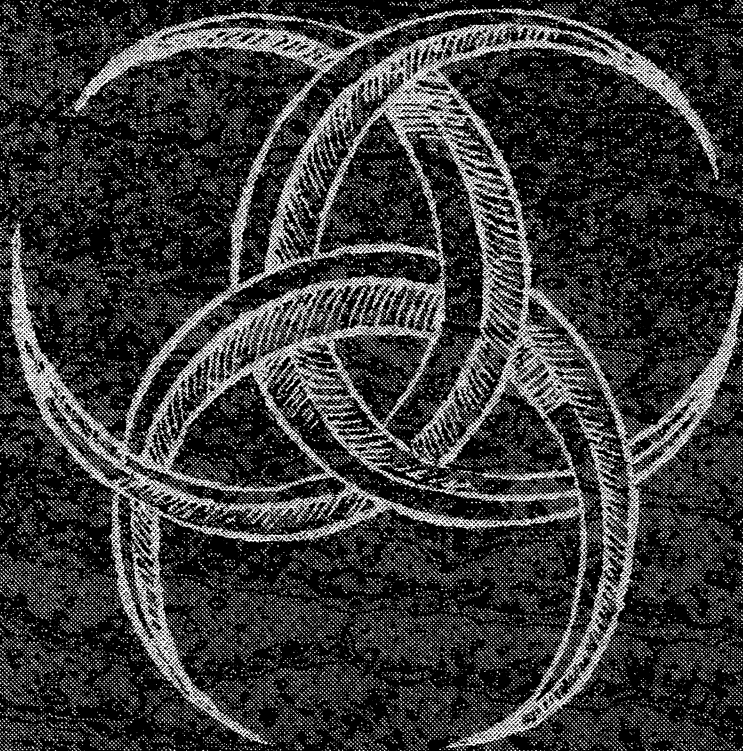
Vết thương dọc lưng từ cú chém của Eph liền lại thành một vết sẹo đen, sâu, như thể bị đốt bởi những tia mặt trời. Nó quay mình, vẫn run rẩy, đối mặt với Eph, Fet đứng ở khung cửa phía sau anh, và Setrakian giờ đã quỳ một gối ngồi dậy. Nó gầy còm đúng kiểu ma cà rồng, vùng háng của nó phẳng mịn và không có cơ quan sinh dục. Những con giun máu đau đớn quặn lại bên trong lớp da thịt đang bị thiêu đen của nó.

Với một nụ cười kinh tởm hơn bao giờ hết - một nụ cười khinh bỉ trong cơn đau tột cùng và cả trong chiến thắng - Chúa

Tế quay mặt về phía mặt trời và buông ra một tiếng tru lớn thách thức. Một lời nguyện rửa địch thực của ác quỷ. Thế rồi, bằng một tốc độ chóng mặt, nó lao nhanh tới mép sân mái, nhảy qua bức tường thấp xuống dưới hông tòa nhà, chỗ giàn giáo ba tầng... và biến mất vào những bóng râm ban sáng của thành phố New York.



PHE CỎ ĐẠI



Thị trấn Nazareth, Pennsylvania

Trong một mỏ amiăng đã thôi khai thác từ rất lâu và không bao giờ được đánh dấu trên bản đồ, một thế giới âm ty sâu hàng trăm mét dưới một cánh rừng ở Pennsylvania, ba Chúa Tể Cổ Đại của Tân Thế giới đang họp trong một căn phòng tối đen như mực.

Cơ thể của chúng, qua thời gian, đã trở nên nhẵn nhụi như hòn đá bị nước bào mòn bên dòng sông, chuyển động của chúng chậm đến nỗi gần như không thể cảm nhận được. Chúng không cần sử dụng tới những cơ quan hữu hình bên ngoài cơ thể. Hệ thống cơ thể của chúng đã đạt tới độ hiệu quả tối đa, và chúng có thể vận hành những bộ hàm ma cà rồng của mình một cách tuyệt hảo. Khả năng nhìn trong bóng đêm của chúng là phi thường.

Trong các buồng giam được xây dựng sâu trong những đường hầm ở phía Tây lãnh địa của mình, những Chúa Tể Cổ Đại đã bắt đầu tích trữ thức ăn cho mùa đông dài. Tiếng kêu thét của một tù nhân con người nào đó thi thoảng lại xé toang sự yên tĩnh của khu mỏ, âm vang như tiếng kêu của loài thú.

Đó là kẻ thứ bảy.

Mặc dù có hình dáng của con người, nhưng chúng không sử dụng ngôn ngữ âm thanh như động vật. Chuyển động của chúng, nếu không tính ánh nhìn từ những đôi mắt no máu đỏ ngầu, cực kỳ chậm chạp.

Sự xâm nhập này là thế nào đây?

Đó là sự vi phạm thỏa thuận.

Hắn nghĩ chúng ta già yếu.

Có ai đó nữa là đồng lõa trong vụ vi phạm này. Ai đó đã hỗ trợ hắn vượt đại dương.

Một trong số những kẻ khác ư?

Một trong số những Chúa Tể Cổ Đại của Tân Thế giới đã liên kết tâm trí qua bờ kia đại dương, tới Cựu Thế giới.

Tôi không cảm thấy thế.

Vậy thì kẻ thứ bảy đã liên kết với một con người.

Với con người này, chống lại những con người khác.

Và chống lại chúng ta.

Chẳng phải đã quá rõ ràng rằng một mình hắn chịu trách nhiệm trong vụ thảm sát ở Bulgari sao?

Đúng vậy. Hắn đã chứng tỏ mong muốn tiêu diệt giống loài của chính mình nếu bắt gặp.

Chiến tranh thế giới đã khiến hắn sa đọa.

Hắn đã sống quá lâu trong cống rãnh. Say sưa yến tiệc trong các trại tập trung.

Và giờ thì hắn phá vỡ hòa ước. Hắn đã đặt chân lên đất của chúng ta. Hắn muốn cả thế giới này cho riêng mình hắn.

Thứ mà hắn muốn là một cuộc chiến nữa.

Vuốt của kẻ cao nhất trong đám co giạt - một phản ứng thể chất kỳ dị của một sinh vật đang đắm chìm trong suy tư, trong tĩnh lặng tuyệt đối. Cơ thể của chúng là những cái vỏ đơn giản và hoàn toàn có thể được thay thế. Có thể chúng đã trở nên hài lòng. Quá thỏa mãn.

Vậy thì chúng ta sẽ cho hắn biết phải quấy. Chúng ta không thể ẩn mình lâu hơn nữa.

Kẻ sẵn đầu người bước vào căn hầm của các Chúa Tể Cổ Đại và chờ được gọi tới.

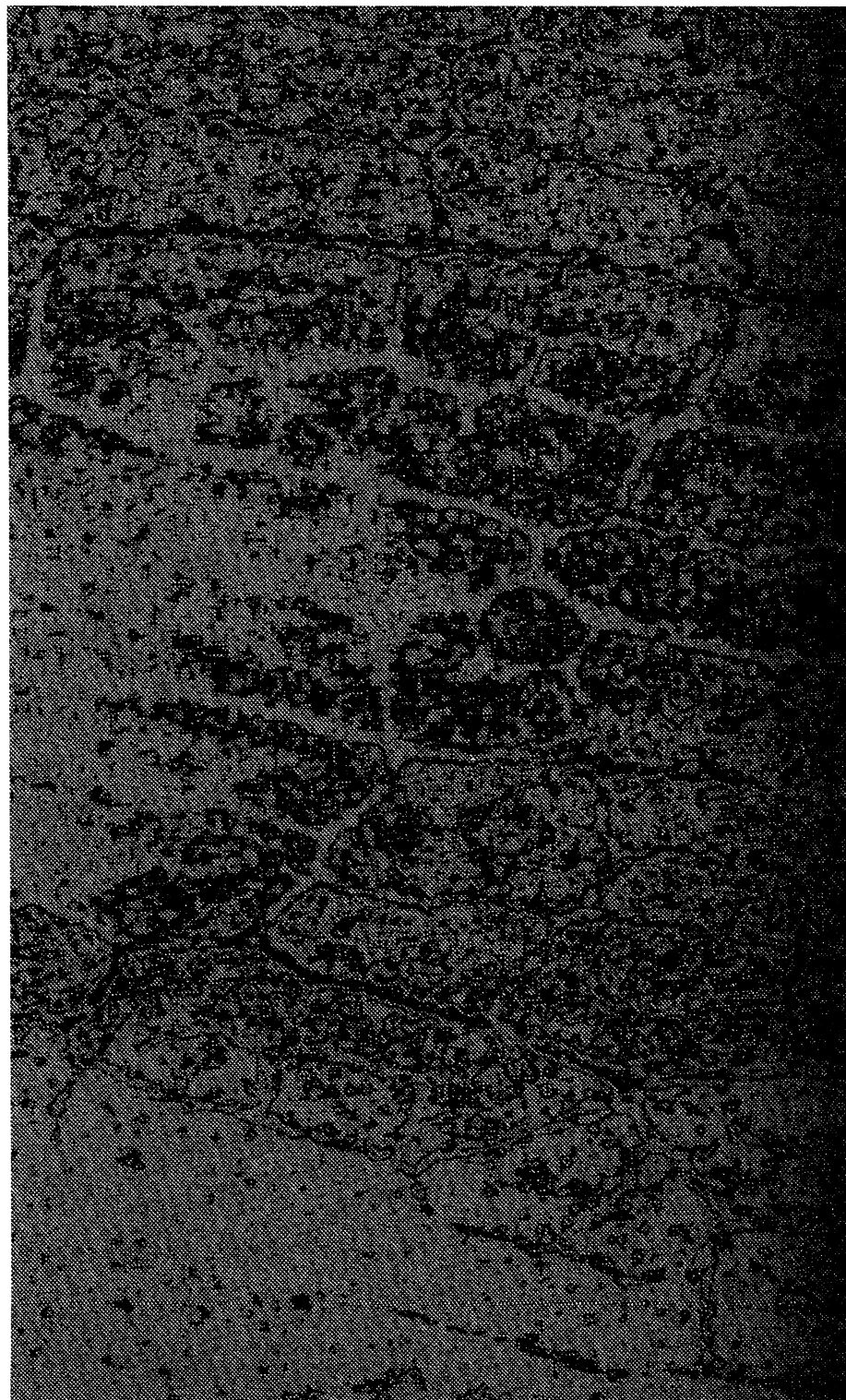
Người đã tìm thấy hắn.

Vâng. Hắn cố gắng trở về nhà, giống như tất cả những kẻ khác.

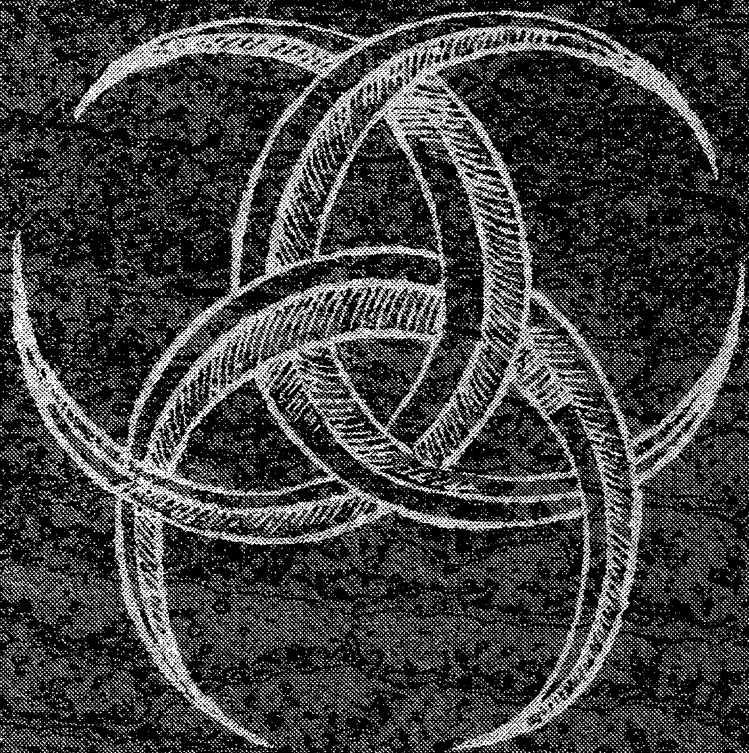
Hắn có đáp ứng không?

Hắn sẽ là thợ săn mặt trời của chúng ta. Hắn không có lựa chọn nào khác.

Trong một phòng giam có khóa tại một đường hầm phía Tây, trên mặt đất lạnh, Gus Elizalde nằm bất tỉnh, mơ về người mẹ của mình - không hay biết hiểm nguy đang chờ đợi.



PHÂN KẾT



Phố Kelton, Woodside, Queens

Họ tập trung lại tại nhà của Kelly, Nora đưa Zack trở về nhà sau khi Eph và Fet dọn dẹp rồi đốt sạch phần xác còn lại của Matt dưới những tán cây và bụi rậm ngoài vườn.

Setrakian nằm trên chiếc giường gập trong phòng kính. Ông từ chối vào bệnh viện, và Eph cũng đồng ý rằng việc đó dù sao cũng bất khả. Cánh tay ông lão sưng vù, nhưng không bị gãy. Nhịp tim của ông thấp, nhưng đều đặn và đang tiến triển tốt. Eph muốn Setrakian ngủ được một giấc mà không cần sự trợ giúp của thuốc giảm đau. Bởi vậy, trước khi vào kiểm tra tình hình ông lão sau hoàng hôn, Eph mở tủ rượu của Kelly trong phòng bếp. Anh cầm lên một chai scotch, thứ từng rất quyến rũ anh trước đây, rồi lại bỏ xuống, và rót cho ông một chút rượu brandy nhẹ hơn.

Setrakian nói không phải do ông cảm thấy đau. “Sự thất bại làm tôi không ngủ được.”

Việc gọi nhớ thất bại lại làm Eph liên tưởng tới chuyện anh vẫn chưa tìm được Kelly. Anh phần nào cũng muốn tin chính nhờ thế mà anh còn có lý do để hy vọng.

“Ông đã không thất bại,” Eph nói. “Mặt trời đã thất bại.”

Setrakian nói, “Nó mạnh hơn tôi nghĩ. Tôi cũng đã nghi chuyện đó, có thể... nó khiếp sợ, chắc chắn... nhưng tôi không hề biết. Nó không thuộc về trái đất này.”

Eph đồng tình. “Nó là một con ma cà rồng.”

“Không... không thuộc về trái đất này.”

Eph lo ông lão đang chịu ảnh hưởng do bị đánh vào đầu. “Chúng ta đã làm nó bị thương, đó mới là điều quan trọng. Chúng ta đã ghi điểm trước nó. Và giờ thì nó đang chạy trốn.”

Ông già không cảm thấy được an ủi. “Nó vẫn đang ở ngoài kia. Mọi chuyện vẫn diễn biến xấu.” Đón ly rượu từ tay Eph, ông uống và đặt xuống. “Những con ma cà rồng này giờ... chúng chỉ đang ở giai đoạn đầu. Chúng ta sẽ chứng kiến một giai đoạn phát triển mới của chúng. Mất khoảng bảy đêm để chúng hoàn toàn biến đổi. Đó là thời gian cần để hệ cơ quan ký sinh của chúng trưởng thành. Khi chuyện đó xảy ra, khi cơ thể của chúng không còn được cấu tạo bởi những cơ quan thiết yếu - tim, phổi - mà là một chuỗi các khoang trong cơ thể, chúng sẽ khó bị thương tổn hơn bởi những vũ khí thông thường. Và chúng sẽ tiếp tục trưởng thành theo thời gian - học hỏi, thông minh hơn, quen hơn với môi trường của chúng. Chúng sẽ tập hợp lại với nhau và phối hợp tấn công, và các cá thể sẽ trở nên nguy hiểm và lanh hơn rất nhiều. Khi đó sẽ khó mà tìm kiếm và đánh thắng chúng. Kết quả cuối cùng là không thể ngăn chặn chúng được nữa.” Ông già uống nốt chỗ rượu brandy và nhìn Eph. “Tôi tin sự kiện chúng ta chứng kiến trên nóc nhà sáng nay đánh dấu sự diệt vong của giống loài chúng ta.”

Eph cảm nhận được sức nặng của tương lai loài người đang đè lên vai họ. “Còn những điều gì mà ông chưa nói với tôi?”

Ánh mắt Setrakian xa xăm khi ông nhìn vào khoảng không vô định. “Có quá nhiều điều để nói hết lúc này.”

Một lát sau, ông lão bắt đầu thiu thiu ngủ. Eph nhìn những ngón tay cong queo của ông bấu chặt lấy mép tấm chăn trên ngực. Ông đang gặp những giấc mơ biến động.

“Bố!”

Eph bước ra phòng chính và thấy Zack đang ngồi trên ghế trước bàn máy tính. Eph quàng tay ôm nó từ phía sau, hôn lên đỉnh đầu và hít thở mùi tóc nó. “Bố yêu con, Z,” anh thì thầm.

“Con cũng yêu bố,” Zack đáp, và Eph xoa đầu nó rồi thả nó ra.

“Chúng ta tới đâu rồi?”

“Gần như đã xong.” Thằng bé quay lại với chiếc máy tính. “Con phải tạo một địa chỉ email giả. Bố chọn mặt khẩu nhé.”

Zack đang giúp Eph đăng đoạn video quay Ansel Barbour trong chuồng chó - thứ mà Eph chưa cho Zack xem - lên càng nhiều trang web chia sẻ và phát video trực tuyến càng tốt. Eph muốn đoạn phim quay ma cà rồng thực thụ được đưa lên Internet để cả thế giới nhìn thấy. Anh cho đó là cách duy nhất để tiếp cận mọi người và làm cho họ hiểu ra vấn đề. Anh không lo việc sẽ khơi dậy náo loạn và hoảng sợ: bạo động đã và đang diễn ra ở các khu nghèo hơn, dù sự lan rộng của nó chỉ còn là vấn đề thời gian. Chọn cách tiếp tục im lặng trước mối họa diệt vong quả thực là một điều ngu xuẩn.

Đã tới lúc toàn dân phải tham gia cuộc chiến chống lại tai họa này - hoặc sẽ không bao giờ nữa.

Zack nói, “Giờ thì con chọn tệp tin đó, như thế này này, và chuyển nó thành một tệp đính kèm...”

Có tiếng gọi của Fet từ phòng bếp, anh đang vừa xem tivi vừa ăn món xa lát gà mua ngoài cửa hàng trong một cái lon nhựa. “Xem này.”

Eph bước vào. Cảnh quay từ trực thăng cho thấy một chuỗi những tòa nhà đang bốc cháy, khói đen dày đặc bao trùm bầu trời phía trên Manhattan.

“Tình hình đang tệ đi,” anh nói.

Trong khi đang xem, anh chợt thấy những trang giấy bài tập của Zack trên tủ lạnh bỗng phấp phới chực bay lên. Một mảnh giấy ăn bị thổi phất phơ trên mặt bàn và rơi xuống chân Fet.

Eph quay sang Zack, lúc này đã ngừng gõ máy tính. “Sao có gió lùa ở đâu thế này?”

Zack nói, “Cửa trượt đằng sau chắc đang mở.”

Eph nhìn quanh tìm Nora. Có tiếng xả nước trong nhà vệ sinh, và cô bước ra khỏi nhà tắm. “Chuyện gì thế?” cô hỏi khi thấy mọi người đang nhìn mình.

Eph nhìn sang hướng còn lại của ngôi nhà, góc dẫn ra cánh cửa trượt bằng kính và sân sau.

Một phụ nữ đang đứng ở góc nhà. Cô đứng đó, cánh tay buông thõng xuống hai bên.

Eph trở mắt nhìn, chết lặng.

Kelly.

“Mẹ!”

Zack bắt đầu chạy về phía mẹ nó, và Eph vươn tay ra giữ nó lại. Hảnm nắm tay của Eph đã làm Zack đau, nên nó mới vùng ra và ngớ ngàng nhìn Eph.

Nora chạy nhanh tới và ôm lấy Zack từ phía sau.

Kelly vẫn chỉ đứng đó. Cô nhìn họ. Không cảm xúc, không chớp mắt. Nhìn cô như người mất hồn, như bị điếc bởi ảnh hưởng từ một vụ nổ.

Eph hiểu ngay lập tức. Tim anh quặn đau.

Kelly Goodweather đã bị biến đổi. Một sinh vật chết trở về với ngôi nhà của nó.

Cô hướng ánh nhìn chăm chăm của mình sang Zack. Đứa con thân yêu của cô. Cô trở về là vì nó.

“Mẹ phải không?” Zack hỏi khi nhận thấy có gì đó bất thường ở người phụ nữ kia.

Eph cảm thấy một chuyển động nhanh từ sau lưng. Fet chạy ra phòng chính với thanh kiếm của Eph trong tay. Anh khua kiếm, cho Kelly thấy lưỡi bạc của nó.

Mặt Kelly đanh lại. Nét mặt chuyển sang độc ác và cô nhe răng ra.

Trái tim Eph tan nát.

Giờ cô là một con quỷ. Một con ma cà rồng.

Một trong số chúng.

Đối với anh, cô đã vĩnh viễn ra đi.

Cùng với một tiếng rên tắc nghẹn, Zack giật mình lùi lại khi thấy mẹ mình hóa thành quỷ dữ... và nó bất tỉnh.

Fet bắt đầu xông tới chỗ cô với thanh kiếm trong tay, nhưng Eph kịp giữ lấy cánh tay Fet trước khi anh có thể tiếp cận mục tiêu. Kelly lùi lại khi thấy lưỡi kiếm bạc, giống như một

con mèo xù lông cảnh giác. Cô rít lên với họ. Rồi một lần nữa, cô ném ánh nhìn độc ác vào đứa con đang bất tỉnh, mục đích của cô... trước khi quay đi và thoát ra khỏi cửa sau.

Eph và Fet chạy nhanh tới góc nhà chỉ kịp để thấy Kelly nhảy qua hàng rào lưới thép ngăn cách sân sau của họ với hàng xóm, rồi cô biến vào bóng đêm.

Fet đóng cửa và khóa lại. Anh kéo rèm che cửa kính, rồi đi tới chỗ Eph.

Eph không nói gì mà đi thẳng tới chỗ Nora, lúc này đang quỳ bên Zack nằm trên sàn nhà, ánh mắt cô tuyệt vọng.

Giờ thì anh nhận ra bệnh dịch này quỷ quyết đến thế nào. Nó để thành viên gia đình chống lại thành viên gia đình. Để cái chết chống lại sự sống.

Chúa Tể đã cử cô tới. Nó đã khiến cô chống lại Eph và Jack. Để tra tấn họ. Để trả thù.

Nếu mức độ sẵn sàng hy sinh cho đứa con thân yêu lúc còn sống cũng tương đương với khát khao đoàn tụ ở thế giới bên kia... thì Eph tin Kelly sẽ không bao giờ chịu đầu hàng. Cô sẽ tiếp tục săn đuổi đứa con của mình mãi mãi, trừ phi có ai chấm dứt chuyện đó.

Cuộc chiến tranh giành Zack vẫn chưa kết thúc.

Eph nhìn vào khuôn mặt của từng người... rồi nhìn những đám cháy trên màn hình ti vi... và quay sang chiếc máy tính. Anh nhấn nút Enter, hoàn thành nốt công việc của Zack. Anh đã gửi ra thế giới video chứng minh thảm họa ma cà rồng này... rồi anh đi vào bếp, tới chỗ Kelly để chai scotch. Lần đầu tiên sau một thời gian dài, anh rót cho mình một ly.

DI CHỨNG

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRẦN QUANG QUÝ

Chịu trách nhiệm bản thảo

TRẦN QUANG QUÝ

Biên tập	Tạ Viết Đăng
Biên tập viên Nhà Nam	Trung Tín
Thiết kế bìa	Bảo Anh
Trình bày	Thành Khánh
Sửa bản in	Vũ Minh

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

65 Nguyễn Du - Hà Nội | Tel & Fax: 04.38222135

Email: nxbhoinhavan@yahoo.com.vn

<http://nxbhoinhavan.com>

Chi nhánh miền Nam

371/16 Hai Bà Trưng - Q3 - TP. HCM

Tel & Fax: 08.38297915

Email: nxbhvn.saigon@gmail.com

Chi nhánh miền Trung và Tây Nguyên

42 - Trần Phú - thành phố Đà Nẵng | Tel: 0511.3849516

Email: nxbhvn.mientrungtaynguyen@gmail.com

Chi nhánh miền Tây Nam Bộ

314C - Hoàng Lam - thành phố Bến tre

Tel: 075.3812736 - 0169.9808386

Email: nxbhvnmekong@gmail.com

Chi nhánh NXB Hội nhà văn khu Đông Bắc

114 Phố Hải Phúc - phường Hồng Hải - TP Hạ Long - Quảng Ninh

Tel: 090.3409142 - 091.4660592

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÀ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 35146875 | Fax: 04 35146965

Website: www.nhanam.vn

Email: nhanambook@vnn.vn

<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,

Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 38479853 | Fax: 08 38443034

Email: hcm@nhanam.vn

In 2.500 cuốn, khổ 15x24cm tại Công ty CP In Viễn Đông (km 19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên). Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 2332-2016/CXBIPH/36-72/HNV và quyết định xuất bản số 2018/QĐ-NXBHNV của Nhà xuất bản Hội Nhà Văn ngày 19.12.2016. Mã ISBN 978-604-53-6737-7. In xong và nộp lưu chiểu năm 2017.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhà Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.

